

SỐ 1718

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Thiền Thai Trí Giả Đại sư thuyết

QUYỂN 1

(Phần Thượng)

Phẩm Thứ 1: TỰA

(Đức Phật xuất thế là khó, truyền dịch kinh này lại càng khó hơn, tự mình khai ngộ rất khó, được nghe thầy giảng giải lại càng khó hơn, biên chép cũng rất khó...)

Theo giải thích đề kinh đã nói như trên. Tựa là lời chỉ dạy có thứ lớp rõ ràng, cũng như chủ và khách đối đáp, hẳn có ngôi thứ trình tự. Theo các nhà chú giải kinh thì phần Tự có ba nghĩa: Thứ tự, Do tự, và Thuật tự. Như năm việc thành tựu ở đầu mỗi kinh gọi là Thứ tự. Phật phóng hào quang, sáu điềm lành hiện là Do tự (lý do). Hỏi đáp, giải thích nội nghi để dẫn vào chánh thuyết là Thuật tự. Đây đủ ba nghĩa này nên gọi là Tự (bài tựa).

Phẩm: Trung A-hàm gọi là Bạt-cừ, Trung Hoa dịch là phẩm, vì nghĩa loại đồng, tụ hợp thành một đoạn cho nên gọi là “phẩm”, hoặc đức Phật tự xưng phẩm như Phạm Võng, hoặc kết tập dựng lập như Đại luận, hoặc người dịch thêm đầy đủ như ngài La-thập. Nay phẩm Dược Vương Bốn Sự là đức Phật tự xưng, Diệu Âm Quán Âm là thuộc về các kinh gia mà người dịch chưa nghe. Phẩm này ban đầu cho nên nói “đệ nhất”. Đức Phật phó duyên hành đạo bằng hai cách nói pháp:

Tán hoa và quán hoa. Người kết tập: nương theo thuyết mà truyền lại. Các luận giả thì nương kinh mà giải rõ, đều không có tiết mục. Các bậc giảng sư trước đây chỉ mở bày rộng nghĩa lý mà không phân chia chương đoạn. Nếu hoàn toàn dụng ý như đây, thì e rằng người đời sau không hiểu hết nghĩa kinh. Lại, như Phật thuyết hai cách quán hoa, tán hoa, việc kết tập tùy theo nghĩa mà lập phẩm. Kinh Tăng Nhất nói Khế Kinh một phần, Luật một phần, A-tỳ-đàm một phần. Khế Kinh lại chia làm bốn: Tăng nhất, Trường, Trung, Tập.

Tăng Nhất A-hàm nói nhân quả của Trời, người, Trường A-hàm phá tà kiến, Trung A-hàm nêu nghĩa sâu, Tập A-hàm nói rõ thiền định, Luật chia làm Ngũ bộ và Bát thập tụng, A-tỳ-đàm mở ra Lục túc và Bát-kiến-độ... A-hàm nói thí giới tuệ... lục độ đều đầy đủ, nghĩa là căn tánh đạo định... tám thứ nhóm tụ. Ngài Thiên Thần tạo luận lấy thất công đức phân làm phẩm Tựa, lấy ngũ thí hiện phần làm phẩm Phương Tiện, các phẩm còn lại đều có xứ phần. Xưa thì ông Bằng ở Hà Tây và ông Dao ở Giang Đông lấy ý này mà chia làm làm tiết mục kinh văn, sau này đặc biệt rườm rà. Có ngài Quang Trạch chuyển soạn tinh tế, như nhiều lớp mây mù che lấp bầu trời nhờ có ba thứ ánh sáng chiếu soi rõ ràng. Hỏi bến bờ vì sao không quý? Ngài Đàm Loan nói trình độ tinh tế như vi trần mây khói lẫn lộn bay đi, hoặc là quá, hoặc là không kịp. Long Sư ở Lư sơn phân chia làm ba phần: Tựa, Chánh tông, Lưu thông. Hai mươi bảy phẩm tóm tắt chỉ có hai thứ: từ phẩm Tựa đến phẩm Pháp Sư là nói phương tiện, nói chân lý, lý một mà nói ba, từ phẩm Bảo Tháp trở xuống là thân phương tiện, thân chân thật, là thật xa xướng gần. Lại từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh là nhân môn, từ Tùng Địa Dũng Xuất sắp xuống là quả môn. Theo ngài Long Thọ phân chia văn Kinh đồng. Theo ngài Huyền Sướng thì, từ phẩm Tựa đến phẩm Đa Bảo là phần Nhân, từ phẩm Khuyến Trì đến phẩm Thần Lực là phần Quả, từ phẩm Chúc Lụy đến hết kinh là phần hộ trì. Lại có sư nói rằng: Từ phẩm Tựa đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là thể của Pháp Hoa, từ phẩm Pháp Sư đến phẩm Chúc Lụy là nêu rõ công đức thọ trì, từ phẩm Dược Vương đến hết kinh là nêu bốn nguyện tốt đẹp của các Bồ-tát. Có sư phân làm bốn đoạn: Đầu là đoạn Tựa, từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh là đoạn Khai tam hiển nhất, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết phẩm Phân Biệt Công tức là đoạn Khai cận hiển viễn, các phẩm còn lại là thuộc đoạn lưu thông. Ngài Quang Trạch theo ấn thọ kinh, ba đoạn đầu thứ lớp mỗi mỗi chia làm hai: là Thông tựa và Biệt tựa. Chánh thuyết là nhân môn quả môn. Lưu

thông nghĩa là tự hành hóa tha. Hai Tựa mỗi mỗi có năm. Hai Chánh thuyết mỗi mỗi có bốn. Hai Lưu thông mỗi mỗi có ba, hợp cộng thành hai mươi bốn đoạn...

Xét rằng phần chia tiết của kinh văn đều do lòng người, hoa lan hoa cúc đều có vẻ đẹp riêng, người đời sau không nên vịn theo mà tranh luận thị phi, không được Tam ích, mất đi Nhất đạo. Tam ích: là Thế giới... ba thứ tất-đàn. Nhất đạo: Là Đệ nhất nghĩa tất-đàn. Ngài Thiên Thai Trí giả phân chia văn làm ba: Phẩm đầu là Tựa, từ phẩm Phương Tiện đến hết mười chín kệ của phẩm Phân Biệt Công Đức tổng cộng mười bảy phẩm rưỡi, gọi là Chánh thuyết. Tiếp theo kệ đến hết kinh gồm mười một phẩm rưỡi, gọi là Lưu thông. Lại có khi phân chia làm hai: Từ phẩm Tựa đến phẩm An Lạc Hạnh thứ mười bốn là dựa theo Tích môn khai quyền hiển thật, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết kinh gồm mười bốn phẩm là dựa theo Bản môn khai quyền hiển thật. Bản môn và Tích môn, mỗi môn đều có ba phần: Tựa, Chánh thuyết và Lưu thông. Phẩm đầu là Tựa, từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là Chánh, từ phẩm Pháp Sư đến phẩm An Lạc Hạnh là Lưu thông. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến câu: “Đức Di Lạc đã hỏi việc kia được Phật đáp”, nửa phẩm ấy về trước gọi là Tựa, từ câu: “Phật bảo A-dật-đa” đến hết bài kệ phẩm Phân Biệt Công Đức gọi là Chánh thuyết, từ đó đến hết kinh là Lưu thông. Nay ghi chép theo ba đoạn trước để hiểu văn. Kinh được chia.

Hỏi: Một kinh tại sao có hai tựa bài?

Đáp: Hoa Nghiêm mỗi mỗi nơi đều nhóm hợp chúng, A-hàm mỗi một thiên đều như vậy. Kinh Đại Phẩm thì trước kinh sau kinh đều có phụ chúc, đều không trái vậy. Một bộ Kinh, hai bài tựa đâu có gì ngăn ngại? Nay không an lập theo năm nghĩa, vì Bản môn không phải kế tiếp phần đầu. Tích môn chỉ riêng lưu thông vì thuyết pháp chưa xong. Ý có hay Không sao nói như vậy? Nay văn biên chép phân làm bốn:

1. Liệt số.
2. Lý do.
3. Dẫn chứng.
4. Thị tướng.

1. Liệt số gồm:

- a. Nhân duyên.
- b. Ước giáo.
- c. Bản tích.
- d. Quán tâm.

Từ Kinh “Như thị” đến cuối là “nhi khứ” đều dùng bốn ý hiểu văn, nhưng nay lược đổi hoặc ba, hai, một, thông suốt được ý thì không phiên đến bút mực văn chương rườm rà.

2. *Lý do:* Hỏi: Nếu lược thì một, nếu rộng chẳng phải bốn, tại sao như thế? Đáp: Rộng thì khiến kẻ trí thoái lui, lược bớt thì ý không đều đủ. Nay tôi ở khoảng giữa mà nói, khiến dễ hiểu nghĩa. Nhân duyên cũng gọi là cảm ứng. Những chúng sinh không căn cơ thì tuy ở gần mà không thấy, người có thiện căn thì tuy ở xa cũng có thể thông suốt, cảm ứng được đạo. Cho nên, dùng nhân duyên giải thích. Xét rằng hạng chúng sinh cầu giải thoát, căn cơ này nhiều, thì Thánh nhân khởi ứng, lẽ ra cũng nhiều, nghĩa này lại rộng, như nói ở giữa là như thế nào? Song Đại kinh nói: Từ thiện căn lực có vô lượng môn, lược thì thần thông như cơ cảm khắp mười phương, rộng lớn như hư không. Nay luận về quốc độ Sa-bà, dùng âm thanh làm Phật sự thì cửa cam lộ mở ra. Y theo giáo mà giải thích, tức ở khoảng giữa mà nói rõ. Nếu ứng cơ thiết lập giáo, thì giáo có quyền thật cạn sâu không đồng, cần dựa vào ngón tay chỉ mà tìm mặt trăng, tức là quên Tích mà tìm Bản. Ngài Triệu Châu nói: “Không phải Bản thì không lấy gì để nêu Tích, không phải Tích thì không thể hiển bày Bản, cho nên dùng Bản, Tích để giải thích. Nếu tìm Tích thì Tích rộng lớn, uống tự mệt nhọc, nếu tìm Bản thì Bản cao ngất, cao không cùng tận. Như kẻ ngày đêm đếm báu của người khác, tự mình chẳng có được nửa phần tiền. Chỉ có quán tâm mình cao rộng nắm được lẽ cảm ứng vô cùng của Thánh, thì mới có cơ hội đến được chỗ cảm nhận lợi ích cho mình. Thế nên, dùng Quán tâm để giải thích.

3. *Dẫn chứng:* Phẩm Phương Tiện nói “Chư Phật khắp mười phương vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”. Như thế Trời, Người, Tiểu thừa, chẳng phải Nhất chẳng phải Đại. Lại chẳng phải Phật sự nào mà không thành cơ cảm. Thật tướng gọi là Nhất, rộng lớn gọi là Đại, Phật chỉ đây là Sự. Xuất hiện ở đời, đó gọi là “một đại sự nhân duyên”. Lại nói dùng đủ loại pháp môn để tuyên thị Phật đạo, phải biết đủ loại thanh giáo hoặc vi tế, hoặc thô trực, hoặc quyền hoặc thật, đều vì Phật đạo mà làm các thứ phương tiện, ví như cái nơm là phương tiện để bắt cá. Đại kinh nói: “Lời nói thô và lời êm dịu đều quy về Đệ nhất nghĩa” là nói đây vậy. Phẩm Thọ Lượng nói: Nay Thiên nhân A-tu-la đều cho rằng ta tuổi nhỏ xuất gia ra khỏi cung dòng họ Thích đi đến thành Già-Da không bao lâu thì chứng đắc Tam-bồ-đề, nhưng thật rata thành Phật đã trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dùng phương tiện đây để dẫn dắt làm lợi lạc chúng sinh. Phẩm Phương Tiện lại nói:

Ta xưa lập thế nguyện mong muốn cho tất cả chúng sinh cũng đồng chứng đắc đạo này giống như ta không khác. Lại nữa, phẩm Ngũ Bách Thọ Ký nói: Bên trong ẩn chứa hạnh Bồ-tát ngoài thị hiện Thanh văn, thật sự tự mình đã thanh tịnh cõi Phật mà thị hiện chúng sinh có ba độc, lại hiện tướng tà kiến. Các đệ tử ta cũng như vậy, phương tiện độ chúng sinh, đây tức là thầy trò đều dùng pháp môn lấy tuệ làm Bản, thì giới và định làm Tích. Lại Giới Định Tuệ mỗi thứ chia làm ba phần: Tác tiền phương tiện bạch tứ yết-ma xong là ba phần của Giới, hai mươi lăm phương tiện chính quán trải qua duyên, lại khéo xuất nhập trú trong ngàn Tam-muội... là ba phần của Định. Nhân duyên sở sinh pháp tức Không tức Giả tức Trung là ba phần của Tuệ. Vì căn cứ ba phần để chỉ bày bốn thứ tướng, nên dùng nghĩa đây. Từ “Như thị” cho đến “tác lễ nhi thoại” trở lại đều tạo bốn ý tiêu văn, nhưng căn cứ nghĩa đây so sánh mà biết thì dễ, mà phân biệt hiển bày lời kia thì khó, hành giả khéo tư duy, lời khác ý đồng như ngàn xe cùng dấu bánh xe, muôn dòng cùng tụ hội.

Tựa có Thông tựa, Biệt tựa. Từ “Như thị” cho đến “khước tọa nhất diện” là Thông tựa, từ “Nhĩ thời Thế tôn” cho đến hết phẩm là Biệt tựa. Thông tựa chung cho các giáo, Biệt tựa chỉ riêng một kinh. Thông tựa chung cho năm, sáu hoặc bảy kinh v.v...

“Như thị”: Là nêu thể pháp được nghe. “Ngã văn”: Là người năng trì. “Nhất thời”: Là thời gian nghe trì hòa hợp, không phải thời khác. “Phật”: Theo Phật được nghe, “Thành Vương-xá núi Kỳ-xà-quật” là nơi nghe giữ lời Phật dạy. “Cùng Đại Tỳ kheo”: Là cùng số bạn nghe trì, đây đều do nhân duyên hòa hợp thứ tự tương sinh. Lại nữa, “Như thị”: là Kinh của chư Phật ba đời, trước hết đều để hai chữ “Như thị”, đạo của chư Phật đồng không tranh chấp với thế tục, đây là Thế giới Tất-đàn. Đại luận nói: Nêu ra thời gian nơi chốn khiến cho chúng sinh tin, là Vị nhân Tất-đàn. Lại để đối phá hai chữ “A Âu” của ngoại đạo là bất như bất thị, đó gọi là Đối trị Tất-đàn. Lại “Như thị” là lời tin thuận. Có tin thì mới lãnh hội được lý đã nghe, có thuận thì mới thành Đạo trí tuệ của bậc thầy, tức là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Theo nhân duyên mà giải thích thì rất rộng, không thể chép đủ...

Căn cứ Giáo mà giải thích: Kinh dạy chư Phật ba đời đầu Kinh đều để hai chữ “Như thị”. Phật trước có các kinh tiêm, đốn, bí mật, bất định. Tiêm lại có Tam tạng, Thông, Biệt, Viên. Nay Phật cũng như vậy. Các kinh không đồng thì Như thị cũng khác, không nên một chìa khóa mà mở hết mọi cửa. Lại, lời của Phật và A-nan hai văn không khác,

gọi là “Như”. Năng thuyên thuyên sở thuyên, gọi là “thị”. Nay A-nan truyền lại văn Phật nói thế nào thì truyền đúng thế ấy, là “thị”. Không thể dùng tiệm văn để truyền đốn, dùng văn Thiên giáo để thuyên Viên giáo. Truyền thuyên nếu sai thì văn không “Như”. Văn không như, thì lý không “thị”, nghĩa đây khó hiểu phải thêm ý cho rõ ràng tường tận. Lại, dựa theo Tiệm giáo phân biệt: Đức Phật dạy Thế đế thì có văn tự, Chân đế thì không có văn tự. A-nan truyền văn tự Tục đế của Phật cùng với Phật thuyết không khác cho nên gọi là “Như”, do vì văn tự Tục đế này hợp với lý Chân đế, cho nên gọi là “thị”. Đây là “Như thị” mở đầu các kinh thuộc Tam tạng giáo. Đức Phật dạy “Sắc tức là không không tức là sắc”. Sắc không, không sắc không hai không khác. Không và Sắc không khác, gọi là “Như”. Tức sự mà chân, gọi là “thị”. A-nan truyền lại lời của Phật không khác gọi là “Như”. Năng thuyên tức sở thuyên, gọi là “thị”. Đây là Như thị mở đầu các kinh thuộc Thông giáo. Phật dạy “Sinh tử là hữu biên, Niết-bàn là vô biên. Xuất sinh tử hữu biên nhập Niết-bàn vô biên, xuất Niết-bàn vô biên, nhập Trung đạo”. A-nan đã truyền lại pháp Xuất hữu biên nhập vô biên, xuất vô biên nhập Trung đạo, cùng Phật thuyết không khác, gọi là “Như”. Từ cạn đến sâu không gì chẳng gọi là “thị”. Đây là “Như thị” mở đầu các kinh của Biệt giáo. Phật dạy “Sinh tử tức Niết-bàn cũng tức Trung đạo”, hướng gì Niết-bàn sao lại chẳng phải Trung đạo? Chân như pháp giới thật tánh thật tế, khắp tất cả nơi đều là Phật pháp. A-nan truyền lời đây cùng Phật thuyết không khác, cho nên gọi là “Như”. Như như bất động, gọi là “thị”. Đây là “Như thị” mở đầu các kinh Viên giáo.

Nếu động tục nhập “Như”, là nghĩa của Tam tạng giáo, Bất động tục, tức “Như” là nghĩa của Thông giáo, Động như nhập Như là nghĩa của Biệt giáo, thì Bất động như mà Như, là nghĩa của Viên giáo... Nếu Như thị của Đốn giáo và của Viên giáo đồng, thì Như thị của Bất định giáo trước sau hỗ tương cho nhau. Bí mật thì ẩn mà không truyền. Bày diễn lưới giáo bao trùm biển pháp giới sợ còn có chỗ thiếu sót hướng chi một mắc lưới, hoặc vì một mình giương lưới? Lại nhất thời chụp được bốn mũi tên không để cho rơi xuống đất, cũng chưa dám gọi là nhanh, đốc thúc lừa ngu rượt đuổi rùa què, một còn chẳng được hướng gì là bốn!

Căn cứ Bản, Tích để giải thích “Như thị”: Ba đời mười phương ngang dọc đều như vậy, quá khứ xa thăm hiện tại mênh mông, vị lai lâu dài, thấy đều “Như thị”, thế thì nơi nào là Bản? Nơi nào là Tích bản? Nếu căn cứ đức Thích Tôn tối sơ thành đạo, thì hai chữ “Như thị” ở

đầu kinh là Bản, thời gian chặng giữa làm Phật thuyết kinh thì ngày nay “Như thị” mở đầu các kinh đã thuyết đều là Tích. Lại, “Như thị” mà A-nan truyền, gọi là Tích. “Như thị” từ Phật thuyết, là Bản. Lại, “Như thị” mà thầy trò thông đạt chẳng phải mới ngày nay, cũng chẳng phải trung gian, gọi là Bản; mà cũng là trung gian, cũng là ngày nay, gọi là Tích.

Căn cứ Quán tâm mà giải thích: Quán các nghĩa của “Như thị” theo ba Tất-đàn trước của Tứ Tất-đàn đều là pháp nhân duyên sinh, tức là Thông quán, Nhân duyên “tức Không tức Giả” là Biệt quán. Hai pháp quán này là phương tiện đạo để được nhập Trung đạo đệ nhất nghĩa. Cả hai đều chiếu Nhị đế cũng Thông cũng Biệt quán. Phần đã nói ở trên đều là Trung đạo chẳng phải Thông chẳng phải Biệt quán.

Đoạn văn dưới nói: “Nếu có người nào tin lời ông (Thân-tử) nói, thì được thấy ta (Phật Thích-Ca), cũng được thấy ông và các Tỳ-kheo tăng cùng các vị Bồ-tát”, đó là lời kinh nói về Quán. “Tin” là luận về căn cơ, “thấy” tức là “ứng”, tức là nhân duyên. Lại, “tin” có cạn sâu, “thấy” có quyền có thật, đủ các thứ phân biệt không đồng, tức phân biệt giáo. Lại “tin lời kinh Pháp Hoa” thì thấy được nguồn gốc thật tướng. Nếu thấy Thân-tử biến hóa, thì thấy nguồn gốc của Long-đà. Nếu thấy được Thích Tôn mới thành đạo thì cũng thấy các Phật trước thành đạo từ lâu xa. Nếu thấy một ngàn hai trăm Tỳ-kheo, tám vạn Bồ-tát, thì cũng thấy rõ nguồn gốc của các vị kia. Lại nghe Kinh tâm tin thành không nghi ngờ, thì biết lòng tin này thanh tịnh sáng suốt, tức là “thấy Phật”. Tuệ tâm luôn luôn phân minh, là “thấy Thân-tử”. Các tâm sở phân minh là “thấy chúng Tỳ-kheo”. Tâm từ bi thanh tịnh, là “thấy các Bồ-tát”. Căn cứ tâm để làm bốn giải thích thỏa đáng rõ ràng. Nếu giải thích các kinh khác chỉ dụng ba ý, vì chưa phát sinh Bản hiển Tích. Phải biết ba giải thích của kinh này đồng với các kinh khác, một giải thích không đồng kinh khác. Bốn bước giải thích hai chữ “Như thị” đã xong.

“Ngã văn”: Hoặc nghe như thị bởi kinh vốn không đồng trước sau xen nhau nêu lên, nay theo lệ chia làm bốn để giải thích. Đại luận nói: “Nhĩ căn không bị hư, tiếng ở trong phạm vi có thể nghe và ý muốn nghe”. Các duyên hòa hợp cho nên nói: “Ngã văn”. Hỏi: Lẽ ra nói “nhĩ văn”, sao nói “ngã văn”? Đáp: “Ngã” là chủ Nhĩ căn, nêu “ngã” là thâm nhiếp các duyên. Đây là giải thích theo nghĩa thế giới Tất-đàn. A-nan dâng tòa xưng là “ngã văn”. Đại chúng cảm động vì vừa thấy đức Như Lai ở đây xưng là “ngã văn” (Tôi nghe). Hàng vô học bay lên hư không thuyết kệ, kinh Phật nói rõ ràng, Văn-thù kết tập, trước hết xưng đề,

tiếp nói “Như thị ngã văn”, khi ấy chúng đều cảm động khóc. Đây là giải thích theo nghĩa Vị nhân Tất-đàn. A-nan ngồi trên tòa cao xưng là “ngã văn” để loại bỏ sự nghi ngờ trong chúng, vì thân A-nan gần giống Phật, chỉ thấp hơn Phật ba đốt tay, nên chúng nghi đức Thích Tôn lại một lần nữa xuất thế, hoặc đức Phật ở cõi khác đến hoặc A-nan thành Phật. Nếu xưng “ngã văn” tức loại bỏ ba sự nghi, đây là giải thích theo nghĩa Đối trị Tất-đàn. A-nan là hàng Học nhân, tùy theo thế tục mà xưng “ngã văn”, trong Đệ nhất nghĩa không có “ngã” không có “văn”. Từ xưa đến nay, các sự giải thích đồng là một ý Nhân duyên vậy thôi. Nếu căn cứ Giáo mà giải thích: Thích luận nói: Hàng phàm phu có ba loại ngã: kiến, mạn và danh tự. Bạc Học nhân có hai loại. Hàng Vô học có một loại. Ngài A-nan là hàng Học nhân, không có tà ngã, có thể chế phục mạn ngã, mà tùy theo danh tự của thế gian gọi là “ngã” thì không có lỗi. Đây là dùng ý Tam tạng để giải thích “ngã”. Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa luận nói: Tứ cú nói về “ngã” đều rơi vào tà kiến. Trong chánh pháp của Phật không có ngã, thì ai nghe? Đây là dùng ý của Thông giáo. Đại kinh nói: A-nan là bạc đa văn, biết “ngã, vô ngã”, là bất nhị, đồng thời phân biệt “ngã, vô ngã”. Đây là dùng ý Biệt giáo. Lại nữa A Nan biết “ngã, vô ngã” là bất nhị, nên phương tiện làm thị giả truyền trì trí tuệ vô ngại của Như Lai, dùng âm thanh tự tại mà truyền Quyền truyền Thật có gì mà không được? Đây là dùng ý Viên giáo giải thích về “ngã”.

Lại, kinh Chánh Pháp Niệm nói: Có ba A-nan. Nghĩa là: A-nan-đà, Trung hoa dịch là Hoan hỷ, thọ trì Tiểu thừa tạng. A-nan-bạt-đà, Trung hoa dịch Hoan Hỷ Hiền, thọ trì Tạp tạng. A-nan-bà-già, Trung hoa dịch là Hoan Hỷ Hải, thọ trì Phật tạng. Kinh A-hàm có Điển-tạng A-nan thọ trì Bồ-tát tạng. Bởi chỉ một người mà đầy đủ bốn đức, truyền trì bốn pháp môn, nghĩa đó tự rõ.

Giải thích theo Bản tích: Nếu chưa hội nhập, thì có thể nói A-nan tùy thế tục mà xưng là “ngã”. Nếu phát Tích hiển Bản, ở chỗ đức Phật Không Vương đồng thời phát tâm, phương tiện thị hiện làm người truyền pháp, thì sao không thể được?

Giải thích theo Quán tâm: Quán các pháp là do nhân duyên sinh tức Không tức Giả tức Trung. Tức Không là ngã vô ngã, tức Giả là phân biệt ngã, tức Trung là chân diệu ngã... Giải thích chữ “văn”(nghe): A-nan sinh vào đêm Phật thành đạo, làm thị giả Phật hơn hai mươi năm, khi chưa làm thị giả Phật thì phải không nghe. Đại luận nói: “Khi A-nan kết tập pháp, tự nói rằng: khi Phật chuyển pháp luân lần đầu, ta lúc đó

không thấy”. Như vậy dần dần nghe, nên biết không nghe hết thấy. Xưa giải thích A-nan được lực Tam-muội (tên) Phật giác, tự có khả năng nghe. Kinh Báo Ân nói: A-nan cầu bốn nguyện: Những kinh chưa nghe nguyện Phật nói lại một lần nữa. Lại nói: Phật khẩu mật vì A-nan mà nói. Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: Đức Phật từ trong kim quan hiện ra cánh tay vì A-nan mà lập lại hiện tượng nhập thai. Các kinh đều nghe, hướng chỉ thuyết ở các chỗ khác ư! Văn đây nói: A-nan được thọ ký liền nhớ đến bản nguyện hộ trì Phật pháp ngày trước đều như ngày nay. Đây là giải thích theo nghĩa nhân duyên.

Nếu căn cứ về Giáo: Hoan hỷ A-nan: Mặt sáng như trăng rằm, mắt như hoa sen xanh, thân gần thừa phụng tôn chỉ của Phật, ví như cái bát chưa đựng đầy nước, trao truyền giáo pháp để hóa độ người như rót nước từ bát vào bình khác, đây là truyền pháp được “nghe mà nghe”. Hoan Hỷ Hiền ở vị Học đắc “Không, Vô tướng, Vô nguyện”, các căn nhãn nhĩ tỹ thiệt... không còn lậu, truyền trì pháp “nghe mà không nghe”. Cái mà Điển Tạng A-nan hàm chứa thọ nhận, nhiều như mây lớn giữ mưa, đây là truyền trì pháp “không nghe mà nghe”. A-nan Hải là bậc đa văn, tự nhiên có thể hiểu rõ pháp thường và vô thường. Nếu biết Như Lai thường không thuyết một trăm tám mươi ba pháp, đó gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Phật pháp như nước trong biển lớn chảy vào tâm A-nan, đây là truyền trì pháp “không nghe mà không nghe”. Kinh này thuộc về A-nan Hải trì Diệu pháp “không nghe mà không nghe”. Bản tích giải thích: Như bốn giải thích về “nghe” ở trên đều là Tích dẫn mà Bản địa không thể nghĩ bàn... Quán tâm giải thích: Quán pháp do nhân duyên sinh, là quán “nghe mà nghe”, quán Không là quán “nghe mà không nghe”, quán Giả là quán “không nghe mà nghe”, quán Trung là quán “không nghe mà không nghe”... Nhất niệm quán là diệu quán vậy.

Giải thích chữ “Nhất thời”: theo Ngài Tăng Triệu nói: “Thời là khi Pháp vương bắt đầu mở vận hội” là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. Luận nói: “Ca-la” dịch là thời thật, là chỉ thời gian đệ tử trong sự tu, như thời ăn, thời mặc áo... Đây giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. “Tam-ma-da” là thời giả, phá tà kiến ngoại đạo. Đây giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Nếu thời cùng đạo hợp, là giải thích theo Đệ nhất nghĩa Tất-đàn... Nếu Kiến đế trở lên, Vô học trở xuống thì gọi là “Hạ nhất thời”. Nếu ba người đồng nhập Đệ nhất nghĩa, thì gọi là “Trung nhất thời”. Nếu đẳng địa trở lên gọi là “Thượng nhất thời”. Nếu sơ trụ trở lên, thì gọi là “Thượng thượng nhất thời”, Kinh này là “Thượng thượng nhất thời”,

đây là căn cứ Giáo mà phân biệt. Bản tích: Các nhất thời nói bên trên, là Tích. Nhất thời lâu xa thật đặc, là Bản. Quán tâm giải thích: Quán tâm trước là Không, tiếp là Giả, sau cùng là Trung quán, là quán tâm theo thứ tự vậy. Quán tâm tức Không tức Giả tức Trung, là viên diệu quán tâm.

“Phật”: Kiếp sơ thì không bệnh, kiếp tận thì nhiều bệnh, thọ mạng dài thì vui, thọ mạng ngắn thì khổ, Đông thiên hạ thì giàu mà thọ mạng dài. Tây thiên hạ thì giàu châu báu, nhiều trâu dê. Bắc thiên hạ thì không ngã, không thần thuộc. Thời gian nơi chốn như các chỗ đó không cảm được Phật xuất thế. Khi tám vạn tuổi, Khi thọ một trăm tuổi. Chúng sinh ở Nam thiên hạ chưa thấy quả mà tu nhân, cho nên đức Phật xuất hiện cõi ấy. Ly-Xa-Tử nói: “Nước Ma-kiệt -đề như ao lớn, nên Phật xuất hiện ở nước ấy như hoa sen lớn”. Vô Thắng nói: “Phật với chúng sinh bình đẳng không hai, vì các ông đam mê ngũ dục nên không thấy Phật đó thôi. Chẳng phải đức Phật bỏ các ông mà xuất hiện ở nước Ma-kiệt-đề”. Đây là giải thích theo nghĩa Thế giới Tất-đàn. Mặt trời nếu không xuất hiện trong ao thì hoa chưa sinh hay sinh rồi... cũng úa tàn chết, không nghi ngờ gì. Phật nếu xuất hiện ở đời thì có Sát-lợi, Bà-la-môn Cư sĩ, Tứ thiên vương cho đến trời Hữu đảnh. Đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Căn tánh Tam thừa cảm Phật mới xuất thế, các hàng khác không thể cảm Phật. Khéo đoạn nhân Hữu đảnh thì vĩnh viễn vượt dòng sinh tử. Đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Đức Phật đối với pháp tánh không động không xuất, có thể cho chúng sinh cảm thấy động xuất, nhưng đức Như Lai thật không động xuất. Đây là giải thích theo Độ nhất nghĩa Tất-đàn. Đều là giải thích theo Nhân duyên. Phật gọi là Giác giả, Tri giả, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề giác tri tổng tướng biệt tướng thế gian xuất thế gian. Giác thế gian tức Khổ, Tập. Giác xuất thế gian tức Đạo, Diệt. Cũng có thể giác tha. Ngài hiện thân ở thế gian như Trưởng lão Tỳ-Kheo, thân cao một trượng sáu, thọ tám mươi năm. Dưới cây Bồ-đề đoạn hết tập khí phiền não của ba mươi bốn tâm mà thành Chánh giác. Đây tức là nghĩa Phật tự giác giác tha theo Tam tạng giáo. Mang hình bóng một Trưởng lão Tỳ-Kheo, tức hiện thân tôn quý đặc thù, ngồi dưới gốc cây nhất niệm tương ứng đoạn hết tập khí còn sót lại, tức nghĩa Phật tự giác giác tha theo Thông giáo. Riêng hiện tướng tôn quý đặc thù ngồi đài hoa sen, thọ chức danh làm Phật, tức nghĩa Phật tự giác giác tha theo Biệt giáo. Ấn ba tướng trước, chỉ thị hiện tướng bất khả tư nghì như hư không, tức nghĩa Phật tự giác giác tha theo Viên giáo. Cho nên, kinh dạy: “Hoặc thân Như Lai một trượng sáu,

hoặc thấy thân lớn thân nhỏ, hoặc thấy ngồi trên đài hoa trăm ngàn đức Thích-ca thuyết pháp môn tâm địa, hoặc thấy thân đồng hư không biến khắp pháp giới không có phân biệt, tức nghĩa này vậy. Đó gọi là căn cứ Giáo mà phân biệt giải thích.

Giải thích theo Bản tích: một đức Phật là bản, ba đức Phật là Tích. Trung gian thị hiện, thường nói sinh, thường nói diệt, đều là Tích. Chỉ có bốn đức Phật ở bản địa đều là bản. Giải thích theo Quán tâm: Quán tâm do duyên sinh, trước là Không, tiếp đến là Giả, sau cùng là Trung, đều là thiên giác. Quán tâm tức Không tức Giả tức Trung, là viên giác...

Giải thích chữ “Trụ”: Là năng trụ sở trụ. Sở trụ tức là thành Vương-xá, ở cõi Ta-bà. Năng trụ tức là bốn oai nghi. “Trụ” là ở thế gian chưa mất, đây là giải thích theo Thế giới Tất-đàn Lại “trụ” là trụ thập thiện đạo, trụ trong tứ thiên, đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Lại, “trụ” là trụ trong ba Tam-muội, đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Lại, “trụ” là trụ Thủ-lăng-nghiêm tức là giải thích theo Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Dựa theo Giáo giải thích: Theo Tam tạng giáo thì Phật từ “phân tích môn” phát sinh chân vô lậu, trụ Hữu dư, Vô dư Niết-bàn. Theo Thông giáo thì Phật từ “thể môn” phát sinh chân vô lậu, trụ Hữu dư, Vô dư Niết-bàn. Theo Biệt giáo thì Phật từ “thứ đệ môn” mà nhập, trụ tạng bí mật. Theo Viên giáo, thì Phật từ “bất thứ đệ môn” mà nhập, trụ tạng bí mật. Ba Phật trước thì năng, sở trụ đều thô, một đức Phật sau thì năng, sở trụ đều diệu. Nay kinh này thì Viên Phật trụ diệu trụ.

Căn cứ Bản Tích giải thích: Tam tạng Phật ứng nhập Niết-bàn, từ bi hiện tích sinh thân trụ thế. Thông Phật thế nguyện từ bi, phò giúp trừ các tập khí còn sót lại, độ chúng sinh làm Phật sự. Biệt, Viên Phật đều từ bi huân pháp tánh, thương xót chúng sinh trong biển khổ nên rū lòng từ ứng khắp pháp giới để cứu độ. Nên biết: bốn đức Phật trụ Bản Phật trụ, vì lòng từ nên trụ trong thành Vương-xá cõi Ta-bà. Uy nghi trụ thế gian, gọi là Tích trụ.

Quán giải thích: Quán trụ cảnh, hoặc trụ cảnh vô thường, tức là các cảnh tức Không tức Giả tức Trung. Dùng pháp vô trụ mà trụ trong cảnh, nên gọi là “trụ”.

Thành Vương-xá: Thiên Trúc gọi là “La-duyệt-kỳ-Già-la”. La-duyệt-kỳ, Trung hoa dịch “Vương-xá”. Già-la, Trung hoa dịch là “Thành”, Nước tên Ma-già-đà, Trung hoa dịch “Bất hại”, là không có hình pháp giết hại. Cũng gọi Ma-kiệt-đê, Trung hoa dịch “Thiên La”. Thiên La là tên vua, lấy tên vua đặt tên nước. Đời tiền kiếp vua

này là cha của Bác-Túc. Từ kiếp xa xưa, có vị vua làm bá chủ của một ngàn nước nhỏ, một hôm vua tuần du trong núi gặp con sư tử cái, lúc mọi người tản mác vua cùng sư tử giao hợp, về sau đủ ngày tháng thì sư tử cái đến cung điện sinh con. Vua biết là con mình mà dối nói ta không có con, đây chính là trời ban cho ta để nuôi làm thái tử. Vì trên chân người đó có nhiều vết loang lỗ, nên người đời gọi là Bác-Túc. Về sau nối ngôi làm vua, vua này ưa ăn thịt bảo người đầu bếp rằng bữa ăn không được thiếu thịt. Một hôm, không may thiếu thịt người đầu bếp vội đến phía Tây thành, giết một đứa trẻ làm bữa ăn cho vua. Vua ăn khen ngon liền bảo phải thường dâng thịt đó. Người đầu bếp cứ mỗi ngày bắt một người làm thịt, cảnh tượng trong nước thê thảm khủng khiếp, ngàn nước nhỏ dấy lên phẫn nộ. Vua vào trong núi Kỳ-xà-quật có các La-sát quỷ vương phụ giúp, nhân đó vua cùng với sơn thần thề nguyện lấy một ngàn cái đầu của ngàn vua để tế thần. Sau đó vua bắt lấy được chín trăm chín mươi chín vị vua, chỉ còn thiếu một vua Phổ Minh. Về sau, dò la bắt được. Vua bị bắt liền khóc lớn, than rằng: “Ta chưa từng nói dối mà nay phải bội tín!”. Bác Túc hỏi han cố sự rồi thả vua Phổ Minh. Vua về nước mở đại thí, lập thái tử, rồi trở lại chịu chết thân tâm vẫn tự tại yên vui. Bác Túc hỏi, vua trả lời vì được nghe thánh pháp. Nhân đó thuyết pháp tán thán tâm từ bi, hủy bỏ tập khí sát hại, liền thuyết kệ Tứ phi thường... Bác Túc nghe pháp chứng đắc Không bình đẳng địa, tức Sơ địa. Ngàn vị vua mỗi người đều lấy một giọt máu và ba sợi tóc để tế sơn thần. Bác Túc cùng ngàn vị vua ấy lập Xá thành, chọn giữa năm hòn núi, lập nên một đại quốc, còn ngàn vua nước nhỏ đều truyền ngôi cho con, ngàn vua con lần lượt biết hiểu việc của nước lớn. Lại, dân chúng ở trong năm hòn núi bảy phen làm nhà đều bị cháy. Dân chúng bàn luận rằng do chúng ta phước mỏng số phải bị hỏa hoạn nhiều lần, chỉ có vua mới có đủ phước lực nên nhà kia không cháy, từ nay về sau nên bỏ nhà của ta làm nhà của vua (để khỏi bị cháy). Do tránh bị cháy cho nên gọi là Vương-xá thành. Lại nữa, Bác Túc cùng một ngàn vị vua làm nhà ở trên đất ấy, cho nên gọi là Vương-xá. Lại, Bác Túc đăc đạo “ân xá” cho ngàn vị vua, ngàn vị vua được ân xá trên đất ấy, nên đặt đất ấy là Vương-xá. Chữ “Xá” là tha tội, mà các nhà viết kinh mượn âm chép chữ ốc Xá (là nhà) vậy. (Nhân duyên này rút ra từ Đại luận và các kinh)..

Căn cứ Giáo giải thích: Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Tất cả đại chúng chỗ thấy không đồng, hoặc thấy rừng Sa-la toàn là đất sỏi cỏ cây vách đá, hoặc thấy bảy báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy rừng

này là nơi du hành của ba đời chư Phật, hoặc thấy rừng này tức là cảnh giới bất khả tư nghì của chư Phật, là thể pháp chân thật. Qua đây biết bốn sự thấy không đồng, Sở trụ đã vậy, Năng trụ cũng như thế. Đây là căn cứ Giáo để phân biệt. Bản tích, Quán tâm sẽ nói phần sau.

“Núi Kỳ-xà-quật”: Trung hoa dịch Linh Thứu, cũng gọi là Thú Đầu, cũng gọi là Lang Tích. Lương Vũ đế nói: “Vua dẫn thợ tiếng chim hót trong rừng ví như đôi vợ chồng người quân tử”. Sách Nhĩ Nhã nói: Tựa như chim Chí. Lại giải thích: Sơn Phong giống như hình chim Thứu mạnh mẽ, phong gọi là núi. Lại nói: Phía Nam núi có rừng Thi-đà, loài chim Thứu sau khi ăn thịt chết, thường nghỉ đậu ở trên núi, người thời ấy gọi là Thứu sơn. Lại giải: Đức Phật đời trước, Đức Phật đời nay đều ở trên núi này. Nếu sau khi Phật diệt độ thì A-la-hán trụ. Pháp diệt thì Bích-chi-phật trụ, không có Bích-chi-phật thì quỷ thần ở, đã là nơi thánh linh ở. Tổng có ba việc, do đó gọi là núi Linh Thứu. Gồm có năm tinh xá: Bể-bà-la-bạt, Trung hoa dịch Thiên chủ huyệt. Tát-đa-bàn-na-câu-ha, Trung hoa dịch Thất diệp huyệt. Nhân đà Thứu-thế-la-câu-ha, Trung hoa dịch Xà thần sơn. Tát-bà thứ hồn trực Ca-bát-bà-la, Trung hoa dịch Thiểu độc Lực sơn. Thứ năm là Kỳ-xà-quật sơn.

Hỏi: Kiếp lửa đốt cháy thiên địa, thành quách cháy sạch sẽ, tại sao Đức Phật trước Đức Phật sau đồng ở trên núi này?

Đáp: Kiếp sau tái hiện lại kiếp trước. Người có thần thông biết tên kiếp trước đặt tên cho ngày nay đó thôi! Ví như họ kiếp trước là Cù-đàm, dùng họ ngày xưa đặt cho họ ngày nay.

Theo Giáo giải thích núi, cũng như giải thích nghĩa thành đã nói...

Quán giải thích: “Vương” tức tâm vương, “xá” tức ngũ ấm. Tâm vương tạo nhà (xá) này, nếu bề gãy ngũ ấm thì nhà là Không, Không là thành Niết-bàn, quán này không sâu như thấy đất cây, v.v... Nếu quán nhà ngũ ấm tức Không, Không tức là thành Niết-bàn, tức là theo Thông giáo vậy. Nếu quán nhà ngũ ấm do diệt sắc vô thường này thì thâm hoạch được sắc thường, thọ tướng hành thức cũng lại như vậy, bốn đức thường lạc ngã tịnh này là nơi du hành của chư Phật. Nếu quán ngũ ấm tức pháp tánh; pháp tánh không có thọ tướng hành thức, thì tất cả chúng sinh tức là Niết-bàn, không thể còn diệt nữa, là “nhà Không tịch rốt ráo”. Niết-bàn như thế tức là thực thể của chân như...

Quán tâm giải thích “núi Linh Thứu”: Nếu quán sắc ấm vô tri như “núi”, thì thức ấm như “Linh”, ba ấm kia như “Thứu”. Quán “Linh thứu” này vô thường, tức Chiết quán (phân tích quán). Quán “Linh thứu” này

tức Không, là Thể quán. Quán “Linh” tức trí tánh, là Liễu nhân, trí tuệ trang nghiêm, “Thứu” tức là Duyên nhân tụ tập phước đức trang nghiêm; “Núi” tức là pháp tánh, là chánh nhân bất động. Ba pháp gọi là bí mật tạng, tự trụ trong đó, cũng dùng để độ người. Văn dưới nói: Phật tự trụ trong Đại thừa, tức trụ ở hai Biệt, Viên quán.

“Trung”: ở giữa, ở trong: Phật ưa Trung đạo, từ trong cõi trời giữa ngày giáng sinh ở giữa nước, giữa đêm diệt độ, đều tiêu biểu Trung đạo, nay ở trong núi thuyết Trung đạo.

Giải thích chúng đồng văn, chia làm ba:

1. Chúng Thanh văn.
2. Chúng Bồ-tát.
3. Tụ chúng.

Các kinh phần nhiều nói như vậy. Xưa phân biệt theo Sự theo Nghĩa. Theo Sự: Là theo hình dáng tích thân sơ, Thanh văn hình dáng ra khỏi ràng buộc thế tục, dấu tích gần với Như Lai, chứng ngộ kinh, vì thân cho nên nêu trước. Trời, người khác, thì hình dáng y phục, dấu tích không phải hầu hạ phụng thờ, chứng ngộ kinh, vì sơ cho nên nêu sau. Bồ-tát hình dáng không câu nệ, dấu tích không định nơi chốn, đã không đồng tục lại khác với Tăng, nên nêu lên ở giữa. “Theo Nghĩa”: Hàng Thanh văn ham vui Niết-bàn. Trời, người thì đắm trong sinh tử, mỗi bên đều có sự thiên lệch. Bồ-tát không ham vui Niết-bàn cũng chẳng đắm sinh tử, ở giữa cầu tông chỉ nên ở giữa hai bên. Ý của Thích luận cũng như vậy. Nay đây chỉ một giải thích mà như hai cách giải thích xưa. Giải thích về Sự như nhân duyên, giải thích về Nghĩa như theo giáo. Bản tích giải thích: Hàng Thanh văn trong bí mật, ngoài hiện tướng, đâu từng giữ lấy chứng Niết-bàn? Trời, người đều là đại Bồ-tát đâu thể tham đắm nhiễm sinh tử? Đều là Tích dẫn dắt nhị biên, mà Bản thường là Trung đạo. Quán tâm giải thích: Quán từ Giả nhập Không tức riêng phá sinh tử, quán từ Không nhập Giả tức riêng phá Niết-bàn, Trung đạo chánh quán không còn trước sau...

I. LIỆT NÊU HÀNG THANH VĂN chia làm hai:

1. Tỳ-kheo.
2. Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo lại có hai: Trí thức nhiều và Trí thức ít. Xưa gọi là “Đại danh văn, Tiểu danh văn”, tuy nhiên không có căn cứ. Nay y văn phân tích như đây.

- Hạng trí thức nhiều, chia làm sáu: Loại, Số, Vị, Thán, Liệt danh

và Kết.

1. Loại: Đều là một loại Đại Tỳ-kheo, thí như các loại người khắp các phương giàu sang hay nghèo cùng đều có thứ bậc, nay các Tỳ-kheo đều là chúng có tri thức, có danh, đức cao lớn (Đại đức). Luận giải thích rõ chữ “dữ”: nghĩa là cùng, nêu bảy lần nhất để giải thích nghĩa chung: nhất thời, nhất xứ, nhất giới, nhất tâm, nhất kiến, nhất đạo, nhất giải thoát. Nếu trải qua giáo thì nên mỗi mỗi nêu rõ bảy cái Nhất. Tam tạng một lần bảy Nhất, Thông giáo nêu hai lần bảy Nhất, Biệt giáo nêu vô lượng lần bảy Nhất. Viên giáo nêu một lần bảy Nhất. Nếu chưa phát sinh Tích thì chính là bảy Nhất trong Tam tạng và Thông giáo. Nói rõ hai ý này có bao nhiêu cái khác nhau? Thời, xứ, giới, giải thoát thì đồng; ba loại tâm kiến, đạo thì khác. Nếu đến khai tam hiển nhất, tức được nhập bảy Nhất của Viên giáo. Pháp Hoa luận nêu bốn hạng Thanh văn. Nay chia Trụ quả làm hai: Chiết pháp trụ quả là Tam tạng Thanh văn, Thế pháp trụ quả là Thông giáo Thanh văn. Chia Ứng hóa làm hai: Đăng địa là Ứng hóa Biệt giáo Thanh văn, Đăng trụ là Ứng hóa Viên giáo Thanh văn. Chia Phật đạo Thanh văn cũng làm hai: Khiến người khác thứ tự nghe Phật đạo là Biệt giáo Thanh văn, khiến người khác không theo thứ tự nghe Phật đạo, tức Viên giáo Thanh văn. Nghĩa Thanh văn rộng lớn như vậy, tại sao dùng sự chứng Niết-bàn để phê phán?

“Đại”: Thích luận nói “đại” cũng gọi là Đa (nhiều) cũng gọi là Thắng (thù thắng). Tính chất đáng tôn trọng, làm vua cõi trời v.v.. được mọi người cung kính, cho nên gọi là “đại”. Vượt lên trên chín mươi lăm thứ ngoại đạo, nên nói “Thắng”. Hiểu biết tất cả các kinh sách, nên gọi “đa”. Lại, số lên đến một vạn hai ngàn, cho nên nói “đa”. Nay nêu rõ: vì có đại đạo nên có đại dụng nên có đại tri, cho nên nói “đại”. Thắng: Đạo thắng, dụng thắng, tri thắng, cho nên nói “thắng”. Đa: Đạo đa, dụng đa, tri đa cho nên nói đa. Đạo tức Tánh niệm xứ, rộng lớn hơn tất cả trí của ngoại đạo. Dụng tức Cộng niệm xứ, vượt hơn thần thông của ngoại đạo. Tri tức Duyên niệm xứ. Đa, là nhiều hơn Tứ vệ-đa của ngoại đạo. Căn cứ Giáo để giải thích “Đại, đa, thắng”: Đại, là người có địa vị đáng tôn kính, là giải thích theo Tam tạng. Đại, là đại lực La-hán cung kính. Đa: Biến tri pháp sinh diệt tức vô sinh diệt. Thắng: Là thắng Tam tạng tứ môn, đây là giải thích theo Thông giáo. Lại, Đại là thế pháp đại lực La-hán tôn kính. Đa, là hàng sa Phật pháp đều biết. Thắng, là hơn hàng nhị thừa. Đây là giải thích theo Biệt giáo. Lại, Đại là các đại Bồ-tát được cung kính. Đa, là pháp giới pháp bất khả lượng đều biết hết. Thắng là hơn các Bồ-tát. Đây là giải thích theo Viên giáo. Bản tích

giải thích: Các đại đức này từ kiếp xa xưa từng được chư Phật quở trách, nhắc nhở, vốn đã được Thắng tràng Tam-muội siêu vượt các ngoại đạo, trước kia đã thành tựu Chứng trí biết khắp. Tích: ngày nay phụ giúp Phật hành hóa thị hiện làm “đại, đa, thắng” trong ái kiến, muốn dẫn vị Sửa thành vị Lạc, cho nên làm “đại, đa, thắng” trong Tam tạng. Muốn dẫn vị Lạc thành vị Sinh tô, cho nên thị hiện “đại, đa, thắng” trong Phương-đẳng. Muốn dẫn vị Sinh tô thành Thực tô, cho nên dạy Chuyển giáo làm “đại, đa, thắng” trong Bát-nhã. Muốn dẫn vị Thực tô thành Đề hồ, tức làm “đại, đa, thắng” trong Pháp Hoa. Như thế giải thích “đại, đa, thắng” theo Bản địa kia rồi vậy

Giải thích theo Quán tâm: Không quán là đại, Giả quán là đa, Trung quán là thắng. Lại căn cứ trực tiếp Trung quán: tâm tánh rộng lớn như hư không, nên gọi là “đại”. Cùng lúc ngăn nhị biên nhập biển tịch diệt, nên gọi là “thắng”. Song chiếu nhị đế phần lớn bao dung nhất tâm nhất thiết tâm, cho nên gọi là “đa”.

“Tỳ-kheo”: Ngài Tăng Triệu nói: Đời Tần gọi là: Tịnh mạng khát thực, phá phiền não, năng trì giới, bố ma, một tên ở Thiên Trúc bao hàm bốn nghĩa đây, đời Tần không dùng bản dịch cho nên còn gọi tên cũ. Ngài La-thập nói: Ban đầu mới ra khỏi nhà thế tử phải nên khát thực tự nuôi thân mạng thanh tịnh, sau để vượt ra khỏi nhà tam giới thì phải phá phiền não, tự giữ gìn giới, đủ hai nghĩa này thì thiên ma rất sợ hãi ra khỏi cảnh ấy. Thích luận nói: Bố ma, phá ác, Khất sĩ. Ma thì ưa sinh tử. Vị kia đã ra khỏi nhà sinh tử lại hóa độ người khác, đều lìa ba cõi, trái với ý ma, cho nên ma dùng sức chế phục, khiến bị năm thứ trói buộc, làm ngược lại thì ma chỉ sầu muộn sợ hãi mà thôi, cho nên gọi là bố ma. Người xuất gia quyết phá bảy chi ác nơi thân khẩu, cho nên nói phá ác. Xét rằng người tại gia có ba hạng như pháp: 1. Làm ruộng; 2. Buôn bán; 3. Làm quan, dùng để nuôi thân mạng. Người xuất gia Đức Phật không cho làm những việc đó, chỉ xin ăn để nuôi sống thân mạng, yên tâm tu đạo, giữ phước lợi cho đàn-việt. Ba nghĩa nương nhau thành tức là nghĩa Tỳ-kheo. Niết-bàn Bảo Lương đều nêu phá ác tức Tỳ-kheo, như thế là nói không đủ. Nay nêu rõ ba nghĩa này thích ứng chung từ đầu đến cuối. Như khi mới xuất gia bạch tứ yết-ma, vô tác giới lực trùm khắp tất cả cảnh trái ngược vô tác ác. Ban đầu tu thiền định phát sinh định cộng giới, ngăn ngừa hàng phục ý địa tham sân không sinh khởi. Ban đầu tu quán tuệ phát tướng tự đạo cộng giới, năng hàng phục phiền não. Thế thì hàng sơ tâm cũng gọi là “phá ác”, đâu riêng gì hậu tâm? Bố ma: Ban đầu xuất gia cạo tóc lãnh thọ giới pháp rồi khiến

cho ma buồn rầu, sau tu định muốn hàng phục phiền não, tu tuệ muốn phá phiền não. Thế thì hàng sơ tâm cũng khiến cho ma sợ hãi, đâu riêng gì hậu tâm? Khất sĩ: Ban đầu lừa tà mạng, tự xin ăn để nuôi sống, sau tu thiền lịch cảnh cầu định, tu tuệ duyên lý cầu vô lậu, đều là Khất sĩ, hưởng chi tâm tương ứng mà chẳng phải Khất sĩ ư? Vì đủ nghĩa đây nên gọi chung là Tỳ-kheo. Các nhà chú giải kinh đều tán thán Tỳ-kheo hậu tâm. Đây đều là ý của Tam tạng giáo. Như lịch duyên cầu chân đạo, gọi là Khất sĩ. Phá lậu hoặc làm chướng lý, gọi là phá ác. Tu hành như vậy, khiến bốn ma sợ hãi, tức nghĩa của Thông giáo. Như trải qua ba đế mà cầu lý, gọi là Khất sĩ, trừ lậu hoặc của Thông Biệt, gọi là phá ác. Khiến cho tám ma mười ma sợ, là nghĩa Biệt giáo - Tức nơi sinh tử cầu mù vị Thật tướng, gọi là Khất sĩ. Thông đạt phiền não tức Bồ-đề, gọi là phá ác. Cõi ma tức là cõi Phật, đó là nghĩa Viên giáo. Nếu chưa phát Tích, thì chỉ nêu hai nghĩa trước. Nếu đã hiển Bản, thì đầy đủ ý sau. Căn cứ Bản tích giải thích: Vốn đã lên đỉnh núi Niết-bàn khác biệt với vô minh si ái là cha mẹ, kết nghiệp là vợ con, v.v... vượt ra khỏi nhà Phần đoạn và Biến dịch, từ lâu đã trừ ngũ trụ thì có ác nào mà không phá? Đã thấu hoạch pháp hỷ chân thật như ăn vị sữa ngon, hoàn toàn không còn gì để xin nữa. Giữ giữ Trung đạo, đạo cộng giới Ba-la-mật, giới độ nhiếp chúng sinh. Hàng phục cõi ma thì cõi Phật như cảnh, có thể tùy ý cõi xe. Bản địa công đức đã thành tựu từ lâu, vì muốn điều phục chúng sinh, Tích, thị hiện ngũ vị Tỳ-kheo để truyền trao dẫn dắt cho chúng sinh... như trước đã giải thích.

Quán tâm giải thích: Quán nhất niệm tâm tịnh như hư không, không bị nhị biên bố buộc ngăn ngại, bình đẳng đại tuệ vô trụ không chấp trước, tức gọi xuất gia. Dùng Trung quán tự nuôi sống pháp thân tuệ mạng, gọi là Khất sĩ. Quán ngũ trụ phiền não tức là Bồ-đề, đó gọi là phá ác. Tất cả các bên điên đảo đều là Trung đạo tức là bố ma...

Giải thích chữ “Chúng”: Thiên Trúc gọi là Tăng-già, Trung hoa dịch là “Chúng hòa hợp”. Một người không thể gọi là hòa hợp, bốn người trở lên mới gọi là hòa hợp. Sự hòa không biệt chúng, Pháp hòa không biệt lý, Đức Phật thường cùng một ngàn hai trăm năm mươi người: ba anh em Ca-diếp cùng đệ tử tổng cộng là một ngàn người. Hai ngài Thân Tử, Mục-kiền-liên cùng hai trăm năm mươi người đệ tử lại, nói ngài Da-xá có năm mươi người. Tạp A-hàm quyển bốn mươi lăm nói: Trong năm trăm Tỳ-kheo có chín mươi người đắc tam minh, chín mươi người câu giải thoát, số còn lại chỉ có tuệ giải thoát.

Thích luận nói có bốn hạng Tăng: Không nương tịnh mạng, nên

gọi là Tăng phá giới. Không hiểu pháp luật, gọi là Tăng ngu si. Tu ngũ phương tiện, gọi là Tăng tầm quý. Khổ pháp nhãn trở đi, gọi là Tăng chân thật. Trong chúng này chẳng phải ba hạng trước, mà chỉ là Tăng chân thật. Nếu giải thích theo bốn giáo, thì Tăng đây gồm cả thiên viên năm vị. Người trong chúng Đồng văn nay chính là chứng tín trong Viên giáo. Bản tích giải thích: Bản cùng với lý thật tướng hòa hợp, lại hòa hợp cùng với căn cơ của pháp giới chúng sinh, nhưng trong Tích môn thì thị hiện là Tăng bán tự sự lý, trải qua ngũ vị giáo để dẫn dắt các chúng sinh... Quán giải thích: Hàng sơ học ở Trung quán nhập tướng tự quán, vì chưa phát ra được Tầm chân thật đệ nhất nghĩa, chỉ hổ thẹn (quý) với Thánh nhân, tức là Tăng có tầm quý. Nếu quán tuệ, phát ra thì là Tăng chân thật. Nếu khác với đây tức là hai hạng Tăng trước. Không y quán hành, gọi là Tăng phá giới. Không hiểu quán tướng, gọi là Tăng ngu si. Đây là nêu nghĩa loại đã xong.

2. Số: “Một vạn hai ngàn người”. Bản tích: Bản là một vạn hai ngàn Bồ-tát, Tích là một vạn hai ngàn Thanh văn. Quán: Quán mười hai Nhập, một Nhập đủ mười pháp giới, một giới lại có mười giới, mỗi một giới đều có mười như thị, tức là một ngàn. Một nhập đã là một ngàn, thì mười hai nhập tức là mười hai ngàn pháp môn.

3. Vị: “đều là A-la-hán”. Kinh A-nan-bạt gọi là Ứng chân. Kinh Thuy Ứng nói Chân nhân đều là Vô sinh, giải thích là La-hán. Bản dịch xưa gọi là Vô trước, Bất sinh, Ứng cúng, hoặc nói không dịch tên bao hàm ba nghĩa, vì hạt lúa vô minh đã bị bóc vỏ, cho nên trong ruộng đời sau không thọ quả báo sinh tử, cho nên nói Bất sinh. Vì đoạn hết chín mươi tám sử phiền não, nên gọi Sát tặc. Đây đủ công đức Trí, Đoạn, có khả năng làm phước điền cho Trời người, nên nói Ứng cúng. Bao hàm ba nghĩa này giải thích A-nan La-hán, hoặc nói ban đầu mới học vô sinh, sinh mà chưa vô sinh. Ban đầu tuy bố ma mà ma chưa sợ lắm. Ban đầu tuy Khất sĩ chưa phải rõ ràng Ứng cúng. Nay được Vô sinh nhãn, phá hết giặc phiền não, là ruộng tốt, dùng quả đối nhân mà giải thích ba nghĩa của La-hán. Nếu luận thành tựu thì nên chọn ba nghĩa quả, nếu chung với sơ học thì cũng nên chọn ba nghĩa nhân. Giải thích như đây đều là trong ý Tam tạng và Thông giáo. Nếu theo Biệt giáo, Viên giáo thì nghĩa không như vậy. Không phải chỉ sát tặc mà cũng sát không tặc. Không tặc là Niết-bàn, cũng phải phá cho nên nói nghĩa sát tặc. Bất sinh đối với sinh cũng bất sinh bất sinh, vô lậu là bất sinh. Chẳng những ứng cúng mà còn là Cung ứng. Tất cả chúng sinh là Cung ứng, đều tán thán công đức của hàng Sơ địa Sơ trụ. Bản tích: Bản là được Nhất thừa

Bất thọ Tam-muội, đối nhị biên không còn chấp trước cho nên nói Bất sinh. Đoạn ngũ trụ hoặc, cho nên nói Sát tặc. Có thể làm phước cho chín đường lợi ích chúng sinh, cho nên nói Ứng cúng. Đây là nghĩa Bản. Phược tiện độ chúng sinh trải qua ngũ vị giáo truyền trao làm bất sinh, là nghĩa Tích. Lại Bản là Pháp thân, Tích thị hiện lợi mình. Bản là Bát-nhã, Tích thị hiện Bất sinh. Bản là giải thoát, Tích thị hiện Sát tặc...

Quán tâm: Không quán là Bát-nhã, Giả quán là Giải thoát, Trung quán là Pháp thân. Lại quán tâm: quán Giả nhập Không cũng có ba nghĩa, cho đến quán Trung đạo. Sát giặc vô minh, không sinh tâm Nhị thừa; cúng dường người này, như cúng dường Thế Tôn. Kinh Phương Đẳng nói: “Cúng Phật và Văn-thù không bằng thí cho người hành Phương đẳng, một bữa ăn đủ nuôi thân thể”. Văn dưới nói: “Chê, khen Phật thì tội phước nhẹ hơn chê khen người trì kinh”. Vì sao? Vì Phật không có tướng thực (không tưởng việc ăn uống), từ lâu ngài đã lìa bát phong, không bị tổn ích. Thí cho người trì kinh thì nhục thân nối tiếp báo mạng, sinh pháp thân, tăng tuệ mạng, cho nên có ích. Chê bai làm họ buồn phiền, thoái tâm, hối hận, để mất thời cơ tốt không thể cứu vãn được, cho nên tổn hại lớn...

4. Tán thán: Có năm câu tán thán ba đức trên. Pháp Hoa luận nói: Câu đầu tổng, câu sau biệt. Phải biết các câu đều tán thán A-la-hán. “Các lậu đã hết, không còn phiền não”: hai câu này tán nghĩa “Sát tặc” trên. “Lậu” là ba lậu. Thành luận nói: “Thất đạo, cho nên gọi là lậu”. Luật nói: “Người si tạo nghiệp, mở cửa các lậu”. Luận Tỳ-đàm nói: Lậu rơi trong sinh tử. Luận, Luật nói khác nhau mà đồng rõ nghĩa lậu, bởi do giặc cuồng mê đánh mất hết lý thật, bản cùng cô độc tạo ác nghiệp, gây nên khổ sinh tử, đánh mất pháp thân tuệ mạng, bỏ báu vật quý giá đều là nghĩa “tặc”. Không thích ứng là nghĩa Bất sinh là tán tán thán đức. “Phiền não”: tức chín mươi tám sử là Lưu, Ách, Triền cái... bức não người tu hành. Phiền não là năng nhuận, lậu nghiệp là sở nhuận. Năng sở đã tận, chính là nghĩa Sát tặc, đâu được tán thán nghĩa bất sinh? “Được lợi mình”, một câu là tán thán Ứng cúng. Nhân quả trong ba cõi đều gọi “người khác”. Trí Đoạn công đức, gọi là “lợi mình”. Lợi mình đầy đủ cho nên thành Ứng cúng. Hai câu: “dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại” (tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại), là tán thán Bất sinh. “Các cõi (chư hữu)” tức hai mươi lăm cõi, là chỗ ở của chúng sinh. “Sự ràng rịt (kết)” là nhân khiến sinh trong hai mươi lăm cõi. Nhân tận thì quả mất, là tán thán nghĩa Bất sinh, không đúng tán thán Sát tặc. La-hán chỉ ứng Kết tận mà chưa ứng Hữu tận. Hữu tận, là trong nhân nói

quả. Lại “tận” là không còn lâu xa nữa. “Tâm được tự tại”, định đầy đủ gọi là “tâm tự tại”. Tuệ đầy đủ, gọi là tuệ tự tại. Tuệ tự tại thì chưa hẳn tâm tự tại. Tâm tự tại chắc hẳn tuệ tự tại. Nay nói tâm tự tại tức là định tuệ đầy đủ. Đều là người giải thoát. Người Câu giải thoát thì không còn sinh nữa (sinh quyết định tận), nghiệm biết tán thân đức Bất sinh. Nếu y Pháp Hoa luận, thì gọi là Thượng thượng khởi môn. Đó là lấy sau giải thích trước. Luận nói: “do các lậu tận, cho nên gọi là La-hán, do tâm được tự tại cho nên gọi là hữu kết tận” Như vậy truyền dẫn giải thích lên trên.

Giải thích theo Bản Tích: Bất sinh bất sinh gọi là Đại Niết-bàn, dòng phiền não kia đã khô cạn từ lâu nên không còn đọa lại vào Nhị thừa và phạm phu tức Bản bất sinh. Công đức Thật tướng Trí Đoạn của Pháp thân gọi là Bản lợi mình, chứng đắc vương Tam-muội phá hai mươi lăm cõi, hiển xuất Ngã tánh, đầy đủ tám tự tại ngã gọi là Bản sát tặc. Theo Tích: thị hiện công đức Nhị thừa.

Giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán không lọt, đọa vào Không Giả nhị biên, nhị biên phiền não diệt. Năng quán tâm tánh gọi là thượng định, y châu (ngọc trong áo) bí tạng là vật của mình, tức là “lợi mình”. Chánh quán Trung đạo thì đoạn Kết Hoặc. Không “kết” cho nên “hữu” cũng đoạn, Nhị biên không thể buộc tâm, cho nên gọi là “tự tại”. Tuy có phiền não mà như không phiền não. Không đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn, tức nghĩa kia vậy.

5. Liệt danh: Lược nêu tên hai mươi một vị Tôn giả, các đệ tử của Phật đều đủ các hạnh, nhưng ẩn chứa công năng viên mãn, mỗi vị tùy theo một đức mà đặt tên muốn dẫn thiên về sự hay tốt của vị đó. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Kiều-trần-như Tỳ-Kheo đều cùng tên thượng tọa, đây tùy đức đại nhân tướng. Xá-lợi-phất với trí tuệ thâm lợi, Mục-kiền-liên với thân thông đệ nhất, đều nêu mỗi vị một pháp, ý dẫn chứng sự hay tốt riêng (sở trường) của mỗi người. Nếu muốn hiểu rõ danh cần phải hiểu sự tu hành của các vị kia, tùy theo đức mà lập hiệu, nếu không xét qua thì không thông hiểu. Mỗi một vị La-hán theo lệ có bốn sự giải thích... “Kiều-trần-như” là họ, Trung hoa dịch là Hoả-Khí dòng Bà-la-môn, do dòng họ tu theo thần lửa cho nên ngài cũng tùy theo. Hoả có hai nghĩa chiếu và thiêu, chiếu thì tối không sinh, thiêu thì vạn vật không sinh, do đó lấy “Bất sinh” làm họ. “A-nhã” là tên, Trung hoa dịch là Dĩ tri, hoặc gọi Vô tri. Vô tri chẳng phải là không có sở tri, mà là tri cái Vô (Không). Nếu dựa vào Nhị đế thì là tri Chân đế, lấy Vô sinh trí làm tên. Các kinh Vô Lượng Thọ, Văn-Thù Vấn và luận A-Tỳ-Đàm

Bà- Sa đều gọi “Liễu Bản Tế, Tri Bản Tế” .Nếu căn cứ vào Tứ đế, thì là tri Diệt đế, nhưng các kinh phần nhiều gọi là “Vô tri”, hoặc dịch là “Đắc đạo”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Trong Phật pháp ta hàm chứa vị khoan dung nhân đức bác ái hiểu biết, người đầu tiên thọ pháp vị đó là đệ nhất Câu-lân-như Tỳ-kheo, cho nên lấy A-nhã đặt tên.

Giải thích theo Nguyên: Đức Phật thuở xa xưa gặp thời đói khát hóa làm con cá lớn mắt đỏ, nín hơi không thở, chỉ hiện tướng chết. Lúc ấy có năm người thợ mộc cầm dao búa tới làm thịt cá. Khi ấy Phật thệ rằng: “Đời sau, khi thành Phật ta sẽ độ cho những người này trước”. Nguyên trước kia hợp với vô sinh, cho nên gọi là A-nhã. Lại, thời Phật Ca-diếp có chín người học đạo nhưng có năm người chưa đắc quả, thế trong pháp hội của đức Thích-ca sẽ khai ngộ đầu tiên. Bản nguyện dẫn dắt khiến đắc vô sinh trước, nên gọi A-nhã.

Giải thích theo Hạnh: trí sinh hoặc diệt, là hạnh Trí Đạo. Xét rằng đêm dài tối tăm ngủ mãi không có người nào thức, mặt trời chưa xuất hiện, sao sáng hiện trước, Kiều-trần-như Tỳ-kheo ban đầu đắc Vô sinh trí, thí như sao sáng tại khởi đầu của các ánh sáng. Ánh sáng trí tuệ của mọi người không ai trước Kiều-trần-như cho nên gọi là A-nhã. Ban đầu phá bóng tối, chẳng có gì qua ánh sáng sao, Kiều-trần-như cũng vậy. Tất cả mọi người diệt bóng tối, không ai trước Kiều-trần-như, nên gọi A-nhã. Lúc trước khi Thái tử bỏ nước và vương vị vào núi học đạo, vua cha lo lắng sai năm người đuổi tìm theo hầu. Năm người ấy tên là Câu-lân-an-ty cũng gọi là Thấp-ty, A-duyệt-thị, Mã-tinh-bạt-đề, Ma-ha-nam, và Thập Lực Ca-Diếp, được sai phục vụ Thái Tử. Hai người bên mẫu thân, ba người bên phụ thân. Hai người lấy dục làm tịnh hạnh, ba người lấy khổ hạnh làm tịnh hạnh. Thái tử siêng hành khổ hạnh, hai người liền bỏ đi, còn lại ba người. Thái tử bỏ khổ hạnh, trở lại thọ ăn uống tô dầu mè uống nước ấm, thì ba người còn lại cũng bỏ đi. Sau khi Thái Tử đắc đạo, trước hết ngài tìm năm anh em Kiều-trần-như để thuyết Tứ đế, ban đầu giáo hóa hai người, Câu-lân đắc pháp nhân tịnh, còn bốn người chưa đắc. Ba người khát thực, sáu người cùng ăn. Lần kế tiếp giáo hóa ba người, cả ba đều đắc pháp nhân tịnh. Hai người khát thực, sáu người cùng ăn thời thuyết pháp thứ ba thì năm anh em Câu-lân cùng tám vạn chư thiên đều viển ly trần cấu, năm người đắc pháp Vô sinh. Đức Phật ba phen hỏi: “Hiểu pháp chưa?” thì ba phen đều đáp “Đã hiểu”. Thần đất xướng lên, thần hư không truyền đến Phạm thế đều vang lên “Đã biết”. Câu-lân là người đầu tiên, trước nhất thấy tướng Phật đạo, người đầu tiên nghe tiếng trống pháp, người đầu tiên

thấm nhuần hương đạo, người đầu tiên nếm vị cam lộ, người đầu tiên vào dòng chánh pháp, người đầu tiên chứng nhập chân đế, đắc đạo ở cõi Diêm-phù, trước hết thầy nhân, thiên, La-hán. Cho nên Kinh Thập Nhị Du nói: “Khi Phật thành đạo, năm đầu tiên độ năm người, năm thứ hai độ ba anh em Ca-Diếp và đệ tử họ, năm thứ năm độ Thân-tử và Mục-kiền-liên”. Phải biết A-nhã là trước tiên hết. Đây là giải thích theo Nhân duyên.

Tam tạng giáo: Mù ví như vô sinh trí, gương như Vô sinh cảnh, đó là ấm nhập giới vậy. Sáu phần của thân thể là đầu v.v... ví như nhân hiện tại, bóng trong gương ví như quả vị lai. Nếu mở mắt nhìn vào gương thì thấy cái bóng, tức là ảnh đối hình hiện tại, gọi là bóng sinh, vì ngu nên không đoạn tuyệt. Nếu nhắm mắt như mù thì không có cái bị thấy, không thấy sáu phần là nhân không sinh, không thấy bóng trong gương là quả không sinh. Cho nên Kinh A-hàm nói: Nếu cho rằng có sắc, sắc là tịnh, thì tịnh tức sinh chẳng phải bất sinh. Nếu nói có thọ tướng hành thức, thức là tịnh, thì tịnh tức sinh chẳng phải bất sinh. Nếu nói có thọ, thọ là lạc, thì lạc tức sinh chẳng phải bất sinh. Cho đến sắc, sắc là lạc, thì lạc là sinh không phải bất sinh. Nếu chấp có tướng hành, hành là ngã, thì ngã là sinh chẳng phải bất sinh. Cho đến sắc, sắc là ngã, thì ngã là sinh chẳng phải bất sinh. Nếu chấp có thức, thức là thường, thì thường là sinh chẳng phải bất sinh. Cho đến sắc, sắc là thường, thì thường là sinh chẳng phải bất sinh. Ví như cầm gương soi thấy mặt, thì mặt là sinh chẳng phải bất sinh. Nếu cho rằng: có ngũ ấm, thì đều là sinh chẳng phải bất sinh. Nếu có thể biết sắc chẳng tịnh, cho đến thức chẳng thường, và có thể biết sắc vô thường, khổ, không, bất tịnh cho đến thức vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thì đó gọi là bất sinh chẳng phải là sinh. Như người mù cầm gương soi thì không thấy hình bóng sinh, đó gọi là bất sinh chẳng phải là sinh. Đã biết bất sinh, thì đâu còn ở trong đó mà chấp ngã là sắc, chấp ngã khác sắc, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã cho đến thức cũng như vậy. Quán như thế, thì từ nhân hiện tại quả vị lai thầy đều bất sinh, như người mù đứng trước gương không thấy bóng, đó gọi là dùng Trí quán để quán ấm vô sinh. Quán Nhập, Giới: Phạm nói biển tuy là sâu, rộng nhưng cũng có bờ bên này, bờ bên kia, bởi vì ít nước! Nếu mắt thấy sắc rồi ái nhiễm đắm tham vui, thì tạo nghiệp của thân khẩu ý. Đó gọi là đại hải, làm đắm chìm tất cả thế gian Thiên, nhân, A-tu-la. Nên biết: nhân là đại hải, sắc là sóng cả, thọ sắc đây cho nên ngược dòng. Trong đó khởi cái thấy bất thiện là rồng cá dữ, khởi tâm đố kỵ hại người là quỷ La-sát nam, khởi nhiễm ái là nữ

quĩ, khởi thân khẩu ý là bị ống nước tự chìm. Đó gọi là ở nơi nhĩ sắc vô tri mà sinh vô minh ái, ái sinh cho nên gọi là hành, hành sinh cho nên gọi là nghiệp. Nghiệp trói buộc thức nhập trung ấm, đó gọi là thức sinh, thọ trong bào thai. Ngũ bào chưa thành, gọi là danh sắc sinh. Ngũ bào thành rồi, gọi là lục nhập sinh. Lục nhập chưa có thể phân biệt khổ lạc gọi là xúc sinh. Phân biệt khổ lạc, gọi là thọ sinh. Đối với trần khởi nhiễm, gọi là ái sinh. Rong ruổi tìm cầu khắp bốn phương, gọi là thủ sinh. Tạo thân khẩu ý gọi là hữu sinh. Ứng thọ ngũ ấm đời vị lai, gọi là sinh sinh. Ngũ ấm đời vị lai biến đổi, gọi là lão sinh. Ngũ ấm đời vị lai hoại, gọi là tử sinh. Trong lòng chất chứa sầu lo, gọi là ưu sinh. Cất tiếng thương khóc kêu la, gọi là bi sinh. Thân tâm khốn khổ động lòng, gọi là khổ não sinh. Đó gọi là khi nhĩ thấy sắc tức có tụ khổ lớn ba đời mười hai nhân duyên, chẳng phải bất sinh. Mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý, nhĩ giới... cho đến pháp giới, cũng đều như thế, đó gọi là Nhập giới sinh chẳng phải bất sinh.

Thế nào là không sinh (bất sinh)? Khi quán mắt và sắc, không gieo hạt giống khổ (vào thức) thì mầm mống khổ không sinh. Không bừa bãi phóng uế thì ruồi nhặng không bu. Nếu cái hạt giống không sinh, thì mầm không sinh. Như mùi xú uế đã không sinh, thì ruồi nhặng cũng không sinh được, cho nên, gọi là Không sinh.

Thế nào là hạt giống khổ? Khi mắt thấy sắc khởi lên các tâm ham thích, hay giận dữ đó là hạt giống khổ. Nhớ pháp ngũ dục, tức sinh mầm khổ. Sáu căn nắm bắt sáu trần, đó là nơi tuôn ra xú uế. Trong sáu trần các niệm thiện ác đua nhau khởi, ví như ruồi nhặng. Nếu biết mắt và sắc đều là vô thường, khổ, không, vô ngã thì không sinh cái tâm ham thích, không khởi niệm dục, dựa lấy cảnh mà không sinh tâm thiện ác, thì hành (nghiệp) cũng không sinh. Tai mũi lưỡi thân ý cũng như vậy. Chính nhĩ giới cho đến pháp giới cũng như vậy. A-nhã trước tiên đã chứng đắc Bất sinh trí theo nghĩa của Tam tạng giáo này, nên gọi là A-nhã Kiều-trần-như. Thông giáo quán vô sinh: Thì như người huyễn cầm gương huyễn, lấy sáu phần huyễn soi gương huyễn thấy bóng huyễn. Bóng chẳng phải do gương sinh, chẳng phải do mặt sinh, chẳng phải gương mặt hợp lại sinh, chẳng phải lìa gương và mặt mà sinh. Đã không phải từ bốn câu ấy thì chẳng phải ở trong, ở ngoài, ở giữa, chẳng thường tự có cũng không có chỗ diệt, đi không tới Đông Tây Nam Bắc. Tánh vốn không sinh; chẳng phải diệt sinh mới là không sinh. Tánh vốn không diệt, chẳng phải diệt diệt mới là không diệt. Không sinh không diệt, cho nên gọi là Vô sinh. Thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy. Lại, quán

huyễn sắc như bóng huyễn trong gương huyễn, quán thọ như bọt nước, quán tưởng như lửa bốc cháy, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn. Mà huyễn không từ vật huyễn sinh, không từ thầy huyễn sinh, không phải vật và thầy hợp lại mà sinh, không phải lia thầy và vật mà sinh. Bốn câu cầu huyễn sinh, sinh không từ đâu đến. Bốn phương cầu huyễn diệt, diệt không có chỗ đi. Tánh vốn không sinh, chẳng phải diệt sinh mới là không sinh. Tánh vốn không diệt, chẳng phải diệt diệt mới là không diệt. Không sinh không diệt, cho nên gọi không sinh. Quán căn trần như làng xóm, là chỗ ở của giặc kết sử, từ trước đến nay mỗi mỗi không thật, vì vọng tưởng mà khởi, nghiệp lực căn cơ dần xếp giả làm không tự. Vô minh thể tánh vốn tự không có, do vọng tưởng nhân duyên hòa hợp mà có. Có vốn tự không có, do nhân duyên mà thành. Nghiệp khổ phiền não như quay vòng lửa. Quán phiền não kia vốn không có, đều như trên nói, đây là ý của Thông giáo...



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 1

(Phần Hạ)

Biệt giáo quán vô sinh trí: Gương ví như pháp giới, mắt ví như trí quán, xanh vàng đỏ trắng lớn nhỏ dài ngắn ví như mười pháp giới. Xanh ví như nhân quả địa ngục, vàng như nhân quả ngạ quỷ, đỏ như nhân quả súc sinh, trắng như nhân quả nhân thiên. Sắc tượng nhỏ ví như nhân quả Nhị thừa, sắc tượng lớn ví như nhân quả Thông giáo Bồ-tát, sắc tượng ngắn ví như nhân quả Biệt giáo Bồ-tát, sắc tượng dài ví như nhân quả Phật, đều ở trong gương phân biệt không sai. Nếu muốn tự chánh thì khiến chín nhân quả không sinh, một nhân quả sinh. Nếu muốn chánh tha thì khiến họ chín nhân quả không sinh, một nhân quả sinh. Y pháp giới hành Bồ-tát hạnh, theo thứ tự dùng chiết Thể quán trí, đoạn Tứ trụ sinh, khiến cho không sinh. Tiếp đến, dùng Hằng sa Phật pháp đoạn dứt khách trần phiền não, khiến vô tri không sinh. Sau dùng trí tuệ thật tướng đoạn vô minh, khiến căn bản phiền não không sinh. Nếu không có Tứ trụ thì Phần đoạn không sinh. Nếu không có vô tri, thì phương tiện không sinh. Nếu không có vô minh, thì thật báo không sinh, sinh cũng bất sinh, bất sinh cũng bất sinh, cho nên gọi bất sinh. Đó gọi là Biệt giáo vô sinh trí.

Căn cứ Viên giáo quán vô sinh trí: Quán gương tròn đầy không quán mặt trái, không quán bóng trong gương, chẳng trái chẳng tối chẳng mặt chẳng sáng, không chấp các thứ hình dáng, không chấp các thứ dài ngắn, chỉ quán tròn đầy, không có bờ mé không đầu đuôi, không sáng tối, không đồng khác sai biệt. Dụ cho đối với Viên quán không chấp tướng mạo của mười pháp giới, không thiện ác không tà chánh, không lớn nhỏ... tất cả đều tiêu diệt, chỉ duyên thật tướng của các pháp, pháp tánh Phật pháp, hoặc sắc hoặc hương đều là thật tướng. Quán phiền não nghiệp sinh tức vô sinh, vô sinh bất sinh cho nên gọi vô sinh. Ấm nhập giới khổ tức là pháp thân, không phải hiển hiện cho nên gọi là pháp thân. Chướng tức là pháp thân, tham sân si tức là Bát-nhã. Chẳng năng

sáng tỏ cho nên gọi là Bát-nhã. Vô sở khả chiếu, tánh tự rõ ràng, nghiệp hành trói buộc đều gọi là giải thoát. Chẳng phải đoạn trói buộc thì mới được giải thoát, cũng không có cái thể đáng để trói buộc, cũng không có khả năng trói buộc nên gọi là giải thoát. Giải thoát tức nghiệp bất sinh, Bát-nhã tức phiền não bất sinh, pháp thân tức khổ bất sinh, Đó là ba bất sinh tức một bất sinh, một bất sinh ấy tức là ba bất sinh, chẳng phải ba chẳng phải một cho nên nói bất sinh, hướng chi biến dịch phiền não nghiệp khổ mà chẳng phải bất sinh ư! Đây là Viên giáo quán vô sinh trí.

Bổn tích: Kiều-trần-như vốn tự không sinh, chẳng phải ban đầu không sinh, muốn làm cho Sửa thành Lạc, cho nên Tích là sơ giáo bất sinh. Làm cho Lạc thành Sinh tô cho nên Tích là Thông giáo bất sinh. Làm cho Sinh tô thành Thục tô, cho nên Tích là Biệt giáo bất sinh. Làm cho Thục tô thành Đề hồ, cho nên Tích là Viên giáo bất sinh. Nhưng Bản địa kia trú nơi pháp môn chữ A (không), nghĩa là tất cả pháp ban đầu không sinh. Nếu nghe pháp môn chữ A, thì hiểu tất cả nghĩa đều chẳng sinh chẳng bất sinh. Thị hiện Tích dẫn hóa có thể là sinh bất sinh. Chúng sinh nếu có thể hội nhập bất sinh theo nghĩa của Viên giáo thì đồng với A-nhã. Chẳng Bản chẳng Tích chẳng sinh chẳng bất sinh, tức Đại sự nhân duyên đối với đây đã xong. Cho nên đoạn văn dưới nói: Phú-lâu-na biến hóa bao nhiêu việc, nếu ta nói đầy đủ thì e rằng chúng sinh nghe sẽ sinh tâm nghi ngờ, tức nghĩa này vậy. Kinh A-hàm nói: A-nan cầm lồng đèn đi sau Phật, Đại Phạm vương cầm lồng đèn theo sau Kiều-trần-như. Đây đều là bày Tích mà muốn hiển Bản. Quán tâm bất sinh, là căn cứ vào tam quán thì có thể biết bất sinh, đây không phiền nói nhiều.

“Ma-ha Ca-Diếp”: Trung hoa dịch là Đại Quy Thị, do tổ tiên học đạo, gặp con linh qui đội bản đồ Tiên mà ứng. Theo đức mạng đó nên lập họ là Quy. Chân Đế Tam Tạng dịch là Quang Ba, là vị Cổ tiên do thân ngài có ánh sáng hơn các ánh sáng khác, che phủ khiến các ánh sáng khác không hiện rõ, cho nên gọi là Quang Ba, cũng dịch là Âm Quang. Ca-Diếp thân sáng.

Có thể chiếu sáng các vật, gọi là Tất-bát-ba-la-diên, hoặc Thê- tỳ-lê, là cây Tất-bát-la vậy. Cha mẹ cầu đảo ở Thần cây mà sinh được ngài, nên lấy tên cây để đặt tên ngài, Bạt-kỳ Tử sinh nơi tụ lạc này nên lấy làm hiệu. Ngài con nhà giàu có. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài là con vị trưởng giả giàu có ở thành Vương xá tên Ca-tỳ-la, vợ tên Đàn-na con tên Tất-bát-la con vợ tên Bà-đà, gia đình ngài giàu gấp

đôi vua Bình Sa Vương, mười sáu nước lớn không cùng làm láng giềng. Phó Pháp Tạng nói: Sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi diệt độ, tháp tượng sắc vàng bị hư hoại, lúc ấy có người con gái nghèo xin được vàng ngọc cùng ngài tu sửa phết vàng lên tượng, ngài rất hoan hỷ tu sửa tượng rất sáng, sửa xong ngài phát thệ nguyện cùng làm phu phụ. Trong chín mươi mốt kiếp ở cõi Trời cõi người, thân thường có sắc vàng, tâm thường thọ lạc. Kiếp cuối ngài thác sinh vào gia đình bà-la-môn Ni-câu-luật ở nước Ma-kiệt-đà, sợ hơn vua thì phạm tội nên ngài giảm bớt một phần ruộng cày chỉ dùng chín trăm chín mươi chín cặp trâu và vàng thôi! Lại Kinh dạy: Nhà có phẩm vật rất nhiều chồng chất lên nhau cho đến giá trị trăm ngàn lượng vàng, dùng đinh đóng vào đất bẫy thước vẫn không xuyên thủng phá được, vẫn như cũ không khác, sáu mươi kho vàng lúa, một kho chứa ba trăm bốn mươi hộc, loại kho chứa tiền và lúa. Lại kinh chép rằng: Lấy lúa cúng dường Bích-chi-phật. Nhọc nhằn vượt qua cõi Đao-lợi, rồi một ngàn phen trở lại tọa lạc, thân có ba tướng. Nói rõ về sắc, vàng như loại Diêm-phu-na-đà, ở đáy nước đục vẫn sáng thấu lên mặt nước, ở trong tối, bóng tối không còn. Ngài Ca-diếp thân sáng hơn cả vàng này, thân sáng chói đến một do tuần, ngài chỉ thiếu hai tướng so với Phật là không có bạch hào và nhục kế, cho nên khi chư thiên thỉnh ngài kết tập kinh điển có tán thán rằng: “Tuổi cao dục nhuế mạn đã trừ, hình dáng ngài như trụ vàng tía, toàn thân trang nghiêm vi diệu không sánh kịp, mắt trong sáng như hoa sen, đem của cải hiến dâng, xả bỏ gia nghiệp dục vọng mà xuất gia, thân mặc y báu vô giá cắt làm Tăng-già-lê để chồng bốn lớp làm tòa dâng Phật”. Như vậy ba phen xả bỏ thế tục, không ai sánh kịp, đó là “xả đại”, ở nơi tụ lạc Bạt-kỳ gặp Phật cúng y báu, Phật trao cho y phần tảo làm đại y, y này là đại y của đại thánh, lại không thô nặng nên Ca-diếp nói: Ta thọ nhận y của Phật, tưởng y như thầy như tháp, chưa từng gối đầu hướng chi đắp nằm. Đại y ấy khiến cho ta tinh tấn tu hành, cho nên nói “thọ đại”. Trong hàng đệ tử Phật nhiều tên Ca-diếp như ba ngài Thập Lực Ca-diếp... đều là bậc đại nhân, tuy đồng tên nhưng ngài là vị lớn nhất cho nên gọi là Đại Ca-diếp. Ở tụ lạc Bạt-kỳ ban đầu từ Phật nghe tăng thượng giới định tuệ liền đắc vô lậu, thọ pháp khát thực theo hạnh Đầu-đà suốt mười hai năm, đến già cũng không bỏ. Về sau Phật dạy ông tuổi đã cao, có thể xả hạnh khát thực trở về với chúng để thọ thực, có thể xả thô y nặng phần tảo mà thọ y hoại sắc nhẹ của cư sĩ cúng! Ca-diếp bạch Phật: Phật không xuất thế con sẽ làm Bích-chi-phật, thệ trọn đời hành khổ hạnh đầu đà, con nay không dám buông bỏ sự tu tập lại học theo thứ khác, lại muốn làm

sáng tỏ đời sau, đời vị lai sẽ nói: “Thượng tọa Ca-diếp được Phật ngợi khen, chúng ta cũng học hành khổ hạnh khó làm”. Nghe xong Phật nói: “Lành thay! đó là hạnh lớn”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Trong pháp của Phật, hành mười hai pháp Đầu-đà là khổ hạnh khó hành”. Đại Ca-diếp là vị thực hành đệ nhất. Ngài tu hạnh này đã lâu, râu tóc không cao, y phục rách cũ xấu, ngài đi đến chỗ Phật thì các Tỳ-kheo thấy vậy liền khởi tâm kiêu mạn, đức Phật bảo ngài đến chia nửa tòa cùng ngồi. Ca-diếp không dám ngồi. Phật dạy: “Ta có Tứ thiên, thiên định hơi thở, tâm từ đầu đến cuối không có hao tổn, Ca-diếp cũng như vậy. Ta có đại từ bi nhân đức bao trùm tất cả, ông cũng như vậy thể tánh cũng từ bi, ta có đại bi cứu độ chúng sinh ông cũng như vậy. Ta có Tứ thiên Tam-muội: 1. Vô hình. 2. Vô lượng ý. 3. Thanh tịnh tích. 4. Bất thoái chuyển, thì ông cũng như vậy. Ta có lục thông, ông cũng như vậy. Ta có Tứ định: 1. Thiên định. 2. Trí định. 3. Tuệ định. 4. Giới định, thì ông cũng như vậy”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Có Bà-la-môn bạch Phật: Hôm qua có Bà-la-môn đến nhà con, là người nào? Phật chỉ Ca-diếp. Người đó nói: “Đây là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn”. Phật dạy: “Pháp luật Sa-môn, pháp luật Bà-la-môn ta đều biết, Ca-diếp cũng như vậy”. Công đức của Ca-diếp cùng đồng ta không khác, vì sao không ngồi? Các Tỳ-kheo nghe Phật khen ngợi Ca-diếp thì tâm sợ hãi, lông tóc dựng đứng. Phật dẫn chúng nhân duyên: Xưa có vị Thánh vương hiệu là Văn-đà-kiệt, tài cao tuyệt đỉnh, Thiên đế tôn kính tài đức của ngài liền sai ngàn ngựa xe lập thành cổng chào nghênh đón, vua Thiên đế cùng quần thần mời Thánh vương ngồi chung một tòa, chung vui xong rồi tiễn vua trở về hoàng cung. Xưa Ca-diếp dùng tòa sinh tử ngồi chung với ta, nay ta thành Phật dùng tòa chánh pháp đáp lại công lao trước đây. Khi ngồi đối diện với Phật, hàng thiên nhân đều cho là thầy của Phật. Lại Ca-diếp cùng A-nan thường thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, có một Tỳ-kheo-ni không vui nói: “Như đứa trẻ con mua bán kim ở trước ông thầy châm cứu mà bán kim”. Ca-diếp bảo A-nan: “Tỳ-Kheo-ni này ví ông là thầy châm cứu, còn tôi là đứa trẻ bán kim.” Qua hai lời nói ấy, Phật bèn thuyết Kinh Nguyệt Dụ rằng: ngày ngày thường tăng tiến như người mới học chỉ có Đại Ca-diếp, ông nghe không? Ở trong Đại chúng được chia nửa tòa, ông nghe không? Ở trong Đại chúng được tán thán công đức rộng lớn đồng Phật, ông nghe không! Tại sao người ấy lại là trẻ con bán kim? Người ấy bị vu khống bị Phật quở trách. Vị đại: Ở trong Đại chúng gọi là Đại, đối trong một ngàn hai trăm năm mươi người gọi là Đại, ở trong năm trăm người gọi là Đại, trong bốn đại đệ tử gọi là Đại,

làm chủ ngữ sơn tự, là vị Thượng tọa Tri sự ở cõi Diêm phù đề cho nên nói “vị đại”. Sau khi đức Phật thiêu thân thành tro than nơi ấy mọc lên bốn cây Bát-đa-la, đây là tiêu biểu ngài Ca-diếp kết tập ba tạng kỳ kiếp pháp, làm tam tạng tứ A-hàm.

Trong bài tựa của ngài Tăng Triệu có viết: “Cái tông chỉ tuyệt đối rất ráo mầu nhiệm thật xứng ở nơi gọi là: Sự vắng lặng vượt khỏi ngôn ngữ, không thể truyền đạt, mà các Thánh hiền thường dùng. Đức Thích-ca dùng tông chỉ đó thiết lập giáo tột cùng, ngăn phòng thân khẩu nghiệp chế ra giới luật, phân rõ thiện ác mà dẫn dắt chúng sinh thâm nhập khế kinh, diễn bày đạo lý u huyền, biện minh mà dùng pháp tướng”. Đây tức nói rõ Tam tạng Giới, Định, Tuệ vậy. Kinh Tăng Nhất nói rõ nhân quả nhân thiên, kinh Trường A-hàm phá tà kiến, kinh Trung A-hàm nêu rõ nghĩa sâu mầu, kinh Tạp A-hàm nói rõ thiền định, đều do công của Đại Ca-diếp. Nếu luận riêng về sự kết tập thì A-nan tụng Tu-đa-la, Ưu-ba-ly tụng Tỳ-Ni, Ca-diếp tụng A-tỳ-đàm, nên gọi là Đại kết tập vậy. Sau khi Như Lai diệt độ truyền pháp lại cho Ca-diếp, vì ngài có thể vì tất cả chúng sinh làm chỗ nương cũng như Như Lai. Vì sao vậy? Phật dạy: Vì nếu có người hành khổ hạnh Đâu-đà thì pháp của ta còn tồn tại, Ca-diếp có khả năng gánh vác Phật pháp khiến cho giáo pháp tồn tại lâu dài, cho đến khi trao truyền y pháp cho Phật vị lai rồi mới nhập diệt nên nói là trì pháp đại. Ca-diếp đem tóc Phật bí mật lên cõi trời lễ Phật vì chư thiên thuyết pháp rằng: “Làm thiện sinh lên cõi trời, làm ác bị đắm chìm trong cõi dục, vô thường như sương đọng trên hoa gặp ánh nắng mặt trời thì tan biến”. Thuyết xong rồi bỏ đi. Chư thiên khóc lóc than rằng: “Đường nhỏ ngõ cùng toàn đau khổ nguy hiểm, gây yếu nghèo khổ cô độc, mong hằng thương xót. Nay ngài diệt độ thì ai bảo hộ che chở?”

Căn cứ Giáo, giải thích Đẩu tẩu: Đẩu tẩu là rũ sạch mười hai lỗi như: Cầu mong y tốt thì khổ, được nhiều thì sợ, bị mất thì lo buồn. Y phấn tảo thì không bị năm thứ sợ: nước, lửa, đao, tặc, vương nạn. Nếu cất chứa nhiều, thì may vá, giặt, cất cũng nhọc công nhiều, cho nên chỉ có ba y. Nếu dùng bữa ăn trong Tăng chúng, phải mưu tìm công việc giúp Tăng cho nên chỉ khát thực, nếu ăn dư, ăn vật là làm nhiều động mất thời gian tu tập cho nên chỉ ăn một bữa. Không nên ăn nhiều bởi vì ăn nhiều thì khó tiêu sinh buồn ngủ biếng nhác, ăn ít thì sợ thiếu đói, không đủ sức tu hành, cho nên phải ăn vừa lượng. Lại dùng nhiều bát thì chỉ vương bận rửa ráy gìn giữ cho nên chỉ dùng một bát. Các loại nước uống phải làm lụng cực nhọc mới có, nên không được uống nhiều.

Ở nơi phòng xá thì dễ sinh tâm nhiễm đấm nên phải ở dưới gốc cây. Ở dưới gốc cây ở cũng sinh lòng bảo thủ tham đấm, cho nên phải ở nơi gò mả. Ở nơi gò mả dễ sinh lòng thương xót buồn rầu, nên phải ở nơi đất trống. Nếu nằm thì tiêu hao công đức, tăng trưởng lưỡi biếng, cho nên phải thường ngồi. Hai điều nói cách dùng y, sáu điều nói cách ăn uống, bốn điều nói về chỗ ở. Nay chỉ ước lược pháp khát thực để làm rõ hạnh Đầu-đà. Khi khát thực được dễ dàng thì sinh tâm vui, gặp khó khăn thì sinh giận, được tốt thì đấm, xấu thì buồn, vui buồn khởi lên sắc tướng tức sắc ấm, thọ sự vui buồn này tức thọ ấm, chấp chọn tướng vui buồn tức tướng ấm, lo buồn có được tức là hành ấm, phân biệt vui buồn tức thức ấm. Vui buồn tức ý và pháp, là hai Nhập trong tam giới. Giới nhập ấm tức Khổ đế. Ta năng khát thực là chấp hữu ngã hay vô ngã, lấy khát làm đạo hay lấy khát làm thật? Suy xét như vậy thì sẽ: khen thì mừng, chê thì giận, ta năng bị quả trách tức nghi, không hiểu biết rõ là si, là bị mười sử, bốn đế trải qua ba cõi tức tám mươi tám sử gọi là Tập đế. Nếu biết bốn tướng điên đảo trong khát thực thì tướng tự tướng tục vì bị ngăn che nên gọi “thường”, thích ý gọi là “lạc”, động chuyển tạo tác che lấp cho nên gọi là “ngã”, da mỏng che lấp gọi là “tịnh”. Biết bốn thứ che lấp không có bốn thứ điên đảo, siêng năng ngăn ngừa hai điều ác sinh hai điều thiện, tu Tứ định căn lực, giác đạo là Đạo đế. Trong pháp khát thực, không chấp ngã thì diệt được si, si diệt nên ái diệt, ái diệt nên sân diệt. Sân diệt nên không còn kiêu ngạo thì mạn diệt, cho nên bị quả trách thì không còn nghi. Không còn ngã, cho nên ngã kiến diệt, ngã kiến diệt nên biên kiến diệt, không chấp là đạo thì giới thủ diệt, không chấp là thật nên kiến thủ diệt, không tà chấp nên tà kiến diệt. Diệt được mười thứ này thì tám mươi tám sử diệt, tám mươi tám sử diệt nên tử phước diệt. Tử phước diệt, nên quả phước diệt. Quả phước diệt nên hai mươi lăm hữu diệt. Đó gọi là Diệt đế. Nếu trong pháp khát thực mà không thấy bốn chân đế, thì sẽ bị xoay chuyển trong biển khổ của vòng sinh tử, Nếu có thể thấy bốn chân đế, thì đoạn sinh tử. Sinh tử đã tận rồi thì không còn thọ các hữu, đó gọi là quán tuệ trong pháp khát thực đầu tẩu. Y pháp trụ xứ pháp cũng lại như vậy. Đó gọi là Tam tạng Đầu-đà.

Thông giáo Đầu-tẩu: Duyên chân chứng tịch thì gọi là trú xứ, Không tuệ làm thức ăn, Không tâm hành các hạnh làm y phục. Thường tánh Không, khi đều là tánh không thì Không tuệ đầu tẩu đều như huyền hóa. Vọng tưởng các ác, tịch diệt không khởi, nên tâm sở tâm pháp không hành vì bất khả đắc. Cho nên trong các thứ tướng ứng thì Không

tương ứng là đệ nhất, trong các khổ hạnh thì hạnh Không là đệ nhất, trong các đầu tẩu thì không tuệ đầu tẩu là đệ nhất. Đó là tóm lược xong phần giải thích hạnh Đầu tẩu theo Thông giáo.

Biệt Bản giáo đầu tẩu: Y nơi pháp thân lấy đó làm trú xứ, dùng trí tuệ Bát-nhã làm thức ăn, lấy tất cả hạnh trang nghiêm làm che chở (y phục) để ngăn các ác khổ hắc nghiệp. Bát-nhã Đầu tẩu rũ bỏ các phiền não ác. Pháp thân Đầu-tẩu rũ bỏ Khổ ác sinh tử. Hạnh đầu tẩu trước rũ bỏ Khổ phiền não phần đoạn. Đầu-tẩu tiếp theo rũ sạch nghiệp Khổ phiền não biến dịch. Đây là hành Đầu-tẩu theo Chánh quán Trung đạo, vượt qua sự hành trì Khổ hạnh của Nhị thừa v.v...

Viên giáo Đầu-tẩu: Nơi ở, y áo, thức ăn chỉ là một pháp mà phân biệt nói thành ba. Một Đầu tẩu là hết thấy Đầu tẩu. Hết thấy Đầu-tẩu là một Đầu-tẩu. Không phải hết thấy cũng không phải một. Tất cả Đầu tẩu, không tướng nào không phải Thực tướng. Chư Phật sở hành là hạnh của Như Lai các , vượt qua các thanh tịnh của Bồ-tát v.v...

Giải thích Đầu-tẩu theo Bản tích: Bản: vốn cùng Như Lai đồng tòa rốt ráo lý Không, đồng đặc pháp thân rộng lớn, đồng đặc trí tuệ vô ngại, đồng đặc vô lượng công đức, bên trong thì xả pháp ái, bên ngoài thì không cấu nhiễm, trong ngoài Đầu-tẩu vốn đã thanh tịnh. Tích: muốn dẫn vị Sữa, là Đầu tẩu trong sự. Tiếp theo, dẫn vị Lạc, là Đầu-tẩu trong Không. Tiếp theo, dẫn Sinh-tô là Đầu-tẩu trong Biệt giáo. Tiếp theo, dẫn Thực-tô Đầu-tẩu trong Viên giáo.

Giải thích Đầu-tẩu theo Quán tâm: Tức Không Đầu-tẩu rũ sạch chấp tướng. Tức Giả Đầu-tẩu là rũ sạch Trần sa hoặc, tức Trung Đầu-tẩu là rũ sạch Vô minh hoặc. Nhất tâm Trung quán thì Đầu-tẩu là rũ sạch Năm trụ.

“Ba anh em ngài Ca-diếp”: Ca-diếp như trước giải thích; Ưu-lâu-tần-loa, cũng gọi Ưu-lâu-tỳ, cũng là Ưu Vi, Trung hoa dịch là Một-qua Lâm. Na-đề Ca-diếp Tàu dịch Hà, cũng gọi là giang. Gia-da Ca-diếp cũng gọi Kiết Di, cũng gọi là Tượng. Nhà ở phía Nam thành Vương xá cách bảy dặm. Vào thời Phật Tỳ-bà-thi, ba người cùng là cột trụ của Phật pháp. Khi chưa xuất gia kết nghĩa thành anh em. Người anh là thầy của Bình Sa Vương, có năm trăm đệ tử và hai người em, mỗi người đều có hai trăm năm mươi đệ tử cùng thực hành theo pháp thuật của người anh. Phật vì thu phục ba người, mà thị hiện mười phép biến hóa: Không trúng độc của rồng, rồng phun lửa mà không bị cháy, nước biển Hằng không làm chìm, ba phương hái quả, phương bắc lấy lúa tám cánh, lên cung trời Đao-lợi lấy nước cam lồ, biết các nghi về quá khứ, biết suy

ngã trong hiện tại và vị lai, lửa đốt không cháy, nhắc búa lên mà không hạ xuống. Phật còn thị hiện thêm các điềm lành, tuy nhiên vẫn còn tà chấp không đổi. Còn nói: “Đức Cù-đàm tuy có thần thông quảng đại nhưng không bằng Chân đạo của tôi. Phật liền bảo: “Người không đắc đạo, người chưa phải A-la-hán.” Nói xong thì người anh cùng đệ tử hóa thân khai ngộ, qui phục theo Phật. Hai em thấy vậy cũng đều quy y theo Phật, hợp thành một ngàn Tỳ-Khưu.

Căn cứ về giáo: Như Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ưu-lu-tỳ có thể ủng hộ tứ chúng, cung cấp tứ sự khiến không còn nghèo thiếu, là hộ trì chúng bậc nhất. Na-đề Tỳ-kheo tâm ý vắng lặng, hàng phục các kết, là tinh tấn bậc nhất, Gia-gia Tỳ-kheo quán rõ các pháp đều không còn chỗ đả trước, là bậc khéo giáo hóa bậc nhất. Đó là là trong thời giáo pháp của Phật như vị lạc. Nếu chuyển nhập vào Sinh-tô tức nên thẹn với Tiểu thừa mà hâm mộ Đại thừa, so sánh có thể biết. Nếu chuyển Nhập Thực-tô thì nên theo nghiệp lãnh thọ giáo. Nếu chuyển nhập Đề-hồ thì như trong kinh này, được thọ ký làm Phật.

Bản tích: Trụ nơi ba đức. Lâm tức Bát-nhã, Thành tức Pháp thân, Thủy tức Giải thoát. Đó là bí mật Bản tạng. Tích thì nương theo Lâm Thành Thủy để độ chúng sinh.

Quán tâm: Chánh quán tâm tánh. Trung đạo bất động như bức thành ngăn chặn địch, không động mà động, như nước thanh tịnh các bên điên đảo, song chiếu khô tươi, như rừng cây sum xuê, ba pháp phụ giúp cho nhau tức như cây liền cành, như anh em vậy.

“**Xá-Lợi-phất**” gọi đủ là Xá-lợi-phất-la, Trung Hoa dịch là Thân tử, lại chữ “Xá Lợi” dịch là Châu. Mẹ ngài là người thông minh, đôi mắt sáng như ngọc, cho nên sinh ra ngài đặt là Châu Tử. Lại, “Xá-lợi” dịch là Thân, vì mẹ ngài hình thể rất đẹp, cho nên sinh ra ngài đặt là Thân Tử. Người thời đó gọi tên con hiển lộ mẹ nên lấy đó làm hiệu. Cha đặt tên Ưu-ba-đề-xá hoặc Ưu-ba-thế, Trung Hoa dịch Luận nghĩa tức luận về nghĩa là vợ, luận về tên là con, là nêu lên đức của người cha trong gia đình. Thích luận giải thích: Tên tôi là Đề-xá, theo tôi tức là Ưu-ba-đề-xá, Ưu-ba là theo, Đề-xá là tên tất. Lại, “Xá” tiêu biểu cha, “Lợi” tiêu biểu mẹ, cha mẹ hiển bày nên gọi Xá-lợi-phất, “Phất” là con. Ngài dòng Bà-la-môn, họ Câu-tiêu-đà, Kinh Tăng Nhất nói: “Trong Phật pháp người có trí tuệ siêu việt, có khả năng giải quyết mọi nghi ngờ, thì Xá-lợi-phất là đệ nhất”. Kinh Bản Sinh nói việc xưa: Trong quá khứ cậu cháu ngài đều là thợ dệt vải biết kho báu của vua nên đào đất để trộm trân báu được rất nhiều, quan coi giữ bạch vua! Vua ra lệnh khi

trộm kia tìm đến đây thì rình bắt. Người cháu sai cậu trở lại trộm tiếp, nên cậu bị bắt, cháu sợ mọi người biết bèn chặt đầu cậu. Vua sai đem tử thi cậu để ngã tư đường để dụ người thân. Sau nhân khách mua bán tụ tập đông đảo ồn ào, cháu chở hai xe củi che thi thể. Vua lại sai người canh giữ, nhân trẻ con đang ca hát múa xướng ném lửa vào thiêu đốt. Lại, đi đến quán rượu, người coi giữ đang say mèm, bèn lấy bình rượu đựng cốt cậu mà đi. Vua lo lắng sợ bọn xảo quyết liền sai người nữ nghiêm phòng cẩn thận, ở bên bờ nước và căn dặn trước người nữ kia nếu có ai đến nắm chặt lấy mà kêu. Người cháu núp trong bông cây nổi trên mặt nước. Người đề phòng cho là người, đến xem chỉ là bông cây nên không canh giữ, nhiều ngày tiếp không phòng bị. Nhân đó người cháu đến được và thông dâm với nữ kia. Người nữ bèn giữ chặt lấy áo, người cháu trao cho cánh tay người chết. Người nữ kêu lớn thì chỉ giữ được cánh tay người chết. Người nữ sinh một đứa con trai đoan chánh, vua sai vú nuôi ẵm bỏ đi, nếu ai khóc thì bắt lấy kẻ đó. Liên tiếp mấy ngày liền đói khát mới lần đến dưới lò nướng bánh, người làm bánh cho ăn mà khóc, vua lại đuổi đi. Nhân ở quán rượu, người theo dõi đang say, người cháu bỗng đưa trẻ mà đi qua nước khác. Bậc hiền ở nước ấy bàn mưu: nếu lấy con gái của Đại thần thì không sao. Đứa trẻ lớn lên và đặt tên tự là Nhi, lại cầu hôn con gái của quốc vương nước cũ, và được chấp thuận. Người cháu dùng năm trăm kỹ sĩ, mặc toàn một loại y phục để đi rước con dâu. Trông thấy cửa cải, nghi ngờ, nhà vua hỏi mới biết của cải trộm ngày xưa. Bèn tha: “Do sự gian trá của người mà nay con của người lấy được con gái của ta làm vợ” Người cháu tức là Xá-lợi-phất ngày nay, và Điều-Đạt là người cậu trước kia vậy.

Gá thai: Cha tên Ưu-bà-đề-xá học thông kinh sách, mình mặc giáp sắt đầu đội nón lửa, một mình đến thành Vương xá đánh trống thách đấu luận nghị, Quốc sư Đà-la tự biết thua kém, nên phong tước và gả con gái cho. Người vợ một hôm nằm mộng thấy người đội mũ tướng soái tay cầm chày kim cương đập nát tất cả núi rồi sau đứng lên một hòn núi. Khi tỉnh dậy thân thể nặng nề liền hỏi chồng. Người chồng nói: “Nàng đã mang thai. Đứa trẻ sinh ra sẽ đá phá tất cả luận sư, chỉ thua một người và sẽ làm đệ tử người đó”. Người cậu tên Câu-si-la, luận thường hơn chị. Người chị đã mang thai “người trí” nên luận thắng em. Người em tự nghĩ: đây chẳng phải là sức của chị, quyết có người nào có trí tuệ hơn gá thác vào thai, ở trong thai còn như vậy huống chi khi sinh ra ư! Do đó người em gắng tìm tòi học khắp nơi đến nỗi không rảnh mà cắt móng tay, nên người đời ấy gọi ông là “Phạm chí móng

tay dài”... Lúc ấy có hai con rồng Nan-đà, Bạt-nan-đà thường bảo vệ thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, mưa thuận gió hòa nước không có năm đói, vua và thần dân thiết lập đại hội An Lạc Hạnh bài trí ba tòa cao: Vua, Thái tử và Luận sư. Bấy giờ Thân Tử chỉ mới tám tuổi, đến thẳng chỗ hội và hỏi: “Người ở ba tòa đủ chưa?” Mọi người đáp đủ. Liền vượt lên tòa luận nghị. Quần thần nho sĩ xấu hổ không dám đối mặt luận. Và nghĩ: “Nếu thắng đứa bé, chẳng vinh dự mà thua thì nhục nhã vô cùng. Nên nhờ người hầu chuyển lời hỏi đến Thân tử. Cậu bé đối đáp qua người đại diện chuyển lại. Tất cả cờ của các Luận chủ đều hạ xuống, không ai có thể đương đầu. Thế là, vua và thần dân hết sức ca tụng Thân tử và bảo: “Bậc trí tuệ ra đời, đất nước sẽ thái bình mãi mãi”. Năm lên mười sáu tuổi, ngài nghiên cứu tất cả các kinh sách cõi Diêm-phu-đề từ cổ chí kim, không việc gì mà không biết diễn xướng mẫu nhiệm, Luận sự mười sáu nước không ai hơn ngài, là Đệ nhất luận nghị của Ngũ Thiên Trúc, hầu thầy Sa Nhiên Phạm chí, đạo thuật của thầy thì Thân tử đều đắc, thầy có hai trăm năm mươi đệ tử về sau đều theo Thân tử mà thành tựu. Sa Nhiên khi sắp chết vui mừng mà cười, Thân tử hỏi... Đáp: Thế tục không có con mắt, bị ái ân trói buộc, ta thấy vua nước Kim chết, phu nhân gieo mình vào lửa thiêu theo, nguyện đồng sinh một chỗ.” Nói xong thì mạng chung, về sau gặp được thương nhân nước Kim hỏi ra thì quả nhiên như vậy. Thân Tử hối hận chưa học hết, học thuật của thầy, mà thầy cũng không truyền trao pháp này cho. Vì ta chẳng phải là vua ấy. Vì thầy giấu vậy. Tự biết mình chưa thông đạt, lại cầu học pháp thù thắng mà không có thầy nào có khả năng chỉ dạy. Tuy không học được một pháp này, nhưng các pháp khác ngài đều thông suốt, là đệ nhất trong chúng ngoại đạo. Một hôm đang đi trên đường gặp ngài Ngạch Tỳ (Mã Thắng) oai nghi đàng hoàng, nhân hỏi về thầy và pháp của ngài Mã Thắng đáp rằng: “Các pháp đều từ duyên sinh vì vậy nên thuyết nhân duyên, các pháp cũng từ duyên diệt, thầy ta dạy như vậy.” Vừa nghe xong, Thân tử liền đắc quả Tu-đà-hoàn, và theo đến chỗ Phật, sau bảy ngày thì thông đạt hết thấy biển Phật pháp, và sau mười lăm ngày thì đắc A-la-hán. Ngày sau ngài làm Hòa thượng cho La-hầu-la, làm thầy của Kiều-phạm-ba-đề, trong chúng Thanh văn thì ngài là đệ tử đắc lực, bên phải của đức Phật. Điều-đạt phá tăng dần năm trăm Tỳ-kheo đi, chính Thân Tử giáo hóa họ quay trở về... Lao Độ Sai thách đấu phép lực với Ngài: Độ Sai hóa làm Quỷ Da-xoa, Thân-tử hóa làm Tỳ-Sa-môn thiên vương. Mỗi mỗi các phép đều thắng, Độ Sai phải hàng phục... Thiên vương, bao nhiêu việc đều vượt, Độ được hàng

phục tất cả. Kinh A-hàm nói: Thân Tử như mẹ ruột của bốn chúng, Mục Liên như mẹ nuôi của bốn chúng... Kinh Trung A-hàm quyển hai nói: Có một vị Tỳ-kheo sống ở An cư, được xưng tụng là: Thán Mãn Từ Tử. Là người thiếu dục tri túc tinh tấn, ở chỗ vắng lặng, nhất tâm chánh niệm trí tuệ vô lậu, cũng hay xưng tụng thuyết những pháp này để khuyến tu. Lúc ấy Thân Tử nghe suy nghĩ ta làm thế nào để gặp được người này? Người ấy khi nào đến chỗ Phật? Có người mô tả hình tướng đẹp đẽ trang nghiêm của Mãn Từ Tử cho Thân tử biết. Sau ở rừng An-đà, Trung hoa gọi là Thắng lâm, gặp được Thân Tử bèn hỏi: Ở chỗ đức Cù Đàm tu phạm hạnh ư? Đáp: Như vậy! Lại hỏi: Vì giới định tu phạm hạnh ư? Đáp: Không. Lại hỏi: Vì tâm tịnh, kiến tịnh, độ nghi tịnh, tri đạo phi đạo tịnh, đạo tích tri kiến tịnh, đạo tích Trí Đạo tịnh tu phạm hạnh ư? Đáp: Không. Lại hỏi: trước nói như vậy nay nói không, nghĩa ấy như thế nào? Đáp: Vì Vô dư Niết bàn cho nên tu phạm hạnh. Lại hỏi: Vì giới tịnh nên thiết lập Vô dư Niết bàn? Đáp: Không. Cho đến, hỏi: Vì đạo tích Trí Đạo tịnh cho nên thiết lập Vô dư Niết bàn ư? Đáp: Không. Lại hỏi: nghĩa này như thế nào? Đáp: Nếu vì giới tịnh mà thiết lập Vô dư, thì đây lấy Hữu dư xưng là Vô dư, cho đến nếu vì đạo Trí Đạo tịnh mà thiết lập Vô dư thì cũng lấy Hữu dư xưng Vô dư. Nếu lìa bảy thứ này thì hàng phàm phu sẽ Niết-bàn, phàm phu lìa bảy thứ này hay không lìa đều tùy theo giới tịnh cho đến tâm tịnh cho đến đạo tích Trí Đạo tịnh. Nhân giả lắng nghe tôi thí dụ: Như vua Ba-tư-nặc muốn từ Câu-tát-la đến Bà-kê-đế, khoảng giữa bày biện bảy chiếc xe, vua bỏ xe đầu đi thứ hai, cho đến bỏ xe thứ sáu đi xe thứ bảy. Người Ba-kê-đế hỏi: vua đi xe đầu ư? Đáp: Không. Cho đến hỏi: đi xe thứ bảy ư? Đáp: Không. Hỏi lìa bỏ bảy xe này ư? Đáp: Không. Bảy xe này dụ cho nghĩa trên, có thể biết. Thân Tử hỏi Hiền giả tên gì? Người phạm hạnh gọi ông là gì? Đáp: Cha ta tên Mãn, mẹ ta tên Từ, người phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Thân Tử khen: “Lành thay! Mãn Từ Tử làm đệ tử của Như Lai, trí tuệ biện tài thông minh, quyết định an ổn vô úy, được đại biện tài đặc cam lộ vị, và tự tác chứng. Rất lợi ích được gặp ông, các người phạm hạnh sẽ y chỉ kính trọng ông. Mãn Từ Tử hỏi: Hiền giả tên gì? Người phạm hạnh gọi ông như thế nào. Đáp: cha tôi tên Ưu-ba-đề-xá, mẹ tôi tên Xá-lợi cho nên gọi tôi là Xá-lợi Tử. Mãn Từ Tử liền tự trách: Ôi! Tôi nay bàn luận với đệ tử của Thế Tôn, với đức Thế Tôn thứ hai, với vị đại tướng trong Phật pháp, với một vị đệ tử chuyển lại pháp luân... mà không hay biết! Nếu biết trước thì đến một câu cũng không thể đối đáp, huống hồ bàn luận sâu xa...! Lành thay! Đệ tử của Như Lai

khiến mọi người đều tôn kính!

Đức Phật thuyết một câu, Thân Tử lấy một câu làm căn bản, bảy ngày bảy đêm làm thành tiếng Sư tử hống, luận ra câu đặc biệt, ý vị kỳ lạ đến vô cùng tận. Huống chi Phật thuyết nhiều mà Thân Tử thì trí tuệ biện tài đâu có thể nói hết được! Kinh Trung A-hàm quyển hai mươi nói: Lúc đức Phật ở ao A-nậu-đạt, Long vương nói: “Trong chúng đây không thấy Xá-lợi-phất, xin Thế Tôn mời đến cho”. Đức Phật sai Mục-liên-liên đến tinh xá Kỳ Hoàn gọi Thân Tử, gặp lúc Thân Tử đang may vá y ngũ nạp, nên đáp rằng: “Ngài đi trước, tôi sẽ đến sau”. Mục-liên nói: “Đức Phật dạy tôi đến nói ông đi tại sao lại bảo tôi đi trước?”. Mục-liên lấy tay đung vào y, y liền may xong. Thân Tử nghĩ: “Mục Liên đùa giỡn, thử sức mình, thì mình cũng thử lại xem”, liền lấy dây áo ném xuống đất nói: “Ông có thể nâng y này lên được không?” Mục-liên nghĩ Thân Tử đùa thử ta, liền gắng sức lấy lên mà không được. Khi ấy Thân Tử lấy dây buộc vào cây Diêm-phù làm chuyển động một thiên hạ, buộc lần thứ hai, ba, bốn, làm chuyển động tứ thiên hạ không đứng vững, lại buộc vào tiểu thiên trung thiên đại thiên cũng không đứng vững, lại buộc dưới chân tòa của cõi Phật khác, mười phương thế giới Phật đều rung rung mà không động. Mục-liên tự nghĩ ta thần lực đệ nhất, nay không thể động, vả lại không mất thần lực, Mục-liên thúc giục khiến đi, Thân Tử đáp: Ông đi trước, Mục-liên trở về chỗ Phật thì thấy Thân Tử ở trước Phật. Long vương thấy đất động hỏi Phật, Phật đáp do thần lực của hai người ấy, Long vương và năm trăm Tỳ-kheo sinh tâm coi thường đối với Mục-liên. Phật dạy: Xá-lợi-phất, đối với bốn thứ thần thông được tự tại, Mục-liên cũng tự tại mà không thể sánh bằng Phật lực đó thôi! Phật bảo: Mục-liên! Ông hiện thần lực đi! Mục-liên dùng bát đựng đầy năm trăm Tỳ-kheo nâng lên đặt trước Phạm cung, một chân đạp nhẹ lên núi Tu di, một chân đến Phạm cung, thân ở cõi kia mà thuyết kệ, khắp cả ngàn nước. Năm trăm Tỳ-kheo lại sinh tâm kính phục...

Ước về giáo: Nếu căn cứ Tam tạng thì trí tuệ tức là vô học thập trí đoạn kết chứng chân, phụ giúp Phật trong việc tuyên dương giáo hóa. Thích Luận quyển thứ bốn mươi nói: “Ngài Mục-liên là vị đại tướng bên cánh tay mặt của Phật tức nghĩa trên vậy. Theo Thông giáo thì Trí tuệ là như trong Bát-nhã tự thuyết để trở thành Ma-ha-tát, nghĩa là ngã kiến, chúng sinh kiến, Phật kiến, Bồ đề kiến, chuyển pháp luân kiến, phá tất cả các kiến này thì gọi là Ma-ha-tát. Các Hiền Thánh tự thuyết là pháp của mình, không như người bây giờ vọng có sở thuyết. Phải biết: Thân-

tử chẳng những phá kiến sinh tử mà còn phá Phật kiến, Bồ-đề Pháp luân Niết-bàn kiến. Trí tuệ đây khác với sơ giáo. Theo Biệt giáo thì trí tuệ là: Nếu căn cứ ngũ vị để phân biệt, nếu từ nguyên sơ chỉ nghe giáo có vị Sữa, vị Lạc mà không nghe giáo các vị khác, rồi phát tâm tu hành chỉ hành theo giáo Sữa Lạc, đây là Trí tuệ theo sơ giáo. Nếu chỉ nghe Lạc, Lạc không do từ Sữa, tánh của thiện ác tánh vốn tự không, chẳng do tu thiện phá ác, diệt sắc, chấp Không, chỉ tu tức Không, là Thông giáo trí tuệ. Nếu từ nguyên sơ được nghe Đê-hồ là Đê-hồ. Nuôi trâu lấy Sữa, nấu Sữa thành Lạc, chuyển Lạc thành Sinh tô, chuyển Sinh tô thành Thục tô, rồi mới được Đê-hồ. Tu hành như đây, tức là Biệt giáo trí tuệ. Nếu từ nguyên sơ chỉ nghe trâu ăn Nhẫn nhục thảo liền xuất ra Đê-hồ, có năng lực trị bệnh, các bệnh đều tiêu trừ, tất cả các được thấy đều nhập vào trong chất kia, tu hành như đây là Viên giáo trí tuệ.

Bản tích: Bản trụ thật tướng, Trí độ là mẹ, từ cảnh phát sinh trí tuệ. Cảnh tức là “Thân”, trí tuệ tức là “tử”, thương xót chúng sinh. Tích là ngũ vị Thân-tử, muốn chuyển máu phiền não ác thành Sữa (nhũ) thiện, thị hiện làm trí tuệ ngoại đạo, làm đại luận sư. Muốn nấu Sữa thành Lạc cho nên chỉ dạy Tam tạng trí tuệ, làm đệ nhị Thế tôn. Muốn dẫn Lạc thành Sinh tô, cho nên thị hiện Tiểu thừa, áp ứng lời lẽ Đại thừa, chịu đui lý trước cư sĩ Tịnh Danh. Muốn dẫn Sinh tô thành Thục tô, cho nên an ủi làm lợi ích cho người đồng phạm hạnh, lãnh giáo trong thời Bát-nhã. Muốn dẫn Thục tô thành Đê-hồ, đó là người sơ ngộ Pháp Hoa. Đây đều là thuộc Tích môn thị hiện bên ngoài, nhưng Bản địa bên trong thì bí mật ấy đã thật có từ lâu. Quán tâm: Nhất tâm tam quán, thâm nhiếp tất cả trí tuệ. Quán tâm tức Không, nên thâm nhiếp được Lạc trí tuệ. Quán tâm tức Giả, nên thâm nhiếp được Sinh tô Thục tô trí tuệ và trí tuệ thế gian. Quán tâm tức Trung, nên thâm nhiếp được Đê-hồ trí tuệ, đó gọi là “Nhất tuệ là nhất thiết tuệ, nhất thiết tuệ là nhất tuệ, phi nhất tuệ phi nhất thiết tuệ” trong Quán tâm.

“**Đại Mục-Kiên-liên**” là họ, dịch là Tán tụng. Kinh Văn-Thù Ván dịch là Lai Phục Căn. Chân Đế nói Vật-già-la, đây dịch “Hồ Đậu” là hai vật mà tổ tiên ưa thích. Nhân đó, lấy làm họ tộc. Thích luận nói: “Thân phụ ngài là Cát Chiêm sử đặt tên cho Ngài là Câu-luật-đà. Câu-luật-đà là tên cây, do cha mẹ cầu thần cây mà sinh ra ngài, nhân đó đặt tên. Lại, gọi tắt là Mục-già. Kinh Vị Lai Nhân Quả nói: Đại Mục-liên là Dạ-na, tên đồng rất nhiều cho nên nêu chữ “Đại”. Thích Luận giải thích: Xá-lợi-phất tài cao cận quý, Mục-liên hào hiệp làm trọng, trí tuệ tài năng đức hạnh của hai người sánh đồng nhau. Kinh Tăng

Nhất A-hàm nói: “Trong số đệ tử ta, thần thông bay nhẹ nhàng lên đến khắp mười phương, thì Đại Mục-liên là đệ nhất”. Thích luận quyển bốn mươi một nói: Đệ tử bên tả của Phật. Bọn thầy trò ngoại đạo cả thầy năm trăm, đang dùng chú dời núi, trải qua một tháng đã bắt đầu di động, Mục-liên nghĩ rằng: Núi này nếu bị dời nhiều thì sẽ gây tổn hại, liền ở trong hư không trên đỉnh núi ngồi kiết già núi trở lại bất động. Ngoại đạo liền bảo nhau: “Pháp thuật của ta có thể dời núi, Kể cả mặt trời cũng phải di dời, tại sao nay lại an nhiên như trước? Đây chắc là Sa-môn kia sai khiến như vậy”. Tự biết mình sức tu yếu, bọn họ liền phát tâm qui y Phật đạo, khiến vô lượng người xuất gia theo Chánh pháp. Anh em nhà rồng: Nan-đà Bạt-nan-đà ở bên biển gần núi Tu-di, đức Phật thường bay trên không đến cung trời Đao-lợi. Rồng sinh tâm sân giận nói: “Lũ người trọc đầu sao bước qua đầu chúng ta?” Lần sau, Phật muốn lên trời, rồng phun mây mưa tối sương che lấp ba thứ ánh sáng. Các Tỳ-kheo đều muốn hàng phục, đức Phật không cho, Mục-liên nói: “Tôi có thể hàng phục được rồng”. Rồng dùng thần thông nhiều bảy vòng quanh núi Tu-di, đuôi chạm đến nước biển, đầu gối núi Tu-di. Mục-liên hiện thân gấp đôi nhiều mười bốn vòng quanh núi, đuôi ra ngoài biển, đầu gối cỡi Phạm cung. Rồng tức giận, phun mưa đầy khắp thành sỏi cứng. Mục-liên biến sỏi thành hoa báu nhẹ mềm êm ái. Rồng càng sân giận... Mục-liên hóa làm thân bé nhỏ vào trong thân rồng, vào mắt ra miệng, vào tai ra mũi, đâm cắn thân rồng, rồng chịu đau đốn khổ sở, mới chịu khuất phục. Mục-liên thu nhiếp thần thông, thân bé thành lớn, hiện tướng Sa-môn đem hai con rồng đến chỗ Phật, được Phật qui y. Điều-đạt dẫn năm trăm Tỳ-kheo theo làm đồ chúng của mình, Mục-liên ngăn giữ khiến họ ngủ say ngáy rống như sấm hạ phong ra tiếng, Cù-già-ly dùng chân đạp mạnh họ còn không tỉnh. Thân-tử thuyết pháp khiến năm trăm Tỳ-kheo hồi tâm trở về, Mục-liên dùng thần thông đưa tay lên cao đem họ trở về khiến Tăng được hòa hợp. Kinh Tạp A-hàm quyển hai mươi chín nói: Phật ở thành Xá-vệ ngày rằm thuyết giới, Đức Phật im lặng không nói, A-nan bốn lần thỉnh. Phật nói: “Chúng không thanh tịnh, nên ta không thuyết giới. Ông có thể sai vị thượng tọa nào trì luật”. Người tụng giới xưng lên. Mục-liên liền nhập định tìm xem trong chúng ai không thanh tịnh, thì thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc, liền cầm tay lôi ra khỏi cửa và thỉnh Phật thuyết. Phật dạy: Ta không nói hai lời, nay không thể tự thuyết giới lại. Mục-liên nói: Chúng không thanh tịnh, tôi cũng không làm lại Duy-na. “Kỳ-vực” Trung hoa dịch là Cố Hoạt, lúc ông sống ở cung trời Đao-lợi, đệ tử của Mục-liên bị

bệnh nên Mục-liên dùng thần thông đến tìm, gặp lúc chư thiên ra vườn dạo chơi, Kỳ-vực ngồi trên xe không xuống, chỉ chấp tay xá mà thôi, Mục-liên giữ xe dừng lại Kỳ-vực nói: Chư thiên thọ lạc, tôi gấp lắm, không rảnh hỏi han, tôn giả muốn điều gì? Mục-liên nói mục đích của mình. Kỳ-vực đáp: “Đoạn thực là chủ yếu” rồi buông ra cho xe chạy như trước. Đế-thích thắng Tu-la nên tạo dựng Thắng đường, gác lầu bảy báu trang nghiêm đặc biệt kỳ lạ, trụ cột chi tiết đều đẹp, không liên kết nhau mà vẫn chắc chắn. Đó là do phước lực vi diệu của cõi trời có thể như đây. Mục-liên bay đến, Đế-thích dẫn Mục-liên đi xem nhà, chư thiên nữ đều hổ thẹn trốn hết không ra, Mục-liên nghĩ Đế-thích đấm lạc thú không tu gốc đạo, liền biến hóa lửa cháy, Thắng đường bỗng chốc sụp đổ, rồi vì Đế-thích nói rộng lý vô thường. Đế-thích hoan hỷ, sau đó Thắng đường nghiêm nhiên không còn sắc tro khói nữa. Mục-liên lại đựng đầy túi năm trăm La-hán như trước nói. Phạm âm của Như Lai vang rất xa, ở xa mà nghe như bên cạnh Phật không khác. Mục-liên muốn biết âm thanh Phật vang đến bao xa, bèn dùng thần lực bay qua Hằng hà sa cõi đến phương Tây, vẫn nghe âm thanh Sư tử hống của Phật như bên cạnh không khác. Mục-liên đi mãi không dừng đến khi thân mỗi thần lực hết qua đến một cõi Phật nọ vừa gặp lúc đại chúng đang ăn, liền đáp xuống, men theo miệng bát mà đi kinh hành, nghỉ ngơi. Cả chúng kinh sợ: “Sao bỗng có con sâu đầu người từ đâu lại đây?”, Đức Phật cõi kia nói: Cách đây vô lượng cõi Phật ở phương Đông, có đức Phật hiệu là Thích-ca, có vị đệ tử thân túc đệ nhất chính là vị này, do muốn biết âm thanh của Phật vang xa như thế nào, nên đến đây, chẳng phải sâu đầu người. Kinh Niết-bàn nói: đức Phật tìm thị giả, tâm để nơi A-nan như mặt trời ở phương Đông chiếu qua phương Tây...

Căn cứ Giáo mà luận thần thông: Nương mười bốn loại biến hóa của Tứ thiên, nương theo quán huân tu Thập nhất thiết, nhập Vô lậu sự thiên, năng tạo mười tám thứ biến hoa. Đây tức là thần thông trong Sơ giáo. Dựa vào Không khởi tuệ, dùng tâm Không tuệ tu các thần thông, tức thần thông trong Thông giáo. Theo thứ lớp dựa vào Tam đế, tu tập đắc thần thông, dần dần chuyển nhập sâu, vượt qua nhị thừa, tức thần thông của Biệt giáo. Dựa vào thật tướng chứng đắc thần thông, không dùng hai tướng để thấy các cõi Phật. Từ Chân mà khởi, ứng với bất động chân tế mà trùm khắp mười pháp giới, là thần thông của Viên giáo...

Thuở xa xưa ngài thường trợ giúp Bích-chi-Phật cạo đầu giặt y, may vá cà sa, và phát nguyện đắc thần thông. Bản Tích: Bản: trú nơi chân tế định Thủ-lăng-nghiêm, có thể trong một niệm mà ứng khắp

mười phương, thị hiện nhiều loại để làm Phật sự, do vì từ bi. Tích: làm ngũ vị thần thông để dẫn dắt khiến ứng nhập cùng cực... Quán tâm: Quán nhất tâm bỗng có nhất thiết tâm, quán nhất thiết tâm chợt không có các tâm. Tâm chẳng có-không, thì thông đạt đến thật tướng, tức thần thông quán.

“*Ma-ha Ca-chiên-diên*” Trung hoa dịch là Văn Sức cũng là Kiên Thừa, người gọi nhầm chữ nên nói Phiến Thăng, cũng gọi là Hảo Kiên, cũng gọi Kha-la. “Kha-la”, Trung hoa dịch là Tư Thắng, đều theo họ đặt tên. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài khéo phân biệt nghĩa diễn rộng đạo giáo, là đệ nhất. Kinh Trường A-hàm nói: Có ngoại đạo chấp đoạn kiến, cho rằng không có thế giới khác nên có mười lần hỏi đáp: Hỏi: không có thế giới khác?

Đáp: Nay mặt trời mặt trăng ở cõi trời hay cõi người, thế giới này hay thế giới khác? Nếu không có thế giới khác, thì không có mặt trời sáng. Hỏi: Tôi thấy người chết không trở lại, tại sao nói họ thọ khổ, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người mắc tội bị bắt giữ lại, sao có thể trở về được!

Hỏi: Nếu sinh lên cõi trời, thì vì sao không trở lại? Cho nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người bị rơi vào hầm xí, khi ra khỏi được thì có trở lại hầm xí nữa không? Lại trên cõi trời một ngày thì ở cõi này phải một trăm năm, Người đó mới sinh lên Trời năm, ba ngày chưa kịp tỉnh tâm quay về, dù họ có trở về thì ông cũng đã chết làm sao biết được?

Hỏi: Tôi bỏ tội nhân trong chảo, đậy nắp kín, nhưng rình hoài không thấy thần hồn bay ra ngoài, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như ông ngủ ban ngày, thì người bên cạnh có thấy thần hồn bay ra không?

Hỏi: Tôi lột da róc thịt người chết, tìm thần hồn mà chẳng có nên biết không có đời khác?

Đáp: Như trẻ con chẻ củi vụn nhỏ để tìm lửa đâu thể có được!

Hỏi: Ta cân người chết lại nặng, nếu thần hồn đi thì lẽ ra nhẹ, nếu không có thần hồn đi thì không có đời khác?

Đáp: Như lửa nung sắt hợp lại thì sắt nặng, sắt mất lửa thì sắt nhẹ, con người sống có thần hồn thì nhẹ, người chết mất thần hồn thì nặng.

Hỏi: Tôi thấy người sắp chết trở lại chuyển cầu thần hồn không được, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người trở lại tìm đầy đủ âm thanh của mình, có thể được

ư?

Hỏi: Ông tuy phá bao nhiêu thứ, mà tôi chấp điều này rất lâu không thể bỏ được!

Đáp: Như người thu hoạch cây tầm, ban đầu thấy gai lấy gai, tiếp đó bỏ gai lấy vỏ gai, tiếp theo bỏ vỏ lấy sợi gai, tiếp nữa bỏ sợi gai lấy bố, tiếp theo bỏ bố lấy lụa sống (quyên), tiếp đó bỏ quyên lấy bạc (ngân), tiếp sau bỏ bạc lấy vàng (kim). Bỏ xấu lấy tốt, tại sao không thể bỏ ?

Hỏi: Chẳng những tôi nói như vậy, mà mọi người cũng nói như vậy, tại sao cho rằng tôi sai?

Đáp: Có hai người đi buôn giữa đường gặp quỷ, quỷ hình người và nói đường trước lúa gạo cây cỏ được mùa tốt tươi, các người còn chờ đến làm gì? Một người liền bỏ lại hết. Kết cục người trâu đều đói nên bị quỷ ăn thịt. Một người còn lại nói: “Nếu được lúa cỏ mới, thì có thể bỏ lúa cỏ cũ này” cho nên người ấy không bị quỷ ăn thịt. Các người nói càn, ví như quỷ nói dối. Ông không công nhận lời nói của ta, ví như người đi buôn vứt bỏ lúa cỏ cũ? Nay đã được cái mới, sao không bỏ cái cũ?

Hỏi: Tôi không thể bỏ chấp kiến này, nếu không khuyên bảo Tôi, Tôi sẽ nổi giận ngay!

Đáp: Ông như người nuôi heo, đi đường gặp phân hốt vác trên đầu đem về, giữa đường gặp mưa nước phân chảy làm nhớp đầu, có người đi bên thấy vậy bảo ông đổ đi. Ông lại sân giận người kia và bảo rằng: Bởi vì ông không nuôi heo, nên mới khiến ta bỏ”, tức là lại nổi nóng với người khuyên mình!

Cứ như vậy diễn rộng các nghĩa lần lượt phá chấp, ngoại đạo được hàng phục tán thán rằng: Khi tôn giả nói dụ mặt trăng mặt trời thì tôi đã hiểu, nhưng vì muốn biết trí tuệ biện tài của tôn giả nên mới nhiều phen hỏi. Lành thay! Ngài nói vi diệu vô cùng. Ca-chiên-diên khéo luận về tướng nghĩa cũng lại như vậy. Trong Luật dạy: Ngài luôn khéo giáo hóa mọi người qui y giữ giới, khiến người đồ tể thọ giới ban đêm, người dâm dục thọ giới ban ngày, về sau khi thọ báo bất luận ngày đêm thấy đều được an lạc hiện tiền... Lại có Bà-la-môn Thế Điển nói với năm trăm người dòng họ Thích: Có người nào có thể cùng ta luận nghị không? Năm trăm người dòng họ Thích nói: Có Cù-mật-thích và ở trong nước có một người không có trí tuệ, lời nói vụng về, tên là Châu-lợi-bàn-đặc ở trong hàng xuất gia cũng là hạng thấp kém. Ông có thể cùng hai người này luận nghị, nếu ông thắng thì chúng tôi sẽ đặt danh cho ông. Thế Điển suy nghĩ: “Nếu hơn hai người này thì chẳng hân hạnh gì, lỡ như

không bằng thì rất là nhục nhã”. Về sau khi đi đường gặp Bàn-đặc, ông hỏi: “Tên gì?” Đáp: “Ông nên hỏi nghĩa, chứ cần gì hỏi tên!”. Lại hỏi: Ông cùng ta luận nghĩa không? Đáp: Ta có thể cùng Phạm vương luận nghĩa, huống chi ông là người mù không có mắt”. Lại hỏi: “Mù tức không có mắt, không có mắt tức mù đâu chẳng phiền lập lại”. Châu-lợi biến hóa mười tám phép. Thế Điển liền nói: “Người này chỉ biết bay biến mà không hiểu nghĩa”. Ca-chiên-diên có thiên nhĩ nghe xa, liền làm phép giấu Bàn-đặc, hiện thân như Ngài từ hư không mà xuống, hỏi: “Ông tên hiệu là gì?” Đáp: “Tôi tên Nam trượng phu”. Lại hỏi: “Nam tức trượng phu, trượng phu tức nam, đâu chẳng phiền lập lại?”. Thế Điển đáp: Thôi thôi! Để việc đó lại, nếu luận thì nên luận nghĩa sâu”. Hỏi: Không nương pháp mà đắc Niết-bàn ư? Đáp: Không nương pháp ngũ ấm có thể đắc Niết-bàn. Lại hỏi: Ngũ ấm nương vào đâu mà sinh? Đáp: Nương ái sinh. Hỏi: Làm sao đoạn ái? Đáp: Y bát chánh đạo thì năng đoạn ái. Thế Điển nghe điều này thì viển trần ly cấu. Lệ đều như thế.

Căn cứ giáo luận nghĩa: Nương vô thường, khổ, không vô ngã, để phá các kiến chấp đoạn, thường... đó là sơ giáo luận nghĩa. Căn cứ Không, Vô sở hữu, Bất khả đắc để phá Đoạn, Thường, ái kiến. Đó là Thông giáo luận nghĩa. Thiên nữ nói: Ta vô sở đắc cho nên biện minh như vậy. Nương tứ biện tài của Tổng trì, quán căn cơ chiếu Giả để dùng làm thuốc trị bệnh, phá kiến Đoạn Thường. Đó là Biệt giáo luận tướng nghĩa. Y vào Thực tướng rốt ráo không có, không không mà phá Đoạn, Thường kiến. Đó là Viên giáo luận nghĩa.

Căn cứ Bản tích: Bản, trụ phước đức trí tuệ hai thứ trang nghiêm, năng vấn năng đáp vì thương xót chúng sinh. Tích, là ngũ vị luận nghĩa sư.

Quán tâm: Quán trí nghiên cứu cảnh, cảnh phát sinh nơi trí, trí cảnh qua lại tức quán tâm luận nghĩa.

“A-nâu-lâu-đa”: Cũng gọi A-na-luật, cũng gọi A-nê-lư-đậu, đều là âm Phạn. Xa-thiết-nhĩ Trung hoa dịch là Vô bản, cũng dịch là Như ý, cũng gọi là Vô lạp. Xưa gặp thời đói khát ngài đã từng cúng dường một bữa cơm lúa tẻ cho một vị Bích-chi-phật, nên trải qua chín mươi mốt kiếp thâu hoạch được quả báo đầy đủ, cho nên gọi là Vô bản. Dòng họ: Sơ kiếp do gió thổi nước lớn kết cấu mà thành thế giới, ở cõi trời Quang-âm khi mạng tận sinh làm loài người, thân có ánh sáng bay mà đi, lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, không có nam nữ cao thấp. Chúng cùng sinh ở trong đó gọi là chúng sinh. Lúc đó tự nhiên đất có vị ngon như đề-hồ,

sắc như sinh tô, ngọt như mật, do ăn nhiều nên mất ánh sáng hình dáng tiêu tụy, không thể bay được, người ăn ít còn có ánh sáng thắm nhuần liền có hơn thua tùy theo tướng phải trái, đến khi mất vị đất thì ăn vỏ đất nên dân sinh khinh mạn, mất lớp vỏ đất đến ăn căn bã của đất chuyển sinh các điều ác, mất căn bã thì ăn lúa gạo mọc tự nhiên (hoang), ăn lúa gạo thì nam căn nữ căn sinh, hợp làm vợ chồng, do hổ thẹn cho nên làm nhà và chứa trữ nhiều lúa gạo, về sau gạo sinh ra trấu vỏ. Khi cất sạch rồi thì không mọc tiếp gốc cây khô héo hiện ra, rồi lại sinh ra chiếm đoạt trộm cướp lẫn nhau, bèn lập ra một người có thể chia đều, gọi là điền chủ, theo lý tranh tụng, đó gọi là dân chủ. Dân chủ có con tên Trân Bảo. Trân bảo có con tên Hảo Vị. Ban đầu từ dân chủ về sau sáng lập Kim luân nối tiếp cho đến Thiện Tư, từ Ý-ma đến Tịnh-phan bốn đời làm Thiết luân, hợp có tám mươi bốn ngàn hai trăm mười một vị vua. Kinh Thập Nhị Du nói: Từ kiếp lâu xa có vị vua sớm mất cha mẹ đem nước trao lại cho em, tu theo vị Bà-la-môn, Bà-la-môn nói: Ông nên cởi bỏ áo vua theo họ Cù-đàm, nhân đó vua liền theo người ấy hiệu là Tiểu Cù-đàm trú ở vườn mía, bọn đạo tặc trộm vật đi qua vườn, những người tìm bắt tìm theo dấu tích và bắt được Tiểu Cù-đàm. Họ dùng tên bắn làm máu huyết chảy nhớp đất. Đại Cù-đàm thương xót, thâu máu huyết dưới đất đựng đầy bát đem về vườn, rồi đặt hai bên trái phải và trì chú, vị Cù-đàm này nếu thành tâm thì trời thần biến huyết thành người, đến mười tháng sau sinh ra bên phải con trai, bên trái con gái từ đó đặt tên họ là Cù-đàm. “Cù-đàm”, Trung hoa nghĩa là Thuần Thực cũng gọi là Xá Di. Xá Di là dòng họ quý tộc, vào thời đầu Hiền kiếp đức Như Lai xuất thế, thần thức Cù-đàm mới bắt đầu thác sinh. Nếu theo ý này thì Dân chủ từ trước đến nay tức họ Cù-đàm. Từ Ý-ma vương sinh ra bốn người con. 1. Diện Quang. 2. Tượng Thực. 3. Lộ Chỉ. 4. Trang Nghiêm. Bốn người này bị tình nghi bị đui ra khỏi nước, nên đến ở trong rừng cây phía Bắc núi Tuyết Sơn. Mọi người trong nước theo rất đông, về sau nhân chúng đông đảo lớn mạnh. Vua cha khen rằng: “Con ta có khả năng”. Bốn vị nhân đây mà có bá tánh. Lại đất nơi ấy cây Thích-ca rất tốt, Trung hoa dịch là Trục Lâm. Đã ở trong rừng lập quốc, tức lấy rừng làm họ, ngoại quốc gọi Đa-hàm. Thích-ca cũng Trục cũng Năng. Nay Tịnh-phan thuộc dòng dõi Trang Nghiêm Vương, Trang Nghiêm tức là Ô-đầu, Ô-đầu sinh ra Ô-đầu-la, Ô-đầu-la sinh ra Ni-câu-la, Ni-câu-la sinh ra Thi-hư-la, tức Sư Tử Giáp, Sư Tử Giáp sinh ra ba Phạn. Hộc-phạn sinh hai con, trưởng là Ma-ha-nam, tiếp là A-na-luật là em con chú của Thế Tôn, A-nan là em họ đức Thế Tôn và là chú của La-hầu-la

nhưng chẳng vì vậy mà nhờ cậy, cho nên Chu Công nói rằng: “Ta là con Văn vương, em là Võ vương, chú là Thành vương, ở trong thiên hạ chẳng khinh rẻ người nào, thậm gọi ba nhà ăn ba bữa, lễ hiền thánh còn vậy huống chi những người khác ư!” Kinh Hiền Ngu nói: Thời mạt thế của Phật Phất-Sa, gặp lúc đói khát, có Bích-chi-phật tên Lợi-ra du hành khát thực không được gì cả, có một người nghèo thấy mà thương xót nên bạch rằng: Thưa Thắng Sĩ! Có thọ nhận cỗ bái này không? Vị kia thọ nhận ăn, ăn xong hành mười tám loại biến hóa, người ấy hái cỗ bái tiếp tục cúng dường, lúc ấy có một con thỏ nhảy nhót đến sau lưng bà nghèo biến làm người chết, không có bạn bè đến cứu, người nghèo đến tối mới đem được về nhà đặt trên đất, liền thành người vàng bẻ ngón tay để sử dụng, rồi đến chân, lại hiện không lúc nào hết. Mọi người và vua quan nghe vậy muốn đến chiếm đoạt thì chỉ thấy cây chết, nhưng người kia thấy thì toàn là vàng báu, do đó mà trải qua chín mươi một kiếp quả báo đầy đủ, cho nên hiệu Vô bản. Sinh ở cõi kia rồi từ đó về sau gia nghiệp giàu có dư dật ngày đêm tăng trưởng, cha mẹ muốn thử che các đồ vật trống không sao xem thấy trăm vị đầy đủ, mà ngoài cửa hàng ngày thường có một vạn hai ngàn người. Sáu ngàn người đến xin, sáu ngàn người đến tặng cho. Sau khi ngài xuất gia đến chỗ nào mọi người thấy đều hoan hỷ và muốn mọi người có đủ như nhà mình không khác. A-na-luật tinh tấn bảy ngày bảy đêm không chợp mắt. Phải biết ngủ như là thức ăn của mắt, đã bảy ngày bảy đêm không ngủ, nên mắt nhục nhãn rồi. Đức Phật dạy ngài nên cầu thiên nhãn, buộc niệm duyên nơi tịnh sắc Tứ đại ở nửa đầu mà phát, sau đó ngài đắc thiên nhãn thấu triệt sự ngăn chướng trong ngoài sáng suốt, nơi tối tăm thấy đều thấy rõ, đối trước Phạm vương nói rằng: Tôi thấy Đại thiên thế giới của đức Thích-ca như xem quả trong lòng bàn tay. Kinh Tăng Nhất nói: Trong Phật pháp ta người có thiên nhãn thấy thông suốt nhất là Tỳ-kheo A-na-luật. Khi ngài A-na-luật mù mắt, Đức Phật và các Tỳ-kheo thường vá may y. Hôm ấy Phật ở nước Xá-vệ thành Câu-tất-la, Đức Phật đã cùng tám trăm Tỳ-kheo tụ tập may ba y cho A-na-luật. Đức Phật căng vải ra các Tỳ-kheo cắt may trong một ngày xong. Đức Phật rộng vì thuyết pháp: “Người xuất gia thọ y, mọi việc lớn nhỏ, tiến dừng cũng phải cùng làm đầy đủ”. Nói xong, vô lượng người đắc đạo.

Căn cứ giáo: Nương thiên định mà phát sinh thiên nhãn là phàm phu ngoại đạo, nương vô lậu sự thiên mà phát sinh thiên nhãn, là nghĩa Tam tạng. Nương thể pháp vô lậu tuệ phát sinh các hạnh, nương các hạnh phát sinh thiên nhãn là ý Thông giáo. Nương tán thiện mà phát

sinh nhục nhãn, nương định mà phát sinh thiên nhãn, nương chân đế mà phát sinh tuệ nhãn, nương tục đế mà phát sinh pháp nhãn, nương Trung Đạo đế mà phát sinh Phật nhãn, là ý của Biệt giáo. Nương thật tướng mà phát sinh thiên nhãn, thiên nhãn tức Phật nhãn, là ý của Viên giáo. Lại, nương tán thiện tu nhục nhãn, nương định tu thiên nhãn, là ý của Tam tạng. Nương Không mà tu nhục nhãn, thiên nhãn là ý của Thông giáo. Theo thứ tự mà tu ngũ nhãn là ý của Biệt giáo. Không theo thứ tự mà tu ngũ nhãn là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản trụ nơi thật tướng chân thiên nhãn, không dùng hai tướng thấy các cõi Phật. Tích: nêu bày nửa đầu thiên nhãn. Quán tâm: Quán nhân duyên sinh thiện tâm, tức nhục nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Không, tức thiên nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Giả tức pháp nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Trung, tức Phật nhãn...

“*Kiếp-tân-na*”, Trung hoa dịch là Phòng Túc, do cha mẹ cầu đảo ngôi sao Phòng này mà sinh con, nên lấy tên ngôi sao để đặt tên con. Vị Tỳ-kheo ấy khi mới xuất gia muốn đến ra mắt Phật vì chưa được thấy Phật nhưng đi đường lại bị mưa, ghé ngủ nhờ nhà người thợ gốm, lấy cỏ làm tòa nằm nghỉ. Lúc sau chập tối có một vị Tỳ-kheo cũng đến xin tá túc, Ngài liền nhường tòa cỏ mà nằm đất. Giữa đêm, vị Tỳ-kheo kia hỏi: Ngài định đi đâu? Đáp: “Muốn gặp Phật”. Tỳ-kheo kia liền vì ngài mà thuyết pháp, ngài bỗng nhiên đắc đạo. Vị Tỳ-kheo đến sau kia chính là Phật. Cùng ở chung phòng với đức Phật, được thấy pháp thân, từ chỗ được nghe pháp đắc đạo đó mà đặt tên, gọi là Kiếp-tân-na. Tỳ-sa-môn cầm đèn đi sau Kiếp-tân-na. Tỳ-sa-môn là chủ các vì sao, nên các vì sao cũng đều theo sau. Ngài khéo biết xem thiên văn, biết rõ biểu tượng trời đất. Theo đó mà gọi là Kiếp-tân-na. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ở trong Phật pháp ta, người giỏi xem Thiên văn đệ nhất là Tỳ-kheo Kiếp-tân-na.

Căn cứ giáo: Đã phá cái nhà căn trần, cùng nghỉ chung phòng Chân đế với Phật, là nghĩa theo Tam tạng giáo. Thế đạt căn trần, tức cùng Như Lai đồng ngủ chung phòng Chân đế, là ý Thông giáo. Phân biệt phòng nhà căn trần trong mười pháp giới, thấy đều thấy Phật, là ý Biệt giáo. Ở nơi một phòng nhà căn trần, liền thấy hết thấy phòng nhà, thấy hết thấy Đức Phật, tức ý Viên giáo.

Căn cứ Bản Tích: Bản: đã cùng Như Lai đồng nghỉ chung một lầu Thật tướng. Tích: nêu bày sự việc như trên.

Quán tâm: Quán nhà ngũ ấm chiết Không tức Không, cùng hóa Phật đồng phòng ngủ chung. Quán nhà ngũ ấm tức Giả, cùng báo thân

Phật đồng ngủ chung. Quán nhà ngũ ấm tức Trung đạo, cùng pháp thân
Phật đồng ngủ chung...



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

(Phần Thượng)

“*Kiều-phạm-ba-đề*”: Trung hoa dịch là Ngưu Ti. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Ngưu Vương. Kinh Tăng Nhất gọi là Ngưu Tích. Năm trăm đời trước ngài từng là Ngưu Vương, trâu sau khi ăn thường nhai khổng, do dư báo chưa hết nên miệng thường mấp máy người đời gọi là Ngưu Ti. Kiếp xưa, có năm trăm con chim nhạn, có một con thường cung phụng hoa quả đối với nhạn vương. Vào một mùa hạ Đức Phật thọ thỉnh của A- kỳ-đạt-vương, năm trăm Tỳ-kheo đều ăn lúa ngựa, nhưng riêng Kiêu-phạm ở trên vườn Thi-lợi-sa cõi trời thọ sự cúng dường của thiên vương. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Ưa ở cõi trời, không ưa ở nhân gian, thì Tỳ-kheo Ngưu Tích là đệ nhất”. An vui ở cõi trời là tùy lạc dục, là nghĩa Thế giới Tất-đàn. Cúng dường Nhạn vương được phước báo đến vậy, là nghĩa Vị nhân Tất-đàn. Tránh người thế gian chê cười, là nghĩa Đối trị Tất-đàn. Cõi trời không cười, là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn... Lại nói người đời chỉ xem thấy hình dáng bên ngoài mà không biết có đức bên trong, nếu cười khinh La-hán tức mắc tội. Để tránh người đời cười chê hình dáng kia, nên ngài thường ở cõi trời. Cõi trời biết có đức nên không cười chê, cho nên ngài thường ở cõi trời. Sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ca-diếp vân tập một ngàn đại A-la-hán thì thiếu sót một Tăng hạ tòa, nên sai sứ đi thỉnh Kiêu-phạm-ba-đề, Kiêu-phạm-ba-đề hỏi: Phật và Hòa thượng còn không? Đáp: Đều đã diệt độ, Kiêu-phạm nói: “Đức Phật ra đời, tôi ra đời. Phật ở đời, tôi ở đời, nay Phật diệt độ, tôi cũng diệt độ. Tứ chúng nên như bốn dòng nước chảy về Ngài Đại Ca-diếp”, và thuyết kệ rằng:

*“Đấng Voi chúa đã đi
Voi con cũng theo đi
Đấng Thế Tôn đã diệt
Tôi ở lại làm gì?”*

Căn cứ về giáo: An trú vườn ở cõi trời là chỉ bày điều thiện, miệng

nhai như trâu là chỉ điều ác, đó là ý của Tam tạng. Miệng nhai như trâu, thân được đăc đạo, đây là chỉ điều ác mà chẳng phải ác, ở trên cõi trời mà nhai chỉ điều thiện mà chẳng thiện, đó là ý của Thông giáo. Chỉ trong thiện ác trong ngoài cõi, là ý của Biệt giáo. Chỉ thật tướng của thiện ác, là ý của Viên giáo.

Bản Tích: Bản, trụ bốn Vô sở úy, an trụ nơi thánh chủ như Ngưu vương đệ nhất nghĩa. Tích, là chỉ bày Ngưu Ti ưa ở cõi trời.

Quán tâm: quán lý trung đạo nơi tâm tánh, an nhiên bước trên đất phóng nhanh như gió, tức quán ngưu vương.

“Ly-bà-da” cũng gọi là Ly Việt, Trung hoa dịch là Tinh Tú hoặc Thất Tú hoặc Giả Hòa Hiệp, Kinh Văn-Thù Vấn gọi là Thường Tác Thanh (Thường lên tiếng). Cha mẹ ngài cầu khẩn tinh tú mà sinh ra ngài, nên cảm ân đức đó mà đặt tên ngài là Tinh Tú. Tuy được xuất gia, nhưng giữ tên cũ. Giả Hòa Hợp: Có người dẫn Thích luận giải thích: Một hôm hành hóa lỡ đường, ngài vào trong đình nghỉ qua đêm, thấy có hai con quỷ tranh nhau thầy chết, chúng thấy ngài và nhờ phân xử. Dù y theo lý hay không cũng vô ích, đều không tránh khỏi sự tai hại, cho nên ngài theo sự thật mà đáp. Đại quỷ bẻ tay chân ngài, tiểu quỷ bẻ tay người chết bù vào... cứ như vậy ăn xong lau miệng mà đi, nhân đó mà ngài buồn phiền không so sánh biết được là thân ai, nên gọi Giả Hòa Hợp.

Thường tác thanh: Tức nghi việc này, nếu bản thân ta thì tận mắt thấy bị bẻ bỏ, nếu là thân người khác sao lại theo ta đi đứng, đang nghi hoặc, còn do dự thì gặp người liền hỏi: “Ông thấy thân tôi không?” Cho nên nói là Thường Tác Thanh, Chúng Tăng nói: “Người này dễ độ”, rồi nói tiếp: “Thân ông vốn là thân thể người khác sót để lại, chứ chẳng phải mình có”, nghe xong liền đăc đạo. Kinh Tăng Nhất nói: “Người tọa thiền nhập định, tâm không điên đảo, thì đệ nhất là Ly Việt Tỳ-kheo”.

Căn cứ về giáo: Phá bẻ ngũ ấm không có ngã sở hữu là ý của Tam tạng. Thể đăc ngũ ấm vốn chẳng phải ngã hữu, là ý Thông giáo. Phân biệt ngũ ấm của mười pháp giới đều không phải mình có, là ý của Biệt giáo. Thông đăc ngũ ấm chẳng phải ngã hữu chẳng phải tha hữu, kiến ấm thật tướng, tức ý của Viên giáo. Bản Tích: Bản, trú nhật tinh tú Tam-muội. Tích nêu bày danh này. Quán tâm: Quán tâm niệm Phật thấy nhiều Đức Phật trong mười phương, như ban đêm thấy sao...

“Tất-lăng-già-bà-ta”, Trung hoa dịch là Dư Tập. Vốn năm trăm đời là Bà-la-môn, tính khí còn kiêu ngạo, đi khát thực thường qua sông Hằng lấy tay chỉ quát: “Con nhãi ranh kia hãy dừng chảy!”, thì dòng nước tách làm đôi. Thần sông Hằng đem chuyện này báo cáo với Phật,

Phật bảo phải sám hối, Tất-lăng liền chấp tay nói: “Thần sông Hằng! Con nhãi ranh kia đừng có giận nữa!” Đại chúng cười âm lên, nói “đã xin lỗi lại còn mắng nữa”. Phật bảo: “do tập khí ngày xưa dòng Bà-la-môn còn sót lại, chứ xin lỗi thật không có tâm kiêu mạn nữa”. Kinh Tăng Nhất nói: “Ngồi dưới gốc cây khổ tu, không ngại mưa gió, là Bà-ta Tỳ-kheo”.

Căn cứ về giáo: Diệt mạn không còn mạn, là ý của Tam tạng. Tức mạn mà không có mạn, là ý của Thông giáo. Phân biệt sự cao thấp trong mười pháp giới là ý của Biệt giáo. Tám tự tại ngã đầy đủ Phật pháp, là ý của Viên giáo. Bản Tích: Bản, trụ thường lạc ngã tịnh tám tự tại ngã. Phạm âm vi diệu. Tích, nêu bày tâm mạn khẩu ác. Quán tâm: quán lời nói thô diệu đều qui về Đệ nhất nghĩa...

“Bạc-câu-la”: Trung hoa dịch là Thiện Dung, hoặc Vĩ Hình, hoặc Đại Phì Thạnh, hoặc Nhu Nan, hoặc Lăng Đặng, hoặc Mai Tánh. Vì sắc mạo đoan chánh, cho nên gọi là Thiện Dung, ngài thọ một trăm sáu mươi tuổi, không hề bị bệnh không chết yểu. Có năm phước báo cho nên không chết yểu: Sau khi mới sinh hiện tướng lạ, mẹ thử đem để trên bàn ram nướng cho chết mà không chết. Lại, đem thả giữa sông cá nuốt, cá bị người bắt lấy dao mổ bày ngài ra ngoài mà không chết... Do đời trước giữ giới không sát sinh nên chín mươi một kiếp được sống lâu không chết yểu, do xưa từng cúng trái A-lê-lặc cho một vị tăng có bệnh, nên quả báo thân thường không bệnh, có thể giữ trì một giới thì bốn giới trang nghiêm, kiên trì không phạm không tránh nước lửa, những người khác tuy trì năm giới mà phần nhiều hủy phạm... Lại, ưa ở chỗ vắng lặng, không ưa ở trong chúng, mắt không ưa nhìn thấy các màu sắc... tai không ưa nghe âm thanh thế giới, mũi không ưa ngửi mùi thơm hôi thế gian, lưỡi chưa từng vì người thuyết một đôi ngữ, ý thường trong thiền định không tán loạn, cho đến tháp Xá-lợi của Ngài cũng ưa để chỗ nhân tịnh, A-dục Vương lễ tháp của các bậc La-hán tiếp đến lễ tháp của ngài và nói kệ rằng: “Lúc còn ở đời tu ở chỗ vắng, rèn đức vô minh ít có lợi ích cho đời”, và cúng hai mươi cái bảo bối. Kinh Tăng Nhất nói: Vua cúng thí xong, thì tiền và bảo bối từ trong tháp bay ra theo dích chân của vua. Các đại thần thấy thế kinh ngạc. Vua nói: “Lúc Tôn giả còn ở nhân gian ưa ở một mình nơi vắng, thiếu dục, cho đến nay tháp của ngài vẫn còn có lực như vậy,” Kinh Tăng Nhất nói: “Thọ mạng rất lâu dài, trọn không chết yểu, thường ưa ở nơi vắng lặng, không ưa ở trong chúng, thì Bạc-câu-la là đệ nhất”.

Căn cứ về giáo: Diệt ồn ào nhập Chân là Tịch tịnh theo Tam

tạng giáo. Tức huyền não mà Chân, là Tịch tịnh theo Thông giáo. Là nhị biên nhập Trung, là Tịch tịnh theo Biệt giáo. Tức biên mà Trung, là Tịch tịnh theo Viên giáo. Bản Tích: Bản, trụ nơi đại định tịch diệt, thọ mạng lâu dài là “thường”, không bệnh là “lạc”, không chết yếu là “ngã”, tịch tĩnh là “tịnh”, Bản ở nơi bốn đức này. Tích, thị hiện lục căn tịch tịnh. Quán tâm: Tâm tánh trung đạo, tức Không tức Giả tức Trung, là quán thường lạc ngã tịnh.

“Ma-ha-câu-ly-la”: Trung hoa dịch là Đại-tất, cậu của Xá-lợi-phất, nguyên do luận hơn chị nhưng đối với bào thai không hơn, biết đưa trẻ trong bào thai mà trí tuệ còn như vậy hướng chi khi ra khỏi bào thai... liền bỏ nhà đến Nam Thiên Trúc, đọc thông mười tám kinh. Người thời ấy cười ngài cho rằng: “nhiều kiếp khó thông, một đời chẳng xuể”. Ngài bùi ngùi than rằng: “Ở nhà thì thua chị, ra đường thì bị người khác khinh”. Ngài thề gắng học đọc hết sách kinh, đến nỗi không nhàn rỗi để cắt móng tay, nên người thời ấy gọi ngài là Trưởng Trảo Phạm Chí. Học xong trở về nhà hỏi cháu đã được sinh và ở đâu? Mọi người nói hiện làm đệ tử Phật, liền sinh tâm kiêu mạn nói cháu ta tám tuổi tài giỏi danh vang khắp năm nước Thiên Trúc, Sa-môn kia có đạo thuật gì mà dụ dỗ cháu ta? Bèn đi đến chỗ Phật. Suy nghĩ hồi lâu, không đắc một pháp nhập tâm nào, mới nói với Phật rằng: “Tất cả pháp không nhãn, nhãn tức là nghĩa an. Đây nói tất cả pháp ta đều phá khiến không được an, cho nên nói tất cả pháp không nhãn”. Đức Phật hỏi: “Ông thấy là nhãn hay không?” Ông rơi vào chỗ lưỡng phụ (hoàn toàn bị thua): “nếu ta thấy nhãn, thì trái với trước đã nói tất cả pháp không nhãn, nếu ta thấy không nhãn thì không thể hơn Phật”, liền cúi đầu đắc pháp nhãn tịnh. Thân-tử đứng hầu Phật, nghe câu biện luận, liền đắc quả A-la-hán. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Đắc Tứ biện tài gặp nạn vấn có thể đáp ngay, đệ nhất là Câu-hy-la. Thiên vương ở phương Nam tên Tỳ-lưu-bặc-xoa thường theo hầu ngài”.

Ước về giáo: Ngoài thông bốn bộ kinh Vi-đà, trong thông Tam tạng là Tam tạng tứ biện tài. Ngã vô sở đắc nên biện tài mới như vậy, là Thông giáo biện. Hoặc danh hoặc nghĩa khắp mười pháp giới, là Biệt giáo biện. Y nơi thật tướng biến khắp tất cả, là Viên giáo biện.

Bản Tích: Bản, trụ nơi khẩu mật khẩu luận bất tư nghì giáo hóa đại định đại tuệ. Tích, thị hiện làm Đại Tất. Quán tâm: Quán tâm tức Không tức định, tức Giả tức tuệ, để trang nghiêm tâm kia...

“Nan-đà”: Cũng gọi là Phóng Ngưu Nan-đà, Trung hoa dịch là Thiện Hoan Hỷ, cũng dịch Hân Nhạo. Vua Tịnh Phạn bắt ép mười vạn

người thuộc dòng họ Thích xuất gia, ngài là một người trong số đó. Có sư nói là Bạt-nan-đà trong Luật vậy.

Căn cứ về giáo: thì sự hoan hỷ, lý không hoan hỷ, là ý của Tam tạng. Tức sự hoan hỷ là lý hoan hỷ là ý của Thông giáo. Hoan hỷ địa, tức là ý của Biệt giáo. Hoan hỷ trụ, tức là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản, trụ nơi thật tế, chẳng phải hỷ, chẳng phải không hỷ. Tích, gọi là Hoan hỷ. Quán tâm: Quán tâm cùng lý tương tự tương ứng, nên gọi là Hoan hỷ quán.

“Tôn-đà-la Nan-đà”: Tôn-đà-la, Trung hoa dịch là Hảo Ái, cũng là Đoan Chánh. Nan-đà như trước nói. Dòng họ: Như Ngài A-na-luật. Ngài ở trong thai mẹ bốn tháng chín ngày thì sinh, người thấp hơn Phật bốn ngón tay, dung nghi đĩnh đạc đặc biệt, rất khác với đời, Nếu đi vào trong chúng thì có người không biết, tưởng là Đức Phật đến. Luật Sa-di-tắc nói: Ở nước Ma-kiệt có ngoại đạo loả thân, rất thông minh người trong nước gọi là trí giả kiến giả, cùng với Thân-tử luận nghị rất hợp, nảy sinh thiện tâm, muốn ở trong Phật pháp xuất gia, thấy Nan-đà diện mạo tuyệt đẹp như thiếu nữ liền khen rằng: Tỳ-kheo nhỏ bé trí tuệ khó lường huống chi là đường tăng tướng ư! Nan-đà liền độ cho xuất gia. Vợ của Ngài Nan-đà là Tôn-đà-lợi rất đoan chánh, hai người khi ăn, khi ngủ không hề xa nhau, một hôm Đức Phật cùng A-nan đi khất thực đến trước cửa nhà, ông cùng vợ ngồi trên lầu cao ăn cơm, thấy Đức Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, người vợ nói đợi chồng về cùng ăn. Nan-đà bạch Phật rằng: Chuyển luân vương tại sao tự làm nhục dòng họ? Nói rồi cầm bát của Phật lấy thức ăn. Đức Phật liền trở về vườn Ni-câu lại bảo A-nan sai Nan-đà dâng thức ăn đến. A-nan truyền lời Phật dạy khiến Nan-đà dâng cơm hầu Phật. Phật sai chúng giữ lại và cho cạo đầu, bằng không thì phải cầm dao đến cạo đầu cho vua Diêm-phù-đề. Nan-đà đành chịu để cạo đầu. Sáng ngày Đức Phật cùng Đại chúng năm trăm Tỳ-kheo đi ăn theo lời thỉnh của đàn việt, Nan-đà xin ở lại giữ chùa ý muốn trốn đi, Đức Phật chấp thuận và dặn đóng cửa phòng quét đất. Khi đóng cửa phía Nam quét rồi, liền mở cửa phía Bắc để quét, quét xong thì cửa phía Nam lại rác rưởi dơ bẩn như cũ. Lại sợ Đức Phật về, ngài liền trốn trở về nhà, không may giữa đường gặp Phật, liền núp sau thân cây. Đức Phật hiện hóa cây bay lên hư không, thấy ngài liền gọi và đem về Tinh xá. Đức Phật hỏi: Vì sao bỏ đi? Nan-đà đáp: Đang cùng vợ ăn, nay sợ vợ chờ nên trở về cùng ăn và vì nhớ đến vợ. Đức Phật liền đem Nan-đà dạo khắp trên cõi trời rồi xuống địa ngục... cho nên đem vợ để nêu lên.

Ước về giáo: Tục đế có pháp hỷ, Chân đế không có pháp hỷ, đó là Tam tạng giáo. Hỷ Tục đế tức hỷ Chân đế, đó là Thông giáo. Từ Thông pháp hỷ mà có Tục pháp hỷ và Trung pháp hỷ, đó là ý Biệt giáo. Tức Thông hỷ đầy đủ hết thấy pháp hỷ, đó là ý của Viên giáo. Bản tích và Quán tâm, như trước nói...

Phú-lâu-na, dịch là Mãn Nguyên. Di-đa-la dịch là Từ. Ni là nữ, cha ngài ở sông Mãn cầu đảo mà sinh ra con, chính ở sông này lại mộng thấy bảy báu, đựng đầy báu vào trong lòng mẹ, mẹ mang thai con, cha được mãn nguyện, do cầu thỉnh nguyện đầy đủ cho nên nói Mãn Nguyên. Mẹ tên Di-đa-la-ni, Trung hoa dịch là Từ Hạnh, cũng gọi là Tri Thức. Trong bốn bộ kinh Vi-đà có phẩm tên ấy mà người mẹ thường tụng, nên lấy đó đặt tên con. Ni là nữ, gọi chung nữ là “ni”, gọi nam là “na”, đã là từ chỗ Từ sinh ra cho nên nói Từ Tử. Kinh Tăng Nhất nói: Cha ta tên Mãn, mẹ ta tên Từ, các người phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Đây là theo hai duyên của cha mẹ, nên nói Mãn Từ Tử. Người này khéo giỏi biết hiểu hết kinh sách nội ngoại, không gì là không biết, hiểu biết đầy đủ cho nên gọi là Mãn. Kinh Tăng Nhất nói: “Có khả năng diễn thuyết rộng, phân biệt nghĩa lý, đệ nhất là Mãn Từ Tử.” Văn dưới nói: “Là người thuyết pháp đệ nhất”. Ngài muốn trở lại bản quốc làm lợi ích, nên Phật dạy: Nước kia xấu ác ông phải làm sao? Đáp: “Con sẽ tu nhẫn. Nếu họ hủy nhục con thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa nặng tay đánh đập con. Nếu họ nắm tay đánh con, thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa lấy roi gậy đánh đập con. Nếu họ dùng roi gậy đánh, thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa dùng đao búa đâm chém con. Nếu họ dùng đao búa đâm chém con, thì con vẫn thấy may mắn vì họ đã giết sắc thân ngũ ấm của con”. Đó gọi là hành nhẫn đầy đủ cho nên gọi tên là “Mãn”. Trong Kinh Thất Xa Dụ Thuyết, Đại trí Xá-lợi-phất đã xưng tán ngài rằng: “Tất cả những người tu phạm hạnh đều tôn trọng vây quanh đảnh lễ ông. Nếu thấy ông, thì họ được lợi ích lớn”. Đó là khen ngợi đầy đủ, cho nên gọi tên là “Mãn”.

Căn cứ về giáo: Ân cần phân tích pháp, việc làm đã xong, đó là Tam tạng nguyện mãn. Thể đạt tức Không, nơi pháp Không mà chứng đắc, là Thông giáo nguyện mãn. Pháp nhẫn đầy đủ, là Biệt giáo nguyện mãn. Trụ nơi bí mật tạng, là Viên giáo nguyện mãn. Bản tích: Bản nguyện từ lâu đã mãn. Tích, là thuyết pháp đệ nhất, chỉ bày cho chúng sinh hiểu biết. Quán tâm: Quán lý Nhân hạnh v.v... trong chỉ quán, tức quán Thiện tri thức.

“**Tu-bồ-đề**”, Trung hoa dịch là Không Sinh. Khi sinh ngài thì đồ

đặc đầy đầy trong nhà tự nhiên biến mất, thấy đều trống không, hỏi thầy bói xem thì họ nói đây là điềm lành, nhân Không mà sinh, cho nên đặt tên là “Không Sinh”. Do y báo, tức là trong nhà đồ đạc trống không, mà đặt tên cho chánh báo. Y chánh đều tốt lành, cho nên nói không sinh. Thường tu Không hạnh, cho nên gọi “Thiện nghiệp”. Như cúng dường được quả báo hiện tại, nên gọi “Thiện Cát”. Thường ưa du hành, ở nơi hang đá rừng cây yên tịnh, sự tu hành nghiệp lấy “Không” làm gốc, thường nhập Không định, trú Vô-tránh Tam-muội, ưa thuyết pháp Không, nếu tuyên thuyết thì đều phân biệt Không, họ chúng sinh khiến không ngăn ngại, không ưa hành thì trụ, không ưa trụ thì hành. Đức Phật ở cung trời Đao-lợi xuống, trong khi mọi người vây quanh tranh nhau đón Phật đánh lễ, thì ngài ngồi ngay ngắn trong hang đá, quán niệm các pháp Không, “sắc” chẳng phải Phật cho đến “thức” chẳng phải Phật, “mắt” chẳng phải Phật, cho đến “ý” chẳng phải Phật, mà bỗng nhiên ngộ đạo. Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc tưởng mình là người đến đón Phật trước nhất, Phật bảo Liên Hoa Sắc : “Chẳng phải người đánh lễ ta trước, người chỉ đánh lễ sắc thân ta, nếu lễ pháp thân ta thì chính Tu-bồ-đề trước”.

Căn cứ Giáo: Từ có diệt sắc mà Không trí phát sinh, thể sắc mà Không trí phát sinh. Từ Hữu trí mà sinh Không trí, từ Không trí mà sinh Tục trí, từ Tục trí sinh Trung trí. Không sinh tức Hữu trí, đó là theo Viên giáo mà nói Không trí sinh. Đây là Không trí sinh theo nghĩa của Viên giáo. Bản tích: Bản, trú nơi pháp thân thật tướng. Tích, thị hiện Không mà sinh. Quán tâm: Chẳng tại trong, ngoài, trung gian, chẳng tự có, đó gọi là quán tâm pháp thân.

“**A-nan**” Trung hoa dịch là Hoan hỷ, hoặc Vô Nhiễm. Vua Tịnh-phạn hy vọng Thái tử làm Kim luân bá chủ tông miếu xã tắc, bỗng nhiên ngài bỏ nước, vua lo buồn tuyệt vọng, ma đến nói dối là “con ông đã chết”. Vua khóc lóc than: “A-di (tên A-tu-đà) đã nói con ta có tướng tốt, lời nói ấy không hiệu nghiệm sao?” Lại có trời đến nói: “con ông thành Phật”, vua nghi ngờ chưa rõ, trong chốc lát lại có tin báo đêm qua trời đất chấn động bởi vì Thái tử thành đạo, vua rất vui mừng. Bạch Phạn vương tâu vừa mới sinh con, nước đã vui lại có thêm tin vui, nhân đó đặt tên là “Hoan hỷ”, đó là do cha mẹ đặt tên. A-nan diện mạo khôi ngô đoan chính mọi người thấy đều ưa thích. Sau theo Phật xuất gia Đức Phật sai đắp y che vai. Một hôm, có một cô gái dẫn đứa bé đến giếng múc nước, thấy A-nan mắt nhìn không rời, bất giác cầm dây gàu quấn cổ đứa bé... Kinh Trung A-hàm nói bốn chúng nếu nghe A-nan thuyết

hoặc nhiều hoặc ít, đều rất hoan hỷ, muốn nói hỏi gì trước hết cười vui vẻ làm cho đại chúng đều rất hoan hỷ. Bốn chúng nếu thấy ngài dù là im lặng đi đứng nằm ngồi hay chỉ bảo phân chia chỗ tiến dừng, động chuyển thì cũng đều rất hoan hỷ. A-nan sinh ngày tám tháng tư, đúng ngày Đức Phật thành đạo. Sau khi xuất gia làm thị giả Đức Phật được hai mươi lăm năm, lúc ấy Đức Phật đã năm mươi lăm tuổi, A-nan lúc đó hai mươi lăm tuổi. Đức Phật muốn tìm người thị giả, năm trăm Tỳ-kheo thỉnh Phật vì như trước đã nói Đại chúng khuyên A-nan, A-nan thuận theo, năm trăm Tỳ-kheo đều hoan hỷ, Mục Kiền Liên có hơi ganh, A-nan bèn xin ba điều kiện, Đức Phật vì biết có sự cơ hiểm, nên chấp thuận cho:

1. Không thọ nhận y cũ và thức ăn của Phật.
2. Muốn tự lợi ích.
3. Ra vào không thời gian qui định.

Đây là ba điều kiện A-nan cầu xin. Phật nói A-nan trong quá khứ đã làm thị giả, cho ta, nghe ta nói đều hiểu nhớ không quên, nay Phật chưa phát ra lời mà A-nan đã hiểu ý của Như Lai, việc gì cần hay không cần A-nan đều hiểu biết, cho nên Đức Phật đem pháp giao phó cho A-nan, Phật rất hoan hỷ. Tứ Thiên Vương mỗi vị đều cúng dường bát cho Đức Phật, Đức Phật gộp lại đẽ xuống thành một bát, bốn gộp một hẳn nhiên bát nay rất nặng, A-nan hoan hỷ giữ gìn không mệt mỏi. Kinh Trung A-hàm quyển hai mươi bảy nói A-nan hầu Phật hai mươi lăm năm, nghe tám mươi ngàn điều-độ đều đọc tụng không sót, không hỏi lại một câu, niệm lực hoan hỷ. A-nan theo Phật vào cõi Trời người, Long cung, thấy Thiên nữ, người nữ, long nữ mà tâm không đắm nhiễm, tuy chưa diệt tận tư hoặc nhưng không bị đắm nhiễm, hết thấy nhân thiên long thần đều hoan hỷ. Sau khi Đức Phật diệt độ, A-nan ở trên tòa Sư tử, Ca-diếp và Đại chúng khen rằng:

*Mắt như trăng thu tròn đầy
Mắt xanh biếc tựa hoa sen
Phật pháp rộng như biển cả
Đều rót vào tâm A-nan.*

Đến đúng thời, A-nan nhập Niết-bàn trên không trung giữa dòng sông Hằng vì sợ hai nước gây chiến, sợ giữa Tỳ-xá-ly và A-xà-thế tranh giành, ngài dùng hoả quang Tam-muội thiêu đốt tấn nhập Niết-bàn, rồi phân thân làm bốn phần xá lợi: một cho cõi trời, một phần thuộc cõi rồng, một phần thuộc Tỳ-xá-ly, một phần thuộc A-xà-thế. Về sau, A-dục vương lễ tháp A-nan, cúng ngàn vạn tiền vàng và làm kệ tán thán

rằng: “Năng nhiếp trì pháp thân, pháp sáng nên pháp trụ, niệm trí Phật như biển, nên lập thượng cúng dường. Nhớ nghĩ nghe rất nhiều, phát âm thanh vi diệu, Thế Tôn thường tán thán, được người trời ưa thích”. Kinh Tăng Nhất nói: “Biết thời biết vật không nghi ngờ, nhớ rõ không quên, đa văn rộng lớn, thông đạt tất cả, có khả năng phụng thờ pháp, bậc nhất là A-nan”

Căn cứ Giáo: Hoan Hỷ A-nan, là theo Tam tạng giáo. Hiền A-nan, là theo Thông giáo. Điển Tạng A-nan, là theo Biệt giáo. Hải A-nan, là theo Viên giáo. Bản tích: Bản, trú phi hoan hỷ phi bất hoan hỷ, pháp thân như hư không, trí tuệ như mây mưa, năng trì năng thọ. Tích, là hoan hỷ. Quán tâm: Quán tâm cùng tương tự, tức Không tức Giả tức Trung tương ứng, đó là quán tâm Hoan hỷ cho đến Chân quán tương ứng...

“**La-hầu-la**” Trung hoa dịch là Phú chướng. Do đời trước ông lấp hang chuột, lại không thấy Bà-la-môn sáu ngày, do duyên ấy cho nên gọi là Phú Chướng. Thái Tử chưa có con cầu xin xuất gia vua cha không cho ân cần khuyến bảo, vua nói: “nếu con có con nối dõi, ta sẽ cho con xuất gia”. Bô-tát chỉ tay vào bụng phi tử, nói “sau sáu năm sẽ sinh con trai”. Do ở trong thai sáu năm nên gọi Phú Chướng. Chân Đế Tam Tạng nói: La-hầu vốn gọi là Tu-la, tay có thể che mặt trăng mặt trời, theo đây mà dịch nghĩa thì lẽ ra là Chướng nguyệt. Phật nói: La-hầu-la như mặt trăng trong Phật pháp, đứa trẻ này làm chướng ngại ta, không cho ta xuất gia ngay, đời đời làm chướng ngại ta, ta đời đời có thể xả bỏ, cho nên nói Phú Chướng. Sau khi Thái tử xuất gia Gia-thâu có thai, những người dòng họ Thích giận nói do duyên gì mà có, muốn trị muốn giết, tiếng xấu vang khắp. Bảo nữ Cù-tỳ-la chứng minh, là sai lầm một chút. Nhân đốt hầm lửa, phát đại thệ nguyện: “Nếu ta làm trái thì mẹ con đều chết. Nếu là di thể chân thật thì trời phải làm chứng”. Rồi bỗng con nhảy vào hầm, hầm lửa biến thành ao hoa sen đỡ mẹ con lên. Thấy vậy vua và mọi người không còn nghi ngờ. Sau khi Đức Phật trở về nước, Gia-thâu sai La-hầu-la dâng lên Phật thuốc hoan hỷ (thuốc bổ). La-hầu-la tuổi còn nhỏ hồn nhiên ở trong chúng chạy thẳng lên đưa Phật. Gia-thâu do đó không còn oán trách, oán trách do có con cho nên nói Phú Chướng. Vua cha hoan hỷ cho Thái tử xuất gia, nghĩ rằng tuy mất con nhưng còn có cháu, cháu sẽ thay thế làm vua, ta cũng không hận gì, tưởng may mắn có thần báu đến, nhưng Phật cũng đem đi xuất gia, vua cha không cho, Gia-thâu đem lên trên lầu cao, Mục Kiền Liên bay trên không đón nhận và đem đến Đức Phật liền độ cho xuất gia, giao phó cho Xá-lợi-phất thâu làm đệ tử, đã xuất gia rồi thì vương vị

cũng mất cho nên nói Phú Chưởng. Sa-di La-hầu tuổi còn nhỏ, ưa đùa nghịch, vọng ngữ, Quốc Vương Đại Thần Bà-la-môn cư sĩ đến cầu xin thấy Phật. La-hầu đáp không có khiến vô lượng người không thấy được Phật, đó là ngăn chướng người khác, đó gọi là vọng ngữ. Đức Phật biết chuyện quở trách. Một hôm Thế Tôn đi kinh hành trở về sai La-hầu-la lấy nước rửa chân, chọn ba cái chậu úp và ba cái chậu ngửa. Rồi chỉ ba chậu úp xuống đất, bảo đổ nước vào. La-hầu đáp: “Chậu úp làm sao chứa nước?” Phật nói: “Người cũng như chậu úp, ở trong Phật pháp nhưng không thể chứa nước pháp, từ nay nên nói thật, không được vọng ngữ”. Từ đó về sau, La-hầu siêng năng tu đạo, những gì không hiểu thì bạch hỏi Phật. Phật hỏi: Ông đã vì người thuyết ngữ ám chưa? Đáp: Chưa! Phật bảo: Ông nên vì họ mà thuyết. La-hầu-la thuyết xong Phật lại hỏi: “Ông thuyết pháp thập nhị nhập, thập bát giới chưa? Thuyết pháp là môn khiến đắc đạo. Nếu muốn đắc đạo thì nên vì người khác mà thuyết pháp”. Nhân đó La-hầu-la thuyết pháp rộng rãi, về sau ngài đắc đạo, nên gọi là Phú Chưởng. Tự mình đã đắc đạo kiến ái đều trừ, hết sinh trong ba cõi, cho nên gọi Phú Chưởng. Hết sinh trong ba cõi, nguyện không thể lôi kéo, cho nên nói Phú Chưởng. Phật dạy: “Tứ đại La-hán không được diệt độ, đợi đến khi pháp của ta diệt tận”. Do đó, trụ trì đến nay chưa đắc nhập Vô dư Niết-bàn, nên nói Phú Chưởng.

Căn cứ Giáo: Phân tích pháp Đạo đế, ngăn chướng tứ trụ phiền não là ý của Tam tạng giáo. Thế pháp Đạo đế ngăn chặn tứ trụ, là ý của Thông giáo. Theo thứ tự tam trí ngăn chặn ngũ trụ là ý của Biệt giáo. Nhất tâm tam trí ngăn chặn ngũ trụ, là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản, trú trung đạo ngăn lấp nhị biên, tám thứ chướng ngăn chướng Niết-bàn biên, một thứ chướng ngăn chướng sinh tử biên, một thứ chẳng chướng sinh tử, chẳng chướng Niết-bàn, mà chướng Vô dư. Quán tâm: Theo như trước có thể hiểu...

6. Kết: đa tri thức. “Đó là các vị A-la-hán hàng tri thức của chúng” hoặc nói “tri” chỉ là “thức”, hoặc nói nghe danh là “tri” thấy hình là “thức”, thấy hình là “tri” thấy tâm là “thức”.

Bản tích: Bản, là vì chúng sinh mà làm “mãn tự” tri thức. Tích, là làm “bán tự” tri thức.

Quán tâm: Quán hành tri thức như chỉ quán.

Chúng đa tri thức đã nói xong. Tiếp đến, nêu chúng thiếu tri thức.

“Lại có hai ngàn người Hữu học, Vô học”: Chỉ nêu địa vị, nói rõ số, mà không tán đức gọi đây là chúng thiếu tri thức. Thánh cùng phạm

tuyệt giao cũng không phân biệt đa thức hay thiếu thức. Đặc biệt mong mỗi cao ngưỡng mộ xa thì dùng đa thức dẫn dắt. Ẩn danh ẩn đức thoái nhượng thì dùng thiếu thức mà dẫn dắt, tùy thuận chúng sinh cho nên có bấy nhiêu, không thể dùng Tích đa thiếu mà đánh mất Bản kia. Học vô học: trong Tam tạng nói mười tám hạng của Học nhân, chín hạng người Vô học. Trong Thông giáo, ngũ địa đều gọi là Học, lục địa gọi là Vô học. Lại, trong Thông giáo, thì chín địa là Học, Phật địa là Vô học. Trong Biệt giáo Viên giáo, hoặc căn cứ công dụng vô công dụng, hoặc căn cứ cụ túc chưa cụ túc mà nêu rõ Học, Vô học. Kinh A-hàm nói: Ngoại đạo hỏi Phật La-hán còn học không? Phật trả lời La-hán không tạo pháp ác, trụ nơi thiện pháp, học cái Vô học kia tức gọi là “Học”. Nếu thế thì người học cũng gọi là vô học. Người học ngang bằng sở đoạn, không trở lại đoạn, tức là Vô học, đó là bốn câu. Căn cứ năm phương tiện phi học phi vô học, tiện là năm câu. Căn cứ trong bốn giáo liệt kê cũng như vậy, bốn lần năm là hai mươi câu.

Bản tích: Bản, pháp thân đại sĩ, ở địa vị mãn tự học vô học. Tích: Chúng sinh theo bán tự học vô học nhân mà trang nghiêm song thọ. Quán tâm: Chánh quán trung đạo, không duyên nhị biên trung gian, tức là vô học. Có khả năng quán như vậy đó gọi là Học. Nếu căn cứ quán môn nêu rõ số, quán sắc tâm thập pháp giới, thập như. Giới Như xen nhau luận bàn, tức đủ hai ngàn. Nêu tích cho nên tiêu biểu bản pháp, tích tức là bản tích.

Tiếp theo nêu ra Ni chúng: Xưa lấy đây theo lệ trước chia làm hai chúng, nay không dùng. Nếu kể theo trước kia chia hai chúng là đa thức và thiếu thức. Lại, không có văn nghĩa cũng không thể được, chỉ là nêu hai chúng chủ, đâu có nhọc công gọi là lớn nhỏ nhiều ít tri thức.

Trước hết nêu “Ma-ha Ba-xà-ba-đề”: Trung hoa dịch là Đại Ái Đạo. Cũng gọi Kiều-đàm-di, Trung hoa dịch là Chúng chủ. Ni là tên chung của người nữ ở Thiên trúc. Bản, trụ nơi pháp môn trí độ. Tích, là mẹ của ngàn đức Phật, sinh ra và nuôi dưỡng các bậc Đạo sư. Quán tâm giải thích: Theo Trung quán thì rộng lớn gọi là “Đại”, vô duyên từ, gọi là “Ái” trung lý hư thông gọi là “Đạo”. “Đại” tức tự hành, “ái” tức hóa tha, như do “ái” cho nên thọ sinh, Từ cho nên bén duyên với đạo, tức thông tự hành hóa tha.

Sáu ngàn (6000) là số. Quán môn: giải thích: Quán lục căn thanh tịnh đầy đủ ngàn công đức, tuy nhân có tám trăm, nhĩ có một ngàn hai trăm, lấy tổng số nhiều và ít, đủ sáu ngàn tiêu biểu Bản pháp môn, cũng là ý quán Hạnh.

La-hầu-la mẫu, là Da-thâu-da-la: Lấy tên con để nêu mẹ, Trung hoa dịch là Hoa Sắc, cũng gọi Danh Văn, hoặc gọi là Vô Phiền. Người ôn hòa nhã nhặn, kính cẩn cần kiệm, đức sánh bằng Thái tử, khi ở nhà là vợ Bồ-tát, là tri thức hàng nhân thiên. Khi xuất gia làm chủ ni chúng, ở địa vị vô học, đâu phải là danh không vang khắp trong chúng ư! Kinh Thập Nhị Du nêu ra ba vị phu nhân: 1. Cù-di. 2. Da-thâu. 3. Lộc Dã. Kinh Vị Tăng Hữu và Kinh Thụy Ứng, đều nói La-hầu là con của Cù-di Kinh Niết-bàn và Pháp Hoa đều nói là của Da-thâu. Hai nghĩa làm sao thông? Hoặc có thể kinh kia nêu Đại mẫu, kinh này nêu sở sinh. Thích luận giải thích: Cu-tỳ-đà là Bảo nữ, không có thai, tức là Cu-di, đây dịch là Minh nữ. Cho nên biết: nhất định La-hầu là con của Da-thâu.

Bản tích: Thê thì tề vậy, đâu có bác địa làm vợ Thái tử? Cho nên biết: Bản, trụ nơi tịch định pháp hỷ vi diệu, Tích là vợ Thái tử. Kinh Bi Hoa nói: Xưa ở chỗ Đức Phật Bảo Tạng, phát lời thệ làm vợ... Quán Không vô lậu pháp hỷ, tức lấy Lộc Dã tiêu biểu làm vợ. Quán Giả đạo chủng trí pháp hỷ, tức lấy Da-thâu tiêu biểu làm vợ. Quán Trung pháp hỷ, tức lấy Cu-di tiêu biểu làm vợ. Trên là phân rõ bản tích quán tâm, nay lại tổng luận bàn, hiển bày quyền thừa khéo léo quanh co, nêu rõ quán hạnh tinh vi. Xét rằng Thủ Lăng-Nghiêm thị hiện bao nhiêu thứ, thích ứng với căn tánh chúng, không việc gì mà không làm, nay còn thân cận luận bàn. Tích, gá thác trong vương cung giáng sinh làm vợ thần thánh, Pháp thân Bồ-tát đều giúp Phật hành hóa, mà hiện ra nhiều hình ảnh khác nhau. Như ba mươi hai tướng tốt bẩm sinh, các bậc đại sĩ đều sinh ra như vậy, hoặc trong nhà trống, mưa báu, mộng kỳ lạ, biện tài, thông suốt. Như Hoàng Thái tử, bỏ nước và vương vị vượt thành học đạo, các Đại sĩ đều theo thầy thỉnh nghiệp, tài nghệ bao gồm thông suốt làm thầy tông kia. Nếu pháp luân ban đầu mở cam lộ môn khai, nghe các đại sĩ hóa duyên chưa thuần thực, thị hiện đồng không thọ nhận cùng đứng riêng một phe mà làm lẽ ngang nhau tôn sùng đạo chân thật của ta. Năng hóa sở hóa hoàn toàn nguyên chất như Sữa. Nếu sở hóa duyên thuần thực, thì tơ trắng dễ nhuộm, hoa sen trong ao sớm nở, chuyển phàm thành thánh chuyển Sữa thành Lạc, thầy chủ yếu là đệ tử thượng thủ của Đức Phật. Hoặc trí tuệ, thần thông, biện tài, Tam-muội, mỗi mỗi đệ nhất, cùng phụ Pháp vương, độ những người chưa được độ, thuần thực lại những người đã thuần thực, ngồi tòa Phương Đẳng, nghe công đức bất khả tư nghì của Bồ-tát, mà thẹn Tiểu thừa hâm mộ Đại thừa. Thẹn Tiểu thừa, thì than ôi tự trách mình để mất vô lượng tri kiến Như Lai. Hâm mộ Đại thừa thì không biết phải làm thế nào để đắc Vô

thượng trí tuệ Phật, như chuyển Lạc thành Sinh tô. Tiếp đến nghe Bát-nhã Ma-ha-diễn môn, ban đầu trải qua sắc tâm, sau cùng nơi Chủng trí bao gồm tiểu đại, trong ngoài, cho nhận, hoặc chung hoặc riêng hoặc Thiên hoặc Viên phụng mệnh lãnh biết mà không hy vọng có được, dù chưa đón xả mà đã dần dần thông thái, như chuyển Sinh tô thành Thực tô. Tiếp đến, nghe kinh Pháp Hoa biết thiên chân tánh, xác định cha con, thọ ký trao phó Đại thừa, bỏ ba trở về một, như bốn vị khác mà đồng một vị Đề-hồ, không khiến chỉ riêng một người được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ. Pháp vương pháp thân vì đại sự xuất thế khéo dụng phương tiện, ban đầu dùng bán tự pháp để phá sự phiền phức của hai mươi lăm cõi, thành Tứ khô song thọ lợi ích chúng sinh, tiếp đến dùng bán mãn pháp để phá độc (chỉ riêng mình) thiện của Nhị thừa, thành hạnh rộng lớn của Bồ-tát thành Bốn song thọ tươi tốt lợi ích Thánh nhân. Sau dùng mãn tự thường trú để phá nhị biên trước sau, thành bí mật tạng của Phật không khô cũng không tươi, rốt ráo lợi ích. Công chủ tướng đã hoàn tất, đại nguyện đã hoàn mãn, cho nên Thân-tử, Mục-liên đối với Pháp Hoa dừng hóa độ, thánh chủ bỏ thân mạng này cũng không bao lâu nữa. Văn nói: “Như bản thế nguyện xưa của ta nay đã đầy đủ, Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”. Sự kiện “sau khi thuyết kinh Pháp Hoa xong, Phật tuyên bố sẽ nhập Vô dư Niết-bàn”, thì hai vạn đức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Ca-diếp v.v... đều như thế. Nay thầy trò đều đối với kinh này phát tích, bên trong thì ẩn Bồ-tát đạo, bên ngoài thì hiện tướng Thanh văn, sự thật thì thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp. Lấy đây mà suy xét, các đại La-hán từ pháp thân địa rữ bóng tùy duyên tích đến muôn dòng, làm Hữu học hay Vô học, làm nam làm nữ, thị hiện đạo thị hiện tục Lực Thủ-lăng-nghiêm thì không nơi nào là không hiện, phương tiện thiện xảo quyền biến là như thế...

Tổng nêu rõ quán: Thầy trò trên thi thiết giáo hóa, là pháp thân sở vi. Nếu không phương tiện tác quán, thì đối với hành nhân không lợi ích, ví như người nghèo đếm báu của người khác, như người mù cầm đèn. Nhưng tâm sở rất nhiều, nếu căn cứ tâm sở thiện thì như chúng đệ tử chỉ nêu mười người Hữu học thôi. Mười thiện tâm sở là: tín, tiến, niệm, định, tuệ, hỷ, ý, xả, giác, giới. Mười tâm sở này phụ giúp tâm vương có thể cải ác thành thiện, cải phàm thành Thánh. Biện rõ tất cả pháp môn chỉ lấy mười tâm làm gốc, ví như mười vị đệ tử phụ Phật hành hóa cùng thuần thực chúng sinh đứng trong Phật pháp. Tâm sở Tín, ví như A-na-luật thiên nhãn đệ nhất, nhãn đứng đầu trong hàng ngũ nhãn, như các

phương lấy phương Đông làm đầu, tín là đứng đầu trong các tâm sở để nhập Phật pháp, Tâm sở Tiến (tinh tấn), ví như Ca-diếp đầu-đà đệ nhất, đầu tẩu siêng năng khổ hạnh. Tâm sở Niệm, ví như Ưu-ba-ly trì luật đệ nhất, Tâm niệm lực kiên cường nhớ trì không quên. Tâm sở Định, ví như Mục-liên thân thông đệ nhất. Tâm sở Tuệ, ví như Thân-tử trí tuệ đệ nhất, đều có thể hiểu. Tâm sở Hỷ, ví như A-nan đa văn đệ nhất, đa văn phân biệt lạc, lạc tức hỷ. Tâm sở Ý, ví như Chiên-diên luận nghị thể cùng vi tận lý, trừ tà hiển chánh, như “ỷ” lia ác đặc thiện, buông khổ nhập lạc. Tâm sở Xả, ví như đối với Thiện Cát giải Không đệ nhất, hoặc trú Không bình đẳng tương ứng với Xả. Tâm sở Giác, ví như Phú-lâu-na thuyết pháp đệ nhất, giác là gốc của ngôn ngữ, gốc lập thì biện thuyết không cùng. Tâm sở Giới, ví như La-hầu-la trì giới đệ nhất, có thể hiểu. Mười thiện tâm sở hợp với tâm vương năng thành quán hạnh, trong nhất niệm thâm nhập thiện pháp, Tam bảo đầy đủ. Tâm vương tức Phật bảo, tâm sở tức Tăng bảo, sở duyên thật tế không tâm vương cũng không tâm sở, tức Pháp bảo. Nếu nhập Thật tế thì đầy đủ công lực dụng của tâm vương và tâm sở. Lại dùng để thông đại địa thì mười tâm sở cùng tâm vương cùng khởi, nhập thiện nhập ác, biến thông tất cả. Mười tâm sở đó là tưởng, dục, xúc, tuệ, niệm, tư, giải thoát, ức, định, thọ. “Tưởng”, đối Phú-lâu-na, tưởng đặc giả danh, người ấy khéo đạt giả danh, biện tài không ngưng trệ. “Dục”, đối Ca-diếp. Ca-diếp không còn dục thế gian mà chỉ có dục nơi vô vi. “Xúc”, đối Ca-chiên-diên, xúc nhập hai việc càng liên quan nhau nhập, Ca-chiên-diên khéo luận nghị qua lại cùng tận. “Tuệ”, tức Thân-tử, có thể hiểu. “Niệm”, đối Ba-ly, niệm trì luật là bậc thượng. “Tư”, đối La-hầu-la, Tư là hành ấm, người này thực hành trì giới. “Giải thoát”, đối Thiện Cát. “Thoát”diễn tả vô lụy. Người này giải Không, ở nơi Có mà được giải thoát. “Ức”, đối Na-luật, nhớ nghĩ động phát chọn cảnh tu thiên nhân để nhập Tam-ma-đề. “Định”, đối Mục-liên, có thể hiểu. “Thọ”, đối A-nan, đa văn lãnh thọ trì không lầm lẫn. Mười vị đệ tử, mỗi mỗi đầy đủ các đức để dẫn các pháp môn chuyên biệt, tuyên bày đạo tùy thuận lòng ham muốn của chúng sinh. Muốn tuệ, thì thầy là Thân-tử. Cho đến, muốn đa văn thì thầy là A-nan. Cùng phụ đáng pháp vương, đều bắt tay làm một phần việc. Nay quán tâm cũng như vậy, trong mỗi một tâm đều đầy đủ tâm vương tâm sở tạo thành quán, cho nên tâm vương tâm sở dựa vào nhau mà được khai ngộ. Hoặc là ở nơi tâm sở Tưởng mà nhập đạo, hoặc là ở nơi tâm sở Dục mà nhập đạo, tùy chỗ thích nghi mà tâm vương tâm sở cùng trị liệu, hóa độ, chọn lấy các tâm trần lao mà làm Phật sự. Tác

quán đây chưa ngộ, quán hành như Sữa, nếu phát sinh vô lậu thì quán hành như Lạc. Nếu phá Trần-sa-hoặc thì như Sinh tô Thục tô. Nếu phá vô minh thì quán như Đê-hồ. Khi đến Đê-hồ thì tâm vương tâm sở đều hoàn tất. Vì tâm tâm sở pháp không hành, nên gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh Phổ Hiền Quán nói rằng: “Quán tâm vô tâm pháp, không trú pháp. Tâm ta tự không tội phước, vô chủ”. Tức là không tâm, không tâm sở, gọi là Chánh quán. Nếu tâm sở trần lao ấy không hết, thì quán không xong. Cho nên kinh nói: “Chúng sinh chưa được độ hết, thì ta không thành Chánh giác”, là ý này...

I. NÊU CHÚNG BỒ TÁT: Thích Luận nói: Bồ-tát thì thuộc về bốn chúng xuất gia tại gia. Vì sao nêu riêng? Đáp: Có Bồ-tát thuộc hàng bốn chúng, có bốn chúng không thuộc hàng Bồ-tát bởi vì họ không phát tâm thành Phật, cho nên nay nêu riêng chúng đồng phát tâm cầu làm Phật, gọi là “chúng Bồ-tát”. Văn chia làm sáu:

1. Khí loại.
2. Đại số.
3. Giai vị.
4. Tán đức.
5. Liệt danh.
6. Câu Kết.

1. Khí loại: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu nói đủ thì nói Bồ-đề Tát-đỏa Ma-ha-tát-đỏa, ngài La-thập sợ nhiều phiền phức nên bỏ bớt một chữ Đê và hai chữ Đỏa. “Bồ-đề”, Trung hoa dịch là Đạo, “Tát-đỏa”, dịch là tâm, “Ma-ha” dịch là đại. Hạng người này đều mong cầu đại đạo rộng lớn. Lại, vì thành thực chúng sinh, nên là khí loại “đạo tâm đại đạo tâm”. Bồ-tát có nhiều hạng, gọi là Thiên, Thông, Biệt, Viên. Như Thích luận giải thích dẫn Ca-chiên-diên-tử nêu lục độ đủ hạn thì mới khắp, đây là muốn điều hòa huyết chúng sinh thành Sữa (nhũ). Kinh Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát phát tâm tương ứng Tát-bà-nhã” thì đây là muốn điều Sữa thành Lạc. Hoặc là Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát phát tâm thần thông du hý tịnh cõi nước Phật”. Lại, như trong kinh Tịnh Danh: Người đắc bất tư nghì giải thoát, đều có khả năng biến hóa thân, đăng tòa mà lại chịu đui lý, bị quở trách”, đây là muốn điều Lạc thành Sinh tô Thục tô. Hoặc là Đại Phẩm nêu: “Có Bồ-tát phát tâm liên ngôi đạo thọ, thành Đẳng chánh giác, chuyển pháp luân độ chúng sinh”, đây là điều Thục tô thành Đê-hồ. Cho nên, văn dưới nói: “Bồ-tát nghe pháp này, thì các sự nghi đều trừ”. Lại nói: “Nếu Bồ-tát không nghe Pháp

Hoa, thì chẳng khéo hành Bồ-tát đạo, nếu nghe kinh này tức khéo hành Bồ-tát đạo”. Lại, kinh Niết-bàn nói: “Bồ-tát nếu không nghe kinh Niết-bàn thì thường có hy vọng. Nếu nghe Niết-bàn thì hy vọng đều dứt”. Cho nên lược có bốn hạng Bồ-tát.

Giải thích theo Bản tích: Bản địa khó lường, hoặc ở địa vị Đẳng giác hoặc ngang bằng Pháp vương. Như Thiện Tài nhập pháp giới thấy sắc tượng của Văn-thù vô biên pháp môn sâu xa. Bản, thân cận chư Phật. Tích, phụ Thích Tôn làm Bồ-tát hiện khắp lực Tam-muội sắc thân, thị hiện bóng dáng, dùng khẩu luân bất khả tư nghị hóa tùy nghi thuyết rộng. Có thể lấy ý mà hiểu, không thể dùng ngôn từ biện giải. Do đó, Tích dẫn bốn vị qui về một thật. Thành vị Đề-hồ rồi thì một kỳ hạn hóa độ xong, nhưng Bản địa kia thì đã rớt ráo thành tựu, đâu phải ngày nay mới bắt đầu vào Đại Thừa, cũng chẳng phải đạo tràng tịch diệt, mặt trời chiếu núi cao trước. Hoặc là đốn hoặc là tiệm, cũng đều là Tích sở vi. Quán giải thích: Trung đạo quán tâm song chiếu nhị đế, gọi là “đại”. Thông đến quả Bồ-đề, gọi là “đạo”. Phá ngũ trụ trần lao gọi là “thành chúng sinh”.

2. *Đại số*: Tám vạn người: là số: Các kinh tập chúng rất nhiều, kinh này vì sao ít? Hoặc là nói số lớn kia, hoặc ví như vua bàn về bí mật quốc gia thì không thể đưa ra khắp nước cùng tham mưu.

Căn cứ Quán tâm: Quán một tâm thiện đầy đủ mười pháp giới, mười cõi giao lẫn nhau đủ trăm pháp giới ngàn tánh tướng... Thập thiện tức vạn pháp. Căn cứ bát chánh đạo tức tám vạn pháp môn “Đều ở nơi A-nậu Tam-bồ-đề bất thoái chuyển”, đây là nêu rõ địa vị vậy. “A-nậu”, Trung hoa dịch là Vô thượng đạo, như nói cảnh thật nhiệm mầu, địa vị cũng vậy. “Bất thoái chuyển”, căn cứ Địa vị Hạnh, Niệm để luận bất thoái ứng với bốn loại phân biệt, Không sinh ba ác đạo, là Địa vị bất thoái: Không sinh chốn biên địa, các căn đầy đủ, không thọ thân nữ, là Hạnh bất thoái. Thường biết túc mạng, là Niệm bất thoái. Đầy đủ các điều này, thì gọi là A-bệ-bạt-trí địa. Đây là nghĩa của Tam tạng giáo. Nếu sáu tâm trở về trước, khinh thường Bồ-tát, Tín căn chưa lập, thì địa vị kia còn thoái thất. Bảy tâm trở về trước, từ Sơ địa đến Lục địa không thoái, làm phạm phụ nhị thừa, gọi là Địa vị bất thoái. Tuy chánh sử đã tận mà chưa thể tu khắp vạn hạnh, người kia hạnh còn thoái lui, đến Thất địa gọi là Hạnh bất thoái, mà còn khởi niệm nhị thừa cho nên Có niệm thoái. Đến bát địa, đạo quán cả hai lưu nhập vào pháp như nước chảy gọi là Niệm bất thoái, đây là A-bệ-bạt-trí địa. Đây chính là nghĩa Tam thừa cộng Thập địa. Địa Sư nói: Thập trú là Chứng bất thoái, Thập

hạnh là Vị bất thoái, Thập hồi hương là Hạnh bất thoái, Thập địa là Niệm bất thoái. Đây là nghĩa của Biệt giáo, không phù hợp với kinh này, nay không dùng đến. Kinh Anh Lạc nói: Sơ địa tam quán hiện tiền, tâm tâm tịch diệt tự nhiên lưu nhập, đây cũng là Biệt giáo bất thoái, nay cũng không dụng. Như Hoa Nghiêm nêu Sơ trụ đặc một thân Như Lai vô lượng thân, đầy đủ ba thứ bất thoái. Đây là Viên giáo bất thoái, là sự nhất thật. Nay dùng nghĩa này để phê phán địa vị.

Bản tích: Bản địa tịch diệt còn chẳng phải thập địa, hướng chi là sơ trụ. Còn chẳng phải sơ trụ bất thoái hướng chi là Biệt, Thông. Địa vị Biệt Thông thích nghi với chúng nêu ở các kinh khác, địa vị Viên giáo chính ở kinh này. Luận sư các kinh đã không biết Tích, thì làm sao có thể biết Bản? Tán thán nhưng vì lầm lẫn mà thành hủy báng, vẫn tạo thành thêm bớt hai bên thì sao gọi là tán đức? Quán tâm: Tam quán tức là tam bất thoái. Lại, nhất tâm tam quán tức nhất tâm tam bất thoái.

3. *Giai vị*: Xưa nói từ “đều được Đà-la-ni” trở đi là bắt đầu tán đức. Nay lấy từ “bất thoái chuyển” tức đầy đủ hai ý, thành trên thuộc nêu rõ địa vị, khởi sau thuộc tán đức.

4. *Tán đức*: Xưa nói Tán đức gồm mười hai câu phân làm bốn ý: ba câu đầu, tán đức hiện tại, ba câu tiếp, tán Hạnh quá khứ, bốn câu tiếp theo, tán nội thể, hai câu sau cùng, tán ngoại danh. Bốn ý không đồng mà đức ở ba câu đầu cho nên gọi là Tán đức. Tán Đức hiện tại, lại chia làm hai: Câu đầu, tán Tự hành, hai câu sau, tán Hóa tha. Tán Hạnh chia làm ba: Câu đầu, tán hạnh bản, bản từ chư Phật đặc Bất-nhã; câu tiếp, tán bản hạnh là hành phước đức, đã có phước thì có thể giúp cho trí tuệ, câu tiếp, là Phật tán thán. Tán nội thể, chia làm ba: Câu đầu, Từ bi tán thán ứng thân, hai câu giữa, tán thán tâm tuệ Báo thân, một câu sau, tán pháp thân. Tán ngoại danh, chia làm hai: Câu đầu, tán thán danh vang khắp; câu tiếp, tán có khả năng độ chúng sinh. Phần văn này thật rõ ràng như trước mắt, nhưng nếu luận phần vi tế nhỏ nhiệm khác thì khó mà định hướng. Nếu tán thán Thông giáo, thì Thông giáo không có ba thân, lại chẳng thâm nhập Phật tuệ, danh không vang khắp, các nghĩa không thành. Nếu tán thán Biệt giáo, thì Biệt giáo Sơ địa đã vượt qua Nhị thừa, sao lại nói Thất địa còn khởi niệm Thanh văn Bích-chi-phật? Nếu tán thán Viên giáo, thì không nên nói Thất địa sắp xuống là không có đức bất thoái. Tiến thoái không xong thì biết tán thán ai, việc ấy không dùng.

Nay lấy mười ba câu làm hai chiều ngang dọc để hiểu nghĩa:

1. Theo chiều dọc, căn cứ Thập địa để tiện giải nghĩa.

2. Theo chiều ngang, căn cứ Sơ trụ để tiện giải nghĩa.

“Bất thoái chuyển”: thành trước tức là nêu rõ địa vị, khởi sau tức là tán đức, do đối với sơ địa. Sơ địa gọi là hoan hỷ, hoan hỷ vì không còn rơi vào nhị biên mà nhập Trung đạo, thấu hoạch tam bất thoái, cho nên biết tán thán sơ Hoan hỷ địa. “Đều được Đà-la-ni là tán thán Nhị địa, gọi là Ly cấu. Cũng gọi là Ly đạt, xa lìa ngăn chướng các việc ác, thấu đạt giữ gìn các điều thiện, tức nghĩa Đà-la-ni, cho nên biết tán thán Ly cấu địa. Câu: “Nhạo thuyết biện tài”: tán thán Tam địa. Tam địa gọi là Minh địa, bên trong trí tuệ sáng suốt bên ngoài biện tài giảng thuyết, muốn biết trí thì xem thuyết. Thuyết có các thứ nhạo thuyết tối thắng cho nên biết tán thán Minh địa thứ ba. Câu: “Chuyển bất thoái chuyển pháp luân” là tán thán địa thứ tư, địa này gọi là Diệm. Diệm là lửa sáng năng phá sự tối tăm, lại năng thiêu hủy. Chuyển pháp luân là tự thiêu hủy lậu hoặc của mình như lửa cháy thiêu hủy, và phá mê cho người khác ví như trừ tối, cho nên biết tán thán Diệm địa thứ tư. Câu: “Cúng dường trăm ngàn chư Phật” là tán thán Ngũ địa, đây gọi là Nan Thắng địa, địa này đặc thiên định sâu xa, các lực dụng thần thông khó sánh kịp, khó vượt hơn, chỉ trong khoảnh khắc một niệm biến khắp mười phương cúng dường chư Phật, cho nên biết tán địa thứ năm. Câu: “Ở chỗ chư Phật gieo trồng các cội đức” là tán thán Lục địa, đây gọi là Hiện tiền địa, do đặc thiên có công năng cúng dường chư Phật, phước trợ giúp Chứng trí, khiến Chứng trí được hiện tiền. Trí là gốc của đức, như gieo hạt giống vào đất, cho nên biết tán thán Lục địa.

Câu: “Thường được các Đức Phật khen ngợi” là tán đệ thất Viễn hành địa, địa này nhị trí phương tiện vượt qua tất cả, rộng tu lợi ích, xứng hợp tâm Phật, cho nên biết tán thán đệ Thất địa. Câu: “Dùng đức Từ để tu thân” là tán thán đệ bát Bất động địa, chánh trí bất động không xuất tam giới, chỉ lấy Từ huân tập thân ứng nhập ngũ đạo, huân tập khẩu vì thuyết pháp, huân tập tâm vì thiết lập phương tiện. Chính kinh Pháp Hoa huân đầy đủ tam nghiệp, cho nên biết tán thán Bát địa. Câu: “Khéo nhập Phật tuệ” là tán thán đệ cửu địa, địa này gọi là Thiện Tuệ địa, thâm nhập thật tế vi diệu, thấu suốt nguồn gốc, đây gọi là nghĩa tối hợp, cho nên biết tán thán đệ Cửu địa. Câu: “Thông đạt đại trí” là tán thán Thập địa, địa này gọi là Pháp vân địa. Pháp thân như hư không, thiên định như mây lớn, trí tuệ như mưa lớn. Khéo nhập Phật pháp, gọi là “tuệ”, khéo dụng Phật pháp gọi là “trí”, xen nhau nêu lên. Câu: “Đến bờ bên kia” là tán thán nội đức của Thập địa, đến bờ kia của Tam đế, tức trong Nhân nói Quả. Lại, đến chẳng còn lâu nữa.

Câu: “Danh đồn vang khắp” là tán thán ngoại đức của thập địa, do nội đức sâu rộng đến nỗi khiến cho thanh danh vang khắp, trong ngoài tương xứng. Nếu mở ra địa vị Đẳng giác, thì hai câu này nghĩa gần như vậy. Câu “Năng độ trăm ngàn chúng sinh”: các địa khác độ chúng sinh, một cõi đến chín cõi, không gọi là năng độ. Thập địa thù thắng hơn các địa trước, cho nên gọi là Năng độ, các địa đều đầy đủ công đức, mà nay ẩn hiện vô thường để giải thích vì lòng người ưa khác lạ. Cho nên, nương thập địa gọi là thuận tiện. Lại, nghĩa theo chiều dọc thì dễ hiểu. Tiếp đến theo chiều ngang tán thán: Căn cứ trực tiếp vào Sơ trụ mà nói các địa vị mỗi mỗi theo lệ có thể hiểu. Hàng sơ phát tâm trụ, nhất phát nhất thiết phát, vượt qua nhị biên, cách phàm siêu thánh nhập Trung đạo, tâm kia vắng lặng, niệm niệm lưu nhập biển Tất-bà-nhã, cho nên nói đặc bất thoái chuyển. Hàng Sơ trụ ngăn chướng vô minh, vô tri... lìa chấp tướng... Trì đạt ba đức Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân, cho nên nói “đặc Đà-la-ni”, Thập tín tựa như Giải còn có thể dùng âm thanh vi diệu biến khắp ba ngàn cõi, hưởng chi hàng Sơ trụ, chân thật thấu hiểu công đức khẩu mật cho nên nói “Nhạo thuyết biện tài”. Sơ trụ có khả năng phân thân làm Phật tại hàng trăm thế giới. Luận về chỗ chân thật kia, tức vô lượng vô biên vì có khả năng làm Phật thuyết pháp giáo hóa cho nên nói: “Năng chuyển bất thoái pháp luân”. Sơ trụ đặc thần lực bất tư nghì, có thể thừa sự chư Phật khắp pháp giới, cho nên nói “cúng dường trăm ngàn chư Phật”. Sơ trụ đặc Bản thật tướng, có thể gieo trồng các đức. Sơ trụ khai mở tri kiến Phật, khai tri kiến rồi thì cùng với pháp chư Phật đồng, cho nên “được chư Phật khen ngợi”. Sơ trụ vô duyên từ hiện khắp các sắc thân, ứng khắp pháp giới, cho nên nói “dùng đức Từ mà tu thân”. Sơ trụ nhập bí mật tạng, cho nên nói “khéo nhập Phật tuệ”. Sơ trụ nhất tâm tam trí không có chướng ngại, cho nên nói thông đạt đại trí. Sơ trụ sự lý phần rớt ráo, cho nên nói “đến bờ bên kia”. Công đức Sơ trụ tròn đầy, chân thật, tương xứng với danh, cho nên nói “danh đồn vang khắp thế giới chư Phật”. Sơ trụ có thể vì chúng sinh trong mười pháp giới mà làm chỗ nương, an lập cứu giúp cho nên nói “có thể độ trăm ngàn chúng sinh”. Sơ trụ lại có vô lượng vô biên các thứ công đức bất khả tư nghì, đây là lược nói mười ba câu. Từ Nhị trú cho đến Đẳng giác cũng lại như vậy. Cho nên, kinh Đại Phẩm nói: Ban đầu môn quán chữ A có đầy đủ công đức của bốn mươi mốt chữ, cho đến chữ “Trà” ở sau cũng đủ công đức của các chữ, các chữ trung gian cũng như vậy. Công đức của các chữ, các ngữ cũng đồng vậy.

Hỏi: Trong đây tán thán đức Đoạn hoặc Tam tạng không đoạn

hoặc, có thể không được tán thán, hàng Thanh văn còn được tán thán. Tích làm Thông Biệt sao không tán thán đức?

Đáp: Thông tán thán nơi Tích mới có nghĩa đây, kinh này chính nêu người của Viên giáo, không tán thán phương tiện đó thôi!

Hỏi: Tại sao nói các câu công đức đều tán thán Sơ trụ?

Đáp: Các vị khác cũng như thế, đâu riêng gì Sơ trụ. Xưa nói: Tám địa có các công đức không lấy gì làm nghi nữa. Nay tán thán trọn vẹn Sơ trụ, có đức nào mà không thu nhiếp? Sơ trụ mà còn như thế huống gì các vị sau?! Pháp Hoa luận nói: Từ chi thượng đến chi hạ là tổng tướng biệt tướng, nên biết một câu đầu: “đắc bất thoái chuyển” là tổng. Bất thoái này có mười thứ thị hiện: Nghe pháp bất thoái chuyển tức Đà-la-ni. Nhạo thuyết bất thoái chuyển tức là Nhạo thuyết biện tài. Thuyết bất thoái chuyển tức là “chuyển bất thoái pháp luân”. Y thiện tri thức bất thoái chuyển, tức “cúng dường trăm ngàn chư Phật, gieo trồng cội công đức”. Đoạn nghi bất thoái chuyển tức là “được chư Phật tán thán”. Nhập sự bất thoái chuyển, tức là “dùng đức Từ mà tu thân”. Nhập nhất thiết trí như thật cảnh bất thoái chuyển, tức là “khéo nhập Phật tuệ”. Y ngã không pháp không bất thoái chuyển, tức là “thông đạt đại trí”. Nhập như thật cảnh bất thoái chuyển, tức là “đến bờ bên kia”. Ứng tác sở tác bất thoái chuyển, tức là “độ trăm ngàn chúng sinh”. Cho nên, câu ban đầu nêu tổng, tức là chi thượng. Tiếp đến, các câu riêng biệt là chi hạ. Trong phần ghi chép tán thán đức Sơ trụ theo chiều ngang, tức cùng ý đây đồng. Luận nói điều thứ hai là Nhiếp thủ sự môn, thị hiện các Bồ-tát trú trong địa thanh tịnh như thế nào, do phương tiện gì? Cảnh giới gì? Những việc nào nên làm? Nếu theo nghĩa này thì tán thán đức Bồ-tát theo chiều dọc cũng không ngại.

Quán tâm giải thích Tán thán đức: “Bất thoái chuyển” như trước nói. “Đà-la-ni”: Không quán là Triền Đà-la-ni, Giả quán là Trăm ngàn Triền Đà-la-ni. Trung quán là Pháp âm phương tiện Đà-la-ni. Lại, Không quán: quán tâm chỉ có danh tự, tức Văn trì Đà-la-ni. Giả quán: quán tâm, vô lượng tâm, tâm vương tâm số pháp đều là pháp môn, tức Hành trì Đà-la-ni. Trung quán: quán tâm, tâm tức thật tướng, tức là Nghĩa trì Đà-la-ni. Giả quán, quán tâm đầy đủ pháp của mười pháp giới, tức Pháp vô ngại biện. Trung quán, quán tâm thập pháp giới đều nhập thật tướng, tức Nghĩa vô ngại biện. Không quán, quán tâm thập pháp giới chỉ có danh tự ngôn ngữ, tức Từ vô ngại biện. Quán nhất tâm tức tam tâm, tam tâm tức nhất tâm, nhất giới nhất thiết giới, triển chuyển vô ngại, tức Nhạo thuyết vô ngại. Không quán, là chuyển Vị bất thoái pháp luân. Giả

quán, là chuyển Hạnh bất thoái pháp luân. Trung quán, là chuyển Niệm bất thoái pháp luân. “Cúng dường Phật”: chỉ là tùy thuận lời Phật dạy. Nay thuận lời Phật dạy tu tam quán tâm tức là “cúng dường Phật”. Pháp ngũ trụ phiền não, đắc giải thoát, tức “cúng dường Pháp”. Lý tam đế hòa hợp, tức “cúng dường Tăng”. Lại, các hạnh tâm giúp tâm quán trí, tức cúng dường Phật. Quán trí tâm khai phát cảnh giới, tức cúng dường Pháp. Cảnh trí tâm hòa hợp, tức cúng dường Tăng. Thật tướng tâm là gốc của quán trí tâm, quán trí tâm là gốc của các hạnh tâm. Được gốc thì mọi thứ đều đứng vững, cho nên nói “trồng các cội đức”. Quán trí tâm sâu xa đối với nơi cảnh giới, cảnh giới được in lại ở quán trí. Trí có sở chiếu thường cùng cảnh hợp, tức là “được Phật xứng tán”. Không quán, là pháp duyên Từ huân tập. Giả quán, là chúng sinh duyên Từ huân tập. Trung quán, là Vô duyên từ huân tập. Không quán nhập Thông Phật tuệ, Giả quán nhập Biệt Phật tuệ, Trung quán nhập viên Phật tuệ. Không quán, đến bến bờ kia Nhất thiết trí. Giả quán, đến bờ kia Đạo chủng trí. Trung quán, đến bờ kia Nhất thiết chủng trí. Không quán, nghe Chân đế, Giả quán nghe Tục đế, Trung quán nghe khắp Trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cũng nghe khắp Tam đế. Không quán, độ Tứ trụ trăm ngàn chúng sinh, Giả quán, độ Trần sa trăm ngàn chúng sinh. Trung quán, độ Vô minh trăm ngàn chúng sinh. Nhất tâm tam quán có vô lượng đức, tán thán không cùng tận, chỉ lược thuyết thôi!

5. *Liệt danh*: Đại sĩ đại danh hoặc theo pháp môn, hoặc theo hạnh đức, hoặc theo bản nguyện, tuy là một danh mà đủ vô lượng nghĩa, nay y kinh y quán, giải thích tên của mười tám vị Bồ-tát.

“*Văn-thù-sư-lợi*”, Trung hoa dịch là Diệu Đức, Đại Kinh nói: Thấy rõ Phật tánh cũng như Diệu Đức. Kinh Vô Hành nói: Mãn-thù-thi-lợi Phổ Siêu gọi là Nhu thủ. Kinh Tư Ích nói: Tuy nói các pháp mà không khởi pháp tướng cũng không khởi phi pháp tướng nên gọi là Diệu Đức, Kinh Bi Hoa nói: Nguyện ta hành Bồ-tát đạo, chúng sinh được hóa độ khắp mười phương đều thành Phật trước và khiến cho, thiên nhân của ta đều thấy tất cả. Quốc độ của ta đều là Nhất sinh Bồ-tát, thấy đều theo ta khuyến phát đạo tâm, ta hành Bồ-tát đạo không có ngưng nghỉ. Trong kinh Bảo Tạng, Phật dạy: Công đức ông tạo dựng vô cùng sâu xa, nguyện đạt đến Diệu độ, cho nên nay hiệu là Văn-thù-sư-lợi được làm Phật ở thế giới Hoan Hỷ phương Bắc, hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật. Hiện nay mọi người nghe danh hiệu ngài thì diệt được bốn trọng tội, vì hình bóng Bồ-tát là biểu trưng Đức Phật Thích Ca. Quán tâm tánh lý ba đức bí mật, không ngang không dọc cho nên

gọi là Diệu đức.

“Quán Thế Âm”: Thiên Trúc gọi là Bà-lũ-cát-đề-duyệt. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sinh nào thấy được ngài thì nhất định chứng đắc Bồ-đề, người nào xưng danh hiệu thì thoát khỏi các khổ cho nên gọi là “Quán Âm”. Kinh Bi Hoa nói: Nếu chúng sinh nào đang chịu khổ mà nhớ nghĩ xưng danh hiệu ta, thì ta dùng thiên nhãn thiên nhĩ để thấy nghe, nếu người ấy không thoát khổ thì ta không thành Chánh giác. Trong kinh Bảo Tạng, Phật nói: Ông xem xét tất cả chúng sinh sinh tâm đại bi, nên nay tên hiệu của ông là “Quán Thế Âm”. Phần văn dưới tự giải thích tên...



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

(Phần Hạ)

Giải thích:

“**Quán Thế Âm**” theo Quán tâm: Tam trí gọi là “Quán”, Tam đế gọi là “Thế”, tam quán là bản ngữ cho nên gọi là “Âm”.

“**Đắc Đại Thế Chí Bồ-tát**”: Kinh Tư Ích nói: Ta để chân xuống làm chấn động ba ngàn đại thiên thế giới và cung điện ma, cho nên gọi là “Đại Thế Chí”. Kinh Bi Hoa nói: Nguyên thế giới của ta như của Quán Thế Âm không khác. Kinh Bảo Tạng, Phật nói: Do ông nguyện giữ đại thiên thế giới, nên nay tên ông là Đại Thế Chí. Quán tâm giải thích: Tam chỉ là chân, đặt xuống đất tam đế làm chấn động mười pháp giới, tất cả nơi kiến ái bám trụ thấy đều nghiêng ngửa chuyển động...

“**Bất Hưu Tức Bồ-tát**”: Kinh Tư Ích nói: Hằng hà sa kiếp làm một ngày đêm, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp được gặp một đức Phật, như vậy gặp Hằng hà sa Đức Phật, hành các phạm hạnh tu tập công đức, rồi sau mới được thọ ký, tâm không dừng nghỉ cho nên gọi “Bất Hưu Tức”. Quán tâm: quán Không chẳng trụ nơi Không, xuất Giả chẳng trụ Giả, nhập Trung chẳng trụ Trung, song chiếu nhị đế gọi là “Bất Hưu Tức”.

“**Bảo Chưởng Bồ-tát**”: kinh Phổ Siêu nói: Mặc áo giáp thượng đức cho đến Đức Phật cũng không thể cản trở hủy bại khiến bỏ Đại thừa, nếu có người như còn trong mộng không có chí ý theo nhị thừa, thường đem tâm chân thật tâm thông tuệ vì họ diễn giảng, đối với trần bảo tâm không tham tiếc, cho nên gọi là “Bảo Chưởng”. Quán tâm: Bất tư nghi tam đế gọi là “Bảo”, nhất tâm tam quán gọi là “Chưởng”, dùng quán chưởng đây để giữ lấy Bảo đế này, tự lợi lợi tha cho nên gọi là “Bảo Chưởng”.

“**Dược vương**”: Kinh Bi Hoa nói: Nguyên trong hiện kiếp một ngàn bốn trăm Đức Phật ban đầu thành đạo ta đều cúng dường, chư Phật nhập diệt ta đều xây tháp, thời kiếp tận chúng sinh khổ não ta đều

cứu hộ, chúng sinh bị nạn đao binh bệnh tật dịch ta làm Đại y vương, rồi sau làm Phật. Kinh Bảo Tạng, Phật nói: Nay ông tên là Hỏa Tịnh Được vương, về sau làm Phật tức Lô Chí Như Lai. Quán tâm giải thích v.v...

Tiếp tục dưới giải thích bảy vị Bồ-tát.

“**Bạt-đà-bà-la**”, Trung Hoa dịch là Thiện Thủ, cũng gọi là Hiền Thủ. Kinh Tư Tư Ích nói: Nếu chúng sinh nghe danh hiệu này thì nhất định sẽ đắc Tam-bồ-đề, cho nên gọi là “Thiện Thủ”. Quán giải thích: Trung đạo chánh quán là thượng thủ trong các điều thiện, cho nên nói “Thiện Thủ”.

“**Di lạc**”, Trung Hoa dịch là Từ Thị. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sinh thấy được ngài liền đắc Từ tâm Tam-muội, nên gọi là Từ Thị. Kinh Hiền Ngu nói: Quốc vương thấy tượng sư điều phục tượng (voi) liền sinh Từ tâm, do đó mà đặt tên “Từ Thị”. Kinh Bi Hoa nói: Phát nguyện ở trong kiếp binh đao hoả hoạn mà cứu giúp chúng sinh. Nay giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán tức là Vô duyên đại từ, căn lực Từ thiện khiến các tâm sở đều nhập đồng thể đại bi trong pháp, là các điều bất thiện, cho nên gọi là “Từ Thị”. Lại, nói “Từ” là họ, tên là A-dật-đà, Trung Hoa dịch là Vô Thắng.

Đây lược bớt, không giải thích Bồ-tát Bảo Tích.

“Đạo sư”: Kinh Tư Ích nói: Đối với chúng sinh rơi vào tà đạo thì sinh tâm đại bi, khiến cho họ nhập chánh đạo mà không cầu báo ân, cho nên gọi là “Đạo sư”. Quán tâm giải thích: Tam quán diệu trí dẫn dắt tất cả hành, không rơi vào nhị biên, đều nhập chánh quán, cho nên gọi là “Đạo Sư”. Những điều gì chưa giải thích, thì sau sẽ chú thích...

5. Từ “Các vị đại Bồ-tát như thế” trở xuống, là câu tổng kết.

Loại chúng thứ ba: Tạp chúng: Cựu dịch là “Chúng phạm phu”, nhưng trong đây có Thánh. Cựu dịch là “Tục chúng”, nhưng trong đây có Đạo. Cựu dịch là “Thiên nhơn chúng”, nhưng trong đây có rồng, quỷ thần. Các kiểu dịch như thế đều bất tiện. Nay gọi là “Tạp chúng” thì đầy đủ ý. Bởi vì bao gồm năm đường hai cõi tám phiên cho nên gọi là “Tạp”. Kinh Phương Đẳng cũng liệt nêu địa ngục, Kinh Trung Ấm cũng nói “hóa vô sắc”, đây đều tùy căn cơ thích nghi thị hiện, không thể liệt bày một mà đều đủ, lại không thể quyết định thứ lớp kia. Xưa lại nói: Người là chủ của cõi kia, nhường cho khách ở trước. Kinh Vô Lượng Nghĩa chỉ với kinh này là đồng bao quát, nêu quốc vương quốc thần quốc sĩ, quốc nữ không luận khách hay chủ nhường nhau. Các kinh gia rút ra kết luận, phải hướng đến văn kinh liệt bày, hoặc có ý riêng chưa

rõ ràng! Nay xem văn này có tám phiên. Trước hết nêu Đế-thích, tiếp đến kể Tứ vương, trước là rồng sau là chim quỉ thần nhiều lần nêu lên, vì nghĩa này cho nên gọi là Tạt chúng, không thể nói thứ lớp kia. Lại, Tạt chúng ấy trong đó có người đắc đạo có người chưa đắc đạo, quả báo lẫn lộn và hình thể lẫn lộn, cho nên nói “tạt”. Trong số đó có người đắc đạo Nhị thừa, vô lậu trí cùng vô minh phiền não lẫn lộn, cho nên nói “tạt”. Trong số đó có người đắc Bồ-tát đạo, lẫn lộn hòa cùng với chúng có căn cơ tạt, cho nên gọi là “tạt”. Trong đó có người đắc Phật đạo, một pháp đầy đủ tất cả các pháp cho nên nói “tạt”. Nghĩa “tạt” như vậy, đâu có thể lấy hình thể phạm phu thế tục mà phê phán, lại không thể lấy hàng nhân thiên ngũ đạo mà phê phán, cho nên nói “tạt”. Đây là căn cứ Giáo mà giải thích.

“Thích-đề-hoàn-nhân”, Nhân Đà-la-ni, hoặc nói Chiên-đề-la, Trung Hoa dịch là Năng tác, làm chủ cõi trời Đao-lợi. Đao-lợi, Trung Hoa dịch là Tam thập tam thiên. Bốn bên đều có tám thành, đến thành Hỷ Kiến thì hợp thành ba mươi ba tầng cùng ở đỉnh núi Tu-di. “Tu-di”, Trung Hoa dịch là An minh, do bốn thứ châu báu tạo thành, cao rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Đây là chủ cõi trời Dục, cho nên nêu trước. Kinh Tạt A-hàm quyển thứ bốn mươi nói: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật: Vì sao tên là Thích-đề-hoàn-nhân? Phật đáp: Vì thuở xưa lúc làm người thì hành Đốn thí, có khả năng làm chủ, cho nên gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Vì sao gọi là Phú-lan-đà-la? Vì lúc làm người, thường hành bố thí. Vì sao gọi Ma-già-bà? Vì lúc làm người, có tên ấy. Vì sao gọi Sa-bà-la? Vì khi còn làm người, thường bố thí áo Sa-bà-la. Vì sao gọi Kiều-thi-ca? Vì khi làm người, có họ ấy. Vì sao gọi Xá-chỉ-bát-đế? Xá Chỉ là vợ, Bát-đế là chồng. Vì sao gọi là Thiên nhân? Vì khi còn làm người, rất thông minh, trong nhất thời tọa tư duy ngàn thứ nghĩa, quán sát xứng lượng cho nên gọi là Thiên nhân. Vì sao gọi Nhân-đề-lợi? Vì làm chủ ba mươi hai tầng trời. Kinh Anh Lạc quyển thứ ba nói: Thiên đế tên Câu-dực. Giáo môn giải thích: Trong Kinh A-hàm, Đế-thích là A-na-hàm. Kinh Bát-nhã nêu mười phương nạn vấn Bát-nhã đều gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Trong Biệt giáo Viên giáo, nêu rõ Thích-đề-hoàn-nhân đắc Thủ Lăng-Nghiêm Tam-muội, nội chứng không đồng, trải qua hai ngàn lẻ hai mươi bốn kiếp thuộc Hiền kiếp làm Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn.

Bản tích: Thập trụ, Hạnh, Hồi hướng tức ba mươi tầng trời. Thập địa là một, Đẳng giác là hai, Diệu giác làm chủ. Đồng nương cây đệ nhất nghĩa thiên, cùng uống cam lộ thật tướng tức Bản. Ở đỉnh núi Tu-di

tức tích.

Quán tâm giải thích: Tự hành thập thiện, khuyến hóa người khác tùy hỷ. Ba mươi điều thiện này đều Không đều Giả đều Trung, tức là ba mươi ba môn quán.

Ba vị thiên tử: Danh Nguyệt v.v... là nội thân hoặc như khanh tướng, hay gọi là Tam quang thiên tử. “Danh Nguyệt” là Bảo Cát Tướng Nguyệt thiên tử, tức Đại Thế Chí ứng hóa. “Phổ Hương” là Minh Tinh thiên tử, tức Hư Không tạng ứng hóa. “Bảo Quang” là Bảo Ý Nhật thiên tử, tức Quan Thế Âm ứng hóa. Đây là Bản Tích giải thích.

Quán tâm giải thích: Tam quán tức tam trí, tam trí tức tam quang, từ tam đế sinh tam trí. Đế tức là Thiên, Trí tức là Tử.

“Tứ đại thiên vương”: Là quan ngoại thần của Đế-thích như tướng võ ở núi Tứ bảo cao bằng nửa núi Tu-di, rộng hai mươi bốn vạn dặm, Phía Đông là Đề-đầu-lại-tra, Trung Hoa dịch là Trì Quốc, cũng gọi là An Dân, ở Hoàng Kim Sơn thống lãnh hai loại: Kiên-đạt-bà và Phú-đơn-na. Phía Nam là Tỳ-lưu-lặc-xoa, Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng, cũng gọi là Miễn Ly, ở núi Lưu ly thống lãnh hai loại quỷ: Tích-hiệp-đa và Cừu-bàn-trà. Phía Tây là Tỳ-lưu-bác-xoa, Trung Hoa dịch là Phi Hảo Báo, cũng gọi Ác nhãn, cũng gọi là Tạt ngữ, ở núi Bạch-ngân thống lãnh hai loại quỷ: Độc Long và Tỳ-xá-xà. Phía Bắc là Tỳ-sa-môn, Trung Hoa dịch là Chủng Chủng Văn, cũng gọi Đa Văn, ở núi Thủy tinh thống lãnh hai loại quỷ: La-sát và Dạ-xoa. Mỗi phương thống lãnh hai loại quỷ, không để cho chúng làm hại người, cho nên gọi là “Hộ thế”.

Giải thích theo Bản tích: Bản, là thường lạc ngã tịnh. Bốn vua hộ trì Phật pháp, không để cho người ngoài có thể lấy đi một cành lá nhỏ hoặc phá hoại. “Thường” vương, ủng hộ phương Đông thường vô thường song thọ. “Lạc” vương, hộ phương Nam lạc vô lạc song thọ. “Ngã” vương, hộ Tây phương ngã vô ngã song thọ. “Tịnh” vương, hộ phương Bắc tịnh bất tịnh song thọ. Cành dụ cho thường, hoa là dụ cho ngã, quả dụ lạc, mầm và lá dụ cho tịnh. Ủng hộ cành lá hoa quả này, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tích, là làm Tứ vương mà hộ thế.

Giải thích theo Quán tâm: Trí quán tứ đế tức là tứ vương. Mỗi đế trừ hai hoặc ái kiến, tức là bảo hộ trừ tám ái kiến. Tiếp, trên cõi Đạo-lợi có Diệm-ma, Trung Hoa dịch là Thiện thời. Đại luận nói: Diệu Thiện cách cõi Đạo-lợi ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, trên Thiện thời có cõi Đâu-suất-đà, Trung Hoa dịch là Diệu túc, cách cõi Diệm-ma như cách đất, mà không liệt kê! Vì sao vậy? Vì cõi trời dưới thì ngu độn, cõi trời

trên thì đắm đục lạc, mà còn biết tập hợp nghe pháp, hướng chi trời này không đắm không ngu độn mà không đến ư? “Tự Tại” tức cõi thứ năm, “Đại Tự Tại” tức là tầng thứ sáu, tự hóa ngũ đục tha hóa ngũ đục...

Có người nói: “Đại Tự Tại” là đỉnh của cõi Sắc. Thật ra trời này không nên vượt đến cõi Sắc kia. Bản tích: Bản, hai cõi trời này trụ định Tự tại, Tự tại vương... Tích, là hai cõi trời vậy. Giải thích theo Quán tâm: Nhập Không là Tự Tại quán, nhập Trung là Đại Tự Tại quán.

Tiếp đến là nêu cõi trời Sắc giới. “Sa-bà”, Trung hoa dịch là Nhẫn. Cõi kia chúng sinh sống với mười điều ác, không chịu xa rời. Từ con người mà đặt tên cõi, cho nên gọi là Nhẫn. Kinh Bi Hoa nói: Vì sao gọi là Sa-bà? Vì các chúng sinh ở đó nhẫn chịu ba độc và các phiền não, cho nên gọi là cõi Nhẫn, cũng gọi là “Tạp” vì lẫn lộn chúng sinh trong chín đường ở chung. “Phạm”, Trung Hoa dịch Ly đục, trừ bỏ ràng buộc của cõi dưới mà hưởng lên cõi Sắc, cho nên gọi là “Ly-đục”, cũng gọi là Cao Tịnh. “Thi khí”, Trung Hoa dịch Đảnh Kế. Lại, nước ngoài gọi lửa là Thọ-đề Thi-khí, vì vua nước này vốn tu định Hoả Quang, phá lậu hoặc của Dục giới, từ đức mà đặt tên. Nhưng kinh nêu “Phạm thiên vương”, lại nêu “Thi-khí”, giống như hai người. Căn cứ Thích luận giải thích: chính là ông Thi-khí làm vua. Nay, Kinh nêu địa vị trước hiển danh sau, sợ gọi Thi-khí là một người khác. Trụ thiên trung gian, trong có giác quán, ngoài có ngôn thuyết, được chủ lãnh, làm vua. Riêng tu thiền làm dân cõi Phạm thiên tu thêm tứ vô lượng tâm thì làm vua. Sơ thiên có Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, nay nêu “vương”(vua) để thâm nhiếp tất cả. “Quang Minh” là Nhị thiên, gồm có Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang-âm thiên. Tam thiên có Thiếu-tịnh thiên, Vô-lượng-tịnh thiên, Biến-tịnh thiên. Tứ thiên có Mật thân, cũng vô quái ngại, vô lượng mật cũng thọ phước mật quả cũng Quảng quả, vô tướng mật cũng Vô tướng. Lại có Ngũ Na-hàm, Bất Phiền, Bất Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu cánh, cũng là Đại Tự Tại tức Ma-hê-thủ- la, Kinh văn chỉ nêu tóm lược, không nêu đầy đủ chỉ nói “vân vân” (v.v...) tức các cõi này. Theo lệ có giải thích theo Giáo môn, Bản tích, Quán tâm, tự suy ra mà hiểu.

Tiếp đến nêu tám vị Long vương: “Nan-đà” gọi là Hoan Hỷ, “Bạt” gọi là Thiện. Hai anh em thường ủng hộ nước Ma-kiệt-đà làm mưa, khiến nước này luôn no đủ. Vua Bình-sa mở hội tạ ơn long vương, dân chúng nghe đều hoan hỷ, do đó mà đặt tên là Hoan Hỷ. Đây là Rồng được Mục-liên hàng phục. Chúng ở trong biển vậy. Giải thích theo Bản tích: Bản, trụ Hoan-hỷ địa. Tích, ở giữa biển. Quán giải thích:

Tam quán tức Trung đạo sinh pháp hỷ. “Ta-già-la long vương”: từ chỗ ở là biển Ta-già-la, mà đặt tên. Kinh Hoa Nghiêm đã khen tụng. Xưa nói nhân nước mà đặt tên. Giải thích theo Bản tích: Bản, trụ trí độ đại hải. Tích, ở biển xanh. “Hòa-tu-kiết long vương” đây gọi là Đa đầu, cũng gọi là Bảo Xưng sống ở trong nước, Bản, trụ Phổ hiện sắc thân Tam-muội. Tích, thị hiện Rồng nhiều đầu. Quán: Nhập Giả quán, phân biệt vô lượng pháp môn... “Đức-xoa-ca”, Trung Hoa dịch Hiện Độc cũng gọi Đa thiết, hoặc nói Lương thiết. Bản, trụ nơi pháp môn Nhạo thuyết vô ngại biện. Tích, thị hiện Rồng nhiều lưỡi. “A-na-bà-đạt-đa” từ ao mà đặt tên. Đây gọi Vô nhiệt, là ao Vô nhiệt vậy. Kinh Trường A-hàm quyển mười tám nói: Trên đỉnh Tuyết sơn có ao tên A-nậu-đạt, trong ao có cây Ngũ-quế-đường, từ ao mà đặt tên. Long vương thường ở trong đó. Các loại rồng ở Diêm-phù-đề có ba tai hoạ: 1. Gió thổi cát nóng dính vào thân, đốt cháy da thịt và xương tuỷ rất khổ não. 2. Gió dữ dội thổi đổ cung điện kia, làm mất bảo vật y phục trang sức, hiện nguyên thân rồng, rất khổ não. 3. Khi các rồng đang vui thú, chim xí điểu vào cung bắt rồng con mới sinh ăn thịt. Những khổ sở đó trong ao này không có. Lại ao này, nếu chim xí sinh tâm muốn đến, thì liền mạng chung, nên gọi ao Vô nhiệt não. Bản, trú thanh lương “Thường, lạc, ngã, tịnh”. Tích, thường ở nơi ao trong mát. Quán: Tam quán diệu tuệ, thanh tịnh Ngũ trụ phiền não, tránh khỏi cát nóng của hai cách chết.

“**Ma-na-tư**”, Trung Hoa dịch Đại thân, hoặc là Đại ý, Đại lực... Tu-la quét nước biển vào thành Hỷ-kiến, rồng dùng thân quấn quanh để chặn nước biển. Bản, trú vô biên thân pháp môn. Tích, làm Rồng thân lớn. Quán: Trung đạo chánh quán tánh kia rộng lớn.

“**Ưu-bát-la**”, Trung Hoa dịch là Đại sắc Liên hoa trì, rồng trú nơi ao này, lấy đó đặt tên. Bản, trú nơi Pháp Hoa Tam-muội. Tích, ở nơi ao này. Quán: Tam quán tức là tu nhân, nhân tức liên hoa (hoa sen). Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Rồng bảo vệ cảnh giới chư thiên, Tu-la dấy binh đến trước cùng rồng đánh nhau, trước rồng thắng trận, cho nên biết là rồng cai quản cõi trời.

Tiếp đến liệt kê “bốn vị Khẩn-na-la”, cũng gọi là Chân-đà-la, Trung Hoa dịch là Nghi thần, giống như người nhưng có một sừng cho nên gọi là Nhân phi nhân (người chẳng phải người), là thần tấu nhạc của Thiên đế ở núi Thập bảo, thân có dị tướng, có thể tấu nhạc. Khi Phật thuyết pháp, chư thiên gảy đàn hát ca tụng pháp môn. Xưa nói: Pháp Khẩn tấu Tứ đế, Diệu Khẩn tấu Thập nhị nhân duyên, Đại Khẩn tấu Lục độ, Trì Khẩn tấu chung ba thứ trước. Nay nói tấu pháp môn Tứ

giáo. Bản, trú nơi bất khả tư nghì, không khởi Diệt định, chấp tay an trú nơi thiền định, dùng ngàn vạn kệ tán thán các Pháp vương. Tích, nhờ nơi đàn sáo ca vịnh thập lực. Quán: Quán âm thanh tức Không tức Giả tức Trung. Tùy thuận tam đế, tức là tán thán Phật.

“**Càn-thát-bà**”, Trung Hoa dịch là Khứu hương, lấy mùi hương làm thức ăn, cũng gọi là Hương ẩm, thân ấy bay ra mùi hương. Đây là thần nhạc thế tục của Thiên đế. “Nhạc Càn-thát-bà” chuyên đảo múa cờ. “Nhạc âm Càn-thát-bà” đánh trống, đàn sáo. “Mỹ Càn-thát-bà” múa cờ nhưng giỏi hơn. “Mỹ âm Càn-thát-bà” đàn sáo nhưng điêu luyện hơn.

“**A-tu-la**”, Trung Hoa dịch là Vô tửu, hái hoa khắp tứ thiên hạ đem ủ rượu ở biển lớn, do nghiệp lực rồng cá nặng nề, rượu không lên men, bèn nổi giận thề quyết không uống rượu nên gọi là Vô tửu thần, cũng gọi là Bất đoan (không chính trực). Di Thiên An sư nói: thật thà chất phác thành thật tin tưởng. Vị thần này nịnh bợ quanh co không tương xứng với danh. Có hai loại A-tu-la. Loại thuộc loài Quỷ, ở bên biển lớn. Loại thuộc loài Súc sinh, ở dưới đáy biển. “Bà-trĩ”, Trung Hoa dịch là Bị Phược, hoặc gọi là Ngũ Xứ Bị Phược, hoặc gọi là Ngũ Ác. Như bị vật trời buộc nơi cổ không mở ra được cho nên nói Bị Phược, cũng gọi là Hữu Phược, bị Đế-thích trời buộc. Giải thích theo Bản Tích: Bản, năng trời buộc năm đường, trời buộc ma ngoại đạo. Tích, làm dáng dấp như đây. Chánh Pháp Hoa nói Tối thắng quán, dùng trí tam quán trời buộc Ngũ-trụ-hoặc, nhập trong thật tế. “Khư-la-khiên-đa”, Trung Hoa dịch là Quảng kiên giáp, cũng gọi Ác ẩm, từ trong nước biển vọt ra, chánh bản gọi là Bảo cấm. Giải thích theo Bản Tích: Bản, trụ nơi quyền thật nhị trí, lòng từ gánh vác chúng sinh. Tích, làm hai vai rộng. Quán: Tam quán năng cổ động che lấp biển lớn sinh tử ngũ trụ. “Tỳ-ma-chất-đa”, Trung Hoa dịch là Tịnh Tâm, cũng gọi là Chủng Chủng Nghi. Sóng nước biển phát ra âm thanh, gọi là Tỳ-ma-chất-đa, cũng là tên cha của Xá-chỉ. Quán Phật Tam-muội nói: Quang âm thiên sinh trên đất. Đất khiến có đục nên vào biển tắm rửa, chất bất tịnh rơi vào bùn biển thành trứng, tám ngàn năm sau nở ra một người con gái, một ngàn cái đầu thiếu một cái, hai mươi bốn cái tay. Người nữ này giỡn đùa trong nước, nước tinh vào thân, sau tám ngàn năm sinh ra một người con trai hai mươi bốn cái đầu, một ngàn cái tay thiếu một cái. Âm thanh do sóng nước biển va đập nên gọi là Tỳ-ma-chất-đa. Dùng danh từ này đặt tên cho người con trai. Tỳ-ma-chất-đa lấy Càn-thát-bà nữ sinh ra Xá-chỉ. Đế-thích do nghiệp lực nên khiến cho cha Xá-chỉ ở nơi cung điện bảy

báu, lấy Xá-chỉ làm vợ, sau gièm pha cha Xá-chỉ liền đem binh giao chiến, chân đạp sóng nước, tay công phá thành Hỷ Kiến, Đế-thích dùng sức trì chú Bát-nhã nên không thể làm hại được. Chánh bản gọi là Yên cư (ở yên). Giải thích theo Bản Tích: Bản, là sắc tâm vốn tịnh. Tích, là tên đây. Quán: Chánh quán trung đạo tức là tịnh tâm.

“**La-hầu-la**”, Trung Hoa dịch Chương Trì, giữ ngăn che ánh sáng mặt Trời, mặt trăng. Là thân súc sinh dài tám vạn bốn ngàn do tuần, miệng rộng cả ngàn do tuần, trang nghiêm thân bằng bảo châu, ngắm xem vườn rừng thiên nữ ở cõi trời. Nếu người trong bốn châu thiên hạ hiếu dưỡng cha mẹ cúng dường Sa-môn, thì khiến chư thiên có oai lực, mưa đao trên không. Nếu không như vậy, thì chư thiên vào cung không ra. Lại, mặt trời phóng chiếu ánh sáng vào mắt La-hầu-la không thể thấy được nên lấy tay che mặt trời, người đời đều nói Nhật trùng quái hiểm, với đủ loại tà thuyết. Lấy tay che mặt trăng, cũng như vậy. Hoặc là kêu lớn tiếng, người đời nói thú ở cõi trời rống, sẽ có nguy loạn triều vua suy tàn, bao nhiêu tà thuyết v.v... Vì sợ mặt trăng mặt trời nên có lúc thân kia hiện to lớn gấp bội để nuốt mặt trăng mặt trời. Mặt trời mặt trăng bị mất ánh sáng, nên đến kêu than với Phật, Phật bảo La-hầu-la chớ nuốt mặt trời mặt trăng. La-hầu toàn thân chi tiết chuyển động, toát mồ hôi, liền nhả mặt trời mặt trăng. Đây là vì nhân duyên của các lực chúng sinh, mặt trời mặt trăng và Phật hợp lại nên không thể hại được. Xưa có Bà-la-môn thông minh rộng bố thí, dùng bốn ngàn xe chở thức ăn ở giữa đồng trống bố thí, thấy một tháp Phật bị người ác thiêu cháy liền dùng bốn ngàn xe chở nước dập lửa cứu tháp. Bà-la-môn ấy hoan hỷ phát nguyện, nguyện được thân lớn nhất cõi Dục giới. Vì đã không có chánh tín, thích đấu chiến, ưa bố thí nên sinh trong thành Quang minh, làm La-hầu-la chủ A-tu-la. Chánh bản còn gọi là Hấp Khí. Bản quán v.v...

Tiếp kể đến “bốn Ca-lâu-la vương”. “Ca-lâu-la”, Trung Hoa dịch là Kim Xí, loài chim lông cánh sắc vàng ở trên cây đại thọ trong tứ thiên hạ, hai cánh cách nhau ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Có người nói Trang Tử gọi là chim Bằng. Khi chim Bằng đi hai cánh xoè ra che chở các loài chim khác, cũng gọi là Phụng hoàng. Chim phụng này không dẫm đạp trên cỏ tươi, thích ăn đọt trúc, đậu ở cây Nhũ đồng mà sống, còn loài Kim xí thì chuyên ăn rỗng. “Đại Uy Đức”: Có uy hơn các loài khác. Lại, uy dũng có thể thâm nhiếp các loài rỗng. Chánh bản gọi là Cự Túc. “Đại thân”: Thân lớn hơn các loài chim khác. “Đại Mãn”: Do ăn rỗng mà sung mãn ý muốn. “Như Ý”: Là cổ có đeo ngọc. Chánh bản

gọi là Bất khả động. Chim Ca lâu có thần lực, con trống biến hóa làm thiên tử, con mái hóa làm thiên nữ, hóa trú xứ của mình thành có cung điện báu cũng có trăm vị thơm ngon, nhưng vì nghiệp báo phải ăn rồng. Loài chim thai sinh chỉ có thể ăn rồng thai sinh mà không thể ăn ba thứ rồng còn lại. Loài chim noãn sinh có thể ăn hai thứ rồng noãn và thai sinh. Loài chim thấp sinh có thể ăn ba thứ rồng noãn, thai, thấp sinh. Loài chim hóa sinh có thể ăn luôn cả bốn thứ rồng (noãn thai thấp hóa). Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Chính âm là Ca-lâu. Một ngày ở núi về phương Đông loài chim này ăn một con rồng vua và năm trăm rồng con, ba phương còn lại cũng như vậy, ăn giáp một vòng thì quay lại từ đầu, thọ tám ngàn tuổi. Khi sắp mạng chung thì mất hết thế lực, muốn ăn rồng con thì rồng mẹ gào thét nên chim không ăn được, liền nổi giận từ núi Kim Cương bay thẳng ra biển, xuyên qua địa luân, không thể vượt qua phong luân, bị gió thổi mạnh đẩy trở về núi Kim Cương, cứ như vậy bảy lần rồi trở lại trên đỉnh núi Kim Cương mà chết, da thịt phất ra thành lửa thiêu đốt núi báu. Nan-đà sợ lửa đốt cháy núi nên liền tưới mưa dập tắt lửa, thịt tan rửa chỉ còn quả tim xông thẳng đến phong luân cũng bảy lần trở lại rơi trên núi, thành ngọc như ý. Rồng được ngọc này thì làm vua. Vua ở nhân gian cũng động lòng muốn lấy hạt ngọc này. Tiếp kể đến người: “Vi-đề-hy mẫu”, Trung Hoa dịch là Tư Duy, là mẹ của A-xà-thế. Vua “Tần-bà-sa-la”, Trung Hoa dịch là Mô Thật, là cha “A-xà-thế” tức Vị Sinh Oán, hoặc gọi là “Bà-lưu-chi”, Trung Hoa dịch là Vô chỉ, người trong nước gọi ông là Thiện Kiến, Thiện Kiến là Bản danh, Vô chỉ là tên gọi nêu Tích. Đại Kinh nói: “A-xà” gọi là Bất sinh, “Thế” gọi là Oán. Vì không sinh Phật tánh, thì phiền não oán sinh. Phiền não oán sinh, thì không thấy Phật tánh, không sinh phiền não thì thấy được Phật tánh. Lại, “A-xà” gọi là Bất sinh, “Thế” gọi là thế pháp. Do tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được, cho nên gọi là “A-xà-thế”. Đây là theo nghĩa Bản. Kinh Phổ Siêu nói: “A-xà-thế theo Văn Thù sám hối, đặc Nhu thuận nhẫn. Khi mạng chung liền vào địa ngục Tần-tra-la, vừa vào lại ra ngay, sinh lên cõi Phật, đặc Vô sinh nhẫn. Đến thời Phật Di-Lặc xuất thế, lại đến cõi này làm Bất Động Bồ-tát, về sau sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Giới Như Lai”. Tích kia đã vậy, thì Bản há có thể lường? Khi Đức Phật thuyết Pháp Hoa, ông được dự vào chúng thanh tịnh. Đến thời kinh Niết-bàn thì A-xà-thế tự nêu tội nghịch của mình. Đâu khác gì Ca-diếp ở trên hội Pháp Hoa được Phật thọ ký, mà khi Phật Niết-bàn thì không kham phó chúc. Không thể mê muội đối với Tích và lầm lẫn đối với Bản kia. Quán giải thích: Tham ái

là mẹ, Vô minh là cha. Hại cha mẹ cho nên gọi là nghịch, ngược lại tức là thuận. “Hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo” là vậy.

Hỏi: Đức Phật ở trong loài người thuyết pháp, tại sao liệt kê người ít như vậy?

Đáp: Văn kinh lược bớt không chép, thật sự người không ít. Văn nói: “Và các Tiểu vương, Chuyển luân thánh vương v.v...” Trong kinh Vô Lượng Nghĩa liệt kê Tứ luân vương, quốc vương, quốc thân, quốc dân, sĩ nữ, nên chúng người rất đông vậy.

Hỏi: Trời người rồng, quỷ đều đến gặp Phật nghe pháp, một nẻo địa ngục, một cõi Vô sắc ý gì không nêu ra?

Đáp: Nghĩa này nay sẽ biện rõ. Phạm lên xuống các đường đạo là do Giới có trì có hủy. Có thấy Phật hay không thấy Phật, là do Thừa có chậm có nhanh. Nhưng trì Giới có thô tế, cho nên quả báo có hơn có kém. Trì Thừa có Tiểu có Đại, cho nên thấy Phật có Quyền có Thật. Đây lược nêu Giới và Thừa đều có ba bậc. Nưng một câu Niết-bàn triển khai thành bốn câu, giải thích bốn câu thì nghĩa kia hiển rõ:

1. Tu Giới và Thừa đều nhanh.
2. Tu Giới chậm, Thừa nhanh.
3. Tu Giới nhanh, Thừa chậm.
4. Tu Giới và Thừa đều chậm.

Nếu luận chung Giới Thừa, thì tất cả thiện pháp, tất cả quán tuệ đều được gọi là Giới cũng đều là Thừa. Ngữ thừa: nhân, thiên tức là nghĩa kia. Đạo cộng đẳng Giới đều là ý chung. Nay luận riêng thì Tam quy, Thập thiện, Bát quan trai, luật nghi xuất gia cho đến định, đều có khả năng canh phòng thân khẩu, ngăn quả đọa ác đạo, được báo cõi trời cõi người, gọi là Giới. Nếu nghe kinh phát sinh hiểu biết, quán trí nghiên cứu Tứ đế, Thập Nhị nhân duyên, Lục độ, sinh diệt, không sinh diệt v.v... do trí năng phá phiền não, mà chuyển ra khỏi ba cõi, thì gọi là Thừa. Cho nên Đại Phẩm nói: “Thiện có tướng thì bất động bất xuất, thiện vô tướng thì năng động năng xuất”, tức nghĩa đây vậy.

1. Nếu tu Giới và Thừa đều nhanh: tức hành trì Giới bậc hạ. Tu Giới nhanh thì quả báo ở trong loài người, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Do thân trong loài người lại trong thời Tam tạng giáo, thấy Phật nghe pháp, trì Trung thừa Thừa nhanh. Do báo thân làm người trong thời Thông giáo Đại thừa cho đến thời các kinh Đại thừa kèm phương tiện, thấy Phật nghe pháp, trì thượng thừa Thừa nhanh. Do báo thân làm người, lại trong các thời giáo Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Viên giáo trong các giáo, thấy Phật nghe pháp, và được dự vào hàng chúng cùng nghe. Nếu trì

Giới bậc trung mà nhanh, thì quả báo ở trong cõi trời Dục, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân trời nơi Dục Giới ở trong thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại như trên nói. Nếu trì Giới bậc thượng nhanh, lại tu thêm thiền định thì quả báo ở các cõi trời Sắc, Vô sắc, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân trời ở các cõi Sắc, Vô sắc, ở thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại, như trên nói. Giải thích câu thứ nhất xong.

2. *Tu Giới chậm Thừa nhanh*: Tu Giới ba bậc (thượng, trung, hạ) chậm, thì quả báo đọa trong ba đường, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân đọa trong ba đường ở thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại, như trên nói. Giải thích câu thứ hai xong.

3. *Tu Giới nhanh Thừa chậm*: Vì tu Giới ba bậc nhanh, nên thọ thân trời người trong Dục giới và cõi trời Sắc, Vô sắc. Vì tu tam Thừa chậm nên Phật tuy xuất thế thuyết pháp tam thừa, mà ưa đắm quả báo lạc, ham mê ngũ dục, cho nên không thấy Phật không nghe pháp. Ba ức gia đình ở tại Xá-vệ mà cũng không thấy Phật không nghe pháp, tức mê đắm các dục lạc Tam Giới, các cõi Trời v.v... Giải Thích-câu thứ ba xong.

4. *Tu Giới Thừa đều chậm*: Thì thọ báo trong ba đường, không thấy Phật không nghe pháp. Giải thích câu thứ tư xong.

Văn đây không liệt kê địa ngục, do vì tu Giới chậm, khổ nặng quả báo ngăn cách thượng Thừa, lại chậm quá không thể ở thời kinh Pháp Hoa thấy Phật nghe pháp. Các kinh khác có liệt kê thì đều là tu các Thừa khác nhanh. Lại, không nêu ra cõi trời Vô sắc vì tu Giới bậc thượng nhanh, cho nên thọ thân ở cõi trời, đắm vị định nên tu thượng Thừa chậm, không thể dự hội Pháp Hoa thấy Phật nghe pháp. Các kinh khác có liệt kê thì đều là có tu Thừa khác nhanh. Nếu hiểu được ý đây, mỗi mỗi xem xét thiên long bát bộ đều biết duyên xưa nhanh hay chậm, cho nên có chúng nào đến nghe, chúng nào không đến đều có thể hiểu. Rộng giải thích thì như sơ Tịnh Danh. Hiểu được Quyền thì dẫn đến Thật Nghĩa Bản Tích càng thêm rõ. Lấy đây mà xem xét các quán hạnh đã qua, thì nhân quả ba đời rõ ràng có thể biết.

Câu: “Đều lễ dưới chân Phật” là tổng kết chúng vân tập.

Từ “Lúc bảy giờ đức Thế Tôn” trở xuống đến hết phẩm gọi là Biệt tựa. Văn chia làm năm phần:

1. Chúng tập.
2. Hiện thụy.
3. Nghi niệm.

4. Phát vấn.

5. Đáp vấn.

Ngài Quang Trạch phân tích nghĩa sinh khởi có thuận, nghịch. Thuận như: Do chúng tập nên có hiện thụ (điềm lành), cho đến do hỏi nên có đáp. Nghịch là: đáp là do nơi hỏi, cho đến hiện điềm lành là do chúng tập. Đây chính là thuận nghịch duyên khởi như vòng móc nối liên quan nhau. Bài tựa nơi ý chính xong mà tự chưa hiểu rõ, ngay như một nhân duyên giải thích còn tự không hiểu rõ hướng chi hai, ba, bốn duyên thì hoàn toàn không có đường hướng. Nay nêu rõ bốn điều Nhất trong ý chánh ở lời tựa riêng của năm nghĩa duyên khởi:

1. Chúng tập họp: Giới thiệu Người nhất.
2. Hiện điềm lành: Giới thiệu Lý là nhất.
3. Nghi niệm: giới thiệu Hạnh nhất.
4. và 5. Hỏi và đáp: là giới thiệu Giáo nhất.

Đây là giải thích theo nghĩa Nhân duyên.

Căn cứ về giáo: Tựa đây là tựa chánh, chẳng phải Tam tạng, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt, mà tựa Giới thiệu ý chánh trong Viên giáo. Căn cứ về Bản Tích, nếu lấy bài tựa giới thiệu bốn điều nhất của Bản địa trong Thọ lượng, thì nghĩa đây có thể tự biết, không cần ghi chép lại. Giải thích theo Quán tâm, có thể hiểu...

Phần một: Chúng tập, lại chia làm hai: Ban đầu chúng tập oai nghi, tiếp đến chúng tập cúng dường. Pháp Hoa luận nêu rõ điều này, là uy nghi như pháp trú.

“Bốn chúng”: Xưa nói: Xuất gia có hai, tại gia có hai, hợp thành bốn chúng. Ý này gọn nhưng không đủ khắp. Nay căn cứ một chúng, lại chia làm bốn:

1. Chúng phát khởi.
2. Chúng đương cơ.
3. Chúng ảnh hưởng.
4. Chúng kết duyên.

Chúng phát khởi: chúng có Quyền trí mưu tính sáng suốt, xét biết căn cơ, biết thời mà tuyên dương phát động để thành tựu lợi ích. Như voi mẹ khểnh chân dưới gốc cây khiến voi con được bú no. Nói “phát khởi” là khiến cho chúng tập họp, phát khởi tương lành cho đến phát khởi vấn đáp... đều gọi là chúng phát khởi. Chúng đương cơ: Do gieo trồng đức đời trước, duyên nay thuần thực, như ung nhọt chín tự vỡ, không cần động đến. Chúng này bất khởi, ngồi trong pháp hội nghe liền đắc đạo, gọi là chúng đương cơ. Chúng ảnh hưởng: Các cổ Phật xưa, Pháp thân,

Bồ-tát, ẩn kín đức tốt cùng viên mãn mà phụ giúp pháp vương, như các ngôi sao vây quanh mặt trăng, tuy không làm gì mà có lợi ích rất lớn. Đây gọi là Chúng ảnh hưởng. Chúng kết duyên: Là không có lực khả năng dẫn dắt kích động, đức chẳng có công dụng hàng phục vật, trấn an nghiêm trang, mà quá khứ căn tánh nông cạn, nhiễm ô xấu xa hỗn tạp, ba tuệ không sinh khởi. Hiện tại tuy thấy Phật nghe pháp mà không có bất kỳ một lợi ích nào xét theo Tứ Tất-đàn, chỉ tạo nhân duyên được độ ở vị lai, đây gọi là Chúng kết duyên.

Chúng Tỳ-kheo đã như vậy. Ba chúng còn lại cũng như vậy. Bốn lần bốn hợp thành mười sáu chúng. Đại loại như thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, nay Vương tử giáng lại, tức kia là chúng phát khởi ở thời đó. Nghe pháp đặc đạo là chúng đương cơ thời đó. Nghe pháp chưa độ, đời đời gặp nhau, mà ở đời này còn trú địa Thanh văn, tức là chúng kết duyên thời đó. Thời Đức Phật kia còn có bốn lần bốn thành mười sáu chúng, thời Phật này cũng đồng một đạo, thì sao lại không. Đây là mười sáu chúng thuộc Viên giáo vậy.

Căn cứ ba giáo, theo tiền lệ có thể biết. Giải thích theo Bản tích, có thể hiểu. Giải thích theo Quán tâm: Nghiên cứu cảnh tác quán, tại danh tự trong quán hạnh vị, tức thành chúng kết duyên. Nhập tương tự vị, tức thành chúng đương cơ. Nhập phần chân vị, tức thành chúng phát khởi, chúng ảnh hưởng...

Chữ “Vi nhiều” đi nhiều quanh. Khi Đức Phật mới hiện ở đời, người chưa biết pháp, có Tịnh cư thiên xuống hóa làm người, đến nhiều quanh bên phải Đức Phật xong, cung kính đánh lễ và trở về chỗ ngồi nghe pháp. Nhân chư thiên cung kính người bất chước theo, đây là giải thích theo Nhân duyên.

“Đi nhiều quanh”: là oai nghi đi vòng quanh, tiêu biểu trong bốn oai nghi đều thấy viên lý, tức dùng viên đối thiên, theo ước lệ có bốn nghĩa, tức giải thích theo giáo môn. Lại, thân Phật toàn thể tướng hảo đều trang nghiêm, nhiều quanh bốn vòng chiêm ngưỡng thì tăng trưởng định niệm Phật, tức giải thích theo quán tâm. Nếu quán sắc thân Phật, thì thấy được pháp thân tức giải thích theo Bản tích. “Cúng dường”: thông tam nghiệp đều là cúng dường. Nói chi tiết như: kính cẩn cúi thấp lễ, gọi là “cung kính”; chí thành chuyên chú niệm, gọi là “tôn trọng”, phát ra lời khen ngợi tốt đẹp, gọi là “tán thán”, làm cho y báo kia, gọi là “cúng dường”. Ở đây văn tóm lược, nêu đầy đủ thì như trong kinh Vô Lượng Nghĩa. Chư thiên dâng thức ăn, hương trời hoa trời y bát trời v.v... tức là cúng dường. Bồ-tát Đại Trang Nghiêm và tám vạn đại sĩ chấp tay,

tức là “cung kính”. Nhất tâm chiêm ngưỡng Phật là “tôn trọng”, nói kệ thất ngôn tức là “tán thán”. Nay luận về Chúng tập chỉ văn kia, chúng tập, thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa xong, trang nghiêm không tán động, tức chúng kia vẫn ngồi trong pháp hội như cũ chờ nghe thuyết Pháp Hoa, cho nên biết tam nghiệp cúng dường không được có sai khác, dùng ý của kinh Vô Lượng Nghĩa kia để rộng giải thích phần lược tóm của kinh Pháp Hoa này; đối với nghĩa hoàn toàn không có sai.

Từ câu “vì các Bồ-tát mà thuyết kinh Đại thừa” cho đến hết câu “đem xá-lợi Phật mà dựng tháp bằng bảy báu để thờ” là tựa hiện tượng. Ngài Dao Sư cho rằng có bảy điềm lành, cõi này có sáu, cõi khác có một, tổng là bảy điềm lành. Ngài Quang Trạch nói :”Cõi này và kia, mỗi mỗi có sáu tướng lành”. Sáu tướng này, động thì thuyết pháp độ người, tĩnh thì nhập định quán lý, động tĩnh là một cặp. Trên trời mưa xuống bốn thứ hoa, dưới đất sáu thứ chấn động, trên dưới là một cặp. Đại chúng trong lòng rất vui mừng, bên ngoài Đức Phật phóng hào quang, trong ngoài là một cặp. Nay gọi là tùy văn để hiểu hết ý nghĩa như Tổ Quang Trạch. Nếu chỉ theo danh nghĩa mà cho rằng ý đã được bộc lộ rõ, thì hoàn toàn tự mình chưa hiểu. Nay làm rõ ba cặp tương ứng là Trí định, Nhân quả, Cảm ứng. Trí chỉ Nhất thừa thuyết Đa thừa, Định thì là Đế duyên nghĩa xứ. Nhân thì là bốn vị mưa hoa, Quả thì là sáu diệu đất chấn động, Cảm thì là căn cơ Đại thừa phát. Ứng thì là hào quang chiếu sáng viên mãn. Sáu thứ này đều gọi là tướng lành. Văn kinh nói: “Tướng nay như điềm lành xưa”. Điềm lành chỉ là tướng đó thôi! Vì lòng người phân biệt cho rằng mật báo là điềm lành, sự kỳ lạ là tướng. Tướng lạ báo hiệu điều gì? Vì diệu lý sâu xa, thuyết đó rất khó, lòng người mông lung không tôn trọng nên trước dùng tướng kỳ lạ để cải đổi thường tình. Thường tình đã biến đổi, thì sinh kính ngưỡng khao khát. Cho nên, dùng sự kỳ lạ đặc biệt giải thích tướng, dùng báo để giải thích điềm lành. Lược nêu “lục thụ” (sáu điềm lành), tiêu biểu báo mười diệu, cảm ứng sự kỳ diệu bên trong đã thuyết, nay lại nêu đạo. “Thuyết pháp thụ”, tiêu biểu báo thuyết pháp diệu trí diệu. “Nhập định thụ” tiêu biểu báo hành diệu. “Mưa hoa thụ” tiêu biểu báo giai vị diệu. “Địa động thụ” tiêu biểu báo cảnh diệu thừa diệu. “Chúng hỷ thụ” tiêu biểu báo quyến thuộc diệu lợi ích diệu. “Phóng quang thụ” tiêu biểu báo cảm ứng diệu thần thông diệu. Cho nên sáu thứ này đều gọi là tựa Hiện tượng.

“Mà thuyết kinh Đại thừa”: Theo kinh Thiện Giới, thì có bảy Đại:

1. Pháp đại nghĩa là mười hai bộ Tì-Phật-lược.
2. Tâm đại, nghĩa là cầu Bồ-đề.
3. Giải đại, nghĩa là hiểu Bồ-tát tạng.
4. Tịnh đại, nghĩa là tịnh tâm kiến đạo...
5. Trang nghiêm đại, nghĩa là phước đức trí tuệ.
6. Thời đại, nghĩa là ba tăng kỳ hành hạnh.
7. Cụ túc đại, nghĩa là dùng tướng hảo tự trang nghiêm đấng Bồ-đề.

Lại, có chỗ nói Đại thứ sáu là Nhân, Đại thứ bảy là Quả đại. Nhân đại quả đại hợp thành kinh Đại thừa. Nay đem nghĩa của mười diệu tóm lược kinh, nên có thể hiểu. Sinh sư nói: Lý Không, Vô tướng, là gốc của Đại thừa. Ban cho giáo tam thừa để mà chờ đợi thuyết Đốn giáo, bởi vì nếu không có tam thừa thì không thể có được niềm tin. Cho nên nói Vô tướng là Tựa của Pháp Hoa. Ý của Quán sư cũng đồng. Nếu vậy Bát-nhã Tịnh Danh đều lẽ ra là tựa này, đâu riêng gì kinh Vô Lượng Nghĩa? Kia giải thích rằng: Như đây do năm thời cho nên giáo sau được sinh khởi. Lại hỏi: Nếu vậy thì kinh Vô Lượng Nghĩa cùng các kinh đều thông đường cùng nhau sinh, chẳng liên quan đến biệt tựa. Cơ sư nói: “Lý Không vô hình cho nên nói vô lượng”, ý của tựa đồng với nạn vấn trước cũng như vậy. Ấn sư nói: Thiện vô tướng có nghĩa thành Phật, nên nói vô lượng. Lại, nói kinh kia không nói có ba thừa, hay không có ba thừa, tức là có khác. Kinh Đại Phẩm không phải là ý chỉ của Pháp Hoa, vì ý chỉ đó không đến đất Tần. Đây nói kinh này từ đời nhà Tống, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ ba, do Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở triều đình tự, quận Nam Hải gặp Ngài Đàm-ma-da-xá thọ nhận bản này, đem trả lại núi Võ Đang. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba mới truyền ở đời. Kinh đã có lai lịch từ trước đến nay, sao có thể gởi trả lại Thiên Trúc?! Ngài Quang Trạch nói: Vô Lượng Nghĩa lấy vạn điều thiện đồng trở về thành tựu Phật đạo. Pháp Hoa phần Chánh thuyết nêu không có hai không có ba, phá ba trở về một, làm khác cho nên tức là Tựa. Nếu nói vạn điều thiện đồng quy, thì hai ba sao không đồng quy? Hai ba điều thiện đồng quy thì Chính và Tựa không khác: Nếu nói phá hai phá ba, thì sao không phá vạn? Phá hai phá ba thì không hai không ba, mà đã phá vạn kia, vậy thì không có Tựa. Chấp ý kinh nêu xen lẫn ý làm khác, thì không thành khác. Ý khác không hiển bày, thì nghĩa Tựa cũng không thành. Lưu Cầu chú giải rằng: Vô tướng làm gốc một pháp vô tướng bao hàm nghĩa không lường. Nếu bao hàm nghĩa không lường được, thì là hữu tướng, sao gọi là vô tướng? Nghiên cứu ý của các sư, mỗi người thiên

về một thứ. Nếu nói thiện có tướng, thì có nghĩa thành Phật, đây là ý của Tam tạng. Nếu nói thiện vô tướng thì có nghĩa thành Phật, đây là ý của Thông giáo. Nếu nói bao hàm nghĩa pháp không thể lường được, thì đây là ý của Biệt giáo. Đây là điều mà các kinh khác nói, chẳng phải ý của Tựa Pháp Hoa.

Như Pháp Hoa luận nêu mười bảy tên gọi, đều là tên khác của Pháp Hoa. “Vô Lượng Nghĩa” tức một tên gọi của Pháp Hoa, nay luận ý Phật trực tiếp nói tên này và nhập định cũng tên này, cho nên được làm Tựa. Đại Phẩm, Kim Quang Minh, Niết-bàn đều trước xưng danh nơi Tựa không ngăn ngại. Nay kinh Văn-Thù dẫn cổ Phật cũng gọi là Vô Lượng Nghĩa. Lại nói sẽ thuyết kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, đây cũng là trong Tựa xưng danh, cùng với luận ý đồng. Nay xét kinh kia giải thích: “Vô lượng nghĩa ấy từ một pháp sinh, một pháp đó gọi là vô tướng, vô tướng bất tướng gọi là thật tướng, từ thật tướng này sinh xuất vô lượng pháp, nên gọi là hai pháp ba đường bốn quả”. Giải thích câu văn vừa nêu: “Vô tướng” là không có tướng sinh tử. “Bất tướng” là không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn cũng không, cho nên nói “bất tướng vô tướng”, chỉ Trung đạo là “thật tướng”. Hai pháp tức đốn và tiệm. Đốn, nghĩa là tất cả pháp đốn trong thời Hoa Nghiêm. Tiệm, nghĩa là tất cả pháp trong thời Tam tạng, Phương đẳng, Bát-nhã. “Ba đường” tức là Tam thừa. “Bốn quả” tức La-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát, Phật, các pháp đây gọi là vô lượng. Thật tướng là “nghĩa xứ”. Từ một nghĩa xứ mà xuất sinh vô lượng pháp, khiến được “vô lượng pháp nhập một nghĩa xứ” làm Tựa. Ví như Toán sư từ một phép tính làm ra các phép tính, lại bỏ các phép tính trở về một phép tính. Do có làm ra, nên có bỏ đi, làm ra và giới thiệu bỏ đi. Như từ một dòng nước mở ra các dòng, các dòng quy tụ một dòng. Mở ra làm Tựa hợp, cũng lại như vậy. Giải thích như thế không trái với kinh luận kia, cũng phù hợp với kinh này...

Lại nữa, kệ tán thán Vô lượng nghĩa, nêu pháp thân Phật thấu suốt là các tướng (bách phi) mà ứng làm thân một trượng sáu sắc vàng sáng chói. Kinh Phổ Hiền Quán nêu bốn đức thường lạc ngã tịnh trú xứ của bốn Ba-la-mật. Hai văn trước sau đều nêu “thường”, đâu có trung gian thọ lượng, mà gọi là vô thường? Có người hỏi: Tựa đã nói “thường”, thì Chánh thuyết nói gì? Nay phản vấn trở lại, kinh Niết-bàn lấy Thuần-đà làm Tựa đã khai mở tông thường, thì Chánh thuyết nói những gì?! Người kia lại đưa ra bài Tựa của kinh Tịnh Danh nói Kim cang vô vi vô số mà Chánh thuyết không nêu thường, Pháp Hoa cũng nên như vậy? Nay lại

phản nạn vấn: Trong kinh Niết-bàn Thuần-đà phần Tựa nói thường, Chánh thuyết nói vô thường. Nay kinh Pháp Hoa nói Tựa thường, Chánh thuyết thường đâu có gì nghi ngại?!

“Giáo Bồ-tát pháp”: Vô lượng nghĩa xứ dùng để giáo hóa Bồ-tát. Nghĩa xứ tức là đế lý. Văn kinh dưới nói: “Khiến cho khắp tất cả chúng sinh cũng đồng đắc đạo này”. Lại nói: “Nếu ta gặp chúng sinh thì đem tận giáo đạo Phật dạy họ”, tức là ý đây vậy. “Phật sở hộ niệm”: Vô lượng nghĩa xứ là Phật tự chứng đắc, cho nên được Như Lai hộ niệm. Văn kinh dưới nói: “Đức Phật tự trú nơi Đại thừa, tuy muốn khai thị nhưng vì chúng sinh căn ám độn, nên đức Phật im lặng chờ đợi, không cần phải gấp thuyết” cho nên nói là “hộ niệm”. Phật thuyết kinh này rồi thì nhập Vô lượng nghĩa xứ Tam-muội, tức định tuệ cùng thành tựu. Chẳng phải thiền không trí, cho nên trước phải nhập định. Chẳng phải trí không thiền, cho nên trước phải thuyết pháp. Tức trí mà định, tức định mà trí, trước sau xuất nhập không có ngăn ngại. Có người nghi rằng: Nếu chưa thuyết Vô lượng nghĩa thì có thể nhập định này, đã thuyết kinh này rồi cơ sao lại nhập định? Giải thích rằng: Trước nhập định này sau thuyết kinh này thì có thể hiểu, còn nếu thuyết kinh này xong mới nhập định thì đó là lấy Pháp Hoa làm Tựa đó thôi! Vì sao? Vì nếu trước không có khai, thì sau không có hợp. Trước nhập khai định là vì hợp định làm Tựa, gọi là thụy tướng, tức nghĩa này. Nếu theo thứ lớp, thì trước hết là nhập Vô lượng nghĩa Tam-muội rồi, thì tiếp theo nên nhập Pháp Hoa Tam-muội. Nếu văn nêu rõ, thì chúng đương thời đều biết, đâu đợi Di-lặc ân cần thưa hỏi Văn thù cố sức trình bày. Cho nên, biết làm Tựa nghĩa kia chuyển càng thêm rõ. “Thân tâm bất động”: cùng chỗ sở duyên tương ứng, thân vốn vắng lặng như hư không, tâm lý tánh rốt ráo thường tịch. Đức Đại Thông Trí Thắng thân thể và tay chân vắng lặng an nhiên bất động, tâm kia thường vững chãi chưa từng có tán loạn. Thân như kim cang không thể động chuyển, tâm như hư không không có phân biệt, bởi vì pháp Vô lượng nghĩa xứ Tam-muội giữ gìn thân tâm, cho nên bất động. Gọi là “Vô lượng” ấy, tức từ định tịch mà thường chiếu, năng biết thế gian, từ một pháp này xuất sinh vô lượng pháp. Nếu làm nghĩa Tựa mà thân pháp thể vận động, nay khiến không động chuyển, tâm pháp thể phân biệt, nay khiến không phân biệt, thì nghĩa Tựa càng rõ vậy.

Hỏi: Thụy tướng vốn chỉ cho sự đặc biệt kỳ dị, Đức Phật thuyết pháp nhập định, chỉ là uy nghi thường lệ, sao được gọi là thụy?

Đáp: Đức Phật thuyết pháp đã xong mà chúng không giải tán vẫn

cung kính đợi chờ, cho nên biết: Phật thuyết pháp lần trước, là để toàn thể chúng hội đến vân tập đợi nghe tiếp lần sau. Việc này đặc biệt, so với thường thuyết thật khác, sao không phải thụy? Tuy Phật nhập khai định, ý tại hợp định, so với thường nhập định có khác, sao chẳng phải là thụy tướng ư? Lại, Văn-Thù dẫn cổ Phật lục thụy đều có những việc này. Nếu xưa không phải thụy tướng thì sao lấy đó để chứng minh nay, xưa nay đồng như vậy, há có thể đem phàm tình mà cho là không phải?!

“Trời mưa bốn thứ hoa”: Các vị xưa cho rằng: Mưa hoa màu trắng lớn, nhỏ; màu đỏ lớn nhỏ. Chánh Pháp Hoa nói: hoa Ý, hoa Đại ý, hoa Phổ hưởng, hoa đại Phổ hưởng. Thích luận quyển chín mươi chín nói: Hoa trời vi diệu gọi là Mạn-đà-la, và quyển bảy mươi chín nói: Tám trăm Tỳ-kheo thành Phật quốc độ thường mưa hoa Mạn-đà-la năm màu sắc. Xưa nói: “mưa hoa trắng lớn nhỏ là tiêu biểu hai chúng tại gia, sắc đỏ lớn nhỏ là tiêu biểu hai chúng xuất gia”. Thế thì tiêu biểu nhân từ xưa đến nay mà chưa có quả? Nay cho rằng giải thích như thế hẹp và không thích hợp. Cứ nêu bốn chúng, thâm nhiếp mười sáu chúng trong Tam tạng, mà còn không hiểu hết hướng chi bốn mươi tám chúng. Vì vậy cho nên gọi là hẹp. Xét rằng: Nếu tướng hoa kia là mật báo nhân, thì bốn chúng xưa nay đã là nhân, đâu đợi hoa mật báo. Nếu mật báo quả thì trời lẽ ra mưa báu, sao lại mưa hoa? Cho nên, nói không thích hợp. Nay nói: “mưa hoa” là nêu rõ nhân xưa kia chẳng phải nhân Phật. Nhân trong Tam tạng là nhân nhị thừa, nhân trong Thông giáo là cộng nhân, trong Biệt giáo là nhân Bồ-tát, đều chẳng phải nhân Phật. Nay trời mưa hoa là báo chúng kia sẽ thâm hoạch nhân Phật. Nhân Phật tức là nhân tứ luân. “Hoa trắng nhỏ” là tiêu biểu Đồng luân Tập chủng tánh, khai mở tri kiến Phật. “Hoa trắng lớn” là tiêu biểu Ngân luân Tánh chủng tánh Thập hạnh, hiện bày (thị) tri kiến Phật. “Hoa đỏ nhỏ” là tiêu biểu Kim luân Đạo chủng tánh Thập hồi hưởng, ngộ tri kiến Phật. “Hoa đỏ lớn” là tiêu biểu Lưu ly luân Thánh chủng tánh Thập địa, nhập tri kiến Phật. Tứ luân đều đồng là nhân, nhân ấy do bên trong sinh cho nên nói “từ trời mà mưa”, do vị trí là nhân cho nên lấy “hoa” tiêu biểu. Chỉ vì nghĩa “nhân hưởng đến quả”, cho nên “hoa rơi trên Phật”. Nhân quả như thế, ai sẽ cảm sâu? Chỉ là chúng trong hội này, cho nên nói “và các đại chúng”. Văn kinh thì đức Văn-thù giải thích nghi, thối pháp loa lớn... bốn câu. Lại, trong phần Chánh thuyết nói khai thị ngộ nhập. Lại, dùng xe lớn dạo chơi khắp bốn phương, tiết tiết nương nhau đều là nghĩa của vị trí, cho nên biết: “hoa” tiêu biểu vị trí Nhân.

Hỏi: Tứ luân là nghĩa vị trí trong Biệt giáo, đâu được giải thích trong Viên giáo?

Đáp: Danh Thông giáo nghĩa Viên giáo mà còn không lỗi, hướng chỉ danh Biệt giáo nghĩa Viên giáo mà không được dùng ư?

Hỏi: Hiền thánh theo nghĩa của Biệt, Viên cũng có ư?

Đáp: Đã nói trong luận Pháp Hoa Huyền Nghĩa.

Nếu nói bốn loại hoa đều từ trên trời mưa xuống là tiêu biểu bốn chúng, thì nên cùng thành một nhân. Như đây giải thích thì mới nêu nghĩa trong Tam tạng, chưa nêu nghĩa Thông giáo. Nếu nói bốn chúng đồng là nhân Bồ-tát, thì giải thích này theo nghĩa của Thông giáo, chưa nêu theo nghĩa của Biệt giáo, đều chẳng phải nhân Phật, đều chẳng phải ý của Pháp Hoa. Ý của Pháp Hoa như trước nói.

“Khắp thế giới Phật sáu diệu chấn động” Xưa nói: Động sáu cái chấp cho rằng “Nhân quả của hàng Tam thừa là quyết định”. Đây là phá sáu cái chấp về tam thừa theo quan điểm của Tam tạng giáo, mà chưa phá sáu cái chấp về tam thừa theo quan điểm của Thông giáo. Vì Thông giáo căn cứ về pháp thì nhân quả của Tam nhân (ba hạng người) là đồng, nếu căn cứ con người thì nhân quả của Tam nhân là khác. Sự đồng khác này đều bị phá, nhưng xưa nói phá ý mà không phá nghĩa này. Lại, Biệt giáo không có tên tam thừa, thì không có lục chấp, cho nên xưa không phá. Nay nêu quan điểm của Biệt giáo: Nhân thời ba pháp theo chiều ngang và dọc. Quả thời ba pháp cũng theo chiều ngang và dọc. Đây là điều cần phải phá bỏ.

Nay giải thích “đất sáu diệu chấn động” là tiêu biểu, theo quan điểm của Viên giáo sáu phen phá vô minh. Vô minh như khối đá rắn chắc chưa từng bị phá hủy, nay đem đập nát cho nên đất chấn động là để tiêu biểu điều đó. Vô minh nếu chuyển tức biến thành minh, cho nên “khắp thế giới Phật sáu diệu chấn động”. “Sáu diệu chấn động” tiêu biểu cho: Thập trụ, Hạnh, Hồi hướng, Địa, Đẳng giác, Diệu giác sáu phen. Kinh Ưu-bà-tắc Thanh Tịnh Hạnh nói: “Bồ-tát khi sinh đất chấn động là để chứng tỏ lần sinh này là tận (không còn tái sinh), không còn phiền não, hết thấy chúng sinh đều đắc đạo, phiền não bị diệt, cho nên động”, tức nghĩa đây vậy.

Giải thích theo Bản tích: Như Văn-thù giải thích nghi dẫn cổ Phật để đáp, hiểu được mật ý này tức là hiểu được Bản, chẳng cho rằng Đức Phật nào khác khi xưa đã hiện điềm lành này mà đức Thế Tôn ta bản cũng hiện điềm lành này, chẳng phải nay là lần thứ nhất... Quán hạnh là động sáu căn vậy. Tướng đất kiên cố như sáu căn mãi chấp, chưa từng

nhập đạo Đại thừa. Đất khó động mà nay động, tiêu biểu căn chưa tịnh mà nay tịnh. Đông vọt lên Tây chìm xuống. Phương Đông màu xanh, chủ về gan. Gan chủ về mắt. Phương Tây màu trắng, chủ về phổi. Phổi chủ về mũi. Đây là tiêu biểu công đức của nhãn căn sinh và các phiền não của tị căn xen nhau diệt. Công đức của tị căn sinh thì các phiền não của nhãn căn xen nhau diệt. Các phương khác vọt lên và chìm xuống, tiêu biểu các căn công đức sinh và phiền não diệt, cũng lại như vậy. Sáu thứ chấn động: Động, khởi, dững, chấn, hống, giác. Trong một thứ lại có ba: động, biến động, đẳng biến động. Động trực tiếp gọi là “động”. Động tứ thiên hạ, là “biến động”. Động đại thiên, là “đẳng biến động”. Năm thứ còn lại cũng như vậy. Hợp cộng lại thành mười tám thứ động, đây là tiêu biểu thanh tịnh mười tám giới..

Tiếp đến, giải thích điệp: “đại chúng tâm hoan hỷ”: Chúng thấy mưa hoa đất chấn động, biết nước cam lồ sắp được uống nên vui mừng hớn hở trong lòng, là tiêu biểu chúng có căn cơ Đại thừa đang cảm nhận sự ứng nghiệm thù thắng.

Hỏi: Sự vui giận là thường tình của con người, sao được coi là điệp lành?

Đáp: Trời mưa hoa vui mắt, đất động chấn tâm. Đại kinh nói: Khi đất động thì năng khiến cho tâm chúng sinh động. Hoa và đất là hiện điệp lành bên ngoài, tâm vui là điệp lành bên trong. Cái vui này chẳng thường, xưa tuy từng có vui mà không bị vui làm chấn động. Nay năng nhất tâm quán Phật, vì sao được không gọi là điệp lành? Nếu nói hoan hỷ động ấm tâm, thì là nghĩa nhân thiên. Nếu hoan hỷ động Chân đế vô lậu tâm, thì là nghĩa theo Tam Tạng giáo và Thông giáo. Nếu hoan hỷ động “tức Giả tâm”, thì là nghĩa theo Biệt giáo. Nếu hoan hỷ động thật tướng tâm, thì là nghĩa theo Viên giáo.

Tiếp đến, nêu điệp lành: “Đức Phật phóng hào quang” tức tiêu biểu Phật ứng cơ thiết giáo, phá hoặc trừ nghi. Bạch hào (lông trắng) là đầy đủ các công đức.

Kinh Quán Phật Hải Tam-muội nói: Khi đức Phật mới sinh thì lông trắng nếu duỗi ra dài năm thước, khi tu khổ hạnh thì dài một trượng bốn thước, đến khi thành Phật thì dài một trượng năm thước. Lông kia trong ngoài đều Không, như ngọc lưu ly trong suốt trong ngoài thanh tịnh. Từ sơ phát tâm, thời gian giữa tu hành hiện hành các tướng mạo, cho đến cuối nhập Niết-bàn, tất cả công đức đều hiện trong tướng lông đó. “Lông trắng giữa hai chân mày” là tiêu biểu trung đạo Thường. Lông kia mềm mại là tiêu biểu Lạc. Xoắn vào duỗi ra tự tại, là tiêu biểu

Ngã. Trắng là tiêu biểu Tịnh. Phóng hào quang phá sự tối tăm là tiêu biểu Trung đạo sinh trí tuệ. Hào quang chiếu sáng quốc độ này quốc độ khác, là tiêu biểu tự giác giác tha. Lại nữa, hàng Nhị thừa tuy thông đạt nhị đế mà không biết Trung đạo, như có hai lông mày mà không có lông trắng chính giữa. Biệt giáo tuy biết tam đế mà không thể biết trong lông trắng có đầy đủ tất cả pháp. Phải biết từ đầu đến cuối mọi sự trong pháp giới đều hiện trong tướng lông trắng, tức tiêu biểu ý Viên giáo. Lại nữa các kinh nêu rõ Phật phóng hào quang cũng không đồng. Đại Phẩm nói: Từ tướng bánh xe ngàn nan ở lòng bàn chân cho đến đánh nhục kế, mỗi mỗi đều phóng sáu vạn ức quang minh, như kia rộng nói, Đại kinh nói: Diện môn phóng quang. Kinh này nói: bạch hào phóng quang. Các kinh nói khác nhau là vì duyên thích nghi căn cơ không đồng. Lại, thâm hào quang vào cũng không đồng. Kinh Dục Vương nói: Thâm từ sau lưng vào là muốn nói việc quá khứ, thâm từ trước vào là muốn nói việc vị lai, mà không thấy muốn nói việc hiện tại. Theo ý riêng, thì nhập từ hai bên hông vào tức muốn nói việc hiện tại. Từ chân vào là muốn nói việc địa ngục, từ mắt cá chân vào là muốn nói việc súc sinh, từ chân vào là muốn nói việc ngạ quỷ, từ đầu gối vào là muốn nói việc của loài người, từ bàn tay trái vào là muốn nói việc Thiết luân vương, từ bàn tay phải vào là muốn nói việc Kim luân vương và chư thiên, từ rốn vào là muốn nói việc Thanh văn, từ miệng vào là muốn nói việc Duyên giác, từ nhục kế vào là muốn nói việc chư Phật. Kinh này nói phóng bạch hào quang mà chưa thấy nói thâm hào quang, chắc là văn lược thôi! Lại giải thích rằng: Phóng quang là muốn nói việc hiện tại, thâm quang là muốn nói việc tương lai. Kinh này chánh luận về chư Phật cõi này cõi kia đạo đồng nhau, cho nên chánh luận về phóng quang. Nếu hiểu đạo chư Phật đồng tức là khai thị ngộ nhập, thì nhậm vận tự nhiên thâm hoạch muốn nói thì phóng quang là chánh, thâm quang là phụ cho nên lược không thuyết. Như thân Phật cao một trượng sáu phóng quang, là nghĩa của Tam tạng. Nếu Phật tôn kính đặc thù cùng thân Phật một trượng sáu cùng phóng quang là nghĩa của Thông giáo. Nếu Phật tôn kính đặc thù riêng phóng quang, là nghĩa của Biệt giáo. Nếu thân Phật một trượng sáu tức pháp thân Tỳ-lô-giá-na phóng quang, là nghĩa của Viên giáo. Xưa nói cõi này hiện sáu điềm lành xong thì đến cõi trời Nị-tra. Nay tìm văn chỉ thấy “chiếu từ phương Đông một vạn tám ngàn cõi” trở xuống, là văn nêu sáu điềm lành ở cõi khác, đây là vì do người có thêm bớt đó thôi! Xưa lại nói thật sự chiếu mười phương: Chiếu Đông phương là tiêu biểu nhất thừa nhân quả là bậc thượng của các nhân quả. Số “Vạn” là

tròn đầy, tiêu biểu quả vị viên mãn. Số “Tám ngàn” là thiếu, tiêu biểu nhân quả chưa đủ. Nếu giải thích như vậy thì chiếu Đông phương đã đủ nghĩa, đâu cần chiếu chín phương còn lại? Nay nói rõ phương Đông là phương bắt đầu, tiêu biểu Thập trụ là địa vị ban đầu của Tích môn, thuyết pháp cho sinh thân Bồ-tát sáng suốt rõ ràng thấy được lý, nhập Thập trụ, khai mở tri kiến Phật. Nếu ban đầu thì có thể biết giữa và sau, cho nên nói không nơi nào là không cùng khắp. Nên biết các phương khác cũng như vậy, các vị cũng như vậy. Nếu căn cứ Bản môn thuyết pháp, thì chư Phật bốn phương vân tập, tiêu biểu Bản môn thuyết pháp khiến pháp thân Bồ-tát tăng đạo tổn sinh, tứ vị tăng trưởng. Quán tâm giải thích “một vạn tám ngàn”: căn cứ thập bát giới, luận về trăm pháp giới có ngàn tánh tướng, tức có một vạn tám ngàn, các cảnh giới đây Phật tuệ chưa khai mở, nay cần phải khai, cho nên dùng số để tiêu biểu đó thôi!

Văn kinh nói: “Từ ngục A tỳ lên đến trời Hữu đảnh” tức sáu pháp giới. Lại, “thấy chư Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo...”, mười cõi đầy đủ. Cho nên, văn nói “không nơi nào là không cùng khắp” tức ý đây vậy. Nếu phân chia văn thì thuộc cõi này là văn nói tướng lành thứ sáu. Nếu thuộc cõi khác, thì là văn nói tổng tướng chiếu cõi khác.

Tiếp đến, nêu hào quang chiếu phương khác thấy sáu điểm lành:

1. Thấy sáu đường.
2. Thấy chư Phật. Tức là trên thánh dưới phàm làm một cặp.
3. Nghe Phật thuyết pháp.
4. Thấy bốn chúng đặc đạo. Tức là Nhân và Pháp làm một cặp.
5. Thấy Bồ-tát tu hành các hạnh.

6. Thấy Phật nhập Niết-bàn. Tức là thủy chung một cặp. Đã có chúng sinh khả hóa tức có Phật năng hóa, có Phật tức có thuyết pháp, có thuyết pháp tức có đệ tử, có đệ tử tức có bắt đầu tu hành, có bắt đầu tu hành thì hẳn phải đến cuối cùng. Nếu sáu điểm lành cõi này là tổng báo chúng sinh sẽ thâm hoạch tự giác, thì sáu điểm lành ở cõi kia là tổng báo chúng sinh sẽ thâm hoạch giác tha. Lại, sáu điểm lành của cả cõi này cõi khác, là tiêu biểu đạo của chư Phật cõi này cõi khác thì đồng nhau. Từ: “Thấy hết cả chúng sinh trong sáu đường ở cõi kia”, cho đến: “hành Bồ-tát đạo”: là hiện việc cõi kia đã giống như cõi này. Từ: “Lại thấy chư Phật” cho đến: “tháp bảy báu”: là hiện việc cõi này sẽ giống cõi kia. Lược nói đã xong.

Lại rộng nói: “Lại thấy chúng sinh trong sáu đường” là đức Phật kia vì đời ngũ trước cho nên xuất hiện ở đời, đức Phật này cũng như

vậy. Tuy hai cõi mà ý xuất hiện ở đời giống. “Nghe chư Phật ấy thuyết kinh pháp”, là hiện cõi kia đức Phật bắt đầu thuyết từ một pháp vô tướng chẳng đốn mà đốn, cùng với cõi này Phật ban đầu thuyết kinh Hoa Nghiêm ý đồng. Từ: “Cùng thấy nơi các cõi kia các Tỳ-kheo” trở xuống, là hiện cõi Phật kia giáo chẳng tiệm mà tiệm, cùng với Đức Phật cõi này theo thứ tự thuyết Tam tạng giáo, thì ý giống nhau. Từ “Lại thấy các Bồ-tát” trở xuống, là cõi Phật kia sau khi thuyết Tam tạng thì thuyết các kinh Phương Đẳng, Bát-nhã v.v... cùng với đức Phật cõi này sau thuyết Tam tạng, ý đồng. Từ “Lại thấy các đức Phật” trở xuống cho đến: “xây tháp bảy báu” là hiện đức Phật kia sau thời Bát-nhã thì khai Quyền hiển Thật, thâm vô lượng pháp trở về nhập một pháp, xướng nhập Niết-bàn, thôi hóa độ, xây tháp. Hào quang chiếu đến cõi kia, từ đầu đến cuối rõ ràng trước mắt, phải biết cõi này cũng từ một xuất sinh vô lượng, chẳng đốn mà đốn, chẳng tiệm mà tiệm, việc kia đã xong, ắt phải thâm tóm vô lượng pháp trở về nhập một pháp, khai quyền hiển thật, thôi hóa qui về chân, cùng cõi kia đồng.

Lại “Các thứ nhân duyên”: Xưa khéo làm nhân, nay giáo làm duyên. Lại riêng thuyết chính là sau thời Tam tạng thì nói rõ Cộng, bất cộng Bát-nhã làm nhân, trợ đạo giới định tuệ... làm duyên. Căn cứ vào Tam nhân (Ba hạng người) tức các thứ nhân duyên, các thứ tướng mạo. Lại, chính các hạng người Cộng và Bất cộng, là “các thứ nhân duyên, các thứ tướng mạo”. Cộng và Bất cộng mỗi thứ có bốn môn, mỗi một môn lại có vô lượng tướng mạo. Năm trăm Tỳ-kheo đều nói nhân của thân, tức nghĩa kia vậy. Bốn môn của Bất cộng cũng như vậy. Cho nên, biết rằng nhân duyên tướng mạo chủng biệt vô lượng thì đều là cõi kia đồng với cõi này. Kia nêu tướng đó nhân duyên tướng mạo trở lại nhập một nhân một duyên một tướng một mạo, phải biết cõi này cũng đồng với cõi kia.

Từ “Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc nghĩ rằng” đến hết câu: “nay sẽ hỏi ai?”, là Tựa niệm nghi. Văn chia làm hai:

1. Di lặc niệm nghi.
 2. Đại chúng niệm nghi.
- Di-lặc có ba niệm:
1. Chánh nghĩ sáu điềm lành.
 2. Nghĩ hỏi ai.
 3. Nghĩ đến Văn-thù.

Nghĩ đến Văn-thù tức đã bỏ cái suy nghĩ thứ hai, chỉ có niệm ban đầu là còn, tức chỉ thành một mối nghi. “Thần biến”: Thần bên

trong, biến bên ngoài. “Thần” gọi là thiên tâm tức là trí tuệ thiên nhiên bên trong, “biến” gọi là biến động, tức là hiện sáu điềm lành bên ngoài. Kinh Thủ Lăng-Nghiêm nói: “Phật trú pháp bất nhị năng hiện thần thông, đấng pháp vương pháp lực cao siêu vượt hơn tất cả”. Di-lặc không lường được sự biến hóa bên ngoài, cũng không biết trí tuệ bên trong, cho nên khởi niệm đến việc này. Như người bình thường không biết thuật, người tán loạn không biết định, người phàm phu không biết Thánh, bậc tiểu Thánh không biết Thân-tử, Thân-tử không biết Bồ-tát, Bồ-tát không biết Bồ-xứ, Bồ-xứ không biết bậc Tối tôn cùng cực. Đây là cực xứ (nơi chốn cùng tột), cho nên Di-lặc cũng không biết. Lại nữa, Di-lặc đã từng gặp Phật, gieo trồng thiện căn đã nhiều thì sao lại không biết được? Cần phải ẩn sáng hiện tối, cho nên quyền nói “không biết”. Đại chúng có hai niệm:

1. Chánh niệm sáu điềm lành.
2. Niệm hỏi ai.

Nếu xem kệ bên dưới thì đại chúng cũng có ba niệm, Kệ nói: “Bốn chúng đều mong ngóng, nhìn ngài và nhìn tôi”. Không có niệm thứ ba thì làm sao mong ngóng nhìn Ngài (Văn Thù)?, mà trong phần văn trường hàng thì không có Ngài, tức muốn suy tìm Bồ-xứ ở trước vậy. Xưa giải thích ở trước có ba ý:

1. Bồ xứ.
2. Có ba niệm.
3. Năng phát khởi câu hỏi, là nghĩa đây, nên đại chúng thiếu một niệm.

Hỏi: Về đức vị thì Văn-thù và Di-lặc đều là bậc Á thánh, sao có một người hỏi một người đáp?

Đáp: Xét về cơ duyên có hay không, tuy địa vị ngang đồng nhưng khách chủ thích nghi có khác, Thánh nhân thể theo cơ duyên, không phải là người hỏi thì không có khả năng trả lời. Lại pháp môn thì có Quyền có Thật. Quyền, Bồ xứ cần phải hỏi, Thật, cần phải đáp lại. Tích có xa có gần, gần hỏi xa đáp. Lại, danh thì có tiện có dễ. Di-lặc gọi là Từ, từ vì chúng sinh nên hỏi, Văn-thù gọi là Diệu Đức, đức cần phải đáp. Đây tức là bốn loại hiểu ý văn kinh.



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

(Phần Thượng)

Từ “Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc muốn giải quyết sự nghi của mình” trở xuống đến hết phần kệ tức là Phát vấn tự Văn chia làm hai phần: Trường hàng và Kệ tụng. Trong phần trường hàng kinh gia thuật nghi của mình và đại chúng, đưa ra câu hỏi, hỏi về cõi này, cõi khác... như văn. Vậy vì sao có kệ tụng ư? Trong luận Tỳ-bà-sa ngài Long Thọ nói có bốn lý do: Thứ nhất, là tùy quốc độ, Thiên Trúc có cách nói tán hoa và quán hoa, như đoạn này là tựa, sau là bài minh. Thứ hai, là tùy sự ưa muốn không đồng, có ưa tán thuyết hoặc ưa chương cú. Thứ ba, là tùy theo chúng sinh hiểu không đồng, hoặc đối với tán thuyết mà hiểu được, hoặc nơi chương cú mà hiểu được. Thứ tư, là tùy căn cơ lợi độn, lợi thì một phen nghe liền ngộ, độn thì nghe nhiều lần mới ngộ. Lại, tiêu biểu đức Phật ân cần lập lại, và vì đại chúng vân tập có trước có sau, cho nên có kệ.

Kệ có sáu mươi hai hàng, (mỗi hàng gồm bốn câu, mỗi câu năm chữ) chia làm hai phần: Phần một, gồm năm mươi bốn hàng đầu, tụng phần hỏi trên. Phần hai, gồm tám hàng sau, là thỉnh đáp. Phần hỏi lại chia làm hai: Bốn hàng trước, là hỏi về cõi này. Năm mươi hàng sau, là hỏi về cõi khác. Ở văn trường hàng thì hỏi chung sáu điềm lành ở cõi này, trong kệ thì có thêm: “gió thơm thổi và đất thanh tịnh”, không nói “thuyết pháp nhập định”. Xem văn thì cho rằng nói có thừa có thiếu, nhưng xét nghĩa thì không như vậy. Vì thuyết pháp là tánh tuệ, nhập định là thiên tâm, do thiên tâm tuệ tánh mới có thể động đất, phóng quang. Bởi nêu ngọn thì có thể biết gốc, cho nên thiếu mà chẳng phải thiếu. Người khác chẳng thấy được ý này, cho rằng Di-lặc không hỏi hai việc thì không coi là điềm lành. Nay lại nạn vấn: Nếu Di-lặc không hỏi thì Văn-thù cứ sao lại đáp? Lại hỏi chỉ nơi nào làm câu hỏi, nay chỉ văn trường hàng là tổng hỏi. Nếu lại muốn rõ chỗ nào là hỏi riêng, thì chỉ là hai chữ “đạo sư”, bởi vì thuyết pháp nhập định mới có thể dẫn dắt

người, Đã xưng tán “đạo sư” tức là hỏi thuyết pháp nhập định, vì vậy cho nên chẳng phải thiếu. Chỗ khác nói: “gió do rừng cây chiên đàn cho nên thơm, đất thêm nghiêm tịnh tăng trưởng”, đó là thừa hai việc. Nay nói chẳng thừa, bởi gió vốn không có mùi thơm mà thơm, đó gọi là kỳ lạ đặc biệt, cho nên thành điềm lành. Xét rằng trời mưa hoa rất mâu nhiệm, há có sắc mà không hương? Đây là tiêu biểu Nhân vận chuyển đến Quả, như hoa có gió hương, hoa đã nhóm nơi đất, đất thì nghiêm tịnh, nhân nếu hưởng đến quả thì quả nghiêm tịnh. Kinh Kim Quang Minh nói: Tự tập công đức trang nghiêm thân Phật, cho nên lấy hai việc hiển bày thành bốn loại hoa, thừa mà chẳng thừa.

Năm mươi hàng tụng kế tiếp, từ “Ánh sáng giữa chặn mây” trở xuống, là tụng hỏi sáu điềm lành ở cõi khác. Xưa nói: “Trong bài tụng không hỏi tam thừa tứ chúng, không hỏi Phật Niết-bàn” Nay giáo phế bỏ ba, sao bỗng hỏi ba? Mới nói Thọ lượng, sao hỏi Diệt độ?. Đối với nghĩa, không tiện cho nên không hỏi. Than ôi! Không hiểu không tiêu hóa văn mà ép kinh theo ý riêng. Nay nêu rõ trong bài tụng hỏi đầy đủ sáu điềm lành ở cõi kia. Văn chia làm sáu phần: 1. Ba hàng đầu, hỏi lục thú chúng sinh; 2. Bốn hàng tiếp, hỏi thấy đức Phật kia và thuyết pháp; 3. Ba hàng tiếp, hỏi bốn chúng cõi khác; 4. Một hàng rưỡi kết trước mở sau; 5. Ba mươi một hàng rưỡi, hỏi các cõi khác tu Bồ-tát hạnh; 6. Bảy hàng hỏi cúng dường xá-lợi, tức là hỏi Phật Niết-bàn.

1. Ba hàng đầu hỏi về chúng sinh ở sáu đường, nghiêm các tụng này, thì biết “Ánh sáng chiếu phương Đông” trong văn trường hàng ở trên là ý chiếu chung các cõi kia. Các tụng này, tụng phần tổng hỏi ở trên. Chúng sinh trong sáu đường (lục thú) là nơi người năng đến. Sinh tử là nơi đến. Thiệt ác, nghiệp duyên là nhân các Thú.Xấu, tốt là quả các Thú.

2. Từ “Lại thấy các đức Phật” trở xuống, bốn hàng: hỏi thấy các cõi Phật kia, trực tiếp thấy Phật thuyết pháp. Đây là rộng nêu tướng thuyết pháp, nghĩa là thuyết đốn giáo phù hợp căn tánh Đại thừa. “Đấng Thánh chúa Sư tử” tức như cõi này hiện hình tượng Lô-xá-na Phật. “Diễn thuyết các kinh pháp, vi diệu mâu bậc nhất”, tức như cõi này mặt trời trước chiếu lên núi cao Phật diễn thuyết Hoa Nghiêm. “Dạy bảo các Bồ-tát” tức như các hội thuyết pháp ở bảy chỗ thuộc cõi này, thì trong hội không có hàng Thanh văn. “Để soi rõ Phật pháp, mà khai ngộ chúng sinh”, tức như cõi này ban đầu thấy thân Phật, nhập Như lai tuệ.

3. Từ “Nếu có người bị khổ” trở xuống, ba hàng: hỏi bốn chúng ở cõi kia, tức là sau khi Phật nói đốn giáo. Tiếp đến Tam tạng giáo “nếu

có người bị khổ” tức mở Thanh văn thừa, bài tụng nêu đầy đủ tứ đế, ở văn rất rõ ràng. “Nếu là người bị khổ, mà tạo ác nghiệp khổ, thì khổ không thể hết”. Đây là chúng sinh dưới tận cùng đáy. “Nếu là người bị khổ, mà tạo các thiện nghiệp, thì khổ cũng không hết”. Tức nhằm chán cõi dưới vin vào cõi trên, như Nan-đà vì ham muốn cho nên trì giới... Nếu có người bị khổ, ở trong pháp ngoại đạo cầu giải thoát, thì tăng thêm kiến giải sai trái, khổ cũng bất tận. Nếu có người bị khổ, nhằm chán khổ tập, lại nhằm chán y quả, cảm được Niết-bàn mà Đức Phật thuyết, thì người này có thể “dứt trừ các biên khổ”. Ở cõi kia cũng khai thừa này. “Nếu là người có phước” trở xuống, một hàng: khai trung thừa, “Nếu cúng dường Phật, thì ít gặp khổ não, nếu cúng dường Phật nhiều, thì tuy gặp khổ mà vẫn phước”. Cho nên nói Thanh văn ba đời gieo hạt giống phước, Bích-chi-phật trăm kiếp gieo trồng phước. So sánh với Thanh văn kia, cho nên nói có phước. “Chí cầu pháp thù thắng” là hàng Thanh văn chán khổ mà tu hành, Bích-chi-phật cầu đạo nên tu hành, tha thiết cầu lý duyên khởi thù thắng vi diệu, tức là cõi kia khai trung thừa. “Nếu lại có Phật tử” trở xuống là khai Lục độ đại thừa, vì chân thật từ bi năng nối tiếp dòng giống Phật, nên nói là “Phật tử”. Tu pháp Lục độ, cho nên nói “các công hạnh”.

Chí cầu Phật cho nên nói “vô thượng tuệ”, trong lục độ không có lục tế, như trong dục không có bệnh, nên nói “Tịnh đạo” mà không phải rất ráo tịnh. Lại, Thanh văn lấy Khổ đế làm Quán môn, Duyên giác lấy Tập đế làm môn, Lục độ Bồ-tát lấy Đạo đế làm môn, cho nên nói “Tịnh đạo”.

4. Từ “Ngài Văn-thù-sư-lợi, tôi ở tại nơi đây” trở xuống, một hàng rưỡi: kết trước khai sau. “Thấy nghe như thế đấy” tức là kết trước, “Thấy rất nhiều như thế” tức là khai sau.

5. Từ “Tôi thấy ở cõi kia” trở xuống, ba mươi một hàng rưỡi: hỏi sự tu hành của các vị Bồ-tát ở các cõi kia. Phần này lại có ba phần nhỏ:

- a. Một hàng: hỏi chung.
- b. Mười lăm hàng tiếp: hỏi lần lượt.
- c. Mười lăm hàng rưỡi cuối: hỏi lẫn lộn (tạp).

Phần nhỏ a.1. Một hàng hỏi chung, có thể hiểu.

Phần nhỏ a.2. Từ “Hoặc có vị bố thí” trở xuống, có mười lăm hàng: hỏi lần lượt, trong đó chia làm sáu mục nhỏ: a.2.1) Sáu hàng, hỏi Đàn Ba-la-mật. a.2.2) Hai hàng, hỏi Thi-la Ba-la-mật. a.2.3) Một hàng, hỏi Nhẫn Ba-la-mật. a.2.4) Một hàng, hỏi Tinh tấn. a.2.5) Hai hàng hỏi

Thiền. a.2.6) Ba hàng hỏi Trí tuệ Ba-la-mật.

- Trong phần hỏi Đàn Ba-la-mật có ba ý:

1. Bốn hàng hỏi xả tài.

2. Một hàng hỏi xả thân.

3. Một hàng hỏi xả mạng. Trân báu nô tỳ sang hèn đều có thể bố thí. “Xe bốn ngựa xe báu”, hào hiệp bố thí, vợ con... là ngoài thân, thân thể là nội thân. Xả đầu mắt tức xả mạng. Không nói pháp thí, là để sau nói Bát-nhã. Lại căn cứ xả thân mạng tài và xả sinh tử vị lai v.v... thì được bất hoại thường trú, tức là pháp thí, cho nên không riêng nói.

Từ câu: “Này Văn-thù-sư-lợi ta thấy các quốc vương” trở xuống, hai hàng hỏi Giới Ba-la-mật. Căn cứ Tỳ-kheo để luận trì giới. Tại gia bố thí dễ, trì giới khó. Xuất gia bố thí khó, trì giới dễ. Cho nên căn cứ Tỳ-kheo nêu rõ giới. Trong đây dẫn kinh Ngũ Vương...

Từ câu: “Hoặc thấy các Bồ-tát” trở xuống, một hàng: hỏi Nhẫn Ba-la-mật, nhẫn có ba thứ: Đối với rừng sâu, hang vắng, người ác, thú ác đều nhẫn nại không giận, tức Sinh nhẫn. Tự mình tiết chế giữ gìn ý chí tức Khổ hạnh nhẫn. Vì cầu Phật đạo, tức Đệ nhất nghĩa nhẫn, Lại “Mà hiện làm Tỳ-kheo” tức Khổ hạnh nhẫn. “Riêng ở chỗ vắng lặng” tức Sinh nhẫn. “Ưu vui tụng kinh điển” tức Đệ nhất nghĩa nhẫn.

Từ “Cùng thấy các Bồ-tát dũng mãnh” trở xuống, một hàng hỏi Tinh tấn Ba-la-mật. Ở núi sâu đáng sợ mà chẳng sợ hãi biếng nhác, dũng mãnh tinh tấn, năng an ổn, coi như bên cạnh mình không có ai, tư duy thật tướng, niệm niệm không dừng tinh tiến cầu Phật đạo.

Từ “Lại thấy bậc ly dục” trở xuống, hai hàng hỏi Thiền Ba-la-mật: một hàng trước, hỏi tu căn bản thiền, một hàng sau, hỏi tu xuất thế thượng thượng thiền. Thông đồ đều có căn bản Thiền. “Ly dục”, nếu lìa dục thì chứng đắc ngũ thông, là định của Thông giáo. Lại, căn bản vốn ly dục. Bối xả cũng là tu bất tịnh v.v... là ly dục. Biệt giáo bao gồm lìa dục nhị thừa, trung đạo và lìa dục thuận đạo pháp ái... “Sâu tu các thiền định”, phát sinh bậc một Sơ thiền, định này chưa sâu, cho đến bậc chín tiếp nối mới sâu. Lại, bối xả, cửu định, bát thắng, thập nhất thiết nhập nối tiếp thì sâu. Định này chuyển biến tự tại, năng phát sinh các thần thông, phạm phu chỉ có ngũ thông, hàng nhị thừa có đầy đủ sáu. Bồ-tát Biệt giáo kém chư Phật phần hữu vô lậu, cũng chỉ có ngũ thông, Viên giáo từ đầu đến cuối đều đầy đủ lục thông. Một hàng từ “Chấp tay trụ thiền định, dùng muôn ngàn bài kệ” trở xuống, nêu Thượng thượng thiền, đây là thiền của Biệt giáo, Viên giáo, động, tĩnh không ngăn ngại nhau, không khởi diệt định mà hiện các oai nghi, như đàn Tu-la không

đánh mà kêu, không duyên không niệm mà có cảm tức có hình tướng. Cho nên, có thể an trú thiền định tán thán chư Phật.

Từ “Lại thấy có Bồ-tát, Trí sâu chí bền chắc” trở xuống, ba hàng: hỏi Bát-nhã, chia làm hai phần. Hàng đầu là tự tu hành. “Trí sâu” là trí tuệ cùng tột nguồn gốc lý. “Chí bền chắc” là thệ nguyện rộng lớn. Đây tức là hai thứ trang nghiêm năng vấn năng trì. Hai hàng từ “Lại thấy hàng Phật tử, định tuệ trọn đầy đủ” trở xuống, là hạnh hóa tha, chưa đạt đến tuệ nhiều, định vô sắc nhiều. Bạc Tứ thiền bối xả, tuệ nhiều; bậc cửu định, định nhiều; trong nhất thiết nhập thì bình đẳng. Lại, hàng Nhị thừa định nhiều, Bồ-tát tuệ nhiều, Phật thì bình đẳng. Lại, Không quán thì định nhiều, Giả quán thì tuệ nhiều, Trung quán thì bình đẳng. “Vô lượng dụ” tức là các thứ phương tiện, trong các giáo dẫn vô lượng loại thí dụ trợ giúp hiển bày đệ nhất nghĩa. “Phá dẹp các binh ma”, là Không quán phá bốn ma, Giả quán thứ lớp phá tám ma, Trung quán phá trọn tám ma, mười ma, hết thấy ma. “Đánh trống pháp”, là hàng sơ phát tâm trụ liền thành chánh giác, ở trăm thế giới chư Phật, làm Phật đánh trống pháp Phạm luân viên mãn.

Từ “Lại thấy vị Bồ-tát vắng bật yên lặng ngồi” trở xuống có mười lăm hàng rưỡi, không trải qua thứ tự, tùy thấy mà hỏi.

Hỏi: Pháp lục độ trên tự thâu tóm được vạn hạnh, vì sao lại phải hỏi rất phiền tạp thế? Đáp: Trên hỏi theo thứ lớp thì tự vào một đường. Không theo thứ lớp thì không nhất định một đường. Đã nói là các thứ tướng mạo, thì sao chỉ hai đường mà lại cho là phiền?

Đây là thứ lớp và tạp loạn hai phen nói về lục độ. Nghĩ cỡi kia sau khi khai Tam tạng thì thuyết Phương đẳng, Thập nhị bộ kinh, nêu tướng mạo của lục độ đầy đủ như đây không khác. Trong tạp vấn văn gồm bảy ý:

Ý thứ nhất: hai hàng, hỏi thiền. Lại chia làm hai: một hàng trước, hỏi nhập thiền xả thiền, tức là tự hành. Từ “Lại thấy có Bồ-tát ở rừng phóng hào quang” trở xuống, là hàng thứ hai, hỏi nhập Bi thiền, bắt đầu hóa tha, Bồ-tát nhập định phóng hào quang khắp nơi lợi ích. Đây đủ xem trong kinh Hoa Nghiêm, Tư Ích... sẽ rõ.

Ý thứ hai: Từ “Lại thấy hàng Phật tử chưa từng có ngủ nghỉ” trở xuống, một hàng: hỏi tinh tấn, tức là pháp môn Bát-chu niệm Phật...

Ý thứ ba: Từ “Cũng thấy đủ giới đức” trở xuống, một hàng, hỏi giới. “Oai nghi không thiếu sót”, tức là ban đầu tu tập không thiếu giới. “Lòng sạch như bảo châu” tức là giới thứ mười rốt ráo, trung gian có thể hiểu. Thập Giới như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa thuyết.

Ý thứ tư: Từ “Lại thấy hàng Phật tử trụ nơi sức nhẫn nhục” trở xuống, một hàng rưỡi: hỏi nhẫn, tức Sinh nhẫn và Pháp nhẫn.

Ý thứ năm: Từ “Lại thấy có Bồ-tát xa rời sự đùa giỡn” trở xuống, hai hàng : lại hỏi thiền định. “Xa rời sự đùa giỡn” tức từ bỏ Trạo hối cái. “Lìa quyến thuộc ngu si” tức trừ Sân cái. “Thân cận các người trí” tức trừ bỏ triền Nghi cái. “Nhất tâm trừ bỏ loạn” tức bỏ Tham cái. “Nhiếp niệm ở núi rừng” tức trừ Thù cái.

Ý thứ sáu: Từ “Hoặc thấy có Bồ-tát đem các thức ăn uống” trở xuống, năm hàng: hỏi Bố thí. Lại chia làm hai: Bốn hàng trước nêu rõ bố thí tứ sự. Từ “Cúng thí như thế đó” trở xuống, một hàng sau: kết thành.

Ý thứ bảy. Từ “Hoặc có vị Bồ-tát giảng nói pháp tịch diệt” trở xuống, có ba hàng: hỏi Bát-nhã gồm một hàng: Không thể thuyết mà thuyết Bát-nhã, một hàng: Không thể quán mà quán Bát-nhã, một hàng: Ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt. Tức là thuyết không thể thuyết, quán không thể quán mà luận Bát-nhã. Hoặc có thể coi ba phen hỏi Bát-nhã này là thấy các cõi khác thuyết lục độ trong Phương đẳng bên trên. Hoặc có thể nghĩ cách khác rằng: các cõi khác thuyết Phương đẳng, sau nêu Đại phẩm giáo, đàm luận đầy đủ trí Bát-nhã tịch diệt không hai, thanh tịnh không đấm trước, cõi này và kia đều đồng. Hoặc có thể nói pháp tịch diệt là ý trong Phương đẳng, quán các pháp tánh cũng như hư không là ý Bát-nhã. Chính là lịch pháp, tác quán pháp, tướng không hai, nghĩa này thật cùng với kinh Đại Phẩm phù hợp. Nếu cho rằng cõi kia biết ý của Pháp Hoa thì tức hai câu: “dùng tuệ vi diệu này mà cầu vô thượng đạo”, thấy có người tu diệu tuệ mà không thấy đạo tràng diệu tuệ Pháp Hoa. Nếu thấy đạo tràng, thì biết được đây giống như kia, thì có gì phải nghi? Chỉ thấy có người mà không thấy tòa, toàn chúng nghi nên hỏi. Hoặc có thể ba phen hỏi về Bát-nhã cùng với Bát-nhã cõi này tương đồng, chưa biết tiếp theo sau sẽ thuyết gì? Vì vậy cho nên nghi vấn, hai ý đây do người sử dụng đó thôi!

Văn trường hàng trên chỉ nêu sáu ý. Kệ tụng đã rộng hiển rõ nghĩa như vậy...

6. Từ “Ngài Văn-thù-sư-lợi, lại thấy có Bồ-tát” trở xuống, có bảy hàng: Sau khi Phật diệt độ dùng xá-lợi xây tháp miếu, chính bài tụng trên nói Phật các cõi kia hiện ra ở đời Ngũ trước, từ nơi một pháp vô tướng khai ra tiệm giáo và đốn giáo, cho nên có hai pháp ba đường, đủ thứ hạnh loại, tướng mạo không đồng, như trên đã thấy. Nay thấy đức Phật kia nhập Niết-bàn, hàng Phật tử ngưỡng mộ đức độ xây tháp

cúng dường, tức tiêu biểu vô lượng đều qui nhập vào một, một xuất ra vô lượng, tướng trước đã tiêu biểu vô lượng qui vào một, chính là nhập Niết-bàn. Tại sao sợ ngăn thọ lượng, xây dựng tháp làm Phật sự? Thương thay thương thay!

Văn chia làm sáu phần:

1. Một hàng, tổng nêu sau khi Phật diệt độ xây tháp.
2. Từ “Lại thấy hàng Phật tử xây dựng các tháp miếu” trở xuống, một hàng : nêu rõ số lượng tháp.
3. Từ “Bảo tháp rất cao đẹp” trở xuống, một hàng : nêu rõ chất lượng tháp.
4. “Trong mỗi mỗi tháp miếu” trở xuống, một hàng : nêu rõ hình tướng tháp.
5. Từ “Các vi trời, rồng, thần” trở xuống, một hàng : nêu sự cúng dường.
6. Từ “Ngài Văn-thù...” trở xuống, hai hàng : kết. “Tháp-bà”, Trung hoa dịch là Phương phần. Đại quán đánh dịch là phần mộ (trùng). Điện đường như Linh miếu, nhà thờ ở cõi này, để tôn sùng các bậc vĩ nhân, tuấn kiệt để thừa ân mưa móc, thường tiêu biểu cõi nước thanh tịnh qui về, tâm hướng lên Thánh. “Thọ Vương” tức là cây Ba-lợi-chất-đa, chính cúng dường Xá-lợi là trang nghiêm cõi nước Phật...

I. PHẦN THỈNH ĐÁP : Từ “Phật phóng một luồng sáng” trở xuống, có tám hàng chia làm hai phần: Ba hàng đầu nêu việc nghi ngờ, bày tỏ thỉnh. Năm hàng sau giải thích phục nạn. Ba hàng đầu lại chia làm ba: Một hàng đầu nêu thấy sự việc ở cõi này, lấy tướng bạch hào làm gốc cho nên nêu trước và “các việc”, cho nên nói “chúng chúng”. Một hàng tiếp từ “Thần lực của chư Phật...” trở xuống, nêu thấy sự việc ở cõi khác, chư Phật là gốc tức tổng nhiếp năm thừa khác. Từ “Chúng ta thấy việc này” trở xuống, một hàng là thỉnh đáp

Năm hàng sau giải thích phục nạn lại chia làm hai phần: Bốn hàng đầu, chính giải thích phục nạn. Một hàng sau là kết thỉnh. Nói “phục nạn”, ấy là Văn-thù trong tâm gây khó, không chịu đúng thời đáp. Khó có ba ý: Một, là điềm lành này đặc biệt kỳ lạ không thể vội vàng khinh thường mà có phê phán. Hai, là trí tuệ của chúng như biển, khiêm tốn nhường bậc cao minh. Ba, là cố để nghi vấn đeo đuổi tất sinh khao khát giải đáp. Cho nên, dùng phục nạn kín đáo mà chống lại. Di-lặc tỏ rõ ý muốn giải thích nạn vấn cũng có ba: Một, là Thụy lớn nghi lớn nếu không giải thích e chúng ưu tư về nguyên nhân Phật phóng

quang mãi mà cản trở nghe chánh thuyết. Hai, là chúng như biển nhưng hiểu được cơ duyên này chỉ có Nhân giả (Văn-thù). Ba, là hợp với chúng đều chiêm ngưỡng chờ đợi Nhân giả cho nên biết chuyên chú, chí thành ân cần thỉnh giải thích rõ nạn vấn. Phục nạn đầu tiên nhân ở lời chánh thỉnh, tức câu kệ: “Xin Phật tử Văn-thù, giải quyết lòng chúng nghi”. Bồ-tát Văn-thù chiếu theo lời thỉnh này, khởi lên phục nạn đầu tiên: “Ông nói các chúng nghi nhưng chưa từng nghi. Nếu nghi thì nên hỏi. Chúng đã không nghi tôi đâu cần giải quyết!” Di-lặc liền dùng kệ thứ nhất giải thích rằng: “Bốn chúng đều trông ngóng, nhìn ngài và nhìn tôi”, “nhìn tôi” tức muốn khiến tôi hỏi, “nhìn ngài” là mong ngóng muốn được Ngài giải đáp. Văn-thù nhân đây khởi lên phục nạn lần thứ hai: chúng đồng có nghi không dễ có thể đáp, đợi Phật xuất định xong sau mới giải quyết nghi.

Di-lặc liền dùng bài kệ thứ hai giải thích: Nếu để chúng ưu tư về điềm lành hào quang Phật mãi, thì không có lợi ích, nên xin Ngài giải đáp ngay. Lại biết Như Lai lúc nào ra khỏi định cho nên Phật tử đúng thời đáp giải quyết sự nghi khiến cho chúng vui mừng. Văn-thù nhân đây khởi phục nạn lần thứ ba: “Tôi với ngài cùng vị Học địa, muốn lường được ý Phật thì bí mật cùng suy lường, chỉ khiến một mình tôi giải đáp đối với lý thì không thể”. Di-lặc liền dùng bài kệ thứ ba giải thích. Tôi cũng dùng tâm thấp kém tư duy phân vân: một là Phật muốn thuyết Diệu pháp, hai là sẽ thọ ký, cho nên nói: “Phật ngồi trong đạo tràng, chứng đắc pháp vi diệu, vì muốn nói pháp ấy, hay là sẽ thọ ký?”, Văn-thù nhân đây khởi phục nạn lần thứ tư: “Nếu như ông nói tức nghi đã giải đâu cần đến tôi đáp”. Di-lặc liền dùng bài kệ thứ tư giải thích: Sao lại dùng tâm do dự của tôi mà phán xét việc lớn? Cho nên nói: “Hiện bày các cõi Phật, đây chẳng phải duyên nhỏ” Ngài Văn-thù hết cách phục nạn, hào quang cũng đã dừng chiếu, nên một bài kệ sau cùng là tổng kết thỉnh đáp. Đây là bốn phen phục nạn, Quang Trạch thọ (nhận) nơi Thứ Sư, Thứ Sư thọ nơi Kiếm Sư ở Giang bắc. Đã là các bậc tiên hiền khéo tư duy ngoài văn, mà nay được nhờ vậy.

Từ “Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi nói với Di-lặc” trở xuống đến hết phần kệ, gọi là Tựa Vấn đáp. Gồm có văn trường hàng và kệ tụng. Văn trường hàng chia làm bốn phần:

1. Từ “Nói với Di-lặc” trở xuống gọi là Suy nghĩ đáp.
2. Từ “Thiện nam tử, ta ở trong đời quá khứ” trở xuống, gọi là Lược từng thấy đáp.
3. Từ “Thiện nam tử, như quá khứ” trở xuống, gọi là Rộng từng

thấy đáp.

4. Từ “Nay thấy điềm lành này cùng với xưa không khác” trở xuống, gọi là Phân minh phán đáp. Xét rằng lấy dưới đo lường trên, thì chỉ có thể giống như phỏng đoán, chỉ nói xưa giống nay mà không thể quyết đoán ngay. Sở dĩ ban đầu từ lột phốt thấy không rõ, tiếp đến dần lược thấy, lược thấy chưa cùng khắp, lại dẫn đến rộng thấy, lấy nhiều để chứng minh một, đến lúc ấy mới phân minh phán xét được.

Suy nghĩ đáp: Trả lời câu hỏi trên về cõi này. Lược từng thấy đáp: Trả lời câu hỏi trên về cõi khác. Rộng từng thấy đáp: Trả lời câu hỏi về cõi này và cõi khác. Phân minh đáp: Trả lời phán xét cõi này cõi khác. Phân Suy nghĩ đáp chia làm hai: ban đầu nêu chương, sau chính suy nghĩ. Nghĩ xưa như nay, suy nay như xưa. Nhưng Văn-thù là cổ Phật lẽ nào lại không biết, vì Tích mà thì hiện tư duy. Ngài Quang Trạch cho rằng: hai câu đầu và sau, là pháp thuyết, tiêu biểu nhân quả rộng lược; ba câu giữa, là thí dụ thuyết. “Muốn thuyết đại pháp” là lược khai tam hiển nhất, lược khai cận hiển viễn. “Diễn nghĩa đại pháp” là rộng khai tam hiển nhất, rộng khai cận hiển viễn. “Mưa đại pháp” là thí dụ được thọ ký làm Phật, bởi vì xưa nhân quả định chấp không được làm Phật, là nghĩa khô héo, nay đều làm Phật, là nghĩa mưa thấm nhuần. “Thối đại pháp loa” là sửa đổi hiệu của tam thừa. Trống lệnh dạy binh là thí dụ phá vô minh. Nay nêu rõ pháp thuyết kia không dùng. Vì sao? Vì tích bản hai môn do tịch mỗi thứ đều khác. Tích thì do tịch khởi, Di-lặc sinh nghi, Văn-thù giải thích. Bản thì do tịch chưa khởi, Di-lặc nghi chỗ nào? Văn-thù giải thích chỗ nào? Nếu trong đó đã là giải thích nghi khai cận hiển viễn, thì về sau các chúng từ đất vọt lên, cơ sao Di-lặc lại nghi? Lại nghi tức lạm dụng nghi, lạm dụng giải thích. Sự giải thích ở sau Không thực thì trước cũng sai lầm. Đây tức có sự trở ngại lớn cho nên không dùng. Nay nêu Di-lặc chỉ hỏi điềm lành của hai cõi đây kia trong Tích môn. Văn-thù dùng suy nghĩ đáp, đáp sự trong Tích, không liên quan đến thọ lược, đến sự trong Bản. “Muốn thuyết đại pháp” là giải đáp điềm lành nói pháp. “Mưa đại pháp vũ”: là đáp điềm lành mưa hoa. “Thối loa đại pháp”: là giải đáp điềm lành tâm đại chúng hoan hỷ. “Đánh trống đại pháp”: là đáp điềm lành đất chấn động. “Diễn nghĩa đại pháp”: là giải đáp điềm lành Phật phóng hào quang.

“Muốn thuyết đại pháp”: là nghĩ khi xưa chư Phật sau khi thuyết Vô Lượng Nghĩa, thì khai quyền hiển thật, thâm tóm vô lượng qui về một, và suy ra nay Phật đã thuyết pháp rồi thì cũng nên khai quyền hiển thật, hợp vô lượng để qui về một. Một tức là đại pháp. “Mưa đại

pháp vũ” là nghĩ xưa chư Phật, sau khi trời mưa bốn loại hoa thì đều nhập Viên nhân thập trú thập hạnh, thập hồi hương thập địa, và suy ra nay Phật sau khi mưa hoa đều thành Phật nhân, nhập thập trú, hạnh, hồi hương và thập địa, cho nên nói “mưa đại pháp vũ”. “Thối đại pháp loa”, là nghĩ xưa bốn chúng thấy điềm lành thì hoan hỷ, được điều chưa từng có, lia chướng, tâm chấn động, biến đổi Nhân (người), Giáo, Hạnh, Lý, và suy ra nay chúng hoan hỷ, thì cũng nên lia chướng, tâm chấn động, biến đổi Nhân Giáo Hạnh Lý. Biến đổi sâu xa, nên nói “thối đại pháp loa”. “Đánh trống đại pháp” : là nghĩ xưa sau khi đất chấn động rồi thì có sáu phen phá giác vô minh, và suy ra nay cõi Phật chấn động rồi thì sau đó cũng nên sáu phen phá Hoặc vô minh. Thanh giáo cực kỳ vi diệu, cho nên nói “đánh trống đại pháp”. “Diễn nghĩa đại pháp”, là nghĩ xưa chư Phật sau khi phóng bạch hào quang thì thuyết Pháp Hoa, đây kia đạo đồng, và suy ra nay Phật sau khi phóng quang rồi thì rộng nêu ngũ Phật đạo đồng. Đã là Phật đạo, cho nên nói “diễn nghĩa đại pháp”. Như vậy, năm câu đều là nghĩ xưa xét nay, suy ra nay giống xưa. Hiểu văn kèm theo nghĩa, chỉ thiếu một điềm lành nhập định, mà mưa hoa động đất phóng quang v.v... đều do nhập định mới có, ý thì bao gồm đầy đủ không nhọc công nghi ngờ, thiếu một điều này cho nên gọi là “lược đáp” đó thôi! Nay lại có giải thích khác: một câu đầu nêu tổng, bốn câu sau nêu biệt. Tổng là “đại pháp”, Biệt là “mưa, thối, đánh, diễn” tức khai, thị, ngộ, nhập. Như bầu trời chẳng có lớn nhỏ, chẳng có màu đỏ trắng, mà mưa hoa thì có đỏ trắng...

Như đệ nhất nghĩa chẳng khai thị ngộ nhập, khi thấy lý này tức là chứng khai thị ngộ nhập. Ví như gieo hạt giống được mưa thì bắt đầu nảy mầm, nay nghe mưa đại pháp, hạt giống pháp tánh thấm nhuần, phá vỡ trấu vô minh, đạt Thập trụ, là khai tri kiến Phật. Ví như thối pháp loa, biết là đã biến đổi hiệu, đây cùng với trước đã đạt Thập trụ, nay từ Thập trụ nghe pháp lại biến đổi, nhập Thập hạnh tức Thị tri kiến Phật. Ví như đánh trống, biết điều động binh lính, đây cùng với trước đã ở tại Thập hạnh, nay từ Thập hạnh nghe pháp chuyển tâm, nhập Thập hồi hương, là Ngộ tri kiến Phật. Diễn nói sâu rộng cùng khắp mới gọi là “diễn nghĩa”, đây cùng trước đã ở tại Thập hạnh, nay từ Thập hạnh nhập vào Thập địa, là Nhập tri kiến Phật, đến tận nguồn hết giới hạn, sâu rộng đầy đủ. Nghĩ xưa hiện sáu điềm lành rồi thì khai thị ngộ nhập, suy ra nay có điềm lành thì sau đó cũng nên như vậy. Giải thích rộng phần Suy nghĩ đáp đã xong.

Lược từng thấy đáp: Từ “Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ”

trở xuống. Ban đầu dùng trí mình suy xét, bây giờ dùng Lực thấy để làm rõ chút ít đối với trước, nêu lên đây để giải đáp nghi vấn về cõi khác. Năm điềm lành ở cõi này không chung với cõi khác, chỉ một điềm lành phóng quang chiếu khắp phương Đông. Lực từng thấy đáp, chuyên đáp phóng quang, cho nên biết là đáp phần hỏi cõi kia. Nay thấy như xưa, xưa chỉ như nay. “Đức Phật vì muốn cho chúng sinh đều được nghe biết”, tức là hai tuệ Văn, Tư cũng như hai hạnh Tín, Pháp, mà thu tóm vô lượng qui về một, biến đổi giáo lý tam thừa, sáu phen phá vô minh... Chư Phật đồng khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, cho nên nói “pháp mà tất cả thế gian khó tin”.

Rộng từng thấy đáp: Từ “Như vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp về trước” trở xuống...: Làm rõ phần lực trên, nay rộng đáp nghi vấn cõi này cõi kia. Di-lặc nhân hào quang chiếu, ngang thấy phương Đông, lấy làm câu hỏi. Văn-thù dẫn xưa đọc thấy mà làm câu đáp, ngang đọc hiểu bày chư Phật đồng đạo. Văn chia làm ba phần: Một là: Dẫn một đức Phật đồng. Hai là: Dẫn hai vạn Phật đồng. Ba là: Dẫn một đức Phật sau cùng đồng. Trong phần một Đức Phật trước đồng lại chia làm ba phần: Một là: Nêu rõ thời tiết. Hai là: Nêu danh. Ba là Thuyết pháp. Thời tiết thì như văn. “Có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh” là Nêu danh đồng. Thông hiệu với đức Phật này thì đồng, biệt danh làm sao đồng? Đây phải dùng danh biệt nghĩa đồng để giải thích. Vì sao? Vì “Nhật” là mặt trời trí tuệ, “Nguyệt” là định, định tuệ là đức tự hành. “Đăng minh” là đức hóa tha. Bậc Năng nhân có khả năng định tuệ, có khả năng tự lợi, lợi tha. Lại “Nhật Nguyệt Đăng” là ba trí, đức Phật này cũng có ba trí. Tùy duyên mà xưng khác, nhưng nghĩa không sai khác, cho nên nói danh đồng. Từ “Diễn thuyết chánh pháp” trở xuống, là thuyết pháp đồng. Đức Phật xưa thuyết trước đốn sau tiệm, cùng với đức Phật nay đồng. “Diễn thuyết chánh pháp ban đầu, giữa, sau đều thiện”, tức là đốn giáo. Phàm nói Bảy thiện mới chung Đại thừa tiểu thừa. Tìm văn thì thấy là Bảy điều thiện của Đại thừa. “Ban đầu, giữa, sau cùng đều thiện”, tức là Tựa, Chánh, Lưu thông của Đốn giáo, gọi là Thời tiết thiện, “Nghĩa ấy sâu xa” tức là lý liễu nghĩa của Đốn giáo, hàng Nhị thừa không thể đo lường nổi độ sâu rộng của nghĩa ấy, nên nói “sâu xa”, đó gọi là Nghĩa thiện. “Lời lẽ khéo léo mầu nhiệm” tức là Bát âm theo Đốn giáo; hội lý nói thẳng làm hởi tâm Bồ-tát, tức là văn Đốn giáo gọi là Ngữ thiện: “Thuần nhất không lẫn lộn” là không chung với Nhị thừa, tức là Đốn giáo Độc nhất thiện. “Đầy đủ”, là nêu đầy đủ pháp mẫn tự của giới nội và giới ngoại, tức là Đốn giáo Viên

mãn thiện. “Thanh bạch” là không có dấu vết của nhị biên, tức là Đốn giáo Điều nhu thiện. Gương mẫu về hành thiện. “Tướng phạm hạnh”, thì “phạm” tức là Đốn giáo Vô duyên từ thiện.

Lại “sơ, trung, hậu, thiện” giải thích không đồng. Nay tạm theo một cách giải nghĩa là: Nếu Tiểu thừa lấy giới định tuệ làm tam thiện, thì Đại thừa dùng sơ trung hậu tâm làm tam thiện. Kinh Kim Quang Minh nói : “Tâm ban đầu của Như Lai bất khả tư nghì, tâm giữa của Như Lai đủ mọi thứ trang nghiêm, tâm sau cùng của Như Lai không thể phá hoại”. Đây cũng là ý tam thiện. Văn-thù dẫn cổ Phật thuyết Đốn giáo bầy thiện, cùng với đức Phật nay đốn thuyết bầy thiện đồng, cũng cùng với các cõi khác ban đầu thuyết Đốn giáo đồng. Vì thế, Văn-thù dùng dẫn chứng này để trả lời. Đáp lại điều Di-lặc nhờ hào quang mà ngang thấy Phật cõi khác, nói: “Thánh chúa Sư tử diễn thuyết kinh pháp vi diệu đệ nhất” ở trên, cho nên Văn-thù dọc dẫn việc xưa, nêu đây làm câu đáp, tức là ban đầu đức Phật thuyết đốn pháp đồng.

“Đức Phật vì người cầu đạo Thanh văn mà thuyết pháp tứ đế”, tức là đức Phật xưa sau thuyết đốn pháp, lại khai pháp tiệm giáo, cũng đồng Phật nay. Trên hỏi: “Nếu người gặp khổ mà vì họ nói Niết-bàn”, nay dẫn Phật xưa cũng khai tiệm giáo để đáp câu hỏi kia. “Vì người cầu Bích-chi-phật mà thuyết pháp Thập nhị nhân duyên”, để trả lời câu hỏi trên: Nếu người có phước đức chí cầu pháp thù thắng. “Vì các hàng Bồ-tát mà thuyết sáu pháp Ba-la-mật”, trả lời câu hỏi trên: “Phật tử tu các thứ hạnh”. Đều là dẫn Phật xưa khai tiệm giáo đồng. Ngài Văn-thù đã rộng dẫn từng thấy Phật để đáp câu hỏi về cõi kia. “Khiến đắc Tam-bồ-đề thành nhất thiết chủng trí”, đây là nêu rõ Phật xưa sau khi khai đốn tiệm thì hiển thuyết Thật, cứu cánh từ đầu đến cuối. Đây là đáp câu hỏi: đức Di-lặc thấy Đức Phật cõi khác bát Niết-bàn, sau khi Phật Niết-bàn xây tháp thờ cúng. Như thế dẫn Phật xưa thuyết pháp đến sáu pháp Ba-la-mật, là nêu rõ đức Phật nay đã đồng với đức Phật xưa. Từ “Khiến đắc Tam-bồ-đề ” trở xuống là nói rõ đức Phật này sẽ đồng với đức Phật xưa...

Tiếp đến là phần Dẫn chứng hai vạn Phật danh hiệu thuyết pháp đều đồng. Ban đầu dẫn một đức Phật, nêu đầy đủ đốn tiệm thuyết pháp đồng, giữa nêu hai vạn đức Phật chỉ nêu đốn thuyết đồng, cho nên nói sơ trung hậu đều thiện, sau cùng dẫn một đức Phật chỉ nêu khai tiệm đồng. Sở dĩ như vậy, là vì nêu xen kẻ nhau đó thôi! Chỉ trước có thể biết mà không cần dẫn hai vạn đức Phật, chính là danh tự, thuyết pháp đều đồng, căn cứ nghĩa thì thuận tiện. “Họ Phả-la-đọa”, Trung hoa dịch là

Tiếp Tật, cũng gọi là Lợi căn, cũng gọi là Mãn ngữ.

Dẫn một Đức Phật cuối đồng: Từ “Đức Phật rốt sau cả” trở xuống. Văn chia làm ba phần: Một, là nêu rõ việc từng thấy cùng nay đã đồng. Hai, là nêu việc từng thấy cùng với hiện nay đang đồng. Ba, là nêu việc từng thấy cùng với nay sẽ đồng. “Từng” nghĩa là những cái quen thuộc ở quá khứ. “Đã” là chấm dứt ở quá khứ. “Từng đã”, là lặp đi lặp lại ở quá khứ. Nay lấy việc lâu xa nói là “từng”, việc ít gần đây gọi là “đã”. Dùng sáu điểm lành... gọi là “đang”. Sau khi Phật xuất định, gọi là “sẽ”.

Phần một: từ “Đức Phật rốt sau cả, khi chưa xuất gia có tám vị vương tử” là việc từng thấy cùng với nay đã đồng. Đức Phật xưa có tám vị vương tử. Đức Phật nay có một vị vương tử, số tuy không đồng nhưng đều xuất hiện ở Phạm thánh đồng cư độ. Ở cõi có Kiến Tư hoặc, đều thị hiện có con. Sự có con là đồng. Một hay tám chỉ là tùy duyên mà biểu hiện khác nhau. Sanh một con là tiêu biểu chung cho Nhất đạo thanh tịnh. Sanh tám con là tiêu biểu Tám chánh đạo. Số khác mà nghĩa đồng. Nay chọn nghĩa có con đồng. Lại, con của đức Phật xưa thì xuất gia phát tâm Đại thừa, con của đức Phật nay thì trú quả Tiểu thừa, vậy tại sao đồng? Vì Phật xưa hóa đạo xong rồi hiển rõ Bản sự, cho nên nói phát tâm Đại thừa. Nay chưa phát tích, còn nói La-hán, đến văn dưới phát bản, là Bồ-tát tức nghĩa kia đồng.

Từ “Lúc đó đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thuyết kinh Đại thừa” trở xuống, nêu việc từng thấy cùng với hiện nay đang đồng. Ở cõi đức Phật xưa, xuất hiện sáu điểm lành đều cùng nay đồng, thứ lớp như văn. Sáu điểm lành ở cõi khác của Phật xưa, nói chung đều như nay đang thấy, thì biết xưa đức Phật các cõi khác hiện sáu điểm lành cũng cùng nay đồng. Xưa nêu rõ Biệt tựa, đã có đồng hai Tựa: Hiện tướng và Hoài nghi, mà không có ba Tựa: Tập chúng, Phát vấn và Đáp vấn, là sao? Nếu suy nghĩ ra, tức có ba Tựa ấy. Vì đã nói Phật thuyết pháp thì biết chắc là có Tập chúng, đã có Hoài nghi thì biết sẽ có Phát vấn, nếu có hỏi thì ắt có Đáp vấn. Kể ra hai Tựa mà hẳn nhiên có ba Tựa kia đồng. Lại, nếu thuật lại các trả lời ở chỗ Phật xưa thì không đợi ngài Văn-thù nhọc sức nói ra, mà đã không nói đáp, tức cũng không có hỏi. Nghĩa ấy có thể hiểu.

Từ “Lúc ấy có vị Bồ-tát tên là Diệu Quang” trở xuống, nêu việc từng thấy xưa kia cùng nay sẽ đồng. Văn đây có sáu phần: Một, từ “Lúc ấy có vị Bồ-tát”, là Vì người đồng. Hai, từ “Lúc bấy giờ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định mà khởi xuất”, là thuyết

pháp tên đồng. Ba, từ “Sáu mươi tiểu kiếp”..., là thời gian đồng. Bốn, từ “Thuyết kinh này rồi, liền ở trong chúng Ma, Phạm, Sa-môn”, là xứ sở diệt đồng. Năm, từ “Khi đó có Bồ-tát tên là Đức Tạng”, là thọ ký đồng. Sáu, từ “thì vào nửa đêm nhập Niết-bàn”, là nói diệt độ, lưu thông kinh đồng. Đây là phần một: Thế nào là Vì người đồng? Xưa đức Phật từ trong định xuất, vì Bồ-tát Diệu Quang mà thuyết kinh. Nay đức Phật từ trong định xuất, vì vị Thanh văn tên Thân-tử mà thuyết kinh, vậy sao nói là đồng? Diêu Sư nói: “Vì” là vì ủy thác. Giao phó truyền kinh Nhật thừa, thì không phải là nhắm vào người trực tiếp được Phật chỉ bảo. Đức Phật xưa kia dạy bảo đâu hẳn là nhắm vào Bồ-tát Diệu Quang. Cũng như nay, Phật dạy bảo trực tiếp Thân-tử, chưa hẳn Thân-tử có khả năng truyền bá lưu thông kinh này. Vì ủy thác truyền bá lưu thông, thì không ai bằng Bồ-tát Diệu Quang, cũng như nay thì không ai bằng ngài Văn-thù. Phật nay không khen, thì Phật xưa hà tất phải khen! Văn-thù dẫn chứng Phật xưa khen Bồ-tát Diệu Quang, chính là muốn nói rõ khả năng nhận ủy thác đó thôi. Lại, xưa có một số vị giải thích kinh cho rằng Bồ-tát Dương Vương là người được ủy thác, thì cũng có thể được, chỉ là dẫn xưa để chứng minh nay, có chút ít không giống nhau. Hoặc nói vì Văn-thù giải thích nghi, được đức Phật khởi định thuyết kinh, mà đối với Văn-thù nói không tiện. Nay nói rõ không như vậy, kinh văn tự nói vì Diệu Quang mà chính thuyết, và giải thích vì ủy thác lưu thông. Nếu coi Dương Vương là người được ủy thác, thì chính là công khai chống đối lời Phật dạy, đâu có liên quan gì đến giải thích kinh. Xưa vì Diệu Quang nay vì Thân-tử, chính là đồng người được ủy thác. Xưa tám người con của đức Phật tôn Diệu Quang làm thầy, Như Lai xuất định, trực tiếp bảo Diệu Quang, lại giao phó ủy thác cho Diệu Quang. Nay La-hầu-la con Phật cũng tôn Thân-tử làm thầy, đức Phật trong định ra cũng trực tiếp bảo Thân-tử. Tích môn xong. Lại phó thác cho Thân-tử, tức xưa nay không đều nhau. Lại làm sao hơn đây, nếu như Cận thì vứt bỏ Thân-tử, Viễn thì dùng Dương Vương?

Có người nghi rằng: Diệu Quang là Bồ-tát, Thân-tử là Thanh văn làm sao đồng? Việc xưa đã rõ ràng thì nói là Bồ-tát, việc nay chưa phát thì gọi là Thanh văn. Đến lúc phát Tích thì Thân-tử là đại Bồ-tát, chẳng phải giống nhau thì nghĩa là gì? Xưa Diệu Quang thù tích vì sao lại không làm Thanh văn? Đặc biệt là Văn-thù khéo giải thuyết pháp, phương tiện ẩn hiện đó thôi.

Từ “Bây giờ đức Phật Nhật Nguyệt”... là Phần hai: thuyết pháp tên đồng; như văn trên Di-lặc thấy cõi khác ban đầu đốn, sau đốn thấy

tiệm, sau tiệm thấy các thứ hạnh, sau hạnh không có cảnh, sau thấy đức Phật nhập Niết-bàn. Nay Văn-thù đáp từng thấy đức Phật ban đầu đốn, sau đốn là tiệm, sau tiệm nói các thứ hạnh, tức là thấy Pháp Hoa. Như thế sau khi hiện sáu điềm lành kia rồi thì thuyết kinh Pháp Hoa, thuyết Pháp Hoa rồi thì nhập Niết-bàn, đây là rõ ràng quyết định đáp câu hỏi của cõi nước kia.

Từ “Sáu mươi tiểu kiếp”... là Phần ba: thời tiết đồng. Như văn dưới nói: “năm mươi tiểu kiếp nghĩa là như nửa ngày” tức là đồng vậy.

Từ “Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh” xuống là Phần bốn: nói diệt đồng. Xưa thuyết Pháp Hoa xong xưng nhập diệt cũng như đức Phật Ca-diếp... Nay Phật thuyết trong phẩm Bảo Tháp “Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”, tức việc hóa đạo đã đủ nên đề xưng diệt độ, sự đồng.

Từ “Khi ấy có Bồ-tát”... là Phần năm: Thọ ký đồng. Xưa thọ ký cho Đức Tạng Bồ-tát, kinh này thọ ký cho hàng Thanh văn, sao được gọi là đồng? Việc xưa đã thành, cho nên nói thọ ký Bồ-tát, nhưng chính là hội tam qui nhất, Thanh văn cũng được thọ ký vậy. Nếu nói xưa thọ ký cho hàng Thanh văn, đức Phật khởi định thuyết, thì còn gì để bàn luận nữa? Văn-thù khéo giới luận đàm cho nên không phát tích đó thôi! Nếu nói thọ ký cho hàng Bồ-tát, thì các kinh đều như vậy, thế thì người chấp giáo chưa kinh sợ v.v...

Từ “Đức Phật thọ ký xong” là Phần sáu: Lưu thông kinh đồng. Văn chia làm năm phần: Một, là Thời tiết tức sau khi đức Phật diệt độ. Hai, là xuất hiện người kia tức là Diệu Quang. Ba, là gần lâu tức tám mươi tiểu kiếp. Bốn, là Chúng được hóa độ tức tám vương tử và tám trăm đệ tử. Năm, là Kết hợp xưa nay, tức Cầu Danh Diệu Đức đồng vậy. Phần bốn: chúng được hóa độ, lại có hai phần:

1. Tám vương tử tu hành thành Phật đã lâu.

2. Một trong tám trăm đệ tử mới thành ngôi Bồ xứ hiện nay.

Sở dĩ dẫn tám vương tử và tám trăm đệ tử, gần thì giải thích nghi và mật khai thọ lượng. Giải thích nghi: Hoặc nói Di-lặc Bồ xứ, là lớn, Văn-thù không phải Bồ xứ là nhỏ. Nhỏ không nên đáp, lớn không nên hỏi, cho nên nêu ra tám trăm thì có lẽ có người nên hỏi; Diệu Quang xưa thân gần đối với Phật, trước lại làm thầy cho nên giải thích nghi chẳng lầm lẫn. Mật khai thọ lượng: Tám vị vương tử đều thành Phật, vị sau cùng hiệu là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng là Định Quang, Diệu Quang là tổ sư chín đời của đức Thích-ca. Cháu nay thành Phật, Sư tổ làm đệ tử. Thầy trò không cố định, là muốn ngầm nêu cái ý sinh mà không

sinh, diệt mà không diệt.

Hỏi: Xưa đức Di-lặc thấy chư Phật từng nghe Pháp Hoa, vì sao còn nghi hỏi?

Đáp: Vì tùy thời hợp căn cơ chúng, nên phải phát hỏi.

Phân minh phán xét đáp : Từ “Nay thấy điem lành này” trở xuống. Sáu điem lành xưa và nay đã đồng. Nghĩ suy quyết định không lầm lẫn. Lược từng thấy và Rộng từng thấy đều quyết định. “Sẽ thuyết kinh Đại thừa” là quyết định điem lành về thuyết pháp ở trước. “Tên là Diệu Pháp Liên Hoa” là quyết định điem lành mưa hoa ở trước. “Giáo Bồ-tát Pháp” là quyết định điem lành chúng vui mừng ở trước. “Phật Sở Hộ Niệm” là quyết định điem lành đất chấn động ở trước. Điem lành Phật nhập định đều bao gồm ở trong đó. Có người cho rằng đã đồng sẽ đồng, mà không cho là nay đồng. Căn cứ kinh văn nói: “Nay thấy điem lành này cùng với xưa không khác”, thì đây chính là nói đối với nay. Thế thì tại sao nói sáu điem lành mà cho là đã đồng? Căn cứ văn đây gọi là nay đồng, cho nên giải thích ba thứ đồng.

Tụng có bốn mươi lăm hàng kệ, không tụng phần Suy nghĩ và Lược từng thấy đáp, chỉ tụng phần Rộng từng thấy đáp, và chỉ tụng trước, sau, không tụng giữa. Văn chia làm ba phần: Phần một: có hai hàng tụng thời tiết, danh hiệu, thuyết pháp đồng. Phần hai: từ “Lúc Phật chưa xuất gia” trở xuống, có ba mươi chín hàng kệ, tụng đức Phật sau cùng có ba thứ đồng. Phần ba: có bốn hàng tụng là quyết định đáp. Trong phần hai tụng ba thứ đồng, lại chia làm ba: Một: một hàng kệ, tụng việc từng thấy cùng nay đã đồng. Hai: mười lăm hàng rưỡi, tụng việc từng thấy cùng nay đang đồng. Ba: hai mươi hai hàng rưỡi, tụng việc từng thấy cùng nay sẽ đồng.

Từ “Phật thuyết kinh Đại thừa” trở xuống, mười lăm hàng rưỡi tụng hiện nay đồng, lại chia làm hai: Một: mười bốn hàng, tụng sáu điem lành của cả hai cõi. Hai: từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” trở xuống, một hàng rưỡi là tụng Bốn chúng ôm lòng nghi.

Trong mười bốn hàng kệ lại chia làm hai phần: Một: bốn hàng kệ, tụng sáu điem lành cõi này đồng, mà ở phần trước hàng thiếu câu “Trống trời tự nhiên vang” là tiêu biểu không ai hỏi mà đức Phật tự thuyết. “Hiện các việc hi hữu” tức tổng tụng các điem lành. Hai: từ “Ánh sáng chiếu phương Đông” có mười hàng tụng ở cõi khác sáu điem lành đồng. Văn trước hàng chỉ nói: “Như nay đang thấy ở cõi Phật đây”, văn xuôi thì lược, tụng thì rộng. Văn này chia làm năm phần. Phần một: ba hàng tụng thấy chúng sinh trong sáu đường đồng. Phần

hai: từ “Lại thấy các Như Lai” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thấy Phật đồng. Phần ba: từ “Thế Tôn trong đại chúng” trở xuống, nửa hàng, tụng nghe Phật thuyết pháp Đốn giáo bảy thiện đồng. Phần bốn: từ “Mỗi mỗi các cõi Phật” trở xuống, ba hàng, tụng thấy các vị tam thừa như Thanh văn v.v... tức là đức Phật xưa khai pháp Tiệm giáo đồng. Phần năm: từ “Lại thấy các Bồ-tát” trở xuống, hai hàng, tụng thấy các thứ nhân duyên tu hành Bồ-tát, tức là tụng khai giáo Phương đẳng Bát-nhã đồng. Phần một gồm ba hàng, như văn. Phần hai gồm một hàng rưỡi, giải thích. “Tự nhiên thành Phật đạo”, phương tiện đạo thì là gia tâm tu tập, phát chân thật đạo tức là không cần dụng công, chỉ tùy thuận sự tự nhiên của các pháp mà vẫn phù hợp với lý tánh. Căn cứ theo bốn giáo có thể biết..

Hỏi: Phát sinh đạo chân thật ấy nếu tự nhiên, thì đâu cần chư Phật thuyết pháp?

Đáp: Như thuyền thuận dòng, nếu gặp gió lại thêm sức chèo thì nhanh chóng đến nơi. Gió dụ cho thấy Phật nghe pháp. Chèo dụ cho sự tu hành. Thí dụ như hàng Sơ quả nhậm vận bảy phen sinh trở lại, nếu được gặp Phật gia công tu hành thì chỉ còn một hoặc hai phen sinh trở lại rồi đắc đến quả vô học... “Tự nhiên thành Phật đạo” là báo thân, lưu ly” là pháp thân vốn tịnh, “kim tượng” là ứng vật hiện hình. “Thế Tôn trong đại chúng, diễn bày nghĩa pháp sâu”: nửa hàng này nhờ pháp mà biết căn cơ người. Pháp đã sâu xa mâu nhiệm hẳn biết nhất định là chuyển căn cơ Đại thừa khai Đốn giáo. Đây là tụng phần văn: “Thuần nhất không tạp, bảy điều thiện” bên trên.

Ba hàng kết từ “Mỗi mỗi các cõi Phật, chúng Thanh văn vô số” trở xuống, tức nhờ người mà biết pháp. Người đã là Nhị thừa, ắt biết khai Tam tạng thuyết, tức là tụng văn xuôi: “vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp tứ đế” bên trên. Tuy không tụng Duyên giác nhưng gồm nhiếp trong đó. “Hành thí nhẫn nhục đẳng”, “đẳng” là chỉ bốn độ kia vậy. Một hàng tụng đây là nói về lục độ Đại thừa bên trên. “Lại thấy hàng Bồ-tát, thâm nhập các thiền định” trở xuống, hai hàng là phần năm: tụng thấy hàng Bồ-tát các cõi khác và các thứ nhân duyên tín giải tướng mạo, lược không tụng đáp việc xây tháp bên trên. Văn trên không thấy tướng Pháp Hoa ở các cõi khác. Tiếp đây là thấy xây tháp, nay đáp thấy tướng Pháp Hoa xuất hiện, cho nên việc nhập diệt xây tháp sau sẽ đáp. Từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” trở xuống, một hàng rưỡi: nhắc lại sự nghi ngờ của bốn chúng ở cõi Phật xưa, như văn.

Từ “Đấng người trời kính thờ” trở xuống, hai mươi hai hàng rưỡi,

tụng việc từng thấy cùng nay sẽ đồng. Văn chia làm sáu phần: Một là: hai hàng hai câu, tụng người nhận ủy thác đồng. Hai là: “Liên thuyết kinh Pháp Hoa” một câu, tụng thuyết pháp đồng như trên. Ba là từ “Đủ sáu mươi tiểu kiếp” trở xuống, một hàng và một câu, tụng thời tiết đồng. Ước tính trí tuệ trải qua các kiếp lâu dài không thể nghĩ bàn, mà suốt thời gian này Diệu Quang đều thọ trì pháp của Phật xưa, cũng như Thân-tử thọ nhận sự phó chúc của đức Phật Thích-ca. Bốn là từ: “Phật thuyết Kinh Pháp Hoa” trở xuống năm hàng, tụng trên là xướng diệt đồng, tức đáp ý chư Phật các cõi nhập diệt ở bên trên. Theo văn đây có xướng diệt có chúc lụy. Chúc lụy như kinh Di Giáo. Có thương xót khóc lóc như trong kinh Niết-bàn. Có an ủi vỗ về cũng như trong kinh Di Giáo, người đắc độ thấy đều được độ, người chưa được độ thì tạo nhân duyên được độ, cũng như đức Phật đây sẽ giao phó cho Di-lặc... Năm là từ “Đức Tạng Bồ-tát đây”, trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thọ ký bên trên. Sáu là từ “Đêm đó Phật diệt độ” trở xuống, mười hai hàng, tụng lưu thông kinh bên trên. Phần này lại chia làm năm. Một là: Có hai hàng tụng thời gian sau khi Phật diệt độ, bốn chúng được lợi ích như ở trên. “Như củi hết lửa tắt”, theo Tiểu thừa, thì Phật lấy thân quả báo làm củi, trí tuệ làm lửa, tuệ y cứ báo thân, thân diệt trí mất. Theo Đại thừa, thì Phật lấy căn cơ làm củi, ứng hợp làm lửa, chúng sinh căn cơ hết thì ứng hình cũng diệt. “Lại càng thêm tinh tấn”, nên dùng diệt độ để độ người. Hai là từ: “Diệu Quang Pháp sư ấy” có hai câu, tụng người năng hoằng hóa kinh bên trên. Ba là từ “Trong tám mươi tiểu kiếp” có hai câu, tụng thời gian thuyết kinh. Bốn là từ “Tám vị vương tử ấy” có tám hàng tụng đệ tử được lợi ích, lại chia làm hai phần: Ba hàng đầu tụng đệ tử đã thành Phật. Năm hàng kế tiếp từ “Diệu Quang Pháp sư đó” trở xuống, tụng đệ tử sẽ thành Phật. Năm là từ “Sau Phật kia diệt độ” có một hàng, tụng kết hợp xưa nay. Bốn hàng kế sau, xưa gọi là kết thành khiến vạn vật ngưỡng mộ, nay giải thích không như vậy.

Văn trường hàng trên có Phân minh phán đáp, tức văn tụng này. Văn chia làm ba:

1. Từ “Ta thấy Phật Đấng Minh” trở xuống, có một hàng, tụng lại văn trên “sẽ thuyết kinh Đại thừa”.

2. Từ “Tướng nay như điềm xưa” trở xuống, hai hàng tụng văn trên: “giáo Bồ-tát pháp”.

3. Từ “Các người cầu tam thừa” trở xuống, một hàng tụng văn trên: “được Phật hộ niệm”, xem văn có thể biết. Lại, trước ngài Di-lặc giải thích bốn phục nạn khiến cho Văn-thù ất phải có đáp, trong đó là

Văn-thù đoạn trừ bốn phục nghi, khiến cho Di-lặc chẳng hỏi lại nữa. Nghi thứ nhất: Nhân Văn-thù rộng dẫn đức Phật trước từng thuyết kinh Pháp Hoa, cho nên Di-lặc ngầm nghi muốn hỏi : “Chư Phật phó duyên cho người thời đều có sự sai khác. Cổ Phật tuy nói tên Pháp Hoa, Phật nay đâu hẳn giống như thế?” Văn-thù liền dùng bài kệ thứ nhất để đoạn nghi: “Tôi thấy Phật Nhiên Đăng, điềm sáng trước như thế”, cho nên biết Phật nay, muốn thuyết kinh Pháp Hoa, đây là đoạn nghi câu hỏi về tên kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi, vì có tên đồng nghĩa đồng, và có tên đồng mà nghĩa khác, tên đây hiển bày loại nào? Văn-thù liền dùng bài kệ thứ hai để đoạn, rằng: “Tướng nay như điềm xưa, là phương tiện của Phật, nay Phật phóng ánh sáng, giúp bày nghĩa thật tướng”. Đây là trả lời câu hỏi để đoạn nghi về thể của kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi: “Thật tướng vô tướng, người làm sao hiểu?” Văn-thù liền dùng bài kệ thứ ba để đoạn nghi: “Các người nay nên biết, chấp tay một lòng chờ, Phật sẽ rưới mưa pháp, đầy đủ người cầu đạo”, đây là trả lời câu hỏi để đoạn nghi về tôn chỉ Kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi: “Phật rưới mưa pháp chỉ thấm ướt Bồ-tát, cũng thấm ướt Nhị thừa ư?” Văn-thù liền dùng bài kệ thứ tư để đoạn nghi: “Các người cầu Tam thừa, nếu có chỗ nghi ngờ, Phật sẽ dứt trừ cho, khiến hết không còn thừa”. Đây tức trả lời câu hỏi để đoạn nghi về dụng. Di-lặc liên tiếp gây sự nghi, Văn-thù nhiều lần đoạn sự phiền nhiễu ấy, đã sự cùng lý tận tức được yên lòng. Có thể gọi là khéo léo trong việc vấn đáp, cả hai thứ trang nghiêm. Ngài Quang Trạch chỉ biết thuật lại. Kiểm sư giải thích bốn thứ phục nạn, khiến Văn-thù cần phải trả lời, làm nổi bật sự khéo léo của Di-lặc mà không thấy Văn-thù giải thích bốn phục nghi khiến Di-lặc không thể hỏi tiếp bởi vì ngưỡng mộ tài năng của Diệu Đức (tức Văn-thù). Nghĩa này rút ra chính từ Tổ Thiên Thai, không phải được truyền từ số khác. Như bảo với các Hiền giả đời sau đừng ngăn cản người có khả năng phát triển nghĩa thêm. Từ ngài Kiểm sư về sau trong vài trăm năm, người giảng Pháp Hoa nhiều vô số, có thể có người thấy được ý này chưa? Nếu chưa, thì làm sao phát triển?!

Phẩm Thứ 2: PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Giải thích phẩm này có lược có rộng.

I. LƯỢC chia làm hai:

1. Tóm lược.
2. Liệt giản.

Thứ nhất: Tóm lược: “Phương” là pháp, “Tiện” là dụng. Pháp thì có vuông tròn. Dụng thì có cơ hội khác nhau. Tam quyền là khuôn phép là vuông. Nhất thật là khuôn tròn là tròn, nếu trí hướng đến khuôn phép vuông, thì khéo dùng thiên pháp hợp cơ duyên chúng sinh. Nếu trí hướng đến khuôn tròn, thì khéo dùng viên pháp hợp cơ duyên chúng sinh. Ví như theo ngón tay chỉ một phía, thì chỉ thấy một phía, đó là nêu thiên pháp dùng mục trí, tức là dùng Pháp để giải thích “Phương”, đem Dụng để giải thích “Tiện”. Nếu chỉ chung hết cả, thì thấy khắp chỗ viên mãn, tức là đem pháp bí mật để giải thích “Phương”, đem Diệu để giải thích “Tiện”. Nêu pháp thiên lệch để giải thích “phương tiện”, là vì chúng sinh ham muốn chữ chẳng phải bản hoài của Phật. Như kinh dạy: “khiến lìa các chấp đắm vượt khổ trong ba cõi”. Thế nên, Như Lai ân cần xưng tán phương tiện. Nghĩa đây có thể giải thích ý các kinh khác, không phải ý phẩm này. Lại phương tiện là môn vậy. Môn gọi là năng thông, thông các sở thông. Phương tiện quyền lược đều là giả dẫn. Vì chân thật mà làm môn, để chân thật được hiển bày, thế thì công do phương tiện. Từ năng hiển mà được tên, cho nên dùng môn mà giải thích phương tiện. Như kinh “khai phương tiện môn, chỉ bày tướng chân thật”, nghĩa này có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải ý phẩm này. Lại, “Phương” là bí mật, “Tiện” là diệu. Diệu đạt nơi phương, tức là chân thật bí mật. Dạy bảo : Hãy nhận “hạt châu vô giá trong áo lót” (nội y lý vô giá chi châu). Hạt châu này cùng với hạt châu trên đỉnh đầu của vua, chỉ là một, không hai không khác. Chỉ gã cùng tử và bảo với mọi người rằng: Hấn là con ông Trưởng giả, không hai không khác. Nói như thế, là bí mật là diệu. Như kinh nói: “Chỉ có ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng như vậy”. “Thôi thôi! không cần nói nữa, pháp của ta vi diệu khó hiểu”. Cho nên, dùng nghĩa Bí mật để giải thích “Phương”, dùng nghĩa Diệu để giải thích “Tiện”, chính là ý của phẩm này, cho nên nói “phẩm Phương Tiện”.

Thứ hai: Giải thích, có ba bước: Ban đầu giải thích là “Phương tiện ngoài thế”, quyền hóa vật, tùy theo ý người khác mà nói. Tiếp đến, giải thích cũng là “Phương tiện ngoài thế”, quyền tự hành hóa tha, tùy theo

ý mình và ý của người khác mà nói. Sau, giải thích là “Đồng thể phương tiện”, tức là quyền tự hành, chỉ theo ý của mình mà nói.

Ban đầu, giải thích Phương tiện chẳng phải năng nhập chẳng phải sở nhập. Tiếp đến, giải thích Phương tiện là năng nhập, chẳng phải sở nhập. Sau, giải thích Phương tiện là sở nhập chẳng phải năng nhập. Cho nên, phải biết rằng tên tuy đồng mà nghĩa thì hoàn toàn khác. Người đời phần nhiều không thấy ý này, mà chỉ rộng thích phẩm Phương Tiện.

Hỏi: Phương tiện cùng với quyền, là thế nào?

Đáp: có bốn câu phân biệt:

1. Tự có phương tiện phá quyền.
2. Quyền phá phương tiện.
3. Phương tiện tu quyền, quyền tu phương tiện.
4. Phương tiện tức quyền, quyền tức phương tiện.

Phương tiện phá quyền: bốn thứ đều là phương tiện bí mật vi diệu, phương tiện này phá quyền tùy theo ý người khác. Quyền phá phương tiện: quyền là quyền đồng thể, phá phương tiện ở ngoài thể. Tương tu ấy cũng có thể hiểu. Tương tức ấy cũng có thể hiểu. Ba câu đầu có thể giải thích kinh khác, câu thứ tư là ý phẩm này. Cho nên kinh Chánh Pháp Hoa gọi là Phẩm Thiện Quyền. Quyền tức phương tiện, không hai không khác. Cúi đầu, gơ tay, đều thành Phật đạo. Phương tiện thiện quyền đều là chân thật.

II. GIẢI THÍCH RỘNG: Trước hết nêu ra xưa giải thích năm thời quyền thật, mười hai năm trước chiếu sự vô thường là quyền, chiếu lý vô thường là thật, chỉ A-tỳ-đàm. Nay cho rằng Thích luận phá vô thường là pháp đối trị, đều thuộc tam Tát-đàn. Sao nói có thật ư? Chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Sau mười hai năm thì Bát-nhã chiếu “giả có” là quyền, chiếu “giả có tức không” là thật, Thích luận cũng phá nghĩa này, quán niệm tướng đã trừ, pháp ngôn ngữ đều diệt. Chiếu “giả có tức không”, thì cũng như quán tướng đó thôi, chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp theo là kinh Tịnh Danh và kinh Tư Ích: bên trong thì tranh luận, soi rõ “hai cảnh Không và Có” làm thật trí, bên ngoài thì biến động ứng dụng làm quyền trí. Nay nói rằng: “bên trong xem xét, bên ngoài ứng dụng” là hai, chẳng phải nhập môn bất nhị, chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp nữa Pháp Hoa chiếu Tam tam (Tam nhân, Tam cơ, Tam giáo) là quyền, chiếu Tứ nhất là thật (Tứ nhất: giáo nhất, hành nhất, nhân nhất, lý nhất). Nay cho rằng tam quyền nhất hướng không hội nhập thật, nhất thật không liên quan đến tam quyền, cũng chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp, kinh Niết-bàn thì cho rằng

“vô thường trước Kim Cang” là quyền, và “thường sau Kim Cang” là thật. Nay nói: “đạo tiền chân như” cũng là thường, “đạo hậu như lượng trí” cũng là quyền. Năm thời quyền thật đó chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Cho đến hai trí Quyền Thực bán mãn mà bốn tông chỉ đã nói, không phải chỗ dùng của kinh này. Lại có người giải thích: phương tiện là quyền, “như vậy thật” là đúng thật. Lại, phương tiện là quyền xảo, thật là trí tuệ. Lại, phương tiện là quyền giả, giả ba xe ở ngoài cửa. Lại, phương tiện là quyền nghi, vì thích nghi thuyết tam thừa. Lại, quyền là tên gọi của Thí dụ. Thí dụ như quả cân, trước là phép tắc, ở chỗ coi trọng (nó) vẫn là phép tắc, ở chỗ coi nhẹ (nó) vẫn là phép tắc, bình thường, hợp với Phật trí chiếu soi quan sát xứng lượng. Các giải thích như vậy, mỗi mỗi dùng một cách. Quyền như vậy, quyền giả thì căn cứ xử sở. Quyền nghi thì theo pháp môn. Quyền xảo ví như quả cân, dựa theo trí năng. Tất cả cách giải thích đó thì nghĩa không bao hàm, không dung thông vi diệu, không thể dùng để giải thích phẩm này.

Lại, có người dùng bốn loại nhị tuệ: Loại một: một là quyền, một là thật. Loại hai: hai trí quán Không và Có: quán Không, thì chẳng chứng, là Nhị thừa; quán Có thì chẳng nhiễm, ra khỏi phàm phu. Loại ba: “tĩnh lặng bên trong cái Không và Có” là thật, cái dụng bên ngoài là quyền. Loại bốn: Vô thường trước Kim-cang là quyền, Thường sau Kim-cang là thật. Hai tuệ đầu khiến sinh tín, hai tuệ thứ hai khiến sinh giải, hai tuệ thứ ba khiến hóa tha, hai tuệ thứ tư là quả. Các nhị tuệ này gồm có ba phen chuyển: Phen thứ nhất: coi Có là tục, Không là chân. Phen thứ hai: coi Không và Có là tục, phi Không phi Có là chân. Sau cùng Không và Có là nhị, phi Không phi Có làm bất nhị. Nhị và bất nhị, đều là tục, phi nhị phi bất nhị, là chân. Giáo trí cũng như thế. Vì sao vậy? Vì Vị nhân Tất-đàn, do có người trước nghe chẳng ngộ, sau nghe liền ngộ, cho nên nhị đế không đồng. Lại đức Như Lai thường nương nhị đế mà thuyết pháp, cho nên nhị đế có ba môn. Lại, giáo lý Phật tuy nhiều mà không vượt ngoài ba môn. Lại, dần dần mà dẫn dắt chúng sinh. Bởi vì phàm phu chấp tâm hình là thật, cho nên dạy họ rằng tâm hình đó chẳng thật, mà pháp tánh Không mới là chân. Phàm phu liền xả Có chấp Không, nên Phật dạy Không và Có đều là tục, phi Không phi Có mới là chân. Họ xả nhị biên, lại đắm Trung đạo, cho nên lần thứ ba dạy viễn ly nhị biên không chấp đắm Trung đạo, mới là chân. Đây gọi là ngũ thừa nhân. Ban đầu dẫn phàm phu sinh tín là chấp Có, tiếp đến dẫn Nhị thừa khiến nhập Trung đạo. Tiếp nữa, dẫn Bồ-tát khiến Trung đạo thiên kiến đều xả. Lại, vì người học Trung đạo mà nói ba

giả là thế tục, ba giả Không là chân, đây chỉ hiểu được ý ban đầu. Tiếp đến, chẳng phải ba thứ Giả, Không, Có, đều là tục, chẳng phải Không chẳng phải Có là chân... Nay nói rõ giải thích như thế là bên cạnh ngũ thời mà hiển bày ý mình, là từ chối từng bước leo lên các bậc thang, là không hợp lý vậy! Có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải ý của phẩm này.

Kinh dạy: “Đều khiến cho chúng sinh thấy đều nhìn thấy”. Dù trước hay sau lúc nào mà khai ngộ không đồng? Lại nói “chính trực xả phương tiện”, thì sao lại dùng tiệm thứ (dần dần) hợp với viên diệu? Lại nữa, ban đầu dẫn sinh tín, sinh giải, hóa tha, quả... đâu có liên quan gì đến ý ngộ nhập của kinh này? Như ngài Thiên Thân nêu mười bảy tên gọi, tên gọi thứ mười ba là Đại Xảo Phương Tiện. Lại, Kinh Đại Thừa Phương Tiện nêu tên của mười thứ phương tiện, tên thứ chín là Thiệu xảo phương tiện, chuyển đổi nhị thừa khiến nhập Đại thừa phương tiện Ba-la-mật. Nên biết phẩm này chính là Như Lai phương tiện, thâm nhiếp hết thủy pháp, như hư không bao trùm sắc, như biển thâm nạp các dòng. Há có thể lấy một nhánh một phái của các sư mà giải thích toàn bộ pháp giới? Nay nêu rõ quyền thật, trước hết làm bốn câu: tất cả pháp đều là quyền, tất cả pháp đều là thật, tất cả pháp cũng quyền cũng thật, tất cả pháp phi quyền phi thật. Tất cả pháp đều là quyền: Như văn nói: “Các pháp tướng như vậy, tướng như vậy, thể như vậy, lực như vậy, bản mặt... như vậy”, do đó có nói thì đều là quyền. Tất cả pháp đều là thật: Như văn: “Như Lai khéo thuyết các pháp, lời lẽ êm dịu làm vui đẹp lòng chúng”. Lòng chúng lấy hội nhập thật làm vui. Lại, “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng”. Lại nói: “Những lời Như Lai thuyết đều đạt đến Nhất thiết trí địa”. Lại nói: “đều thật, không hư dối”. Lại bốn câu trong Đại kinh đều là bất khả thuyết. Tất cả pháp cũng quyền cũng thật: Như văn nói: “Các pháp như thật tướng”, là nêu cả hai tất cả cũng quyền cũng thật. Thí dụ như quán bất tịnh, cũng quyền cũng thật...



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

(Phần Hạ)

Tất cả pháp phi quyền phi thật: Văn nói “Không như không dị”, lại nói “Cũng không hành pháp thượng trung hạ, pháp hữu vi vô vi, thật không thật”. Không hư không thật, là như thật tương. Nếu tất cả pháp đều quyền, thì có pháp nào mà không phá? Dù khiến trăm ngàn vị sư, mỗi một vị sư tạo trăm ngàn thứ thuyết, cũng đều là quyền. Những điều Như Lai thuyết, cũng là quyền, huống là thầy của con người thuyết thì đâu được chẳng quyền? Như trước đã nói cái gì nêu ra đều là quyền. Nếu tất cả pháp đều thật, thì có chỗ nào mà không phá? Chỉ một sự này thật, có cái thứ hai nào khác thì không phải chân. Chỉ một đạo cứu cánh, đâu được nhiều đạo cứu cánh! Như trước nêu, các sư đều phá nhập thật, đâu lại giữ gìn sào huyết kia ư? Nếu tất cả pháp cũng quyền cũng thật, thì có pháp nào mà không phá? Tất cả đều có quyền có thật, đâu được tự cho là một đường chẳng phải đường khác, hiểu khác. Trong mỗi một pháp đều có quyền thật, không được hoàn toàn quyền hoàn toàn thật. Nếu tất cả pháp phi quyền phi thật, thì có pháp nào mà không phá? Sao lại phân vân, gượng sinh mà kiến lập pháp? Dù chỉ diễn tả theo lệ thường mà còn như đây, xa xem sự mâu nhiệm rộng rãi minh mông sáng suốt theo như đây, huống chi luận về chỉ thú ư! Nay căn cứ câu “có quyền có thật” lại chia làm mười pháp. Trong mười pháp làm tám phen giải thích:

1. Nêu tên mười pháp.
2. Sinh khởi.
3. Giải thích.
4. Dẫn chứng.
5. Kết mười pháp làm ba thứ quyền thật.
6. Phân biệt ba thứ quyền thật chiếu ba thứ nhị đế.
7. Căn cứ các kinh xét quyền thật.
8. Căn cứ Bản Tích xét quyền thật.

1. *Nêu tên mười pháp*: Sự lý, lý giáo, giáo hạnh, phước thoát, nhân quả, thể dụng, tiệm đốn, khai hợp, thông biệt, Tất-đàn, tức là mười thứ danh.

2. *Sinh khởi*: Từ gốc Vô trụ mà lập tất cả pháp. Vô trụ là lý, tất cả pháp là sự. Có lý sự, cho nên có giáo. Do giáo cho nên có hạnh. Do hạnh cho nên có phước thoát. Do thoát cho nên thành nhân quả. Do quả cho nên hiển bày thể dụng. Do có dụng cho nên có giáo hóa tiệm đốn. Do khai tiệm đốn cho nên có khai hợp. Do có khai hợp cho nên có lợi ích thông biệt. Do phân biệt hai thứ lợi ích cho nên có tứ Tất-đàn. Đó gọi là mười chương thứ tự...

3. *Giải thích*: Lý là chân như, chân như vốn tịnh, dù có Phật hay không Phật thì nó vẫn thường không biến đổi, nên gọi lý là thật. Sự là các tâm ý thức khởi tịnh, bất tịnh nghiệp. Vì biến động bất định, nên gọi sự là quyền. Nếu không có lý, thì không thể lập sự. Nếu không có sự, thì không thể hiển lý. Sự có công hiển lý, cho nên ân cần xưng tán phương tiện. Lý giáo, gộp chung lý sự trước đều gọi là lý, thí dụ như chân tục đều gọi là đế, thể của chư Phật mà được thành Thánh, Thánh là chánh thật vậy. Muốn dùng pháp mình mà độ chúng sinh, nhân lý mà thiết lập giáo, giáo tức quyền. Không có giáo thì không thể hiển rõ lý. Hiển lý do giáo, vì vậy cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện...

Giáo hạnh: y giáo cầu lý thì sinh chánh hạnh. Hạnh có tiến thú sâu cạn sai khác, cho nên hạnh gọi là quyền. Giáo không có tiến thú sâu cạn sai khác, cho nên giáo gọi là thật. Không có giáo, thì không thể lập hạnh. Không có hạnh thì không hội nhập giáo. Hội nhập giáo do hạnh, cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện...

Phước thoát: Hạnh trái lý thì bị phước (trói buộc). Phước là hư vọng, cho nên gọi là quyền. Hạnh thuận lý thì sinh giải thoát. Giải trừ ngu tối về lý, nên gọi là thật. Không có phước, thì không do đâu mà cầu thoát. Được thoát do phước. Như nhờ vào tử thi vượt qua biển, tử thi có sức cứu giúp ta đến bờ, cho nên khen ngợi phương tiện.

Nhân quả: Nhân có tiến thú tạm thời dùng, cho nên gọi là quyền. Quả có đích cuối cùng thành tựu vĩnh viễn chứng cho nên gọi là thật. Không có quả, thì nhân không có chỗ trông mong. Không có nhân, thì quả không tự hiển bày. Đó là lấy hai loại quán làm phương tiện đạo. Đoạn Hoặc thành nhân, được nhập quả Trung đạo giải thoát. Nếu không có hai loại quán thì làm sao khế hợp với Trung đạo? Quả do nhân mà thành, nên khen ngợi phương tiện.

Thể dụng: Trước phương tiện là nhân, chánh quán nhập trụ là quả,

trụ xuất là thể dụng. Thể tức thật tướng, không có phân biệt. Dụng tức lập tất cả pháp sai khác không đồng. Như đất sinh ra hạt giống, chẳng phải đất thì không thể sinh được, không sinh thì chẳng thể hiển bày. Dựa vào dòng mà được nguồn, nhờ dụng mà biết thể. Dụng có công hiển thể, cho nên khen ngợi phương tiện.

Tiệm đốn: Tu nhân chứng quả, từ thể khởi dụng đều có tiệm đốn. Nay nêu khởi dụng. Dụng tiệm là quyền dụng, đốn là thật. Nếu chẳng có tiệm dẫn, thì không do đâu nhập đốn. Từ tiệm mà đắc thật, cho nên khen ngợi phương tiện.

Khai hợp: Từ đốn khai tiệm, tiệm tự nó không hợp cũng không hợp đốn, cho nên gọi là quyền. Tiệm khiến cứu cánh trở lại hợp với đốn, cho nên gọi là thật. Do khai cho nên hợp. Khai có lực hợp từ khai mà thọ tên, cho nên khen ngợi phương tiện.

Thông biệt lợi ích: Thông thì bán tự chữ lợi ích vô thường. Biệt thì mãn tự lợi ích thường trụ. Nhưng “Thường” giúp ích cho đạo tăng trưởng, tâm hoan hỉ thì không còn ý muốn thoái lui, cho nên dùng hóa thành để tiếp dẫn, làm cho chúng sinh tưởng là an ổn, rồi sau khi dừng ở hóa thành thì dẫn đến bảo sở. Nếu không có lợi ích của “bán” thì không hợp với thường. “Bán” có công hiển bày “mãn” cho nên khen ngợi phương tiện.

Tứ Tất-đàn: Ba thứ Tất-đàn thuộc thế gian, thì gọi là quyền. Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thuộc xuất thế gian, cho nên gọi là thật. Không có thế gian thì không có xuất thế gian, do ba thứ Tất-đàn mà được Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, vì vậy cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện. Phải dùng bốn câu giải thích mười phen về quyền thật. Ba phen là ý của các kinh khác, một phen là ý của phẩm này v.v...

4. *Dẫn chứng*: Mười nghĩa này thông cả Đại thừa, Tiểu thừa giáo, thông suốt tất cả pháp. Lại dẫn kinh này, “không như ba cõi mà thấy ba cõi”, “ba cõi” là sự, “không như ba cõi mà thấy” là lý. Các pháp vắng lặng không thể nói, là lý. Dùng sức phương tiện vì năm Tỳ-kheo mà thuyết, gọi là giáo. Nếu nghe kinh này khéo thực hành Bồ-tát đạo thì chứng giáo hạnh. Lại, việc các ông hành trì là Bồ-tát đạo, Phật tử hành đạo rồi đời sau được làm Phật. Lại, dùng các thứ nhân duyên mà cầu Phật đạo. Chỉ lìa hư vọng, gọi là giải thoát, chưa đắc nhất thiết giải thoát, tận hành tất cả đạo pháp của chư Phật thì nơi đạo tràng được thành quả... Ta dùng Phật nhãn xem thấy chúng sinh trong sáu đường, ban đầu thấy thân ta nghe ta thuyết pháp thấy đều tín thọ nhập Như Lai tuệ, trừ bỏ sự tu tập học theo Tiểu thừa trước kia v.v...

Cùng tử ban đầu trốn đi, thời gian giữa làm khách làm người hốt phân, sau cùng được giao phó gia tài; ban đầu dừng nơi hóa thành sau dẫn đến bảo sở; các thứ ham muốn, các thứ tánh tướng ức niệm... đây là dẫn thông suốt một bộ kinh để làm chứng. Nay riêng dẫn một phẩm, tuy không theo thứ lớp mười phần đầy đủ. “Trí tuệ chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí tuệ ấy khó hiểu, khó nhập”, tất cả cảnh trí sự lý ấy đều gọi là thật, thiết lập giảng giải rõ A-hàm ngôn giáo đều là trí tuệ môn. Đây là dùng chứng lý giáo mà luận quyền thật. “Khó hiểu khó nhập, hết thấy Thanh văn Bích-chi-phật không thể biết được” tức là dùng phước thoát mà luận quyền thật. “Sở dĩ vì sao? Phật từng gần gũi danh tốt vang khắp” tức là dùng giáo hạnh mà luận quyền thật. “Thành tựu pháp rất sâu... ý thú khó hiểu” tức dùng thể dụng mà luận quyền thực. “Ta từ khi thành Phật đến nay”, thành Phật tức là quả, quả ắt có nhân, tức là dùng nhân quả mà luận quyền thật. “Dùng các thứ nhân duyên thí dụ.... khiến cho xa lìa lòng chấp” tức là dùng tiêm đốn mà luận quyền thật. “Sở dĩ vì sao? Vì Như Lai đã đầy đủ phương tiện tri kiến” tức là dùng khai hợp mà luận quyền thật. “Chư Phật vì đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời, vì muốn chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”, đó là dùng lợi ích mà luận quyền thật. “Tóm yếu mà nói.... Phật thấy đều thành tựu” tức là tam Tất-đàn thành tựu. “Thôi, thôi! Không cần nói nữa” tức là đệ Nhất nghĩa Tất-đàn. Đó gọi là dùng tứ Tất-đàn mà luận quyền thật. “Sở dĩ vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có bậc nhất mà Phật thành tựu... thật tướng của các pháp” tức là lý. “Nghĩa là các pháp tướng như vậy...” tức là sự. Đó gọi là dùng lý sự mà luận quyền thật. Một đoạn trường hàng đây nêu rõ năm quyền thật của Phật, mỗi mỗi Phật đều như vậy. Song, Pháp Hoa luận giải thích: Trí tuệ của chư Phật rất sâu, vì chứng rất sâu. Rất sâu thậm thâm có năm: Nghĩa, Thật thể, Nội chứng, Y chỉ, Vô thượng. Vô thượng thậm thâm, nghĩa là chứng đại Bồ đề. Gọi “trí tuệ môn” vì thuyết nghĩa A-hàm thậm thâm, đây cùng lý giáo quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Phật từng gần gũi trăm ngàn đức Phật” là tu hành thậm thâm, “dũng mãnh tinh tấn danh tốt vang khắp” là tăng trưởng công đức thậm thâm. Đây cùng giáo hạnh quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có” là sự vi diệu thậm thâm, “ý thú khó hiểu” là vô thượng thậm thâm nhập thậm thâm. Đây cùng thể dụng quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Ta từ khi thành Phật đến nay” vì thuyết pháp thành tựu công đức Như Lai. Đây cùng nhân quả quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Vô số phương tiện” tức là giáo hóa thành tựu, thuyết pháp thành tựu. Đây cùng tiêm đốn quyền

thật, ý đồng, Luận giải thích: Như Lai phương tiện tri kiến thâm nhập không giới hạn, là tự thân thành tựu cảnh bất khả tư nghì, hơn hẳn hết thảy các Bồ-tát. Đây là nêu lợi. Luận giải thích: “Có thể phân biệt các món, làm vui lòng chúng...” là ngôn ngữ thành tựu. Đây là ích; cùng với lợi ích quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Tóm yếu mà nói đó.... Thôi! Chẳng cần nói” là có thể hóa độ chúng sinh thành tựu, đây cùng tứ Tất-đàn phân biệt có thể hóa và không thể hóa độ, ý đồng. Luận giải thích: “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận” là vô lượng phước thành tựu. Chư Phật có thể biết, nghĩa là thể pháp thân Như Lai bất biến, cho nên gọi là giác, năng tự chứng thành tựu, năng tùy thuận chúng sinh. “Thuyết hết thảy các pháp tướng...” đây cùng lý sự quyền thật, ý đồng. Luận kia giải thích kinh Phật, số này sâu xa hợp với nhị thánh. Có thể nói rằng cùng Tu-đa-la, U-ba-đề-xá đều phù hợp.

5. *Kết quyền thật*: Mười thứ này thông bốn giáo, hợp thành bốn mươi thứ quyền thật. Nếu trong Tam tạng mười pháp tự chứng gọi là tự hành quyền thật. Mười pháp hóa tha đều hợp, là quyền, mười pháp tự hành đều hợp, là thật, gọi là tự tha quyền thật. Đối với ba giáo còn lại thì mười pháp xếp thành ba thứ quyền thật cũng như vậy. Lại ngay nơi giáo mỗi mỗi đều dùng bốn thứ: sự lý, giáo hạnh, phước thoát, nhân quả làm tự hành quyền thật, đều dùng hai loại lý giáo, khai hợp làm hóa tha quyền thật, đều dùng bốn thứ thể dụng, tiệm đốn, thông biệt, Tất-đàn... làm tự tha quyền thật. Danh kia tuy đồng mà nghĩa kia đều khác. Biệt kết: tam giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đương phần đều là hóa tha quyền thật, vì tùy tha ý nói. Viên giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đương phần đều là tự hành quyền thật, vì tùy tự ý nói. Hóa tha cả ba đều gọi là quyền, tự hành đều gọi là thật.

Tiếp đến kết thành bốn câu: tùy tha ý nói, tức hết thảy pháp quyền; tùy tự ý nói, tức hết thảy pháp thật, chọn cả hai, thì hết thảy pháp vừa quyền vừa thật, cả hai đều phi, thì hết thảy pháp chẳng quyền chẳng thật.

Tiếp đến là kết thành ba phen giải thích phẩm: Nếu tự hành tự ý: kinh này gọi là “Pháp chứng nơi đạo tràng”. Đại kinh nói: “Do tu đạo đắc”. Nhiếp Đại Thừa luận gọi là: Như lý, như lượng trí. Đều là Viên giáo tự hành quyền thật, tùy tự ý nói. Đức Phật tuy có thể đối với pháp bất khả thuyết này mà phương tiện năng thuyết, còn chúng sinh thì không kham nổi. Nếu phát chẩn riêng thuyết pháp này, áp dụng cho chúng sinh thì không thể được, cho nên nói bất khả thuyết bất khả thuyết. Lại, sắp đặt sự này, lấy tự hành quyền thật và Biệt giáo quyền

thật cùng áp dụng cho chúng sinh, thì chỉ người đại cơ lợi, thì đắc ngay, người độn cơ thì quanh co mới đắc, hàng tiểu cơ lợi độn đều không đắc, đó là ý của Hoa nghiêm. Lại, sắp đặt sự này, riêng dùng Tam tạng quyền thật áp dụng cho chúng sinh thì người đại cơ lợi độn ngầm đắc mà hiển bày không đắc, tiểu cơ lợi độn chỉ bảo thủ tự chứng, thì cũng không đắc, đó là ý của Tam tạng. Lại, sắp đặt sự này, hợp dùng bốn thứ quyền thật và áp dụng cho chúng sinh thì người đại cơ lợi độn, trực tiếp gián tiếp đều đắc, người tiểu cơ lợi độn bảo chứng đều không đắc, đó là ý của Phương Đẳng. Lại, sắp đặt sự này, xả Tam tạng quyền thật, dùng ba thứ quyền thật và áp dụng cho chúng sinh thì đại cơ lợi độn đều đắc, tiểu cơ lợi độn bảo chứng đều không đắc, đó là ý của Bát-nhã. Lại, sắp đặt sự này, xả ba thứ quyền thật, riêng dùng Viên giáo tự hành quyền thật, áp dụng cho chúng sinh thì đại cơ tiểu cơ lợi độn đều đắc, đó là ý của Pháp Hoa. Trí tuệ của đức Như Lai thì không gì mà không thông đạt, biết rõ thời cơ thích nghi mà sử dụng. Cho nên giải thích tên phẩm này: “Phương” là các phương pháp, “tiện” là khéo dùng. Khéo dùng phương pháp khiến cho chúng sinh đắc, vì vậy nên ân cần khen ngợi phương tiện.

Lại nữa, Như Lai tự chứng quyền thật đều bất khả thuyết, thương xót chúng sinh mà nói tự chứng là quyền, làm môn, đối với vật chẳng thích nghi, chúng sinh không thể đắc nhập, cho nên tự chứng của Như Lai cũng bất khả thuyết. Nói Biệt quyền thật làm môn, người lợi căn được nhập người độn căn không nhập, đối vật chẳng thích nghi thì Biệt quyền thật cũng bất khả thuyết. Nói Tam tạng quyền thật làm môn, người lợi căn ngầm nhập, người độn căn cũng không nhập, đối vật chẳng thích hợp thì cũng bất khả thuyết. Nói ba thứ hóa tha quyền thật làm môn, người lợi căn được nhập, người độn căn cũng không nhập, đối vật chẳng thích nghi thì cũng bất khả thuyết. Nói hai thứ hóa tha quyền thật làm môn, đối với người lợi căn được nhập, độn căn cũng không nhập, cũng bất khả thuyết. Đối với vật chẳng thích nghi, xả ba thứ hóa tha quyền thật, chỉ nói tự hành là quyền, người lợi người độn đều được nhập, từ đầu đến cuối dùng phương tiện làm môn, cho nên Như Lai tán thán phương tiện. Giải thích tên phẩm rằng: “Phương tiện” là cửa để nhập thật, tức là ý đây vậy. Một phen trước là nêu Như Lai biết được phương tiện, dùng được phương tiện. Một phen này nêu hành giả có thể tùy thuận phương tiện v.v...

Lại nữa, Như Lai tự chứng tu đạo đắc hết thấy phương tiện, tức là chân thật, mà chân thật này bất khả đắc, bất khả thuyết. Tuy có thể

thuyết điều đó nhưng chúng sinh không có khả năng tức thật. Dùng sự phương tiện, ở chỗ bất tức mà nói nhất tức. Người lợi thì năng tức, người độn thì chẳng năng tức. Lại, thuần thuyết nhất bất tức, người lợi thì ngầm tức, người độn thì bất tức. Lại, ở chỗ tam bất tức mà thuyết nhất tức, người lợi thì năng tức, người độn thì bất tức. Lại, ở chỗ nhị bất tức mà thuyết nhất tức, người lợi thì năng tức người độn thì bất tức. Lại, phết bỏ tam bất tức mà thuần thuyết nhất thiết tức, thì người lợi người độn đều năng tức, đối với phương tiện được thấy chân thật. Hai ý trên dùng phương tiện theo phương tiện, một ý này tức phương tiện tức chân thật. Chân thật tức viên nhân, viên nhân tức tự hành phương tiện. Như vậy tự hành phương tiện nay mới chứng nhập. Hãy giải thích tên phẩm rằng: “ Phương tiện “ tức là chân thật, từ nơi tự hành phương tiện mà đặt tên, cho nên nói “phẩm Phương tiện”.

6. *Phân biệt chiếu đế*: trước đã Thông Biệt đương phần kết thúc quyền thật, nay vẫn căn cứ trí chiếu này, về nghĩa thì dễ thấy. Nếu Thông dùng mười thứ nêu rõ tự hành hai trí, tức chiếu tùy trí nhị đế. Thông dùng mười pháp hợp duyên, tức chiếu tùy tình nhị đế. Nếu gom bốn làm hai, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Nếu sẽ phân ra chiếu đế thì Sự lý, Giáo hạnh, Phước thoát, Nhân quả đều là tự chứng, tức chiếu tùy trí nhị đế. Lý giáo, Khai hợp, hai thứ này thuộc hóa tha, tức chiếu tùy tình nhị đế. Bốn thứ: Thể dụng, Tiệm đốn, Thông biệt, Tất-đàn là thông tự tha, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Tam giáo chiếu đế, chuẩn theo đây có thể hiểu. Lại, Tam tạng có ba mươi thứ nhị trí, là hóa tha nhị trí, đều chiếu tùy tình nhị đế. Nếu Thông Biệt sáu mươi thứ, là tự tha nhị trí, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Thông giáo hoặc có khi cùng Tam tạng trước, cùng là tùy tình nhị đế. Nếu Viên giáo ba mươi thứ quyền thật là tự hành nhị trí, chiếu tùy trí nhị đế. Lại, Tam giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đều là hợp duyên, đều là hóa tha nhị trí, chiếu tùy tình nhị đế. Viên giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đều là tự hành nhị trí, tức chiếu tùy trí nhị đế. Nếu buộc cái thật của tam giáo làm quyền, buộc cái quyền của Viên giáo làm thật, tức tự tha nhị trí, chiếu tùy tình trí nhị đế.

7. *Căn cứ các kinh để luận quyền thật*: Kinh Hoa Nghiêm luận về giáo chỉ là mãn tự, luận thời chỉ là vị Sữa, luận pháp thì một tự hành, một hóa tha. Hoặc đối người chỉ là Bồ-tát, hàng nhị thừa cầm điếc, sinh thân Bồ-tát cũng chưa phát quyền tự hành và thật tùy trí. Nếu dựa theo kinh văn này, thì chưa từng hưởng đến con người mà nói việc như thế. Căn cứ vào Tam tạng: Nếu luận giáo thì chỉ là bán tự, nếu luận pháp thì là một thứ hóa tha, nếu luận thời tức là vị Lạc. Nếu y văn này thì đứng

bên ngoài cửa, mặc áo dơ xấu, cầm đồ hốt phân, là người Nhị thừa đó thôi! Căn cứ Phương đẳng giáo: Nếu luận về giáo thì đối bán tự mà luận mãn tự, nếu luận thời thì đều là Lạc chuyển sang Sinh tô, nếu luận pháp thì có ba thứ hóa tha và một thứ tự hành. Nếu y văn này tức: “Tâm tướng thể tín vào ra không ngại”. Căn cứ Bát-nhã: nếu luận về giáo tức ở nơi bán mà luận mãn, nếu luận thời thì từ Sinh tô đến Thục tô, nếu y pháp thì có hai thứ hóa tha và một thứ tự hành. Nếu y văn này thì là: “Trong đó có thứ nhiều, có thứ ít, có thứ nên giữ lấy có thứ nên cho, người phải biết hết đó”. Căn cứ Pháp Hoa: Luận về giáo, tức phước bỏ bán mà luận về mãn, nếu luận thời thì toàn là vị Đề-hồ, nếu luận pháp thì chỉ có tự hành. Nếu y văn này thì khai quyền hiển thật: “đây thật là con ta, dota sinh ra, ta thật là cha”, giao phó gia nghiệp thọ ký làm Phật, giáo trước không nói nay đều nói ra. Chính ngay ở chỗ xả phương tiện, chỉ nói vô thượng đạo nên là quyền tự hành, nên gọi “phẩm Phương tiện”, vì các chỗ khác hoặc là tự tha nhị trí, hoặc là hóa tha nhị trí. Lại nữa, Hoa Nghiêm đối nhị Bồ-tát nói một tự, một tha, không giống như nhị thừa không nghe không hiểu. Tam tạng đối nhị thừa nói một hóa tha, không giống như Bồ-tát, cho nên không có tự hành. Phương đẳng đầy đủ đối Tiểu thừa Đại thừa, đối nhị thừa thì nói hai hóa tha, đối Bồ-tát thì nói một tự, một tha. Bát-nhã cũng đối cả ba, nói một tự, hai tha, đối nhị thừa nói một tha, đối Bồ-tát nói một tự, một tha. Pháp Hoa thì đối khắp hạng căn cơ thuần thực, chỉ nêu một tự, không còn luận về tha. Văn nói: “Bồ-tát nghe pháp ấy lười nghi đều đã trừ, một ngàn hai trăm vị La-hán đều cũng sẽ làm Phật”. Hết thấy chúng sinh đều nhập phương tiện tự hành, cho nên nói “phẩm Phương tiện”.

8. *Căn cứ Bản tích xét quyền thật*: Bản địa của Như Lai đã từ lâu chứng đắc nhất thiết quyền thật, gọi là tự hành, khoảng giữa (trung gian) thù tích thuyết bốn thời giáo Kiêm, Đăn, Đối, Đái, ngày nay thù tích tịch diệt đạo tràng, kèm theo hóa tha Biệt giáo thuyết tự hành, tiếp đến nói một hóa tha, tiếp nữa nói ba, tiếp lại nói hai, tiếp nói phước bỏ ba... đều gọi là hóa tha quyền thật. Bó quyền và bản lại gọi là thật, bó tích và thật lại, gọi là quyền, tức là tự tha quyền thật. Tổng kết đây có bốn câu: hết thấy thật, hết thấy quyền, hết thấy cũng quyền cũng thật, hết thấy phi quyền phi thật... Thân-tử bản chứng hết thấy quyền thật, tức tự hành, tích tại vườn Lộc uyển riêng thọ hóa tha, tại Phương đẳng thọ nhất bị tam chiết, tại Bát-nhã mang hai chuyển một, đến Pháp Hoa phước ba ngộ một, đều là hóa tha quyền thật. Bó quyền và bản lại làm thật, bó tích và thật lại, làm quyền, tức tự tha quyền thật, cũng đủ bốn

câu v.v... Nếu từ Phật tích thuyết, thì cũng là hóa tha quyền thật, cũng gọi là “phẩm Phương tiện”. Nếu theo dẫn nhập viên nhân, thì tự hành cũng là “phẩm Phương tiện”. Nếu theo Thân-tử tích quyền, thì cũng là “phẩm Phương tiện”. Nếu từ Thân-tử tích nhập thật, thì cũng là “phẩm Phương tiện”. Vì các nghĩa đây, cho nên gọi là “phẩm Phương tiện”. Từ phẩm này xuống đến mười chín hàng kệ sau cùng của phẩm Phân Biệt Công Đức, hoặc đến sau kệ hiện tại tứ tín đệ tử, văn tận, gọi là phần Chánh thuyết. Nếu làm hai phần chánh thuyết, thì từ đây trở xuống đến hết phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là tích môn chánh thuyết. Nay lại tùy theo cận, căn cứ tích môn chánh thuyết lại chia làm hai phần:

1. Từ đây trở xuống, là lược khai tam hiển nhất.
2. Từ “Phật bảo Xá-lợi-phất ông đã ân cần” trở xuống, là rộng khai tam hiển nhất.

I. Lược Khai Tam Hiển Nhất: lại chia làm hai phần:

1. Từ “Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn” trở xuống, là lược khai tam hiển nhất.
2. Từ “Lúc bấy giờ, đại chúng” trở xuống, là động chấp sinh nghi.

Lược khai tam hiển nhất có văn trường hàng và kệ tụng: Văn trường hàng chia làm hai: Một là dùng ngôn ngữ tán thán nhị trí. Hai là dứt nói năng tán thán nhị trí. Nếu không nhờ vào ngôn ngữ thì không thể biết, tuy lại khen ngợi ngôn ngữ mà không thể cùng tận. Hai thứ trí của chư Phật như trước đã nói. Dựa vào ngôn ngữ có hai: Một là nêu quyền thật của chư Phật, Hai là nêu quyền thật của Phật Thích-ca. Đạo của chư Phật đồng, nên đều tán thán. Trên nói hào quang chiếu các cõi khác, đức Di-lặc hỏi về hoành (không gian), Văn-thù dẫn việc xưa, đại chúng nghe đọc (thời gian) chính là tiêu biểu điều này, cho nên đức Phật thương xót chúng sinh mới ra khỏi định, tức nêu rõ chư Phật đạo đồng.

Căn cứ văn tán thán chư Phật chia làm ba phần: Một, tán thán cả hai. Hai, là giải thích cả hai. Ba, là tổng kết cả hai.

Trong phần tán thán cả hai, thì trước hết kinh gia đề khởi, tiếp theo là chánh thán. “Nhĩ thời” là thời bấy giờ. Phật thường ở trong định vì sao nói khởi? Đây có biểu thị về: chư Phật từ xa xưa trước khi thuyết kinh này ắt phải nhập định Vô lượng nghĩa, tức nhập Pháp Hoa. Nay đức Phật cũng như vậy, đây là biểu thị thế giới Tất-đàn. Đức Phật vì thương

xót chúng sinh nên ra khỏi định. Lý lịch pháp duyên cả hai đều suy xét kỹ, thuyết ắt không lầm lại tăng trưởng lòng tin cho chúng sinh, đây là biểu thị Vị nhân Tất-đàn. Thương xót chúng sinh nên từ trong định ra, Phật tịch lặng và thường chiếu, mà còn phải nhập định mới thuyết pháp, huống lại tán tâm mà vọng có pháp được thuyết, đây là Đối trị Tất-đàn. Thương chúng sinh mà xuất định, nhập định thì duyên lý an tâm nơi thật tướng, xuất định thì khiến cho người khác an tâm nơi thật tướng, đây là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Thương chúng sinh nên từ trong định ra. An bốn pháp này cho nên nói “an tưởng mà khởi”. “bảo Xá-lợi-phất”, Xá-lợi-phất là hàng trí tuệ đệ nhất trong tiểu thừa, muốn nhân đó mà phá tiểu trí hiển đại trí, phá hợp khai nhân trí kia mà phá tiểu trí hiển đại trí, phá hợp khai che gồm có mười thứ, như trong Huyền Nghĩa nói đây chính là văn mà kinh gia đề khởi. Pháp Hoa luận nói: Đức Phật nhập Tam-muội rất sâu, chánh niệm bất động, như thật trí quán, từ Tam-muội mà khởi, hiện Như Lai đặc lực tự tại, nên Như Lai nhập định không ai có thể làm kinh động, luận cùng nghĩa này tương ưng. Vì đệ Nhất nghĩa Tất-đàn vượt qua thế gian cho nên không ai có thể làm kinh động, Tứ Tất-đàn không chướng ngại cho nên được tự tại... “Ngồi kết già”: Xưa chư Phật nhiều như số vi trần và đệ tử đã tập hành pháp này. Lại ngồi kết già giác được niệm ác khởi mà còn làm cho người sinh tâm cung kính huống chi nhập sâu cảnh giới mà không thích hợp vừa lòng thiên nhân ư? Lại, chẳng phải pháp mà thế gian thọ dụng, không cùng chung với ngoại đạo, có thể phá ma quân phiền não. Lại, năng sinh ba thứ đạo Bồ-đề, nên riêng gọi đây là ý của Tứ Tất-đàn.

Hỏi: Các kinh nói buộc niệm tại trước, là thế nào?

Đáp: Bỏ các cảnh giới sắc tướng sinh tử phiền não ở sau. Quán tịch diệt Niết-bàn sở duyên, ở trước, cho nên lẽ ra giải thích theo bốn nghĩa.

Hỏi: Tại sao ở trước mặt?

Đáp: Giải thích theo bốn nghĩa:

Thứ nhất, người phạm phu đối trước mặt sinh khởi dục năng sinh ưa thích, sau mới đến khắp toàn thân. Lại, chín chỗ mà ô uế thường chảy thì mặt có bảy lỗ, dùng bất tịnh để trị dục cho nên buộc duyên ở trước mặt.

Thứ hai, sáu thức nơi mặt tâm phần nhiều là thượng duyên, tiêu biểu tất cả các bậc hiền thánh, chuộng Không, tương ưng với Không, cho nên buộc duyên trước mặt.

Thứ ba, nếu quán nơi mặt thì năng phân biệt sáu thức, vì phân biệt

cho nên cố buộc duyên trước mặt.

Thứ tư, thân có sáu phần thì đầu mặt là trên hết, tiêu biểu trong các pháp thì thật tướng là đệ nhất, pháp đệ nhất cho nên buộc duyên trước mặt.

Căn cứ song tán nhị trí, trước tán thật, sau tán quyền. Thật, là “trí tuệ của chư Phật”, không phải ba loại hóa tha quyền thật, cho nên nói “chư Phật”. Hiện thật tự hành, cho nên nói “trí tuệ”, trí tuệ này thể tức nhất tâm tam trí.

“Thậm thâm vô lượng” tức là lời xưng tán, nêu thật trí của Phật, về thời gian thì thấu tận nguồn gốc như lý, cho nên nói “thậm thâm”, về không gian thì cùng tận bờ mé pháp giới, cho nên nói “vô lượng”. Vô lượng thậm thâm cao sâu rộng lớn, thí như gốc sâu thì nhánh cây tươi tốt, nguồn nước ở xa thì dòng chảy dài. Thật trí đã vậy, thì quyền trí theo đó cũng vậy. “Trí tuệ môn kia” tức là tán thán quyền trí, bởi vì là phương tiện tự hành trước khi chứng ngộ thật đạo (đạo tiền), có sức tiến tới cho nên gọi là “môn”, theo môn vào chứng ngộ thật đạo (đạo trung). Đạo trung gọi là thật, đạo tiền gọi là quyền. “Khó hiểu khó nhập” là lời tán thán quyền, không mưu cầu mà hiểu rõ, không phương pháp mà đại dụng, bảy thứ phương tiện không thể so lường. Thập trụ mới hiểu, Thập địa mới nhập, là nêu lên ban đầu và sau, chặng giữa thì khó chỉ bày khó ngộ, nên biết. Riêng nêu “Thanh văn, Duyên giác đều không biết”, vì nặng chấp nên riêng phá đó thôi! Pháp thân bản ý vốn đem tự hành quyền thật mà phác thảo cái ấy, vì không có căn cơ nào trốn thoát, cho nên nói “không biết”. Hoa Nghiêm đốn chiếu Nhị thừa như đui điếc cảm ngộ, cho nên nói “không biết”, Phương Đẳng chê trách bài xích việc bám trụ thảo am, cho nên nói “không biết”, Bát-nhã chuyển giáo, không muốn giữ một chút ý nào, cho nên nói “không biết”. Nay đại cơ duyên khởi phát, phóng hào quang, chấn động đất, kia và đây, xưa nay chư Phật đạo đồng, do ô mê nghi hoặc cho nên nói “không biết”. Hàng lợi căn Bồ-tát thì việc nào cũng biết. Hạng độn căn, đồng với Nhị thừa, thì cũng “không biết”. “Môn” ấy là ngài Quang Trạch chọn Nhị thừa là phương tiện vì kinh này là trí tuệ môn, môn này cần phải buông thả hay nắm bắt (Dữ đoạt).

Nếu vậy tức là được môn, thì sao đức Như Lai phá, nói “không biết”? Vì “không biết” thì không phải môn. “Buông” thì đây là khả năng rất nông cạn, vĩnh viễn không biết như thế... Nay giải thích tự có phương tiện trí tuệ làm môn để nhập trí tuệ Phật, như kinh Anh Lạc nói: Nhị quán làm phương tiện đạo để nhập trung đạo Đệ Nhất nghĩa đế,

cũng là tam giáo mỗi giáo có bốn môn làm phương tiện để nhập trung đạo. Ngài Quang Trạch giải thích: nhị quán chỉ là nhất quán, mười hai môn chỉ là một môn... Phương tiện trí tuệ làm môn để thích ứng với phương tiện trí, tức là tam giáo mỗi mỗi có bốn môn đều dạy hợp với chứng. Tự có Phật trí làm môn được nhập trí tuệ Phật, như trên nói Viên nhân gọi là phẩm Phương Tiện, tức là tự hành quán trí làm môn, tức là kinh này tán thán trí tuệ môn kia. Bốn môn của Viên giáo tức là một môn kia, tự có thật làm môn nhập phương tiện trí, song chiếu nhị đế, tức nghĩa kia. Giải thích như đây thì phong phú rộng rãi, tại sao ngài Quang Trạch chỉ chọn một thứ nhỏ? Nếu y luận lấy A-hàm làm môn, thì đây cần phải khai thác các giáo, chuẩn theo quán có thể biết. Từ “Vì sao vậy?” Trở xuống ngài Quang Trạch nói chương tán thán đức Phật Thích-ca, nay suy tìm ý văn là cả hai giải thích nhị trí của chư Phật: “Đức Phật đã từng tận cận vô lượng chư Phật... tu hành hết thủy đạo pháp” là giải thích thật trí của chư Phật. Bởi bên ngoài được gặp nhiều Phật, vâng thọ thừa sự hết sức quan trọng nên thật trí thậm thâm. Bởi trong tu hành thuần hậu (hòa thuận...) hành hết thủy đạo pháp của chư Phật nên thật trí vô lượng. Vô lượng thì giải thích ngang rộng, thậm thâm thì giải thích dọc cao. “Dũng mãnh tinh tấn danh tốt vang khắp” là giải thích quyền trí của chư Phật. “Trí tuệ môn kia khó hiểu khó nhập”, bởi do dũng mãnh thì tinh tấn có thể nhập môn khó nhập, đã nhập môn rồi thì thấm nhuần gia bị không cưỡng ép, vạn vật kính phục thán đức, cho nên “danh tốt vang khắp”. Cũng có thể phân biệt câu “dũng mãnh tinh tấn” là năng nhập pháp môn, tức giải thích quyền trí sâu xa, “danh tốt vang khắp” tức giải thích quyền trí rộng rãi. Xem văn về quyền trí thì không có nói sâu rộng. Theo văn nói về thật trí thì có các nghĩa đó... Từ “thành tựu thậm thâm” trở xuống là song kết nhị trí của chư Phật, xứng lý cứu cánh cho nên nói “thành tựu”. Đến cùng tận bờ bên kia, cho nên nói “thậm thâm”. Đây là kết thành thật trí. Xứng căn cơ thích hợp, cho nên nói “tùy nghi”, chẳng phải dùng bảy phương tiện mà biết được, cho nên nói “khó hiểu”. Đây là kết thành quyền trí. Tùy tình thì che lấp lý, nên nói “khó hiểu”, liễu nghĩa thì cố ý hiển bày, cho nên nói dễ biết. Nhiếp Đại Thừa luận nói: “Kinh liễu nghĩa thì dựa vào văn mà xét nghĩa, kinh bất liễu nghĩa thì dựa vào nghĩa mà xét văn”, tức nghĩa đây vậy. Có khi giải thích “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có” là kết tự hành quyền thật, “tùy nghi mà nói pháp ý thú khó hiểu” là kết hóa tha quyền thật... Từ “Ta từ khi thành Phật đến nay” là tán thán quyền thật của Phật Thích-ca. Xưa nói: “Mỗi mỗi Quyền Thật của Phật

Thích-ca đều được tán thán”. Từ “Ta từ khi thành Phật” trở xuống, là tán thán Quyền. Vì sao vậy? Là giải thích Quyền. Từ “Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa” trở xuống, là tán thán Thật, từ “vô lượng, vô ngại” trở xuống, là giải thích Thật. Từ “Như Lai lại có thể phân biệt các thứ” trở xuống, là kết văn tán thán Thật.

Xưa giải thích trước sau có ba ý:

1. Hợp thán nhị trí của chư Phật, là nêu rõ hai trí thể đồng, khai thán nhị trí của đức Thích-ca, là nêu công dụng của nhị trí có khác.

2. Nêu rõ bản của thù tích, cho nên chư Phật trước tán thán thật, nêu khả năng hiển bản, cho nên đức Thích-ca trước tán thán quyền.

3. Chư Phật hiển bày tự hành, trước phải đắc Thật, đức Thích-ca nêu hóa tha, trước hết dùng Quyền dẫn dắt chúng sinh mông muội đại dốt. Lúc hiện lúc ẩn xen kẽ nhau để chứng minh rằng thể Viên mãn thì không có Thiên lệch tồn tại, nếu tồn tại thì mất tôn chỉ. Nay nói không như vậy, vì chỉ y văn thứ lớp thì nghĩa đã dễ hiểu, không cần phải quanh co biện minh. Lại ông nói chư Phật đạo đồng, vì sao giải thích khác?. Như người thường khen sự hiếu thuận mà lại đánh đập cha mẹ... Căn cứ nói về đức Thích-ca văn cũng chia làm ba phần: Ban đầu cả hai tán thán, tiếp cả hai giải thích, sau cả hai tổng kết. “Ta từ khi thành Phật đến nay” là tán thán thật trí. Nếu thật trí không viên mãn, thì Phật đạo không thành. Đã nói thành Phật, một thành thì hết thấy đều thành, tức là tán thán thật trí. “Các thứ nhân duyên” trở xuống, là tán thán quyền trí. Hơn bốn mươi năm, dùng ba thứ hóa tha quyền thật phù hợp với chúng sinh, cho nên nói “các thứ nhân duyên”.

“Các thứ thí dụ”, trong kinh Tiểu thừa thì dùng cây chuối, bọt nước làm thí dụ, trong kinh Văn Đại thừa thì dùng thành Càn-thát-bà, cảnh huyễn... làm thí dụ. Các luận thì dùng Tiểu thừa dụ như Sữa, Đại thừa dụ như Đề-hồ. “Rộng diễn nói”, là có thể nơi một pháp mà xuất ra vô lượng nghĩa, “vô số phương tiện” là bảy thứ phương tiện. “Dẫn dắt chúng sinh làm cho họ xa lìa lòng chấp” là nói rộng thập thiện để xa lìa chấp đắm khiến rơi vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nói tịnh thập thiện để lìa chấp ở Dục giới, nói Tam tạng để lìa chấp Kiến Tư hoặc, nói pháp Bồ-tát để lìa chấp Niết-bàn, nói pháp Phật để lìa ái trước pháp thuận đạo. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là giải thích nhị trí. “Như Lai” nửa câu, tức là giải thích Thật trí. Từ trong chân như thật tướng đến mà được thành Phật đạo, cho nên gọi “Như Lai”, tức giải thích thành Thật trí. “Phương tiện” là giải thích Quyền trí. Do phương tiện thiện xảo nên có các thứ nhân duyên. “Tri kiến Ba-la-mật” tức là

nêu cả hai Quyền Thật tri kiến. Nhất thiết chủng trí gọi là Thật tri. Phật nhãn gọi là Thật kiến. Đạo chủng trí gọi là Quyền tri. Pháp nhãn gọi là Quyền kiến. Đều đạt đến biên của sự lý, đều gọi là “Ba-la-mật”. “Đều đã đầy đủ” là quyền thật đều cứu cánh. Nếu không có ý giải thích cả hai, sao bỗng nói “đều đã”? “Đều đã”, là rõ ý đã giải thích cả hai. Từ “Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa” trở xuống, là cả hai kết và giải thích nhị trí của Phật Thích-ca. “Tri kiến của Như Lai” như trước đã nói, “rộng lớn” là nêu ngang, “sâu xa” là nêu dọc. Thật trí như đây thì chẳng ngang chẳng dọc, nhưng nhờ lời nói để qua tán thán mà luận tri kiến kia ngang dọc chiếu soi không giới hạn, như cái tráp lớn và nắp lớn. “Vô lượng, vô ngại” trở xuống tức là kết quyền trí. Tự hành là quyền là phương tiện ở ngôi vị Đạo tiền. Căn cứ các pháp môn, cho nên biết đây là kết quyền trí, thật trí không có bao nhiêu. Ngài Quang Trạch cho là đây giải thích thật trí. Chẳng những Quang Trạch không biết thật trí, mà còn cả triều Lương cũng đều không biết vô ngại tuệ kia không có bao nhiêu. “Vô lượng” tức Phật địa tứ đẳng. “Vô ngại” tức Phật địa tứ biện, có thể đối với một từ một nghĩa mà lập tức xuất ra vô lượng nhạo thuyết không cùng tận, so với Biệt Thông Bồ-tát như phương côi trên hết. “Lực” tức thập lực, “úy” tức tứ vô sở úy, “thiền” tức là thiền tận cùng, là thật tướng, “định” tức định Thủ Lăng-nghiêm, “Tam-muội” tức Tam-muội vương. “Thâm nhập không ngần mé” là kết thành chiều dọc sâu, “thành tựu tất cả pháp chưa từng có” là kết thành chiều ngang rộng. Từ “Xá-lợi-phất! Như Lai hay phân biệt các thứ” trở xuống, xưa cho rằng kết thành Quyền Thật ở trước, nay dùng để dứt nói năng ở phần sau. Lại, nêu Quyền Thật là nguyên do dứt ngợi khen, văn chia làm hai: ban đầu nêu nguyên nhân dứt tán thán, sau là chỉ cảnh dứt nói năng. Trịnh trọng là tiêu biểu ân cần. “Như Lai năng khéo phân biệt, khéo thuyết các pháp”, tức nêu Quyền vậy. “Lời nói êm dịu làm vui lòng chúng”, là nêu Thật. Làm sao biết được? Trên thấy chư Phật các cõi khác thuyết đốn rằng: “Tiếng của ngài thanh tịnh, giọng nói ra êm dịu” trở xuống. Thân-tử lãnh giải rằng: “Nghe tiếng Phật êm dịu, sâu xa rất nhiệm mầu”. Căn cứ hai văn trước sau này thì biết là nêu Thật trí. Trong phần tán thán trước, thì khen thật trước, khen quyền sau, nay vì sao lại nêu trước quyền sau thật? Bởi vì trước thì muốn dựa lời nói, cho nên từ Thật mà bày Quyền, nay muốn dứt nói năng nên phải thu Quyền trở về Thật. Từ “Tóm yếu mà nói đó” là chỉ cảnh thật. “Yếu” là không pháp gì qua Thật, “vô lượng vô biên pháp chưa từng có” là chỉ cảnh Quyền. Lại, “Yếu” là khởi đầu, là chỉ đầu mối, “vô lượng vô

biên” là chỉ Quyền, “Pháp chưa từng có” là chỉ Thật. Nói hai pháp này “Phật đều thành tựu”, vì tu đạo đặc nên có thể thuyết nhiều. Nếu chỉ riêng nêu một việc, thì không nên nói “đều”, đã chỉ cả hai thứ Quyền Thật, thì ý kia đã rõ.

Từ “Thôi!” trở xuống là phần thứ hai, tức tuyệt ngôn tán thán. Sư Ấn nói: Muốn do bảo “Thôi!” mà hội chúng sẽ sinh tâm nghi ngờ thỉnh hỏi. Sư Quán nói: “Pháp thật thì khó biết, cho nên trước bảo Thôi!” là để làm kinh động thường tình của chúng”. Luận này thì nói : pháp này sâu xa vắng lặng, ngôn ngữ đạo đoạn, thể bất khả thuyết cho nên bảo “Thôi!” mà là tán thán. Giả sử vì từ bi mà nói chúng nghe cũng không thể hiểu, khiến tổn hại thiện căn, cho nên nói “Thôi”. Từ “Vì sao?” trở xuống, là giải thích ý tán thán “Thôi”, chia làm hai:

1. Đức Phật là người tối thượng thành tựu tu đặc pháp tối thượng, cho nên bất khả thuyết.

2. Nêu cảnh giới thậm thâm bất khả tư nghì, cho nên bất khả thuyết. Từ “Phật thành tựu” trở xuống, là nêu pháp quyền thật của bậc thượng nhân theo chiều ngang thì đầy đủ bất khả thuyết. Từ “chỉ có Phật cùng với Phật” trở xuống, là nêu pháp quyền thật của bậc thượng nhân theo chiều dọc thì sâu xa bất khả thuyết. Thành tựu đối bất thành tựu, cho đến nan giải đối bất nan giải tức là theo chiều ngang mà nêu thành tựu, vì tu đạo đặc cho nên bất khả thuyết. “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột”, là phần đầu và giữa thì thu hoạch chưa tận nguồn, như ánh trăng đêm mười bốn chưa tỏa sáng khắp, chỉ có Phật với Phật mới rớt ráo tận cùng, như ánh sáng đêm mười lăm, thể nó không nơi nào là không tròn sáng, không nơi nào là không biến khắp. Tu đạo đặc sâu theo chiều dọc như đây, cho nên bất khả thuyết. Từ “Thực tướng của các pháp” trở xuống, tức là cảnh giới thậm thâm bất khả tư nghì, cho nên bất khả thuyết. Ngài Quang Trạch nói: một câu đầu nêu nhị trí, “các pháp” nêu cảnh quyền trí, tam tam chẳng phải nhất cho nên nói “các pháp”. Trong ba pháp thì Giáo hiển rõ nhất. Giáo ắt phù hợp căn cơ vì thế mà có Nhân (người) của giáo, cho nên biết tam tam là quyền, “thật tướng” là cảnh thật trí. Lý Nhất chẳng hư vọng cho nên nói “thật tướng”. Trong tứ Nhất khắp nêu lý Nhất. Bởi vì lý là bản, cho nên là Thật. Trong đó có chín câu trở lại giải thích hai đoạn trên, năm câu trước giải thích Quyền. “Tướng như vậy” là ngôn giáo tam thừa nắm lấy tất cả mà có thể phân biệt. “Tánh như vậy” là tánh chất giáo tam thừa thì không thể thay đổi. “Thể như vậy” là giáo tam thừa thì có bát âm, chương cú mỗi mỗi đều có Thể, giáo Bồ-tát dùng lục

độ làm Thể. “Lực như vậy” là tam thừa giáo dùng lực giáo huấn dẫn dắt. “Tác như vậy” là giáo tam thừa gia bị cho người trước, có tạo tác. Rộng là cảnh thật trí, lược thì không có lời giải thích. Cảnh thật trí có tứ nhất, dùng bốn rộng để nêu lý Nhất. “Nhân như vậy”, cảnh sinh sự hiểu biết chân thật, là “nhân”, vạn điều thiện hướng về quả. “Duyên như vậy”, cảnh phát sinh thật trí, là duyên. Dùng chỗ hướng về từ nhân, làm “quả”. Quả khởi đáp lại nhân, là “báo”. Hai câu sau là song kết. Câu đầu là kết quyền, “bản” tức nêu tướng, “mạt” tức nêu tác. Câu tiếp là kết thật, “cứu cánh” tức kết nhân, “đẳng” tức kết báo. Các sư ở phương Bắc nói: “Pháp tam thừa đều có tướng, tánh, quả, báo, bản, mạt”. Dao sư nói: “Tướng, tánh như vậy” đây là giải thích chiếu dụng của Trí tuệ. Mầm tam thừa nảy sinh cái khác, là “tướng”. Hẳn như vậy thành tam, là “tánh”. Phát tâm, là “thể” tùy tâm. Sở kham, là “lực”. Lực có sở tạo, là “tác”. Tác hành dẫn tới quả, là “nhân”. Nhân là nói phần đã có. Sở do, là “duyên”. Duyên là nói lực bên ngoài. Thành được, là “quả”. Đáp nhân, là “báo”. Tướng là “bản”. Báo là “mạt”. Cái có được cuối cùng đồng nhất, là “cứu cánh đẳng”. “Như thị” là việc kia không sai. Sư Sương chỉ căn cứ các tạo tác ở Phật. “Tướng”, là thập lực đều có tướng mạo. “Tánh”, là từ căn đều có sự huân tập, cái mà sự huân tập không làm biến đổi được, là tánh, là cảnh tánh lực vậy. “Thể”, là căn tánh không đồng nên sự mong muốn cũng khác, nói cái dụng của tâm kia trói buộc cho nên lấy thể làm danh (đặt tên) đây là cảnh dục lực. “Lực” là tên riêng của Định. Thân thông biến, nếu động không định thì không vận được. Làm yên tâm, tĩnh các loạn, nếu không định thì không tịch. Cho nên, lực là cảnh thiên định. “Tác” là nghiệp, tức cảnh nghiệp lực. “Nhân”, đạo làm nhân, năng đạt đến Niết-bàn, tức đến xứ cảnh đạo lực. “Duyên” là duyên cảnh lực đời trước. “Quả”, do nhân đời này mà chiêu cảm quả đời vị lai, gọi là cảnh lực thiên nhân. “Báo”, báo đời này là bằng chứng của nhân các đời trước, tức cảnh lậu tận lực, cho nên nói báo là lậu tận vậy. “Bản” là tướng, “mạt” là báo. Tóm lại mà nhìn, đều là cảnh xứ phi xứ lực. Từ trước các sự giải thích đều là một đường, nhưng xét về lý thì không thông, xét về văn thì không công bằng. Về văn không công bằng, là kinh nói “các pháp” thì pháp nào mà không thấu nhiếp, đâu chỉ tam thừa? Về lý không thông, là kinh dạy “thật tướng” thì chỗ nào mà không tồn tại, đâu chỉ ở thể nhân quả? Nếu thật riêng chỉ ở Phật thì Phật chẳng quyền, mà quyền riêng ở tam thừa, thế thì tam thừa vĩnh viễn không có thật. Nếu tam thừa chỉ là ngũ, thì pháp Quyền không đủ, lại hoàn toàn không Thật. Nếu bốn câu chỉ ở Phật,

thì Phật hoàn toàn không có Quyền, Thật, cũng không đủ nghĩa, không liên quan đến phạm phu, thế thì vẫn nói “các pháp” là vô dụng, thật tướng không cùng khắp, ngoài thật tướng lại riêng có pháp. Vì các lỗi này nên đều không dùng. Thích Luận quyển ba mươi mốt nêu mỗi một pháp đều có chín thứ:

1. Điều có Thể.
2. Điều có pháp, như nhãn nhĩ tuy đồng do tứ đại tạo, nhưng mắt có công dụng thấy, tai không có công dụng thấy, như lửa hồng dùng thiêu đốt làm pháp thì không thể thấm ướt được.
3. Điều có lực, như lửa lấy sự thiêu đốt làm lực, nước lấy sự thấm ướt làm lực.
4. Điều có nhân.
5. Điều có duyên.
6. Điều có quả.
7. Điều có tánh.
8. Điều có hạn ngại.
9. Điều có khai thông, phương tiện.

Ngài Đạt-ma-uất-đa đem chín thứ này hợp với mười Như trong kinh Pháp Hoa. “Điều có pháp” tức là “như thị tác” trong Pháp Hoa. “Điều có hạn ngại” tức là “như thị tướng” trong Pháp Hoa. “Điều có quả” tức là “như thị quả, như thị báo” trong Pháp Hoa. “Điều có khai thông phương tiện” tức là “như thị bản mặt cứu cánh đẳng” trong Pháp Hoa. Những thứ còn lại đều đồng tên, có thể hiểu. Nay nêu rõ cảnh đây chia làm hai: một câu đầu lược nêu chương quyền thật như văn, mười câu tiếp rộng giải thích tướng quyền thật.

- Nay chia làm bốn phen giải thích:

1. Theo mười pháp giới.
2. Theo Phật pháp giới.
3. Theo ly hợp.
4. Theo địa vị.

Kinh dạy “các pháp”, cho nên dùng mười pháp giới giải thích. Kinh dạy “Phật đã thành tựu pháp hy hữu đệ nhất”, cho nên dùng Phật pháp giới giải thích. Kinh dạy “Thôi ! Thôi ! Không cần nói nữa, pháp ta vi diệu khó nghĩ bàn”, cho nên dùng ly hợp giải thích. Kinh dạy “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận” cho nên dùng địa vị giải thích.

1. Giải thích theo mười pháp giới: nghĩa là lược đạo, tứ thánh gọi mười pháp. Pháp tuy vô lượng mà số không ra khỏi mười, trong mỗi

một cõi tuy lại nhiều phái nhưng không ngoài mười Như, như địa ngục giới, ngay đương địa tự có đủ tướng tánh bản mặt, cũng đủ cả tướng tánh bản mặt của súc sinh giới, cho đến đủ tướng tánh bản mặt của Phật pháp giới, không có thiếu hụt. Cho nên, luận Tỳ-đàm Tỳ-bà-sa quyển bảy nói: đương địa ngục thành tựu pháp Tha hóa thiên tức là theo lệ đó chín pháp giới còn lại cũng như vậy. Nên biết mỗi một cõi đều có chín cõi mười như. Nếu chiếu theo tự vị của chín giới, thì mười như của chín giới đều gọi là quyền. Chiếu theo tự vị Phật giới, thì mười như của Phật giới gọi là thật. Trong một đầy đủ vô lượng, trong vô lượng đầy đủ một, do đó mà gọi là bất khả tư nghì. Nếu chiếu theo lục đạo tam thánh, thì ngũ như là quyền. Nếu chiếu Phật giới, thì tứ như là thật. Khi phân chia trải qua lớp lớp, là có thể thuyết có thể chỉ bày, đâu đợi “Thôi ! thôi!” tuyệt lời tán thán? Bởi vì trong một có vô lượng pháp, phàm phu tuy có tuyệt lý mà tình còn mê, nhị thừa tuy có xả ly mà cầu thoát, Bồ-tát tuy có chiếu mà không cùng khắp, gọi là bất liễu liễu (không rõ ràng), đức Như Lai thấu suốt dọc ngang đầy đủ, chỉ có đức Phật tự hiểu rõ những điều mà người khác không thể biết không thể thấy không thể chỉ bày, nên Phật bảo: “Thôi! thôi! Đừng nói nữa”, tức là nghĩa này. Trong Huyền Nghĩa kia đã nói, nay không ghi thêm.

2. Giải thích theo Phật pháp giới: Phật giới phi tướng phi bất tướng mà gọi “như thị tướng”, là chỉ vạn điều thiện duyên nhân, cho nên văn dưới nói: “các báu trang sức” là nghĩa ấy vậy. Phật giới phi tánh phi bất tánh mà gọi “như thị tánh”, là chỉ trí tuệ liễu nhân cho nên văn dưới nói “có trâu trắng lớn”. Phật giới phi thể phi bất thể mà gọi “như thị thể” là chỉ thực tướng chánh nhân, nên văn dưới nói “xe ấy cao rộng”. Phật giới phi lực phi bất lực mà gọi “như thị lực”, là chỉ Bồ-đề đạo tâm từ thiện căn lực... cho nên văn dưới nói: “Lại ở trên đó giăng treo màn trướng phan cái”. Phật giới phi tác phi bất tác mà gọi “như thị tác”, là chỉ nhậm vận vô công dụng đạo, cho nên văn dưới nói “phóng nhanh như gió”. Phật giới phi nhân phi bất nhân mà gọi “như thị nhân”, là chỉ bốn mươi một địa vị, cho nên văn dưới nói “cưỡi xe báu dạo chơi bốn phương”. Phật giới phi duyên phi bất duyên mà nói “như thị duyên”, là chỉ tất cả trợ Bồ-đề đạo, cho nên văn dưới nói “nhiều tôi tớ đi theo hộ vệ”. Phật giới phi quả phi bất quả mà gọi “như thị quả”, là chỉ quả diệu giác rõ ràng là cái được từ Viên nhân, cho nên đoạn văn dưới nói “thẳng đến đạo tràng”. Phật giới phi báo phi bất báo mà gọi “như thị báo”, là chỉ Đại Bát-niết-bàn, cho nên văn dưới nói “được vô lượng quả báo thanh tịnh vô lậu”. Phật Giới phi bản phi mặt mà nói “như thị

bản mặt”, bản tức Phật tướng, mặt tức Phật báo là tự hành quyền. Phật giới phi đẳng phi bất đẳng mà nói “cứu cánh đẳng”, là chỉ thật tướng, cho nên nêu chương nói thật tướng, là tự hành thật, tức thật mà quyền cho nên nói “bản mặt”, tức quyền mà thật cho nên gọi là “đẳng”. Đây là Như Lai tự hành quyền thật vô thượng trên hết, vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo, rộng theo chiều ngang, sâu theo chiều dọc mà không gì hơn được. Cho nên, nêu chương nói thật tướng của pháp. Theo lệ thường cũng nên nói “các pháp thật tánh, thật thể, thật lực” cho đến nên nói “thật cứu cánh đẳng”. Chỉ lược nêu một mà bao trùm nhiều. Đức Như Lai chiếu soi ngang dọc cùng khắp, như xem quả trong lòng bàn tay. Chỉ vì phàm phu thì như đui như điếc, hàng nhị thừa thì như chột một mắt, hàng Bồ-tát thì như thấy đêm mộng lung không rõ, không thể thuyết được. “Thôi thôi đừng nói” là ý tại chỗ này.

3. Giải thích theo lý hợp: nếu quán đúng cách như dùng tâm Phật mà quán thì mười giới mười như đều là vô thượng tướng, cho đến vô thượng quả báo, chỉ là một Phật pháp giới, như biển chứa vạn dòng, ngàn xe cùng một dấu bánh xe, đây tức tự hành quyền thật. Nếu tùy tha ý, thì có chín pháp giới mười như tướng, tánh v.v... tức là hóa tha quyền thật. Hóa tha mặc dù có thật, đều buộc làm quyền. Tự hành mặc dù có quyền, đều buộc làm thật. Đây tức tự hành hóa tha quyền thật, tùy tha thì khai, tùy tự thì hợp, ngang dọc chiếu khắp khai hợp tự tại. Tuy khai vô lượng, vô lượng mà một, tuy hợp làm một, một mà vô lượng. Tuy vô lượng một, mà chẳng phải một chẳng phải vô lượng. Tuy chẳng một chẳng vô lượng mà một mà vô lượng. Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận, hàng phàm phu thì phỉ báng không tin, hàng nhị thừa thì lẫn lẩn trong mê cho nên không nhận ra, Bồ-tát thì còn bụi trần chưa sáng tỏ. Vì nghĩa này, cho nên bảo “Thôi! Thôi! Đừng nói”.

4. Giải thích theo vị: “Tướng như vậy” là hết thấy chúng sinh vốn đều tự có thật tướng, chính là tướng mạo Như Lai tạng. “Tánh như vậy” tức là tánh đức trí tuệ đệ nhất nghĩa không. “Thể như vậy” tức là lý trung đạo pháp tánh, đó gọi là tam đức thông mười pháp giới, mỗi vị đều có. Nếu nghiên cứu ba đức đây khế hợp với vị thập tín, thì gọi là “như thị lực như thị tác”, khế hợp với bốn mươi một địa gọi là “như thị nhân như thị duyên”, nếu đạt đến Phật địa thì gọi “như thị quả như thị báo”. Ba thứ đầu gọi là bản, ba thứ sau gọi là mặt. Từ đầu đến cuối đồng là ba đức, cho nên nói “cứu cánh đẳng”, Ở vị ban đầu, ba đức thông ác thông thiện, thông hiền thông thánh, thông tiểu thông đại, thông đầu thông cuối (đầu đến cuối cùng). Tuy ở nơi ác mà không bị

đắm chìm, tuy tại thiện mà không thăng lên, tuy tại Hiền mà không hạ thấp, tuy tại Thánh mà không cao, tuy tại tiểu mà không chật hẹp, tuy tại đại mà không rộng rãi, tuy tại ban đầu mà chẳng mới, tuy tại cuối cùng mà chẳng cũ, cho nên gọi bất khả tư nghì, bất khả đắc thuyết, nên nói: “Thôi! Thôi! Đừng nói”. Lại nữa ba đức “cứu kính đẳng” mười giới tánh tướng quyền thật khai hợp sai khác bao nhiêu, dùng đại tuệ bình đẳng mà quán như thật thì “cứu cánh” đều bình “đẳng”. Nếu mê cảnh này, thì có tướng tánh của sáu cõi, gọi là thế đế. Nếu hiểu cảnh này, thì có tướng tánh của Nhị thừa, gọi là chân đế. Thông đạt điều này chẳng mê chẳng hiểu, thì có tánh tướng của Bồ-tát Phật giới, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu dùng tuệ này, bình đẳng với tục đế, thì tục đế chẳng mê, bình đẳng với chân đế thì chân đế chẳng hiểu. Cả hai không mê không hiểu, gọi là bình đẳng. Nếu song chiếu, thì quyền tức là thật, thật tức là quyền. Tuy hai mà không hai, cũng gọi là “cứu cánh đẳng”. Lại, cảnh quyền thật không hai, bảy thứ phương tiện, không thể dùng trí bất nhị bình đẳng với cảnh bất nhị. Chỉ có chư Phật dùng trí bất nhị bình đẳng với cảnh bất nhị, cho nên nói “cứu cánh đẳng”. Lại, nay Đại thừa cơ động không nêu tánh tướng của chín giới, mà nói thẳng tất cả tánh tướng đều nhập tánh tướng của Phật giới. Xưa giáo không thuyết, nghĩa là xưa không cùng với nay bình đẳng giáo nay thuyết. Biết xưa cùng nay bình đẳng, cho nên nói “cứu cánh đẳng”. Ban đầu căn cứ Hoặc và giải bình đẳng, tiếp đến căn cứ người bình đẳng, sau căn cứ về giáo bình đẳng; đây nói rất rộng, người ghi chép không thể lĩnh hội hết. Nếu đến chỗ dứt ngôn ngữ, tuyệt tư duy, thì rõ ràng là bất khả tư nghì. Thích Luận quyển bảy mươi chín nói: Bất khả tư nghì gọi là không quyết định, vượt ngoài tất cả tâm, tâm số pháp, ngoài hết thấy mọi đường ngôn ngữ, không thể hành không thể đạt đến, cho nên gọi là bất khả tư nghì. Nếu căn cứ thí dụ để nêu bất khả tư nghì, thì như Thích luận quyển mười bốn giải thích: “Không dùng sắc bại hoại để hưởng đến đạo bình đẳng được, mà quán sắc không khác mới có thể bình đẳng với Đại thừa. Như sáng với tối cùng hợp, mà ông không thấy, cho là sáng tối có sai khác. Muốn biết nghĩa kia như mặt trăng kia sáng. Lại, khi mặt trời xuất hiện thì bóng tối không hưởng mười phương, bóng tối thường không có chỗ hưởng về, ánh sáng cũng như vậy cùng bóng tối hợp. Sinh tử cùng đạo hợp, đạo tức là sinh tử. Đức Phật chỗ tận đã tận, chỗ đáng độ đã độ, đều bất khả tư nghì. Các kinh các luận liệt kê điều này rất nhiều. Nếu bất khả tư nghì trong sự, thì kinh A-hàm nêu rõ bốn thứ bất khả tư nghì, đó là: Chúng sinh, thế Giới, Rồng và Phật. Chúng sinh từ đâu đến rồi đi

về đâu? Từ đâu mà sinh rồi do đâu mà tử? Thế giới là hữu biên hay vô biên? Là có thể đoạn hay bất khả đoạn? Trời, rồng, người, quỷ là do ai tạo ra? Kinh A-hàm nói: Một sĩ phu ở thành Vương xá bên ao Câu-hi-la tư duy “Thế gian là hữu biên hay vô biên?” chợt thấy bốn binh trốn vào trong lỗ ngó sen, mà tự sợ hãi nghĩ: ta bị cuồng ư? Ở thế gian không có sự loạn cuồng này, liền đi hỏi Phật. Phật dạy: Chẳng phải cuồng, mà là loài Tu-la bị chư thiên đuổi chạy trốn vào trong lỗ ngó sen. Đây chính là thế gian tư duy, chẳng phải đạo Niết-bàn, không có nghĩa lợi ích, không pháp lợi ích, không phạm hạnh lợi ích...

Rồng phun mưa, là từ mắt mũi miệng lưỡi lỗ tai phun ra ư? Thật chẳng phải từ các thứ như vậy mà chỉ từ ý niệm mà lưu xuất ra. Niệm thiện niệm ác đều có thể lưu xuất ra mưa, do bản hạnh trước cho nên nay được lực này. Giữa núi Tu-di có trời gọi là Đại lực, cũng có thể làm mưa. Lại, kinh nêu ra năm đường, mỗi một đều có nghĩa bất khả tư nghì. Địa ngục có đoạn, tục (đứt, nối), súc sinh có thể bay, quỷ có thể biến ít thành nhiều, người có thể khiến đốt cháy củi, trời có thể tự nhiên hưởng quả báo, đều là pháp sự quả báo bất khả tư nghì... Đây là căn cứ việc nhân duyên mà giải thích bất khả tư nghì, hướng chi cảnh giới thậm thâm đâu chẳng phải là bất khả tư nghì ư!

Kệ có hai mươi một hàng chia làm hai phần: Mười bảy hàng rưỡi đầu là tụng trường hàng. Ba hàng rưỡi sau là lược khai tam hiển nhất, động chấp sinh nghi. Mười bảy hàng rưỡi đầu lại chia làm hai: Bốn hàng đầu, tụng khen có nói. Mười ba hàng rưỡi sau, tụng khen dứt nói. Xét rằng kệ tụng và trường hàng xen lẫn nhau có rộng có lược, khiến cho nghĩa dễ hiển bày rõ thôi! Văn trường hàng nêu hai Phật, quyền thật đều tán thán tiêu biểu sự hóa duyên có sai khác, cho nên trong phần tụng hai đức Phật hợp chung tán thán, chỉ bày lý Nhị trí đồng. Trong phần Khen có nói lại chia làm hai: Một là, hai hàng hợp tụng Nhị trí của hai Phật. Hai là, hai hàng hợp tụng hai Phật, giải thích tán thán và tổng kết tán thán... Hai hàng đầu lại chia làm hai: nay giải thích câu đầu “Thế hùng” là tụng trí tuệ chư Phật bên trên. “Bất khả lượng” là tụng thậm thâm vô lượng bên trên, đây là tụng thật trí của chư Phật. Tiếp ba câu là tụng quyền trí của chư Phật bên trên. Đây có ba điều sai khác:

1. Trường hàng thì nêu người và nêu pháp cho nên nói “chư Phật trí tuệ”, nay tụng chỉ tụng người, đem người để làm tốt pháp cho nên nói “Thế hùng”.

2. Trên khai thán, nay hợp thán. Bởi nêu pháp và người riêng biệt, cho nên phải khai, chỉ nêu người cho nên phải hợp.

3. Trên nói hết thấy hàng nhị thừa không biết, nay nói tất cả loài chúng sinh không biết. Từ “Phật lực vô sở úy” trở xuống, một hàng sau, là tán thán nhị trí của đức Thích-ca. “Phật” là tụng lại câu “Từ khi ta thành Phật” ở trên, chính tụng thật trí, “lực vô sở úy...” là tụng các công đức, là tụng quyền trí, “các pháp khác” tức chỉ quyền hóa tha, là các thứ khác trợ giúp thật trí, chính tụng các thứ nhân duyên trên... Từ câu “Vốn từ” trở xuống sau hai hàng, hợp tụng hai ý giải thích khen và kết khen Phật. “Vốn từ vô số Phật, đầy đủ tu các đạo” là tụng phần giải thích tán thán chư Phật bên trên: “đức Phật đã từng thân cận trăm ngàn chư Phật trọn tu hết thấy đạo pháp”. “Pháp thậm thâm vi diệu” là tụng phần kết thán thật bên trên: “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có”. “Khó thấy khó rõ được” là tụng kết thán pháp quyền bên trên: “ý thú khó hiểu”. “Trong vô lượng ức kiếp, tu các đạo đó rồi” là tụng phần trên nói “đức Thích-ca tri kiến Ba-la-mật đều đã được đầy đủ”. Hai câu trên nêu nhân tu hành đầy đủ, một câu tiếp theo nêu quả đầy đủ, một câu “Ta đều đã thấy biết” là tụng phần kết nhị trí của đức Thích-ca bên trên: “tri kiến của Như Lai rộng lớn”. Hoặc có khi dùng bốn câu kệ hợp tụng hai trí quyền thật của Phật bên trên, văn chia làm sáu: 1. “Thế hùng...” một câu, là tổng tụng hai trí của hai Phật. 2. “Chư thiên cùng người đời” trở xuống, ba câu: tụng nêu người. 3. “Phật lực” trở xuống, một hàng: tụng đức Thích-ca giải thích quyền thật. 4. “Vốn từ” trở xuống, một hàng: tụng chư Phật giải thích quyền thật. 5. “Trong vô lượng” trở xuống, nửa hàng: là tụng hành nhân bên trên. 6. “Đạo tràng được chứng quả” trở xuống, hai câu: tụng đắc quả bên trên. Từ “Quả, báo lớn như vậy” có mười ba hàng rưỡi tụng phần Khen dứt nói bên trên. Văn chia làm năm phần:

1. Nửa hàng đầu “Quả, báo lớn như vậy” tức tụng cảnh bất tư nghì, chỉ nêu đầu và cuối của “thập như thị”, giữa thì lược, có thể biết, chữ “nghĩa” là tụng “cứu cánh đẳng”. Chữ “đại” trong câu một và “chủng chủng” trong câu hai như trong Huyền Nghĩa nói.

2. “Ta cùng mười phương Phật” nửa hàng, tụng lại phần: “Tóm yếu mà nói... đức Phật đều thành tựu”.

3. “Pháp đó không chỉ được” nửa hàng, tụng lại phần bên trên: “Thôi! Không cần nói nữa”, thật tướng chẳng có nơi chốn, cho nên không chỉ bày được, không có đường ngôn ngữ cho nên nói “Vắng bật tướng nói năng”.

4. Từ “Các loại chúng sinh khác” trở xuống, mười hàng rưỡi kệ: tụng nêu người không biết, bởi vì văn trường hàng bên trên nêu “Không

người nào biết nổi, cho nên “Thôi! không nói””: Trong phần tụng này nêu các hạng người không biết, văn chia làm tám phần nhỏ:

Nửa bài kệ đầu, thì nêu chung người không thể nhập, tức bảy phương tiện.

Hai câu từ “Trừ các chúng Bồ-tát” nêu người năng nhập, tức Viên giáo thập tín cho nên nói: “Người sức tin bền chặt”. Trường hàng thì nêu: “chỉ có Phật mới biết rốt ráo”, trong bài tụng thì nêu: “hàng sơ tín biết”, nêu xen nhau đó thôi!

“Các hàng đệ tử Phật” trở xuống, có một hàng rười: nêu nhĩ thừa không biết,

“Giả sử đầy thế gian” trở xuống, một hàng nêu Thân-tử không biết.

“Dù cho khắp mười phương” trở xuống, một hàng rười: nêu các đại đệ tử Phật cũng không biết.

“Bích-chi-Phật trí lanh” trở xuống. hai hàng: nêu Bích-chi-phật cũng không hiểu.

“Bồ-tát mới phát tâm” trở xuống, hai hàng rười nêu Bồ-tát phát tâm cũng không biết. “Phát tâm” là nói chung. Hoặc là có thể Bồ-tát lục độ trải qua ba A-tăng-kỳ mà chưa đoạn lậu hoặc, gọi là phát tâm. Hoặc là có thể riêng chỉ trong hàng nhân thiên bên trên tự nhiếp được lục độ mà phát tâm. Chung cũng như riêng, đều là phát tâm.

“Hàng bất thoái Bồ-tát” trở xuống, một hàng: nêu Bất thoái Bồ-tát cũng không biết. Thông giáo bất thoái đoạn giới nội Hoặc, cho nên không biết Biệt lý. Biệt giáo địa tiền cũng có chứng Vị bất thoái và Hạnh bất thoái, cũng không biết.

5. “Lại bảo Xá-lợi-phất, vô lậu bát tư nghi” trở xuống, một hàng rười, tụng phần bên trên: “pháp khó hiểu chỉ có Phật mới biết cảnh thật tướng”. “Vô lậu bát tư nghi” tụng phần bên trên: kết tóm yếu quyền thật và cảnh “bảo Thôi!”. Một câu “Pháp thậm thâm vi diệu” là tụng văn bên trên “pháp đệ nhất hy hữu khó hiểu”. “Ta nay đã đắc đủ” trở xuống, ba câu tụng phần bên trên: “chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột”. Nêu rõ chư Phật đạo đồng, đồng đều cứu cánh, cho nên nói “Chỉ ta biết tướng đó, Mười phương Phật cũng vậy” là giải thích bất khả tư nghi, như ngọc như ý không có sở hữu một hào ly mà có thể mưa các báu, thật tướng không sinh mà năng sinh Bát-nhã. “Vô lậu bát tư nghi”, một hàng rười làm gốc, sinh ra bốn thứ giải thích, như trên nói. Từ “Vô lậu” nửa câu, giải thích mười pháp giới là gốc, mười như của mười pháp giới thấu tóm hết Lý tánh các phàm thánh không

sai sót, thâm tóm tam đế không sai sót, quyền thật trí không sai sót. Căn cứ bất tư nghi làm khai hiệp giải thích làm gốc tức quyền mà thật tức thật mà quyền cho nên nói bất khả tư nghi. Căn cứ pháp thậm thâm vi diệu dùng Phật pháp giới giải thích làm gốc đây có thể biết, ước theo câu “chỉ ta biết tướng đó” là ước về địa vị giải thích làm gốc đây cũng có thể biết...

Từ “Xá-lợi-phất nên biết, lời chư Phật không khác” trở xuống, ba hàng rưỡi, là lược khai tam hiển nhất động chấp sinh nghi. Căn cứ khai hiển, chia làm hai. Ban đầu nêu chư Phật hiển thật, sau nêu Đức Thích-ca khai tam, xen nhau nêu nhất biên đó thôi! “Lời chư Phật không khác”, đây luận về chư Phật hóa đạo đồng. Tiếp đến hai câu khuyến tín, hai câu sau chính hiển bày thật, “Pháp của Phật lâu sau, cần phải nói chân thật” tức hiển chân, động cái chấp ngày xưa, sinh cái nghi ngày nay. “Nhất định chẳng phải ma làm Phật”, chính do nghe lời này, đức Phật đã dùng lời chân thật khuyến tín, vì sao trở lại nghi? Vì phòng ngừa do nghi mà khởi tâm phỉ báng, cho nên phải khuyến tín.

Từ “Bảo các chúng Thanh văn” trở xuống, là nêu đức Thích-ca khai tam. Văn chia làm ba phần: Một hàng đầu chính nêu khai tam, muốn nêu cái sai lầm của nhị thừa, cho nên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”. Lại, giải thích “Ta khiến cho thoát khổ, đến chứng đắc Niết-bàn” là nêu lục độ Bồ-tát thừa. Vì sao biết? Vì tu hạnh lục độ thì thoát sự trói buộc trong bốn đường, nhưng chưa thể nhập diệt độ mà phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp và một trăm kiếp mới đắc Niết-bàn, nói “đến” là còn lâu xa mới kịp. Lại, hành lục độ thì trước là độ người, cho nên nói “Ta khiến cho thoát khổ”, sau mới được vô lậu cho nên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”. Nghĩa đây suy nghĩ thì biết là Lục độ thừa. Lại, dùng số để suy tìm thì thấy ở câu dưới “Phật dùng phương tiện lược, dạy cho ba thừa giáo”. Nếu không có ý chỉ đó thì sao gọi là ba? Không nên thêm số nhị thừa làm tam thừa. Tiếp đến nửa hàng, chính bài xích tam thừa đều là hư giả. Tiếp hai câu, nêu ý lập ra giáo Tam thừa. Ý đó là quyền dẫn là các khổ, chẳng phải là chân thật, chỉ là cửa phương tiện mà thôi!

Từ “Lúc bấy giờ trong đại chúng” trở xuống, là chúng khởi nghi đến thỉnh hỏi, do nghe nói ba thừa đó là nguy, chỉ có một chân, chấp động sinh nghi. Văn làm hai phần: 1. Trình bày nghi. 2. Chính thỉnh quyết định. Phần Trình bày nghi lại chia làm hai phần nhỏ: Một là kinh gia trình bày, Hai là chính sinh nghi. Phần nhỏ một: nêu chúng một ngàn hai trăm người đều nghi, tiếp theo là nêu bốn chúng. Trên đã chê tam thừa đều là phương tiện. Bây giờ trình bày nghi chỉ ở hàng nhị thừa,

do chấp nặng nghi sâu nên riêng nêu lên, như đến phần dưới trình bày nghi, tức nói: “Bồ-tát cầu thành Phật, số nhiều có tám muôn”, cũng đều có nghi, cho nên biết là hàng tam thừa đều nghi mà lại riêng nêu nhị thừa đó thôi! Từ “Đều nghĩ rằng” trở xuống, là chánh nghi, lại chia làm hai phần: 1. Nghi Phật nhị trí. 2. Nghi mình sở đắc. Từ “cớ sao ân cần ngợi khen phương tiện” tức là tổng nghi quyền thật nhị trí. Từ “mà nói rằng pháp của Phật chứng rất sâu xa” là nghi thật trí, “có nói ra thì ý thú cũng khó biết” trở xuống là nghi quyền trí. Do nghe “Lời chư Phật không khác, Cần phải nói chân thật”, từ đây sinh nghi: vì sao Phật xưa thuyết, hàng tam thừa trí tuệ đồng chứng không sai khác, chỉ là tập khí còn sót lại hết hoặc chưa hết, mà nay bỗng xưng tán Nhị trí của Như Lai chẳng phải là điều ta theo kịp. Vì vậy cho nên nghi nhị trí của Phật. Từ “Phật thuyết một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng chứng được pháp đó” trở xuống, đây là tự nghi sở đắc. Tam thừa thánh đạo đúng là con đường quan trọng để giải thoát khỏi vòng sinh tử, ta tu lý này cũng đạt đến Niết-bàn, mà nay bỗng nói đều là phương tiện, chưa biết chân thật là thế nào? cho nên nói “chẳng biết nghĩa ấy về đâu?” Trên đây là chê Tam thừa là giả mà sinh nghi.

(Nhĩ thời) “Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất” trở xuống là phần thứ hai: Chánh thỉnh. Văn có ba phen thỉnh, hai lần bảo “Thôi!”. Kể cả văn trước thì gồm ba lần “thôi”, Dao sư và sư Long nói: Lần “thôi” ban đầu vì lý sâu khó hiểu, nên lần thỉnh ban đầu là vì tự tha cầu quyết nghi. Lần “thôi” thứ hai vì chúng kinh sợ nghi ngờ không tin, lần thỉnh thứ hai vì số đông chúng đã từ lâu gieo trồng trí tuệ ít hiểu được. Lần “thôi” thứ ba vì chúng hủy báng sẽ đọa đường ác, lần thỉnh thứ ba vì lợi căn được lợi ích. Nay các sư có khi nói: Phật dự biết trước ba lần được lợi ích trước sau không đồng, cho nên ba phen “thôi” là đợ ba phen thỉnh vậy.

Lần thỉnh ban đầu, văn chia làm hai phần: 1. Trường hàng. 2. Kệ tụng.

Trường hàng lại chia làm hai: 1. Trình bày nghi. 2. Trình bày thỉnh. Trình bày nghi là nghi nhị trí. Trình bày thỉnh, là mình thỉnh và chúng thỉnh.

Phần tụng có mười một hàng kệ, văn chia làm sáu: 1. Hai câu tụng nghi thật trí. 2. “Tự thuyết pháp mình chứng” trở xuống, ba hàng: tụng nghi quyền trí. 3. “Hàng vô lậu La-hán” trở xuống, ba hàng: nêu tam thừa tứ chúng có nghi. Câu đầu nói La-hán, hai hàng cuối nêu Duyên giác, khoảng giữa gọi là “Cùng người cầu Niết-bàn” tức là nêu lục độ Bồ-tát. Vì sao biết được? Trên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”, trong

đây gọi là “cùng”. “Cùng” là Bồ-tát đây tự cầu Niết-bàn, lại vì “cùng” người khác, cho nên khác nhị thừa, thì biết là Bồ-tát. 4. “Trong các chúng Thanh văn” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu Thân-tử nghi. 5. “Con từ miệng Phật sinh” trở xuống, một hàng nêu rõ Phật tử nghi. 6. “Các trời rồng thần quỷ” trở xuống, hai hàng tổng nêu đồng nghi thỉnh. Xét rằng kệ tụng và trường hàng có thể lấy ý suy tìm, nếu không ở tụng thì ở trường hàng, đối với nghĩa chẳng cần gấp, không được rườm rà chia chẻ lời văn, cho nên lược thôi! Từ “Lúc ấy Đức Phật bảo” trở xuống, là hai lần bảo “thôi”, lại trình bày nghi để thỉnh, tất cả đều như văn kinh...



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

(Phần Thượng)

II. Từ “Khi ấy đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, đâu được chẳng nói” trở xuống, là rộng nêu khai tam hiển nhất. Gồm bảy phẩm rưỡi, văn chia làm ba :

1. Vì hàng thượng căn nói pháp.
2. Vì hàng trung căn nói thí dụ.
3. Vì hàng hạ căn nói nhân duyên đời trước.

Cũng gọi Lý, Sự, Hành. Theo như kinh Đại Phẩm cũng chia làm ba căn... Nay dùng mười nghĩa để giải thích:

1. Có chung có riêng.
2. Có Thanh văn không Thanh văn.
3. Hoặc có dày mỏng.
4. Căn chuyển không chuyển.
5. Căn có ngộ không ngộ.
6. Lãnh giải không lãnh giải
7. Đắc ký không đắc ký.
8. Ngộ có cạn sâu.
9. Ích có quyền thật.
10. Đợi thời không đợi thời.

1. Nêu chung, riêng: Vòng đầu, riêng thì gọi là nói pháp; chung thì đủ cả ba: như “một khi hoa Ưu đàm hiện”, tức là nói Thí dụ, “nếu ta gặp chúng sinh thì tận tâm dạy Phật đạo”, tức là nói Nhân duyên. Vòng giữa, riêng thì gọi là nói Thí dụ. Chung thì cũng ba: “ta trước há không nói đều vì giáo hóa Bồ-tát”, là hợp Thí dụ, “một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba” tức là nói Pháp; “ở nơi hai vạn ức Phật thường giáo hóa ông” tức là nói Nhân duyên. Nếu nói văn này thuộc nói Pháp, thì có thể chấp nhận “Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa, tìm phương nghi cứu tế”, tức là nói Nhân duyên. Vòng sau cùng, riêng thì gọi là nói Nhân duyên đời trước; chung thì cũng đủ ba: “đến thời Niết-bàn chúng

lại thanh tịnh khiến nhập Phật tuệ” là nói Pháp, “có một đạo sư” là nói Thí dụ. Để làm ra ba vòng, thì từ “nhiều”, từ “chánh”, từ “lược”, từ “bên”. Muốn khiến danh tự không bị lạm dụng thì đều căn cứ một Lý đó thôi.

Hỏi: Ba vòng vì người ba hạng căn cơ, một vòng chung có ba thuyết, một thuyết nên chung cho ba căn?

Đáp: Nói pháp chẳng những chỉ thích hợp với hạng thượng và trung thượng, mà còn có hạng trung hạ. Theo chánh, lược, bên, cho nên nói phù hợp với người thượng căn. Hai vòng còn lại cũng như vậy.

2. *Nêu có Thanh văn không Thanh văn*: Ngài Quang Trạch nói quyết định có Thanh văn thực hành; nếu nói không có thì thật quyền làm sao ứng? Ngài Khai Thiện giải thích: Không có Thanh văn thực hành, và dẫn kinh Thắng-Man nói: hàng tam thừa sơ nghiệp không ngu ở pháp, ngoại phạm đã biết Nhất thừa, sao lại có Nhị thừa còn chấp tiểu quả? Kinh nêu có (hữu), thì là quyền vậy. Hai vị này còn thiên chấp, trái với kinh, lầm nghĩa. Nếu quyết định có, thì kinh sao lại nói: “không có đệ tử Thanh văn, chỉ giáo hóa các Bồ-tát”? Nếu quyết định không, thì ai nhập hóa thành? Cũng không có ba thừa để hội nhập và quyền làm sao dẫn? Nếu nói thật có, vì quyền dẫn, thì cũng nên thật có tam tạng Phật, lại vì quyền tam tạng Phật dẫn dắt. Nếu thật không có Phật này mà chỉ có quyền Phật, thì ý gì Phật không chấp nhận: Chỉ có quyền Thanh văn mà không có thật Thanh văn ư? Nghĩa đây không đúng. Nếu thật có đoạn Hoặc giới nội, gọi đây là thật mà quyền ứng vậy, thì chỗ nào có Phật đoạn Hoặc giới nội, mà có quyền Phật ứng với Phật đây? Nay nói là có, và không thể thiên chấp. Nếu theo sự này, tức cho Trưởng giả là Thực trí, đến quan sát thì không có việc giả làm Khách. Nếu cho rằng căn tánh của gã cùng tử là thực trí, thì chính tự nó đã biết là người nhận tài sản rồi!

Pháp Hoa luận nói có bốn thứ Thanh văn:

1. Quyết định.
2. Thượng mạn.
3. Thoái đại.
4. Ứng hóa.

Hai hạng trước chưa thuần thực, không được thọ ký; hai hạng sau được thọ ký. Nếu theo kinh này thì phải có năm hạng:

1. Đã từ lâu huân tập Tiểu thừa, đời nay đạo thuần thực, nghe giáo Tiểu thừa mà chứng quả, như Luận gọi là Quyết định Thanh văn.

2. Vốn là Bồ-tát tu đạo nhiều kiếp, thời gian giữa lại nhầm chán

sinh tử mệt mỏi, nên thoái đại chấp tiểu. Kinh Đại Phẩm gọi là hạng Thiện căn biệt dị. Vả lại, Phật để thành tựu tiểu đạo cho họ mà thuyết tiểu giáo, dạy họ dứt bỏ phiền não, gieo mầm nhân cho pháp sinh ra. Tuy thoái đại nhưng huân tập theo tiểu giáo chưa lâu, do đó gần lý thì dễ ngộ, như Luận gọi đây là Thanh văn thoái lui Bồ-đề.

3. Do hai hạng này nên chư Phật chư Bồ-tát bên trong là ẩn hạnh Bồ-tát, bên ngoài thì hiện tướng Thanh văn, thành tựu dần dần khiến cho chúng sinh nhập đại đạo, như Luận nói là Ứng hóa Thanh văn.

4. Nếu thấy hai thứ quyền thật, có thể vượt ra ngoài sinh tử, ưa thích Niết-bàn tu giới định tuệ, có quán tuệ yếu, chưa nhập tướng tự vị, sắp có sở đắc, mà cho là chứng quả, đây gọi là chưa đắc mà nói đắc, chưa chứng mà nói chứng, thì Luận gọi là Tăng thượng mạn Thanh văn.

5. Đại thừa Thanh văn, dùng Phật đạo thanh để cho tất cả được nghe văn. Nếu từ hai thứ: Quyết định và Thoái Bồ-đề, thì có Thanh văn. Nếu theo lý Đại thừa, thì không thiếu thân diệt tâm để vĩnh viễn trụ Hóa thành, mà cuối cùng trở về Bảo sở. Thật đã vậy, thì không có quyền, cho nên không có Thanh văn. Nếu là tăng thượng mạn, tức đã chưa nhập vị, thì chẳng phải thật. Lại, chẳng ứng hóa thì chẳng phải quyền. Nếu hiểu được ý này, thì có hay không đã rõ ràng đâu cần khổ công tranh luận! Lại nữa, chỉ căn cứ Đại thừa Thanh văn mà luận về có không: Nếu là quyền tác ứng hóa, ngoài hiện tích Tiểu thừa, trong ẩn chứa đại đức, thì gọi là không có Đại thừa Thanh văn. Nếu từ tự hành mà phát tích hiển bản, thì nói có Đại thừa Thanh văn. Nay ý chính khai tam hiển nhất, tức vì hạng Thanh văn quyết định và thoái Đại, khiến trở thành Đại thừa Thanh văn. Tự hành đã lập, tức có thể biến hóa làm Ứng hóa Thanh văn. Nếu hiểu được ý này, thì thấu đạt có không.

3. *Hoặc có dày, có mỏng*: Sư Dao nói: “Tam căn đắc quả rồi sau du quán vô sinh, lý vô sinh là một, và xuất quán duyên ba giáo thì khác. Vì ba giáo hẳn nhiên là khác, nên nghi hoặc cái Lý vô sinh là một, nghĩa là Giáo đã là ba thì sao Lý lại dung chứa một? Lại, theo Lý một mà nghi hoặc ba giáo, Lý đã là một, thì Giáo sao lại được ba? Do dự giữa Giáo và Lý, lúng túng về được và mất. Theo Lý mà nghi hoặc Giáo, thì có nghĩa được; theo Giáo mà nghi hoặc Lý, thì có nghĩa mất. Hàng thượng căn theo Lý mà nghi hoặc Giáo, tình nhiều, nên vừa nghe pháp thuận tình liền ngộ. Hàng hạ căn theo Giáo mà nghi hoặc Lý, tình nhiều, nghe pháp nói không có ba giáo, trái với suy tính trước đây, nên phải ba phen nghe mới hiểu. Hàng trung căn ở giữa hai bên, nghe nói

pháp thì không ngộ, mà nghe thí dụ thì liền hiểu.

Nay cho rằng giải thích ba căn đó chưa hẳn phải như vậy. Ba hạng căn cơ này phân vân những Giáo Lý nào? Nếu lúng túng về Lý, Giáo Tiểu thừa, thì nghi-hoặc chưa dứt hết, vẫn còn chưa phải là người đã dứt bỏ phiền não chứng sơ quả. Nếu lúng túng về Lý, Giáo Đại thừa, thì Đại thừa rõ ràng hoàn toàn khác, đâu từng lạm dụng Tiểu thừa? mà nói là phân vân ư? Nếu theo Tiểu thừa mà nghi hoặc Đại thừa hay theo Đại thừa mà nghi hoặc Tiểu thừa, thì như vậy trước đó chưa bài xích phương tiện sao lại bỗng nhiên nhập xuất du quán vô sinh? Nếu cho rằng có sẵn phân vân, thì đã sinh nghi ngờ đã động lòng chấp, chẳng phải mới bắt đầu ngày nay. Nếu trước đã động chấp sinh nghi, thì khi nghe khai tam hiển nhất tức phải biết, làm sao bỗng còn có kinh nghi? Tiến thoái không căn cứ, cho nên không dùng kiểu giải thích đó. Nay nói căn thì có lợi độn, đều luận về căn tánh Đại thừa mà nghi hoặc thì có dày có mỏng, Căn cứ vào Biệt hoặc mà nói thì gồm có bốn câu:

1. Hoặc nhẹ, căn lợi.
2. Hoặc nặng căn lợi.
3. Hoặc nhẹ căn độn.
4. Hoặc nặng căn độn.

Nếu Biệt hoặc nhẹ đại căn lợi, thì lần đầu nghe liền ngộ. Nếu Hoặc nặng căn lợi, thì nghe lần thứ hai mới hiểu. Nếu Hoặc nhẹ căn độn, thì ba phen nghe mới quyết. Câu thứ tư, mặc dù ba phen nghe mà không thể đắc ngộ, thì chỉ là chúng kết duyên đó thôi! Hoặc là có thể hai câu đầu đều là căn lợi, đồng là thượng căn. Hoặc là có thể hai câu giữa là trung căn hạ căn... Lại nữa, căn cứ phẩm đầu của ba lớp vô minh. Lại sơ trú Trung đạo, như lần đầu thuyết pháp thì hạng thượng căn dứt sạch ba lớp vô minh trong chốc lát, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát, được thọ ký Bồ-đề, hạng trung căn thì đoạn trừ hai lớp vô minh; hạ căn đoạn trừ một lớp. Tiếp đến khi thuyết thí dụ, thì hạng trung căn đoạn hết lớp vô minh thứ ba, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát, được thọ ký biệt; hạng hạ căn tiến tới đoạn được lớp thứ hai. Tiếp đến khi nghe nói nhân duyên, thì hàng hạ căn đoạn trừ hết lớp thứ ba, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát. Theo như Tiểu thừa, nếu mười sáu tâm chưa đủ thì không được gọi là Sơ quả, đủ mười sáu tâm mới được gọi là Tu-đà-hoàn.

4. *Nêu có chuyển căn không chuyển căn:* Xưa nói hàng thượng căn lần đầu nghe thuyết pháp liền ngộ, hạng trung căn thì chuyển lên đồng hàng thượng căn, hạng hạ căn tiến lên đồng hàng trung căn. Khi

nói thí dụ thì hạng trung căn trước nghe rồi thành thượng căn, tức có thể đắc ngộ, hạng hạ căn chuyển thành thượng căn. Tiếp đến, khi Phật nói nhân duyên thì hàng hạ căn nghe rồi đồng với thượng căn, cho nên liền đắc ngộ. Nếu thế thì chuyển hạ thành thượng. Khi nói nhân duyên thấy đều là thượng căn vì lợi thì đồng nhau, sao lại còn gọi là hạng độn căn đời nói nhân duyên? Nếu chuyển thành thượng căn, thì đồng ngộ như thượng căn. Nếu như chưa ngộ, còn chịu gọi là độn, thì không có nghĩa chuyển căn. Ví như Thân-tử nghe lần đầu, Mục-liên nghe lần thứ hai đồng đắc sơ quả. Nếu cả hai đều lợi, thì không còn có hơn kém. Nếu còn gọi là lợi và độn, thì nghĩa chuyển căn ấy không thành. Chúng sinh tâm thần bất định, gặp ác duyên thì chuyển lợi làm độn, gặp thiện duyên thì chuyển độn làm lợi. Đời trước gặp Phật nghe pháp tự có chuyển hạ căn trung căn làm thượng căn, đều nghe nói pháp liền được ngộ; tự có chuyển hạ căn làm trung căn, nghe nói thí dụ được hiểu. Hạng hạ căn không chuyển thì ba vòng mới hiểu. Như đây chuyển căn không giống như xưa giải thích. Ví như ba đao chém gỗ, cái thứ nhất: bén (lợi), cái thứ hai: trung bình, cái thứ ba: cùn (độn), gọi là có lợi độn khác nhau, nhưng nơi gỗ bị đứt thì đồng, không sai.

Hỏi: Hàng tam căn nhập Sơ trụ vị, còn có lợi độn không?

Đáp: Chân thật tu hành Thể hiển bày thì không sai biệt.

Hỏi: Nếu vậy hàng Sơ trụ trở lên, lại khởi duyên tu, thì có hơn kém không?

Đáp: Đây người đồng địa vị, không còn hơn kém. Chân thật tu thì Thể dung hợp há có gì sai khác ư?

5. *Nêu có ngộ không ngộ*: Trong kinh phần nhiều nói Bồ-tát là bậc thượng căn, Duyên giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Nếu nói Bồ-tát là thượng căn, thì phải đều được ngộ khi nghe nói pháp, Duyên giác phải đều được hiểu khi nghe nói thí dụ, Thanh văn phải đều được ngộ khi nghe nói nhân duyên? Tuy nhiên, trong kinh mà chỉ một lần xem qua, rồi phân biệt rõ ra ba căn, cho đến phân biệt ngộ giải, thì về nghĩa chưa hẳn đúng. Kinh này chỉ thấy Thanh văn được hiểu, không thấy Bích-chi-phật. Vì Bích-chi là trung căn, đã gặp Phật xuất thế, nhập vào số Thanh văn, tùy căn được ngộ, nên không nêu riêng Duyên giác. Cho nên Thân-tử thỉnh kệ rằng “Hạng người cầu Duyên giác, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni”. Y văn này thì biết hạng Duyên giác nhập vào số bốn chúng. Lại, Phẩm Pháp Sư nói: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, sao lại không có Duyên giác được hiểu ư? Xưa nói Bồ-tát là thượng căn, không hẳn tất cả đều là lợi căn, mà nói

theo số nhiều là thượng căn. Nếu mà tâm chấp dễ chuyển, vốn là họ có hoài bảo cầu Phật, chỉ vì chấp quá ba trăm hội (chỉ cho số pháp hội rất nhiều trong một đời thuyết pháp của Đức Phật) rồi tức cầu cận quả, thì nghi này dễ ngộ. Tam căn Bồ-tát cùng nghe nói pháp được hiểu, thượng căn thì nghe lược nói pháp ngộ ngay, trung căn thì tại thời đầu của quảng thuyết, hạ căn thì cùng ngang bằng Thân-tử. Nay nói Bồ-tát tức nêu chung, chỉ cần phát tâm Đại thừa, thì đều là Bồ-tát, đâu cần phải đều là lợi căn, và số ngang bằng Thân-tử cũng còn ít, đâu được trước nghe nói pháp vòng đầu rồi đều được ngộ? Nếu thế, thì trong phần lưu thông sau khi nghe Phật thuyết Thọ Lượng vì sao các Bồ-tát liên tiếp được ngộ Vô sinh nhẫn, phát Bồ-đề tâm? Xưa nói: “Các vị ngộ trong phẩm Thọ lượng, đều là pháp thân, tăng đạo tổn sinh”. Nay nói không như vậy. “Có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa người đắc Vô sinh pháp nhẫn”, khi nghe phẩm Thọ Lượng họ mới đắc nhẫn này, nên biết trước Thọ Lượng chưa phải là pháp thân, cho nên biết Bồ-tát đắc ngộ không thể hạn cuộc tại lúc đầu của vòng thứ nhất.

Hỏi: Bồ-tát đắc ngộ suốt từ đầu đến cuối, hàng Nhị thừa đắc ngộ có lẽ đến cuối sau?

Đáp: Ba vòng định thiên tánh của cha con đã xong, thì đều gọi là Bồ-tát. Nếu ngộ sau, thì cũng gọi là Bồ-tát ngộ.

6. *Nêu có lãnh giải không lãnh giải*: Nếu Tam thừa đồng ngộ, vì sao chỉ thấy Thanh văn lãnh giải, hai thừa kia thì không có? Nay nói rõ: Không có Phật xuất thế thì gọi là Độc giác. Nghe Phật thuyết pháp thập nhị nhân duyên thì gọi là Duyên giác. Đã nhập vào trong số Thanh văn đắc ngộ lãnh giải, thì đều không nêu riêng, đại ý có thể biết. Thân-tử, Ca-diếp... đều là căn tánh trung thừa, cho nên hàng Thanh văn lãnh giải gồm luôn cả Duyên giác, không nhọc công nêu riêng. Lại, trong tứ chúng có người phát tâm Duyên giác, trong số đó người đắc ngộ tức chẳng phải chỉ một người. Phẩm Tín Giải nói: “Mật sai hai người đuổi theo bắt đem về” tức là nghĩa kia. Bồ-tát không lãnh giải, nghĩa là từ trước đến nay Giáo không nêu Thanh văn được thành Phật, nay kinh này mở cho họ con đường trở về Đại thừa, chính bởi sợ hiểu lầm lời Phật nên đối trước Phật, họ trình bày sự hiểu biết ấy. Bồ-tát không như vậy, cho nên không lãnh giải. Lại, ý kia có ba:

1. Bản ý Bồ-tát cầu thành Phật, dù có chấp khác mà chấp nhẹ, cuối cùng cũng trở về chấp quả thành Phật, không có sự lo lắng “không đắc”. Nay nghe thuyết ba vòng, chỉ là đúng với quán tuệ của mình, cho nên không cần lãnh giải.

2. Bồ-tát ngộ Đại thừa thì khắp các kinh đều có nói, Nhị thừa làm Phật thì mới bắt đầu nói từ kinh này. Theo ý chính mà lưu truyền nên lược bớt phần Bồ-tát lãnh giải. Hoặc là ở Phạn văn thì có, Hán văn thì lược, không ghi chép?!

3. Ở vị Bồ-tát tu hành rất sâu, hàng tân học tiểu Bồ-tát không dám lãnh giải, đến khi Phật thuyết Thọ lượng xong, bảo ngài Di-lặc rằng: tất cả đều lãnh giải, bắt đầu từ Vô sinh pháp nhẫn đến cuối là còn một đời nữa sẽ thành Nhất thiết trí đó là lãnh giải đầy đủ, lại còn mong cầu điều gì nữa?

7. *Nêu Đắc ký không đắc ký*: Nếu đồng đều lãnh giải, thì cơ sao Thanh văn được thọ ký, mà không thấy Duyên giác, Bồ-tát được thọ ký? Đây cũng có ba ý :

1. Xưa kia nói Nhị thừa không thể phát tâm nhập vị Chánh giác, thì do đâu mà được thọ ký? Nay đã ngộ Đại thừa, vui với sự quyết định khác, cho nên được thọ ký về kiếp và cõi. Bồ-tát phát tâm cầu Phật, tu hành thành tựu, tự cảm thấy đủ, nên không ham thích cầu mau làm Phật, cũng không cần gấp được Phật thọ ký. Vả lại, giáo lý trước đây, đều có thọ ký cho Bồ-tát, đây là thường thuyết, nay theo chính yếu mà truyền, giải thích như trước...

2. Bồ-tát cũng được biệt ký: Điều Đạt và Long nữ, đâu chẳng phải được thọ ký ư? Lại phẩm Pháp Sư nói: “Người cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, cầu Phật đạo, các loại như vậy đều ở trước Phật nghe kinh Pháp Hoa, ta đều thọ ký cho họ sẽ đắc Tam-bồ-đề”, đó há chẳng phải đều được thọ ký ư?

3. Hàng Nhị thừa từ xưa đến nay chưa từng được thọ ký tám tướng, cho nên thọ ký cho họ về kiếp và cõi nước; Bồ-tát trước đã từng được thọ ký, cho nên không lặp lại đó thôi! Hàng Sơ trụ đã được thọ ký nông gần, chẳng phải là điều mà Bồ-tát ưa thích, điều mà Bồ-tát ưa thích chính là thọ ký xa đến Viên mãn Diệu giác tột cùng cực. Cho nên nghe phẩm Thọ Lượng xong thì vô số chúng sinh được lợi ích lớn, từ thấp nhất là hạng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đến cao nhất là Đại Bồ-tát một đời sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là do ở Diệu nhân mà được quả viên đốn tột cùng, đây mới là pháp thân Bồ-tát được ký biệt, sao gọi là vô ký ư!

Hỏi: Nếu Tiểu thừa ngộ Đại thừa, lẽ ra đồng thọ ký pháp thân sao chỉ được thọ ký tám tướng ư?

Đáp: Tám tướng là ứng ký, đã được ứng ký thì biết chắc chắn là có bản, vì muốn khiến cho hữu tình biết nghe cùng kết duyên mai sau,

nên ứng ký cho đó thôi!. Lại nữa, Nhị thừa đây nếu nghe được Thọ lượng thì đồng tổn sinh, được thọ ký pháp thân vậy.

8. *Nêu ngộ có cạn sâu*: Đã một phen đồng phá vô minh chứng nhập Sơ trụ, tất ít nhất cũng phải soi sáng chỗ tối tăm, ban đầu nghe nói pháp mà còn nhập Phật tuệ, lại nghe nói Thí dụ đầu thể không sáng thêm, lại nghe Lý nhân duyên tức tự tăng tiến, lại nghe Thọ lượng, càng thêm sâu xa. Như người nghe pháp, nghe lại ắt phải hơn trước. Còn nghĩa đơn, phức, dày, mỏng có thể biết.

9. *Nêu Quyền Thật được lợi ích không đồng*: Có một giải thích rằng: “Hành ở Thật được lợi ích, hành ở Quyền chỉ là tiếp dẫn ảnh hưởng, không luận đến lợi ích kia”. Nay nói rõ không như vậy. Nếu đến phẩm Thọ Lượng thì quyền thật đều được lợi ích, tăng đạo càng cao, tổn sinh càng hết, gần viên bên cạnh cực thì chỉ có Nhất sinh, đâu chẳng phải quyền ấy lợi ích ư? Do đó ban đầu là khiến ảnh hưởng đều thuận thực ở hành thực, sau nói quả tốt cùng thì đạo tự sáng tỏ. Văn nói: “Xuất nhập lợi tức biến khắp các nước khác”. Sinh lợi tại nước khác tức là lợi mình, Thật hành được lợi ích, do nơi Quyền dẫn, công hóa tha trở về mình, Quyền cũng được lợi ích. Cho nên, một âm diễn thuyết pháp mà chúng sinh tùy loại đều được hiểu hết, đâu cần phải đợi đến khi nghe Thọ lượng?... Lại, ta tự muốn được đại pháp chân thật thanh tịnh này tức là tự lợi ích.

10. *Nêu đợi thời, không đợi thời*: Như thế trước không ngộ, ắt đợi Pháp Hoa mới ngộ gọi là “đợi thời”. Giáo trước Pháp Hoa đã giải gọi là không đợi thời, vì sao vậy? Phật có hai thuyết: hiển và mật. Nếu theo hiển thuyết mà luận, thì trước Pháp Hoa hàng Nhị thừa chưa ngộ Đại đạo, chủ yếu cần phải có năm vị điều hòa thuận thực hội tại Pháp Hoa, cho nên kinh nói: “Vì thời thuyết chưa đến. Nay chính là đúng thời, quyết định thuyết Đại thừa”, đây tức đợi thời vậy. Nếu theo mật, thuyết mà luận, thì chưa hẳn đợi đủ năm vị tại Pháp Hoa mới hội. Vì trước đó bí mật có nhập, nên gọi là không đợi thời, đây chính là theo nghĩa Đại mà xét thời hay không thời. Nếu căn cứ ba vòng, thì cũng là đợi thời không đợi thời. Hai môn bản tích, cũng là đợi thời không đợi thời; cho đến có ngộ nhập trước sau, tức là ý này.

Hỏi: Có một thứ căn tánh chẳng mật chẳng hiển, hai thời không nhiếp, đúng là mất thời cơ vĩnh viễn không được ngộ ư?

Đáp: Các kinh khác có khi nói đây là thất thời, kinh này không như vậy. Người này tuy nơi mật hiển hai thời không ngộ, tuy tưởng là diệt độ, nhưng là sinh ở cõi kia được nghe kinh này. Cho nên, không thất

thời (mất thời) mà chính là đợi thời ở cõi kia.

Hỏi: Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi, nên gọi là thất thời ư?

Đáp: Số người này nên coi là người hoàng kinh sau khi Như Lai diệt độ, thọ sự lợi ích.

Hỏi: Thân-tử vòng đầu tiên vì hàng tam căn tứ chúng mà tỉnh, vòng thứ hai vì hàng trung căn hạ căn mà tỉnh, vì sao nói đức Phật đều vì ba hạng căn cơ, ba vòng thuyết pháp ư?

Đáp: Đây là ngữ không tiện, tỉnh thì vì tất cả mà tỉnh, thuyết thì cũng vì tất cả mà thuyết, nhưng hàng thượng căn lợi trí nghe pháp thì đắc ngộ, hạng trung căn ở vòng giữa sau khi nghe thí dụ thì đắc ngộ, hạng hạ căn ở vòng sau sau khi nghe ba lần thì đắc ngộ. Ông nên theo nghĩa, sao lại theo ngữ (lời nói).

Hỏi: Đời trước là pháp sự quá khứ, thí dụ là việc hiện tại phải không?

Đáp: Kinh không có văn nghĩa, nhưng suy ra nên như vậy. Dẫn tam trở về nhất, tam hướng về nhất, nhất như thế chính là hiện tại. Nên sự làm thí dụ, thí dụ tức là hiện tại, chuẩn sau hướng về trước, nên đúng như ông đã hỏi.

Hỏi: Xưa cho rằng ngũ trước làm chướng Đại, bốn câu giải thích như trước nói: Có người thì đoạn kiến hợp với vô minh chung làm chướng. Theo Pháp Hoa luận nói: “Người không phiền não mà có tâm nhiệm mạn, thì không biết nhất thừa pháp thân thường trú”. Nếu hàng bác địa (là hạng người biết nhiều) không chấp Niết-bàn mà không nghe pháp, tức là chỉ riêng vô minh làm chướng. Nếu vậy là sẽ ba vòng nghe pháp rồi phá vô minh, hay là chưa nghe pháp mà phá vô minh? Nếu nghe pháp rồi phá, thì vô minh chẳng phải là chướng? Nếu chưa nghe pháp mà phá được vô minh, thì đều là lo lắng, không có chướng? nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Đó là người ấy lập nghĩa, nay vì kia thông. Ví như đèn sáng thì bóng tối mất, không thể định đoạt kia trước hay sau. Tuy không trước sau, mà tối thì nhất định là chướng...

Hỏi: Kinh Thắng Man nói: “Sơ nghiệp của tam thừa không ngu muội nơi pháp, tự biết sẽ giác tri”. Kinh Ưu-bà-tắc Giới quyển mười bốn nói: “Nhị thừa tự biết đắc Bồ-đề lại còn chấp quả Tiểu thừa”. Lại, quyển mười ba nói: Người biết thì dễ, người hành mới khó. Tuy biết nhất thừa mà chấp thủ La-hán. Hai kinh kia đều nói biết, kinh này vì sao tam căn về sau vẫn tự không biết? Ban đầu nghi, sau ngộ, nghĩa đây như thế nào?

Đáp: Kinh này cũng nói biết. Văn nói: “Nếu thật đắc La-hán mà không tin pháp này, thì không có chỗ ấy; trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không có Phật”. “Người này tuy khởi tưởng là diệt độ nhưng nếu gặp được đức Phật khác thì được quyết liễu”. Gồm có ba ý:

1. Trước nêu biết.
2. Tiếp nêu không biết.
3. Sau cùng hợp qui về biết, không phải vĩnh viễn không biết.

Lại, Thân-tử nói: “Nay ở trước Phật, chúng đều rơi vào nghi hoặc, ta nay không biết nghĩa ấy về đâu?”. Lại, thời đức Phật Đại Thông, thì Thanh văn phần nhiều sinh nghi hoặc, họ được thấy Phật nghe pháp mà còn nghi không biết, huống chi không thấy nghe, thì sao bỗng được biết? Nếu chấp hai lời văn trên, thì mâu thuẫn lẫn nhau, chỉ tăng thêm sự cạnh tranh, đối với đạo đâu có lợi ích? Luận ấy nên ngưng lại, có thể luận các việc khác. Thanh văn thành Thánh năng biết hay không năng biết, chỉ có cảnh giới Phật mới rõ, không phải chỗ có thể luận bàn. Nay thử làm sáng tỏ tam thừa sơ nghiệp. Sơ nghiệp có hai: nếu lâu xa là sơ nghiệp từng nghe Đại, thì không ngu muội đối với pháp. Nếu chấp nhận trung gian quên, ngày nay học Tiểu thừa, bắt đầu tu Niệm xứ làm sơ nghiệp, thì không biết nghĩa ấy như thế nào? Nếu hiểu được ý đây, lấy Quyền làm sơ nghiệp thì có thể biết, lấy Thật làm sơ nghiệp thì không thể biết. Có người nói: “Người lợi căn thì có thể biết, người độn căn thì không thể biết”. Đây lẽ ra có bốn câu: Quyền làm lợi độn, chỉ bày đều không thể biết, Quyền làm lợi độn, chỉ bày đều năng biết, Quyền làm lợi độn, nghe thì năng biết, không nghe không biết, Quyền làm lợi độn, đều chỉ bày chẳng biết chẳng không biết. Nay không dựa vào đây để phê phán, mà chỉ chọn quyền thừa tức trong tâm liễu liễu, từ lâu đã biết Thật thừa. Người tu hành vì chưa đắc nhập Đại, cho nên không biết. Đối với nghĩa tự hiển bày...

Hỏi: Duyên giác xuất hiện gặp thời không có Phật vì sao ba vòng được có Duyên giác?

Đáp: Thích Luận nói: “Duyên giác và Độc giác: Độc giác xuất hiện gặp thời không có Phật, Duyên giác nguyện sinh vào thời có Phật”. Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát hạ xuống Đâu-suất phóng hào quang chiếu sáng, giác thì xả thân, không giác thì dời đi. Đại kinh nói: Tuệ tinh. Trung luận nói: Bích-chi-phật xuất thế, thì Phật pháp đã diệt, đây là người Độc giác. Nguyện sinh đời có Phật, trước đắc sơ quả mười bốn đời chưa mãn, gặp Phật thì thành La-hán, không gặp Phật thì thành Độc giác. Kia đã gặp Phật cũng không xả thọ mạng cũng không

bị dời đổi, nguyện thấy Phật cho nên nhị quả tam quả theo lệ thường thì như vậy. Lại, có Bộ hành Duyên giác, vào thời không có Phật thì thầy trò dạy bảo giáo hóa. Đây nên có hai hạng: Sau thời không có Phật, không có văn tự, chúng sinh căn độn, thì Bích-chi-phật không thuyết pháp, đây không phải Bộ hành. Bộ hành là năng thuyết pháp. Lại, có biến hóa Duyên giác, để thích ứng với người muốn thấy thì hiện thân Duyên giác. Nay trong pháp hội qua ba vòng có Duyên giác, nghĩa kia có thể tự hiểu...

Vòng đầu tiên nói pháp, văn chia làm năm phần:

1. Từ “Ông đã ân cần ba phen thỉnh đầu được không thuyết” đến hết quyển (hết phẩm Phương Tiện), chính là Phật nói pháp.

2. Từ đầu quyển thứ hai (phẩm Thí Dụ) đến hết phần kệ tụng đầu tiên, là Thân-tử lãnh giải.

3. Từ “Ta nay ở trong hàng trời người” đến “Phật sở hộ niệm”, là Phật thuật lại sự thành tựu.

4. Từ “Ông ở đời sau” đến “Nên phải tự vui mừng”, là thọ ký.

5. Từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” đến “Trọn hồi hưởng Phật đạo” là bốn chúng hoan hỷ.

Phần 1: Có Trường hàng và Kệ tụng:

Trường hàng chia làm ba:

1. Hứa (chấp thuận).
2. Thọ chỉ.
3. Chánh thuyết.

- Hứa văn chia làm ba:

1. Thuận hứa.
2. Giới hứa.
3. Giải hứa.

“Ông đã ba phen thỉnh” là thuận hứa. “Ông nay lắng nghe” là giới hứa, “lắng nghe” là Văn tuệ, “khéo suy nghĩ” là Tư tuệ, “nhớ đó” là Tu tuệ. Đại kinh nêu bốn thiện pháp làm nhân đại Niết-bàn: Thứ nhất là Như Lai thiện tri thức. Ba thứ còn lại có thể hiểu. “Khi Phật nói lời ấy” là giải (chọn lọc) chúng hứa. Năm ngàn người còn ngồi trong pháp hội cho nên đức Như Lai ba lần nói “thôi”, nay sẽ hứa thuyết, do uy thần của Phật khiến bọn họ bỏ đi, nên nói: chọn lọc chúng. Do ngũ trước chướng nhiều, gọi là “tội nặng”. Chấp Tiểu che lấp Đại, gọi là “gốc sâu”. Chưa đắc mà cho là đắc, gọi là “thượng mạn”, chưa đắc ba quả chưa chứng Vô học. “Có lỗi dướng ấy” tức là ba thứ lỗi: chướng, chấp và mạn. “Mà không ngăn cản”, trên nghe khai tam hiển nhất, mới

nói sơ lược nghĩa mà họ đã ẩn chứa sự ngờ vực, nhưng sinh phỉ báng, huống là nói đủ nhân duyên cất giữ hạt châu, cho nên họ bỏ đi thì có ích. Nếu nghe rộng về khai tam hiển nhất, trái với tình, họ khởi tâm phỉ báng, thì có tổn hại. Vì vậy cho nên Phật không ngăn cản. “Trong chúng đây không còn cành lá”, vì cành lá thì vụn vặt không thể làm đồ dùng, hạng này chấp phương tiện trong phương tiện, chẳng phải là pháp khí Đại thừa. Đại Phẩm nói: “Bám lấy cành lá mà bỏ gốc rễ, thì người ấy không thông tuệ”, tức là nghĩa này. “Lui về cũng là tốt” đã vì Tiểu mà tự che lấp, lại cản trở ánh sáng Đại của chúng khác. Nay thoái lui không chỉ trích phỉ báng pháp, và không có lỗi làm chướng ngại người khác, cho nên nói “tốt”. Trước đó vì cành lá chưa bỏ nên Như Lai ba phen nói “thôi”. “Chỉ còn hạt chắc”, “nguyện nghe”, cho nên Thân-tử thỉnh lần thứ tư. Thầy trò cùng xem xét kỹ căn cơ trong chúng, không phải riêng trò khẩn khoản thôi vậy.

Hỏi: Đức Phật đại từ bi, sao không dùng thần lực khiến cho họ vẫn ở trong hội mà không nghe được, như trong kinh Hoa Nghiêm Thanh văn nghe mà như cầm điếc, sao không tăng tình trạng “độc cổ”(tiến trống độc) như trường hợp hai Tỳ-kheo tên Hỷ-căn và Thắng-ý?

Đáp: Mỗi mỗi đều có nguyên nhân: Ở tận cuối thời Hoa Nghiêm mới bắt đầu khai tiệm, chưa phá chấp Tiểu thừa cho nên cùng ngồi trong một pháp hội mà có cách biệt. Nay pháp của chư Phật lâu sau tất yếu phải nói chân thật. Chính muốn diệt hóa phá am, nên cần phải chọn cho đi. Nếu dù bỏ đi hay ở lại đều phỉ báng, thì phải như Hỷ-căn mạnh thuyết. Nay bỏ đi thì có ích, sao bỗng khiến ở lại? Ở lại thì có tổn hại, sao bỗng không khiến cho đi? Nếu như Hỷ-căn vì lòng từ mà mạnh thuyết, thì đức Như Lai vì tâm bi cho nên khiến họ đi.

Hỏi: Năm ngàn người nấn ở lại trong pháp hội thì không được lợi ích, vậy đi thì có ích gì?

Đáp: Đây chẳng phải chúng đương cơ, mà là chúng kết duyên đó thôi! Đã như trên nói: “Xưa vào thời đức Phật Đại Thông cũng có vô lượng chúng sinh tâm sinh nghi-hoặc, đời đời cùng sinh với Thầy, nay đều được độ”. Chúng này cũng như vậy. Khi thuyết Đại kinh có một vạn năm ngàn ức người đối với kinh này không sinh tín tâm, những người ấy ở đời vị lai cũng sẽ được tin. Theo lệ thường, lợi ích này là ở chỗ không chờ đợi lâu. Trong kinh Kim Quang Minh nói ở cõi Diêm-phù-đề có hai hạng người, cũng là theo ý đây.

“Ông nay khéo nghe” tức là kết phần Hứa. Phần Thọ chỉ thì như văn.

Từ “Pháp nhiệm mầu như thế “ trở xuống là phần chính thuyết rộng, văn chia làm hai phần:

1. Nêu bốn đức Phật, rộng nói quyền thật của chư Phật trên.
2. Nêu đức Phật Thích-ca, rộng nói quyền thật của đức Phật Thích-ca.

Ở phần trên, câu thì ít là văn lược, tổng nói chư Phật là người lược, chỉ khai tam hiển nhất là nghĩa lược. Trong phần này, chương cú nhiều là văn rộng, nêu năm đức Phật là người rộng, nêu sáu phen là nghĩa rộng. Sáu phen là:

1. Tán thán pháp hy hữu.
2. Nói không hư dối.
3. Khai phương tiện.
4. Chỉ chân thật.
5. Nêu ngũ trước, giải thích quyền.
6. Bỏ sai, đôn đốc tu Thực.

Khen ngợi pháp khiến sinh tôn trọng. Nói không hư dối để cản ngăn chúng phỉ báng. Khai phương tiện khiến không chấp Tiểu thừa. Chỉ chân thật khiến chúng ngộ Đại thừa. Nêu ngũ trước, chỉ bày phải thi hành pháp tam thừa. Loại bỏ cái sai, cần phải chân thật. Ở trong năm chương, mỗi mỗi nên đủ sáu nghĩa, mà trước sau xen nhau xuất hiện không đầy đủ là sao? Bởi do đức Như Lai khéo thuyết, khiến lược mà không thiếu, đầy đủ mà vẫn không rườm rà. Lại, sáu nghĩa trước sau cũng lại không còn...

Phần một: Nêu bốn đức Phật chia làm hai phần:

1. Tổng nêu chư Phật.
 2. Liệt nêu ba đời.
- Phần tổng nên đáng lẽ đủ sáu, nay chỉ có bốn:
- a. Tán pháp.
 - b. Không hư vọng.
 - c. Khai phương tiện.
 - d. Chỉ chân thật.

Thiếu hai nghĩa, chỉ ở văn sau. Trong tán thán pháp thì khen cả hai thí dụ và pháp. “Đúng thời mới nói”, tức chư Phật đồng xuất hiện ở đời Ngũ trước, quyết trước khai tam thừa như nay đức Thế Tôn hơn bốn mươi năm mới hiển bày chân thật, lâu xa hiếm ít cho nên nói “đúng thời mới thuyết”. Từ lâu không thuyết là vì con người không kham nổi, vì thời chưa đến, vì năm ngàn người chưa đi. Nay, con người đã kham nổi, thời đã đến, năm ngàn người đã đi, đức Phật quyết định thuyết Đại thừa,

cho nên nói: “đúng thời mới thuyết”. “Hoa Ưu đàm” phương này gọi là “hoa Linh-thoại” ba ngàn năm mới xuất hiện một lần. Hoa hiện thì Kim luân vương xuất hiện, là tiêu biểu tam thừa điều hòa thuần thực rồi sau mới thuyết Diệu pháp, thọ ký cho Pháp vương. Lại, phân ra là phải vượt qua ba vị Lạc, Sinh-tô, Thực-tô, rồi sau mới thuyết ĐỀ-hồ. Giải thích theo Quán tâm: Quán tâm tức trung, gọi là “Thoại”, quán suốt đến Thực tướng của tất cả pháp, gọi là “Linh”... “Các ông nên tin” là khuyến tin pháp Phật nói không hư dối. Đây là lý đến chỗ thâm sâu, khác với lý xưa. Đây nói rất vi diệu, trái với xưa nói. Đây hành rất khắp, trái với xưa hành. Đây người rất thù thắng, hơn người xưa. Rồi lại chỉ xưa người làm bốn hạng là thô, mà nay đều là diệu. Sợ người nghe sinh phỉ báng, cho nên khuyến tin. Tin người thuyết không hư dối và tin pháp được thuyết là không hư dối.

Từ “Theo thời nghi mà thuyết pháp” trở xuống, là Khai phương tiện, văn chia làm ba: Khai mở, Giải thích, Tổng kết. Phần khai nêu Phật đạo tùy theo ba hạng căn cơ, để thích nghi nên thuyết phương tiện, cho nên nói “theo thời”. Ý Phật là pháp thật mà chúng sinh chẳng thể hiểu, cho nên nói “ý thú khó hiểu”. “Vì sao?” là để giải thích. Nêu quyền năng của đức Phật nay, giải thích chư Phật phương tiện, xảo tuệ đồng, cho nên mượn đây để giải thích kia. Như “Ta dùng vô số phương tiện”, là chư Phật khai quyền cũng như ta vậy. “Pháp ấy chẳng thể suy lường”, đây có hai nghĩa: Hoặc là kết phần khai Quyền, hoặc chính là để hiển Thật. Kết khai quyền, là “ý Phật khó biết, chỉ có Phật với Phật mới hiểu được”. Người lãnh thọ cho là ba, chư Phật biết một thôi.

- Hiển thật, tức thuộc văn sau, văn chia làm năm phần:

1. Nêu pháp và Người đều thù thắng.
2. Nêu ý Phật xuất thế.
3. Chỉ bảo lại.
4. Chính giải thích.
5. Kết thành tự.

Phần một: Nêu Pháp và Người, pháp vô phân biệt chỉ có đức Phật mới biết. Phật dùng trí vô phân biệt để hiểu biết pháp vô phân biệt, tức là hiển thật pháp. Từ “Vì sao” trở xuống là phần hai: Nêu ý xuất thế, có hai phần: một là tổng, hai là phân chữ. Tổng là chư Phật giác ngộ tương như thật, vì thật đạo này xuất ứng thế gian chỉ khiến cho chúng sinh đắc thật tướng này, chỉ vì sự này mà xuất hiện ở đời, chưa từng có sự khác. Trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều gọi là ma sự.

Phần hai: Phân chữ giải thích: “Một” là một thật tướng chẳng

phải năm, chẳng phải ba, chẳng phải bảy, chẳng phải chín, cho nên nói “Một”. Tánh kia rộng lớn, rộng đến năm, ba, bảy, chín cho nên gọi “đại”. Nghi thức chư Phật xuất thế, gọi là “sự”. Chúng sinh có cơ này cảm đến đức Phật, cho nên gọi là “nhân”. Phật nương căn cơ mà ứng cho nên gọi là “duyên”. Đó là bản ý xuất thế. Mà nay khai ba làm một lộng dẫn đó thôi. Như người muốn nhận lấy, trước sẽ cho họ, tuy nói các thứ đạo nhưng kỳ thật là một thừa, tức nghĩa đây vậy. Từ “Xá-lợi-phất! Sao nói rằng” trở xuống là phần ba: Chỉ bảo lại. Dem ý muốn phân biệt nói lại lần nữa đề khởi làm nguyên nhân giải thích. Lại, đại sự này là cái mà đức Phật tôn trọng, như trong Thích Luận nói: Phụ vương muốn nghe nhiều lần tên Thái tử, nên thường nói không chán đủ... Từ “Các đức Phật Thế Tôn” trở xuống là Phần bốn: Chính giải thích. Trước nêu ra các kiểu giải thích. Xưa nói bốn cái nhất: Quả nhất, Người nhất, Giáo nhất và Nhân nhất. Hai câu đầu căn cứ người thuyết (Phật), hai câu sau căn cứ người thọ lãnh. Căn cứ người nói, là một phen đối với nhân môn trước, lược thuyết lý quả, trước “khai tri kiến Phật”, cuối cùng đối với quả môn sau, là rộng hiển lý quả là “thị (chỉ bày) tri kiến Phật”. Căn cứ người thọ lãnh: Nhân môn trước lược khai, mới bắt đầu được ngộ hiểu, quả môn sau rộng được thâm nhập lý thú. Nay không dùng kiểu giải thích này. Sao kinh lại nêu bốn câu đều nói là “khiến cho chúng sinh”? Ý của các lời nói đó đều quyết định căn cơ trước được lợi ích, chẳng liên quan đến hóa chủ. Cần làm cho người sở hóa được khai ngộ, sao lại phân hai câu làm người năng tác khai thị ư? Lại, chính là nhân môn thuyết pháp, khi khai tam hiển nhất, đâu được phân ra hai câu thuyết trong quả môn ư? Quả môn nhân duyên chưa hợp, đâu được dự định thuyết. Nếu vậy, thì sáu điều lành bắt đầu hưng khởi, Phật chưa ra khỏi định, lẽ ra là lược thuyết; năm ngàn người chưa đi, lẽ ra phải rộng thuyết. Hai chỗ kia đã không như vậy, thì quả môn sao lại được như đây? Phương dưới chưa xuất hiện, phân thân chưa tụ tập, thì sao được dùng hai câu nhân môn làm quả môn ư!

Tiếp đến ngài Trạch Quang nói: một câu đầu là khai trừ khai xuất. Xưa phương tiện thuyết tam khiến trừ ngũ trước, khai xuất Đại thừa để giác ngộ tri kiến đạo lý. Trước tuy vì người khai thuyết lý này nhưng không nói lý do, nay lại chỉ bày so sánh lý này khiến sinh Văn tuệ, tuy nghe mà chưa biết lý do, nên rộng phân biệt khai ngộ Tư tuệ; đã tin ngộ được ý, tức khiến phát tâm học tri kiến Phật, khiến đắc Tu tuệ, nhập đạo lý tri kiến Phật.

Nay cũng không dùng. Tại sao ông cùng với xưa, gọi là Quả nhất?

Bốn câu nên làm nghĩa quả, tại sao dùng tam Tuệ để hiểu văn? Nhân quả mâu thuẫn, trước sau trái nhau. Lại, tam tuệ nhiều loại, kinh này chính phá nhị thừa, quyết định không dùng tam Tuệ trong Tam tạng. Phương tiện của Bồ-tát cùng nhị thừa đồng, là ý của Thông giáo, lại cũng không thể dùng. Nếu tam Tuệ Biệt giáo là pháp của Bồ-tát, thì chẳng phải pháp Phật. Nếu nói tam tuệ Viên giáo, thì tam tuệ Viên giáo chưa khai tri kiến Phật, cho nên tiêu hóa kinh không nổi. Nếu các tam tuệ khác, thì cách kinh càng xa. Nếu là tam tuệ theo Viên giáo thì nghĩa Quả nhất không thành, cũng không thể dùng.

Tiếp đến Địa luận sư nói: Hằng sa thứ năm đắc tám phần giải, tức ở địa vị Tam thập tâm, là “Khai”, từ Sơ địa đến Lục địa thì Kiến Tư hoặc tận giải chuyển phân minh, như “Thị”. Thất địa đến Bát địa, không, hữu đều quán vô ngại, như “Ngộ”. Thập địa là “Nhập”. Dẫn kinh nói Thập địa gọi là nhãn kiến. Nay cũng không dùng. Vì sao? Vì kinh này nói rõ khai tri kiến Phật. Phật dùng nhất thiết chủng trí để “tri” Phật dùng Phật nhãn để “kiến”, khai trí nhãn này mới gọi là “tri kiến Phật”. Sao nói chấp lấy Hằng sa sinh tám phần giải, đây chưa nhập địa. Gọi đó là khai, thì khai như vậy tức chẳng phải khai Phật nhãn, tri như vậy chẳng phải Nhất thiết chủng trí tri, không hợp với kinh cho nên không dùng.

Có người giải câu đầu là lý, ba câu sau là lược giải. Nghĩa là tám khổ năm trước làm chướng ngại quả đương lai, tức là “đóng”. Nay giáo trừ năm trước, Phật quả tri kiến hiển bày, cho nên gọi là “khai”. Ưế lụy trừ mà lý hiển bày, gọi là thanh tịnh. Ba câu sau là văn tứ tu. Vấn nạn đây đồng với trước.

Có người nói: Tam thừa Biệt giáo là “khai”, tam thừa Thông giáo là “thị”, chuyển vô lượng nghĩa là “ngộ”, Pháp Hoa là “nhập”. Lại, có người giải thích tam thừa Thông là “khai”, chuyển đổi là “thị”, vô lượng nghĩa là “ngộ”, Pháp Hoa là “nhập”. Hai lời giải này phân tích ba câu hưởng đến các kinh khác, tách ra một câu đặt nơi Pháp Hoa. Những người này đã phân tích, xuyên tạc, cắt xéo, vu khống, lỗi đó rất lớn.

Có người nói: Địa vị tam thập tâm là “khai”, Sơ địa đến Lục địa là “thị”, Thất địa đến Cửu địa là “ngộ”, Thập địa là “nhập”. Người này ở bên Thông mà cậy Biệt, nói lời như thế là chưa thấy sự đặc thù của Pháp Hoa, thì sao có thể khen ngợi kinh được?!

Có người dẫn các kinh Hoa Nghiêm, Anh Lạc, Nhân Vương, luận Nhiếp Đại Thừa quyển mười bảy, Địa luận quyển năm, và nói rằng: Phạm phu đều có năm mươi hai địa vị, trước Địa có bốn mươi tâm, sao không dùng? Người này lầm dẫn kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm không

nêu Thập tín. Giả như, các bộ nêu rõ trước Địa có bốn mươi tâm (tứ thập tâm vị) đều không phải đạo đoạn, do đâu mà dùng bốn mươi tâm này để giải thích khai tri kiến Phật? Đều là nói tùy tiện đó thôi!

Có người dẫn lời của Thích Luận: “Bốn trí tổng, biệt nhất thời mà đắc”, cũng không nên dùng lời ấy để giải thích Khai thị ngộ nhập. Vì khai thị ngộ nhập tự như có sẵn sẵn. Lại, tứ trí địa vị cao, khai thị thông cận đến sâu, đây lẽ ra chẳng theo lệ. Người này chỉ thấy Thích luận nói Tứ trí nhất thời, mà không thấy Khai thị nhất thời.

Có người nói: Phi không phi hữu là “khai”, năng không năng hữu là “thị”, không hữu bất nhị là “ngộ”, biết rõ không hữu bất nhị mà nhị là “nhập”. Người này căn cứ nhị để giải thích, còn chưa thể cứu ra khỏi Nhị thừa, sao có thể là một ý với Pháp Hoa?

Có người nói: Thấu đạt lý tam đế là “khai”; tam đế phân minh là “thị”; không thấy tam đế là một là khác, là “ngộ”, tùy duyên thuận dòng gọi là “nhập”. Người này dựa vào nghĩa Tam đế quanh co, còn chưa đến pháp Bồ-tát, hướng là pháp Phật.

Có người giải thích: Tri kiến Phật là, Nhất thiết trí tổng tướng là “tri”, Nhất thiết chủng trí biệt tướng là “kiến”. Đây cũng không đúng. Thích luận nói: “Nhất thiết trí là Thanh văn trí, Đạo chủng trí là Bồ-tát trí, Nhất thiết chủng trí là Phật trí”. Đây là trải qua riêng Nhất thiết chủng trí, chẳng phải Tam trí tại trong nhất tâm, sao lại đem “Tri” của Nhị thừa để phân biệt “kiến” của Phật, để giải thích Tri kiến Phật viên mãn!

Có người giải thích: “Tận trí phiền não thanh tịnh, gọi là “tri”, là vô sinh trí nhân quả; các tai họa phiền lụy cuối cùng không còn sinh, gọi là “kiến”. Người này chấp Phật theo nghĩa chung chung gọi là giáo, giải thích Phật cứu cánh đều không tương ứng. Như trên các sự trích dẫn một cách tùy tiện các lời kinh, họ đều không thấy đại ý của Pháp Hoa.

- Pháp Hoa Luận nói:

1. Vô thượng nghĩa, trừ nhất thiết trí, hoàn toàn không có sự khác, như kinh nói “khai tri kiến Phật, vì muốn cho chúng sinh được thanh tịnh cho nên xuất hiện ở đời”.

2. Đồng nghĩa: Thanh văn Bích-chi-phật vì Phật tánh pháp thân bình đẳng, như kinh nói “muốn chỉ bày thị tri kiến Phật cho chúng sinh, nên xuất hiện ở đời”, vì Phật tánh pháp thân hoàn toàn không có sai biệt.

3. Bất tri nghĩa, nghĩa là hàng nhị thừa không biết rốt ráo chỉ một Phật thừa, như kinh nói “muốn chúng sinh ngộ tri kiến Phật, nên xuất

hiện ở đời”.

4. Muốn khiến chứng Bất thoái chuyển địa hiện cùng vô lượng trí nghiệp, như kinh nói: “muốn cho chúng sinh nhập tri kiến Phật”.

Luận lại nói thứ tự: Câu đầu, khai tri kiến Phật là vô thượng. Tiếp theo là thị hiện Tam thừa đồng có Phật tánh pháp thân, tuy nêu Phật trí vô thượng, lại e rằng có người tưởng là riêng đức Phật mới có, cho nên câu thứ hai: nói rõ Tam thừa đồng có. Tuy Tam thừa đồng có mà nhị thừa không biết, nên có câu thứ ba: chỉ bày khiến cho biết. Tuy biết mà không đắc Bất thoái, cho nên có câu thứ tư: khiến đắc Bất thoái. Lại, lần thứ nhất, căn cứ Bồ-tát thì: “Khai” như trước, “Thị” là các Bồ-tát có nghi thì khiến họ biết như thật mà tu hành, “Ngộ” là người chưa phát Bồ-đề tâm thì khiến họ phát Bồ-đề tâm, “Nhập” là đã phát Bồ-đề tâm rồi thì khiến nhập pháp. Lần thứ ba, căn cứ phàm phu thì: “Khai” như trước, “Thị” là bảo cho phàm phu kia biết là họ có pháp thân Phật tánh, “Ngộ” là khiến cho ngoại đạo chúng sinh giác ngộ, “Nhập” là khiến nhập đại Bồ-đề. Nay sư giải bốn lần không trái với luận, luận thì giải thích mỗi mỗi một câu, nay một câu giải thích bốn cách. Luận nêu chứng địa vị bất thoái chuyển, nay giải thích theo bốn vị. Luận nói Tri là thực Như Lai năng chứng, nay giải thích theo bốn trí. Luận nêu sự đồng nghĩa, nay giải thích theo quán tâm. Luận nêu không biết xứ cứu cánh, nay giải thích theo bốn môn v.v...

Nay giải thích hiển thật vô lượng pháp đều là một, như Thập diệu trong Huyền Nghĩa thì đó là mười loại nhất, nếu hợp với xưa giải thích thì còn bốn nhất. Nếu vô lượng nhất, thì nhất sắc nhất hương đều là trung đạo, nghĩa đây có thể biết. Nếu làm mười nhất, thì văn kinh nêu đủ cả, tuy không thứ lớp nhưng mười nghĩa ấy không thiếu. “Vì sao? Vì ta dùng vô số phương tiện, các thứ duyên, lời lẽ thí dụ diễn thuyết các pháp”, văn đây là tự khai quyền. Từ “Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu”, là hiển bày Lý nhất. “Chỉ có chư Phật mới biết được đó” là Trí nhất. “Chỉ do một đại sự”, cần phải khéo phân biệt: “Một” là lý, “đại” là trí, “sự” là hành. Lý phát trí, trí dẫn hành. Theo nghĩa này thì là hiển Hành nhất. “Tri kiến” là trí biết lý, mắt thấy để pháp. Để pháp vô vi tức không còn phân biệt. Do vì vô vi mà có sai khác. Căn cứ tri kiến này mà luận khai thị ngộ nhập. Lấy lược mà phác thảo rộng thì có bốn mươi vị, đó là hiển Vị nhất. Lại, chọn kết bốn câu văn nêu “một”. “Một” tức pháp thân, “đại” tức Bát-nhã, “sự” tức giải thoát, là bí mật tạng là hiển bày ba pháp Nhất, “Xuất hiện ở đời” là hiển bày cảm ứng nhất, “chỉ giáo hóa Bồ-tát” là hiển bày quyền thuộc nhất,

“các điều làm ra” là hiển thân thông nhất, “chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sinh tỏ ngộ” là hiển lợi ích nhất, “chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp” là hiển thuyết pháp nhất. Kinh văn ẩn nghĩa tén như khế hợp. Nếu lược hợp với xưa làm bốn nhất, thì số đồng mà nghĩa khác. Xưa nói: Quả nhất nay nói Lý nhất, y nghĩa y văn. Y nghĩa: nếu không có lý nhất, thì các sự điên đảo đều là ma thuyết, chẳng phải Kinh Phật cho nên cần có Lý nhất. Y văn: Văn nói tri kiến Phật, nay chấp sở tri kiến, sở kiến tức đế, sở tri tức cảnh, cảnh đế tức lý thật tướng, cho nên gọi Lý nhất. Xưa nói Nhân nhất, nay nói Hành nhất. Nhân nói nghĩa riêng biệt, Hành nhất nói chung thu được cả nhân quả, cho nên nói Hành nhất. Nhân (người) nhất, Giáo nhất thì cùng với kia đồng. Nay hãy cứ theo lược thuyết, dùng bốn nhất để tiêu hóa kinh văn...

Trước giải thích Lý nhất, lại chia làm bốn ý:

1. Dựa vào bốn vị.
2. Dựa vào bốn trí.
3. Dựa vào bốn môn.
4. Dựa vào quán tâm.

1. Dựa vào bốn vị: Đế cảnh không thể tri kiến mà trí nhãn mới có thể tri kiến. Nhị trí tứ nhãn thì không thể tri kiến. Chỉ có Nhất thiết chủng trí Phật nhãn có thể tri kiến. Kinh nói “Vì muốn chúng sinh khai tri kiến Phật”, không luận Phật quả tự tri tự kiến. Nếu thiên nói về Phật quả thì mất chúng sinh, nếu nói chúng sinh thì không có tri kiến Phật, cho nên không thể thiên chấp. Người tu hành theo ba giáo Tạng, Thông, Biệt, chỉ là chúng sinh. Vì chưa có Phật nhãn, Phật trí, nên không thể tri kiến Phật tướng. Bốn vị theo Viên giáo cũng là chúng sinh. Lại, phân biệt đặc Phật nhãn Phật trí thì thành nghĩa chúng sinh, nghĩa tri kiến cũng thành. Cho nên dựa bốn vị đây để giải thích lý nhất, như trong Thụy tướng: Trời mưa bốn thứ hoa là tiêu biểu vạn thiện đồng quy đặc nhập bốn vị, nương bốn hoa vị để đến Phật quả, cho nên căn cứ vị để hiển lý. “Khai” tức là Thập trụ, ban đầu phá vô minh, khai Như Lai tạng, kiến lý thật tướng. Vì sao là lý tánh đức mà bị nhiễm trước hai Hoặc là Thông hoặc và Biệt hoặc. Vấn nạn có thể liễu tri. Hàng sơ tâm theo Viên giáo có thể tin, thọ, điều phục mà chưa thể đoạn thì không gọi là “khai”. Bên trong thêm quán hạnh, bên ngoài nhờ pháp vũ trợ giúp, phá sào huyết của Thông hoặc và Biệt hoặc, hiển xuất tánh chân tu tri kiến sáng tỏ khai phát. Như mặt trời hiện thì bóng tối tan biến, nhãn mục có công dụng cho nên gọi là “khai”, duyên tu phá Hoặc cho nên nói “khiến được thanh tịnh”. Kinh Nhân Vương nói: “Nhập lý Bát- nhã, thì gọi là trụ”,

trụ nơi vị Thập trụ như hoa trắng nhỏ (hoa Mạn-đà-la). “Thị” là Hoặc chướng đã trừ, thể tri kiến hiển bày, thể hiển bày đầy đủ vạn đức, pháp giới các đức hiển bày phân minh, cho nên gọi là “Thị”, tức là vị Thập hạnh như hoa trắng lớn (Ma-ha Mạn-đà-la). “Ngộ” là chướng trừ, thể hiển bày, pháp giới hành sáng tỏ, sự lý dung thông, hoàn toàn không có hai đường. Nhiếp Đại Thừa sư nói: Như lý trí như lượng trí, nay lý lượng không hai cho nên gọi là “ngộ”, tức là vị Thập hồi hương, như hoa đỏ nhỏ (Mạn-thù-sa). “Nhập” Sự lý đã dung thông tự tại vô ngại, tự tại lưu chú nhập vận từ A đến Trà, nhập biển Tát-bà-nhã. Như Nhiếp Đại Thừa sư nói: Như lý, Như lượng thông đạt tự tại. Như lượng tri kiến năng giữ gìn các đức. Như lý tri kiến năng ngăn ngừa các Hoặc, tức là vị Thập địa, như hoa đỏ lớn (hoa Ma-ha Mạn-thù-sa). Nhưng viên giáo diệu vị trong nhất vị, tức đã đầy đủ công đức của bốn mươi một địa, chỉ “khai” tức đủ cả “thị, ngộ, nhập”, lại chẳng có tâm khác, chỉ Như lý tri kiến không có phân biệt tướng cạn sâu, muốn hiển bày Như lượng tri kiến nên phân biệt bốn vị thôi! Phát tâm, tất cánh, cả hai không khác. Như vậy hai tâm thì tâm trước khó. Đã nói khó dễ, tức biết sơ tâm và tất cánh tâm. Mọi thứ sáng tối sâu cạn khác nhau, thì cũng như mặt trăng trước sau đều tròn đầy mà chúng ta thấy trăng mỏng một và rằm khác nhau. Bốn vị tri kiến đều chiếu sáng thật tướng, mà nói “khai, nhập” khác nhau.

2. *Dựa vào bốn trí:* Nay muốn dùng bốn trí của Viên giáo đối với bốn vị, không như giải thích của Thông giáo trong thời Bát-nhã.

1. Đạo tuệ, kiến đạo thật tánh, trong thật tánh được “khai tri kiến Phật”.

2. Đạo chủng tuệ, biết tướng của các đạo chủng biệt giải hoặc trong mười pháp giới, nhất nhất đều “thị tri kiến Phật”.

3. Nhất thiết trí, là biết hết thấy pháp nhất tướng tịch diệt, tịch diệt tức “ngộ tri kiến Phật”.

4. Nhất thiết chủng trí, biết tất cả pháp nhất tướng tịch diệt tướng, bao nhiêu hành loại tướng mao đều biết, tức “nhập tri kiến Phật”. Lại, Đạo tuệ thì như lý, gọi là “khai”. Đạo chủng tuệ thì như lượng gọi là “thị”. Nhất thiết trí thì lý lượng không hai, gọi là “ngộ”. Nhất thiết chủng trí thì lý lượng song chiếu, gọi là “nhập”. Đây cũng căn cứ trong thật lý không có sâu cạn, mà phân biệt sâu cạn.

3. *Dựa vào bốn môn Viên giáo:* Theo chiều ngang giải thích bốn câu: Không môn, nhất không nhất thiết không, tức “khai tri kiến Phật”. Hữu môn, nhất hữu nhất thiết hữu, tức “thị tri kiến Phật”. Cũng không

cũng hữu môn, nhất thiết cũng không cũng hữu, tức “ngộ tri kiến Phật”. Phi không phi hữu môn, nhất thiết phi không phi hữu, tức “nhập tri kiến Phật”. Năng thông thì bốn, sở thông thì một. Khai thị ngộ nhập là môn năng thông, sở tri sở kiến là lý sở thông.

4. *Dựa vào quán tâm mà giải thích*: Quán lý tâm tánh theo tam đế thì bất khả tư nghì. Pháp quán này sáng suốt thanh tịnh gọi là “khai”. Tuy bất khả tư nghì mà năng phân biệt tâm không, giả, trung, rõ ràng không xen lẫn, gọi là “thị”. Tâm không giả trung tức ba mà một, tức một mà ba, gọi là “ngộ”. Tâm không giả trung, là phi không giả trung, mà đều chiếu không giả trung, gọi là “nhập”. Đó là nhất tâm tam quán mà phân ra khai thị ngộ nhập có khác nhau.

Sở dĩ giải thích theo bốn thứ đó là vì: thấy lý do vị, vị lập do trí, trí phát do môn, môn thông là do quán. Quán cho nên môn thông, môn thông nên trí thành, trí thành cho nên vị lập, vị lập cho nên thấy lý, thấy lý cho nên gọi là Lý nhất.

Từ “Xá-lợi-phất! Đó là chư Phật vì một đại sự nhân duyên” trở xuống, tức là kết thành nghĩa Lý nhất. Xưa phương tiện giáo, cũng có nghĩa đặc, coi như khai thị ngộ nhập, mà không phải tri kiến Phật cho nên là quyền. Nay làm rõ tri kiến Phật, cho nên là thật. Thật tức là Lý nhất.

Từ “Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát” là nói rõ Nhân (người) nhất. Căn cứ phương tiện xưa, gọi là giáo hóa hàng tam thừa, lý thật mà nói chỉ giáo hóa Bồ-tát. Như gã cùng tử kia tự cho là khách làm người hạ tiện, Trưởng giả thấy biết thật là con mình, tức là Nhân (người) nhất. Từ “Các điều làm ra thương vì một việc” trở xuống, thì ngài Quang Trạch gọi là Giáo nhất. Nay nói là Hạnh nhất, vì các hạnh của hàng tam thừa gọi là “các” (số nhiều), vì viên cho nên “các”, tức là “một việc” (nhất sự). Hạnh này thấu đáo đến đâu? Chỉ hướng đến tri kiến Phật, chính là ý Hạnh nhất. Cũng có thể coi ý đây là Giáo nhất. Nếu căn cứ Giáo chủ, nếu nói “các điều làm ra chỉ vì giáo hóa” là sự, thì đây Giáo nhất là tiện. Nếu căn cứ người tu hành, nếu nói “các điều làm ra là sự sự, làm tức là hành”, thì nay nhận lấy nghĩa này, gọi là Hạnh nhất là tiện. Nhưng bốn câu đều có hai nghĩa, đến như trong câu Lý nhất, nếu chọn năng tri kiến thì Vị nhất là tiện và nếu chọn sở tri kiến thì Lý nhất là tiện. Trong câu Nhân (người) nhất, nếu chọn giáo hóa thì Giáo nhất là tiện, nếu chọn Bồ-tát thì Nhân nhất là tiện. Trong câu Giáo nhất, nếu chọn “dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp” thì Giáo nhất đây là tiện, nếu chọn nghĩa thừa vận chuyển thì

Hạnh nhất đây là tiện. Bốn câu thông khắp cả nhưng tùy theo nghĩa nào thuận tiện mà giải thích.

Từ “Chỉ dùng một Phật thừa” thì ngài Quang Trạch nói là Nhân nhất, nay nói Giáo nhất, giáo Viên đốn gọi là “nhất Phật thừa”, cho nên Phẩm Tựa nói: “Thuyết Kinh Đại Thừa tức là giáo nghĩa vậy”. Từ Biệt giáo trở lui đều gọi là có thừa khác, tức bất liễu nghĩa, chẳng phải nhất thừa của Phật. Ngài Quang Trạch nói: “không có hai là Thanh văn Duyên giác, không có ba là riêng hành Bồ-tát”.

Lại, có người nói: “Không có Bồ-tát Duyên giác là không có hai, không Thanh văn là không có ba”. Nếu theo kiểu giải thích này, thì chỉ là không có các thừa thuộc Tam tạng và còn ở nơi Thông thừa, đâu có quan hệ gì đến nhất Phật thừa? Có người nói: “Không có Duyên giác là không có hai, không có Thanh văn là không có ba, mà chỉ còn Bồ-tát Đại thừa”. Nếu vậy, thì chỉ không có Nhị thừa trong Tam tạng, không phải không có Bồ-tát trong Tam tạng, đây là còn có thừa khác, đâu liên quan đến Phật thừa? Chỗ nào nói kinh này coi Thanh văn là thừa thứ ba? Đã không có thứ lớp này, tức đều là vọng thuyết. Nếu theo ông nói: không có hai là không có Duyên giác, không có ba là không có Bồ-tát, thì thứ nhất là Thanh văn lẽ ra không được không có. Nếu vậy thì rất đảo loạn! Nay nói “chỉ dùng một Phật thừa”, là thuần nói Viên giáo thừa của Phật pháp; “Không có thừa nào khác” nghĩa là không có thừa khác theo Biệt giáo kèm phương tiện thuyết hữu dư. “Không có hai” là không có hai thừa trong thời Bát-nhã. “Không có ba” là không có pháp Tam thừa đối trị trong thời Phương đẳng. Như thế thì hai, ba thừa này đều không có, huống hồ ba thừa thuộc Tạng giáo?!

Từ “Xá-lợi-phất! Pháp của tất cả chư Phật ở mười phương cũng như vậy”, tức là phần Tổng kết thứ năm, nói ba đời Phật đều nêu Giáo nhất, Hạnh nhất, sau tổng luận về Người nhất Lý nhất, ở văn có thể thấy. Nếu ngay đoạn này tự làm bốn nhất thì cũng được, nhưng không cần vì tổng văn đã rõ. Kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển mười ba nói: Chín đời chư Phật, ba đời Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng như vậy. Ba đời Phật vị lai: Cổ Phật từ bi vào đời vị lai hiện các loại hình độ chúng sinh. Vị lai hiện tại Phật, là được thọ ký đời vị lai làm Phật. Vị lai vị lai Phật là sẽ được đức Phật chuyển thứ thọ ký. Quá khứ chuẩn theo đây có thể biết... Hiện tại hiện tại Phật đang là vị hóa chủ. Hiện tại vị lai Phật, là tiếp tục Phật trước. Hiện tại quá khứ Phật là cổ Phật thù tịch. Từ “Quá khứ chư Phật”, trong đây lẽ ra đủ sáu nghĩa mà chỉ nêu ra hai thứ:

1. Khai phương tiện.

2. Hiển chân thật.

Hai chỉ ý trên. Hai chỉ ý dưới. “Dùng vô lượng vô số phương tiện” là khai quyền, “pháp ấy đều là một Phật thừa” ,là hiển thật. Theo như trên “nhất Phật thừa” tức là Giáo nhất, “theo chư Phật nghe pháp” là tuy nghe pháp, pháp gia bị cho chúng sinh, mà bao gồm đấng Nhân nhất, “rốt ráo đều đấng nhất thiết chủng trí”, chủng trí sở tri tức là Lý nhất, năng tri tức là Hạnh nhất. Tuy không theo thứ lớp mà bốn nhất bao gồm đầy đủ. Từ “Chư Phật vị lai” cũng có hai nghĩa, chỉ trên chỉ dưới, bao gồm tức đủ sáu nghĩa. Từ “Phật hiện tại” môn chính là chủ hóa độ. Phần đầu nêu ý Phật xuất hiện, như trong đoạn trên “chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”, đoạn này cũng vậy “chỉ vì lợi ích an lạc chúng sinh mà xuất hiện ở đời”, tiếp đến khai quyền hiển thật, cũng đầy đủ bốn nhất.



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

(Phần Hạ)

Phần 2: Nêu đức Phật Thích-ca rộng nói quyền thật... trong sáu nghĩa thì ở đây không nêu tán thán pháp hy hữu.

1. Khai quyền.
2. Hiện thật.
3. Nêu năm trước, giải thích phương tiện.
4. Chọn lọc bỏ sai, đôn đốc tin một pháp thật.
5. Không hư dối.

1. *Khai quyền:* “Ta nay cũng lại như vậy”, “Ta” tức đức Phật Thích-ca hiện tại, cũng trước nêu ba sau nêu một. Như bốn đức Phật không khác cho nên nói “cũng lại như vậy”. “Biết rõ chúng sinh có những điều ưa muốn” tức là căn tánh dục của năm thừa, quá khứ gọi là căn, hiện tại gọi là dục, vị lai gọi là tánh, “thâm tâm mê chấp” tức là căn. “Phương tiện” tức là tùy nghi khai pháp Quyền ba thừa.

2. *Hiện thật:* “Như vậy, đều vì để chứng đắc một Phật thừa” tức là hiện Thật, “Phật thừa” là Giáo nhất, “nhất thiết” là Hạnh nhất, “chủng trí” sở tri là Lý nhất. Từ “Trong cõi nước ở mười phương còn không có hai thừa hà huống có ba” là nghĩa thứ ba: nêu năm trước, giải thích khai Quyền. Sắp nêu năm trước thì trước hết nêu ý kia. Trên đã nói: chư Phật khai Quyền hiện Thật mà chưa nêu là ẩn giấu Thật thi hành Quyền. Pháp kia thanh tịnh vắng lặng nhất như hư không, còn không có kèm theo pháp Quyền hai hoặc ba, huống chi có pháp Quyền riêng ba, hoặc riêng năm. Chỉ vì năm trước chướng nặng, pháp Thật thì không thể thích nghi, mà phải dùng pháp Quyền riêng ba hoặc riêng năm, cũng dùng pháp Quyền kèm theo hai hoặc ba, cho nên nói: “đối với một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba”. Phân biệt nói thành ba, hoặc là như kèm theo Nhị thừa, Tam thừa, hoặc là như riêng Tam thừa, riêng Ngũ thừa.

3. *Năm trước:* có bốn thứ phân biệt:

1. Nêu số.

2. Nêu tên.
3. Thể tướng.
4. Kết giải thích.

Số lượng và tên như văn. “Như thị” là nêu thể tướng. “Kiếp trước” không có thể riêng biệt, “kiếp” là thời gian dài lâu, sát-na là thời gian ngắn, chỉ căn cứ bốn trước lập giả danh này, văn nói “Thời kiếp trước loạn” tức nghĩa đây vậy. “Chúng sinh trước” cũng không có thể riêng biệt, bởi kiến mạn nhiều loạn, trên quả báo lập giả danh này. Văn nói “chúng sinh cấu trọng”, tức nghĩa đây. “Phiền não trước” chỉ năm độn sử làm thể. “Kiến trước” chỉ năm lợi sử làm thể. “Mạng trước” chỉ liên tục giữ gìn sắc tâm làm thể... Tướng, ấy là bốn trước tăng kịch liệt tụ tại ở thời đó, sân nhuế tăng kịch liệt, đao binh khởi, tham dục tăng kịch liệt, đói khát sinh khởi, ngu si tăng lịch liệt, dịch bệnh sinh khởi, tam tai khởi cho nên phiền não tăng gấp bội các kiến chuyển mạnh, sắc tâm thô xấu tệ ác gọi là “uế”. Tuổi thọ giảm các trước kết hợp tụ họp, như nước thành lũ, trời tối tăm, gió dữ dội, biển động sóng cao, loài cá độc, rồng dữ quấy nhiễu, những việc như thế xảy ra không lúc nào ngớt. Như kiếp sơ, Quang-âm thiên đọa xuống đất, ở đất nên khiến tâm ham muốn như chúng trời Đao-lợi vào vườn hoa gai góc, ngắm hoa mà sinh tâm đánh nhau gọi là “tướng kiếp trước”. “Tướng của phiền não trước” là tham như biển sâu nạp các dòng mà chưa từng no đủ, sân như rắn hổ phun độc nhiều các thế gian, si ám như bướng bỉnh ương ngạnh tối tăm hơn cả mực; mạn cao ngạo hạ thấp người, khinh bỉ lãng mạ vô độ, lưới nghi ngờ chằng chịt không tin không thể bảo thật được; đó gọi là tướng phiền não trước. “Tướng Kiến trước”: không người mà cho là có người, có đạo mà cho là không có đạo, mười sáu tri kiến, sáu mươi hai kiến chấp... cũng như lưới giăng, như rừng mây, trói buộc quanh co không thể ra khỏi được, đó gọi là “tướng kiến trước”. “Tướng Chúng sinh trước”: là ôm lấy sắc tâm lập một chủ thể, ví như nhựa keo không có vật gì là không dính, trôi dạt trong sáu đường thọ sinh khắp mọi nơi, như nghèo như yếu, hoặc gọi là giàu là thọ, đó gọi là tướng chúng sinh trước. “Tướng mạng trước” là sớm sinh chiều mất sáng hiện tối ẩn, như sóng chuyển khói bay xa chỉ trong nháy mắt liền dứt không trụ lâu dài, đó là tướng mạng trước.

Tướng của trước rất nhiều, không thể nói đủ. Nếu nói theo thứ tự, thì Phiền não và Kiến trước là căn bản. Từ hai trước này mà thành Chúng sinh trước. Từ chúng sinh có liên tục giữ gìn mạng, là Mạng trước. Bốn trước này trải qua thời gian, gọi là Kiếp trước.

Sau đây là phần Giải thích.

Hỏi: Năm trước nếu là chướng ngại lớn, thì trong thời Hoa Nghiêm người chưa trừ trước, làm sao có thể nghe pháp?

Đáp: Nên dùng bốn câu này để phân biệt:

1. Đại thừa lợi căn chướng nặng, do lợi căn cho nên chướng nặng không thể gây chướng, đây là những người ở cõi này, trong hội hoa Nghiêm ban đầu nghe Đại thừa.

2. Lợi căn chướng nhẹ.

3. Độn căn chướng nhẹ, đến cõi Tịnh độ phương khác nghe Đại thừa.

4. Căn độn chướng nặng, như ở cõi này những người đồng với Thân-tử trừ trước rồi mới nghe Đại thừa.

Hỏi: Năm trước có chướng Tiểu thừa không?

Đáp: Đây căn cứ Tiểu thừa, nên dùng bốn câu để phân biệt:

1. Tiểu thừa căn lợi chướng ngăn nhẹ không thể chướng là Thân-tử vậy.

2. Lợi căn chướng ngăn nặng cũng không thể chướng, như ngài Ương-quật vậy.

3. Căn độn chướng ngăn nhẹ cũng không bị chướng, là Bàn-đặc.

4. Căn độn chướng ngăn nặng, đây thì thành chướng không nghe Tiểu thừa không được độ.

Hỏi: Tự có người không ở thời Hoa Nghiêm không ở thời Tam Tạng mà được nghe Đại thừa Tiểu thừa, là vì sao?

Đáp: Đây căn cứ bốn giáo, trong mỗi một giáo dùng bốn môn phân biệt:

1. Người căn lợi ngăn cản nhẹ, nghe pháp môn “phi không phi hữu” mà nhập.

2. Căn lợi ngăn nặng, nghe pháp môn “cũng không cũng hữu” mà nhập.

3. Căn độn ngăn nhẹ, nghe pháp môn “không” mà nhập.

4. Căn độn ngăn nặng, nghe pháp môn “hữu” mà nhập. Hai giáo bốn môn căn cứ Tiểu thừa phân biệt, Hai giáo bốn môn căn cứ Đại thừa phân biệt, về chi tiết suy nghĩ có thể tự hiểu v.v...

Hỏi: Cùng là năm trước cố sao chướng Đại thừa mà không chướng Tiểu thừa?

Đáp: Chúng sinh trước nặng, vọng chấp năm ấm làm bốn đức, nếu nghe “Thường, Ngã” thì chấp trái là phải. Như ông thầy thuốc cũ, không biết tính năng tốt, xấu của sữa, không biết căn nguyên khởi bệnh,

không biết bệnh nào thì nên uống, bệnh nào thì nên kiêng sữa, không chút hiểu biết nên năm trước chướng Đại. Văn nói: “Nếu ta tán thán Phật thừa thì chúng sinh bị chìm đắm trong khổ” tức nghĩa đây vậy. “Nếu nghe “vô thường, khổ, không” thì nhàm chán sinh tử ưa thích Niết bàn”, tức phá tà chấp kia. Năm trước không chướng Tiểu. Văn nói: “Khi ta nghĩ như thế chư Phật khắp mười phương đều hiện phạm âm an ủi ta”, tức nghĩa đây vậy.

Xét ngũ trước theo tứ Tất-đàn: Kiếp, Mạng trước là Thế giới Tất-đàn. Chúng sinh, Kiến trước là Vị nhơn Tất-đàn, Phiền não là Đối trị Tất-đàn. Dùng ba Tất-đàn trừ năm trước kia, rồi sau mới thuyết Đế nhất nghĩa Tất-đàn. Nếu xét về Nhân quả của năm trước, thì có hai nhân ba quả. Có một là người và bốn là pháp. Có bốn pháp và một thời. Có hai báo chướng, hai phiền não chướng và Nghiệp chướng trong đó. Chúng sinh là nhân thành giả, Mạng là tương tục giả, đối đãi nhau giả, có thể biết. Chúng sinh là Thọ giả, bốn trước kia là Pháp giả, Danh giả chung cả hai nơi. Phiền não, Kiến ở phàm phu, ba trước còn lại chung cả phàm Thánh. Mạng ngắn, Kiếp dài, ba trước còn lại chung cả ngắn dài. Kiếp chỉ là thời, Mạng thì theo pháp mà luận về thời. Kiếp thì chung trong ngoài, Mạng chỉ ở bên trong. Ba tiểu hại người không hại vật, ba đại hại vật không hại người. Tiểu kiếp chỉ tại người, đại kiếp chung Sắc giới. Mạng thì thông năm đường ba cõi. Kiếp là cùng trước, bốn thứ kia mỗi mỗi đều trước. Tiểu kiếp là kiếp trước, đại kiếp thì chung trước và bất trước. Từ tám vạn tuổi đến mười tuổi là tiểu kiếp, tám mươi lần tăng giảm là một đại kiếp.

Hỏi: Đã nói năm trước vậy năm thanh thế nào?

Đáp: Chuẩn theo Tam độc tà chánh, Tà là năm trước chánh là năm thanh. Các cõi tịnh độ ở phương khác không có tà là ba độc thì năm trước chướng nhẹ, nghĩa đây có thể biết...

4. *Phân biệt bỏ pháp giả (Quyền) đôn đốc tu pháp Thật*: Từ “Nếu đệ tử ta tự cho mình” trở xuống. Nếu là đệ tử Phật thì tự có thể tin hiểu, nếu không tin hiểu thì không phải đệ tử chân thật cũng không phải La-hán, tức đôn đốc khiến chúng tin nhận hiểu. Văn chia làm hai:

1. Phân biệt chân, ngụy.
2. Khai trừ giải thích nghi.

Phân biệt có hai ý: Một là, nếu không nghe không biết thì chẳng phải chân thật đệ tử. Hai là, nghe mà không tin thọ thì thành tăng thượng mạn. Ý thứ nhất: Như đệ tử ở đời tùy thuận theo pháp của thầy mà tiếp nối truyền pháp cho hậu thế. Nếu không nghe không biết thì không có

pháp gì để tùy thuận, sao gọi là đệ tử? Xưa, các đức Như Lai thuyết năm trước khai ba thừa, các ông tùy thuận mà đắc Niết-bàn, vì được nghe được biết nên gọi là đệ tử. Nay năm trước đã trừ, ta sẽ vì ông mà thuyết Nhất thừa. “Không nghe không biết” là ý gì? “Không nghe” tức không nghe Giáo nhất, “không biết” tức không biết Hành nhất, “chẳng phải chân thật” tức chẳng phải Lý nhất, “chẳng phải đệ tử” tức chẳng phải Nhân nhất. Từ “Lại nữa, Xá-lợi-phất” trở xuống là ý thứ hai: Nếu không tin thì thành tăng thượng mạn. Đây là đôn đốc khiến cho họ tin, vì sao ông tự cho là thân sau cùng đắc Niết-bàn? Thân còn vô lượng, thật ra không phải thân sau cùng, mà các ông tự cho là cứu cánh. Thật ra còn hơn hai trăm do tuần không phải rốt ráo, “chưa đắc mà cho là đắc” há chẳng phải là tăng thượng mạn sao? La-hán chân thực thì đã trừ bỏ các trước, căn lợi, biết không phải là rốt ráo, tin chân thật là pháp ấy chưa phải là thân sau cùng nên không khởi thượng mạn. Biết cái chẳng phải rốt ráo, tin nơi rốt ráo tức tin Lý nhất. Không tăng thượng mạn tức thành Hạnh nhất. Tin ở giáo tức là Giáo nhất, là đệ tử Phật tức Nhân nhất.

Từ “Trừ sau khi Phật diệt độ” trở xuống là phần Khai trừ giải thích nghi. Trước là khai trừ, “Trừ sau khi Phật diệt độ” không thành tăng thượng mạn. Tiếp theo, từ “Vì sao? Sau khi Phật diệt độ” trở xuống, là nêu người ưa thích tu hành kinh này, tuy khó hiểu sâu kinh, khó thâm nhập, cũng không thành tăng thượng mạn. Nếu đức Phật tại thế (ở đời) chính thuyết kinh này, người không tin không thọ thì chẳng phải La-hán chân thật mà thành tăng thượng mạn. Nếu sau khi Phật diệt độ mới đắc La-hán là thiên chấp quyền kinh, không tin viên pháp, nghe tùy thuận thì chẳng phải tăng thượng mạn. Lại nữa, nếu đức Phật tuy nhập diệt mà kinh này còn tồn tại, thì người không tin không thọ nên gọi là thượng mạn chăng? Tức được khai trừ. Sau khi Phật diệt độ tuy có kinh này mà có người hiểu nghĩa kinh, thì người này khó gặp, đến khiến La-hán không tin không hiểu, cũng nghe theo, thì không phải tăng thượng mạn. Tiếp đến là giải thích nghi: Nếu sau khi đức Phật diệt độ, đối với kinh này người đọc tụng hiểu nghĩa, thì rất khó gặp, nhưng nếu người đắc La-hán thì vĩnh viễn nhập Niết-bàn ư? Tức giải thích: Người ấy tuy sinh tướng diệt độ, nhưng sau khi xả thân mạng rồi thì sinh ở nước Hữu dư thuộc giới ngoại, được gặp Phật khác, được nghe kinh này liền nhất định hiểu rõ. Thích luận quyển chín mươi ba phẩm Tát Định nói: “La-hán thọ thân đời trước, thân ấy nên diệt, trụ ở chỗ nào mà đầy đủ Phật đạo? Đáp: La-hán thì lậu trong ba cõi nhân duyên đã diệt tận không còn sinh trở lại

ba cõi, vượt ngoài ba cõi có cõi Phật thanh tịnh không có danh từ phiền não, ở cõi nước ấy nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa đầy đủ Phật đạo”. Tức dẫn kinh Pháp Hoa rằng: “có La-hán nếu không nghe Pháp Hoa mà tự cho được diệt độ, thì ta ở cõi nước khác vì họ mà thuyết việc này: ông đều làm Phật”. Luận ấy đã dẫn kinh làm chứng. Nay giải thích kinh, trở lại dùng luận giải. Ngài Nam Nhạc nói: “Đức Phật khác là tứ y, La-hán gặp đó, nghe kinh liền quyết liễu. Lại, La-hán tu định niệm Phật thấy được mười phương chư Phật, chư Phật vì họ thuyết kinh này, họ liền đắc ngộ. Lại nữa, người phạm phu tu hành, khổ đến sám hối thấy được mười phương Phật, vì họ thuyết cũng được quyết liễu”. Sư Dao nói: Thật La-hán ắt tự biết được Pháp Hoa chí cầu Đại thừa. Hàng lợi căn thì tự biết, hàng trung căn hạ căn thì cần phải nghe mới biết, cho nên nói “nghe biết”, lẽ nào sau khi Phật diệt độ không nghe kinh Pháp Hoa, hoặc là nghe mà không tin, gặp đức Phật khác mới hiểu ư? Đời mạt pháp phạm phu mà còn có thể tin, hướng chí là thánh nhân! “Trừ sau khi Phật diệt độ” là chỉ phạm phu. Có người nói: Phạm phu chưa chứng pháp tướng, sự thấy biết không sáng suốt, chấp tâm không kiên cố, do đó dễ tin, La-hán chứng pháp tướng, sự thấy biết rõ ràng, chấp tâm kiên cố, bỗng nghe thuyết khác thì chưa tiện tín thọ, cho nên nói không tin, nghĩa ấy là tất nhiên. Cho nên Thân-tử nói: “E chẳng phải ma giả Phật làm nào loạn tâm ta ư!”. Nếu theo nghĩa đây, thì chỉ La-hán không phải chỉ phạm phu... Đây thẳng giải nghĩa khác, không dùng nghĩa đây.

5. *Không hư vọng*: Từ “Xá-lợi-phất” trở xuống, ngăn chặn vật phỉ báng tâm. Đây gồm ba ý. Ban đầu khuyến tin đức Thích-ca thuyết Thật cho nên nói: “Các ông phải nhất tâm tin hiểu lời Phật dạy”. Tiếp đến là khuyến tin chư Phật. cho nên, nói: “chư Phật nói không hư vọng”, chư Phật đạo đồng càng thêm tin thọ. Sau cùng là kết thành không hư dối, cho nên nói “không có thừa nào khác chỉ có một Phật thừa thôi”.

II. Kệ tụng có một trăm hai mươi mốt hàng phân làm hai phần:

1. Có bốn hàng và một câu tụng hứa đáp bên trên.
2. Có một trăm mười sáu hàng và ba câu tụng phần chánh đáp bên trên.

1. *Hứa đáp trên có ba nghĩa*: thuận, giới và giải. Nay không tụng thuận, chỉ tụng giải và giới (chọn răn dạy). Phần chọn chúng lại chia làm hai: Ba hàng rưới đầu, tụng bên trên nói năm ngàn người thoái lui. Hai câu tiếp, là tụng bên trên nói chúng đã thanh tịnh. Tiếp một câu,

tụng bảo (giới) lắng nghe. Thượng mạn ngã mạn không tin bốn chúng chung có, chỉ có hai chúng xuất gia, phần nhiều tu đạo đắc thiền, lầm cho là thánh quả, lại khởi tăng thượng mạn; tại thế gian thì kiêu căng cao ngạo phần nhiều khởi ngã mạn, người nữ trí tuệ nông cạn phần nhiều sinh tà kiến kỳ quặc không tự thấy lỗi mình. Ba điều lỗi này che tâm giấu cái sáng đẹp của ngọc, nêu cao đức của mình mà không tự tỉnh được, đó là người không biết tàm. Nếu tự thấy lỗi, thì là Tăng biết thẹn. “Nơi giới có thiếu sót”, luật nghi có lầm lỗi gọi là “khuyết”, định cộng đạo cùng có lỗi gọi là “lậu”, không có đạo định... cho nên trong khởi ác giác như ngọc có ẩn chứa tỳ vết, không có luật nghi cho nên bên ngoài động thân khẩu như ngọc lộ tỳ vết, che giấu tội tự đắc cho nên gọi là “tiếc giữ tội quấy của mình”. “Trí nhỏ” là không được trí học, vô học mà có trí nhỏ của thế gian, vọng coi hữu lậu là vô lậu. Tiểu trong tiểu cho nên nói “tiểu trí”. “Tao khang (tám cám)”, không có vô lậu thiền định thấm nhuần, cho nên như “tám (tao)”; không có tuệ lý cho nên như cám (khang). Năm ngàn người này có thiền thế gian, coi như “tám”, có hiểu văn tự, coi như “cám”, giỏi văn mà mất nghĩa lý ví như vỏ trấu không có gạo. Lại, “tám cám” là thí dụ cho hạng người không có đại cơ. “Cành lá” là dụ cho không phải khí cụ tốt, hết thấy đều không thể dùng cho nên cần phải khiến đi. “Xá-lợi-phất! Khéo nghe” tức tụng phần giới hứa bên trên và khuyên khiến lắng nghe.

2. Từ “*Pháp của chư Phật đặng*” trở xuống có một trăm mười sáu hàng và ba câu, tụng phần chánh đáp bên trên, lại chia làm hai:

1. Từ “Chư Phật sở đắc pháp” trở xuống bảy mươi ba hàng và một câu tụng pháp môn của bốn đức Phật.

2. Từ “Nay ta cũng như vậy” trở xuống, bốn mươi ba hàng rưỡi tụng pháp môn của đức Phật Thích-ca.

Phần một lại chia làm bốn phần. Một là: từ “Chư Phật sở đắc pháp” trở xuống, có ba mươi bốn hàng và ba câu, tụng pháp môn của chư Phật; Hai là: từ “Quá khứ vô số kiếp” có hai mươi bảy hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật quá khứ; Ba là: từ “Chư Phật đời vị lai” có sáu hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật vị lai; Bốn là: từ “Thiên nhân đều cúng dường” có bốn hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật ở hiện tại.

Nay căn cứ ba mươi bốn hàng ba câu tụng pháp môn chư Phật, cùng văn trường hàng có ba điều sai khác:

1. Kia đây những cái “không có...” xen nhau.
2. Trước sau thay nhau xuất hiện.
3. Khai hợp không đồng.

Trên có tán pháp hy hữu mà không có năm trước, tụng có năm trước mà không có tán pháp. Trên thì trước tán pháp, tiếp đến nêu rõ không hư vọng, khai quyền hiển thật. Nay tụng thì trước là khai quyền hiển thật, sau mới nêu rõ không hư vọng. Trên thì khuyến tin cùng không hư vọng hợp thuyết, nay thì phân chia khuyến tin tách ra với nói không hư vọng. Có ý riêng cho rằng: Trên là đức Thích-ca dùng phương tiện giải thích thành pháp Quyền của chư Phật, trong kệ dùng pháp Thật của Phật Thích-ca, giải thích thành hiển Nhất thừa của chư Phật, tức thành bốn điều khác.

Ba mươi bốn hàng và ba câu tụng này chia làm năm phần:

1. Từ “Chư Phật sở đắc pháp” xuống năm hàng ba câu, tụng chư Phật thiết lập Quyền.
2. Từ “Ta bày phương tiện đó” xuống mười ba hàng, tụng chư Phật hiển thật.
3. Từ “Nếu người tin quy Phật” xuống bốn hàng rưỡi, tụng chư Phật khuyến tin.
4. Từ “Nếu ta gặp chúng sinh “xuống chín hàng rưỡi, là phần tụng riêng về năm trước.
5. Từ “Ta có sức phương tiện” xuống hai hàng, là tụng về không hư vọng ở trên.

Phần một giải thích khai Quyền, văn chia làm hai phần: Một, gồm bốn hàng và một câu, chính thiết lập pháp Quyền. Hai, gồm một hàng rưỡi, tụng kết ý lập pháp Quyền. Đây là phần đầu “Chư Phật sở đắc pháp” là tu đạo đắc các pháp Quyền. “Vô lượng sức phương tiện” trở xuống là tụng bên trên nói: “vô số phương tiện các thứ nhân duyên diễn thuyết các pháp”. “Tâm của chúng sinh nghĩ” là tụng bên trên nói “tùy nghi thuyết pháp”. Trong tụng rộng nêu ra tướng tùy nghi tức là chiếu soi căn cơ chúng sinh trong chín pháp giới, thuyết bảy phương tiện. Tổng nói chín, bảy không xét cụ thể cho nên nói “bao nhiêu”. Tùy theo “dục” mà ứng dụng Thế giới Tất-đàn. Tùy theo “tánh” mà ứng dụng Vị nhân Tất-đàn. Tùy theo “ác nghiệp” mà ứng dụng Đối trị Tất-đàn. Hiện khởi hy vọng, gọi là “niệm”. Pháp môn không đồng, gọi là “các thứ”. Quá khứ huân tập gọi là “tánh”. Hiện tại ưa thích, gọi là “dục”. Hoặc là có thể huân tập dục thành tánh, thành tánh sinh dục theo thói quen... “Nghiệp thiện ác” là bảy phương tiện truyền truyền làm thiện ác... Đức Phật dùng quyền trí chiếu soi các phương tiện tánh dục, rồi mới dùng các nhân duyên thí dụ tùy nơi thích nghi mà thuyết chín bộ kinh, mười hai bộ như trong Huyền Nghĩa nói.

Từ “Độn căn ưa pháp nhỏ”, trở xuống, gồm một hàng rưỡi, là phần hai, tụng kết ý lập pháp Quyển.

Đời trước căn độn đời nay không có cơ hội, không có khả năng nghe Đại thừa, cho nên nói “Chẳng tu đạo sâu mầu”. Đời trước tham đắm chướng nặng, đời nay các khổ bức bách, chỉ có thể nghe pháp Tiểu thừa cho nên nói “Vì đó thuyết Niết-bàn”.

Phần hai: từ “Ta bày phương tiện đó” trở xuống, gồm mười ba hàng, tụng chư Phật hiển thật. Văn chia làm bốn phần:

1. Ba hàng đầu tụng Lý nhất “Khiến được nhập Phật tuệ”, là tụng phần bên trên nói: “vì một đại sự nhân duyên”. “Quyết định nói Đại thừa”, là tụng tụng khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. “Nhập Đại thừa làm gốc”, là tụng phần bên trên nói “nhập tri kiến Phật”.

2. Từ “Có Phật tử tâm tịnh” trở xuống, bốn hàng rưỡi tụng phần bên trên nói: “chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát” để nêu rõ Nhân nhất, trên thì nói chỉ giáo hóa Bồ-tát, trong tụng thì nói rộng, nêu các người phương tiện đều thành người thật. “Có Phật tử tâm tịnh” tức là người của Biệt giáo; “Vì hàng Phật tử này, thuyết kinh Đại thừa đây” đặc ký tâm hoan hỷ, tức là thành người chân thật của Viên giáo, “Thanh văn hoặc Bồ-tát” là Thanh văn bao gồm cả Duyên giác, như Bồ-tát gồm đặc lục độ, các Bồ-tát Thông giáo v.v... “Đều thành Phật không nghi”, bày phương tiện đều là đệ tử Phật, tức là tụng Nhân nhất nói bên trên.

3. Từ “Trong mười phương cõi Phật” trở xuống, gồm một hàng và ba câu, tụng trên nói “Như Lai chỉ dùng một Phật thừa vì chúng sinh thuyết pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác”. Hoặc mười phương Phật chỉ nói một pháp tức là Giáo nhất, “Chỉ dùng danh tự giả, Dẫn dắt các chúng sinh” tức phương tiện giáo. Tạm nói ra ba giáo để hiển bày Phật tuệ nhất giáo. Kinh phân rõ: “Không có thừa nào khác”, là không có Viên trong Biệt giáo, không có thừa khác nhập Biệt. “Không hai” là không có hai thừa Bán Mãn đối đãi nhau trong Thông giáo, “không ba” là không có ba thừa trong Tam tạng giáo. Hai thừa, ba thừa như thế là danh tự giả, để dẫn dắt các chúng sinh. Nay chỉ có một Phật thừa Viên giáo.

4. Từ “Chư Phật ra nơi đời, chỉ một sự này thật”... trở xuống, có ba hàng ba câu, tụng phần bên trên nói “những điều làm ra thường vì một việc”, là văn Hạnh nhất. “Sự” tức là hạnh. “Trọn không dùng Tiểu thừa, Mà tế độ chúng sinh” tức tụng ý trên: “thường vì một đại sự”, “Phật tự trụ Đại thừa, Dùng đây độ chúng sinh” là tụng trên nói “chỉ dùng tri kiến Phật thị cho chúng sinh ngộ”. Một hàng sau giải thích ý

không dùng Tiểu thừa để độ chúng sinh.

Phần ba: từ “Nếu người tin về Phật” trở xuống, gồm bốn hàng rưỡi tụng bên trên: Chư Phật khuyên tin. Trên nói “Các ông phải tin lời Phật dạy”. Văn chia làm hai phần:

Một: Hai hàng rưỡi đầu, nêu quả khuyên tin. Hai: từ “Xá-lợi-phất! Nên biết” trở xuống hai hàng, nêu nhân khuyên tin. Trong phần nêu quả, một hàng rưỡi đầu nêu nội tâm: “Nếu người tin về Phật, Như Lai không dối gạt” là nêu Phật tâm thanh tịnh, vô minh xan tham cấu uế các ác đã đoạn, trong tâm thanh tịnh thuyết, cho nên có thể tin. “Ta dùng tướng trang nghiêm” xuống một hàng là nêu rõ ngoại sắc của Phật: thân tướng sáng ngời, quang sắc đoan nghiêm, trong không có tối tăm mê-hoặc; ngoài có hào quang sáng chói, nói không dối gạt được chúng tôn trọng, thuyết Đại thừa ấn thì có thể tin thọ. Từ “Xá-lợi-phất! Nên biết, Ta vốn lập thế nguyện” trở xuống, hai hàng nêu Nhân khuyên tin, cũng chia làm hai: Một hàng đầu “Ta vốn lập thế nguyện” nêu thế xưa của Phật. Một hàng sau: “Như ta xưa đã nguyện” nêu nguyện đã mãn, thế nguyện của ta xưa chẳng những thế tự chứng Bồ-đề mà còn thế cho chúng sinh đồng nhập Phật tuệ, nay đáp lại lời thế cho nên nói thì cũng có thể tin. Nay Bồ-đề đã mãn, chúng sinh cũng nhập, ông đã tự chứng Phật tuệ và cũng chứng nghiệm lời thế của ta không hư dối, kết thành nêu nhân khuyến tín.

Hỏi: Bản thế đã khắp nay chúng sinh còn nhiều, nguyện tại sao mãn?

Đáp: Ba đời chư Phật lợi ích chúng sinh, nay nêu hiện tại luận về nguyện mãn.

Phần bốn: từ “Nếu ta gặp chúng sinh” trở xuống gồm chín hàng rưỡi, nêu năm trước, trên thì nói rõ năm trước ở sau khi nêu Thích-ca, nay ở tụng văn sau khi tổng nêu các đức Phật, trong môn Thích-ca lại nêu ra, đây nêu chư Phật đồng xuất hiện ở đời năm trước, đều trước ba sau một, văn đây chia làm bốn phần:

Phần một: một hàng đầu tổng nêu năm trước chương Đại thừa. Phần hai: sáu hàng tiếp, nêu chi tiết năm trước chương Tam thừa. Phần ba: một hàng tiếp, nêu vì năm trước cho nên Phật phương tiện thuyết Tiểu thừa. Phần bốn: một hàng rưỡi cuối, nêu rõ vì Đại thừa nên thuyết Tiểu thừa, dùng Tiểu thừa trị ngũ trước đại nguyện hưng thịnh.

“Nếu ta gặp chúng sinh” Trung A-hàm quyển mười hai nói: “Kiếp sơ Quang-Âm thiên sinh xuống thế gian, không có nam nữ tôn ty họ hàng; chúng cùng sinh sống ở thế gian, cho nên nói “chúng sinh”. Đây

là căn cứ ban đầu. Nếu tập hợp các ấm mà có, giả danh chúng sinh, thì đây là căn cứ một kỳ hạn thọ báo. Nếu nói khắp nơi thọ sinh cho nên gọi chúng sinh, thì đây là căn cứ nghiệp lực mà lưu chuyển trong năm đường”. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Mười thứ chúng sinh, nghĩa là dài, ngắn, vuông, tròn, ba góc, xanh, vàng, đỏ, trắng, tím. Vì sao chúng sinh sinh tử lâu dài? Khi ở địa ngục thì thân thọ khổ bất khả tư nghì, tâm niệm vô lượng vô biên ác. Khi làm súc sinh thì thân đắp đổi tương ăn nuốt, tâm đắp đổi tương bức não. Khi làm ngựa quỉ thì thân như núi lửa, tâm tợ chảo dầu sôi, tà kiến rục cháy đùng chạm sân si hung dữ. Khi làm loài người thì thân khẩu ý thường làm việc không lợi ích để tự lao khổ, thân khẩu ý thường nghĩ nhớ việc không lợi ích để tự trói buộc. Khi ở cõi trời thì say đắm lục trần buông lung đùa giỡn, không nghe chánh pháp, làm bế tắc nguồn phước. Đó gọi là chúng sinh sinh tử lâu dài.

Vì sao chúng sinh sinh tử ngắn? Khi ở địa ngục thì năng nhất niệm tịch tĩnh tâm, giữ giới. Khi làm súc sinh, thì năng nhất niệm tĩnh tâm, nương tam bảo. Khi làm ngựa quỉ, thì năng nhất niệm tĩnh tâm, tịnh các căn. Khi làm người, thì năng tu lục độ, hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính tam bảo, lấy điều thiện để trang nghiêm thân khẩu ý. Khi ở cõi trời, thì xả bỏ sự vui của cõi trời, giữ giới, ưa thiền định, giáo hóa đọa tụng Kinh pháp, phạm hạnh, ít nói năng. Đó gọi là chúng sinh sinh tử ngắn.

Vì sao chúng sinh sinh tử vuông (phương)? Như cõi Uất-đơn-việt đối với tất cả vạn vật không có ngã sở, sau khi xả thân ất lên cõi trời, từ trời lại lên trời cao hơn chỉ hưởng lên đến chỗ thiện, đó gọi là chúng sinh sinh tử góc vuông (phương lạng).

Vì sao chúng sinh sinh tử tròn? Chỉ ở trong tam đồ tứ thú xoay vòng biến chuyển như đốt vòng lửa. Vì sao chúng sinh sinh tử ba góc? Nghĩa là thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, vô ký.

Vì sao chúng sinh sinh tử màu xanh? Là do thường vào trong địa ngục tối tăm nên thường sợ hãi. Vì sao chúng sinh sinh tử màu vàng? Vì ở trong ngựa quỉ, đói gầy yếu nên vàng. Vì sao chúng sinh sinh tử màu đỏ? Vì loài súc sinh đắp đổi tương ăn uống máu huyết nên như vậy. Vì sao chúng sinh sinh tử màu trắng? Nghĩa là ở trong loài người, trời lấy bạch nghiệp làm nghiệp thiện, như chư thiên khi sắp chết thì các trời khác nói rằng: “ông sinh trong nhơn đạo đi!” Nếu là người khi sắp chết, thì người tri thức nói rằng “ông hưởng lên cõi trời đi!” Nên biết hai chốn này là bạch sinh tử.

Lại đệ Ngũ nói: “Tâm vẽ màu đen Địa ngục, màu chim câu Quỷ đói, màu vàng Súc sinh, màu đỏ Người và màu trắng Trời”. Nghĩa này

thế nào?

Đáp: Trên nói quả báo năm đường, nay nói năm đường tạo nghiệp cho nên không đồng... Các chúng sinh như thế nếu cùng Phật tương ngộ, chúng sinh tự lấy khổ não nung nấu, chư Phật dùng đại bi cứu giúp chúng sinh, thì bi và khổ đối đãi nhau cho nên nói tương ngộ. Lại, Phật như chúng sinh như. Một như, không có hai như. Thiên tánh tương quan, cho nên nói tương ngộ. Luận rằng đại bi hằng thương xót chúng sinh, nếu dùng Nhân, Thiên thừa dạy thì Ngã rơi vào tối tăm mê hoặc. Chỉ tránh khỏi sinh tử xanh, vàng, đỏ, tía, vuông, tròn, ba góc mà không phải giáo Phật đạo. Nếu gặp chúng sinh khiến tu tiểu thừa, thì Ngã đọa vào xan tham. Việc này thì không thể thoát khỏi hai mươi lăm cõi. Nếu gặp chúng sinh dạy khiến họ theo Thông Biệt giáo Ngã rơi vào thiên lệch mất tri kiến Phật. Nay đều khiến cho chúng sinh đắc thật tướng diệu tuệ, thể đạt tất cả đều là Phật pháp, đều là chánh đạo. Đây tức “Dùng Phật đạo dạy tận”. Khổ sinh tử vĩnh viễn hết. Ta thường nói như vậy, chỉ vì chúng sinh căn độn tội nặng nên không thể như nguyện. Đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Trụ Vô Trụ phát nguyện mong muốn cho chúng sinh nước mình đồng ngày đồng giờ thành Phật tức là ngày diệt độ. Lại, trước Hiền kiếp có Đức Phật hiệu là Bình Đẳng cũng nguyện nước mình và chúng sinh trong mười phương cũng đồng một ngày thành Phật tức ngày diệt độ. Ngày nay có Phật lại có chúng sinh là vì sao ư? Phật dạy thôi thôi, ta trước đã nói chỉ đắc thân người thôi? Có thể có phát nguyện muốn chúng sinh trong năm đường đồng ngày thành Phật không? Phật dạy không thể dùng thân chẳng phải pháp khí mà thành vô thượng đạo, chủ yếu trước phải hóa độ chúng sinh trong ba đường đắc nhân thiên, rồi sau mới có thể ý như nguyện. Ba đường chẳng phải thiện đạo thì sao có khả năng thành Phật, như người cầu bảo vật mà không ở giữa trời cầu xin.

“Ta biết chúng sinh đó” tiếp xuống sáu hàng, nêu chi tiết năm trước, chia làm năm phần:

1. Hai hàng, nêu Chúng sinh trước. “Cội lành” là chân như thật tướng, không nương theo đây mà gieo trồng thiện căn nên không cảm đại. “Chấp chặt nơi ngũ dục” tức là gốc của mọi ác, từ si mà có ái thì bệnh Ngã sinh.

2. Từ “Thân mọn thọ bào thai” một hàng, riêng nêu Mạng trước. Quán tâm giải thích: Một niệm tâm khởi tức vì đời vị lai tạo nghiệp. Nghiệp tức thai. Thai nghiệp không cùng tận, đời đời nối tiếp không dứt, không dứt tức là tăng trưởng. Hình mọn thọ thai, hình tức là năm

ấm, ấm gọi là thế (đời). Thọ mạng liên tục duy trì các ấm nhập thế, ban đầu từ vãng sinh rồi đến già chết, gọi là đời đời tăng trưởng đó là mạng trước. Kinh Thọ Ấm Thân nói: Phạm phu thọ thân bảy ngày đầu chưa đổi khác, hai tuần lễ mới có tướng sinh như vãng sinh, ba tuần như sữa đặc, bốn tuần như bơ đông đặc, năm tuần như ngói nung, sáu tuần như cục thịt tròn, bảy tuần cục thịt ấy sinh ra ngũ bào, đầu, hai tay hai chân, tám tuần lại ngũ bào ấy sinh một đầu hai cổ tay, hai bắp tay, chín tuần liên tục sinh hai mươi bốn bào: bốn là tai mắt mũi lưỡi, hai mươi là hai mươi ngón, mười tuần chuyển hiện tướng bụng dần dần da cốt phân giải tạo các tướng sai khác, sinh bảy trăm gân, bảy ngàn mạch, tùy chỗ nên tướng mà dùng gió nhiễm có khác, cần tướng trắng thì gió trắng nhiễm, cho đến các gió khác cũng như vậy, gió thơm thổi cho nên an ổn đoan chánh, gió hôi thổi không an ổn thì xấu xí cong queo. Sau khi ra khỏi thai, ăn ngũ cốc thì sinh tám vạn vi trùng.

3. Từ “Vào rừng rậm tà kiến” xuống, một hàng là Kiến trước, năm kiến kết hợp càng thêm phát triển như rừng rậm dày đặc, “hoặc chấp có” là thường kiến, “chấp không” là đoạn kiến, nhân hai kiến đây mà sinh ra sáu mươi hai kiến chấp. Hoặc nói ngoại đạo chấp ngã có bốn câu: Sắc tức là ngã, ly sắc là ngã, sắc lớn ngã nhỏ ngã trụ trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ sắc trụ trong ngã. Bốn ấm kia cũng như vậy, thành hai mươi, nhân ba đời thành sáu mươi và hai cái căn bản tổng cộng là sáu mươi hai. Hoặc nói như trong kinh Đại Phẩm.

4. Từ “Chấp chặt pháp hư vọng” một hàng, tụng Phiền não trước, như văn.

5. Từ “Trong ngàn muôn ức kiếp” một hàng, tụng Kiếp trước, thời gian lâu dài không có Phật pháp tức là kiếp trước. Lại, bốn trước trên nhóm hợp trong thời ấy, cho nên gọi Kiếp trước. “Người như thế khó độ “vì năm trước chướng ngại nên không tin nhất thừa, không thể độ. Quán giải thích: Niệm niệm ác giác, vĩnh viễn không có chánh quán tự giác, tức “không thấy Phật”, tâm không có Bát chánh tức “không nghe pháp”, tâm này “khó độ”.

Phần ba: Từ “Cho nên Xá-lợi-phất” có một hàng, tức Quyền vì thuyết Tiểu thừa, như văn.

Phần bốn: Từ “Ta đầu nói Niết-bàn” có một hàng rưỡi, tức là cuối cùng khiến nhập Đại thừa, phá bỏ hết vọng của ba cõi. Diệt sắc chấp không thì chẳng phải chân diệt. Nếu thể đạt vô minh vốn là không, thì thường tịch diệt tức là chân diệt. Vốn không tuy tịch diệt, nhưng nếu không tu đạo thì không do đâu mà khế hợp cho nên nói: “Phật tử hành

đạo rồi, đời sau được thành Phật” .

Phần năm: Từ “Ta có sức phương tiện” có hai hàng, tụng trên nói không hư dối, trên nói “Các ông phải tin lời Phật dạy không hư vọng”, khuyến tin trước rồi tụng sau. Không hư dối, nay tụng lại. Hai câu đầu trước nêu Đức Phật Thích-ca trước khai pháp ba thừa, hai câu tiếp nêu rõ chư Phật sau hiển thật tức xen lẫn hiện. Một hàng sau chính nêu ý “không hư vọng”, trước Quyển sau Thật thành thật nói không hư dối, chớ sinh nghi ngờ.

Từ “Quá khứ vô số kiếp” trở xuống gồm hai mươi bảy hàng rưỡi, là phần hai tụng trên nói chương Phật quá khứ, văn chia làm hai:

1. Hai hàng đầu, tụng khai tam, như văn.

2. Từ “Các đức Thế Tôn đó” trở xuống, hai mươi lăm hàng rưỡi, tụng hiển nhất. Văn trên nói hiển thật, bao gồm có Tứ nhất.

Nay kê đủ, trong văn tụng lại chia làm hai phần:

Phần một: Một hàng đầu tụng lược Tam nhất ở văn trên: “Đều nói pháp Nhất thừa” tụng Giáo nhất, “Độ vô lượng chúng sinh” là tụng Nhân nhất, “Khiến vào nơi Phật đạo” tức tụng Lý nhất, bao gồm cả Hạnh nhất.

Phần hai: từ “Lại các đại thánh chúa” trở xuống gồm hai mươi bốn hàng rưỡi, tụng rộng ngũ thừa hiển Nhất thừa. Văn này lại chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu, căn cứ chung năm thừa để hiển nhất. “Trời người loài quần sinh” là nêu các thừa để nói Nhân nhất, “Bèn dùng phương tiện khác” là nêu các hạnh để hiển Hạnh nhất gồm cả Giáo nhất. “Đệ nhất nghĩa” tức là Lý nhất. Từ “Phương tiện khác” trở xuống, là chánh nhân Phật tánh, tức đệ nhất nghĩa lý. Nếu dùng viên diệu chánh quán, thì đây tức là thật tướng phương tiện, không gọi là “khác”. Nếu dùng bảy phương tiện quán, trợ hiển đệ nhất nghĩa, thì gọi là “phương tiện khác”.

Từ “Nếu có loài chúng sinh” trở xuống, gồm hai mươi ba hàng, căn cứ riêng từng thừa của năm thừa để hiển bày chân thật. Văn chia làm ba phần: hai hàng khai Bồ-tát thừa, một hàng khai nhị thừa, hai mươi hàng khai thiên nhân thừa.

Hai hàng từ “Nếu có loài chúng sinh”: khai Bồ-tát thừa. Nếu giải thích theo ngũ thừa, thì chỉ là lục độ Bồ-tát thừa. Nếu giải thích theo bảy phương tiện, thì gồm cả Thông Biệt Bồ-tát thừa. Vì sao tam giáo Đại thừa đều hành lục độ mà vận tâm có khác? Tướng tâm hành lục độ, tức Tam tạng Bồ-tát, vô tướng tức Thông giáo, phi tướng vô tướng thứ lớp hành lục độ tức Biệt giáo. Nay chỉ liệt nêu lục độ, nhưng chưa biết dự

định xét thuộc về giáo nào? Theo như văn trên nói: “lại dùng phương tiện khác” tức chẳng riêng lục độ Bồ-tát mà là phương tiện của tam giáo Bồ-tát tu. Xưa nghe pháp đều đã thành Giáo nhất, xưa hành lục độ đều đã thành Hạnh nhất, “những người như thế đó” đều đã thành Nhân nhất, “đều đã thành Phật đạo”, đều đã thành Lý nhất.

Một hàng, từ “Sau khi Phật diệt độ, nếu người lòng thiện nguyện” là khai Thanh văn Duyên giác đều nhập Nhất thừa. Làm sao biết được? như trong Đại Phẩm tán thán A La-hán tâm điều hòa nhu nhuyễn. Lại, kinh Tịnh Danh nói: “Trụ tâm điều phục là hạnh Hiền Thánh”. Lấy đó biết họ. Xưa “tâm thiện nguyện” đều thành Hạnh nhất, “những người ấy” là Nhân nhất, “thành Phật đạo” là Lý nhất.

“Người cúng dường Xá lợi” trở xuống: khai nhân thiên thừa, không nêu rõ là nhân hay thiên thừa chỉ nêu tạo tượng xây tháp chuyên chú cho đến tán loạn, cho nên biết là nghiệp thiên như. Địa sư giải thích rằng: “Đồng tử” là Đồng chân địa, không có tâm ham muốn nhị biên của nhị thừa và phàm phu. “Đắp cát sỏi làm tháp”, cát sỏi tiêu biểu không dính mắc (vô trước), “tháp” là nơi các hạnh tích tụ đều cất chứa trong tâm chánh giác, Kia cho rằng nghĩa hợp với vô sinh bởi vì nghĩa sâu xa. Nay thì cho rằng trái nghĩa thẳng hẹp của văn. Làm sao Đăng địa tự ứng thành Phật? như Tu-la qua biển thì đâu đủ làm kỳ lạ? Nay lấy việc đồng tử giở nhóm cát thành tháp, mà người loạn tâm ca vịnh tán thán chỉ sự vi diệu, tức là chấp trước, như phàm phu qua biển thì không thể nghĩ bàn. Phật phân minh rộng hợp với ngũ thừa, chút ít thiện cũng không rơi sót, mà lại không thu góp ý rộng, chấp thẳng vô sinh? Nếu như hưởng đến giải thích, thì e rằng không thấu nhiếp nhị thừa, hưởng là phàm phu ư! Cho rằng sâu thì chỉ là không mâu thuẫn nhau, xác định là rộng thì trái với kinh văn.

Hỏi: Hàng nhân thiên ít thiện lẽ ra trụ quả báo, tại sao đều nói đã thành Phật đạo?

Đáp: Đây nên nêu rõ ba nghĩa của Phật tánh. Đại kinh nói: Lại có Phật tánh, người thiện căn có, người xiển đề không có, tức là nhân thiên tiểu thiện cú đầu, giơ tay. Góp từ ít ỏi thành nhiều, góp cây lên rừng, góp nước thành biển.

Xưa vì phương tiện chưa khai, cho là trụ nơi quả báo. Nay khai phương tiện hành, tức là duyên nhân Phật tánh năng hưởng đến Bồ-đề, thành hiển nghĩa thật.

Căn cứ đây chia làm hai phần:

1. Mười chín hàng trước, nói thiên nhân tiểu thiện thành duyên

nhân chủng tử, để hiển Thật.

2. Một hàng sau, nói liễu nhân chủng tử để hiển Thật. Theo văn có thể hiểu.

- Mười chín hàng trước chia làm mười phần:

1. Ba hàng rưỡi: căn cứ việc xây tháp nêu Thiên thừa, nhân thời đến động tâm xả tài bảo, quả thì mặc sức tự nhiên thọ hưởng an vui (lạc), cho nên gọi Thiên thừa. “Gỗ mật” ở Trường An có cây tên là “mật”, cũng có thể dùng làm tượng. Kinh Kim Quang Minh nói: Dùng Xá-lợi Phật như hạt cải hạt lúa, an trí trong tháp nhỏ, thì quả báo ở ba mươi ba tầng trời đã có tự nhiên, tức nghĩa kia vậy.

2. Từ “Cho đến đồng tử giỡn” có một hàng: đồng tử giỡn chơi đắp cát làm tháp tức là nghiệp nhân. Nhân thì mênh mông nhưng làm thiện, quả thì tác ý siêng cầu đắc lạc, cho nên gọi là nghiệp người (nhân nghiệp).

3. Từ “Nếu như người vì Phật” xuống bốn hàng, căn cứ sự chí tâm tạo tượng nêu nghiệp cõi trời. Kinh Ưu-bà-tắc Giới nói: “Không cho dùng keo, dùng thì phạm tội thất ý”, mà kinh này dùng. Cổ sư nói: Ngoại quốc dùng nhựa cây. Ngài Quang Trạch nói: Hoặc có nơi dùng tượng, phải cho dùng keo bằng da trâu, nếu có vật khác thì không được dùng. Có người nói: Nhựa đậu nành có thể thay keo sạch, nhưng keo da trâu bò là vật không sạch, sau sẽ mắc quả báo bất tịnh. Đồng tiền bất tịnh (không sạch) không thể dùng đúc tượng, nên đổi lấy tiền như pháp thanh tịnh để đúc tượng. Lấy đất không dùng những thứ hôi hám, yếu đuối làm tượng. Giới Kinh không cho làm tượng nửa thân, phạm tội thất ý vì tướng thiện không sinh mà còn bị rơi vào đường sinh tử. Nhưng tạo tượng đều có sự tính toán. Nếu thờ ngay nơi nhà chính, thì nên tạo tượng ngồi, Phật nghỉ ngơi thì hoặc ngồi hoặc nằm. Phật hành động ắt phải đứng. Nhưng đệ tử thì trước tượng đứng, nơi tháp điện không được ngồi vì chỗ này quyết định thuộc của Phật. Nếu ở nhà bạch y có các tượng ngồi, thì không thể đứng trước tượng lâu, xin phép ngồi thì được, ở trước tượng đứng cũng không được ngồi v.v...

4. Từ “Cho đến đồng tử giỡn” xuống một hàng nêu nhân nghiệp.

5. Từ “Những hạng người như thế” một hàng rưỡi, kết thành hiển Thật, các người đều thành Nhân nhất. “Dần dần chứa công đức, đầy đủ tâm đại bi” tức thành Hạnh nhất. “Phật đạo” tức thành Lý nhất, “đã thành Phật” lại có thể là Tứ nhất. “Chỉ dạy các Bồ-tát” tức là Giáo nhất.

6. Từ “Nếu người nơi tháp miếu” ba hàng rưỡi là ước về các cúng dường của trần gian nêu rõ nghiệp trời. “Đồng bạt” ở Trường An gọi

Lộ-bàn là đồng bát, nơi kia kinh phiên dịch cho nên dùng tên gọi ấy.

7. Từ “Nếu người tâm tán loạn “ một hàng, nói tán tâm dùng các trần cúng dường, nêu nghiệp cõi người.

8. Từ “Hoặc có người lễ lạy” một hàng nói thân nghiệp cúng dường, nêu nghiệp nhơn thiên. Câu thứ nhất nói: “Lễ lạy”, là ngũ thể (năm vóc) gieo xuống đất, là thượng lễ, tức nghiệp trời. “Chấp tay, cúi đầu” là trung lễ, tức nghiệp người.

9. Từ “Dùng đây cúng dường tượng” một hàng rười, kết thành, chẳng những hiển Thật “tự thành Phật đạo”, mà còn có thể khai Quyền “Niết-bàn như củi hết lửa tắt” vậy.

10. Từ “Nếu người tâm tán loạn” một hàng, nói về khẩu nghiệp, theo như trên đáng lẽ đầy đủ nghiệp nhơn thiên, nhưng nay chỉ nêu nghiệp nhân.

Chữ “Nam-mô” có nhiều nghĩa. Hoặc nói độ ngã, độ ngã có thể thiết lập ở chúng sinh. Nếu Phật đáp lời chư Phật thì nghĩa độ ngã không tiện. Kinh Ngũ Giới gọi là “Kinh bố”. Kinh bố chính có thể thiết lập ở Phật, vì sinh tử hiểm nạn thật đáng kinh sợ, dùng Đại cứu không được, nay đồng chư Phật dùng Tiểu để cứu. Sợ hãi có thể thiết lập ở Phật, cho nên vẫn nói “vui xưng Nam-mô Phật”, vui là vui được đờ lẽ cứu chúng sinh. Kinh Ngũ Giới lại nói là nghĩa “quy mạng” đều là cho chúng sinh. Điều-đạt trước lúc lâm chung mới xưng “Nam-mô” chưa kịp xưng “Phật” liền đoạ xuống địa ngục, Đức Phật thọ ký ông từ địa ngục ra sẽ làm Bích-chi-phật. Gọi chữ “Nam-mô” do có chuyện ngoại quốc xây tượng Trời dùng vàng làm đầu tượng; giặc đến trộm lấy mà không được, chúng xưng: “Nam-mô Phật” liền lấy được. Sáng ngày mọi người tụ lại bảo rằng: Tượng Trời bị mất đầu, tức không có trời đến giữ. Nếu giữ thì tại sao mất đầu. Trời bèn giáng xuống một người nói: “Lúc giặc đến lấy đầu thì xưng “Nam mô Phật”, chư thiên đều kinh động thế nên chúng được thuận tiện, thế nên tượng bị mất đầu”. Mọi người nói: “Trời không bằng Phật sao?” Đã không bằng thì nay sao không thờ Phật? Giặc xưng “Nam mô Phật” mà còn được đầu Phật, huống chi hiền nhân xưng “Nam mô Phật”, mười phương tôn thần không dám chống trả, chỉ cần tinh tấn chớ nên biếng nhác. Kinh Na-Tiên Tỳ-kheo nói: Người sắp chết, xưng “Nam mô Phật” thì được thoát khỏi địa ngục. Tại sao? Như người cầm một cục đá bỏ xuống nước, thì đá chìm không gì nghi, nhưng nếu đem hàng trăm viên đá bỏ trên thuyền thì thuyền chắc không chìm. Nếu vậy thì người chết nhất định vào địa ngục thì như đá bỏ vào nước, nếu khi sắp chết mà xưng Nam-mô Phật thì nhờ Phật lực nên không vào

địa ngục, như nhờ sức thuyền nên đá không chìm...

Kinh Thai Kinh Báo Ân nói: Ở Đại hội lần thứ ba tại Hoa Lâm Viên, có chín mươi hai ức người là sao? Tức trong cuối đời giáo pháp đức Thích Tôn người nào niệm một câu Nam-mô Phật, thì người đó được gặp đức Phật Di-lặc.

Từ “Nơi các Phật quá khứ” một hàng, nêu rõ liễu nhân chủng tử. Nếu theo lệ thường như trên, thì tất cả cái hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, chí tâm, tán tâm... đều là chủng tử năm thừa. Nay đều khai nhập nhất thật v.v... “Chí tâm nghe một câu” là nghiệp cõi trời, “Tán tâm nghe một câu” là nghiệp cõi người...

Hỏi: Vì sao chỉ căn cứ Phật môn quá khứ rộng nêu năm thừa ?

Đáp: Chư Phật ba đời đều có khai Quyền, nhưng vì đời vị lai thì chưa sinh khởi, hiện tại thì mới hành, cho nên chứng minh nghĩa không đủ. Ở đời quá khứ thì khai Quyền đã lâu, nên người thọ hóa (nhận sự giáo hóa) đều thành tứ nhất, khắp cả mười phương dùng Quyền hiển Thật nên việc chứng nghĩa đủ mạnh. Liên lụy vì lời nói hư vọng, chỉ bằng chứng nghiệm là căn cứ vào sự thực. Cho nên, đời quá khứ Đức Phật đã rộng thuyết ngũ thừa.

Phần ba: Từ “Các Thế Tôn vị lai “ xuống, sáu hàng rưỡi, tụng phần Phật vị lai nói trên. Văn chia làm hai phần:

1. Một hàng rưỡi, tụng khai tam.
2. Năm hàng, tụng hiển nhất.

Một hàng “Độ thoát các chúng sinh” là tụng Nhân nhất, một hàng “Các Phật vốn thế nguyện” là tụng Hạnh nhất. Chư Phật hành đạo và muốn cho chúng sinh đắc đạo này, đâu chẳng phải Hạnh nhất ư? Từ “Chư Phật đời vị lai” xuống, hai hàng là tụng Giáo nhất.”Biết pháp thường không tánh”, là thật tướng thường trú không có tự tánh cho đến không có vô nhân tánh. Không có tánh cũng không có tánh. Đó gọi là “không tánh”. “Phật chủng tử duyên khởi”, là cái không của trung đạo, tánh tức là “Phật chủng”. Nếu mê lý đây, do vô minh làm duyên thì có chúng sinh khởi, hiểu được lý đây, do giáo hạnh làm duyên thì có chánh giác khởi. Muốn khởi chủng tử Phật phải tu Nhất thừa giáo, đây tức tụng Giáo nhất. Lại “không tánh” tức chánh nhân Phật tánh, “Phật chủng tử duyên khởi” tức duyên liễu, do duyên phụ giúp liễu nhân, mà chánh nhân chủng tử sinh khởi. Một khởi tất cả khởi. Ba tánh như vậy gọi là nhất thừa. “Pháp ấy trụ pháp vị” một hàng, tụng Lý nhất. Chúng sinh chánh giác nhất như không hai, đều không ra ngoài như, đều như pháp mà gọi là “vị”. “Tướng thế gian thường trụ”. Chánh giác xuất thế

lấy như làm “vị”, cũng dùng như làm “tướng”. Vị, tướng đều thường trụ. Chúng sinh thế gian cũng lấy như làm vị, cũng lấy như làm tướng, đâu không thường trú ư? Tướng thế gian đã thường trụ, há chẳng phải Lý nhất? Lại, giải thích “thế gian” tức là ấm, giới, nhập, “thường trụ” tức chánh nhân. Nhưng chánh nhân đây không tức lục pháp, duyên liễu không rời lục pháp. Chánh nhân thường, nên duyên liễu cũng thường, vì thế nói “tướng thế gian thường trụ”. “Nơi đạo tràng biết rồi”, đây là nêu quả giải thích thành khai quyền hiển thật. “Đạo tràng” sáng tỏ lý này thông suốt đã lâu, chỉ do vạn vật hữu tình chướng nặng nên phương tiện làm ra ba thừa v.v...

Phần bốn: Từ “Hiện tại mười phương Phật, Được trời người cúng dường” xuống, có bốn hàng rưỡi, tụng phần Phật hiện tại. Văn trên có bốn nay tụng có ba phần; không tụng kết sau. Một hàng rưỡi đầu, tụng ý vì hóa độ, chính vì an ổn chúng sinh. Tiếp từ “Biết đệ nhất tịch diệt” xuống một hàng, tụng hiển Thật bên trên. “Biết đệ nhất tịch diệt” tức tụng Lý nhất. “Kia thật là Phật thừa”, hoặc tụng Giáo nhất, hoặc tụng Hạnh nhất. Sau từ “Biết các hạnh chúng sinh” xuống hai hàng, tụng khai Quyền như văn.

Phần kệ tụng thứ hai: Từ “Ta nay cũng như vậy” có bốn mươi ba hàng rưỡi, tụng phần Đức Phật Thích-ca. Văn trên không tán pháp hy hữu, trong tụng đầy đủ có sáu. Theo xưa giải thích chương Phật Thích-ca là điểm gốc xuất ra thí dụ, chỉ trên là gốc, dưới vừa nghĩa vừa văn. Theo sơ thì hoa mắt, nghe thuyết thì tâm loạn, người ngu độn đến nổi mê hoặc. Riêng người ghi chép thì trước là viết xếp đặt từ trước cho đến văn, tiếp theo nhau, sao cho thỏa đáng, thì gần như đã tự mình soi gương. Nhưng chương Thích-ca kệ này có hai ý: 1. Tụng ý trên. 2. Làm cơ sở văn dưới. Bạc thượng căn đã ngộ, trung căn chưa hiểu cho nên phải dẫn dụ trở lại thí dụ pháp nói trên, thí dụ không phải tự khởi xương mà có nguyên do cho nên nói thí bản.

Theo xưa nói có năm loại thí dụ:

1. Thí dụ Trưởng giả.
2. Thí dụ suy nghĩ cách giúp.
3. Thí dụ quyền biến.
4. Thí dụ bình đẳng.
5. Thí dụ không gạt.

Nhưng ban đầu là Thí dụ chung không phải riêng Trưởng giả. Thí dụ suy nghĩ cách giúp, thì không được nghĩa cứu con trọn vẹn vì cũng còn một ít thấy lửa làm thí dụ cho nên không dùng. Sư Dao nói: Trong

Phẩm Phương Tiện từ câu: “Chư Phật tùy nghi thuyết pháp”, đến hết văn trường hàng, chính là phần hiển nhất thừa chân thật, gồm có bốn chương:

1. Khai Tứ tam (Lý, Giáo, Hành Nhân của ba thừa) thành Tứ nhất nay.
2. Do vì năm trước, cho nên không thể thuyết nhất thừa.
3. Từ “Nếu đệ tử ta tự cho là đặc” trở xuống, là nêu người không đặc.
4. Từ “Ông nên nhất tâm tin hiểu” trở xuống là nêu lời Phật không hư vọng. Tuy trước sau nói có khác, nhưng đều vì ý câu đó đều thật. Trong thí dụ Nhà lửa bên dưới chỉ thí dụ ba chương trong phẩm Phương Tiện.

Từ “Thí như” trở xuống đến “xin thì ban cho”, là thí dụ thứ nhất nói ngũ trước. Từ “đều ban cho các con đồng một xe lớn” cho đến: “được điều chưa từng có”, là thí dụ thứ hai nói pháp chân thật. Từ “trưởng giả đồng ban cho các con” cho đến “đâu có hư dối”, là thí dụ thứ ba về Phật nói không dối gạt. Sư Huyền Sướng nói: Có sáu thí dụ:

1. Các tướng lửa tai họa trong nhà.
2. Người hiểu chỉ có Phật khởi niệm nhất thừa.
3. Chúng sinh không thọ, vì họ mà nói các việc sợ hãi.
4. Thuyết sự an vui của tam thừa.
5. Trở lại thuyết nhất thừa giáo.
6. Tổng kết không hư vọng.

- Sư Long nói sáu thí:

1. Cha con trong một nhà ví như Phật là vua ba cõi hóa độ chúng sinh.
 2. Trưởng giả thấy lửa ví như trong kệ nói: “Ta dùng Phật nhãn thấy, chúng sinh trong sáu đường.
 3. Trưởng giả cứu lửa ví như Phật trong hai mươi một ngày suy nghĩ muốn độ chúng sinh, không được dùng Đại.
 4. Trưởng giả phương tiện dẫn dụ dùng ba xe ví như Phật lập tam thừa giáo.
 5. Trưởng giả ban cho một xe lớn, ví như Phật thuyết Diệu Pháp Liên Hoa.
 6. Ví như Phật nói không hư vọng.
- Thí dụ nhà lửa gồm mười nghĩa:
1. “Nay ta cũng như vậy” hai hàng tổng tụng Quyền Thật trên, làm căn bản cho tổng thí dụ bên dưới.

2. “Xá-lợi-phất nên biết” bốn hàng, tụng năm trước trên, làm cơ sở cho thí dụ thấy lửa cháy bên dưới.

3. “Ta xưa ngồi đạo tràng” sáu hàng rưỡi, nêu dùng Đại thừa hóa độ không được, làm cơ sở cho thí dụ “cứu con không được” bên dưới.

4. “Liên nhớ Phật quá khứ” xuống mười một hàng, nêu dùng tam thừa hóa độ được, làm cơ sở cho thí dụ “cứu con thoát được” bên dưới.

5. “Ta thấy các Phật tử” xuống một hàng, nêu căn cơ Đại thừa phát khởi, làm cơ sở cho thí dụ “thấy con thoát nạn” bên dưới.

6. “Đều đem tâm cung kính” một hàng nêu rõ hàng tam thừa đòi quả, làm cơ sở cho thí dụ “các con đòi xe” bên dưới.

7. “Ta liền nghĩ thế này” xuống mười hai hàng và một câu nêu Như Lai hoan hỷ, làm cơ sở cho thí dụ Trưởng giả hoan hỷ bên dưới.

8. “Ở trong hàng Bồ-tát” xuống ba câu, nêu vì thuyết Đại thừa, làm cơ sở cho thí dụ cùng ban cho xe lớn bên dưới.

9. “Bồ-tát nghe pháp ấy” một hàng, nêu chúng sinh hoan hỷ, làm cơ sở cho thí dụ “các con được xe vui mừng” bên dưới.

10. “Các ông chớ có nghi” một hàng rưỡi, nêu Đức Phật không hư vọng, làm cơ sở cho thí dụ “trưởng giả không dối con” bên dưới.

- Có người bình luận: Nếu dùng câu phán xét thì nên có mười chín câu. Nếu dùng nghĩa phân rõ thì có sáu nghĩa:

1. Tổng.
2. Thấy lửa.
3. Nhất thừa hóa độ không được.
4. Tam thừa hóa độ được.
5. Trở lại thuyết nhất thừa.
6. Không hư dối.

Ngoài ra đều thu nhiếp trong sáu nghĩa. Lại, mười thí dụ thì pháp và thí có sai khác, trong nói pháp thì cầu xin xe trước cha hoan hỷ sau, còn trong nói thí dụ thì cha hoan hỷ trước cầu xin xe sau, tuy muốn hợp thông mà cuối cùng thành vòng vo. Lại, Đại Tiểu trái nhau. Nói pháp thì thấy căn Đại thừa chuyển nên vui, nói thí dụ thấy duyên tiểu khỏi nạn nên vui. Nói pháp thì nêu nhân Đại, nói thí dụ thì giới thiệu tiểu quả. Nói pháp thì các chương Đại sẽ nghiêng đổ, nói thí dụ thì tiểu nạn đã lìa. Các nghĩa đều trái ngược. Lại, như có và không cũng khác: trong nói pháp thì hàng thượng căn dễ ngộ cho nên không có đòi xe, trong nói thí dụ thì hàng trung căn còn mê hoặc cho nên còn đòi xe. Nếu dẫn cung kính vì đòi xe thì khác xa, không thể hiện ý văn. Nay không có bốn lỗi này. Nhưng có hay không, thì văn trường hàng cũng có năm điều sau:

1. Khai tam.
2. Hiển nhất.
3. Ngũ trước.
4. Chân nguy.
5. Bất hư.

Văn kệ cũng có năm, nhưng văn trường hàng có Chân nguy còn văn kệ thì không có. Văn kệ có tán pháp, Trường hàng thì không có, tức đắp đổi nêu ra.

Thứ lớp: Văn trường hàng thì trước khai tam sau hiển nhất, kệ thì trước hiển nhất sau khai tam. Khai hợp, là khai tam hiển nhất, là cơ sở chung cho thí dụ phần sau, hai kệ hợp mà không khai. Tiếp, văn nói lia ngũ trước làm cơ sở cho bốn thí dụ Khai mà không hợp. Văn nói: Không hư vọng, làm cơ sở cho thí dụ không hư vọng, không hợp không khai, là nêu thủ xả. Bốn đoạn kinh văn làm căn bản cho sáu thí dụ, thủ mà không xả; chương tán pháp nhất chẳng phải sáu thí dụ cho nên xả mà không thủ. Xét về tổng biệt, ban đầu khai tam hiển nhất, tổng trình bày đức Thích-ca dùng Nhất thừa giáo môn hóa độ. Từ phần Ngũ trước trở đi, là thuộc về thí dụ riêng (biệt thí).

Tiếp, bản tích: Tổng trình bày giáo pháp của Phật, tổng bao hàm bản tích. Từ phần Ngũ trước trở đi, là nêu riêng bản tích. Một chương ngũ trước, chính nêu ở nơi gốc Pháp thân mà thấy chúng sinh khổ nên khởi tâm đại bi. Từ “Nhất thừa hóa độ chúng sinh không được” là thùy tích... Nay cho rằng đại ý của tích môn chính là khai tam hiển nhất. Trước hết thẳng nói pháp hàng thượng căn liền lãnh ngộ, hàng trung căn hạ căn chưa ngộ nên lập thí dụ, thí dụ ở ba Nhất, khiến được sớm hiểu. Trước trong nói pháp đã lược rộng khai tam hiển nhất, sau đến nói thí dụ cũng nên lược rộng hứa ba ban cho một. Trong nhân duyên, cũng nên dẫn ba nhập một. Nếu lập ba thí, sáu thí, mười thí, thì đối với văn nói ba vòng không hợp, đối với bốn người tín giải thì trái lìa, do đó nên không dùng.

Nay nêu tụng trong chương Thích-ca, chia làm hai phần lớn:

1. Từ “Ta nay cũng như vậy” xuống hai hàng kệ, lược tụng Quyền Thật bên trên, làm căn bản cho Tổng thí bên dưới.

2. Từ “Ta dùng Phật nhãn xem” xuống có bốn mươi một hàng rưỡi kệ, rộng tụng sáu nghĩa trên, làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

Xét phần lớn thứ nhất, lược tụng tức có sáu ý; được làm căn bản cho sáu nghĩa của Tổng thí. Kệ nói: “Ta nay cũng như vậy”, “ta” tức đức Thích-ca là một Hóa chủ, làm căn bản cho thí dụ “Đại trưởng giả”

bên dưới. “An ổn” tức trụ xứ thường lạc đại Niết-bàn, nơi đó tịch tĩnh không có ngũ trước chướng nên gọi là “an ổn”. An ổn tức đối lại bất an ổn. Bất an ổn tức ba cõi sinh tử, là chỗ hành hóa. Có ngũ trước chướng, gọi là bất an ổn, tức làm căn bản cho thí dụ “Nhà lửa” bên dưới. “Chúng sinh” tức số đông người thọ hóa trong năm đường, làm căn bản cho thí dụ Năm trăm người bên dưới. Lại, “an ổn” tức là pháp an ổn, đối lại pháp bất an ổn. Pháp bất an ổn tức pháp ngũ trước, làm căn bản cho thí dụ “Lửa cháy” bên dưới, “Các loại pháp môn” tức đối lại “không có các loại pháp môn”, làm căn bản cho thí dụ “Chỉ có một cửa” bên dưới. “Biết tánh dục chúng sinh”, tức vì căn tánh chúng sinh trong năm đường nên có tam thừa sai biệt, làm căn bản cho thí dụ “Ba mươi người con” bên dưới. Hưởng về trên tức là lược tụng, hưởng dưới tức làm nền tảng cho Tổng thí dụ. Trên dưới nương nhau văn nghĩa đầy đủ, trong thí dụ lại còn dẫn trên chứng minh dưới..

Từ rộng tụng trong sáu nghĩa trên chia văn làm bốn phần: làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

1. Từ “Ta dùng Phật nhãn xem, thấy” xuống bốn hàng, là tụng mở rộng năm trước trên, làm căn bản cho thí dụ “Thấy lửa” bên dưới.

2. Từ “Xưa, ta ngồi đạo tràng” xuống mười bảy hàng rưỡi, là rộng tụng phần “Ở nơi một mà khai làm ba” bên trên làm căn bản cho thí dụ “Đình Đại thừa lại, thi hành Tiểu thừa” bên dưới.

3. Từ “Ta thấy các Phật tử” trở xuống, sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên, làm căn bản cho thí dụ “Đồng ban cho xe lớn” bên dưới.

4. Từ “Như chư Phật ba đời” xuống năm hàng rưỡi, rộng tụng phần “Khen pháp hy hữu” bên trên. Tiếp có hai hàng rưỡi, chính tụng “nói không hư vọng” bên trên. Tiếp có sáu hàng tụng “đôn đốc tin” bên trên. Ba ý này hợp làm cơ sở cho thí dụ “Trưởng giả không nói dối gạt” bên dưới, mà phần chính ở hai hàng rưỡi kệ tụng “Nói không hư vọng”, làm cơ sở cho thí dụ dưới. Đại khái như vậy, chi tiết thì lại mở rộng ra.

Như trong phần đầu tụng Ngũ trước có ba ý:

1. Nửa hàng và một chữ, nêu Phật nhãn quán kiến, làm căn bản cho thí dụ “Trưởng giả có thể thấy” bên dưới.

2. Từ “Chúng sinh sáu đường” xuống, gồm hai hàng ba câu bốn chữ, nêu thấy năm trước, làm căn bản cho thí dụ “Thấy lửa” bên dưới.

3. Từ “Phật vì chúng sinh này” xuống, gồm nửa hàng, nêu Phật khởi đại bi tâm, làm căn bản cho thí dụ “Trưởng giả sợ cho các con nên vào nhà lửa” bên dưới.

Phần hai: từ “Xưa, ta ngồi đạo tràng” xuống, mười bảy hàng rưỡi:

tụng khai tam lại khai hai ý: Thứ nhất gồm sáu hàng rưỡi tụng: Phật suy nghĩ dùng Đại thừa hóa độ không được, làm căn bản cho thí dụ: “Trưởng giả không dùng sức lực chân tay cứu con ra khỏi nhà lửa” bên dưới. Thứ hai từ “Liên nhớ Phật quá khứ” xuống mười một hàng, tụng suy nghĩ giống chư Phật dùng tam thừa hóa độ, làm căn bản cho thí dụ “Thiết lập ba xe để các con vui Thích-cái “Nhỏ” mà ra” bên dưới.

- Phần ba: sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên, lại khai bốn ý:

1. “Xá- lợi-phất nên biết, ta thấy các Phật tử” xuống hai hàng nêu Đại thừa cơ động, làm căn bản cho thí dụ “Đòi xe” bên dưới.

2. Từ “Ta liền nghĩ thế này” xuống hai hàng một câu nêu Phật hoan hỷ, làm căn bản cho thí dụ “Thấy con khỏi nạn” bên dưới.

3. Từ “Ở trong hàng Bồ-tát” xuống ba câu, chính hiển thật, làm căn bản cho thí dụ “Đồng ban một thứ xe lớn” bên dưới.

4. Từ “Bồ-tát nghe pháp đó” xuống một hàng nêu thọ hành ngộ nhập, làm căn bản cho thí dụ “Các con được một thứ xe lớn vui mừng” bên dưới. Tụng trên “Nói không hư vọng” chỉ làm căn bản cho thí dụ “Trưởng giả không dối gạt” bên dưới, không luận chia ra.

- Lại nữa, nhất thời Đại khai làm ba thí dụ:

1. “Nay ta cũng như vậy” hai hàng, hợp mà chẳng ly, làm căn bản cho Tổng thí bên dưới.

2. “Ta dùng Phật nhãn thấy” xuống, thì ly mà không hợp, làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

3. Phật nói không hư vọng, thì bất ly bất hợp, làm căn bản cho thí dụ ông Trưởng giả không dối gạt. Nếu nương bên trên làm căn bản cho bên dưới, hai thứ lược tụng rộng tụng, thì thông cả ba vòng và trong Tín giải, vẫn cùng nghĩa thấy đều không thiếu sót. Nếu căn cứ phần tụng rộng, lại chia bốn ý tụng bốn nghĩa bên trên làm cơ sở cho bốn thí dụ dưới, thì đây cũng thông ba vòng và trong Tín giải, vẫn nghĩa không thiếu. Nếu chia nhỏ tụng Năm trước làm ba, chia tụng Phương tiện làm hai, chia tụng Hiển thật làm bốn, tụng Bất hư chỉ có một, hợp thành mười ý, làm căn bản cho mười thí dụ bên dưới. Mười ý này chỉ ở hai vòng Pháp và Thí, trong Tín giải và Nhân duyên văn kia thì thiếu, cho nên chia làm ba tiết khai chương nương trên làm căn bản cho dưới, không phải làm tản mạn.

Trong phần lược tụng thì một hàng đầu tụng Hiển thật bên trên, một hàng sau tụng Khai quyền bên trên, văn đây tuy chỉ hai hàng mà tụng đủ tứ nhất. “Ta nay cũng như vậy”, tức như chư Phật đồng dùng nhất thật giáo hóa chúng sinh, đây là tổng tụng Hiển thật.

“An ổn”: Niết-bàn bí tạng là nơi an ổn, đức Phật tự trú trong đó, cũng an trí chúng sinh vào tạng bí mật đó. Nơi “an ổn” tức tụng Lý nhất, “chúng sinh” tức tụng Nhân nhất, “chủng chủng pháp môn nhập Phật đạo” tức tụng Hạnh nhất, “chỉ bày tuyên thuyết” tức Giáo nhất. “Sức trí tuệ” tức sức Quyền trí. “Biết tánh dụng chúng sinh” tức soi thấy căn cơ Tiểu thừa. “Phương tiện nói các pháp” là chính thi thiết quyền. “Điều khiến được hoan hỷ” là tùy nghi xứng hợp căn cơ. Hai hàng kệ tuy tóm lược nhưng thu gọn ý Phật giáo hóa Nhất thừa, khai quyền hiển thật vốn từ đầu đến cuối trọn vẹn bất tận, cho nên nói lược tụng mà làm cơ sở cho Tổng thí dụ phần sau.

Phần lớn thứ hai: Từ “Ta dùng Phật nhãn xem thấy” xuống bốn mươi mốt hàng rưỡi, rộng tụng sáu nghĩa trên. Xưa lấy bảy hàng cuối cùng làm pháp thuyết lưu thông, nay không dùng mà dùng làm tụng tán pháp đốc thúc tin theo. Chia làm sáu phần:

1. Bốn hàng, tụng năm trước trên, khai tam.
2. Mười bảy hàng rưỡi, tụng thiết lập phương tiện hóa độ.
3. Sáu hàng, tụng hiển thật trên.
4. Năm hàng rưỡi, tụng tán pháp hy hữu trên, tuy chương Thích-ca không có, chỉ có trong chương chư Phật.
5. Có hai hàng rưỡi, tụng “nói không hư vọng” trên.
6. Sáu hàng, tụng đôn thúc tin trên.

Phần một: Bốn hàng tụng năm trước, văn trên có bốn thứ: Xướng số, liệt danh, xuất thế, tổng kết giải thích. Nay chỉ tụng có ba thứ: số, danh, thế. Trên nói vì năm trước cho nên thuyết ba, nay nói vì năm trước cho nên xuất thế, xuất thế lẽ ra phải thuyết về Đại thừa, nhưng vì chương ngại không thấu hoạch được, cho nên trước hết phải thuyết Tiểu. Đây lại chia làm ba:

1. Mười một chữ đầu, nêu Phật có Phật nhãn có thể thấy rõ tất cả.
2. Từ “sáu đường” xuống hai hàng ba câu bốn chữ nêu thấy rõ năm trước.
3. “Phật vì chúng sinh ấy”... xuống nửa hàng, nêu khởi đại bi tâm ứng phó.

- Mười một chữ đầu, “Ta dùng Phật nhãn xem thấy” tức văn dưới nói “trưởng giả đứng ở ngoài cửa”; nêu dưới chứng minh trên, biết Phật ở địa vị pháp thân dùng Phật nhãn thường tịch soi thấy trọn vẹn căn cơ chúng sinh. Nếu người có căn lợi trước nhẹ, thì dùng tượng Lô-xá-na thuyết pháp nhất thừa. Nếu căn độn trước nặng, thì cõi chuỗi anh lạc, dùng hình tượng lão Tỳ-kheo, kính sợ cho chúng sinh mà vào nhà lửa,

phương tiện khai tam. Chỉ đối với thời quán sát căn cơ cho nên nói: “Ta dùng Phật nhãn xem thấy”. Nếu quán sắc pháp thì nên dùng thiên nhãn, nếu phân biệt căn cơ thì nên dùng pháp nhãn, vì sao lại nói dùng Phật nhãn thấy ư? Vì Phật nhãn viên thông khắp cả thắng và liệt, và bốn nhãn kia nhập Phật nhãn, đều gọi là Phật nhãn...

- “Sáu đường chúng sinh” xuống, hai hàng ba câu bốn chữ nêu thấy rõ ngũ trước. “Nghèo cùng không phước tuệ” nửa hàng, tụng Chúng sinh trước. “Vào đường hiểm sinh tử, khổ liên tục không dứt” đây là tụng Mạng trước. “Tham đắm nơi ngũ dục” một hàng, tụng Phiền não trước. “Không cầu Phật thế lớn và pháp dứt sự khổ” đây tụng Kiếp trước. “Sâu vào các tà kiến, lấy khổ muốn bỏ khổ” đây tụng Kiến trước. Hoặc nói năm nhiệt đốt cháy thân, muốn bỏ khổ trở lại mắc khổ báo. Hoặc nói các kiến tức là thọ, thọ tức là khổ, hành nhân khổ này mà mong muốn xả khổ, há có thể được ư? Kinh Phổ Diệu nói: “Nguyên do có năm đường: giữ năm giới làm người, mười thiện sinh thiên, xan tham đoạ ngạ quỷ, sân giận đoạ vào súc sinh, mười điều ác đoạ địa ngục. Không có năm thú, năm ấm, sáu suy thì đó là Nê-hoàn (Niết-bàn). Không ở sinh tử không trú Niết-bàn, thì quyết định thọ Bồ-đề”. Luận Tỳ-Đàm Tỳ-bà-sa quyển bảy nói: Người mới sinh trong địa ngục nghĩ rằng: Ta xưa nghe Sa-môn thuyết tham dục là nơi địa ngục ác đáng sợ, ta xưa không đoạ tham dục nên nay thọ sự khổ nào vô cùng, đây nêu tham dục là nhân của địa ngục. Lại nói trong năm đường, mỗi đường đều có pháp tự nhiên, địa ngục sắc đoạ thì lập tức tiếp thân súc sinh, có thể bay lên hư không, ngạ quỷ khi dùng đoàn thực thì có thể đến trong loài người, trong loài người thì có niệm lực phạm hạnh khoẻ mạnh (dũng kiện). “Dũng kiện” là không thấy quả mà năng rộng tu nhân. “Niệm lực” là việc làm lâu xa mà có thể nhớ. “Phạm hạnh” là người được phần giải thoát thông đạt, được chánh quyết định; trong cõi trời thì được tự nhiên tùy ý cần gì đều được. Trong địa ngục, thành tựu Tha hóa tự tại thiên phiền não nghiệp cho đến thiện, mà không hành hiện tiền. Tha hóa tự tại thiên thành tựu địa ngục phiền não nghiệp đến bất thiện, mà không hiện tiền hành. Nêu trên nêu dưới, thì trung gian có thể biết. Trung hoa dịch là “Địa ngục”, tiếng Phạn là Nê-lê. Đời Tần gọi là “Vô hữu”, nghĩa là ở cõi đó không có hỷ lạc, không có mùi vị, không có sự vui mừng ích lợi, cho nên nói “vô hữu”. Hoặc nói “thấp hèn”, hoặc nói “đọa lạc”, trung ấm đảo ngược vì các căn đều hủy hoại. Hoặc nói là “không”, tức hoàn toàn không có buông tha, ngục tốt biến hóa khiến thấy chẳng phải số chúng sinh. Ban đầu đem người tội bị trói đến chỗ

Diêm vương, là số chúng sinh. Nếu thọ khổ, thì chẳng phải số chúng sinh. Hiểu như vậy, thì ban đầu đều là chánh ngữ. Nếu thọ sự thống khổ thì không còn có thể phân biệt âm thanh súc sinh, ấy là hình bằng hành bằng, cho nên gọi là súc sinh. Lại, súc sinh gọi là “khấp có”(biến hữu), khấp có trong năm đường, cõi trời Tứ thiên, Tam thập tam thiên đều có, mà trên trời cõi voi ngựa... là do phước nghiệp hóa tác, chẳng phải chúng sinh số. Lại, súc sinh gọi là manh minh. Manh minh là nhiều vô minh, nên gọi là súc sinh. Thời kiếp sơ, chúng đều hiểu Thánh ngữ, sau ăn uống đối khác, tâm đối nghịch mà lời nói đều trái ngược, hoặc không có thể nói. “Quý”, tiếng Phạn gọi là Xà-ly-đa, đời Tần gọi là Tổ phụ, chúng sinh ban đầu sinh ở đường ấy gọi là tổ phụ, sau sinh cũng gọi là tổ phụ. Lại, do xan tham nên đoạ vào đường ấy, đường ấy phần nhiều đói khát cho nên gọi là nạ quý, cũng bị chư thiên sai khiến, cũng mong chờ sự ăn uống cho nên gọi nạ quý. “Nhân”: Tiếng Phạn gọi Ma-nô-xà, Trung hoa dịch là “Ý”, xưa Đỉnh Sinh Vương ban đầu dạy cho người có các hành động, phải khéo tư duy, khéo trừ tính, khéo nhớ nghĩ tức như vua dạy bảo, trước tư duy so sánh nhớ nghĩ cho nên gọi nhân là ý. Lại, nhân (người) có thể dứt ý, năng tu đạo, được thông suốt từng phần. Lại, nói nhân gọi là “mạn”, trong năm đường nhiều mạn nên gọi là nhân thú. “A-tu-la”: Tu-la gọi là thiên, A gọi là phi, phi thiên cho nên gọi là A-tu-la. Lại, Tu-la gọi là đoan chánh, kia không đoan chánh, nên gọi A-tu-la. Tu-la gọi là tửu, A gọi là vô, kia vô tửu (không uống rượu) cho nên gọi A-tu-la. “Thiên”: là thiên nhiên tự nhiên thắng. Lạc thắng, thân thắng, cho nên thiên gọi là thắng. Các việc đều thắng hơn các đường khác, thường dùng ánh sáng tự chiếu soi, cho nên gọi là thiên. Lại, thiên là thiên nhiên tự nhiên. Kinh A-hàm nói: Chúng sinh là giả danh, giới là pháp, năm đường chúng sinh cùng pháp giới hòa hợp. Nếu khi chúng sinh tâm hành bất thiện thì cùng cõi bất thiện đồng, khi tâm hành thiện thì cùng cõi thiện đồng, tâm hành thắng thì cùng cõi thắng đồng, tâm hành hèn mọn đáng khinh bỉ thì cùng cõi đáng khinh bỉ ấy đồng. Vì vậy, Tỳ-kheo thường học và làm các việc thiện sinh vào cõi thiện. Trước là dùng Nhân duyên giải thích sáu đường, sau như Quán tâm giải thích sáu đường v.v...

Từ “Phật vì chúng sinh ấy” xuống, nửa hàng, nêu khởi đại bi tâm. “Mà khởi tâm đại bi”, trên nêu năng kiến, tiếp nêu sở kiến, nay nêu đại bi huân tâm ứng nhập tam giới, thi thiết phương tiện dẫn dắt chúng sinh nhập Phật tuệ.

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

(Phần Thượng)

Phần hai: Từ “Xưa ta ngồi đạo tràng” xuống, mười bảy hàng rưỡi tụng thiết lập phương tiện hóa độ, đây chia làm hai phần:

1. Sáu hàng rưỡi, nêu Phật nghĩ dùng Đại thừa, dự tính hóa độ nhưng không được.

2. Từ “Liên nhớ Phật quá khứ” xuống mười một hàng, nêu niệm đồng chư Phật dùng tam thừa giáo hóa xứng hợp có thể được.

- Trong sáu hàng rưỡi của phần một lại chia làm ba:

1. Một hàng rưỡi, nêu nghĩ rằng dùng Đại thừa thích nghi.

2. “Chúng sinh” xuống ba hàng, nêu chúng sinh không có căn cơ.

3. “Ta liền tự suy nghĩ” xuống hai hàng nêu nghĩ rồi thôi dùng Đại thừa giáo hóa.

“Xưa ta ngồi đạo tràng”, chí lý thì không có thời gian, tạm mượn thời gian để hóa độ chúng sinh, vì ban đầu hóa độ nên nói là “xưa”.

Giải thích theo sự:

1. Ban đầu ngồi nơi này tu trị đặc đạo, cho nên nói “đạo tràng”, ngồi dưới gốc cây tu đặc Tam Bồ-đề cho nên nói “đạo thọ”. Cảm ân cây, cho nên “quan sát” nghĩ đến đức của đất cho nên “kinh hành”. Khi thành đạo báo đền ân, muốn dùng pháp Đại thừa, nghĩ rằng thích nghi chúng sinh. Quán tâm giải thích: Thọ tức đại thọ mười hai nhân duyên, quán sâu duyên khởi, tự thành Bồ-đề, muốn dùng rừng cây pháp vô lậu che chở chúng sinh, cho nên nói quán thọ (xem cây). “Kinh hành”: Là pháp hành đạo trong ba mươi bảy phẩm Đại thừa, tự dùng đạo phẩm vượt tất cả địa, đặc thành Phật đạo, muốn dùng pháp này hóa độ chúng sinh vì vậy cho nên khởi hành. Thọ, địa không có phân biệt, đâu cần báo ân? Kinh Vị Tăng Hữu nói: Chỉ dùng thông hóa truyền pháp, gọi là báo ân. Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: Khi Đức Phật mới thành đạo, bảy ngày đầu tư duy pháp ta vi diệu không có người lãnh thọ, tuần thứ hai tư

duy chúng sinh thượng trung hạ căn, tuần thứ ba tư duy nên thuyết pháp cho ai nghe trước, liền đi đến thành Ba-la-nại vì năm anh em Kiều-trần-như mà thuyết Tứ đế, Kiều-trần-như đặc pháp nhãn tịnh. Ác-ty-bạc-đề, Thập lực Ca-diếp, Ma-ha-nam, Câu-lợi chưa đặc đạo. Phật thuyết Tứ đế lại lần nữa thì bốn vị ấy đặc pháp nhãn tịnh. Đức Phật lại thuyết pháp ngũ ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, thì cả năm người đều đặc A-la-hán. Đức Phật là Phật bảo, Tứ đế là Pháp bảo, năm người và Phật là sáu A-la-hán, tức là Tăng bảo.

Sở của ngài Tiểu Vân nói khi Đức Phật mới thành đạo thì ba tuần đầu Đức Phật đã thuyết kinh Pháp Hoa. Văn dưới nói Đức Phật Tú Vương Hoa Trí ngồi dưới gốc cây Bồ-đề bảy báu thuyết kinh Pháp Hoa, nên biết nay Phật dưới cây Bồ-đề cũng thuyết Kinh Pháp hoa mà chúng sinh độn căn không kham nổi, thuận đồng chư Phật khai tam thừa giáo hóa, sau ở tại thành Vương xá thuyết nhất thừa. Nếu tìm ý của bậc trí, thì xưa dưới cây Bồ-đề thuyết Phật tuệ, sau các chỗ khác cũng thuyết Phật tuệ. Theo lệ như nay Đức Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm, sau thuyết Kinh Pháp Hoa, cho nên văn nói “mới thấy thân ta, nghe pháp ta thuyết, liền nhập Như Lai tuệ, trừ bỏ sự tu tập học theo Tiểu thừa trước”, nay cũng khiến nhập Như Lai tuệ, cùng nghĩa đây đồng.

Năm Tỳ-kheo: Các người nữ nghe tiên nhân thuyết pháp. Ác sinh vương sân giận chặt hai cánh tay, xẻo mũi và hai tai của tiên nhân, máu huyết biến thành sữa. Ác sinh vương là Câu-lân (Kiều-trần-như), tiên nhân là Phật. Đức Phật thệ nguyện khiến người ấy được cam lồ, khiến là người nghe pháp đầu tiên.

Hỏi: Vì sao Đức Phật ban đầu vì năm người chuyển pháp luân?

Đáp: Vì Người trước thấy đế, vì người hiện tại thấy, vì người làm chứng, vì Đức Phật hành sự nghiệp cùng với người đồng, vì chư thiên từ trong loài người mà được thiện lợi, vì trong loài người có bốn chúng.

Hỏi: Luân vương xuất thế âm thanh vang dội đến trời Tha hóa tự tại, Kiều-trần-như đặc đạo âm thanh lên đến Phạm thiên, Đức Phật đặc đạo âm thanh vang đến hội Thủ Đà (cõi Tịnh cư thiên). Vì sao vậy?

Đáp: Vì nghiệp thiện, gọi là nghiệp ca tụng, nghiệp xưng tán cha mẹ Sư trưởng, có thượng trung hạ cho nên như vậy. Nếu khiến trời Hữu Đảnh có nhĩ thức, thì âm thanh Phật cũng vang đến tận nơi đó. Luân vương hành thập thiện, thiện sinh cõi Dục thiên, Dục thiên vui mừng vì quyến thuộc của ta tăng thêm. Kiều-trần-như ly dục cho nên âm thanh thấu đến Phạm thiên, Đức Phật tối thắng đến ni-tra... Nếu y Đại thừa thì

Đức Phật đắc đạo, âm thanh dội vang đến trăm ức ni tra, lại vang khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới ni-tra... Ban đầu chỗ chuyển pháp luân, nơi cội cây Bồ-đề, ban đầu ở dưới cung trời Đao-lợi, nơi dùng đại thần thông biến hóa, bốn nơi này chư Phật đều định, còn các chỗ khác không định. Lại, trừ một chỗ chuyển pháp luân, còn ba chỗ kia đều quyết định. Ba tuần lễ đầu: Xưa nói là Phật suy tư về Lý giáo. Lại, nói khuyên răn... Sư Dao nói: “Sự” rất sâu xa, cho đến Thánh còn tư duy. Sau một tuần tư duy Phật trí vi diệu, tuần thứ hai tư duy chúng sinh căn tánh không đồng, tuần thứ ba tư duy pháp được vạn loại, liền nêu kệ làm chứng: “Trí tuệ của ta chứng đắc, vi diệu tối đệ nhất, Chúng sinh các căn độn, làm sao mà độ được?”. Nay nêu Đức Phật ở địa pháp thân, tịch mà thường chiếu, thường dùng Phật nhãn nhìn thấu khắp không bỏ nơi nào, đâu phải mới đến đạo tràng trải qua ba tuần mới tư duy sự này! Nói ba tuần là nêu cái muốn tiêu biểu. Tiêu biểu Đức Phật ban đầu muốn ba vòng thuyết pháp, nên tạm nói ba tuần đó thôi! Tuần đầu tư duy pháp thuyết, tuần thứ hai tư duy thí thuyết, tuần thứ ba tư duy nhân duyên thuyết, đều không có căn cơ nào mà không đắc. Vì vậy cho nên dùng Đại thiết lập Tiểu. Đây là căn cứ riêng Đại thừa Viên giáo mà giải thích. Nếu thông thường căn cứ Đại thừa giải thích, thì tuần đầu tư duy muốn thuyết Đại thừa Viên giáo, tuần thứ hai tư duy muốn thuyết Biệt giáo, tuần ba tư duy muốn thuyết Đại thừa Thông giáo, đều không có căn nào mà không đắc, cho nên ngưng Đại thừa thuyết Tam tạng Tam thừa, là phương tiện giáo hóa.

Quán tâm giải thích: ban đầu muốn quán Trung đạo, nhưng Trung đạo vi diệu khó quán cho nên không dùng được. Tiếp đến muốn quán Tứ giả, nhưng mà Tứ giả thì quán phân biệt trí khó sinh cho nên không dùng được. Sau quán Tứ không, nhưng Tứ không thì khéo độ, lại cũng không dùng được. Thì mới quán phương tiện, phân tích pháp tiểu quán...

2. Từ “Chúng sinh các căn độn” xuống ba hàng nêu chúng sinh không có căn cơ phù hợp. Văn lại chia làm ba phần:

a. Nửa hàng nêu chướng nặng.

b. Từ “Các hạng người như thế” nửa hàng, nêu không kham nghe.

c. Từ “Bấy giờ các Phạm vương” hai hàng, nêu các Phạm vương thỉnh thuyết Đại thừa Đức Phật biết chúng sinh không có căn cơ cho nên không thuyết,

3. Từ “Ta liền tự tư duy” xuống hai hàng, nêu nhớ nghĩ muốn

không giáo hóa. Văn lại chia làm hai phần: Một hàng rưỡi đầu, nêu người không căn cơ mà gượng thuyết, thì người nghe bị tổn hại. Nửa hàng sau, nêu không giáo hóa.

Phần kệ tụng thứ hai : Từ “Liên nhớ Phật quá khứ” xuống có mười một hàng, tụng bên trên nói “đối với nhất Phật thừa phương tiện thuyết tam”. Văn chia làm hai phần:

1. Mười hàng đầu, chính nêu hóa độ được.
2. Một hàng, giải thích nghi.
 - Mười hàng đầu lại chia làm bốn phần:
 1. Một hàng, nêu nghĩ rằng tam thừa thích nghi.
 2. Từ “Lúc ta nghĩ thế đó” xuống sáu hàng rưỡi, nêu có căn cơ.
 3. Từ “Tư duy việc đó rồi” một hàng rưỡi, nêu thiết lập giáo hóa.
 4. Từ “Đó gọi chuyển pháp luân” một hàng, nêu thọ hành.

“Liên nhớ Phật quá khứ” tức suy nghĩ chúng sinh kia tuy không có căn cơ Đại thừa nhưng không thể chấp nhận vĩnh viễn bỏ chúng, nên cần phải dùng phương tiện mà dẫn dụ cứu giúp. Chẳng phải Phật không biết khai tam, mà muốn dẫn đồng chư Phật, cho nên nói “tâm niệm (liên nhớ)”.

“Lúc ta nghĩ thế đó” sáu hàng rưỡi, nêu có căn cơ Tiểu thừa. Đây lại chia làm hai: Bốn hàng rưỡi đầu, nêu chư Phật tán thán. Hai hàng sau, nêu đức Thích-ca đáp thuận theo chư Phật. Trên muốn giáo hóa Đại thừa mà chúng sinh ấy không có căn cơ cho nên chư Phật không tán thán. Nay muốn thuyết Tiểu thừa hợp với căn duyên, thì từ đầu đến cuối đều được độ, do đó chư Phật tán thán.

Trong bốn hàng rưỡi “Chư Phật tán thán” chia làm năm:

1. Ba câu, đức Thích-ca tự trình bày chư Phật hiện. Phật hiện là do niệm Phật phương tiện lực, cho nên hiện. Hiện do thuận theo hai nghĩa: dự định pháp nói và hợp căn cơ cho nên Phật hiện.

2. Từ “Lành thay! Đức Thích-ca” xuống một hàng và một câu, nêu chính chư Phật tán thán đức Thích-ca năng ẩn Thật thiết lập Quyền, cho nên nói “Lành thay!”. Vì một mà thiết lập ba dẫn nhập Phật tuệ, tức là: “Bậc đạo sư đệ nhất”. “Đắc pháp vô thượng ấy” tức là đắc thật trí vi diệu đệ nhất. “Mà dùng sức phương tiện” là tùy theo tất cả Phật mà ẩn Thật dùng Quyền.

3. Từ “Chúng ta cũng đều được” xuống một hàng, nêu chư Phật cũng ẩn Thật dụng Quyền, như văn.

4. Từ “Trí kém ưa pháp nhỏ” xuống một hàng, song song giải thích hai nghĩa: vì chúng sinh trí kém không kham nghe Đại thừa cho

nên ẩn Thật, mà lại ưa pháp nhỏ cho nên thiết lập Quyền.

5. Từ “Tuy lại thuyết tam thừa” xuống nửa hàng, song kết hai nghĩa: tuy lại thuyết tam, cuối cùng là hiển Thật.

Từ “Xá-lợi-phất nên biết” xuống hai hàng, nêu đức Thích-ca đáp thuận theo, đã nghe chư Phật tán thán nên đáp lại nói ”Nam mô”. Nam mô, Trung hoa dịch ”Kính tụng” nghĩa là ”Xin tuân theo”. Lại chia làm hai:

1. Một hàng phát khởi lời đáp thuận theo.

2. Một hàng, nhớ nghĩ tùy thuận căn cơ chúng sinh.

Từ “Tư duy việc đó rồi” xuống một hàng rưỡi, chính nêu thi hành việc giáo hóa. “Các pháp tướng tịch diệt, không thể dùng lời bày” xuống, đây là tụng “lý trung đạo Phật chứng vô tánh” nói bên trên. Lý này chẳng tính số, cũng không thể nói, mà nay dùng phương tiện thuyết tam thừa. Lại, chẳng sinh chẳng diệt, mà dùng phương tiện thuyết sinh diệt. Lại, lý thiên chân cũng không thể chỉ bày thuyết, mà dùng phương tiện cho nên thuyết bốn môn. Ban đầu vì năm người mà thuyết Hữu môn vô thường.

Một hàng: từ “Đó gọi chuyển pháp luân” trở xuống, nêu thọ hành ngộ nhập. Chuyển pháp hóa tha trong tâm Phật, độ nhập vào tâm người khác, gọi là “chuyển pháp luân”. Kiều-trần-như ban đầu đắc Kiến đế, tức đoạn Kiến hoặc, phần chứng Diệt đế, cũng là phần đắc Hữu dư Niết-bàn. “Tiếng Niết-bàn” khởi tự nơi đây, do đó được thành Vô học, bèn có tên “La-hán”. Năng thuyết pháp tam thừa, gọi là Phật. Tam thừa được thuyết, tức là Pháp. Kiến đế La-hán..., gọi là Tăng. Tam bảo do đó xuất hiện ở thế gian.

Từ “Từ kiếp xa đến nay” trở xuống một hàng, giải thích nghi. Nghi thầy thì nói: Phật ban đầu chưa xem xét căn cơ liền nhớ chư Phật, mới biết căn tánh? Tức giải thích rằng: Chẳng phải ta không biết dùng phương tiện, đặt biệt muốn dẫn đồng chư Phật, cho nên “niệm (nhớ) chư Phật”, chẳng phải nhớ mới biết, mà “từ kiếp xa đến nay” ta đã thấu biết chúng “ưa chuộng pháp nhỏ”, và ta cũng vì chúng tán thán, chỉ bày khiến cho chúng hết các khổ, do đó nghe Tiểu thừa liền được giải thoát. Nghi đệ tử thì nói: Tại sao chúng sinh một đời vừa nghe liền chứng La-hán? Tức giải thích: “Từ kiếp xa đến nay” Phật đã vì chúng tán thán chỉ bày, nay xứng với huân tập xưa cho nên mau đắc đạo. Xưa nói, Kệ đây liên quan đến nghĩa thọ lượng. Nay nêu luận về ý bí mật, hoặc sẽ như đây nêu ý hiển lộ thọ lượng thì không đúng. Vì sao nhất định nêu thọ lượng? Đức Di-lặc còn tự không biết? Thế nào là huyền chỉ của một kệ

trong đây? Nay chỉ dùng giải thích nghi mà tiêu hóa được văn kinh.

Phần ba : Từ “Ta thấy các Phật tử” xuống sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên. Văn có đủ Tứ nhất:

- “Ta thấy các Phật tử” trở xuống, hai hàng, tụng Nhân (người) nhất. Người tu hành tam thừa đều là Phật tử. Văn trên bao gồm các ý kia.

- “Ta liền nghĩ thế này” trở xuống, một hàng tụng Lý nhất. “Vì thuyết Phật tuệ”, tức là trên nói “nhất thiết chủng trí Phật tri kiến”.

- “Xá-lợi-phất nên biết” trở xuống, hai hàng, tụng Giáo nhất. “Chỉ nói đạo vô thượng” tức Giáo nhất.

- “Bồ-tát nghe pháp ấy” trở xuống, một hàng, tụng Hạnh nhất. “Cũng đều sẽ thành Phật” là Hạnh nhất.

Lại, sáu hàng tụng này chia làm bốn ý:

1. Hai hàng nêu rõ căn cơ Đại thừa phát sinh, cũng gọi là cầu quả.

2. Hai hàng và một câu nêu đức Phật hoan hỷ vì chúng sinh đắc đạo Đại thừa lợi ích.

3. Ba câu, chính nêu hiển Thật.

4. Một hàng thọ hành ngộ nhập.

Ý 1: Nói rõ do căn cơ phát sinh cho nên cầu quả, cầu quả do căn cơ sinh. Đây ứng với bốn câu:

1. Tự có chướng trừ, mà căn cơ chưa phát, như các La-hán ở trong thời Tam tạng, do ưa Tiểu (pháp nhỏ) cho nên trước chướng tuy trừ nhưng Đại căn còn ám độn, nên diệu cơ chưa phát.

2. Tự có Đại cơ phát, nhưng chướng chưa trừ, như các người phạm phu trong thời Pháp Hoa, tuy chưa đoạn kết nhưng do Đại căn lợi, cho nên căn cơ phát.

3. Tự có chướng liền trừ, cơ liền phát, như khi thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa, thì những người chứng quả nhị thừa ngồi tại pháp hội này, Đại cơ liền phát.

4. Tự có chướng chưa trừ, Đại cơ chưa phát, tức năm ngàn người bỏ đi.

“Chí quyết cầu Phật đạo”, tức là cầu Đại thừa chẳng cầu quả Tiểu thừa.

“Cầu” có ba ý:

1. Nghĩa Đại căn cơ, có cảm quả nên cầu. Đây là trong căn cơ luận nghĩa cầu.

2. Trong tâm bí mật cầu, là đắc hay là không đắc, tức ý đây.

3. Phát ngôn cầu, tức là ân cần ba phen thỉnh. Xưa trong giáo đã

có hai phen thỉnh cầu, nhưng chưa phát ngôn, đến ngày nay đầy đủ ba lần cầu xin.

Hỏi: Xưa nói ra khỏi nhà lửa cầu xin ba xe, là căn cơ, tâm tình cầu xin. Văn kinh nói: “Như lúc trước đã hứa cho”, đây mới cầu xin ba xe, đâu có liên quan đến cầu một?

Đáp: Ra ngoài nhà mà không thấy, ắt có cách khác, đem xưa hứa cho ba để cầu ý khác đó thôi! Cũng được là cầu một.

“Đều đem tâm cung kính, đồng đi đến chỗ Phật”, có ý kiến cho rằng: Hổ thẹn Tiểu, hâm mộ Đại thừa. Vì đại cơ cảm Phật, cho nên nói “đến chỗ Phật”. Nay nói rõ không phải chỉ có Đại cơ đến chỗ Phật, mà tất cả đều đến, như trong hội khi Phật sắp thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa thì bốn chúng vây quanh chấp tay cung kính muốn nghe đầy đủ đạo. “Từng đã theo chư Phật, nghe thuyết pháp phương tiện”, đây là hàng Trung căn mới bắt đầu nếm vị điều phục thọ hành Tam tạng, Lục độ, Thông, Biệt... tam giáo phương tiện, do đây điều hòa thuần thực khiến cho chướng trừ, căn cơ phát sinh mà cầu Đại thừa.

Ý 2: “Ta liền nghĩ thế này” xuống hai hàng một câu, là nêu chướng trừ Phật hoan hỷ. Phật vì Phật tuệ cho nên xuất hiện. Xưa chúng sinh chướng nặng không có căn cơ, nên không thuyết Phật tuệ được, thời gian giữa tuy chướng trừ cũng chưa thuyết được, nay căn cơ phát sinh, chính là lúc thuyết. Xưa chúng sinh “căn độn trí nhỏ”, sợ họ phỉ báng pháp rơi vào đường ác cho nên chưa phải thời thuyết. Nay căn lợi chí cầu Đại thừa, nghe ắt tin hiểu, cho nên Đức Phật hoan hỷ. “Vô úy”: là không sợ chấp Tiểu phỉ báng Đại, khởi tội đoạ đường ác, cho nên nói vô úy.

Ý 3: “Ở trong hàng Bồ-tát” xuống ba câu, chính hiển Thật. Ngũ thừa là cong mà chẳng thẳng. Thông Biệt thiên một bên mà chẳng chánh. Nay thiên lệch cong đó đều xả, chỉ thuyết một đường chánh trực.

Ý 4: “Bồ-tát nghe pháp ấy” xuống một hàng, nêu thọ hành ngộ nhập. Hai hạng Bồ-tát là Lục độ và Thông giáo, ban đầu nghe lược thuyết thì động cái chấp cũ vương cái nghi mới. Nay đều đã bỏ. Chẳng phải riêng Bồ-tát, mà hàng nhị thừa cũng như vậy. Nói “Thanh văn đều sẽ làm Phật”, giáo xưa không nói nhị thừa làm Phật, nay do tu hành mà được thọ ký. Thọ ký đâu phải riêng hàng nhị thừa, trừ nghi đâu riêng hàng Bồ-tát. Bảo tồn lẫn nhau thì cả hai đầy đủ.

Hỏi: Bồ-tát vì sao nghi?

Đáp: Tam tạng giáo nói: “trả ba A-tăng-kỳ chưa đoạn Hoặc, một

khi đoạn liền nhập chân”. Thông giáo nói: “Bồ-tát đoạn Chánh sử, còn Tập khí. Tập khí tận, thì thành Phật”.

Ban đầu nghe lược thuyết đều gọi là phương tiện. Cái Chân thật xưa, cái thành tựu xưa, trọn biết thì an lạc thay! Lại, tam thừa đồng học một đạo, do ý gì mà có sai biệt! Nay nghe Pháp Hoa quét sạch các sự nghi ngờ, không còn một chút nhỏ như hạt cải.

Từ “Như nghi thức nói pháp, của chư Phật ba đời” xuống năm hàng rưỡi tụng tán pháp hy hữu, không phải chính vì làm cơ sở cho thí dụ “nói không đối gạt” bên dưới. Đây chia làm hai phần:

1. Một hàng tụng phần “diệu pháp như thị” bên trên, diệu pháp là quyền thật. “Như ba đời” tức là dẫn đồng chư Phật dùng Quyền. Quyền là nghi thức dẫn chúng sinh. “Thuyết pháp không phân biệt” là dẫn đồng chư Phật hiển Thật. Đã là thật, thì ngôn ngữ đạo đoạn đâu còn nghi thức? Lại, quyền thật vốn không phân biệt, do vì hạng độn căn tiểu trí nên mới phân biệt quyền thật. Nay trở lại ngộ nhập, Nhất, Tam không hai, tức biết Phật thuyết ba, một mà không phân biệt. Chư Phật đều như vậy, há riêng ta ?

2. Từ “Các Đức Phật ra đời” xuống bốn hàng rưỡi, tụng “Đúng thời mới nói” bên trên, cũng nêu hoa Ưu-đàm như trên. Tụng lại nói hai câu: “Các đức Phật ra đời, lâu xa...” thời lâu xa mới có Phật xuất thế, đây là nêu người khó gặp. Hai câu: “Chánh sử hiện ra đời, Nói pháp này khó hơn”, đây là nêu pháp khó gặp. Như nay Đức Phật xuất hiện hơn bốn mươi năm mới hiển bày chân thật. Hai câu: “Vô lượng vô số kiếp, Nghe...”, đây là nêu nghe pháp khó. Như năm ngàn người chuyển động, phạm âm đầy tai bỏ pháp hội mà đi, nghe há không khó ư? Hai câu: “Hay nghe được pháp này, Người đó...” nêu người tin thọ khó. Khấp trong chúng chỉ có Thân-tử thông đạt trước, hàng trung hạ căn tuy nghe mà chưa hiểu. Nêu hoa Ưu-đàm để thí dụ bốn thứ khó nói trên. Chỉ hợp khai là khó, ngoài ra theo lệ có thể hiểu.

Phần năm : Từ “Các ông chớ có nghi” xuống hai hàng rưỡi, tụng “nói không hư vọng” bên trên, lại chia làm hai phần:

1. Một hàng rưỡi, chớ có nghi người đáng tin (Phật).

2. Từ “Xá-lợi-phất các ông” xuống một hàng, đừng nghi pháp đáng tin. “Pháp vương”: Phạm vua nhân gian thì nói đã không hai lời. Đức Phật là đấng pháp vương, thì đâu thể nói hư dối? Hể là phương tiện, tức quyền giả lập; chân thật đâu thể là vọng? Nghe pháp vương thuyết pháp, chớ sinh nghi ngờ.

Xưa nói từ “Xá-lợi-phất các ông” xuống bảy hàng, không tụng

đôn đốc tin chỉ là trong chương Thích-ca, ý khuyến tin hoằng truyền kinh. Văn này lại chia hai phần:

1. Năm hàng rươi, khiến hoằng dương kinh khiến chúng sinh hành nhân.

2. Một hàng rươi lược vì thọ ký. Trong phần một: Một hàng đầu khiến chúng sinh hâm mộ quả hành nhân ắt phải hoằng kinh. Hơn bốn mươi năm ẩn chứa tâm Phật không ai biết được, gọi là “bí”, nhất thừa thẳng đường tổng thâm nhiếp vạn đường, cho nên nói “yếu”. “Bởi đời ác năm trước” xuống một hàng, giải thích pháp bí yếu, nói rằng người chướng nặng trọn không thể hiểu cho nên khiến Như Lai bí mật không vọng tuyên thuyết. Từ “Người ác ở đời sau” xuống hai hàng, nêu thể hoằng kinh, một hàng đầu nêu: người bất thiện thì chớ thuyết cho họ, một hàng sau nói: người thiện thì nên thuyết cho họ. Từ “Xá-lợi-phất nên biết” xuống một hàng rươi, song kết hai nghĩa: một hàng đầu tổng kết bí yếu nêu rõ pháp này như vậy, trước “dùng vạn ức phương tiện” rồi sau mới chỉ bày chân thật. Nửa hàng sau tổng kết thể hoằng kinh. “Chúng kia không học tập, nên không hiểu pháp này”, chính là tổng kết, người bất thiện thì chớ thuyết cho họ. Gồm “đối với người tập học thì có thể hiểu”, đây mới có thể vì họ thuyết. Từ “Các ông đã biết rõ” xuống một hàng rươi, lược vì thọ ký. Ba câu trên, luận người kia có hiểu biết. Một câu giữa, nêu người kia không mê-hoặc. Nửa bài kệ dưới, nêu người kia được thọ ký, đã có hiểu không mê hoặc, chính nên hoan hỷ làm Phật. Trong đây thọ ký mở ra, làm căn bản cho phần văn dưới: “Thân-tử v.v... đắc ký”. Trong đây hoằng dương kinh mở ra, làm căn bản cho văn dưới: “Phật bảo Xá-lợi-phất lưu thông”. Đây là giải thích theo xưa.

Nay nêu từ: “Bởi đời ác năm trước” xuống sáu hàng, là phần sáu: tụng “chọn lọc chúng đôn đốc tin” bên trên. Trên vui mừng có văn này, vậy cần dùng sao không tụng? Lại chia làm hai phần:

1. Ba hàng tụng chọn chúng.

2. Ba hàng tụng đôn đốc tin.

Phần một: một hàng đầu, tụng trên “chọn lọc chẳng phải đệ tử Phật” bên trên. Vì sao? Vì “ưa các dục” là hành ma nghiệp, cần loại ra. Văn trên nói: “đấm chấp Niết-bàn mà còn chẳng phải đệ tử Phật”, huống gì văn đây nói “đấm chấp sinh tử” thì sao có thể là đệ tử Phật? Lần lượt lựa chọn những người chẳng phải đó thôi! “Trọn không cầu Phật đạo” là tụng “chọn lọc tăng thượng mạn” bên trên. “Thượng mạn” là chưa đắc thượng pháp mà cho là đắc thượng pháp, vì vậy cho nên

người đó không cầu Phật đạo. Từ “Người ác ở đời sau” một hàng, tụng bên trên nói “sau khi Phật diệt độ, người hiểu nghĩa này là rất khó gặp”. Từ “Người tà quý trong sạch” một hàng, tụng bên trên nói: “nếu gặp Đức Phật khác, thì được quyết liễu”. Ba hàng sau, tụng trên đôn đốc tin. Nếu không tin pháp này, thì không có việc đó. Một hàng rưỡi đầu, đôn đốc tin pháp Quyền. Một hàng rưỡi sau, đôn đốc tin pháp Thật. Thật, Quyền đều không nghi, thì “Tự biết sẽ làm Phật”...

Phẩm Thứ 3: PHẨM THÍ DỤ

Giải thích tổng quát: “Thí” là so sánh. “Dụ” là dạy bảo cho biết. Nhờ đây so sánh kia, nhờ chỗ nông cạn, bảo cho biết chỗ sâu xa. Văn trường hàng và kệ tụng bên trên rộng nêu năm Đức Phật, hàng thượng căn lợi trí trọn nghe thấu hoạch ngộ, hàng trung căn hạ căn mê chấp giữ chặt chưa thông đạt, đại bi không ngừng, xảo trí vô biên. Lại, như cây rung thì bảo cho biết là gió, đưa cái quạt lên để chỉ trăng, khiến cho chúng sinh hiểu ngộ cho nên nói “Thí dụ”.

Giải thích nghĩa riêng: Dùng pháp thế gian so sánh với pháp xuất thế gian, nhân cái đã từng có mà nghe cái chưa từng có, vô cùng hoan hỷ. Như Kinh nói “cha con thế gian” dụ cho thầy trò xuất thế. Lại dùng sinh pháp của thế gian so với sinh pháp xuất thế gian, khiến được âm giáo của Phật, không lầm mất Đại thừa, Như kinh nói: Cha biết tâm trước của các con mỗi người đều ưa thích đồ chơi trần bảo. Lại, dùng pháp diệt của thế gian so sánh với pháp diệt xuất thế. Chỉ đắc vô lậu thì nghe cũng trừ ưu não. Như kinh nói: “Ta là cha của chúng, nên phải cứu chúng hết khổ nạn, khiến tránh khỏi lửa đốt”. Lại, dùng pháp bất sinh bất diệt của thế gian so với pháp bất sinh bất diệt xuất thế, khiến an trụ trong thật trí và ta định rõ các ông sẽ làm Phật, như kinh nói “Cưỡi xe báu ấy thẳng đến đạo tràng”. Nên biết Đức Phật dùng một âm thuyết Thí dụ, khéo khiến hàng trung hạ căn đắc lợi ích nhờ tứ Tất-đàn, cho nên nói phẩm Thí Dụ.

Căn cứ vào giáo giải thích: Ý Phật vốn tán thán Phật thừa, nhưng chúng sinh không kham nổi liền nhớ các Phật trước vì đại bi dùng phương tiện, nên đến vườn Lộc uyển khen ngợi ba xe (nói pháp ba thừa). Hàng nhị thừa do trung hạ căn tự cứu giúp, ân không sánh kịp với người. Bồ-tát dùng xe trâu đưa người khác ra khỏi lửa, cho nên gọi là Ma-ha-tát. Đây là Thí dụ trong Tam tạng giáo. Lại ba hạng người đồng sợ lửa đốt: Thanh văn như dê bỏ chạy thẳng không ngoảnh lại, Duyên giác như nai mẹ vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn. Bồ-tát như voi lớn tự mình chống cự đao tên, đưa số đông chúng sinh ra khỏi lửa, an toàn. Kinh Niết-bàn nói: “Thỏ, ngựa”. Đây là Thí dụ trong Thông giáo. Lại, hàng tam thừa phát tâm gần, duyên lý nông cạn, trí tuệ yếu kém, đoạn Thông hoặc, chưa đến chỗ tốt cùng, không phải Ba-la-mật. Bồ-tát phát tâm lâu xa, lý sâu trí mạnh, đoạn Biệt hoặc, cùng tốt nguồn tận tánh. Đại Phẩm nói: “Hàng nhị thừa như lửa đom đom, Bồ-tát như ánh sáng mặt trời”. Đây là Thí dụ trong Biệt giáo. Lại nữa, “xưa thấy thân ta nghe pháp

ta thuyết, thì đều tín thọ nhập Như Lai tuệ”, hạng người đó dễ hóa độ, không khiến cho Như Lai phải nhọc sức. Như trong Hoa Nghiêm, tức sự là chân, không cần thí dụ. Vì những người chưa chứng nhập, nên hơn bốn mươi năm Phật dùng phương tiện khác trợ giúp để hiển bày đệ nhất nghĩa, nay tại thành Vương Xá quyết định thuyết Đại thừa, khiến cho tất cả đều khai thị ngộ nhập Phật trí tuệ, không khiến một hạng người riêng được diệt độ. Như nay như xưa, như xưa như nay, không hai không khác. Hàng thượng căn lợi trí, nghe liền hiểu được, không khiến cho Như Lai khổ nhọc cũng không cần thí dụ. Chỉ vì hàng trung căn hạ căn động chấp sinh nghi, chần chừ đi vào đường rẽ, nên nay dùng thí dụ xe lớn khiến họ được lợi ích. Đó là Thí dụ trong Viên giáo.

Căn cứ vào Bản tích và Quán tâm để giải thích, thì theo lệ thường có thể hiểu, không cần ghi chép...

Pháp thuyết có năm đoạn kinh văn: Đoạn một mới vừa xong, bốn đoạn còn lại vẫn chưa rõ. Phẩm này đáng lẽ ở sau phần chư thiên thuyết kệ và trước thí dụ nhà lửa. Người soạn kinh phân quyển để đầu phần lãnh giải. Lại có người nói: vì phát khởi trung căn nên để đầu quyển thứ hai. Như sáu điểm lãnh vấn đáp là Pháp thuyết, làm tựa. Lãnh giải được thọ ký là Thí thuyết, làm tựa. Đây là thuận theo nhân tình đó thôi. Vì đặt phẩm này sau phần Pháp thuyết, hàng trung căn có thể không ngộ ư? Đây là đoạn Lãnh giải, thọ lãnh những điều đã nghe, thuật lại điều đã hiểu. Văn trường hàng thì lãnh cùng giải hợp thuyết, trong kệ thì lãnh và giải đều trình bày, cho nên nói đoạn lãnh giải.

Văn có hai phần: 1. Kinh gia trình bày. 2. Thân-tử tự trình bày. Phần Kinh gia trình bày lại có hai phần là trong hiểu, ngoài hiện uy nghi. Trong tâm hiểu gọi là “hỷ”. Hỷ cho nên động nơi hình thể, gọi là “hớn hở”. Từ diệu nhân mà nghe diệu pháp rồi đắc diệu giải. Nếu gặp một điều may mắn mà còn hoan hỷ, huống chi ba điều hoan hỷ đầy đủ, thì sao không hớn hở? Văn nói: “Nay theo đức Thế Tôn, nghe được pháp âm này trong lòng hớn hở”. Trong ngoài hòa hợp cho nên được cái hoan hỷ này, tức là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. Lại, thay đổi Tiểu học theo Đại, bỏ thảo am bản sự, thọ nhận gia nghiệp giàu sang. Văn nói “ngày nay mới biết thật là Phật tử”, vì vậy cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Lại lo lắng hối hận cả hai nghi nạn đều trừ, chướng ngại trong ngoài đều dứt, rộng thênh trong sáng bao la. Văn nói: “Con đã đắc lậu tận, nghe cũng trừ lo khổ” vì vậy cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Lại nói Phật tử đối với cái phải đắc thì đều đã đắc. Văn nói “An trú trong thật trí, con quyết sẽ

làm Phật”, đây là giải thích theo Đệ Nhất nghĩa Tất-đàn.

Căn cứ vào giáo: xét rằng hoan hỷ là vui mừng vì đã nhập vị. A-la-hán đã vượt sự trói buộc của ba cõi, phá quả nhỏ tứ trụ, đối hại không lo, gặp lợi không vui. Nay nói hoan hỷ thì quyết chẳng phải là hỷ của thế gian. Như Khổ nhãn đã phát, hoặc là rốt ráo vô học trước đã chứng đắc, nay không nên lập lại cái vui đó. Như ba người đồng tu đạo vô ngôn thuyết, dù Thế pháp, Tích pháp khác nhau mà đồng chứng Nhất trí Tánh Không. Niềm vui Nhất trí ấy chứng đắc đã lâu cũng không vui lập lại. Nếu nhị Không quán làm phương tiện đạo, thì Giả quán đẹp sạch thiển cận của Nhị thừa. Không quán đẹp sạch huyền ảo chậthệp của phàm phu. Vượt qua cái lỗi Nhị biên, được đại hoan hỷ. Căn cứ theo Viên giáo về Ngộ, thì Sơ phát tâm trụ gọi là Hoan hỷ trụ, Sơ hạnh cũng gọi là Hoan hỷ hạnh. Sơ địa cũng gọi là Hoan hỷ địa. Thân-tử đã là bậc thượng căn lợi trí, ắt phải hoan hỷ vì siêu nhập. Nếu không siêu nhập, thì cũng gọi là hoan hỷ. Đây đều căn cứ giáo mà giải thích.

Căn cứ Bản tích mà giải thích: Thân-tử từ lâu xa đã thành Phật hiệu là Kim Long Đà, nay thù tích thị hiện trợ giúp, đứng bên tay phải của Đức Phật Thích-ca, là đệ tử có trí tuệ đệ nhất. Ban đầu theo ngoại đạo, sau bỏ tà qui chánh. Chỉ bày Nhũ vị, hoan hỷ lợi ích phàm phu. Tiếp, chỉ bày Lạc vị, hoan hỷ lợi ích hiền thánh. Tiếp sau chỉ bày Sinh tô Thực tô, hoan hỷ lợi ích Bồ-tát. Nay làm ĐỀ-hồ nhập tri kiến Phật, hoan hỷ lợi ích cho người học Phật đạo. Các sự hoan hỷ như vậy đều là thù tích sở vi. Quán tâm giải thích, thì không nêu ra đây.

Trình bày uy nghi bên ngoài: “liền đứng dậy chấp tay” gọi là thân lãnh giải. Xưa thì Quyền Thật là hai, như hai tay không chấp lại. Nay giải Quyền tức Thật, như hai tay chấp lại. “Hương Phật”: Xưa thì Quyền không phải nhân thành Phật, Thật không phải là quả Phật. Nay giải Quyền tức Thật, thành nhân Đại viên mãn, nhân ắt hương đến quả, cho nên nói “chấp tay hương Phật”. “Chiêm ngưỡng tôn nhan”: là tiêu biểu người giải (hiểu) Thật. Thật tức cảnh giới Phật, không phải pháp phương tiện. “Chiêm ngưỡng tôn nhan” thì không có nhớ nghĩ gì khác, là biểu thị “Khai Phật tri kiến”. Ý giải Thật, cũng tức là giải Quyền. Thân lãnh Quyền, cũng giải Thật. Nêu Nhất biên xen kẻ nhau.

Từ “Bạch Phật” trở xuống, là miệng lãnh giải, tức Thân-tử tự trình bày. Văn chia làm hai phần:

1. Trường hàng.
2. Kệ tụng.

Văn trường hàng chia làm ba phần:

- a. Nêu chương tam hỷ.
- b. Giải thích.
- c. Kết thành.

- Phần một: Tam hỷ. “Nay con theo Đức Thế Tôn” là nêu thân con thấy thân Phật, cho nên gọi là “thân hỷ”. “Nghe pháp âm này” là nghe từ kim khẩu của Phật mà hoan hỷ, cho nên nói “khẩu hỷ”. “Được điều chưa từng có” là ý con hiểu ý Phật, cho nên gọi “ý hỷ”. Đó là nêu chương tam hỷ.

- Phần hai: Giải thích. Từ “Vì sao” trở xuống, nêu xưa mất, hiển nay được. Từ “Vì sao” cho đến “vô lượng tri kiến”: Nêu xưa không thấy Phật, là “mất”. Xưa Phật thọ ký cho hàng Bồ-tát, mà chúng con không được dự việc đó, thấy Phật nghĩa là lâu xa đã không thấy Phật, cho nên không gọi là thân hỷ. “Nghe pháp như vậy”, như khi mặt trời chiếu núi cao, là mặt thì có nghĩa nghe mà hiển thì như điếc như câm, nghe pháp ấy không đắc đạo. Chỉ là trong giáo Phương Đẳng nghe Đại thừa thật tuệ, cùng với nay không khác cho nên nói “nghe pháp như vậy”. “Thọ ký”: Cũng là trong Phương Đẳng thọ ký cho Bồ-tát, hàng nhị thừa không được dự việc đó, nên “tự rất cảm thương”. Các kinh Tịnh Danh và Tứ Ích nói: “Nghe tán dương Đại phẩm Bồ-tiểu, thì trong nghi mà ngoài khinh, gọi là cảm thương”. “Mất vô lượng tri kiến Như Lai”, là mất cái thấy (kiến) của Phật nhãn, mất cái biết (tri) của Phật trí. Từ “Thế Tôn” đến “chẳng phải Thế Tôn vậy” là nêu lỗi xưa không nghe pháp, bởi do thân thì ở chốn núi rừng, tâm thì chấp đạo Tiểu thừa, không nghe pháp, cho nên không có khẩu hỷ. “Con thường ở một mình” là chỗ tư duy lỗi, “đồng nhập pháp tánh” là chính nêu lỗi kia, chấp Nhất lý sở nhập, nghi năng môn của tam giáo. Nhất lý đã đồng, mà ta mất tri kiến. Tam giáo đã khác, mà Bồ-tát được biệt ký. Biệt ký thì Như Lai có thiên vị, do đó thành lỗi. Nay thuật lại lỗi lầm này, nên nói “hối lỗi”. “Đó là lỗi của chúng con”, do con mê Quyền đâu có liên quan gì đến lý giáo, do con mê Thực chẳng liên quan gì đến Phật thiên vị. Truy tìm thuật lại việc sai trái lúc xưa, kính mong Như Lai tha lỗi, đó gọi là dẫn lỗi về mình. Từ “Vì sao vậy”? cho đến “hằng tự trách mình” là nêu lỗi không hiểu ý, chính vì không đợi Phật thuyết pháp sở nhân, tức không hiểu Thật, lại không biết phương tiện cho nên cũng không hiểu Quyền. Không hiểu cho nên không có ý hỷ. Lỗi lầm xưa đã rõ ràng, nay được tự hiển bày. “Không đợi thuyết sở nhân”, tự trách mình không hiểu Thật, “không hiểu phương tiện” là tự trách mình không hiểu Quyền. “Sở nhân” có hai nghĩa:

1. Trước đây không chịu đợi Phật nói pháp.
2. Không dừng lại, đợi về sau để nhận.

“Ban đầu chiếu cao sơn (núi cao)” là nêu trí tuệ tam đế là cái nhân được thành Phật, vì cái nhân này chờ đợi nhắm vào ta, mà ta không chịu thọ nhận, làm mất trước đó. Pháp của chư Phật về lâu sau cần phải thuyết chân thật, ta không dừng lại đợi giữa hai điều này, bỗng nhiên chấp Tiểu thừa không hiểu Quyền Thật, như vậy.

“Mà nay theo Phật”... là kết thành tam hỷ, trước kết sau thành. “Theo Phật” là kết thân hỷ, “nghe pháp” là kết khẩu hỷ. “Dứt các nghi hối”, là kết ý hỷ. “Mới biết thật là Phật tử”, nghĩa thân cận Phật thành. “Từ miệng Phật sinh” là kết khẩu thành. “Từ pháp hóa sinh” là kết ý thành. Như đây là tiêu hóa hết vấn, giải thích lý rõ ràng.

Lại dùng tứ Tất-đàn để hiểu văn “Nay con theo Đức Thế Tôn” là Thế giới Tất-đàn hoan hỷ. Từ “Vì sao vậy ?” là nêu xưa mất, hiển nay được, là Vị nhân hỷ. Từ “Thế Tôn! Con từ xưa đến nay” là Đối trị hỷ. Từ “Ngày nay mới biết”... là Đệ nhất nghĩa hỷ. Lại, căn cứ tâm hoan hỷ nêu rõ tứ Tất-đàn, Tâm hỷ động hơn hỷ thường chưa từng có, hỷ động giác quán và lại động nơi hình...

Kệ có hai mươi lăm hàng rưỡi chia làm ba phần:

1. Một hàng đầu, nêu ba điều mừng. Nêu “con nghe pháp này được nhân làm Phật”.

2. Hai mươi hai hàng tiếp giải thích ba điều mừng.

3. Hai hàng rưỡi, tụng phần “kết thành” bên trên.

- Phần hai : hai mươi hai hàng, lại chia làm ba phần nhỏ:

1. Từ “Xưa nay nhờ Phật dạy” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thấy Phật hoan hỷ, văn trường hàng nêu mất tri kiến, trong tụng nêu “không mất Đại thừa”. Trên nói “mất”, đó là luận xa, tụng nói “được”, đó là luận gần. Xen nhau hiện.

2. Từ “Con ở nơi hang núi “trở xuống mười một hàng, tụng trên nói “không nghe pháp”, lại chia làm hai phần:

a. Chín hàng, tụng “thân viễn (xa) cho nên không nghe”.

b. Từ “Con xưa chấp tà kiến”... xuống hai hàng tụng phần: “nhập pháp tánh” bên trên, cho nên không nghe. “Tà kiến” là chấp đắm của phàm phu, “nhập pháp tánh” là chấp đắm của nhị thừa, đều không nghe pháp.

“Con thường trong ngày đêm”, sinh tử là đêm, Niết-bàn là ngày, là trong sinh tử có Niết-bàn, hay là ngoài sinh tử có? Nếu đắc ngộ, thì hai nghi vấn ấy được trừ bỏ. Lại, sinh tử Niết-bàn đều là đêm, nghi

này được trừ thì gọi là ngày, Khi mặt trời hiện thì hai nghi đều trừ. Lại người đời có hai hạng: 1. Mới bắt đầu học, thì học Đại thừa. 2. Tập Tiểu thừa trước rồi mới nhập Đại thừa. Nương sự tướng kia thắng nhập, là người yếu kém. Theo như trong luận A-tỳ-đàm nhập, là người mạnh hơn. Hàng Bồ-tát cũng như vậy, ở trong Hoa Nghiêm nhập mà hóa đạo có thể yếu kém, từ Ngũ vị chọn lọc mà vào là mạnh hơn.

3. Từ “Mà nay mới tự biết” xuống chín hàng rưỡi, tụng trên nói “tâm đặc diệu giác hỷ”. Trên nêu : “không đợi sở nhân, không hiểu phương tiện”, trong tụng nêu : “đợi sở nhân và hiểu phương tiện”. Nghe sẽ làm Phật, là “sở nhân”. Nghe năm Đức Phật đồng đạo, hiểu ma chẳng phải ma, là hiểu phương tiện. Xen nhau hiển Nhất biên, chương năm Đức Phật, tức là hiểu văn.

Phần ba: từ “Nghe tiếng Phật âm diệu” trở xuống hai hàng rưỡi, tụng trên kết thành như văn.

Từ “Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta nay” trở xuống, là đoạn thứ ba : Thuật thành. Bên trên thì Thân-tử trình bày đặc ngộ, ở đây thì Như Lai thuật giải chẳng hư dối. Văn chia làm ba:

1. Xưa đã từng giáo đại.
2. Trung gian vọng chấp tiểu.
3. Trở lại vì chúng sinh thuyết Đại thừa.

Sở dĩ dẫn xưa đã từng giáo hóa, thuật lại duyên kia thấy Phật, là vì có thời gian giữa vọng chấp Tiểu thừa, thuật lại duyên lo lắng hối hận nghe pháp kia, nay trở lại vì người mà thuyết Đại, thuật duyên kia ngộ giải không hư dối. Thuật thành ba ý trên. Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa nói: Thân vô thượng nghĩa là tướng hảo, Thọ trì vô thượng nghĩa là tự lợi lợi tha, Cụ túc (đầy đủ) vô thượng nghĩa là mạng kiến giới, Trí tuệ vô thượng nghĩa là tứ vô ngại, Bất tư nghi vô thượng nghĩa là lục Ba-la-mật, Giải thoát vô thượng là năng hoại hai chướng, Hạnh vô thượng nghĩa là thánh hạnh phạm hạnh. Lại, Thân vô thượng gọi là đại trượng phu, Thọ trì vô thượng gọi là đại từ bi, Cụ túc vô thượng gọi là đáo bỉ ngạn, Trí vô thượng gọi là nhất thiết trí, Bất tư nghi vô thượng gọi là A-la-ha, Giải thoát vô thượng gọi là đại Niết-bàn, Hạnh vô thượng gọi là Tam-miệu-tam Phật-đà.

Kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển mười ba nói: Đạo nên thanh tịnh, uế trước chẳng phải đạo. Đạo phải nhất tâm, nhiều tướng chẳng phải đạo. Đạo phải tri túc, nhiều ham muốn chẳng phải đạo. Đạo phải cung kính, kiêu mạn chẳng phải đạo. Đạo phải kiềm chế ý, buông thả chẳng phải đạo. Đạo phải hiển bày chiếu sáng, tự ẩn giấu chẳng phải đạo. Đạo

phải chuyên chú suốt, không hành chẳng phải đạo. Đạo phải giác ngộ, mê hoặc ngu si chẳng phải đạo. Đạo phải giáo hóa, kiêu căng ích kỷ chẳng phải đạo. Đạo nên thân gần bạn lành, huân tập theo ác chẳng phải đạo. Các thứ như vậy nêu “Đạo vô thượng”. Kinh này lấy viên thông làm “Đạo vô thượng”. Nếu thiên chấp hoặc thứ bậc, thì đều do các kinh khác luận bàn.

“Đêm dài theo ta thọ học”: Xưa tuy được giáo hóa đại thừa mà chưa phá được vô minh, trong tâm tối tăm mê-hoặc theo Phật thọ học, liễu nhân tuy xa mà vẫn còn không mất, hướng chỉ nay thật ngộ, đâu có hư dối, cho nên nói: “từng giáo hóa”. Thuật sự thấy Phật không sai. “Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sinh vào trong pháp ta” đây có hai ý: Nếu xưa dùng Đại thừa hóa độ thì nay sinh sự hiểu biết về Đại thừa, đây thuộc ý đầu. Nếu khiến tránh thoát đường ác, thì quyền dùng Tiểu thừa dẫn dắt, đây là ý thứ hai. “Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên”, tự mình giữa đường phứt bỏ Đại thừa huân tập theo Tiểu thừa, gọi là giữa đường đều quên”, “mà nay bèn tự nói đã được diệt độ” tức là “nay đều quên”. Do ông quên Đại mà huân tập theo Tiểu thừa, cho nên có sự lo lắng hối hận và được nghe pháp không hư dối. “Ta nay lại muốn khiến ông nhớ nghĩ bản nguyện” tức là thuật kia được hiểu không hư dối. Trước thiết lập Quyền giáo, trở thành thiện nhỏ giữa đường, sau hiển chân thật, thỏa mãn tâm Đại thừa bản nguyện kia. Từ “Ông đến đời vị lai” trở xuống, là đoạn lớn thứ tư: Thọ ký. Trước tự trình bày Phật ấn chứng xong cho nên nói thọ ký. Nếu hiểu được Đại thì tự biết đắc thành Phật, đâu cần phải thọ ký? Thọ ký có bốn ý:

1. Xưa chưa từng thọ ký nhị thừa mà nay phải thọ ký.
2. Hàng trung hạ căn chưa ngộ nên dùng thọ ký để khuyến khích.
3. Khiến cho người nghe kết duyên.
4. Mãn bản nguyện kia, vì vậy cho nên thọ ký.

Có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm mười ý:

1. Thời tiết.
2. Hành nhân.

3. Đắc quả. Có rất nhiều cách giải thích mười hiệu. Đây ghi lại một cách. Không hư dối, gọi là “Như Lai”. Phước điền tốt, gọi là Ứng cúng. Biết pháp giới, gọi là Chánh biến tri. Đầy đủ Tam minh, gọi là Minh hạnh túc. Không còn trở lại đời sau, gọi là Thiện thế. Biết quốc độ chúng sinh, gọi là Thế gian giải. Không ai bằng, gọi là Vô thượng sĩ. Điều tâm người khác, gọi là Trượng phu. Là mắt của chúng sinh, gọi là Thiên Nhân sư. Biết tam tụ gọi là Phật. Hoại diệt Ma Ba-tuần gọi là

Bà-già-bà (Thế Tôn).

4. Quốc độ.
5. Thuyết pháp.
6. Kiếp danh.
7. Chúng số.
8. Thọ lượng.
9. Bồ xứ.
10. Pháp trụ lâu mau. Đều như văn.

Đại luận quyển bốn mươi tám nói: Ngài Xá-lợi-phất chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp. Tam tai, tức là đói khát bệnh tật, đao binh, khiến cho chúng sinh diệt, gọi là tiểu kiếp. Lại, chính ngay thời tiết ấy gọi là tiểu kiếp. Như thuyết kinh Pháp Hoa trải qua sáu mươi tiểu kiếp, cũng là thời tiết số, chẳng phải tam tai diệt vạn vật bên ngoài mới là tiểu kiếp. Kệ có mười một hàng rưỡi chia làm hai phần:

1. Mười hàng đầu tụng chín ý trên, lược không tụng Bồ xứ, có thêm: cúng dường xá-lợi.

2. Một hàng rưỡi là kết tán.

- Phần một: gồm mười hàng. Giải thích chi tiết: Một hàng đầu, siêu tụng đặc quả. Từ “Cúng dường” xuống một hàng, truy tụng hành nhân. Từ “Quá vô lượng” xuống nửa hàng, siêu tụng kiếp danh. Từ “Cõi nước tên” xuống một hàng rưỡi, tụng cõi nước thanh tịnh. Từ “Bồ-tát trong cõi đó” xuống một hàng rưỡi, tụng số chúng Bồ-tát. Từ “Những đại sĩ như thế” xuống nửa hàng, tụng thuyết pháp. Từ “Lúc Phật làm vương tử” xuống hai hàng, tụng thọ lượng. Từ “Sau khi Phật diệt độ” xuống một hàng rưỡi, tụng pháp trụ lâu mau. Từ “Xá-lợi rộng truyền khắp” xuống nửa hàng, cúng dường Xá-lợi. Giải thích xong mười hàng tụng đầu.

- Phần hai: từ “Phật Hoa Quang” xuống một hàng rưỡi, kết tán. “Nên phải tự vui mừng” là thành sơ nhập Hoan hỷ vị. Sơ trụ có thể ở trong thế giới trăm vị Phật, mới làm Phật. Hạnh, Địa thì gấp bội.

Phần thứ năm: Bốn chúng lãnh giải có trường hàng và kệ tụng. Ban đầu kinh gia trình bày chúng hoan hỷ, tiếp đến trình bày cúng dường. Từ “Mà nói rằng” trở xuống, chính lãnh giải, ban đầu lãnh khai Quyền.

Từ “Nay mới lại chuyển pháp luân” trở xuống là lãnh hiển Thật. Kệ có sáu hàng rưỡi, chia làm hai phần:

1. Hai hàng, tụng trên khai quyền hiển thật.

2. Bốn hàng rưỡi, tự thuật được hiểu tùy hỷ hồi hướng. “Chúng ta cũng như vậy” là như Thân-tử lãnh giải, như Thân-tử được thành tựu

thuật, như Thân-tử được thọ ký.

Hỏi: Các đại Thanh văn như Ca-diếp, Thiện Cát (Tu-bồ-đề) mà còn chưa hiểu nổi, thì tứ chúng người nào ngộ trước được?

Đáp: Tứ chúng thiên nhân cũng đầy đủ ba phẩm, thượng căn đồng với Thân-tử, trung căn hạ căn có thể biết. Lại biết rằng Thân-tử, Ca-diếp đều là Quyền hạnh, vì hàng trung hạ căn chưa khai mở, Ca-diếp mãi nguyện thị hiện đồng như không hiểu. Kinh Tịnh Danh nói: “Chúng sinh chưa khỏi bệnh thì Bồ-tát cũng chưa khỏi bệnh”.

Từ “Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng” trở xuống là đoạn lớn thứ hai: vì trung căn nói thí dụ. Văn có bốn phẩm: Một phẩm này chánh là Thí Dụ, khai tam hiển nhất, phẩm Tín Giải nêu hàng trung căn được hiểu, phẩm Dược Thảo là Như Lai thuật thành, phẩm Thọ Ký cùng quyết định. Bốn phẩm này đều thuộc phần Thí thuyết. Dưới bốn đoạn đều căn cứ nhân duyên, trình bày nêu rõ duyên buộc châu vào chéo áo mà lãnh ngộ, A-nan dẫn duyên Không Vương Phật mà được thọ ký... Lại, theo lệ thường thì pháp thuyết nên có hạng trung căn tứ chúng hoan hỷ, mà nay không có, thì thứ nhất là do kinh gia, có mà lược bớt, thứ hai là theo lệ, trước sau có thể biết tại văn sau trong phẩm Pháp Sư.

Văn Thí thuyết chia làm hai:

1. Thỉnh.

2. Đáp.

Phần Thỉnh lại có ba:

a. Tự thuật không nghi.

b. Thuật đồng hạng có hoặc.

c. Đồng vì bốn chúng, tự thuật như văn.

Đồng hạng tức là đồng hành, nhờ việc xưa cho nên cần phải thỉnh. Tứ chúng là cảnh giáo hóa, nay mới vận tâm đại bi thì đều vì chúng mà thỉnh. Từ “Phật thường dạy rằng” trở xuống, là chấp tam giáo xưa. Từ “Mà nay ở trước đức Thế Tôn” trở xuống là chấp lý Nhất xưa. Xưa thuyết ba là cứu cánh, nay lại thuyết một là chân thật, mâu thuẫn dẫn đến mê muội, cho nên nói “đều rơi vào nghi lầm”. Có người nói: “Thân-tử nghi cả hai mới và cũ, ngàn hai trăm người chỉ có nghi mới”. Nay cho rằng hàng thượng căn nghi ít, trung căn hạ căn nghi nhiều, vì sao lại hiểu trái ngược? Từ “Lành thay Thế Tôn!” trở xuống, là vì bốn chúng mà thỉnh. “Nhân duyên” là nhân duyên trước ba sau một.

Từ “Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất” trở xuống, là phần hai: Phật đáp. Văn chia làm ba phần: Phát khởi, Thí dụ, Khuyên tin.

Phần một: Phát khởi lại có hai:

1. Ưc.

2. Dẫn.

Ưc chế khiến cho chúng uất ức, dững cảm, dẫn khiến cho mau tiến. Từ “Ta trước há không nói rằng” xuống chỉ trên nêu Quyền, “đều là đạo Bồ-đề” chỉ trên hiển Thật, “đều vì dạy Bồ-tát” là hoặc Quyền hoặc Thật, đều nhập Phật đạo Niết-bàn Vô trụ. Trên đã nói rõ, tại sao còn chấp giáo mê muội tối tăm không hiểu? Trách như thế, chính là vẫn ức chế. Từ “Nhưng Xá Lối Phát! Nay ta sẽ dùng một thí dụ” trở xuống, là dẫn dắt an ủi. Trước đã chê bai nghiêm khắc e rằng họ chìm đắm trong oán hận tự khinh mình, cho nên nay sẽ dùng thí dụ để nêu rõ lại nghĩa đó. Nếu người nào có thể hiểu, thì gọi là trí. Phần hai: Thí dụ, thuyết trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có Khai thí và Hợp thí. Phần Khai thí không đồng, như trên đã nói, nay chia làm hai: Tổng và Biệt. Tổng thí, ví như chương Thích-ca “nay ta cũng như vậy”, hai hàng kệ lược tụng khai quyền hiển thật. Biệt thí, ví như trong chương Thích-ca, “ta dùng Phật nhãn xem thấy”. Kệ tụng gồm bốn mươi một hàng rưỡi kệ, rộng tụng khai Quyền hiển Thật, có sáu ý.

Tổng thí có sáu phần:

1. Trưởng giả.
2. Nhà ở.
3. Một cửa.
4. Năm trăm người.
5. Lửa cháy lên.
6. Ba mươi người con.

1. “*Trưởng giả*” là thí dụ cho ta, ta tức Phật Thích-ca chủ Nhất hóa. “Nhà lửa” là thí dụ tam giới không an ổn đối lại nơi an ổn trên. “Một cửa” là thí dụ trên chỉ bày cửa Phật đạo. “Năm trăm người” là thí dụ chúng sinh trên. “Lửa cháy lên” là thí dụ đối với pháp ngũ trước bát khổ không an ổn trên. “Ba mươi người con” là thí dụ trên nói biết chúng sinh tánh dục người hành tam thừa.

Thí dụ Trưởng giả có ba: a. Danh, hạnh. b. Vị hiệu. c. Đức nghiệp.

a. *Danh* (tên gọi) như khách, hạnh như chủ. Hạnh có thân sơ, danh có gần xa, cho nên nêu xứ sở để hiển danh hạnh. Biên giới là nước rất xa, tế trị là ấp ở giữa, tụ lạc là làng xóm rất gần, danh hạnh của trưởng giả vang khắp ba nơi này. Gần thì không thấy sự thấp hèn nhỏ nhen kia, xa thì chỉ rút lui sự cao thượng kia. Miệng không phân biệt lời, thân không phân biệt hạnh, ý không phân biệt pháp. Danh hạnh tương xứng, chân thật là bậc đại nhân. Trong thì hợp với tam nghiệp Như Lai, theo

trí tuệ mà hành xứng hợp căn cơ mà bố thí giáo hóa, danh xứng vang khắp đức bao trùm pháp giới. Xưa dùng mười phương hư-không, nơi chốn được từ bi gia bị gọi là nước, tam thiên là ấp, một tứ thiên hạ là tụ lạc. Lại, đại thiên là nước, trung thiên là ấp, tiểu thiên là tụ lạc. Nay đều không dùng. Đại luận quyển sáu mươi nói: “Nhu thuận nhân làm tụ lạc, vô sinh nhân Tam-bồ-đề làm thành, nhân quả cùng làm thí dụ”. Kinh nay dùng thẳng quả đức làm thí, cõi Thật báo làm nước, cõi Hữu dư làm ấp, cõi Đồng cư làm tụ lạc. Từ bản thù tích, nhiếp tích trở lại bản. Danh hạnh tương xứng, không có phân biệt chủ khách, sáng suốt rõ ràng tràn đầy biển lớn biển khắp ba cõi.

b. Nêu vị hiệu, chia làm ba: Trưởng giả thế gian. Trưởng giả xuất thế. Quán tâm Trưởng giả.

- *Trưởng giả thế gian đủ mười đức*: 1. Dòng họ tôn quý. 2. Địa vị cao. 3. Đại phú. 4. Uy mãnh. 5. Trí sâu. 6. Cao (niên) tuổi. 7. Tu hành thanh tịnh. 8. Đủ lễ nghi. 9. Trên tán thán. 10. Dưới nương theo. Dòng họ thì có dòng dõi Tam hoàng, Ngũ đế, gia tộc Tả Điều Hữu Bộ. Địa vị cao tột thì đến chức Thừa tướng Diêm mai, A Vệ. Phú thì tiền bạc vàng đầy kho, giàu có dư dật, phung phí xa xỉ. Uy là nghiêm trang lạnh lùng long trọng nghiêm túc tự nhiên. Trí thì chứa trong lòng như kho chứa binh khí quyền biến kỳ đặc vượt bậc hơn mọi người. Tuổi thì tóc hoa râu, oai phong chững chạc mọi người đều kính nể. Hành động thì trong sáng như ngọc khuê không một tí vết, việc làm như lời nói. Lễ thì chừng mực thứ bậc làm phép tắc cho đời. Trên thì là người đáng kính bậc nhất. Dưới thì thiên hạ nương theo. Mười đức đầy đủ như vậy gọi là đại Trưởng giả.

- *Trưởng giả xuất thế gian*: Đức Phật ở trong ba đời chân như thật tế sinh ra, công thành đạo đủ mười hiệu vô cực, pháp thí tài thí, vạn đức thấy đều đầy đủ, thập lực hùng mạnh, hàng ma chế phục ngoại đạo, nhất tâm tam trí thấy đều thông đạt, sớm thành chánh giác lâu xa như đây, tam nghiệp theo trí vận động không lầm lẫn, đủ oai nghi Phật tâm lớn như biển, mười phương chủng giác cùng khen ngợi bảy thứ phương tiện cùng đến y chỉ, đó gọi là Phật đại trưởng giả xuất thế.

- *Quán tâm trưởng giả*: Quán tâm là trí tuệ từ nơi thật tướng xuất ra, sinh trong dòng Phật chủng tánh chân chánh, tam Hoặc không khởi, tuy chưa phát chân, đó là mặc áo Như Lai, gọi là Tịch diệt nhân, tam đế hàm chứa hết thấy công đức, trí tuệ chánh quán hàng phục ái kiến, trung đạo song chiếu Quyền Thật đều sáng tỏ. Đã lâu tích chứa căn lành, năng tu quán này, quán này vượt lên trên bảy thứ phương tiện.

Quán này là quán tâm tánh, gọi là thượng định. Ba nghiệp không lỗi, trải duyên đối cảnh oai nghi không mất. Năng quán như đây là tướng tin hiểu sâu xa. Chư Phật đều hoan hỷ, tán thán người trì pháp, thiên long bốn bộ cung kính cúng dường. Văn dưới nói: “Phật tử trụ địa này, tức là Phật thọ dụng, kinh hành và nằm ngồi”. Đã gọi người này là Phật, đâu không gọi là Quán tâm trưởng giả?

Nay dùng mười đức ghi chép kinh nghĩa đầy đủ mà thiếu một điều. Quốc ấp tụ lạc có đại trưởng giả, ba chỗ xứng tán là Đại, sao chẳng phải tánh tôn quý? Trưởng giả sao không phải địa vị cao? Suy yếu sao không phải tuổi già? Tài phú vô thượng sao không phải giàu sang đầy đủ? Có nhiều ruộng vườn nhà cửa sao không phải trí tuệ thâm sâu? Có nhiều nô bộc hầu hạ sao không phải thế lực mạnh? Nhà kia rộng lớn sao không phải thầy đức hạnh? Chỉ có một cửa sao không phải lễ tiết dạy người một lối đi? Nhiều người ở trong đó, tức nói người dưới nương theo. Chỉ thiếu một điều là thượng nhân được cung kính, nay dùng chữ “Đại” bao gồm ý đó. Người mà mọi người đều biết, nên gọi là “Đại”.

Từ “Tuổi đã già suy” trở xuống, là tán thán đức nghiệp. Đức có trong ngoài, trong thì trí lược ngoài thì cửa cải. Tuổi cao biết nhiều thông cả xưa nay ví như Trí đức của Phật. Căn già suy mà chí thuần thực, ví như Đoạn đức của Phật. “Tài phú” là dụ cho đức bên ngoài, “vô lượng” là tổng thí vạn đức, “nhà ruộng” là biệt thí. Ruộng (điền) năng nuôi mạng, dụ cho thiền định nuôi dưỡng Bát-nhã. Nhà là chỗ để nương thân, cho cảnh thật là chỗ cho trí tuệ nương tựa. Lược thì có mười tám cửa không, rộng thì vô lượng cửa không. Nếu luận về phước đức thì không hạnh nào mà không tu, nếu luận trí tuệ thì không cảnh nào mà không chiếu, cho nên nói: “Có nhiều nhà ruộng”. “Đồng bộc (Tôi tớ)” là người giúp việc hầu hạ người khác, dụ cho phương tiện tri kiến đều đã đầy đủ. Hòa ánh sáng vào sáu đường chúng sinh, khéo thuận vạn căn cơ, tức tôi tớ của thật trí.

2. “*Nhà ông rộng lớn*”, Nhà là dụ cho nơi an ổn đối với tam giới không an ổn bên trên. Chúng sinh trong hàng hốc đều ở trong nhà tam giới, Như Lai ứng hiện giáo hóa tất cả giống như nuôi họ trong nhà, nên nói “rộng lớn”.

3. “*Chỉ có một cửa*”: Thí dụ văn trên các pháp môn tuyên bày Phật đạo. Đạo Tràng Quán nói: Lý Thật tướng thì không khác, tuệ cũng thích hợp với Nhất, thoát ra không có đường nào khác, cho nên nói “một cửa”. Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch nói: Ba cõi tuy rộng, chín, mười giới tuy nhiều, nhưng nếu muốn thoát ra thì chỉ là Phật giáo, cho nên nói

“một cửa”. Nay nêu rõ: Nếu riêng lý làm cửa, mà lý không có thông nghẽn thì nghĩa gì là cửa? Nếu riêng giáo là cửa, thì sao các kinh không nêu ra? Nay chọn lý làm giáo sở thuyên. Văn nói dùng Phật giáo môn, vượt khỏi ba cõi, đắc chứng Niết-bàn. Môn lại có hai loại: Trạch (nhà) môn, xa môn. “Trạch” là sinh tử, “môn” là con đường chính để thoát ra. Đây là thuyên bày giáo lý phương tiện. “Xa” là pháp Đại thừa, “môn” là thuyên bày viên giáo. Nếu Trạch môn là Xa môn thì ban đầu tam xa (ba xe) cứu con cũng tức là đồng ban cho Đại xa (xe lớn). Nếu “môn” là chỗ để mà ra, không phải là chỗ để mà vào, thì nghiệm ra rằng Xa môn và Trạch môn khác nhau.

4. “*Năm trăm người*” là dụ cho chúng sinh, tức năm đường chúng sinh.

5. “*Nhà dưới lầu gác mục*” là thí dụ văn trên pháp an ổn đối với pháp không an ổn là năm trước vậy. Trước nêu tướng nhà bị cháy, dụ cho quả báo trong sáu đường, tiếp nêu lửa năng thiêu, dụ cho tám khổ năm trước. “Nhà dưới” ví như Dục Giới, “Lầu gác” ví như Sắc giới và Vô sắc giới. “Vách phen” dụ cho bốn đại, “sụp đổ” dụ cho tổn giảm, “xiêu ngã” dụ cho biến đổi. “Chân cột” dụ cho mạng. “Kèo cột” dụ cho ý thức. “Hư nát” dụ cho nguy hiểm sắp đến. Muốn cho dễ hiểu thì hãy xem: “Nhà dưới” dụ cho thân là phần dưới “gác” dụ cho đầu... là phần trên, “tường vách” dụ cho da thịt, “sụp đổ” dụ cho già yếu, “chân cột” dụ cho hai chân, “mục nát” dụ cho vô thường, “kèo cột” dụ cho xương cốt, “xiêu ngã” dụ cho trăm tuổi, “bốn bề che chắn co duỗi” là dụ cho đại tràng tiểu tràng, lại nói dụ cho tim vậy... “Giáp vòng bốn phía”... là nêu rõ lửa thiêu đốt, tám khổ biến khắp tứ đại tứ sinh cho nên nói “giáp vòng”. Thấy đều vô thường cho nên nói “đồng một lúc”. Bồng nhiên là dụ cho xưa không nay có, xưa vốn không có khổ này mà do vô minh cho nên có.

6. “*Các người con của trưởng giả*” trở xuống. “Ba mươi người” là dụ cho bên trên nói: “biết chúng sinh tánh dục”, từng tu tập Phật pháp, tương quan thiên tánh là nghĩa “con”. Tánh dục có sai khác “hoặc mười” là Bồ-tát; “hoặc hai mươi hoặc ba mươi” là nhị thừa. Những căn cơ này đều được ra khỏi nhà, cho nên gọi là “con”. Không có căn cơ này là “năm trăm người”; hoặc giả Bích-chi-phật ẩn hiện không đồng, hoặc thuộc Tiểu thừa hoặc thuộc Trung thừa. Đều nói “mười”, là đều có tánh của Thập trí, cho nên nói: “Trong có trí tánh”. Chỉ vì không có tánh của Như thật trí đó thôi! Ở phần trên thì ba bài kệ trước tụng Thật, sau tụng Quyền, nay trong Tổng thí thì trước Thật sau Quyền...

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

(Phần Hạ)

Phần Biệt thí: Từ: “Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy” trở xuống, là Biệt thí (chi tiết) chia làm bốn phần:

1. “Trưởng giả thấy lửa” là dụ cho Phật thấy ngũ trước. “Xá-lợi-phất nên biết, Ta dùng mắt Phật xem” trở xuống, bốn hàng kệ ở phẩm Phương Tiện bên trên làm căn bản.

2. “Bỏ ghế, dùng xe” là dụ cho bên trên nói: đức Thích-ca vì chúng sinh đời ngũ trước mà thôi. Đại thiết lập Tiểu. “Xưa ta ngồi đạo tràng” trở xuống, mười bảy hàng rưỡi kệ bên trên làm căn bản.

3. “Đồng ban xe lớn cho các con” là dụ cho trên đức Thích-ca chỉ bày tướng chân thật. “Ta thấy các Phật tử, chí quyết cầu Phật đạo” trở xuống, sáu hàng kệ bên trên làm căn bản.

4. “Trưởng giả không nói dối gạt” là dụ cho “Ta là vua các pháp” trở xuống, hai hàng rưỡi kệ bên trên làm căn bản.

Phần một: “Trưởng giả thấy lửa” văn kia có bốn, ý kia chỉ có ba. Văn có bốn là: Một, năng kiến. Hai, sở kiến. Ba, sợ hãi. Bốn, rộng nêu sở kiến trên.

Nhưng thành ba ý:

1. “Trưởng giả thấy” là nêu ra năng kiến dụ cho trên nói: “Ta dùng Phật nhãn xem thấy”. “Lửa từ bốn phía nhà bốc cháy” là nêu ra sở kiến dụ cho trên nói: “thấy sáu đường chúng sinh”. “Liền rất sợ hãi”, dụ cho trên nói “vì chúng sinh nên khởi tâm đại bi”. “Nhưng các con ở trong nhà lửa”... rộng nêu ý thứ hai cảnh sở kiến là lửa, văn giải thích thành nghĩa sợ hãi. “Thân, thọ, tâm, pháp” tức “bốn phía nhà”, từ bốn phía khởi tứ đảo: Tịnh, Lạc v.v..., lửa tám khổ, các khổ đều nhóm tập. Nếu biết thân bất tịnh khổ vô thường, thì lửa phiền não diệt. Xưa có ba ý giải thích “Bốn phía nhà”: 1. Bốn đại làm bốn phía nhà, sáu thức đều gửi trong đó.

2. Tức Tứ sinh.

3. Gọi là Tứ đảo. Y văn dưới thì lấy “sinh, lão, bệnh, tử” làm “bốn phía nhà”. “Liên rất kinh sợ” là nghĩ đến chúng thối tâm thiện Đại cho nên kinh, lo chúng sẽ khởi thêm ác cho nên sợ. “Kinh” đi đôi với tâm từ, nghĩ đến chúng không vui, “Sợ” đi đôi với tâm Bi, lo chúng sẽ khổ. “Nên nghĩ: Ta mặc dù có thể ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài được an ổn”, tức là giải thích thành nghĩa kinh sợ do từ bi. Tuy nhiên lời nói thì chưa hết. Nêu rõ Phật dùng sức trí tuệ tìm được chánh giáo, kiến đế sở thuyên, không bị ngũ trước bát khổ làm nguy hại, cho nên gọi là “an”, cuồng phong Tứ đảo không làm động được, cho nên gọi là “ổn”, ung dung ở ngoài sự trói buộc nên gọi là “ra ngoài được”, nhưng chúng sinh thì không như vậy mà bị lửa thiêu đốt, Như Lai từ bi còn bị lửa lo (ưu) thiêu đốt, cho nên nói “mặc dù”.

Kinh nói: “từ nơi cửa của nhà cháy này”, nay hỏi: Nếu lấy giáo làm môn (cửa), thì giáo này là bị thiêu hay không thiêu? Cứu xét đáp: Giáo môn không bị thiêu vì Phật giáo làm môn. Vì cửa là năng thông người bị thiêu, và sở thông là người bị thiêu, gọi là cửa năng thông là cửa bị thiêu. Như trong cửa có người chết, thì gọi là cửa bị suy tàn thật ra cửa không bị suy tàn.

Lại hỏi: Nếu như vậy thì giáo là thường trụ, chẳng phải pháp hữu vi. Nếu không như vậy thì cơ sao không bị thiêu? Nay giải thích không như vậy. Luận về cửa là có phân biệt có không, chẳng phải phân biệt cái “Không có gì” để chỉ cho cửa. Chẳng phải là Không, không có gì thì coi như thông tông thú. Phân biệt thì có thể là tro tàn, cái Không thì không thể thiêu đốt. Giáo thì có năng thuyên sở thuyên. Nếu chẳng thuyên giảng rõ ràng, thì không lấy làm giáo. Nếu chẳng có sở thuyên thì lấy gì để ra khỏi nhà lửa? Thuyên giảng có thể là vô thường, sở thuyên chẳng phải vô thường nữa. Vì đặc sở thuyên trong giáo, nên gọi là “ra ngoài được an ổn”. Năng thuyên phai nhạt cho nên nói “cửa bị thiêu”. Không từ cửa bị thiêu thì do đâu mà ra ngoài được an ổn, như nhờ vào ngôn giáo mà khế hợp với sở thuyên. Đại Kinh nói: “Nhân vô thường cho nên quả là thường”. Như đây giải thích thì như kinh nói “ở nơi cửa của nhà bị cháy”, là như tiểu thừa vô thường giáo môn, đây là từ cửa bị thiêu mà ra ngoài. Nếu Đại thừa thường trú giáo môn, thì văn tự tức giải thoát, giáo đây tức lý, thể nghiệm thấu đạt được thiêu không thiêu mà ra ngoài an ổn. Nếu căn cứ Quyền trí của Như Lai, thì là từ cửa của nhà bị cháy ra ngoài. Nếu căn cứ Thật trí, thì ở ngay trong nhà bị cháy mà ra ngoài an ổn. Cho nên, trước dùng vạt áo hoặc dùng cái bàn cái ghế mà ra ngoài không được, sau dùng vô thường mà ra, tức ý

đây vậy.

“Ưu vui chơi giỡn (lạc trước hy hý)”, đấm cháp gọi là “hy”, đấm ư gọi là “hý”, đấm mê tứ kiến gọi “hy”, bỏ công sức kia gọi là “hý”, ư đấm cũng như vậy. Ham vui ngũ trần gọi là “hy”, trống không, không thấu hoạch được gì, gọi là “hý”. Sống không, chết uổng, mà không nhàm chán thì như những đứa trẻ kia ham vui. “Không hay không biết” (bất giác bất tri), đều không nói có lửa thì gọi là “bất giác”, không biết lửa nóng thì gọi là “bất tri”. Đã không biết lửa cháy nóng, không sợ tổn thương thân gọi là “không kinh”, không lo mất mạng gọi là “không sợ (bất bố)”. Chúng sinh hoàn toàn không biết năm ấm tám khổ, không biết bốn đảo ba độc. Đã không biết Hoặc, thì vì sao lo lắng? Hoặc xâm tổn pháp thân, tổn thương tuệ mạng. Như vậy bất giác đối với Khổ, bất tri đối với Tập, không kinh tổn thương Đạo, không sợ mất Diệt, bởi vì không nghe giáo Tứ đế cho nên không có Văn tuệ, gọi là “bất giác”. Không được Tư tuệ, gọi là “bất tri”. Không được Kiến giải, gọi là “bất giác”. Không được Tư duy giải, gọi là “bất tri”. Kiến đế thì kinh ngạc và ngộ, Tư duy thì chán, sợ. Lại, bất giác thì hiện tại khổ, bất tri thì vị lai khổ. Cho nên văn dưới nói: “Hiện tại thọ các khổ, về sau thọ các khổ ở địa ngục”, tức là nghĩa đây. “Bức thân” là năm thức, Tâm là ý thức, tâm vương. Thân bị tám khổ bức bách mà tâm không nhàm chán phiền não. Cũng gọi là đã từng gieo giống Đại thừa công đức, chính pháp thân thí tuệ làm thể. Thân thể đảo bức bách mà không hay không biết. “Lòng chẳng nhàm lo”, không nhàm cái Khổ do vô thường, không lo Tập nhân phiền não. “Không có ý cầu ra khỏi” là không tu Đạo cầu Diệt. Nay nói lấy Nhà lửa làm gốc thí dụ năm trước. Hy (nô đùa) dụ cho Kiến trước. Hý (chơi giỡn) dụ cho Phiền não trước. “Bất giác bất tri bất kinh bất bố” là dụ cho Chúng sinh trước. “Lửa đến làm bức thân khổ thống thiết” là dụ cho Mạng trước. “Lòng chẳng nhàm lo không có ý cầu ra khỏi” là dụ Kiếp trước. Đây cùng năm trước tương đương.

Từ “Trưởng giả ấy lại nghĩ rằng” trở xuống là thí dụ bỏ ghế dùng xe, dụ cho phần trên nói “thôi Đại thiết lập Tiểu”, có sáu hàng rưỡi nêu rõ dự định dùng Đại không được, mười một hàng sau nói dùng Tiểu nghĩ được. Phần “Không được” bên trên có ba:

1. Tư duy Đại dự định thích hợp.
2. Không có căn cơ.
3. Thôi hóa độ.

Nay thí dụ chia làm hai: dùng Khuyến môn dự định thích hợp và dùng Giới môn dự định thích hợp. Khuyến và Giới mỗi phần có ba:

1. Dự định thích hợp.
 2. Không thọ.
 3. Buông bỏ.
- Khuyến môn có ba:

1. Từ: “Trường giả đó lại nghĩ: Thân và tay của ta có sức mạnh” trở xuống, dụ cho phần trên nói: Phật nghĩ dùng Đại thừa giáo hóa “Trong hai mươi mốt ngày, Suy nghĩ tư duy việc như vậy”.

2. Từ “Ông lại nghĩ” trở xuống: là nêu con không nhận được, dụ cho bên trên nói: không căn cơ, “chúng sinh các căn độn, Làm sao mà độ đặng?”.

3. Từ “hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy” trở xuống là buông bỏ, khéo dễ dàng, dụ cho bên trên nói: chúng sinh không căn cơ, “Ta thà không thuyết pháp, Mau vào cõi Niết-bàn”.

“Trường giả lại suy nghĩ” dụ cho bên trên nói: “Trong hai mươi mốt ngày tư duy”. “Thân tay v.v...” là dẫn dưới hợp thí nói chỉ dùng thần lực và trí tuệ lực để giải thích thí dụ này. “Thân” là dụ cho thần thông gánh vác phụ giúp, “tay” dụ cho trí tuệ nâng nhắc. Nương theo Tam-muội, Đoạn đức thì có thần thông. Nương theo trí tuệ, Trí đức thì có thuyết pháp. Lực của Trí đức và Đoạn đức, có thể thành tựu pháp thân. Trí, Đoạn đây lại từ hai môn Khuyến, Giới mà nhập. Khuyến tức Vị nhân Tất-đàn. Giới tức Đối trị Tất-đàn. Hai Tất-đàn này vì Độ nhất nghĩa Tất-đàn mà làm phương tiện. Đức Như Lai ban đầu dự tính muốn dùng pháp môn khuyến nhũ, nghĩ là hợp căn cơ chúng sinh, khiến cho phụng hành các Thiện, thành tựu Thập lực, Vô úy, Nhất thiết chủng trí, mà chúng sinh không thể kham nổi, tiếp đến muốn dùng giới môn (răn bảo) nghĩ là thích hợp, khiến đừng làm các điều ác, chứng Đại Niết-bàn. Bởi chúng sinh không có căn cơ, không thể kham nổi, nên Phật mới nghĩ đến thôi hóa độ. Cho nên, biết niệm dụng Đại thừa chỉ là Khuyến Giới, hai thứ Tất-đàn, thần thông Trí Đoạn đó thôi. Văn trên nói: “Định tuệ lực trang nghiêm, Dùng đó, độ chúng sinh”, tức nghĩa ấy vậy.

Phần trước tán thán trường giả tuổi đã già suy, tức dụ cho Trí Đoạn. Trí Đoạn tức sức lực của tay và thân. “Vạt áo, bàn, ghế”, theo Tam Tạng Pháp Sư thì: “vạt áo” là vật dụng của người ngoại quốc dùng để đựng hoa dâng lễ bậc quý nhân. Xưa nói: “Vạt áo” là dụ cho nhân Đại thừa, “bàn ghế” là dụ cho quả Đại thừa. Ban đầu định dùng nhân quả Đại thừa nhưng không có căn cơ. Xưa lại nói: Đó thực chất dụ cho Đại thừa Giới Định Tuệ, tức là: Tuân đầu, tư duy pháp mà Phật đã

chứng đắc, đây như là dùng “vạt áo”. Tuần thứ hai, tư duy căn duyên của chúng sinh, như dùng “ghế”. Tuần thứ ba, tư duy ân của cây của đất, như dùng “bàn”. Nghĩa này rút ra từ Kinh A-hàm. Nay dùng văn hợp với thí dụ: Nếu ta chỉ dùng thần lực và trí tuệ lực, tán thán tri kiến lực Vô-sở-úy của Như Lai, thì chúng sinh không thể do đó mà được độ. Thần lực tức là “thần”, trí tuệ lực tức là “tay”. Như trước đã nói Tri kiến ví như “vạt áo”, Vô úy ví như “ghế”, Thập lực ví như “bàn”. Đức Như Lai dùng thần thông phát động ba pháp này, dùng trí tuệ tuyên thuyết ba pháp này, mà người không có căn cơ cho nên thôi không hóa độ. “Vạt áo, ghế, bàn” tùy nói lược, trung bình, rộng mà có nghĩa khác nhau! Lược thuyết gọi là Như Lai tri kiến, thì “tri” tức Nhất thiết chủng trí, “kiến” tức Phật nhãn. Tên gọi thì lược mà nghĩa huyền diệu, thí như “vạt áo”, một mảnh đủ chứa đựng nhiều. Nói trung bình, thì gọi là Vô sở úy, dùng nhắm vào Tứ đế như “ghế”, đối với pháp thì rộng ít, đối với người thì được an ổn ít. Nói rộng, thì gọi là Thập lực, ngang dọc bao quát như bàn nhiều chân thì không bị nghiêng úp, đối với pháp thì rộng, người thì đại an ổn. Trong ba tuần tư duy muốn nói Phật pháp rộng lược như vậy, nhưng chúng sinh không kham nổi, cho nên nói Trưởng giả dùng vạt áo, ghế, bàn.

“Ông lại nghĩ” trở xuống, nêu con không thọ chịu, thí dụ này hợp với tụng bên trên nói: chúng sinh không căn cơ. “Nhà này chỉ có một cửa mà lại chật hẹp”, “cửa” nghĩa như trên đã nói, nay lại nêu hai ý theo Biệt giáo và Thông giáo. Biệt, “một” nghĩa là lý Nhất, “một cửa” đạo thanh tịnh nghĩa là chánh giáo, thông cái đáng thông. “Nhỏ hẹp” nghĩa là không chứa Đoạn Thường bảy thứ phương tiện... Giáo lý rộng lớn thì chẳng phải hẹp nhỏ. Chúng sinh không thể dùng giáo lý đây mà tự thông suốt. Muốn nói hạng không có căn cơ, cho nên nói “hẹp nhỏ”. Theo Thông giáo, lý thuần không có lẫn lộn cho nên nói “nhất”, tức lý năng thông cho nên nói “môn”, vi diệu khó biết cho nên nói “hẹp nhỏ”. Giáo là tìm kỹ khắp mười phương hoàn toàn không có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa cho nên nói “nhất”. Giáo này năng thông, cho nên nói “môn”. Giáo này vi diệu, hàng phàm phu không thể biết được xuất xứ, đó là không biết Quyền, không biết nơi nhập, tức là không biết Thật. Hàng có nhân nhị thừa thì nghe Tiểu biết xuất yếu nên vĩnh viễn không biết nhập. Hàng Bồ-tát tuy tự biết ra mà không biết vào. Đoạn thất phương tiện đều không biết ra, vào. Văn trên nói: Nếu ta tán thán Phật thừa thì chúng sinh chìm nơi khổ, không thể dùng giáo để tự thông, nên đem thí dụ này nói về chúng sinh không có căn cơ cho

nên nói “hẹp nhỏ”. Hành là tự hành nhân viên mãn, như đi con đường rộng lớn ngay thẳng khỏi gặp chướng nạn cho nên gọi là “nhất”, khéo hành Bồ-tát đạo thẳng đến đạo tràng cho nên gọi là “môn”. Diệu hạnh khó hành phương tiện, không căn cứ cho nên nói “hẹp nhỏ”. Xưa giải thích: hàng Nhân thiên thân thiện Tiểu thừa, cho nên nói “ấu trĩ” (thơ bé), không thân thiện Đại thừa gọi là “chưa có hiểu biết”. Nay nêu hai vạn đức Phật dạy vô thượng đạo, vì Đại thừa thiện căn còn yếu kém gọi là “ấu trĩ” (thơ bé), nếu nghe Đại thừa thì sinh tâm hủy báng, gọi là “chưa có hiểu biết”. “Mê đắm chơi giỡn”, trước đã nêu thiện còn yếu, nay nêu các ác mạnh. Tức là khi ở nhân thì đắm sâu các kiến ái, ở quả thì đắm sâu y báo chánh báo. Ở Dục Giới thì đắm lục trần. Ở Sắc Giới thì đắm chấp thiền vị. Ở Vô sắc Giới thì đắm chấp định. Văn trên nói: Chúng sinh các căn độn, mê đắm ngu si mù quáng, không kham nghe Đại thừa.

“Hoặc sẽ vấp ngã bị lửa thiêu cháy”, chỉ hai câu này gọi là buông bỏ lời dẫn dụ khéo.

“Vấp ngã” (Đọa lạc) có hai:

1. Trẻ thơ nhớ chỗ vui cũ, cho nên “vấp ngã”.

2. Điều không hiểu biết, giữ vật không kiên cố, cho nên “vấp ngã”.

Ví như đắm chấp ngũ dục, cho nên vấp ngã trong tam đồ. Hoặc là thiện yếu, không hiểu biết nên hủy báng Đại thừa, đọa lạc tam đồ.

Từ “Ta nên vì các con mà nói những việc đáng sợ” trở xuống là dùng Giới môn, đối trị môn chia làm ba phần:

Nghĩ rằng thích hợp với đối trị, răn bảo sợ hãi khiến ra. Tương đối trị như trong Đại Phẩm nói. Tứ niệm là Ma-ha-diễn, do bất khả đắc nên khác đối với Tiểu thừa. Đã ham đắm chỗ vui chơi, nói việc sợ hãi khiến cho họ được thoát khỏi ngũ trước, lửa thiêu nhà ngũ ấm, cần phải xa lìa. Nếu đắm chấp lâu, ắt đoạn thiện căn, cho nên nói “chớ để bị lửa đốt hại”. Từ “Cha đau thương xót” trở xuống, tức là răn bảo mà con không nghe theo. “Không kinh, không hãi” là không sinh Văn Tư như trên nói. Không biết năm trước tám khổ năng thiêu đốt thiện căn, ví như “không biết lửa”. Không biết các pháp ấm, giới, nhập là các dụng cụ gây khổ, ví như “không biết nhà”, không biết nguyên do tổn thất pháp thân, ví như “không biết vì sao bị tổn thất”. “Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi”, chỉ hai câu này là buông bỏ các lời khuyên là khổ, đều quay lưng lại ánh sáng, hưởng đến chỗ tối tăm, ví như “chạy từ Đông sang Tây”, sinh tử qua lại nhanh chóng như ngựa chạy, trong đó khởi kiến ái, ví như “giỡn”. Tuy dự định dùng pháp Đại, mà chúng không theo Đại

giáo cho nên nói “nhìn cha mà thôi”.

Từ “Trưởng giả liền nghĩ nhà này bị lửa lớn đốt cháy” trở xuống, là thí dụ dùng xe, phần hợp với mười một hàng kệ bên trên nói: “Ta liền nhớ Phật quá khứ hành phương tiện lực”. Văn trên có bốn, nay thí dụ cũng có bốn:

Một, là dùng ba xe dự định dẫn dụ, hợp với kệ bên trên: “Liền nhớ Phật quá khứ, cũng nên nói ba thừa”.

Hai, là Thí dụ: “Cha biết tâm trước kia của các con, biết các thứ châu báu đồ chơi mà các con ưa thích”, hợp với bên trên kệ nói “Lúc ta nghĩ thế đó, mười phương Phật đều hiện”.

Ba, là Thí dụ Tán thán ba xe, hợp với “chánh thí tam thừa” bên trên kệ rằng: “Suy nghĩ việc đó rồi, liền đến Ba-la-nại”.

Bốn, là Thí dụ Thích hợp sở nguyện con, hợp với trên nói “thọ hành ngũ nhập, đó gọi là chuyển pháp luân”. Công Đại thừa giáo hóa là mạng của cha, đại thiện của chúng sinh là mạng của con. Đại thiện nếu tận, thì mạng con đoạn. Mạng con bị đoạn, thì công giáo hóa cũng phế bỏ, tức là mạng cha đoạn. Trước đã nói khổ thống thiết rồi nhưng chưa chết, nay nói “ắt là bị đốt cháy” tức có nghĩa chết.

Văn trên nói “nơi cửa của nhà cháy ra ngoài rất an ổn”, nay nói “nếu không ra kịp thời thì sẽ bị cháy”, nghĩa đây như thế nào? Trước nói được thoát ra an ổn, tức là pháp thân ra. Nay nói nếu không ra kịp thời, tức là ứng thân cùng nhanh chóng ra. Chúng sinh có thiện, thì cùng với ứng thân ra. Chúng sinh thiện bị đoạn, thì không cùng với ứng thân kịp thời ra, tức đều bị lửa đốt cháy. Nay muốn ứng thân thích hợp kịp thời khiến cho ra.

Từ câu: “Ta nay sẽ thiết lập phương tiện” tức muốn thi thiết quyền.

Từ “Cha biết tâm trước các con” trở xuống, là phần hai: nêu có căn cơ được độ. Những người kia xưa từng tu tập Tiểu pháp, là “biết tâm trước kia của các con”, “tánh dục không đồng” là “biết các thứ châu báu đồ chơi mà các con ưa thích”. Lại, biết chúng sinh xưa đã từng tu tập Đại thừa, nhưng chưa thuần thực, tu Đại thừa yếu đuối, nhằm chán lão bệnh tử cho nên dùng Tiểu thừa để tiếp dẫn, đó gọi là Tiểu mạnh, như Thân-tử lực tâm giữa đường thoái lui. Xưa từng tu tập theo Đại thừa, gọi là “biết tâm trước kia”. Giữa nhằm chán lão bệnh tử, gọi là “các thứ mà các con đều ưa thích”.

Từ câu “Mà bảo các con rằng” trở xuống là phần ba: Tán thán dụ ba xe hy hữu (hiếm có), hợp với trên nói “chánh chuyển pháp luân”. Đây

có ba thứ là: Khuyến chuyển, Thị chuyển và Chứng chuyển. “Những thứ đồ chơi tốt đẹp hiếm có”... là Khuyến chuyển, “Các thứ xe”... tức là Thị chuyển, “Các con ở trong nhà lửa nên mau ra, cha đều sẽ cho các con tùy ý muốn” tức là Chứng chuyển.

Từ “Lúc bấy giờ các người con nghe cha nói” trở xuống là phần bốn: Thí dụ thích hợp sở nguyện của con, hợp với trên nói “thọ thành ngộ nhập”. Kệ trước bản lược, nay thí sự rộng, rộng nêu tu nhân đến quả.

Y vào sáu câu giải thích: Một, “Vừa ý mình” dụ cho cơ giáo tương xứng, đây tức là Văn tuệ. Hai, “Dững nhuệ”(giỏi tinh tiến) tức là Tư tuệ. Tư duy tâm đồng lo nghĩ, là Tư tuệ phương tiện. Ba, “Xô đẩy lẫn nhau” Suy tìm bốn chân lý, “đẩy” lùi hàng phục kiến hoặc; Tà chánh chưa quyết, gọi là “lẫn nhau”, đây là nhập Tu tuệ, thuộc Noãn Đảnh vị. Bốn, “Đua nhau” là tranh lấy Lý thù thắng, đây là Nhẫn pháp vị tranh lấy lý thù thắng. Ban đầu quán ba mươi hai để tranh đến chân đạo, sau thắng quán đến Khổ pháp nhẫn. Năm, “Cùng” là vị Thế Đệ nhất pháp, đồng quán Nhất đế và Khổ pháp nhẫn bốn quán không sai biệt. Sáu, “Chạy nhanh”: Nhập Kiến đạo mười lăm tâm nhanh chóng kiến lý, dụ cho bên trên kệ nói: “Bèn có tiếng Niết-bàn”, trong Kiến đạo đắc Niết-bàn từng phần. “Tranh ra” là Tư duy đạo, tranh ra khỏi tam giới, thành quả vô học, đoạn tận tư duy rồi mới “ra khỏi nhà lửa”, tức dụ cho bên trên kệ nói “Cùng với A La-hán, Tền Pháp, Tăng sai khác”.

Giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán thắng quán thật tướng, tâm pháp tương xứng gọi là “vừa ý mình” (thích hợp sở nguyện). Cảnh vô biên quán cũng vô biên, gọi là “dững”(mạnh mẽ). Đối cảnh điều tâm lạnh lợi, gọi là “nhuệ”. Tâm cảnh điều phục nhau, gọi là “xô đẩy lẫn nhau”. Tâm vương tâm sở duyên cảnh nhanh chóng, gọi là “cùng đua nhau chạy nhanh”. Thế nghiệm được khắp tất cả ấm giới nhập...thảy đều là thật tướng, gọi là “ra khỏi nhà lửa”.

“Lúc bấy giờ trưởng giả thấy các con...” là trong phần thứ ba: Biệt thí, thí dụ đồng ban xe lớn cho các con, dụ trên nói hiển tướng chân thật. Văn chia làm bốn phần:

1. Dụ cha thấy con khỏi nạn vui mừng. Văn trên (phẩm Phương tiện) nói: “Ta liền nghĩ thế này, sở dĩ Phật ra đời” đến “Nay ta vui vô úy” gồm hai hàng một câu kệ, làm cơ sở để thí dụ.

2. Thí các con đòi xe, dụ cho trên nói căn cơ Đại thừa phát. Văn trên từ “Ta thấy các Phật tử, quyết chí cầu Phật đạo, đều đem lòng cung kính, đồng đi đến chỗ Phật”, gồm hai hàng kệ làm cơ sở để thí dụ.

3. Dụ “Đồng ban xe lớn cho các con”. Ba câu kệ bên trên: “Ở trong hàng Bồ-tát, chính bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng”, làm cơ sở để thí dụ.

4. Dụ “Các con được xe vui mừng”. Một kệ trên, từ “Bồ-tát nghe pháp này, đều đã trừ lười nghi”, làm cơ sở để thí dụ.

Trên trong phần Pháp thuyết, trước nêu cơ phát, tiếp nêu chướng trừ, đức Phật vui vô úy. Nay trong Thí thuyết, trước nêu thoát khỏi nạn, sau nêu xin xe. Nếu luận đủ nên dùng bốn câu:

1. Trước chướng trừ sau căn cơ phát, như bốn đại Thanh văn ở trong thời Tam tạng mọi chướng đã trừ, ở cuối thời Đại Phẩm đầu thời Pháp Hoa mới phát căn cơ Đại thừa.

2. Chướng chưa trừ, căn cơ Đại thừa phát, như trong thời Hoa Nghiêm và trong thời Pháp Hoa các chúng phàm phu đặc nhập Phật tuệ. Hai câu còn lại thì như trên đã nói. Nếu Đại cơ trước động, sau chướng trừ, thù như Phẩm Phương Tiện nói. Nếu trước trừ chướng, sau Đại cơ động, thì như nay nói. Cơ động chướng trừ hiện xen lẫn, cộng thành một ý. Lại, phẩm Phương Tiện nói “Phật vui vô úy”, phẩm này nói “các con vui mừng”, do con vui cho nên cha cũng vui, đây cũng bổ sung lẫn nhau, chung thành một ý.

Nói về sự thoát nạn, đầy đủ thì có hai nghĩa. Nghĩa là thoát nạn hoan hỷ, nếu con chưa thoát nạn thì cha rất lo buồn, nếu được thoát khỏi lửa thì tâm vui mừng, cho nên thoát nạn vui mừng được làm một ví dụ. Do con vui, nên cha cũng vui, được dụ cho Phật hoan hỷ.

“Ở giữa ngã tư đường” Xưa nói trừ bỏ bốn trước chướng thì như ở ngã tư đường thông suốt, lại trừ bỏ được một trước thì như “ngồi nơi đất trống”. Nay nói không như vậy, năm trước chỉ nêu pháp cấu uế chướng ngại, chưa luận đến trị đạo, thì không nên ví như “ở giữa ngã tư đường”. “Ngã tư đường” chính dụ cho Tứ đế, Tứ đế được xem như tên gọi khác của Tứ vệ (ngã tư). Tứ đế đồng hợp kiến đế, như đầu đường giao tiếp. Kiến hoặc tuy đã trừ, mà tư duy vẫn còn thì không gọi là ở đất trống. Tư duy dứt chúng sinh đi trong ba cõi, tư duy dứt hết thì gọi là “đất trống”. Trú quả không tiến cho nên gọi là “ngồi”, không bị trói buộc vào Kiến Tư hoặc cho nên gọi là “thư thái an nhiên”, tưởng là được diệt độ an ổn, cho nên gọi là “hoan hỷ”.

“Đều thưa với cha rằng...” trở xuống là phần hai: thí dụ các con xin xe. Văn nói: Xin ban cho chúng con ba thứ xe báu. Văn không nêu chữ “sách” nghĩa là “đòi”, dựa vào lời thỉnh nêu ý đòi xe mà thôi!

Có người nói: Nhị thừa đòi xe, Bồ-tát không đòi, nêu mười vấn

nạn khó:

1. Hàng nhị thừa vượt ngoài tam giới đến chỗ hứa cho xe mà đòi xe (dụ cho quả). Bồ-tát chưa đến chỗ hứa, sao bỗng xin xe?

2. Kinh Đại thừa không có Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa, cho nên biết không đòi.

3. Sở hóa Bồ-tát từ sơ phát tâm cuối cùng đến Bồ xứ, đều là phàm phu chưa ra khỏi ba cõi, nghĩa là không đòi. Năng hóa Bồ-tát ba mươi ba tâm, Kiến hoặc khuynh đảo, Tư hoặc chưa hết. Ba mươi bốn tâm tức là Phật, Phật còn theo ai nữa mà đòi?

4. Nhị thừa quả tại chánh sử môn ngoại, Phật quả tại tập khí vô tri môn ngoại. Hàng nhị thừa đoạn tận chánh sử, không thấy xe, thế nên đòi, Bồ-tát chưa đoạn tập khí cùng vô tri, sao bỗng đòi?

5. Nêu rõ hai tức là phương tiện, thì có thể nói đòi. Văn nói: “Chỉ một sự này là thật, còn có hai tức chẳng phải chân” lấy đây mà suy thì chỉ có hai thì mới đòi, một thì không đòi.

6. Từ kinh Đại Phẩm về sau cho đến Pháp Hoa về trước, Phật nhân Phật quả đều là phương tiện. Giao phó gia tài cho cùng tử, đây là trân bảo, đều phải là phương tiện. Nếu giao phó gia tài là chân thật, thì trong kinh Đại Phẩm v.v... nêu Phật thừa. Đã là chân thật thì sao bỗng đòi nữa?

7. Kệ phẩm Phương Tiện trình bày xưa thuyết Tiểu là phương tiện, không ghi chép Đại là phương tiện, nên biết Phật tử Đại thừa chẳng phương tiện, sao bỗng có đòi?

8. Nếu ba hạng người đòi, thì sao không lãnh giải? Vì không lãnh giải, cho nên biết là không đòi.

9. Cùng ban xe. Văn nói: “thấy các chúng sinh vượt thoát khổ tam giới được vui Niết-bàn, cho nên ban cho Đại thừa”. Bồ-tát không chứng Niết-bàn, sao bỗng đòi?

10. Các con ngồi yên cho nên theo cha xin, hàng nhị thừa quả mãn không tu hành, cho nên ngồi yên có thể có đòi được. Bồ-tát thì hạnh chưa dứt, không ngồi yên, sao bỗng đòi? Nay riêng dùng Tổng, Biệt để chuyên chở. Đòi là tên khác của cầu thỉnh, tại ý thì gọi là cầu đòi, tại miệng thì gọi là đòi thỉnh, tại thân thì gọi là đòi xin. Như người ngu tối cầu biết, người đói xin ăn, như người mê hỏi đạo. Phàm ở chỗ không thông đạt, thì sao có lý không đòi? Do có đòi cho nên ban cho, ban cho cho nên hoan hỷ, nay văn có đủ thỉnh và hoan hỷ.

Trong phần Pháp thuyết, trong chúng một ngàn hai trăm người thì Thân-tử làm đầu, ân cần thưa thỉnh ba phen, trong chúng Bồ-tát thì ngài

Di-lặc làm đầu. Con từ khẩu Phật sinh thì số rất lớn, có đến tám vạn, chấp tay dùng tâm cung kính muốn nghe đạo đầy đủ. Ban đầu của phần Thí thuyết thì Thân-tử vì hạng trung căn mà thỉnh. Lại, tổng thì vì bốn chúng mà thỉnh, riêng vì hàng hạ căn mà thỉnh. Văn nói: “Lành thay Thế Tôn! Nguyên xin vì bốn chúng mà thuyết nhân duyên kia”. Pháp thuyết nói rằng: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, đâuặng không nói”. Thí thuyết nói: “Nên dùng thí dụ làm rõ nghĩa này”. Nhân duyên nói: “Ta và các ông có nhân duyên đời trước, ta nay sẽ nói”. Cuối phần Pháp thuyết thì Thân-tử hoan hỷ. Nói Thí dụ xong thì Ca-diếp hoan hỷ. Nói túc thế nhân duyên xong thì Phú-lâu-na hoan hỷ. Lại hợp thí văn nói: Khiến cho các con kiếp số ngày đêm thường được cưỡi xe đạo chơi. Cho các Bồ-tát cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng. Do vui nên biết có cho, có cho nên có thỉnh. Cả ba vòng ba nghĩa sáng tỏ văn rõ ràng, vì sao thiên nói hai thì đòi một thì không đòi, Biệt chuyên chở một kia? Vì Tề Tam tạng nêu Bồ-tát không đoạn Hoặc, y Pháp Hoa có bốn câu: Nghĩa là chướng trừ đại cơ động, chướng chưa trừ đại cơ động, cơ động thì biết cầu xin.

Vấn nạn thứ hai nói: Kinh Đại thừa không có Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa. Đại Phẩm nói: người tam thừa đồng dùng đạo vô ngôn thuyết, đoạn phiền não, nhập Niết-bàn. Đoạn phiền não nhập Niết-bàn đã đồng, vì sao không đòi?

Vấn nạn thứ ba: Ba mươi ba tâm gọi là Bồ-tát. Ba mươi bốn tâm đoạn tận Tư hoặc, tức thành Phật, Phật thì theo ai nữa mà đòi? Đây cũng như nghĩa Tam tạng, thấy chướng chưa trừ mà đại cơ còn động, hướng chi ba mươi ba tâm mà không động? Động, thì biết là đòi.

Vấn nạn thứ tư nói: Bồ-tát chưa đoạn tập khí vô tri, thì không nên đòi. Nếu đoạn tận thì thành Phật, mà Phật thì đòi ai? Đây là nghĩa Tam thừa Thông giáo, đủ trói buộc chướng tồn tại mà đại cơ còn động, hướng chi tập khí còn sót lại mà không động ư?

Vấn nạn thứ năm nói: Chỉ một sự này thật, “thật” tức là chân, sao bỗng lại cầu xin? Hiểu được dứt đối đãi là duy nhất, ngoài một lại không có pháp. Xưa thì đối đãi với hai là duy nhất, tức ngoài một lại có pháp. “Nhất” danh đồng mà thể khác, như kẻ trong tối nhìn thấy mảnh sành, mắt cá mà cho là bóng trắng dạ quang. Đã ngu như thế đâu thể không cầu xin trí tuệ?

Vấn nạn thứ sáu nói: Bát-nhã về sau cho đến Pháp Hoa về trước, thì cùng giao phó tài pháp đồng, không nên có đòi? Ông không nghe Cộng, Bất cộng Bát-nhã? Bất cộng thì không cần xin, Cộng thì cần

xin.

Vấn nạn thứ bảy nói: Đầu phẩm Phương Tiện nói: “Xưa thuyết Tiểu là phương tiện mà không nói xưa thuyết Đại là phương tiện”. Vì Đại không phải phương tiện, nên không đòi. Ông không nghe trong phẩm Thọ Lượng nói: “Ta lúc trẻ xuất gia chứng đắc Tam-bồ-đề, cho đến trung gian hoặc Tiểu hoặc Đại hoặc nói việc mình hoặc nói việc người khác đều là phương tiện của ta. Chư Phật cũng như vậy”, đâu được không đòi.

Vấn nạn thứ tám nói: Nếu Bồ-tát đòi, thì Bồ-tát phải lãnh giải (hiểu biết), mà đã không lãnh giải, cho nên biết là không đòi. Ông không nghe “pháp thuyết xong thì thiên long tứ chúng đều lãnh giải”, kia chẳng phải Bồ-tát thì gọi là gì? Lại trong phẩm Pháp Sư nói: “Hàng tam thừa đều được thọ ký”. Nếu không lãnh giải, thì sao bỗng thọ ký?

Vấn nạn thứ chín nói: Vượt thoát khổ tam giới, được vui an ổn mới ban cho, mới có đòi. Bồ-tát chưa thoát, chưa chứng nên không đòi, cũng là nghĩa của Tam tạng đó thôi!

Vấn nạn thứ mười nói: Các con ngồi yên vậy mới ban cho xe. Hàng nhị thừa hành dứt, mới gọi là an tọa. Bồ-tát hành chưa dứt, nên chẳng an tọa, sao bỗng xin xe? Đây cũng là nghĩa trước đó thôi! Tự có hành dứt mới đòi, hành chưa dứt cũng đòi. Lại, Bồ-tát hành các hạnh, tức là vận chuyển các thừa. Thừa do đòi mà có được, sao nói là không đòi?

Bởi xem các điều xảo biện nêu trên liên quan đến Tam tạng, cho nên lập mười vấn nạn này. Các cái nhìn thiển cận chỉ thấy một đốm, đều chẳng phải là đại thể. Vì vậy nay sẽ phân biệt thuyết: Tự có không đoạn Hoặc, không đòi xe, là Tam tạng Bồ-tát. Tự có đoạn Hoặc, đòi xe, là Thông giáo Bồ-tát. Tự có cũng đoạn Hoặc cũng không đoạn Hoặc, cũng đòi cũng không đòi, là Biệt giáo Bồ-tát. Tự có chẳng đoạn Hoặc chẳng đòi chẳng không đòi, là Viên giáo Bồ-tát. Lại, trải qua năm vị: Nhũ vị có hai ý:

1. Cũng đoạn cũng không đoạn cũng đòi cũng không đòi.

2. Chẳng đoạn chẳng không đoạn, chẳng đòi chẳng không đòi.

Lạc vị có một ý: Là không đoạn không đòi. Sinh tô đầy đủ bốn ý, Thực tô chỉ có ba ý, Đề-hồ một ý. Cương lĩnh rộng lớn, thâm tóm tất cả nghĩa kia như đây. Trong mỗi một câu mỗi một ý đều bao trùm bốn câu: nghĩa là chướng trừ, cơ động, chướng chưa trừ, cơ động, chướng cũng trừ cũng chưa trừ, cơ động, chướng chẳng trừ chẳng không trừ, cơ động. Tông này không kiến chấp một chẳng phải ba, rất đáng thương xót. Người đời

chấp số lượng xe không đồng, nói thể của xe không đồng, hoặc nói ban đầu thuyết (tam) ba xe, sau hợp hai qui một, hoặc nói ban đầu thuyết có ba, sau hợp ba qui về một, hoặc nói ban đầu thuyết có bốn, sau hợp ba qui về một. Do đó nên lấy ở trong kinh chớ tin người nói. Văn đây dẫn đức Phật xưa vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp Tứ đế, vì hàng Duyên giác thuyết mười hai nhân duyên, vì Bồ-tát thuyết lục Ba-la-mật pháp, nay Phật thuyết số lượng ba cũng như đây. Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ tám nói: Đức Phật vì hạng hạ căn thấp kém, chán thế gian muốn ẩn thân, mà dạy đạo Thanh Văn, vì hàng độn căn ưa Duyên giác mà thuyết Duyên giác đạo, vì hàng lợi căn có từ bi mà thuyết Bồ-tát đạo, vì hạng vô thượng ưa Đại sự mà thuyết vô lượng Phật pháp. Quyển ba mươi sáu lại nói: Ba pháp giải thoát mở ra Thanh văn thừa, pháp Vô tránh mở ra Duyên giác thừa, Lục độ tứ nhiếp pháp mở ra Đại thừa, Tri nhất thiết pháp mở ra Phật thừa. Lại, Địa thứ chín nói tướng Thanh văn thừa, tướng Bích-chi-phật thừa, tướng Bồ-tát thừa, tướng Như Lai thừa. Địa luận giải thích địa thứ hai, coi mười điều bất thiện là nguyên nhân rơi vào ba đường, mười điều thiện là nguyên nhân sinh trên cõi trời. Mười điều thiện trên cùng Tứ đế quán trí, hợp thành Thanh văn. Lại, mười điều thiện trên và không nghe từ người khác, quán trí, hợp thành Duyên giác. Lại, mười điều thiện trên và cụ túc thanh tịnh quán trí, hợp thành Bồ-tát địa. Lại thượng thượng thập thiện và nhất thiết chủng nhất thiết Phật pháp, hợp thành Phật.

Kinh Anh Lạc quyển mười ba nói: Chư Phật mười phương thuyết tam thừa, trong mỗi một thừa lại mở ra ba, hợp thành chín thừa. Chín thừa đều hội nhập đại bi bình đẳng. Thánh thuyết như thế, không nên dung thông, xen lẫn nhau thì chẳng phải phi pháp hủy hoại người, lỗi chẳng lớn ư? Nay căn cứ vào giáo mà phân biệt: Nếu nói tam thừa pháp môn là khác mà chân đế đồng, thì là Tam tạng giáo. Nếu nói pháp môn của tam thừa đồng, chân đế cũng đồng, thì là Thông giáo. Nếu nói tam thừa, ba lần ba là chín thừa, nếu nói tứ thừa cạn sâu giai cấp mỗi mỗi đều không đồng, mà đồng nhập đại bi bình đẳng, thì là Biệt giáo. Nếu nói ba thừa, chín thừa, bốn thừa, mỗi mỗi đều bình đẳng với đại tuệ tương ứng không hai không khác, thì là Viên giáo. Lại, trải qua ngũ vị phân biệt: Nhữ vị, chỉ nêu Bồ-tát thừa Phật thừa. Lạc vị, chỉ nêu khác tam thừa. Sinh tô vị, nêu đủ tam thừa tứ thừa cửu thừa, mỗi mỗi có phần hạn riêng không lẫn lộn nhau, Thục tô vị, chỉ trừ khác tam thừa, ngoài ra như Sinh tô. Trong Đề-hồ thuần thuyết Phật thừa, không còn thừa khác. Nếu biết được ý này, thì có thuyết khác cũng không ngăn

ngại, còn không biết thì chỉ tăng thêm sự tranh luận mà thôi! Người đời nói Phật thừa, thể thừa có khác. Ngài Quang Trạch chọn Phật quả cứu cánh, hai trí là Tận trí và Vô sinh trí làm thể của xe, vượt xuất ngoài năm trăm do tuần đối với xưa gọi là “cao”, đủ bao hàm vạn đức đối xưa gọi là “rộng”. Lại, trang nghiêm thủ nhân tổng nhiếp vạn hạnh làm thể, thượng cầu là “cao”, hạ hóa là “rộng”. Xưa không chọn công đức, vì công đức cùng đồng với phàm phu, chỉ chọn trí tuệ làm thể. Xưa lại chọn phước tuệ cùng làm thể. Văn nói: Thừa là ba xe. Dùng vô lậu căn lực, giác đạo thiền định giải thoát Tam-muội, mà tự vui thú, đâu chỉ riêng có trí tuệ ư? Lại, khi thì chọn “Hữu giải” làm thể “Không giải” không động cho nên không chọn, Tận trí và Vô sinh trí, tức Hữu giải. Lại, khi thì Tiểu thừa chọn “Không tuệ” làm thể. Văn nói: “Chúng ta từ lâu tu tập pháp không”... Đại thừa cũng dùng thật tuệ phương tiện làm thể của xe. Thể xe dụ cho hữu, vì hữu nên có vận động. Nay cho rằng các sư giải thích thể của Phật thừa mà đua nhau phỏng đoán, thì có khác gì những người mù sờ voi tranh luận đuôi hoặc ngà voi... Theo Ngài Thiên Thai Trí Giả thì thật tướng các pháp, chính là thể của xe, hết thấy các thứ bảo vật trang sức đều là những vật trang nghiêm. Cho đến trong văn “ban cho xe” được giải thích rằng: Xưa giải thích xe nhỏ Tiểu quả, quả có hữu vi vô vi công đức, chính chọn hữu vi để dụ xe vận chuyển, vận chuyển nhập vô dư, trong quả hữu vi có đủ phước tuệ, lấy tuệ làm chánh, phước là phụ thuộc cụ độ (đầy đủ độ). Tuệ kia có mười mà, tám trí thì thông nhân quả, còn hai trí là Tận trí và Vô sinh trí thì chỉ là quả vị, cho nên chọn hai trí này để dụ quả xe. Vì nghĩa ấy, cho nên xe ở ngoài cửa. Nếu y Đại Phẩm thì nói: Xe ấy từ tam giới xuất, đến trú trong Tát-bà-nhã. Nếu khi chưa xuất, thì đã cưỡi xe ấy tranh nhau ra khỏi nhà lửa, vì sao lại nói xe ở ngoài cửa? Nếu trước xe đã ở ngoài cửa, thì nhờ cái gì mà ra? Chỉ vì thừa thì thông nhân quả, ba mươi bảy phẩm đoạn Kiến Tư hoặc đều là nhân thừa, Tận trí và Vô sinh trí đều gọi là quả thừa. Chủ yếu do ở nhân thừa đoạn trừ Hoặc tận, mới được quả thừa Tận trí và Vô sinh trí, cho nên nói xe ở ngoài cửa. Chỉ vì quả là chính, nhân là phụ, căn cứ vào quả nên nói xe ở ngoài cửa. Nếu bên trong tu nhân đoạn Kết (phiền não), có nghĩa là vận chuyển, nên gọi là “thừa”, thì quả bên ngoài chẳng có nghĩa vận chuyển, sao được gọi là “thừa”? Quả thì không có vận chuyển đoạn Hoặc, chủ yếu dùng Tận trí và Vô sinh trí nhập Vô dư Niết-bàn, mới là vận chuyển tốt. Nếu thừa từ nhân đến quả, thì ý gì mới lại đòi xe? Người xưa nói: có căn cơ đòi, và tình thức đòi. Căn cơ đòi, thì có thể hiểu. Tình thức đòi: Phật thuyết giáo

Tận Vô sinh, La-hán chứng quả này, rồi dùng thần thông thiên nhãn thử quán đời vị lai thì thấy còn biến dịch sinh tử rõ ràng, cho nên tự nghi chỗ chứng đắc Tận Vô sinh. Nếu thật vô sinh, thì làm sao thấy có? Như sự rõ ràng ấy thì xưa chẳng phải cứu cánh, trong tình theo Phật mà đòi điều mà trước kia Phật đã hứa cho, đó gọi là vì tình xin. Nếu tìm văn kinh, thì văn không có câu nói này. Nếu tìm nghĩa đời, thì nghĩa không đúng vậy. Văn không có, nên có thể hiểu suy tìm ở văn dưới rằng: “Tự nơi mình sở đắc sinh tưởng diệt độ”. Đã dùng thiên nhãn thấy có sinh tử, vì sao lại khởi tưởng diệt độ? Đây là tự tưởng mâu thuẫn. Lại nữa, sau khi đức Phật diệt độ A-la-hán không gặp các Phật khác, thì không thể quyết liễu. Đã tự dùng thiên nhãn soi thấy sinh tử, thì đâu cần gặp Phật mới quyết liễu?! Lại, thiên nhãn của hàng Sơ thiên còn không thấy Nhị thiên, huống chi thấy Biến dịch. Thế thì trái ngược với Nhiếp Đại Thừa. Lại, La-hán đắc vô lậu nghiệp, dùng thiên nhãn thấy Biến dịch sinh tử quả báo đời vị lai, mà có người tu ngũ giới thập thiện có thể tự thấy quả báo vị lai kia. Nên biết quả báo ngoại giới đâu phải do thiên nhãn thấy? Không nên dùng đây để phán xét các yêu sách theo tình thức. Nay nói các yêu sách theo tình thức là: Ngày xưa y giáo cho rằng tận Vô sinh nhập Vô dư, nhưng ở trong thời Phương Đẳng thấy Bồ-tát bất tư nghì nghe Tịnh Danh bài xích. Nếu điều ta chứng đắc là thật, thì Đại Sĩ không nên gạt bỏ. Nếu ngã chẳng phải thật, thì Phật không nên thuyết chân. Cho nên nói mờ mịt không biết gì. Đến trong Đại Phẩm lĩnh hội Đại pháp, nghe điều này vui mừng tâm Đại thừa sinh khởi, mới muốn tiến tu Đại thừa mà không thể biết đắc cùng không đắc. Những điều này đều là nghĩa theo tình thức đã đòi Đại thừa. Cho nên, Thân-tử lãnh giải nêu lên nghi tình ngày xưa, thấy các Bồ-tát được thọ ký làm Phật, còn mình thì không can dự việc này. Than ôi! Tự trách, muốn đem hỏi Thế Tôn là “mất hay không mất?”, tức là chỉ xưa trong thời Phương Đẳng đã có yêu sách theo tình thức. Nay thêm miệng cầu xin, tức nhân nghe các bài kệ đầu của Phẩm Phương Tiện, lược nghe Phật thuyết thấy đều là Phương tiện, tức còn chấp phương tiện này, nghi xưa chưa rõ ráo, cho nên nói: “Ta nay không biết nghĩa ấy về đâu?”. Động nghi tình xưa kia, cho nên thốt lên ba phen thỉnh, cầu đòi điều thật mà Phật đã thuyết khi xưa. Vì căn cơ Đại thừa nên tình cầu đòi điều thật trước đây. Lại tình cầu Đại thừa, miệng hỏi pháp thật xưa, tức Lục độ Thông giáo theo lệ thường mà thôi!

Từ “Xá-lợi-phất! Khi đó...” trở xuống là phần thứ ba: Đồng ban xe lớn cho các con. Có hai chương, hai phần nói rộng, hai phần giải

thích:

1. Con bình đẳng.
2. Xe bình đẳng.

Vì con bình đẳng, cho nên tâm bình đẳng, dụ cho tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, Phật tánh đồng, cho nên đồng là con. Xe bình đẳng, do pháp bình đẳng cho nên không gì chẳng phải là Phật pháp, thí như tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn. Ma-ha-diễn đồng, cho nên đồng là xe lớn. Nói: “đều ban cho”, là xưa đều tùy theo tu tập Tứ đế, Lục độ, vô lượng các pháp, xưa đều huân tập khai thị chân thật. Xưa huân tập không đồng, cho nên nói “đều”. Đều là Đại thừa (Ma-ha-diễn), cho nên nói “xe lớn”.

Từ câu: “Xe kia cao rộng” trở xuống, là phần nói rộng có hai:

1. Rộng nêu thể của xe.
2. Giải thích nguyên do có xe.

Trong phần Thể của xe trước hết trình bày cao rộng, tiếp nêu xe trâu trắng, sau nêu có tôi tớ hầu hạ. Giả danh “xe có tướng cao rộng”, ví như tri kiến Như Lai sâu xa, ngang thì khắp pháp giới là biên tế, dọc thì thấu triệt cùng nguồn tốt đáy tam đế, cho nên nói “cao rộng”; “trang sức bằng các thứ châu báu” dụ cho vạn hạnh trang điểm; “lan can bao quanh” dụ cho tổng trì giữ gìn vạn điều thiện, ngăn ngừa các điều ác; “bốn phía treo chuông” dụ cho dùng bốn biện tài để giáo hóa chúng sinh; “dùng màn lọng giăng che” dụ cho tứ vô lượng tâm, trong các đức từ bi là tối cao bao phủ tất cả; “dùng đồ báu đẹp tốt kỳ lạ mà trang sức” dụ cho vạn điều thiện chân thật trang sức từ bi này. Đại Kinh nói: “Tâm Từ nếu đầy đủ Thập lực, Vô úy, thì gọi là Như Lai từ, trong tâm từ hành bố thí...” “dây bằng báu kết” dụ cho tứ hoằng thệ nguyện kiên cố đại từ tâm, “các dải hoa rữ xuống” là dụ tứ nhiếp thần thông... làm vui lòng cảm động chúng sinh, cũng dụ cho bảy giác vi diệu tươi đẹp, “nệm chiếu mềm mại trải chồng” dụ cho quán luyện huân tu, tất cả các thiện thứ lớp tiếp nhau uyển chuyển, “gối đỡ để trên”, xe nếu vận chuyển đến đâu thì gối đỡ cũng theo đến đó, là dụ cho tức động mà tịnh, tức tịnh mà động. Trong xe có “gối” để cho đầu thân dựa vào nghỉ ngơi, là dụ cho Nhất hạnh Tam-muội là chỗ dựa để nghỉ ngơi của Nhất thiết trí Nhất thiết hạnh, “Đỏ” tức là ánh sáng đỏ, là dụ pháp vô phân biệt, “dùng trâu trắng kéo” là dụ trí vô lậu Bát-nhã năng dẫn dắt để duyên qua hết thủy vạn hạnh đến Tát-bà-nhã, “Trắng” là màu gốc, tức cùng bản tịnh vô lậu tương ứng. Thể đầy đủ vạn đức ví như “đầy đà”, không bị phiền não làm ô nhiễm như “sắc sạch”. Lại, Tứ niệm xứ làm Trâu

trắng, trong Tứ chánh cần thì hai pháp thiện thế gian đầy đủ ví như “đầy đà”, hai ác thế gian tận, ví như “sắc sạch”. Tứ như ý túc xứng với tâm của hành giả, ví như “thân hình đẹp đẽ”, “Có cân lực lớn”: “Cân” dụ cho ngũ căn trụ lập nghĩa năng sinh, “lực” dụ cho nghĩa ngũ lực hàng phục và có tài năng hữu dụng. “Bước đi chững chạc” dụ cho định tuệ quân bình, lại dụ bảy giác chi điều hòa quân bình, “phóng nhanh như gió” dụ cho hành trong bát chánh đạo thì nhanh chóng đến Tát bà nhã. “Đông tôi tớ” dụ cho những phương tiện Ba-la-mật năng khuất phục uyển chuyển, “theo người hầu hạ để cho người sai khiến” dụ cho các ma ngoại đạo nhị thừa hành Tiểu thừa, đều tùy phương tiện trí dụng. Kinh Tịnh Danh nói: “Đều theo hầu ta”. Lại, quả địa thần thông vận dụng sai khiến tùy ý, tức là “tôi tớ theo hầu”.

Tiếp “Vì có sao?” trở xuống, giải thích nguyên do có xe. Do gia tài giàu có, kho đụn đầy ngập, là dụ cho quả địa phước tuệ viên mãn, gọi là “giàu có vô lượng, các thứ kho tàng đều đầy ngập”. Hành, chứa Lý, tất cả pháp hướng đến Đàn Ba-la-mật, Thi la Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật hướng đến không lỗi lầm, đó là căn cứ Hạnh nêu Như Lai tạng. Tất cả pháp hướng đến ấm, nhập, giới, căn, trần... là hướng đến không lỗi lầm, tức là căn cứ Lý nêu Như Lai tạng. Tự hành nơi Hạnh Lý này, gọi là “đầy”, giáo hóa chúng sinh gọi là “ngập”, Thật trí đầy đủ gọi là “đầy” quyền trí dụng gọi là “ngập”. Nhập trung đạo gọi là “đầy”, song chiếu cho nên gọi là “ngập”. Chẳng những nhiều kho tàng lại đều đầy ngập pháp nào chẳng là Ma-ha-diễn? Cho nên Đại thừa vô lượng.

Từ “Ông nghĩ rằng” trở xuống, tức phần nói rộng về tâm bình đẳng. Văn có hai:

1. Tâm rộng lớn bình đẳng.
2. Giải thích.

Tâm rộng lớn bình đẳng, ấy là giàu có vô lượng, đối với các con không thiên vị, cho nên gọi là tâm bình đẳng. Nếu cha giàu mà chúng không phải con, hoặc là con mà cha nghèo thì không bình đẳng được. Nay vô số xe lớn bằng bảy báu, hoặc Giáo hoặc Hạnh đều là Ma-ha-diễn, tức tài của nhiều. “đều cho chúng nó, chẳng nên sai biệt”, không thay đổi bản tập mà chỉ bày chân thật, như Thân-tử nhờ trí tuệ mà khai mở tri kiến Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp, Mục-liên nhờ thiền định mà khai tri kiến Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp. Các người khác cũng vậy. Lại Phương Đẳng Bát-nhã, Niệm xứ, Chánh cần, Căn, Lực, Giác, Đạo, các tên khác nhau nhưng đều khai thị thật tướng. Khắp tất cả pháp cũng như vậy, cho nên nói “vô lượng”.

Từ “Vì sao...” trở xuống, giải thích hai nghĩa bình đẳng: Ban đầu, giải thích “tài vật nhiều có thể chu cấp cho người khắp cả nước hưởng chi chỉ các con”, là dụ cho nhân Đại Viên Giác khắp bao trùm thiện ác hưởng chi tri kiến Phật! Tiếp đến, giải thích các con bình đẳng: không phải con mà còn cho đủ hưởng chi là con! Dụ cho đối với chúng sinh vô duyên mà Phật còn độ, hưởng chi là Phật tử có duyên! Theo văn có thể biết.

Từ “Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn” trở xuống, là phần thứ tư: các con vui mừng vừa ý. Dụ cho trên nói “thọ hành ngộ nhập”, vốn cầu mong xe dê, xe hưu, xe trâu nước mong ra khỏi Phần đoạn sinh tử. Nay được xe trâu trắng, ra khỏi hẳn Biển dịch sinh tử, vượt quá sự mong muốn xưa, đâu không hoan hỷ?!

Từ “Ý ông nghĩ sao?” trở xuống, là phần thứ tư: không hư dối, dụ Pháp vương không hư vọng. Văn chia làm ba phần: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Thuật lại khen ngợi.

Phần một: Hỏi như văn. Từ “Xá-lợi-phất thưa” trở xuống, là phần hai: Đáp, có hai phần:

1. Vì thoát nạn, nên không dối. Cũng gọi là dùng trọng bỏ khinh, nên không dối.

2. Không trái bản tâm không dối gạt, cũng gọi là vượt quá điều mà chúng trông mong, nên không dối.

Mỗi phần lại chia làm ba:

1. Nêu chương.

2. Giải thích.

3. So sánh, kết.

Đây là phần một: Nêu khỏi nạn, như văn. Từ “Vì sao” trở xuống, là giải thích: mạng trọng thân khinh, toàn thân khỏi lửa rồi được đại bảo vật. Cứu mạng là trọng, đâu có dối. Kết: khỏi lửa tám khổ, toàn thân năm phần đã là đại bảo, hưởng chi ở chỗ hai vạn đức Phật đắc Đại thừa tuệ mạng viên nhân thành tựu, khai Phật tri kiến, đâu thể là dối gạt. Từ “Thế Tôn! Dù ông tưởng giả” trở xuống ban đầu nêu không trái bản tâm, vốn biết không có ba, ý muốn cho không phỉ báng. Đã không phỉ báng, nên không trái bản tâm. Giải thích rằng: Vốn biết không Tiểu thừa ý muốn cho không phỉ báng để khỏi đọa vào đường ác. Đã không có cái nhân phỉ báng, thì không có quả rơi vào đường ác. Không cho xe nhỏ cũng không trái với ý muốn xưa. Kết luận: “Tự biết của cải nhiều vô lượng, muốn lợi ích cho các con nên đồng ban cho một thứ xe lớn” vượt quá sự trông mong trước, cho nên không dối. Kết chương trước nói:

“Phương tiện cứu giúp”, dụ cho Đoạn đức thần thông lực. Kết chương sau nói: “Tài phú vô lượng” dụ cho Trí đức biện thuyết lực. Trước là, các con bình đẳng nên không đối gạt, sau là, các tài vật bình đẳng nên không đối gạt.

Từ “Phật bảo Xá-lợi-phất” là phần ba: Thuật lại khen ngợi. Văn chia làm hai phần:

1. Thuật lại.
2. Hợp thí.

Đây là phần một: Thuật lại. “Hay thay!” là thuật lại hai việc không đối kia. Hỏi: Đức Phật vì sao không tự nói việc đó là không đối? Đáp: Đức Phật hứa ba mà cho một, tự nói là không đối thì khó. Thân-tử nói việc đó không đối, vì tin nên dễ. Từ “Xá-lợi-phất Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống là phần hai: Hợp thí. Ngài Quang Trạch khai mười thí dụ, chỉ hợp có bảy còn ba không hợp. Trong bảy, chính hợp có năm, và nghĩa thứ năm thứ tám, không hợp với thứ bảy thứ chín. Cho nên biết mười thí dụ tuy nhiều mà không hội chung. Nay hợp hai thí dụ Tổng và Biệt.

Phần (1): Hợp Tổng thí, có sáu: Nay văn đều hợp chung các phần nhỏ, không thứ lớp. Nay câu đầu, nghĩa thứ nhất hợp với nghĩa thứ nhất bên trên. Trên nói danh, hạnh, vị, hiệu, đức nghiệp của Trưởng giả hợp nói Như Lai cũng lại như vậy. Trước hợp vị hiệu, Như Lai vô lượng đức hiệu, lược nêu mười nghĩa như trên nói, “tất cả thế gian” là đem nơi chốn để định danh hạnh, trên nói: “quốc ấp tụ lạc”, thẳng hợp nói “tất cả thế gian” tức chỉ chung tự thể cõi Đồng cư Hữu dư, đều là chỗ quả báo diệu sắc diệu tâm. Như Lai biến ứng ba chỗ, tức tất cả thế gian, hợp trên là quốc ấp tụ lạc vậy. “Ở nơi các sự sợ hãi...” là hợp trên tán thán đức trong ngoài của Trưởng giả. Trong là tuổi cao suy yếu, hiểu biết thấu đạt thì nhiều, dụ cho Như Lai trí đoạn. “Đối với các sự sợ hãi, vô minh hết hẳn không còn thừa”, hợp trên nói suy yếu, hiển bày Đoạn đức. “Thành tựu vô lượng tri kiến”, hợp với tuổi cao kia, hiển bày Trí đức. “Trí lực, vô sở úy...” hợp trên ngoài đức, giàu có vô lượng. “Thần lực” là tu sâu thiền định có thể đắc thần thông, hợp trên nói ruộng nương. “Trí tuệ lực” có trí ắt có chiếu cảnh, như chỗ của thân nương nhờ, hợp với trên nói Nhà. “Đầy đủ phương tiện Ba-la-mật” hợp trên nói “các người tôi tớ”. Từ “Đại từ đại bi” trở xuống, là câu thứ hai hợp với nghĩa thứ tư trên, từ bi là gốc bố thí giáo hóa. “Tất cả” là năm đường. Hằng vì từ bi cứu giúp, hợp với trên năm trăm người. “Mà sinh vào nhà lửa...” là câu thứ ba hợp với nghĩa thứ hai trên, nói nhà ông trưởng giả. “Để độ chúng

sinh...” là câu thứ tư, hợp với nghĩa thứ sáu trên, chúng sinh có duyên thân cận được độ trước, hợp với ba mươi người con nói trên. “Sinh già bệnh chết...” là câu thứ năm hợp với nghĩa thứ sáu, dụ cho “bỗng nhiên lửa bốc cháy”. “Dạy bảo cho họ khiến đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác” là câu thứ sáu hợp với nghĩa thứ ba trên, giáo năng thuyết lý, tìm lý khởi hạnh, tức đắc Bồ-đề. Cho nên biết Giáo Lý cùng dụng, hợp trên dụ chỉ có một cửa. Nếu giảng thuyết khiến trước sau có thể hiểu, mà nhất nhất cứ phải đề cao phẩm Phương Tiện như là gốc cho các thí dụ để so sánh đối chiếu thì về sau bỏ cái lệ như vậy.

Phần (2): Từ “(Ta) Thấy các chúng sinh” trở xuống, là Hợp Biệt thí. Biệt thí có bốn: Đây hợp thí dụ thứ nhất thấy lửa, dụ có ba ý: văn kia có bốn hợp cũng bốn. Trong thí dụ thì sự sợ hãi ở trước, các con đắm ưa đùa giỡn ở sau. Trong phần hợp, thì “không kinh, không sợ” ở trước, “dứt khổ, ban vui” ở sau. Xen nhau mà hiện, biết việc đó không nhất định. Nay dùng một chữ “Thấy”, là câu thứ nhất hợp với nghĩa thứ nhất trên nói mắt năng thấy, tức là Như Lai tịch chiếu trí nhãn năng kiến. Từ “Các chúng sinh bị sinh tử” trở xuống, là câu thứ hai hợp với dụ thứ hai trên nói “thấy lửa từ bốn phía khởi lên”. Trong đây nói rõ tám khổ là lửa, bốn khổ như văn. Tham đắm truy tìm, tìm cầu không được cho nên khổ, sau thọ khổ địa ngục, trên trời nhân gian thì ngũ ấm khổ, ái ly, oán gặp thì khổ như văn, đây là tám khổ. Từ tứ đảo, là bốn phía lửa cháy lên. Từ “Chúng sinh đắm chìm trong đó” trở xuống, là câu thứ ba hợp với dụ thứ tư trên nói thấy cảnh “lửa cháy mà các con không hay, không biết”... Do không quán Khổ, Tập cho nên “không nhàm chán”, không quán Đạo, Diệt cho nên “không cầu giải thoát”, “dầu bị khổ nhiều vẫn không lo lắng”, hợp trên nói “tâm không nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi”. Từ “Đức Phật thấy việc này rồi liền nghĩ rằng” trở xuống, là câu thứ tư hợp dụ thứ ba trên nói sinh “khởi kinh sợ”, hợp với ý trên: “ta dầu có thể ở nơi cửa của nhà cháy này ra ngoài rất an ổn”, “phải cứu chúng nó ra khỏi khổ nạn kia”, tức đại bi lực, “ban cho vô lượng sự an vui” tức đại từ lực. Từ “Đức Như Lai lại nghĩ” trở xuống, hợp với dụ thứ hai trên “bỏ ghế dùng xe”. Thí dụ trên thì có Khuyến có Giới, nay chỉ hợp Khuyến không hợp Giới. Trong phần Pháp thuyết cũng khuyến khích thiện mà không răn bảo ác. Cho nên khuyến tu là chánh, răn ác là phụ. Cũng là khuyến thiện tức là răn ác, răn ác tức là khuyến thiện. Nay hợp khuyến thiện, thì biết tức hợp răn ác.

Ở văn Khuyến bên trên có ba phần: dự định thích nghi, không căn cơ và thôi hóa độ. Phần Dự định thích nghi: ông Trưởng giả có thân tay,

vạt áo v.v... “Chỉ dùng thân lực”, hợp dụ trên nói lực của thân, “và trí tuệ lực” hợp dụ trên nói lực của tay. “Khen ngợi tri kiến Như Lai” hợp dụ vạt áo. “Lực vô sở úy” hợp dụ bàn ghế. Nếu như đức Phật ban đầu xuất hiện liền dùng các thứ như dự định này để độ chúng sinh, thì chúng không thể do đây được độ. Từ “Vì sao?” trở xuống, là giải thích không được độ, hợp dụ thứ hai ở trên: các con không chịu nhận lời khuyên. Chính do ngũ trước chướng nặng, “chưa tránh khỏi lửa sinh tử v.v...” thì không thể được vào Đại thừa vi diệu, cho nên vẫn nói: “làm sao có thể hiểu được trí tuệ Phật”. Một câu này hợp dụ trên nói “chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ”, nhỏ cho nên không thể hiểu được trí tuệ Phật. Không thể hiểu trí tuệ Phật, tức hành làm ý môn. “Như trưởng giả kia, tuy thân và tay có sức mạnh mà không dùng”, hợp dụ thứ ba trên: buông bỏ lời dẫn dụ tốt, vì không căn cơ, nên thôi không giáo hóa, hoặc sẽ bị rơi vào lửa cháy. Văn đây không có danh từ: “buông bỏ”, nhưng trong thí dụ và trong văn làm cơ sở cho thí dụ, thì ý thôi hóa rất rõ ràng. Văn thôi hóa độ có hai: Một là ghi chép ba thí dụ trước và sau, Hai là chánh hợp thôi hóa. Ghi một thí dụ trước chánh ghi chép hợp với ý thôi hóa, ghi chép hai thí dụ sau phụ thêm thành ý thôi hóa. “Dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng”, đây là ghi chép thí dụ bên trên: “tay thân cứu con không được”, để hợp với nghĩa thôi hóa độ. Đức Như Lai cũng thôi hóa Đại thừa. Từ “Chỉ ân cần phương tiện” trở xuống là ghi chép dụ cho ba xe. “Sau đều ban cho xe báu”... ghi chép thí dụ thứ ba trước đồng ban cho xe lớn: Từ “Đức Như Lai cũng lại như vậy” cho đến “mà chẳng dùng đến”, gồm mười sáu chữ trong bản Hán văn, chính hợp với ý thôi hóa thứ ba. Từ: “Chỉ dùng trí tuệ phương tiện” trở xuống, hợp dụ dùng xe cứu được. Văn trên có bốn, văn đây cũng chia làm bốn: “Chỉ dùng trí tuệ”... trở xuống, là hợp thứ nhất bên trên: dự định dùng ba xe. Từ “Vì chúng sinh thuyết tam thừa” trở xuống, hợp với ý thứ hai bên trên: biết tâm trước của các con. Từ “mà bảo rằng” trở xuống, hợp với ý thứ ba bên trên: tán thán ba xe hi hữu.

Trên có khuyến chuyển, thị chuyển, chứng chuyển, nay cũng hợp đủ nhưng không theo thứ tự. Thứ nhất, hợp thứ hai trên. “Các ông không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới...” là chỉ chỗ Tận trí và Vô sinh trí, “tam giới” là chỉ bày Khổ đế, “chớ tham đắm sắc... thô hèn” cho đến “sinh ái nhiễm” là chỉ bày Tập đế, “mau ra khỏi ba cõi” là chỉ bày diệt đạo, diệt đạo tức là chỉ bày ngoài tam giới có quả Tam thừa Trí Đạo, cho nên khiến họ mau ra khỏi ba cõi sẽ đắc tam thừa. Tam thừa chính lấy đạo diệt làm thể. “Ta nay vì các ông mà bảo đảm việc đó quyết không

hư dối” là câu thứ hai hợp với ý thứ ba bên trên, quyết cùng chứng đắc không hư dối. Từ “Lại bảo: “các ông nên biết...” trở xuống, là câu thứ ba hợp với ý thứ nhất trên, tán thán việc hiếm có. Tam thừa như đây là phương tiện của chư Phật, là nghi thức dẫn dắt chúng sinh cho nên được các bậc thánh khen ngợi, đặc Vô sinh trí gọi là “tự tại”, đặc Tận trí gọi là “không bị ràng buộc”. “Sự sinh ra ta đã tận, không còn bị thọ thân đời sau” gọi là “không còn nương tựa”, việc làm đã xong phạm hạnh đã lập, gọi là “không còn tìm cầu”. Từ “Nếu có chúng sinh nào trong có trí tánh” trở xuống, hợp với thí dụ thứ tư nói phù hợp sở nguyện của con. Trên có bốn địa vị Chân thật, Tương tự v.v... nay hợp cũng bốn, nhưng trên Tổng, đây Biệt. Tam thừa đều chia làm bốn, đều dẫn thí dụ trên đến nay ghi chép hợp. “Trong có trí tánh” tức xưa kia tu tập tam thừa và ưa muốn, trở thành trí tánh tam thừa cho nên đức Phật dạy giáo tam thừa. “Trong có trí” cho đến “theo Phật nghe pháp tín thọ”, là hợp dụ trên nói “nghe cha nói cho những đồ chơi tốt đẹp phù hợp sở nguyện của con”, hợp với Văn tuệ trên. “Ân cần” hợp trên nói “tâm đều mạnh mẽ” là Tư tuệ, “tinh tấn” hợp trên nói “xô đẩy”(suy bài). Suy là suy lý, bài là bài bác ác. Ác trừ cho nên “tinh”, lý sáng cho nên “tấn”, hợp với Tu tuệ bên trên. “Muốn mau ra khỏi”... hợp với trên “cùng đua nhau ruổi chạy”, “đó gọi là Thanh văn thừa” hợp với vị thứ tư bên trên: “tranh ra khỏi nhà lửa”. Tam thừa tu hành đều có bốn thứ này. Bích-chi-phật “câu tự nhiên tuệ”, Bích chi là người hành theo pháp, là ít theo người khác nghe pháp, phần nhiều tự suy tìm nghĩa, cho nên chọn dụ như xe nai, nai không nương người. “Tự nhiên”, là từ cửa mười hai duyên mà vào, cửa này vốn tự có, chẳng phải do Phật hay trời người làm ra, cho nên gọi là “tự nhiên tuệ”, không do nghe từ người khác, gọi là “tự nhiên tuệ”. Bồ-tát gọi cửa đó là Nhất thiết trí, không đồng hàng nhị thừa thì mới là Phật trí. Bồ-tát mong tu nhân này, tức là ý xe lớn và vận chuyển.

Từ “Như trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa” trở xuống là hợp dụ thứ ba bên trên: đồng ban xe lớn. Văn trên có bốn nghĩa:

1. Thoát nạn.
2. Đòi xe.
3. Đồng ban cho.
4. Vui mừng.

Nay lược không hợp với nghĩa thứ hai và thứ tư, chỉ hợp nghĩa Thoát nạn có cả Đòi xin xe, và hợp nghĩa Đồng ban cho có cả Vui

mừng. Nay ghi chép hai dụ Thoát nạn và Ban xe, rồi sau hợp hai thí dụ. “Như trưởng giả kia” trở xuống, là ghi chép Thoát nạn. “Ông tự nghĩ: ta của giàu vô lượng” trở xuống, là ghi chép Đồng ban cho xe. Từ “Như Lai cũng như vậy” trở xuống, là hợp dụ Thoát nạn. “Cửa” có ba nghĩa: Nghĩa nhập, nghĩa xuất, nghĩa biệt. Nếu như ba cõi là nhà lớn rộng (trạch), ngũ ấm là quán trọ (xá), thì do mê sắc tâm mà nhập sắc tâm, tức là vào nhà mà sinh tử là cửa. Nếu xuất ra khỏi nhà là xuất khỏi ba cõi, thì theo Thông giáo của Phật, lấy sở thuyên làm cửa. Nếu nghĩa Biệt, thì theo Biệt giáo của Phật lấy sở thuyên làm cửa. Nay nói “cửa Phật giáo” chính là hai giáo: Tạng giáo và Thông giáo, mà Lý trong hai giáo đó cùng làm cửa để ra khỏi ba cõi mà thoát nạn. Từ “Bấy giờ đức Như Lai liền nghĩ” trở xuống, là hợp dụ đồng ban cho xe. Trên nói đồng ban xe thì trước là nêu hai chương môn.

1. Phần nói rộng.
2. Giải thích xuất ra.

Nay hợp thì lược bớt, vì văn ít nên không có thứ lớp. Từ “Đức Như Lai khi ấy liền nghĩ ta có vô lượng trí tuệ, lực” trở xuống, là câu thứ nhất hợp với ý thứ tư bên trên: nguyên do có xe. Trên nói: “của giàu có vô lượng các thứ kho tàng đều đầy ngập”. “Các chúng sinh này đều là con của ta” là câu thứ hai hợp với ý thứ năm trên, nói “tâm rộng rãi bình đẳng”, trên nói “của cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu mà cho các con”. “Chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sinh diệt độ”, đâu chẳng hợp với nghĩa tâm bình đẳng? “Những chúng sinh đã thoát khỏi ba cõi đó”, là câu thứ ba hợp với chương môn thứ nhất trên nói tâm bình đẳng, trên nói: “đều đồng ban một thứ xe cho các con”. “Pháp thiền định giải thoát của chư Phật...” là câu thứ tư hợp với chương môn thứ hai: nêu xe. “Đều là một tướng một loại” là câu thứ năm hợp với ý thứ ba bên trên, chính là rộng nói về xe lớn, cùng hợp với nghĩa “cao rộng” bên trên cho đến “lại có đông tôi tớ theo hầu hạ”. “Một tướng” là thật tướng, tức là Pháp thân. “Một loại” là chủng trí, Bát-nhã năng sinh lạc tịnh diệu, “lạc” tức không còn khổ, gọi là Giải thoát. Tam đức cao rộng đầy đủ trang nghiêm, thu nạp các đức, gọi là Ma-ha-diễn, hợp dụ xe lớn bên trên. Từ “Như trưởng giả kia ban đầu dùng ba xe dẫn dụ con” trở xuống, hợp với thí dụ thứ tư không đối gặt bên trên. Phần đáp ở trên có hai:

1. Toàn thân mạng.
2. Không trái bản tâm.

Mỗi phần có ba ý. Nay chỉ hợp phần Không trái bản tâm bao gồm

đắc toàn thân. Vì sao bản ý của Phật là trừ ngã trước kia! Ngã trước đã tận, thì đại thiện tự đầy đủ.

Trên nói về Không trái bản tâm có ba ý:

1. Nêu.
2. Giải thích.
3. So sánh.

Nay chỉ hợp giải thích và hợp so sánh. Ban đầu nêu ba xe để dẫn dụ, sau ban cho xe lớn. Tiếp, hợp với “đức Như Lai ban đầu thuyết tam thừa dẫn dắt chúng sinh, rồi sau chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát”, đây là hợp giải thích Không trái bản tâm, trên nói trưởng giả suy nghĩ ta nên dùng phương tiện khiến cho các con được ra khỏi. Từ “Vì sao?” trở xuống, hợp ý thứ ba trên, nói so sánh vượt ra khỏi không đối gạt, tức là “trưởng giả tự biết của giàu vô lượng muốn làm lợi lạc cho các con”, cho nên hứa ba cho một chẳng phải là đối gạt. Đây giải thích có chút ít sai khác đối với trước. Trước ý là khiến các con thoát ra được, ý không ở chỗ ba xe, đã ra khỏi mà không cho ba xe thì cũng chẳng phải đối gạt. Nay nêu rõ Như Lai xuất thế vốn muốn thuyết Đại, nhưng vì hàng tiểu trí ưa đắm ba cõi, cho nên dùng phương tiện dẫn dắt mới được ra khỏi, đã ra trở lại ban cho Đại thừa tức xứng hợp với bản tâm, cho nên nói “có thể ban pháp Đại thừa cho tất cả chúng sinh, chỉ vì chúng sinh không thọ được hết”. Nếu trong thời Hoa Nghiêm, thì có thể thọ, tức là ban cho Đại thừa không đợi khai một làm ba. Vì không thể thọ, cho nên “các đức Như Lai dùng sức phương tiện ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba”. Nói thành ba đó là do chúng sinh, chẳng phải bản ý của Phật. Cho nên, dùng đây để giải thích “Không trái bản tâm, không đối gạt” vậy.



VĂN CÚ DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6

(Phần Thượng)

Phần thứ hai: Kệ có một trăm sáu mươi lăm hàng, chia làm hai phần: Phần một: một trăm hàng, tụng phần trường hàng bên trên. Phần hai: sáu mươi lăm hàng, nêu phương pháp lưu thông kinh.

I. Văn trường hàng trên có khai thí hợp thí, kệ tụng cũng có hai: 1. Sáu mươi lăm hàng rưỡi, tụng khai khí; 2. Ba mươi bốn hàng rưỡi, tụng hợp thí. Sáu mươi lăm hàng rưỡi cũng chia hai:

1. Ba mươi ba hàng kệ, tụng Tổng thí.

2. Ba mươi hai hàng rưỡi, tụng Biệt thí.

Tụng Tổng thí có sáu ý, trong sáu ý chỉ tụng bốn ý mà bao gồm hai ý kia. Tụng nhà thì bao gồm ý chỉ có một cửa. Tụng năm trăm người thì bao gồm ý ba mươi người con.

Một câu đầu nêu trưởng giả, tức tụng vị hiệu trên, tức gồm cả danh hạnh tán thán đức, đã có đức của người lớn, tức biết danh hạnh vang khắp, được mọi người trong nước tôn kính, cũng biết đức độ tuổi tác trong ngoài đều cao, trong hợp với Bà-già-bà (Phật), tức vị hiệu, tự biết đầy đủ Trí đức Đoạn đức, từ bi vạn đức.

“Có một một nhà rất lớn”... trở xuống, ba hàng và một câu, là tụng dụ thứ hai bên trên nói về nhà, chia làm hai: Một câu đầu tụng nhà rộng lớn. “Nhà đó đã lâu, cũ” xuống ba hàng là rộng nêu ra thể của nhà nêu rõ tướng nhà chấy, cho nên biết đây là thể của nhà. Ba cõi từ vô thủy là “lâu”, chẳng phải nay mới tạo, gọi là “cũ”. Vô thường thấp kém, gọi là “xấu xa”. Cũng nói đầu, bụng, lưng là “phòng, nhà”. Niệm niệm tương tục vô thường gọi là “cao, nguy”. Có người nói Sắc giới là “phòng”, Dục giới là “nhà”. Không tránh khỏi rơi xuống gọi là “cao, nguy”. Mạng căn chống đỡ giữ gìn, như “gốc cột”. Quá khứ hành nghiệp là “nền móng”. Cũng nói: hai chân là “gốc cột”, ba tướng biến đổi là “gãy mục”, ý thức ràng buộc dụ như “trính xuyên”, các khổ hủy hoại như bị “xiêu vẹo”. Cũng nói xương sống là “trính xuyên”, mạch máu là “nền móng”, khi

suy yếu già cả là “nát rã”. “Vách phen”, có người nói bốn đại là “vách phen”, lớp da bọc ngoài là “đất bùn”. Bốn oai nghi bất chính là “sụp đổ”. Năm thức không thông minh, không làm chủ cảnh, là “rời khớp”. Cũng nói “vách phen sụp đổ” như lớp da nứt nẻ, mục nát, sắc trắng kiện tốt đẹp sạch sẽ ví như đất bùn còn ướt, già cả ví như bùn khô rơi lả tả, râu tóc già suy thì đều rơi rụng, như “tranh lợp sa tán loạn”, gân cốt già yếu chi tiết không níu kéo được ví như “kèo đòn tay rời khớp, bốn bề đều cong vẹo (Chuyên lữ sai thoát, Chu chướng khuất khúc)”. Ấn sư nói: Ba mươi sáu vật không hợp nhau làm chướng ngại cho nên nói “chu chướng”, ruột già, ruột non chẳng chịt uốn khúc nên nói “khuất khúc”. Chẳng những vô thường biến đổi mà cũng có bất tịnh khổ... cho nên nói “tạp uế đầy khắp”. Nay nói “chu chướng” là sáu thức, “khuất khúc” là sáu căn. Sáu thức duyên sáu căn chấp cảnh, khó khăn nguy hiểm cho nên nói “khuất khúc”. Sáu trần nhiễm sáu căn, cho nên nói “khắp đầy những tạp dơ”. Nhân duyên, Quán tâm hai phen giải thích.

Nửa hàng kệ nói: “Có đến năm trăm người” trở xuống, tụng ý thứ ba của thí dụ trên: “Năm trăm người”. Căn tánh Tam thừa là năm đường sở nhiếp, bao gồm dụ ba mươi người con.

Từ “Chim sí hiêu” trở xuống, có hai mươi chín hàng kệ, chính tụng ý thứ năm của thí dụ trên: lửa bốc cháy.

- Đây lại chia làm bốn phần:

1. Hai mươi hai hàng kệ, nêu việc trên đất, dụ cho cõi Dục bốc lửa.
2. Ba hàng rưỡi, nêu việc trong hang huyết, dụ cho cõi Sắc bốc lửa.
3. Hai hàng rưỡi, nêu việc trên không, dụ cho cõi Vô sắc bốc lửa.
4. Một hàng kệ, tổng kết nhiều nạn không phải một.

- Đây nói cõi Dục bốc lửa, lại chia làm bốn:

1. Mười bảy hàng rưỡi, nêu loại bị thiêu, dụ mười sử của chúng sinh.

2. Một hàng kệ, nêu nguyên do lửa bốc cháy, dụ nguyên do sinh khởi ngũ trước.

3. Hai hàng, chính nêu sức mạnh của lửa bốc cháy, dụ chánh khởi ngũ trước.

4. Một hàng rưỡi, nêu tướng bị cháy, dụ cho thọ bát khổ ngũ trước.

- Mười bảy hàng rưỡi ấy lại chia làm hai:

a. Mười sáu hàng đầu, chính nêu cảnh bị cháy.

b. Một hàng rưỡi tiếp, tổng kết.

- Mười sáu hàng tụng cảnh bị cháy lại có hai:

Sáu hàng nêu cảm thú bị thiêu, dụ năm độn sử của chúng sinh

Mười hàng tiếp nêu rõ quỷ thần bị thiêu, dụ năm lợi sử của chúng sinh.

- Năm độn sử chia làm hai:

1. Năm hàng rưỡi, nêu năm độn sử.

2. Nửa hàng, tổng kết

- Đây là phần đầu, năm độn sử chia làm năm:

1. Nửa hàng đầu, dụ Mạn sử, chúng sinh tự nâng mình khinh người, như tánh của chim chích trên cao nhìn xuống. Tám loại chim dụ cho tám mạn. Kinh Văn-thù Vấn nêu rõ tám kiêu, nay dùng phối hợp với tám loại chim. Mạnh mẽ kiêu ngạo như chim “Sĩ”, tánh kiêu ngạo như chim “hiêu”, giàu có kiêu ngạo như “điều”, tự tại kiêu ngạo như “thứu”, thọ mạng kiêu căng như chim “quạ”, thông minh kiêu ngạo như “chim thước”, hành thiện kiêu cần như chim “cưu”, sắc đẹp kiêu căng như chim “cáp”. Xâm lấn hiếp người khác là kiêu, tự tôn quý mình là kiêu, tự yêu mình là tham, ái người khác là dâm, tự phần hận là nhuế, phần hận người khác là sân, tự mê hoặc là ngu, mê hoặc người là si...

2. Nửa hàng tiếp, từ: “Loài ngoan xà...” dụ cho Sân sử. Sân có ba: Rắn “Ngoan” có độc mạnh, không xúc chạm mà phun độc, dụ cho phi lý sinh sân, loài “phúc yết (bọ cạp)”, xúc chạm thì chích nọc độc ngay dụ cho chấp lý mà sân. Loài “ngô công (rít)” dụ cho hý luận sân. Người đời nói loại có cổ màu đỏ thì gọi là “ngô công”, cổ không đỏ thì gọi là “du diên”.

3. Hai hàng tiếp, từ: “Loài thủ cung”... trở xuống, dụ cho Si sử. Si có tự mình khởi, tương ứng khởi. “Loài thủ cung” có một trăm chân, ngu si, dụ cho Độc đầu vô minh. “Vượn, chồn và chuột” dụ cho Tương ứng vô minh. “Các loài độc trùng dữ” do từ căn bản si sinh khởi các kết, nêu các sử tương duyên, hoặc duyên tam giới như “ngang dọc xen”, khởi lên nhanh chóng như “ruồi chạy”. “Chỗ phân tiểu” trở xuống, một hàng nêu cảnh tâm si chấp đắm, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, do si mê không hiểu biết nên ở trong đó mà chấp là tịnh v.v... sinh nhiễm đắm cho nên gọi là “Các loài trùng khương lang, bu nhóm ở trên đó”.(Khương lang là con bọ hung).

4. Hai hàng tiếp: “Cáo, sói ...” nêu rõ Tham sử. Tham có hai loại:

a. Hữu lực (có sức): là dùng uy thế đoạt lấy như loài “cáo sói”.

b. Vô lực: chỉ có thể theo người khác để cầu xin những thứ bỏ xấu,

như loài “dã can”.

“Gặm nhấm” là nêu tham chấp cảnh, dẫn vật hưởng về mình, ví như “gặm nhấm”. Không dùng đạo lý, ví như “dày đập”. Tham tâm chấp cảnh, hoặc chấp một thành, hoặc chấp một nước, kia có bờ ruộng, ví như “cẩn xé”. Cũng nói tham tâm chấp cảnh có dụng không dụng, có dụng nên chấp, ví như “gặm nhấm”, không dụng mà chấp, ví như “dày đập”. Lại, ít thì “gặm nhấm”, nhiều thì “dày đập”. “Xương thit bữa bãi ra” là tích tụ ngũ trần không biết dừng đủ. “Do đó mà bấy chớ đua nhau đến ngoạm lấy”, đây là tham có sức. “Ngoạm lấy không có sức” là dụ cho giặc vua. “Ốm đói và sợ sệt”: thường không biết đủ, ví như “đói”; cầu mà không được, ví như “ốm”; mưu tính đủ thứ tìm kiếm, ví như “sợ sệt”. Nên nói: người tham muốn nhiều thì dù giàu mà nghèo vậy. Ái tâm tham, tham “thịt” ngũ trần. Kiến tâm tham, tham “xương” đạo lý. Tìm cầu tri kiến cho nên nhiều sở giải, tức là “nhiều xương” nên bấy chớ đua nhau đến ngoạm lấy xương kia. Các kiến giải trong tâm thì chưa ăn được chánh pháp, gọi là “đói”. Không thể hàng phục đoạn kiến, gọi là “ốm”. Ở khắp nơi tìm cầu sự giải thoát, gọi là “sợ sệt”. Có người nói: “Ốm đói và sợ sệt” là dụ cho người tham hay mong cầu nhớ tưởng hy vọng trông mong.

5. Từ “Giành giựt cấu xé nhau” trở xuống, hai câu dụ do Nghi sử. Do dự hai bên, gọi là nghi. Chưa quyết định phải trái, gọi là “giành giựt”; ý cho là đúng, gọi là “cấu”; lại cho là sai, thì gọi là “xé”. “Gầm gừ gào sủa rân”, là phát ra lời nói quyết định lý phải trái.

Hai câu tiếp theo: “Nhà đó sợ đáng sợ...” là tổng kết ngũ độn sử bên trên.

Từ “Khắp chỗ đều có những” trở xuống, mười hàng nêu Ngũ lợi sử, chia làm hai: Nửa hàng đầu, tổng nêu lợi sử. Lợi sử duyên khắp năm ấm Tứ đế, cho nên nói khắp mọi nơi đều có. Quý thần thì có thần thông có trí, loài cầm thú thì không, cho nên dùng “lợi sử” dụ cho “quý thần”, “độn sử” dụ cho “cầm thú”.

- Chín hàng rưỡi tiếp, nêu chi tiết năm lợi sử chia làm năm:

1. Ba hàng đầu nêu “Dạ-xoa” là Tiệp-tật quý, ví như tà kiến bác không nhân quả. Người là quả báo thiện, ví như nhân quả xuất thế, không xen lẫn phiền não. Vì chúng bác không nhân quả, tức như ăn thịt người. “Các loài trùng độc dữ” là ác báo, như nhân quả thế gian xen lẫn các phiền não, bác bỏ không có lý này thì như ăn nuốt các loài độc dữ. “Ấp, cho bú sản sinh” là pháp thế gian, từ nhân tự loại mà sinh quả tự loại. “Đều tự giấu, giữ gìn” tức nhân năng có quả gọi là cất “giấu”;

chắc được không mất, gọi là “giữ gìn”. Lại, ăn thịt người là thiện độc, trùng độc là ác. Tâm tà kiến bác bỏ không có nhân quả thiện ác, ví như việc nuốt ăn. “Áp, cho bú sản sinh” là tổng nói thiện ác đều có cái dụng của nhân quả tương sinh. “Ăn đó no nê rồi” là kiến tâm thành tựu. “Tâm hung dữ thêm hằng”, tà kiến tăng rộng. “Tiếng mắng đánh chửi nhau”, là trong tâm thành tựu, bên ngoài hiện rõ ngôn giáo tức là tuyên bày pháp không nhân không quả, có thể khiến cho người nghe đọa lạc ba đường, cho nên nói “rất đáng sợ”.

2. Hai hàng rưỡi tiếp từ: “Những quỷ Cưu-bàn-trà” trở xuống dụ do Giới thủ. Cưu-bàn-trà là quỷ thắng, ví như hữu lậu thiện năng thắng các độc trùng. “Ngồi xồm trên đồng đất” là tu thập thiện giới năng sinh cõi trời Lục dục, là chỗ cao của Dục giới. Sự như “trên đồng đất”. Lại, ngoại đạo trì giới năng tu thiền định, ban đầu đắc định Dục giới hoặc đắc định vị lai, định vị lai chưa thoát khỏi Dục giới. Trên đỉnh Dục giới ví như “trên đồng đất”. “Hoặc cách đất một thước hai thước”, đắc định Sắc giới như “cách đất một thước”, đắc định Vô sắc giới như “cách đất hai thước”. Đắc lên các cõi trên, gọi là “đi qua (vãng)”, thoái lui rơi xuống gọi là “đi lại (phản)”. Khởi lên các Kiến chấp, che lấp tâm thanh tịnh, ví như “Buông lung cùng chơi giỡn, nắm hai chân của chó”. Có người nói: hủy báng không có nhân khổ, ví như “nắm lấy hai chân của chó”; Bác không có quả khổ, ví như “lấy chân đạp lên cổ”. Tập nhân xưa trở quả, ví như “âm thanh chó”. Lợi kiến bác bỏ, nói lý “không tập nhân, không đắc quả khổ”, ví như “Đánh cho la thất thanh”.

Giải thích theo Quán tâm: tu hành sáu quán hàng phục tâm tham. Tham không hành tựa như bị đoạn mất âm thanh(thất thanh), “chó” là dục tham, “hai chân” là giác quán. Giác quán qua lại thường ở nơi cảnh tham. Quán số tức, nghĩa là đình chỉ tâm năng trói buộc, là nắm được giác quán. Lại “đánh” là giác tham, nếu mạnh thì hướng đến cảnh bất tịnh, cho nên quán bất tịnh để hàng phục tham giác. Tham giác bề gãy hàng phục, ví như chó bị đánh vì vậy “la thất thanh”. Lại, nói quán bất tịnh ví như “đánh chó”, có thể sinh thiền định như chó bị “đánh cho la thất thanh”. “Đề chân lên cổ” như chó bị đánh mà còn vùng vẫy không phục, nên đề thêm chân. Cũng vậy, tham tuy dùng quán bất tịnh để đình chỉ, nhưng tham vẫn còn vẫn chưa tĩnh, lại dùng quán vô thường ví như “chân” để đề lên cổ, “cổ” dụ cho chấp thường, thì sinh sợ hãi thì tham giác không khởi. Lại nói: một khi hướng về chế phục tâm, ví như hướng xuống đất mà “đánh”. Thường buộc tại duyên, ví như “chân đề lên cổ”, khiến không khởi được. “Làm chó sợ để tự vui”, là do tu vô

thường giác ngộ tham tâm, ví như “làm chó sợ”, do vậy đắc thiên vị, gọi là “tự vui”.

3. Một hàng rưỡi, từ “Thân nó rất cao lớn” trở xuống, dụ cho Thân kiến. Theo chiều dọc, đời chấp ngã cả ba đời, gọi là “trưởng” (cao), theo chiều ngang chấp ngã khắp ngũ ấm, gọi là “đại” (lớn). Chấp ngã tự tại, không tu thiện pháp, tức không biết tầm quý cho nên nói “loã hình”. Dùng pháp ác để trang nghiêm, cho nên nói “hắc” (đen), không nuôi dưỡng công đức, cho nên nói “sấu” (xấu xí). Người chấp ngã thì không ra khỏi ba cõi, cho nên nói “thường trụ ở trong đó”. Chấp ngã tại tâm, phát ra lời nói có ngã tướng, cho nên gọi là: “rền tiếng hung ác lớn”. Hy vọng do nói như thế mà đắc đạo quả, cho nên nói “kêu la tìm món ăn”.

4. Nửa hàng, từ “Lại có các giống quỷ” trở xuống, dụ cho Kiến thủ. Cổ rất nhỏ tưởng chừng nguy hiểm đến sinh mạng mà vẫn bảo đảm thọ mạng, phi tướng vô thường mà chấp Niết-bàn, cho nên nói “cổ nhỏ bằng kim”.

5. Hai hàng tiếp, từ “Lại có các giống quỷ, Đầu nó như đầu trâu” trở xuống, dụ cho Biên kiến, suy tìm ngã đoạn thường. Nhị biên đoạn thường như đầu trâu có hai sừng, vì thân là Ngã, hay Ngã là thân, dựa vào Ngã kiến khởi biên kiến, ví như đầu có hai sừng. Lỗi chấp đoạn thường, năng đoạn thiện xuất thế, ví như “ăn thịt người”; hay đoạn thiện căn thế gian, cho nên nói “hoặc lại ăn thịt chó”. Hoặc có khi chấp thường, hoặc lại chấp đoạn, trước sau xoay chuyển, ví như “đầu tóc rối tung lên”. Chấp thường tức phá đoạn, chấp đoạn tức phá thường, ví như “Rất tàn ác hung hiểm”. Không có trí, định, ví như không có thức ăn thức uống để tự nuôi sống, nên nói “Bị đói khát bức ngặt”.

Một hàng rưỡi sau, từ “Dạ-xoa cùng quỷ đói” trở xuống, tổng kết tướng phiền não cõi Dục giới, cũng là tổng kết tướng lợi độn của chúng sinh. Đầu là tâm hữu lậu, thường không có đạo vị, cho nên nói “Đói gấp rảo bốn bề”. “Rình xem nơi cửa sổ” là tà quán lý “Không”, ngưỡng mộ đạo vị tuy lại quán sát mà tâm đắm chìm, phần nhiều không hiểu lý chánh, như dòm cửa sổ thấy Không, không thể được vô ngại.

Từ “Nhà cũ mục trên đó, thuộc ở nơi một người” trở xuống, một hàng kê nêu nguyên do không bị cháy. Tam Giới là chỗ của Phật hóa ứng, phát tâm rồi lại thệ nguyện độ thoát, cho nên nói “thuộc ở nơi một người”. Trưởng giả ở nhà hay khiến cẩn thận lửa, do ông đi ra khỏi nhà rồi, về sau các con không biết cho nên khiến lửa bốc cháy. Bên trong hợp với nguyên do chính, là vào thời đức Phật Đại Thông Như

Lại thường giáo hóa những người ấy, khiến cho hàng phược chúng sinh thời ngũ trước. Tuy cảm tận hết Như Lai dạy bảo, nhưng bỏ, nên những người này sau bèn khởi ngũ trước. Phật đến cõi khác hóa duyên, chẳng phải vĩnh viễn bỏ đi, cho nên nói “vừa mới ra”. Lại nói, từ khi đắc Vô sinh rồi thì không còn sinh trong tam giới, cho nên nói “ra”, không lâu lại đến cho nên nói “vừa mới”. Phẩm Thọ Lượng nói: “thường hiện Niết-bàn”, tức là ý nói “ra khỏi nhà”.

Từ “Rồi sau nhà cửa đó” trở xuống, hai hàng chính nêu rõ sức mạnh của lửa bốc cháy. “Bốn mặt”, tức là ở nơi “thân, thọ, tâm, pháp” đặng khởi Tứ đảo ngũ trước bát khổ, cho nên nói “nhất thời”. Liên tục tăng dần, gọi là “hừng hực”. Mạng căn đoạn, gọi là “nổ”, gió như dao “chẻ tách thân thể ra”(liệt). Lại nói, tiếng kêu la rên rĩ thương xót gọi là “tiếng nổ”. Hơi thở đứt đoạn, gân cốt chia lìa, như “nát gãy rơi rớt xuống”, tứ đại rã tan như “tường vách đều sụp đổ”.

Từ “Các loại quỷ thần thấy” trở xuống, một hàng rưỡi, nêu tướng bị thiêu. Hoặc nói thân thuộc là “quỷ thần”, khóc lóc là “tiếng kêu to”, nay theo lệ như trên dùng “lợi sử” để dụ cho “quỷ thần”. Người lợi sử hoặc chấp đoạn hoặc chấp thường. Nếu chấp thường, thì cho rằng pháp nhất định không; đã có rồi lại không, thì không tức là thường. Người chấp đoạn thì cho rằng pháp nhất định đoạn, chỉ có một đời này chết rồi thì không còn tiếp nối. Cả hai đều xướng lên định thuyết, thì việc kia đã hiển bày, cho nên nói: “đồng cất tiếng kêu to”. Nếu là độn sử và các giới thủ, thì vốn không chấp đoạn, nay thấy vô thường chỉ sinh nghi sợ, không biết phương pháp xuất ly cho nên nói “Kinh sợ chạy sảng sốt, vẫn không tự ra đặng”.

Từ “Loài thú dữ độc trùng” trở xuống, ba hàng rưỡi, nêu việc trong hang, dụ cho cõi Sắc giới bốc lửa. Các bộ giải nghĩa sân chung cả ba cõi, tức văn này vậy. Văn chia làm bốn phần:

1. Một hàng đầu, nêu loại bị thiêu. Định tứ thiên dụ như “lỗ hang”, dù không sánh bằng ngoài cửa mở rộng nhưng cũng còn có thể thoát khỏi lửa dữ, vào trong thiên định này cũng có thể thoát khỏi thô ác của Dục giới. Chúng sinh lợi sử cũng đắc thiên định này, như “quỷ Tỳ-xá-xà” cũng có ở trong đó.

2. “Vi phước đức kém vậy”, một câu, nêu nguyên do lửa bốc cháy, do phước ít nên gần ác gặp khổ.

3. “Bị lửa đến đốt bức”, một câu, nêu thế mạnh của lửa cháy, trong lỗ hang tuy không có lửa dữ nhưng vẫn bị hơi nóng bức nã, tứ thiên tuy không có ác Dục giới nhưng cũng có vị ái và khổ vi tế, cho nên

nói “Bị lửa đến đốt bức”.

4. Từ “Cùng tàn hại lẫn nhau” trở xuống, hai hàng nêu tướng bị thiêu đốt, nêu lợi độn lẫn đoạt lẫn nhau. Các sử chúng sinh đặc thiên thì đồng, nhưng sở chấp thì khác, khác cho nên xen lẫn phải trái, nên nói “tàn hại lẫn nhau”. Đã ở trong thiên khởi các kiến thì không thể phát sinh định tuệ vô lậu, chỉ chấp nơi sự im lặng, nên ví như “uống máu”, lại đấm năm chi, cho nên ví như “ăn thịt”. “Loài thú dã can” là tham ở Dục giới, định vị lai đã đoạn cho nên nói “đều đã chết trước”, cũng gọi là “ăn nuốt”. Tham thiên định như “đại ác thú” năng “nuốt” tham ở Dục giới. Tứ đảo, bát khổ ở Dục giới, ví như lửa dữ. Tứ đảo, các khổ ở Sắc giới, ví như “khói tanh”, cũng chung cả thân, thọ, tâm, pháp, tứ đại da thịt... cho nên nói “phủ bít khắp bốn bề”.

Từ “Loài ngô công, du diên” trở xuống, hai hàng rười, nêu Sự trong Không, dụ cho cõi Vô sắc lửa bốc cháy, chia làm hai phần:

1. Một hàng, nêu rõ loại bị thiêu.

2. Một hàng rười, nêu tướng bị thiêu.

Nhàm chán định cõi Sắc, vượt thoát hướng đến Vô sắc. Chán cảnh thô cõi Sắc, quán pháp Vô sắc, ví như loài rắn độc bị lửa cháy chạy ra khỏi hang. Như vậy, tức là sân chung cả ba cõi. Nếu đặc định Vô sắc, thì diệt các duyên thấp ở dưới, cho nên nói “liền bắt lấy mà ăn”. Nơi cõi trời Phi tưởng tối cao còn không thể tránh khỏi các khổ điên đảo, ví như “trên đầu lửa bốc cháy”. Cõi Phi tưởng cũng có lửa bát khổ, tâm sinh niệm sai khác, gọi là Sinh khổ, niệm niệm không dừng, gọi là Lão khổ; tâm hành nhiễu loạn làm ngăn ngại định, gọi là Bệnh khổ, thoái lui định, gọi là Tử khổ, cầu định không được, gọi là Cầu bất đắc khổ, cầu định không được ắt có chướng, tức Oán tắng hội khổ, tâm bốn ấm, tức ngũ ấm xí thanh khổ. Không thể liền đoạn hạt giống cõi Hữu-đánh, cho nên “trên đầu lửa bốc cháy”, không có vô lậu cho nên “đói khát rất nóng khổ”. Do luân hồi bao phủ sâu muện, nên “sảng sốt chạy quàng lên”.

Từ “Nhà lửa đó như vậy” trở xuống, một hàng, tổng kết tam giới nhiều nạn chẳng phải một.

Tụng tổng thí dụ đã xong.

Từ “Lúc bấy giờ chủ nhà đứng ở nơi ngoài cửa” trở xuống, ba mươi hai hàng rười kệ, tụng Biệt thí. Biệt thí có bốn, nay tụng chỉ có ba:

1. Hai hàng rười đầu, tụng trưởng giả thấy lửa.

2. Mười ba hàng, tụng bỏ ghế dùng xe, dụ cho tạm thôi Đại thừa, thiết lập Tiểu thừa.

3. Mười bảy hàng, tụng dụ ban cho xe lớn.
- Hai hàng rưỡi đầu, tụng thấy lửa, có ba:
 1. Năng kiến.
 2. Sở kiến.
 3. Khởi kinh sợ, trong đây tụng đầy đủ.

Ba câu đầu từ “Chủ nhà” trở xuống, tức là người năng kiến, bên trên nói “thấy”, đây nói “nghe”, dùng nghe thay vì thấy, nghe ắt từ người khác. “Đứng ngoài cửa”, chính là tụng ý bên trên: “Ta tuy có thể ở cửa nhà cháy mà ra ngoài được an ổn”. “Đứng” là tại pháp thân địa thường có tâm đại bi, vì muốn cứu độ chúng sinh nên không trú nơi tòa Đệ nhất nghĩa không. Xưa nói: Mười phương Phật bảo Phật Thích-ca rằng: “Các người con của ông có duyên ở trong tam giới”, tức là thiện căn sắp diệt. Lại, nói: “Chúng sinh có căn cơ cảm Phật, tức là vì người khác”. Nay nói: pháp là thầy của Phật, gọi là pháp Tam-muội. Pháp này làm thầy, tức là người khác. Nếu nhập Tam-muội, thì có thể thấy căn cơ. Vì Tam-muội khiến Phật thấy, cho nên nói “có người mách rằng”. Lại nói: Đại bi là người khác v.v...

Từ “Các người con của ông” trở xuống, một hàng một câu, tụng thấy lửa cháy.

Hỏi: “Con vốn chưa ra, tại sao nói “vì đạo chơi mà vào nhà này”?”

Đáp: Hoặc từng phát tâm, gọi là ra khỏi Tam giới, vì còn thoái lui trở lại nên gọi là “vào”, như người cất chân muốn ra khỏi cửa nhưng đến gần bên cửa mà trở lại thì cũng gọi là “ra” cũng gọi là “vào”. Lại nữa lý tánh vốn tịnh, không phải pháp của Tam giới, do vô minh mà khởi hý luận liền có sinh tử, cho nên nói “trước đây vì đạo chơi mà đến vào nhà này”. Đại thiện chưa tích chứa, nên nói là “thơ bé”. Bị vô minh che lấp nên “không hiểu biết”.

“Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa”. Hai câu này tụng “tức rất sợ hãi mà khởi tâm đại bi” bên trên.

Từ “Tìm phương nghi cứu tế” trở xuống mười ba hàng, tụng thí dụ bỏ ghế dùng xe, chia làm hai: Năm hàng rưỡi đầu, tụng thí dụ “cứu con không được” bên trên. Trong phần Khai thí bên trên có hai nghĩa khuyên và răn, trong phần hợp bên trên chỉ hợp khuyên, nay chỉ tụng răn. Văn răn có ba, nay tụng cũng có ba:

1. Bốn hàng rưỡi, tụng phần “ta sẽ nói sự sợ hãi nghĩ nghĩ” bên trên.
2. Từ “Các con nhỏ không hiểu” trở xuống, ba câu, tụng các con

không nhận lời răn.

3. Một câu: “Vui chơi mãi không thôi”, chính tụng dứt hóa. “Phương nghi”: là dự định dùng Đại thừa để giáo hóa. “Dù có nghe cha dạy” tức là nghĩa bên trên nói về các hoạn nạn, nghĩa là răn dạy. Chỉ một câu “Vui chơi mãi không thôi” là tụng trên nói “Cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi”, nghĩa là bỏ mặc cha khổ nhọc khuyên răn.

Từ “Khi ấy Trưởng giả kia liền nghĩ như thế này” trở xuống bảy hàng rưỡi, tụng thí dụ “dùng xe” bên trên. Trên có bốn:

1. Dự định thích hợp ba xe.
2. Biết tâm lúc trước của con.
3. Tán thán ba xe hiếm có.
4. Thích hợp sở nguyện của con.

Nay trong tụng chỉ có ba nghĩa, lược bớt nghĩa: “biết tâm lúc trước của con”. Ba hàng tụng đầu là dự định thích nghi. Từ “Bảo với các con rằng” trở xuống, ba hàng, là khen ngợi ba xe hiếm có. Bên trên có ba nghĩa: khuyên, chỉ bảo, chứng minh. Nay tụng cũng ba nghĩa đó và thêm nghĩa thứ tư là khuyên thành: Một hàng đầu tụng ý khuyên nhủ. Ba câu kế từ câu “Nào xe dê, xe hươu” tụng ý chỉ bảo. Một câu tiếp “Các con mau ra đây” tụng ý khuyên. Một hàng tiếp từ “Cha chính vì các con” trở xuống, là chứng minh. Từ “Các con nghe cha nói” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng hợp sở nguyện của con. Sáu câu này tụng tổng bên trên. “Rảo chạy” tức Kiến đế bên trên. “Đất trống” là địa vị Vô học bên trên.

Từ “Trưởng giả thấy các con được ra khỏi nhà lửa” trở xuống, mười bảy hàng kệ, tụng thí dụ đồng ban xe lớn bên trên. Văn trên có bốn:

1. Khỏi nạn.
 2. Đòi xe.
 3. Đồng ban xe lớn.
 4. Được xe hoan hỷ.
- Nay tụng cũng có bốn:
1. Năm hàng tụng khỏi nạn hoan hỷ.
 2. Ba hàng tụng đòi xe.
 3. Bảy hàng rưỡi, tụng đồng ban xe lớn.
 4. Một hàng rưỡi, tụng được xe hoan hỷ.
- Năm hàng tụng các con khỏi nạn lại có hai:

1. Một hàng, tụng khỏi nạn.
2. Từ “Ông bèn tự mừng rằng” trở xuống, bốn hàng tụng hoan

hỷ.

- “Ngồi tòa sư tử” có hai ý giải thích: 1. Các con ngồi tòa được ra khỏi tam Giới cho nên không còn sợ. 2. Trưởng giả ngồi tòa, thấy con được thoát nạn thì không còn sợ. Ban đầu ở ngoài cửa còn lo lắng cho nên nói là đứng, nay được ra khỏi cửa mới ngồi không sợ hãi. Cho nên, phẩm Phương Tiện nói: “nay ta vui vô úy”. Văn khỏi nạn đã xong “Ông bèn tự mừng rằng” bốn hàng, tụng trưởng giả hoan hỷ, như văn.

Từ “Khi ấy các người con, biết cha đã ngồi yên” trở xuống, ba hàng, tụng đòi xe, như văn.

Từ “Trưởng giả giàu có lớn” trở xuống bảy hàng rưỡi, tụng là thí dụ Đồng ban cho xe lớn bên trên. Văn trên có hai phần nêu chương, hai phần nói rộng, hai phần giải thích, hợp lại là sáu. Nay chỉ tụng bốn, không tụng phần nói rộng và phần giải thích tâm bình đẳng. Một hàng đầu siêu tụng thứ tư giải thích xe lớn. Nhà đầy đủ gọi là “khố” (kho), đất ruộng nhiều gọi là “tàng”. Hành đủ tất cả pháp, gọi là “tàng”, nhẫn nhĩ lực căn đầy đủ tất cả pháp, gọi là “khố”. Từ “Dùng các thứ vật báu” trở xuống sáu hàng, tụng nói rộng xe lớn. Tiếp hai câu tụng hai chương môn. “Đem xe đẹp như thế”, một câu, tụng chương môn xe lớn phần thứ hai bên trên. “Đồng ban cho các con”, một câu tụng chương môn tâm bình đẳng phần đầu bên trên.

Từ “Các con lúc bấy giờ, rất vui mừng hơn hở” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng các con được xe vui mừng. “Dạo đi khắp bốn phương” tức vận chuyển tuệ Trung đạo, theo chiều ngang dạo chơi khắp tứ chủng, Tứ môn, tứ chủng Tứ đế, theo chiều dọc dạo khắp bốn mươi một vị, rớt ráo bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh cho nên nói “vui chơi tự tại”.

Từ “Bảo Xá-lợi-phất này, Đức Phật cũng như vậy” trở xuống, ba mươi bốn hàng rưỡi, tức tụng Hợp thí.

Bốn hàng đầu tụng hợp Tổng thí, chỉ làm bốn ý mà bao gồm được sáu thí dụ. “Đức Phật cũng như vậy”, một hàng tụng hợp trưởng giả, nửa hàng trên tụng hợp vị hiệu, nửa hàng dưới tụng hợp danh hạnh, kiêm nghĩa tán đức. “Tôn cả trong hàng Thánh” bảy thứ phương tiện, “Cha lành của (chín loài) thế gian, tất cả chúng sinh đều là con của ta”, một bài kệ tụng hợp năm đường, nghĩa bao gồm ba mươi người con. Ba mươi người con là con duyên nhân, tất cả chúng sinh là con chánh nhân. “Ba cõi hiểm không an”, nửa hàng tụng hợp nghĩa nhà ở kiêm nghĩa được một cửa, “Các nạn khổ đầy đầy” một hàng rưỡi, tụng hợp thí lửa khỏi. Hợp tổng thí xong.

Từ “Đức Như Lai đã lìa nhà lửa ba cõi đó” trở xuống, ba mươi

hàng rưỡi, tụng hợp Biệt thí, trên tụng Khai không hư dối, nay tụng Hợp thì có. Ba hàng kệ đầu tụng thấy các chúng sinh bị sinh già v.v... là hợp thí dụ thấy lửa. Bên trên tụng dụ thấy lửa, vẫn có ba nay hợp cũng có ba:

1. Một hàng tụng Như Lai năng kiến bên trên, chính do nhân cư lạng lẽ vô tư lự, năng thấy các con đấm ngũ trước, tức hợp với “Nghe có người mách rằng”.

2. Từ “Hiện nay ba cõi này” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng trên thấy các chúng sinh bị sinh lão bệnh tử thiêu cháy, hợp thí dụ trên thấy cảnh lửa cháy. 3. Từ “Chỉ riêng một mình ta” trở xuống, nửa hàng tụng “Phật thấy việc này rồi suy nghĩ rằng” bên trên, hợp với “kinh hải vào nhà lửa”.

Từ “Dù là đã dạy bảo” trở xuống, bốn hàng, tụng thí dụ Bỏ ghế dùng xe, có hai phần: Một hàng, tụng bỏ ghế... Phần Khai thí có ba: Nghĩ nghi, Không có cơ duyên và Thôi giáo hóa. Nay một hàng kệ này cũng có ba ý: “Dù là đã dạy bảo”, một câu tụng Nghĩ nghi “Mà vẫn không tin nhận” tụng không có duyên, hai câu dưới tụng Thôi giáo hóa. Hoặc có thể hai câu dưới tụng ý không có duyên. “Rất sinh lòng tham mê” tụng “chưa thoát khỏi sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não” bên trên.

Từ “Bởi thế nên phương tiện” trở xuống, ba hàng tụng hợp thí “dùng xe cứu được con”, vẫn trên có bốn, nay chỉ tụng ba, hợp cũng có ba, lược bớt không hợp, “biết tâm trước của con”.

1. “Bởi thế nên phương tiện” một câu tụng trên “chỉ dùng trí tuệ phương tiện dự định muốn thích nghi”.

2. Từ “Vì chúng nói tam thừa” trở xuống, một hàng và một câu tụng hợp với ý thứ ba bên trên khen ngợi ba xe hiếm có.

3. Từ “Các người con đó thấy” trở xuống một hàng rưỡi, tụng hợp ý thứ tư trên “thích ứng sở nguyện”. Trên hợp tam thừa đều có bốn câu, nay thì tổng tụng. “Nếu nơi tâm quyết định”, là từ Khổ pháp nhẫn trở lên là chân quyết định, một câu này tổng tụng vị tam thừa rảo chạy. Từ “Đầy đủ cả tam minh” trở xuống, một hàng, đều tụng địa vị tam thừa tranh ra.

Từ “Xả-lợi-phất phải biết, ta vì các chúng sinh” trở xuống tám hàng, tụng hợp với thí dụ thứ ba trên “đồng ban cho xe lớn”. Văn trường hàng không hợp đòi xe và cùng hoan hỷ, tụng khai thì tụng đủ, nay hợp với ý đồng ban xe hoan hỷ, không hợp ý thoát nạn đòi xe. Bỏ trước lấy cuối cùng thành có hai văn, lại chia làm hai:

1. Năm hàng, tụng hợp “đồng ban xe”.

2. Ba hàng, tụng sau là hoan hỷ...

Trên hợp “đồng ban xe” có bốn, không tụng hai thứ kia, nay hợp lại lược bớt, chỉ hợp hai chương môn và phần thứ ba nói rộng “xe lớn”; lại tụng giải thích nguyên do có xe. Đầu tiên từ “Xá-lợi-phất phải biết” trở xuống một hàng, tụng chương môn về xe lớn. Văn trên nói “chư Phật thiên định”...Từ “Các ông nếu có thể” trở xuống, một hàng tụng hợp chương môn “tâm bình đẳng”, trên nói “các chúng sinh này được thoát khỏi ba cõi”. Từ “Phật thừa đây vi diệu” trở xuống hai hàng, tụng hợp chánh phần nói rộng về xe lớn, trên nói” đều nhất tướng nhất chủng v.v...”. Từ “Đủ vô lượng ngàn ức các trí lực giải thoát” trở xuống một hàng, tụng “nguyên do có xe” bên trên.

Từ “Chứng đắc thừa như thế” trở xuống ba hàng, tụng được xe hoan hỷ. Đây lại chia làm hai: 1. Hai hàng nêu đều được xe lớn. 2. Từ “Vì bởi nhân duyên đó” trở xuống, một hàng, kết khuyến tin. Nay hai hàng kệ đầu: “Ngày đêm”: ban đầu đắc tri kiến Phật, Trung đạo trí sáng như phần ngày, vô minh như ban đêm. Tự đắc Trung đạo trí, ví như ban ngày. Từ bi nhập dòng sinh tử, ví như ban đêm. Thường hành hai pháp nên nói “vui chơi”. Hàng tam thừa đồng nhập Phật trí, cho nên nói: “Cùng các hàng Bồ-tát cùng với chúng Thanh-văn”. Lại đây nêu rõ tự hành hóa tha, tự thù hoạch thừa này cho nên nói “ngày đêm đạo chơi”. Lấy đây hóa tha, cho nên nói “Cùng các hàng Bồ-tát cùng với chúng Thanh văn”, năng hóa tam thừa cùng cưỡi xe báu này. Tiếp đến một hàng nói nhân duyên Phật nói nhất thừa không nói ba thừa, ở trong mười phương cõi xét thật mà cầu “chỉ có một không hai, trừ Phật phương tiện thuyết” tức là không cốt ở nói năng. Người khác nói: Bồ-tát nếu không đòi xe, thì do đâu mà cưỡi xe hoan hỷ?

Từ “Bảo với Xá-lợi-phất, bọn ông các người thấy” trở xuống, mười tám hàng rưới; tụng ý thứ tư bên trên hợp với dụ “không hư dối”. Hợp bên trên có hai: trước nêu hai thí dụ, sau hợp không hư dối. Nay chỉ tụng hợp “không hư dối”.

- Văn chia làm hai:

1. Ba hàng rưới đầu, chính tụng hợp với chương môn không đối gạt.
2. Từ “Nếu có Bồ-tát nào” trở xuống mười hai hàng, tụng hợp giải thích không đối gạt. Thân-tử nêu thí dụ “xứng với bản tâm không đối gạt”. Cha muốn cho các con được thoát nạn, cho nên bày đặt ba xe, các con đã được thoát nạn, thậm chí không cho xe nhỏ cũng không trái với tâm trước kia, cho nên nói “không đối gạt” nêu rõ bản ý của Phật, tức chỉ muốn thuyết nhất nhưng vì chúng sinh ngu trước không chịu tự

nhận, cho nên thuyết tam; trước chương đã trừ, nên lại thuyết Nhất đại, tức xứng bản tâm.

Nay chương môn không đối gạt chia làm ba:

1. Một hàng trước định cha con, nêu rõ bản ý muốn cho Đại thừa cho nên vẫn nói “đều là con của ta”, theo lý nên bình đẳng cho xe lớn.

2. Từ “Các ông trải nhiều kiếp ” trở xuống một hàng nêu liền thuyết tam thừa, ý vì trừ chương cho nên nói “các ông trải nhiều kiếp bị các sự khổ đốt”.

3. Từ “Ta dù ngày trước nói” trở xuống một hàng rưởi, nói chương đã trừ, trở về bản tâm tham dự pháp Đại thừa, cho nên nói: “Nay việc phải nên làm, chỉ có trí tuệ Phật”.

- Từ “Nếu có Bồ-tát nào” trở xuống mười hai hàng tụng hợp thích, lại giải thích ba ý trước:

1. Hai hàng giải thích đều đồng là con, lý nên bình đẳng.

2. Từ “Nếu có người trí nhỏ” trở xuống bảy hàng, giải thích: không thể thọ nhận, cho nên mới thuyết tam thừa.

3. Từ “Kỳ thiệt chưa phải được” trở xuống, ba hàng, giải thích sau nếu có khả năng thọ nhận thì có thể trở lại cho pháp Đại thừa.

Nay hai hàng đầu, nói “Nếu có Bồ-tát nào”, là chúng sinh được Phật dùng Tam thừa làm phương tiện để hóa độ, đều là Phật tử kết duyên ngày xưa, cũng đều đồng có chân như Phật tánh, cho nên nói “đều là Bồ-tát cả”. Từ “Nếu có người trí nhỏ” trở xuống bảy hàng, nêu hạng trí nhỏ chương nặng không thể tin thọ, vì vậy nên dùng phương tiện khai Tam tiếp dẫn. Vì hạng trí nhỏ này mà thuyết Khổ đế, hàng Thanh văn ở trong tam thừa rất nhỏ, lại dùng Khổ đế làm sơ môn. “Chúng sinh nghe lòng mừng”, là xứng với nguồn gốc tu tập thì vui, vốn nhằm chán sinh tử tự cầu Niết-bàn, nay nghe xuất ly hiểu xưa có tu tập cho nên vui mừng. Trong đây chính nêu Hữu tác tứ đế. “Chỉ xa rời hư vọng”, vì vô minh đã là không thực, “Thông hoặc” phụ giúp vô minh khởi lên, cho nên gọi đó là “hư vọng”. Hữu tác tứ đế chỉ trừ “Thông hoặc” này, gọi là giải thoát, mới thoát Phần đoạn, mà chưa thoát Biến dịch cho nên chẳng được tự tại.

Từ “Kỳ thật chưa phải được” trở xuống ba hàng, giải thích: chương đã trừ, tình căn lại lợi, trở về bản tâm ban cho pháp Đại thừa. Đức Phật vốn muốn “giải thoát hẳn tất cả”, nay ông mới chỉ đoạn trừ Phần đoạn sinh tử, chẳng phải Đại Niết-bàn. Bởi vì chưa được giải thoát tất cả, trọn chưa xứng với bản tâm, cho nên nói “Ý của ta không muốn cho đó đến diệt độ”. Nay thì lại khiến đắc vô thượng đạo, nhập Đại Niết-bàn,

mới là cứu cánh xứng bản tâm Phật. “Giải thoát hẳn tất cả” tức là Vô tác Diệt đế. “Vô thượng đạo” tức là Vô tác Đạo đế. Dùng nhị đế phá Vô tác Khổ Tập. Xưa muốn thuyết điều này nhưng vì chúng sinh không kham nổi, nay chướng đã trừ nên mới thuyết điều này. Phật là đấng pháp vương, đối với pháp quyền thật đã được tự tại, khai tam hiển nhất thật, đâu có hư dối.

II. Từ “Xá-lợi-phất phải biết, pháp ẩn của ta đây” trở xuống sáu mươi lăm hàng kệ, khuyên tín lưu thông Tín, là tin Phật thuyết hay không thuyết. Khuyến, khuyến có thể thông suốt và không thể thông suốt. Đây có hai nghĩa này, cho nên nói “khuyến tín”. Văn chia làm hai.

1. Nêu hai chương.
2. Giải thích.

Một hàng đầu, nêu pháp Phật nói và không nói. Đức Như Lai nói pháp ẩn này, vì lợi ích thế gian cho nên “nói”. “Không nói” là hơn bốn mươi năm chưa đúng thời nói, năm ngàn người chưa rời khỏi pháp hội, cho nên không nói.

“Tại chỗ ông đi qua” trở xuống, nửa hàng, nêu chương có thể thông và không thể thông, là “Chớ có vọng tuyên truyền”. Đối kẻ ác mà gượng thuyết thì khiến họ rơi vào đường khổ. Đối người thiện mà không thuyết thì bỏ lỡ cơ hội, khiến họ mất lợi lạc. Nếu vì đại bi thương kẻ ác mà nói pháp, thì họ không thể lưu thông kinh. Nếu đại từ nghĩ đến người thiện thì họ cảm ứng có thể lưu thông, đó gọi là chương nêu có thể thông, không thể thông.

Từ “Nếu có người nghe đến” trở xuống, là phần giải thích, lại chia làm hai:

1. Tám hàng, giải thích có thể thuyết, không thể thuyết.
2. Năm mươi hàng rưỡi, giải thích có thể thông, không thể thông.

Tám hàng đầu, nêu tướng Như Lai làm lợi ích thế gian. Thông luận lợi ích ba đời, biệt luận khiến hàng nhị thừa nhập tín. “A-bệ-bạt- trí” là quán lợi ích hiện tại. “Đã từng thấy” là quán thiện quá khứ vì thuyết. “Tin chịu lời ông nói, thời chính là thấy ta” là quán thiện vị lai vì thuyết. Văn dưới nói: “Nếu tin hiểu sâu xa là thấy Phật thường ở núi Linh Thứu”, tức nghĩa ấy vậy.

Từ “Phật vì người trí sâu, thuyết Kinh Pháp Hoa này” trở xuống một hàng kết trên khai dưới, đức Như Lai quán sát biết lợi ích ba đời, thế nên vì họ mà thuyết. Người trí cạn không hiểu, thì không thuyết cho họ, đây là giải thích chương Như Lai nói và không nói.

Từ “Kẻ kiêu mạn biếng lười” trở xuống, giải thích chương nói hành nhân thông và không thông. Văn có hai:

1. Ba mươi sáu hàng rưỡi đầu, nêu nếu dùng Đại bi môn thì đừng vì kẻ ác mà thuyết, trước dẫn tâm số ác ắt khởi ác phỉ báng, thâm hoạch quả báo ác, cho nên vì đại bi không thể thuyết cho họ. “Đoạn mất hạt giống Phật ở thế gian”, theo kinh Tịnh Danh thì coi phiền não là hạt giống Như Lai, đây là chấp tánh cảnh giới. Kinh Đại Phẩm thì dùng Nhất thiết chủng trí học Bát-nhã, đây là lấy liễu nhân Phật tánh làm Phật chủng. Kinh Niết-bàn thì dùng lý tâm tánh chẳng đoạn, đây là lấy chánh nhân Phật tánh làm Phật chủng. Nay kinh nêu “tiểu thiện thành Phật”, đây là lấy duyên nhân làm Phật chủng. Nếu không tin “tiểu thiện thành Phật” thì đoạn Phật chủng thế gian.

Từ “Nếu có người lợi căn” trở xuống, mười chín hàng, giải thích khi hoàng kinh dùng tâm Đại từ vì người thiện mà tuyên thuyết, khiến họ không mất lợi lạc. Xét rằng hoàng thông kinh thì cốt yếu hài hòa hai môn khiến kia hiểu được, tức khéo lưu truyền, nếu không được thì là vọng tuyên truyền. Văn có hai: 1. Mười bảy hàng, có năm cặp, mười tướng người thiện riêng có thể vì họ tuyên thuyết. 2. Hai hàng tổng kết nên thuyết. Năm cặp: “Quá khứ- hiện tại” là một cặp, “lợi căn” là hiện tại, “Trông các cội đức lành” là quá khứ. “Học rộng và nhớ dai” là hiện tại. “Thấy trăm ngàn ức Phật” là quá khứ. “Thượng hạ” là một cặp thứ hai, tu từ là thương xót người dưới, cung kính là tôn trọng người trên. “Nội ngoại” là một cặp thứ ba, xả ác gần gũi thiện là cầu bên ngoài, giữ giới như giữ hạt châu là gìn giữ bên trong. “Tự hành, hóa tha” là một cặp thứ tư, chất trực kính Phật là tự hành, thí dụ thuyết pháp là hóa tha. “Thủy chung” là một cặp thứ năm, cầu pháp khắp bốn phương thỉnh ích, là “thủy”, cúi đầu lãnh thọ chuyên tu, là quay về nương tựa, gọi là “chung”...

Từ “Bảo cùng Xá-lợi-phất” trở xuống hai hàng, tổng kết: thiện tín rất nhiều, lược nêu mười tướng trạng, chỉ bày phương pháp lưu thông. Hiển bày hai môn Từ Bi, có thể thông và không thể thông, là chủ yếu.

Phẩm Thứ 4: TÍN GIẢI

Có người nói: Tín giải ba pháp: Nghĩa là: Nhất vãng hóa (một lần đã hóa độ), Tùy trực hóa (theo đuổi hóa độ), Tất cánh hóa (cuối cùng hóa độ). Xưa thuyết Đại là Nhất vãng, trái với đại sau là Tùy trực, cha con gặp nhau là Tất cánh. Lại, nói Nhân thiên thiện là Nhất vãng, thuyết Tiểu thừa cùng Pháp Hoa là Tùy trực, thuyết Pháp Hoa đặc thọ ký là Tất cánh. Lại, sơ thuyết Nhị thừa là Nhất vãng, chuyển giáo là Tùy trực, Pháp Hoa là Tất cánh. Lại, chuyển giáo là Nhất vãng, trái qua Phương đẳng là Tùy trực, ngộ Nhất thừa là Tất cánh. Lại, thuyết Pháp Hoa là Nhất vãng, Thập địa thường giáo hóa là Tùy trực, đến Kim cang tâm là Tất cánh. Lại, kết liền với Tứ hoàng thế nguyện (kết Tăng-na) là Nhất vãng, trung gian là Tùy trực, đắc Phật là Tất cánh. Riêng cho rằng: các sự hiểu biết lớp lớp như trên, chồng chất như ngọc vụn, chẳng phải bảo vật. Nhất vãng thì chẳng phải bản hoài, Tất cánh là tông cùng cực. Thuyết Nhân thiên Nhị thừa là Nhất vãng, có thể chẳng phải bản hoài. Xưa vì thuyết Đại nay thuyết Pháp Hoa, ấy là Tất cánh, đâu được gọi Nhất vãng? Nếu Pháp Hoa Tất cánh mà lại thành Nhất vãng, nhân thiên Nhất vãng lại thành Tất cánh thì đại điên đảo. Lại, hàng Nhị thừa là Nhất vãng, thảo am nên phá, xưa Đại là Nhất vãng, buộc hạt châu cũng nên phá. Hoặc là một phá một không phá, một là Nhất vãng một chẳng phải Nhất vãng. Lại, nếu cha con tương kiến là Tất cánh, thì trước Tất cánh phải ngộ Nhất, tức là về sau Tất cánh không còn dùng. Nếu sau Tất cánh mới ngộ Nhất, thì cái Tất cánh trước như thế không phải là Tất cánh. Liên tiếp có ngăn ngại, cho nên nay đều không dùng.

Có người nói: Phẩm này là Tích. Vì sao? Vì Như Lai thành đạo đã lâu, cho đến trong thời gian giữa, dừng lại cũng là Tích. Riêng cho rằng: nghĩa lý đúng như thế, nhưng ở vẫn không thuận tiện. Vì sao? Phật chưa thuyết bản tích, thì sao bỗng vui mừng nhận lãnh? như chưa hội Tam đã phải ngộ Nhất v.v...

Nay giải thích phẩm: xét rằng căn cơ thì có lợi độn, hoặc có dày mỏng. Thuyết thì có Pháp thuyết, Thí thuyết. Ngộ thì có trước sau. Trước tòa Pháp Hoa thì cũng như oản đậu. Văn nói “Như Lai thuyết pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ ba pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đối với các pháp của Bồ-tát thì không một niệm ưa thích”. Ban đầu nghe lược thuyết thì động chấp sinh nghi, rộng nghe năm đức Phật thì mộng lung chưa hiểu. Nay nghe thí dụ thì vui mừng hơn hở, “Tín” phát “Giải” sinh, nghi trừ, lý sáng. Vui mừng là

Thế giới Tất-đàn, Tín phát là Vị nhân, nghi trừ là Đối trị, lý sáng là Đệ nhất nghĩa. Do nhân duyên đó, cho nên đặt tên phẩm này là Tín Giải. Lãnh thọ giáo từ Tiểu đến Đại, ban đầu đổi phàm thành Thánh, đều có thứ bậc. Nhưng Tiểu thừa Tín hành thì từ nghe mà sinh Giải. Khổ nhẫn phát sinh tín, thì gọi là hành. Pháp hành trải qua pháp quán sát. Khổ nhẫn phát sinh pháp, thì gọi là hành. Nếu người Tín hành chuyển nhập tu đạo, thì chuyển gọi là Tín giải. Người Pháp hành nhập tu đạo, thì chuyển gọi là Kiến đắc. Chuẩn Tiểu thừa hưởng về Đại cũng như đây. Hạng người trung căn nghe thuyết Thí dụ, ban đầu phá nghi- hoặc nhập Đại thừa Kiến đạo cho nên gọi là “Tín”, tiến tới nhập Đại thừa Tu đạo cho nên gọi là “Giải”. Văn nói: “Vô lượng trân báu không tìm cầu mà tự được”, “Chúng con ngày hôm nay, Mới thật là Thanh văn, Dùng âm thanh Phật đạo, Khiến tất cả đều nghe”. Nghe Viên giáo, nhập Viên vị, cho nên gọi là phẩm Tín Giải.

Bản Tích: Bốn đại đệ tử từ lâu nhập Đại thừa thành tựu Phật pháp, Tích môn dẫn trung căn chỉ bày ban đầu tín giải cho nên gọi “phẩm Tín Giải”.

Đây là đoạn lãnh giải, gần lãnh Nhà lửa, xa lãnh Phương tiện. Văn chia làm hai: 1. Kinh gia trình bày sự hoan hỷ. 2. Bạch Phật tự trình bày. Trước trình bày nội tâm, tiếp nêu sự cung kính bên ngoài.

Thiện Cát riêng xưng là Tuệ mạng. Ba người kia đều là “Ma-ha”, là Đại, là Tuệ. Riêng luận về Thiện Cát giải Không, Không Tuệ là Mạng, đây là căn cứ hành. Trong các trí tuệ của loài người thì trí tuệ Phật là bậc nhất. Phật lấy trí tuệ làm thọ mạng để chuyển giáo, là mạng của người trí tuệ cho nên gọi là Tuệ mạng. Ba đệ tử bị Tuệ mạng ít, chẳng dùng Không làm Tông yếu để tu hành. Đây là căn cứ vào giáo. Giải thích chữ “Ma-ha” thì như trước đã nói...

Nguyên do “hoan hỷ”, là xa nghe phương tiện, năm đoạn pháp thuyết. Kinh gia chỉ trình bày hai loại: nghe pháp hiếm có và nghe thọ ký. Hoặc có thể nghe pháp hy hữu trình bày bốn đoạn, thấy thọ ký là đoạn thứ năm. Nghe thấy như đây xưa nay chưa từng có, đó là nguyên do hoan hỷ. “Phát tâm hy hữu”, là trình bày gần nghe thuyết bốn phen thí dụ, thì tâm hy hữu phát. Tâm phát cho nên gọi là tín, do tín cho nên nhập, nhập vị Hoan hỷ, tức là ý của phẩm Tín Giải. “Từ chỗ ngồi đứng dậy” là trình bày ngoại kính, như văn. Theo lệ Thân-tử cũng nên ba nhiếp lãnh giải. Căn cứ phần trước thì có thể hiểu.

Từ “Bạch Phật” trở xuống, là miệng tự trình bày. Văn chia làm hai phần:

I. Trường hàng và bảy mươi ba hàng rười, chính trình bày được hiểu.

II. Mười ba hàng tán thán ân sâu của Phật. Sự hiểu biết đây do đức Phật, cho nên trước trình bày sau tán thán.

Trường hàng lại có hai: Lược Pháp thuyết và Rộng Thí thuyết.

- Lược lại có hai: 1. Pháp thuyết; 2. Lược nêu thí dụ.

- Pháp thuyết lại có hai:

a. Xưa theo Tam cho nên không cầu.

b. Nay hiểu Nhất cho nên tự được.

Trong không cầu có hai: Nêu và giải thích.

- Nêu có ba:

1. Đứng đầu chúng Tăng.

2. Tuổi đời già nua.

3. Chứng đắc.

“Đứng đầu chúng Tăng” là trong Phật pháp thì hạ lập cao, học theo pháp của Phật làm mô phạm bỗng thay đổi đường hướng bỏ Tiểu cầu Đại, bị hậu học chê gièm, tự cố gắng giữ gìn do đó không cầu tìm. Tuổi đời già nua, nếu làm Bồ-tát phải chuyên gánh vác Đại đạo, rộng độ chúng sinh, thì già yếu không thể gánh vác nổi, cho nên không tìm cầu. “Đã đắc Niết-bàn”, chánh vị vô vi không thể phát tâm Đại thừa, như cao nguyên đất liền thì không thể sinh hoa sen. Tận trí và Vô sinh trí đã lập, không còn chỗ nương cầu.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là giải thích ba thứ không cầu trên, vẫn không có thứ tự này. Trước giải thích ý đắc Niết-bàn nên không cầu. Tiếp đến, giải thích tuổi già, tức bao gồm đứng đầu trong Tăng, hoặc chỉ xưa nói pháp đã lâu mà không sinh tâm ưa thích. Giải thích đứng đầu Tăng chúng, không cầu: Đã nói “ngồi nơi tòa, lại tuổi già yếu” là biết giải thích đứng đầu Tăng chúng, giải thích không cầu thì như vậy.

Từ “Chúng con hôm nay ở trước Phật” trở xuống, là trình bày nguyên do được hiểu: Do xa nghe năm chương, lược, rộng, khai tam hiển thật, cho nên “vui mừng vì may mắn”. “Được thiện lợi lớn” là chánh nêu được hiểu; gần nghe bốn phen pháp thí dụ hy hữu mà được khai ngộ, khai ngộ thiện lợi.

Từ “Vô lượng trân bảo” trở xuống, là lược nêu thí dụ. Dụ cho xưa không cầu mà nay tự được pháp bảo hy hữu. Từ “Thế tôn! Chúng con hôm nay muốn nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó” trở xuống, là rộng lãnh giải; có khai thí và hợp thí, muốn khai trước hết hỏi han triển khai.

Thí dụ chia làm năm phần:

1. “Bỏ cha trốn đi” trở xuống, gọi là dụ “Cha con thất lạc nhau”, nghĩa gần là lãnh hội Tổng thí Nhà lửa, nghĩa xa là lãnh hội lược tụng của phẩm Phương Tiện.

2. Từ “Cùng tử làm thuê làm mướn” trở xuống, gọi là dụ “Cha con gặp nhau”, gần lãnh hội thấy lửa trong dụ Nhà lửa, xa lãnh hội “Ta dùng Phật nhãn xem thấy” trong phẩm Phương Tiện.

3. Từ “Liên sai người hầu đuổi theo gấp bắt lại” trở xuống, là dụ “Đuổi theo khuyển về”, gần lãnh hội bỏ ghế dùng xe trong dụ Nhà lửa, xa lãnh hội Đại dạy Tiểu trong phẩm Phương Tiện.

4. Từ “Qua đó về sau tâm tướng thể tín” trở xuống, là dụ “Cho con biết gia nghiệp”, đây chẳng phải lãnh gần xa như trên, chính là lãnh ý “nhớ lại dùng giáo Phương đẳng quở trách Tiểu thừa và Bát-nhã chuyển giáo”.

5. “Lại trải qua ít lâu sau, cha biết ý chí con” trở xuống gọi là dụ “Giao phó gia nghiệp”, gần thì lãnh ý ban cho một thứ xe lớn trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh ý ngay thẳng bỏ phương tiện trong phần Pháp thuyết. Lại, hợp phần thứ tư thứ năm lại làm một dụ “giao phó”, ở dưới lại nêu rõ ý kia.

Xưa cho rằng: Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương ví như Trưởng giả. Nay không quan niệm như thế, vì ở Tây phương Phật biệt duyên khác. Phật biệt, cho nên nghĩa ẩn hiển không thành; duyên khác cho nên nghĩa cha con không thành. Lại, kinh này từ đầu đến cuối hoàn toàn không có ý chỉ này như nhắm mắt xuyên tạc. Nay dựa theo văn phụ thêm nghĩa.

Nếu giải thích “cùng tử”, thì lấy nghĩa “người Nhị thừa” trong pháp môn Tiểu thừa để tiêu hóa kinh văn. Nếu giải thích “Trưởng giả”, thì chọn nghĩa Phật Lô Xá Na trong pháp môn Đại thừa để tiêu hóa kinh văn. Vì sao? Vì Trưởng giả ở trong nhà, cởi hết châu ngọc áo tốt, mặc áo thô xấu. Áo anh lạc có khác, còn người chỉ một. Dụ đức Phật Lô Xá Na ẩn vô lượng thần đức, hiện tướng một trượng sáu vàng sáng chói, tay cầm đồ hốt phân, thiết lập Tam thừa giáo. Ẩn hiển có khác, đâu có quan hệ gì đến thể biệt? Đức Lô Xá Na mặc áo, cởi áo gần mà còn không biết, thì Đức Di Đà ở xa sao biết thay đổi...

Đây là phần một: Dụ cha con thất lạc nhau, lại có bốn đoạn:

1. Con bỏ cha trốn đi.
2. Cha tìm kiếm con, giữa chừng dừng lại tại một thành.
3. Con gặp phải quê hương.

4. Cha nhớ thương lo lắng.

- Bốn đoạn mỗi đoạn đều có hai ý. Đoạn một có:

1. “Con bỏ cha mà đi”, là lãnh “Năm trăm người” trong Tổng thí (chữ “lãnh” nghĩa là hiểu được ý). Xưa đã kết cha con trong Đại thừa rồi lại quên, là hiểu chúng sinh lưu lạc trong năm đường cho nên nói: “hoặc mười năm hai mươi năm cho đến năm mươi năm”. Nói chung đều là con Phật, nhưng nghĩa con còn yếu ớt, cho nên nói “thơ đại”, chẳng kết duyên kỹ giới cho nên nói “ở lâu nơi nước khác”.

2. Hưởng bản xứ trở về, lãnh “ba mươi người con” trong Tổng thí. Đây vì có nghĩa tích chứa vi diệu cho nên nói “tuổi trưởng thành”. Vì đã trải qua khổ, liên quan lòng Đại bi của Phật, cho nên nói “gặp đường trở về nước mình”.

Đoạn hai: Cha tìm kiếm con, giữa chừng dừng lại tại một thành có hai ý: 1. “Cha tìm con không được”, lãnh “Trưởng giả” trong Tổng thí, từ sau khi chúng sinh thoái thất Đại thừa, dò xét cơ Đại thừa của chúng, thì thấy họ chưa hội được cho nên nói “không được”. 2. “Dừng lại tại một thành Nhà ông” là lãnh “nhà” trong Tổng thí. “Giàu có lớn” là lãnh ý “Trưởng giả đức nghiệp trong ngoài giàu có” trong Tổng thí.

- Đoạn ba: Người con đến thành của cha, có hai ý:

1. Nguyên do đến thành, lãnh hội tướng khổ não qua thí dụ lửa bốc cháy. Từ khi thoái Đại thừa về sau thì trải qua khắp nơi, đủ mùi cay đắng.

2. “Cuối cùng đến thành nơi cha ở”, tức là coi cái Khổ là cơ duyên hợp với Đại bi, cho nên nói: “cuối cùng đến thành nơi cha ở”.

- Đoạn bốn: Cha lo buồn và vui mừng, có hai ý:

1. Mất con nhớ khổ.

2. Được gặp lại con vui, lãnh “một cửa” trong Tổng thí, con đã nhỏ dại chọn cửa không đúng làm cho cha lo lắng, giới dùng cửa này để đi ra cho nên nói làm cho cha vui.

Phân chương đã xong.

- Giải thích văn: Ban đầu con bỏ cha trốn đi có hai:

1. “Thí như có người”, lãnh “hai mươi người con” dụ cho “hàng Nhị thừa”. Hạnh vị của Bồ-tát thì khó biết, hơn nữa đều đã lãnh. “Tuổi còn thơ đại”. Xưa nói: nghe pháp ít, gọi là “thơ đại”. Nếu như vậy thì văn dưới nói “trưởng thành” tức là nghe pháp nhiều?! Nay cho rằng: do vô minh sâu dày che lấp làm chướng ngại Tâm hiểu biết, tâm hiểu biết không đủ sức cho nên nói “thơ đại”. Thiệt căn huân tập gia bị dần dần cần phải tích chứa, gọi là “trưởng thành”. “Bỏ cha trốn đi mất”:

Thoái đại là “bỏ”, vô minh tự che lấp là “trốn”, hướng đến sinh tử là “đi mất”.

Hỏi: Đức Phật bỏ, lẽ ra về sau chúng sinh khởi Hoặc, tức là cha bỏ con chứ không phải con bỏ cha? Đáp: Do chúng sinh không cảm đến Phật bỏ thế gian, mà ngược lại thành nghĩa con bỏ cha.

“Ở lâu nơi nước khác”: Pháp giới Niết-bàn là cõi Phật của mình, sinh tử ngũ dục là “nước khác”. Vốn cầu xuất ly mà thoái đoạ không trở lại, cho nên nói “ở lâu”. “Hoặc mười” là Thiên đạo, “hai mươi” là Nhân đạo, “năm mươi” là Ngũ đạo (năm đường). Căn cứ nơi “một người” luân hồi khắp các đạo.

2. Từ “Tuổi đã lớn” trở xuống, là ý thứ hai: hướng trở về nước.

- “Thơ ấu” có hai nghĩa:

1. Si mê Tiểu thừa.

2. Chưa gặp khổ nên không biết trở về.

Dụ kết duyên về sau chưa hiểu nhiều về Đại thừa, như si mê không trở về, người thiếu phước thì đam mê không trở về. Nay tập nghiệp ngầm huân vi diệu biết đường hướng, gặp khổ mất vui tư duy mong cầu xuất yếu. Hai điều này làm cơ duyên hợp với Phật, gọi là “du hành dần dần tình cờ gặp đường hướng về bản quốc”. Văn trên nói: Nếu người gặp khổ thì vì họ thuyết Niết-bàn. Nếu ở hai đường thiện nhân thiên mà chẳng cảm Phật duyên, thì ở trong ba cõi không thấy Phật ví như cha, gọi là “cùng”. Không biết cách xuất yếu, gọi là “cùng”. Lửa bát khổ thiêu đốt, gọi là “khốn”. “Rong ruổi bốn phương để cầu ăn mặc”. Xưa nói: Nhân, Thiên ngũ giới thập thiện đều có nhân quả, coi đó là vật dụng bốn phương để tự cung cấp nuôi dưỡng, lại mưu sinh trong bốn loài (tứ sinh) để cầu ăn mặc.

Văn dưới nói: Một trăm ba mươi kiếp nay mới thấy được một lần, trong các kiếp ấy chẳng phải không có quả báo nhân thiên nhưng không năng cảm Phật. Cho nên, biết thiện đây chẳng phải cơ duyên để thấy Phật. Nay Phật chưa xuất thế, những người phạm phu khởi bốn kiến về thân thọ tâm pháp, ở trong đó cầu chánh đạo như “cầu ăn”, cầu trợ đạo như “cầu mặc”. Lấy “sự nhàm khổ mà cầu lý” làm duyên được độ. Khi đức Phật mới xuất thế, chúng ngoại đạo đều được độ trước, tức ý đây vậy. Đại Kinh nói: “Đế quán bốn phương dụ cho Tứ đế”. Căn cứ theo đây thì có thể biết.

“Du hành dần dần tình cờ gặp đường hướng về đến bản quốc”, là nói kia chán khổ hy vọng thoát tà cầu đắc Niết-bàn, tuy chẳng phải bản ý mà cũng nhờ đó được gặp Phật, cho nên nói “tình cờ gặp đường

hướng về bản quốc” như trên nói. Dưới đây nêu “thành, xá” làm sao phân biệt? Hết thấy Phật pháp là nước (quốc), nghĩa này thì rộng, nói “thành” thì nhỏ hơn và thân thiết hơn. Cõi “Đoạn đức Niết-bàn, ngăn ngừa điều trái chống lại việc ác” là “thành”. “Xá” là tự thân, đồng thể đại bi làm “Xa”.

Từ “Người cha từ trước đến nay tìm con không được” trở xuống, là đoạn hai: thí dụ “Tìm con, giữa chừng dừng lại tại một thành”, cũng chia làm hai:

1. Từ thoái Đại thừa sau tìm cơ duyên mà không gặp. Không gặp cho nên gọi là “không được”.

2. “Giữa chừng dừng lại tại một thành”, không vì một người con mà phế bỏ gia nghiệp, dụ cho Phật không vì một chỗ không có cơ duyên mà phế bỏ việc giáo hóa các phương khác. Xưa nói: Sau hai vạn đức Phật và trước Phật Thích-ca, thì giữa hai mốc thời gian này là “giữa chừng dừng lại”. Nay cho rằng nghĩa “giữa chừng” thì có thể như vậy, “dừng lại tại nước, thành nhà” thì đều không thể dùng. Nay chọn Phương tiện hữu dư độ là “nước”. Giữa hai cõi Đồng cư và Thật báo là “giữa chừng”. Hữu dư Niết-bàn là “thành” Trụ nơi thành Niết-bàn này gọi là “dừng lại”. Ở Niết-bàn này làm “nhà”, khởi hai ứng thân Thắng, Liệt. Liệt ứng thì ứng với Thanh văn, Thắng ứng thì ứng với Bồ-tát. Năm hạng người đoạn Thông hoặc, đồng sinh ở cõi Phương tiện hữu dư kia, đều là Bồ-tát. Phật dùng Thắng ứng thân mà ứng phó, thuận dùng gia nghiệp Đại thừa mà dạy bảo khiến tu học. “Giữa chừng dừng lại” ở đây là dò xét tìm con căn cơ ở cõi Đồng cư, không phải chỉ nghĩa “giữa chừng” được hợp, mà “nước, thành, gia nghiệp” thấy đều phân minh. “Nhà ông giàu lớn”: Cảnh thật tướng là “nhà”, đầy đủ vạn đức gọi là “giàu”, ngũ độ phước đức gọi là “của cải”, trí tuệ Bát-nhã gọi là “của báu”. Chỉ dẫn cho hết thấy biết Ma-ha-diễn, gọi là “vô lượng”. “Vàng, bạc, châu báu v.v...”. Là ba mươi bảy phẩm trợ đạo của Đại thừa. Đây tức lãnh hội nghĩa “trưởng giả đại phú” bên trên. “Kho đụn đầy tràn”, ở trong là “đầy”, ở ngoài là “tràn”. Nhiều lúa gạo gọi là “đụn (thương)”, nhiều vật gọi là “kho”. “Đụn” dụ cho thiền định, thiền phát sinh một trăm lẻ tám Tam-muội. “Kho” dụ cho thật tướng, có thể sinh mười tám Không trí tuệ. Tự nuôi gọi là “đầy”, ngoài giáo hóa gọi là “tràn”, lãnh hội nghĩa “có nhiều ruộng nhà” trong thí dụ trên. “Tôi tớ” là phương tiện tri kiến Ba-la-mật thấy đều đầy đủ, uyển chuyển tùy cơ duyên xứng sự xứng lý, đây là lãnh hội nghĩa trên: “lại nhiều người theo hầu hạ”. Căn cứ địa vị mà nói, Nhị thừa cho đến Thông giáo Bồ-tát, Biệt

giáo tam thập tâm đều như “tôi tớ”, Biệt giáo, Viên giáo Thập địa như “đại thần”(bầy tôi của vua), Thập hồi hướng như “trợ tá”, Thập hạnh như “tùy phái”, Thập trú như “dân”. Ban đầu vào cảnh giới Phật, là khách của Suất độ, đều là dân của vua. Tuy được làm dân, nhưng so với trợ tá, tùy phái thì còn cách xa. Thập hạnh trải qua việc biệt tu tập các pháp, chạy vạy đủ thứ như “tùy phái”. Thập hồi hướng thì sự lý sâu dần, chức vị gần bên vua như “trợ tá”. Thập địa phụ giúp đức Phật hành hóa, hàng phục ma quỷ, cho nên như “đại thần”. Nhất tâm tam quán như “voi”, vận chuyển Đại thừa Viên giáo. Thứ đệ tam quán như “ngựa”, vận chuyển Đại thừa Biệt giáo. Tức Không, Tích Không quán như “trâu”, vận chuyển Đại thừa Thông giáo... Tích pháp quán thì tự hành như xe hươu dê... vận chuyển pháp nhị thừa.

“Vô số” các pháp Quyển, Thật đều gọi là “xe cộ”. Quyển, Thật trí quán gọi là “voi, ngựa, trâu, dê”, chẳng những giáo pháp rất nhiều mà quán trí cũng lại “vô số”. “Xuất nhập” nghĩa là: hai mà không hai, gọi là “nhập”, không hai mà hai, gọi là “xuất”. Lại, không hai mà hai, gọi là “nhập”, hai mà không hai, là “xuất”. Vô lượng trở lại một, gọi là “nhập”, vô lượng trong một, gọi là “xuất”. Dụng hóa tha, gọi là “xuất”, dụng tự hành, gọi là “nhập”. Xuất pháp lợi ích chúng sinh gọi là “tức”, công sức hóa tha quy về mình gọi là “lợi”. “Khấp đến nước khác” tức khắp cả ba cõi, hành nơi phi đạo thông đạt Phật đạo tức là nghĩa ấy vậy. Chỉ có pháp tánh là nước mình mà thôi! “Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Các Bồ-tát là người buôn bán, lại nhập khắp ba cõi để cầu pháp lợi, cho nên nói “đông nhiều”. Bồ-tát cõi này đến cõi khác nghe pháp, Đại sĩ ở các phương khác đến đây nghe kinh, như buôn bán qua lại kiếm lời. Lại, hai thân Ứng, Hóa như khách bán, đem Thật pháp nhập khắp trong ba cõi, giáo hóa làm lợi ích chúng sinh khiến họ trở về pháp thân, cho nên nói “rất nhiều”, như người ở thế gian khiến người khác mua bán với mình, đôi bên cùng lợi.

Từ “Bấy giờ cùng tử kia dạo đến các làng xóm”, trở xuống, là đoạn ba: thí dụ con trở về gần cha. Đây cũng có hai ý:

1. Cầu cơm áo.
2. Đến thành cha.

Ý thứ nhất: bên trong hợp nghĩa thoái thất Đại thừa đã đầy đủ, gặp các sự khổ sinh tâm rất lo, chán muốn cầu ra khỏi, chấp lý, chẳng đúng dẫn đến thành tà tích. Vì tà tuệ đã trải qua, nên tâm dễ có thể nhập chánh, muốn cầu xuất thế là nguyên do cảm Phật. Quán sát năm ấm làm “làng xóm”, mười hai nhập làm “ấp”, mười tám giới làm “nước”,

trải qua đây để cầu lý gọi là “câu y thực”. Ý thứ hai: “Lần hồi đến thành chỗ cha ở”, đây là chánh hướng đến thành của người cha ở, cảnh khổ làm cơ duyên cảm Đại bi của Phật gọi là “đến thành”. “Thành” tức Niết-bàn, Niết-bàn chung cả Tiểu thừa và Đại thừa. Chúng sinh quen hiểu nghĩa có thể có được Niết-bàn, cho nên nói “đến thành”.

Từ câu: “Người cha hằng nhớ con” trở xuống, là đoạn bốn: dụ lo lắng nhớ đến con; đây cũng có hai ý: Ý thứ nhất: Khổ nhớ mất con, đức Như Lai từ xưa đến nay thường tư duy đến cơ duyên Đại thừa của con, cho nên nói “hằng nhớ”. “Hơn năm mươi năm” là năm đường. Trừ bỏ loài quỷ, vượt xuất loài Tu-la, nên gọi là “hơn”. “Chưa từng hưởng người mà nói việc như thế”: là chưa từng hưởng đến đại thần, trợ tá, tùy phái, dân (thần, tá, lại, dân) trong cõi Phương tiện hữu dư, mà nói có con cơ duyên như thế. Lại, từ khi ứng hiện ở đời về sau, từ xưa qua các thời Hoa Nghiêm, Phương đẳng, Đại Phẩm, ở các pháp hội đó chưa từng hưởng đến các Đại sĩ mà nói rằng: hàng Thanh văn này vốn là con của Đại thừa. Đã không phải con Phật thì không hiểu Phật pháp, hoặc như điếc như câm, hoặc dâng hoa kính lạy Tòa, hoặc bỏ bát mà mở miệng không biết gì, bao nhiêu thứ không theo kịp. “Ôm lòng hối hận”. “Hối” xưa kia không ân cần dạy bảo, để đến nỗi chúng không được dạy mà trốn bỏ đi, “hận” con không nghĩ đến ân nghĩa, xa lạ với cha mà thân cận người khác. Trong hợp với Như Lai “hối” không ân cần khiến nhập nội phạm đến nỗi thoái thất bản giải; “hận” chúng vô tâm không thể tinh tấn cố chí mà bỏ trốn, mê muội không trở lại, cho nên nói “hối hận”. “Tự nghĩ mình đã già yếu”: Kỳ hạn hóa đạo sắp hết mà không có người để truyền trao pháp Đại thừa, như người thế gian già yếu mà không có con.

Hỏi: Đối tượng được Pháp thân giáo hóa là các Bồ-tát đều có khả năng Bồ xứ, thì cần gì phải lo sợ?

Đáp: Đối tượng được Pháp thân giáo hóa, vốn không có hưng phế, sao lại bàn luận về việc già yếu? Đây chẳng phải điều đáng luận bàn.

Nay nêu rõ quyển thuộc Hóa thân có hai thứ:

1. Pháp thân đại sĩ hiện tướng làm chúng ảnh hưởng trong pháp hội kia, tích tụy là đệ tử, nhưng bản thì có khi là thầy, cũng không cần cứ đây tự nghĩ già yếu.

2. Phạm phu ở cõi Đồng cư, bắt đầu theo hóa Phật đến sơ phát đạo tâm, gọi đây là con. Con kế tiếp gia nghiệp của cha, nối dõi giống nòi không dứt. Nếu Thân-tử thọ quyết định làm Hoa Quang Phật, thì hạt giống một phương Phật tiếp nối không dứt, gia nghiệp Đại thừa lần

lượt nối tiếp truyền phó. Nếu Thân-tử không có cơ duyên được hóa, thì tài pháp Đại thừa hiện không có phó chúc, thì chúng sinh đời sau hạt giống Phật nương cậy nơi nào? Vì già yếu nên cất tiếng than, chính là đây vậy!

Ý thứ hai: Từ “Ông lại suy nghĩ: Nếu ta gặp được con” trở xuống, là vui tìm gặp được con vì căn cơ có thể độ gọi là “được con”, được Phật thọ ký gọi là “giao phó pháp tài”, xứng với bản tâm, cho nên nói: “khóai lạc”. Lãnh hội Tổng thí bên trên đã xong.



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6 (Phần Hạ)

Từ “Lúc bấy giờ cùng tử làm thuê làm mướn” trở xuống, là phần hai: dụ Cha con gặp nhau. Gần thì lãnh hội nghĩa “thấy lửa” trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh hội nghĩa “ngũ trước” trong phẩm Phương Tiện. Có ba ý:

1. Nêu cùng tử làm thuê làm mướn, lãnh “thấy lửa cháy” trong dụ Nhà lửa và “thấy ngũ trước” trong phần Pháp thuyết.

2. Cha thấy con, lãnh “trưởng giả thấy” trong dụ Nhà lửa và “Dùng Phật nhãn thấy” trong Pháp thuyết.

3. Hoan hỷ thích ứng sở nguyện, lãnh hội nghĩa “kinh bố” trong dụ Nhà lửa và “khởi tâm Đại bi” trong Pháp thuyết.

Trong Pháp thuyết và Thí thuyết đều nêu cha trước thấy con, ở đây thì nêu con trước thấy cha. Căn cứ đức Phật tức trí tuệ linh thiêng sáng suốt, thì trước hết biết căn cơ rồi sau mới khởi ứng, cho nên nói cha trước thấy con. Nếu căn cứ chúng sinh, thì ắt trước có căn cơ sau mới ứng, cho nên nói con trước thấy cha. Cơ ứng bất khả tư nghì, không sau không trước, cho nên trước sau hỗ tương nêu ra. Dựa theo ý đó, nay để thuận tiện chỉ chia văn làm hai đoạn.

1. Con thấy cha.

2. Cha thấy con.

- Trong hai đoạn này mỗi đoạn có bốn ý.

Đoạn một: Con thấy cha, có bốn ý:

1. Nguyên do thấy cha, là do cầu y thực.

2. Nơi thấy cha, đứng cạnh cha.

3. Thấy tướng cha ngồi giường sư tử.

4. Sinh tâm lo sợ tránh, hối hận đến nơi này.

- Ý thứ nhất: Nguyên do thấy cha. Do chán khổ ưa vui, tìm cầu vị lý, tích tập dần dần, rốt cuộc thành thiện căn xuất thế, cho nên nói “làm thuê làm mướn lần hồi”. Dùng thiện căn này có thể gõ cửa từ bi của

Phật, cho nên nói “tình cờ đến nhà cha”. “Cha” dụ cho đạo hậu pháp thân, “Nhà” dụ cho vô duyên đại từ bi. Hai căn cơ Đại, Tiểu đều bám lấy nhà này, do có Đại cơ cho nên nói “xa thấy cha”, có Tiểu cơ nên nói “đứng ở cạnh cửa”. Nếu căn cơ chỉ có Tiểu mà không có Đại thì lẽ ra không thấy thân đặc tôn và cha không nên nói “tài vật của ta đầy kho tàng, nay có người để giao phó”. Nếu chỉ có Đại mà không có Tiểu, thì không nên đứng ở cạnh cửa và con không nên nói “đây chẳng phải là chỗ để ta làm thuê mượn kiếm được tiền vật”.

Nơi thấy cha tức đứng cạnh cửa. Nhị quán là phương tiện, tức hai bên cửa. Nếu căn cơ trong Viên giáo, thì chính diện cửa nhìn thẳng. Nhị thừa thiên chân, cho nên nói “cạnh cửa”. Chỉ vì Không Tam-muội thiên chân tuệ nhãn, cho nên đứng bên mà trộm nhìn pháp thân. “Xa thấy cha”, tức chánh kiến có hai thứ:

1. Gần thấy.
2. Xa thấy.

Nay nói Đại cơ bắt đầu phát, dẫn đến việc xa, cho nên nói là “xa”. Lại, căn cơ nhỏ thì chẳng nên giao phó, gọi là “xa”.

“Ngồi giường sư tử”: là Báo Pháp thân Viên giáo an trú nơi lý Không, không còn bị Thông hoặc, Biệt hoặc, tám ma... làm sợ hãi, cho nên nói “ngồi giường sư tử”. Kinh Hoa Nghiêm nói: Đệ nhất nghĩa không, tứ vô sở úy là “giường”. “Ghế báu đỡ chân”: Định tuệ làm “chân”, Thật để làm “ghế”, định tuệ vô sinh dựa cảnh chân như. “Bà-la-môn”, xưa gọi là dòng họ lớn cao quý lương thiện từ Bát địa trở lên.

“Sát-lợi”: Là từ Thất địa trở lại. “Cư sĩ” là nội phàm phu...

Xưa nói: trong kinh này nêu Pháp thân. Chẳng phải Pháp thân Bồ-tát thường trú, chính là ứng thân ở các cõi khác cũng sẽ ứng thân ở cõi này, tức là Pháp thân Bồ-tát cõi này vậy, cho nên có các người nội phàm bao quanh. Nay nói không như vậy. Nếu tác Phật phương khác, thì cha con căn cơ cảm ứng, thể dụng thoát khỏi sự chấp trước (trước thoát), đều không thành như trước nói. Lại không bao hàm Tiểu cơ, kế hợp Đại cơ cõi này, kế hợp cõi khác, cũng không nên kết Đại duyên ở nơi phương kia, kết Tiểu duyên ở nơi đây, cũng không nên kết cả hai tại đây, ứng cả hai tại kia, như vậy là đại hoặc loạn. Nay nêu Thắng ứng thân Bồ-tát tức thân đặc tôn Lô-xá-na là nơi Đại căn cơ kế hợp. Liệt ứng thân ứng với Tiểu thừa là thân một tượng sáu, mặc áo xấu là nơi Tiểu cơ kế hợp. Nay kinh nêu thường trú Đề-hồ cùng Niết-bàn đồng, Pháp thân viên đốn cùng Hoa Nghiêm đồng. Dụ trường giả oai đức đặc

tôn kẻ hầu người hạ, Sát-lợi Bà-la-môn đều cung kính bao quanh, thấy đều chỉ quyến thuộc trong Hoa Nghiêm đều không khác. Pháp tướng được thuyết như kia đã nói lại không sai khác. Bà-la-môn gọi là Tịnh hạnh, hàng quý tộc cao khiết tức là Đẳng giác Ly cấu Bồ-tát. “Sát-lợi” tức là dòng dõi vua chúa, là từ Cửu địa trở xuống Sơ địa trở lên. Cư sĩ giàu mà không tôn quý, tức tam thập tâm. Chân châu anh lạc, tức giới định tuệ, Đà-la-ni Tam-muội tứ anh lạc vậy. “Giá trị ngàn vạn” tức công đức của bốn mươi địa, dùng trang nghiêm pháp thân. “Các dân lại tôi tớ”, là khác môn mà rõ nghĩa, tức là thọ lãnh phương tiện giáo. Đoạn Thông hoặc, gọi là “dân”. Bẩm thọ Biệt giáo đoạn Thông hoặc, gọi là “lại”. Hoặc đồng môn rõ nghĩa, rốt cuộc là phương tiện Ba-la-mật. Trong đồng với thật trí, ngoài đồng với cơ duyên. Dụ như “lại dân”, có nghĩa là trong tôn phụng, ngoài sai khiến. “Tay cầm phất trần trắng”: tức là dụng quyền trí. “Tả hữu”: Hữu tức nhập dụng Không trí, phải bụi Tứ trụ. Tả tức nhập dụng Giả trí, phải bụi vô tri. Hai thứ này là phương tiện Trung đạo, cho nên nói “đứng hầu”. “Màn báu che trên”: là chân thật từ bi. “Treo hoa phan đẹp rủ xuống”: “hoa” tức Tứ nhiếp. “Phan” tức thần thông. “Nước thơm rưới đất”: Rót nước pháp thân rưới khắp đất tâm của các Bồ-tát, làm trôi đi các bụi bặm phiền não, cũng là nước định rưới tâm tán loạn. “Rải các thứ danh hoa”: là rải đầy bảy thứ hoa đẹp sạch nghĩa là: giới, định, tuệ, đoạn nghi, đạo phi đạo tịnh, tri kiến tịnh, đoạn tri tịnh. Giới: ba loại giới: nhiếp luật nghi v.v... Định: Thủ Lăng-nghiêm v.v... Tuệ: thật trí tuệ. Đoạn nghi: đã vượt qua cái nghi của nhị đế. Đạo phi đạo tịnh: hành nơi phi đạo thông đạt Phật đạo. Tri kiến tịnh: Trí đức viên mãn thấy rõ Phật tánh. Đoạn tri tịnh: Đoạn đức, thành tựu vĩnh tận vô minh. “Các vật báu trưng bày” là công đức chân thật khắp các địa. “Phát ra châu vào”, như trước đã giải thích... “Uy đức đặc tôn” là sắc tướng vô biên, tướng hải vô biên, lồng lộng rực rỡ. Nghĩa này phải như đức Phật Xá-na, đâu được giải thích khác ư!

Từ “Cùng tử thấy cha có thế lực mạnh” trở xuống, là ý thứ tư: thấy cha sợ tránh. “Lực thế lớn” trí đại cho nên gọi là “lực lớn”, thần thông đại cho nên gọi là “thế lớn”, như nghĩa “thân tay có sức mạnh” ở phẩm trên. “Sợ hãi”: hạng Tiểu cơ yếu kém khiếp sợ Đại đạo. “Hối hận vì đã đến đây”: tức Phật vốn muốn dùng Đại pháp, dự định là thích ứng, nhưng không xứng cơ, chỉ có ý thoái đại, cho nên nói “hối hận vì đã đến đây”. “Thầm nghĩ rằng”: trong cơ duyên tiềm ẩn ngầm có việc này, chẳng phải hiển bày đối diện thấy Thắng ứng thân. “Hoặc là vua hoặc là đồng vua”: Ma Ba-tuần là “vua”, bọn ma lính là “đồng”, nên nói là

“đồng vua”. Căn cơ Tiểu thừa đã đoạn dứt, mà đạo vô ngôn thuyết thì tuyệt sắc tượng, đã thấy tượng Thắng ứng thân chẳng phải thiên nhân sánh kịp, pháp được thuyết thì tướng khác xa nhị thừa, hàng tiểu trí đức mỏng chưa từng thấy nghe, liền cho đó là “ma”, là “do ma thuyết”. Lược khai tam hiển nhất, Thân-tử hồ nghi “E chẳng phải là ma giả Phật để náo loạn tâm ta”? Nếu ban đầu dùng Đại để hấp dẫn Tiểu, thì nghi Phật là ma, còn quá hơn ngày nay.

Lại nữa, Thắng ứng thân dụ cho trưởng giả. Trưởng giả tức tiêu biểu báo thân Phật, cho nên là “đồng vua”. Pháp thân là báo Sư. Sư tức như “vua”, trong các kinh phần nhiều gọi là vua kinh. Trí kế hợp với pháp, tức là trí và pháp đồng, cho nên gọi báo Phật là “đồng”. Đây chính là Đại thừa pháp báo, chẳng phải chỗ Tiểu thừa được lợi ích, cho nên nói “hoặc là vua hoặc là đồng vua” vậy.

“Chẳng phải là chỗ mà sức mình làm thuê làm mướn có thể kiếm được tiền vật”: Tiểu cơ không thể thọ Đại hóa. “Chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo, có chỗ cho ta ra sức làm để dễ kiếm áo cơm”: Kinh Tịnh Danh nói: “Có thể nhờ nghèo nàn mà tu đắc pháp”, là nói hạng thấp kém này vậy. Nhưng lý Không không phù hợp vạn đức, chẳng phải Như Lai tặng, cho nên nói “xóm nghèo”. Vì thiên Không thì xứng với tiểu trí, cho nên nói “có chỗ cho ta ra sức làm”. “Dễ kiếm áo cơm”(Y thực dị đắc): năng đắc hữu dư Niết-bàn, vô lậu y thực, hành hạnh là “y”, tuệ hạnh là “thực”. “Nếu như ta đứng lâu ở đây, nhờ họ bức bách ép sai ta làm”: hành đạo Đại thừa trải qua vô lượng kiếp cho nên nói “đứng lâu”. Ta vốn nhàm chán sợ sinh tử, nếu tu Đại thừa thì phải vào sinh tử, rộng học vạn hạnh, cho nên nói “bức bách”. Ta vốn ưa Tiểu thừa mà nay khiến ta phát tâm Bồ-đề Đại thừa, là “ép sai ta làm”. Xả bỏ Đại chấp Tiểu, cho nên nói “chạy mau”.

- Đoạn hai: từ “Lúc bấy giờ Trưởng giả” trở xuống, là dụ “Cha thấy con” cũng có bốn ý:

1. Nơi cha thấy con.
2. Thấy con liền biết.
3. Thấy con hoan hỷ.
4. Thấy con, hợp sở nguyện của cha.

Nơi cha thấy con: tức “tòa sư tử”, Pháp thân Như Lai ở cảnh đệ nhất nghĩa Không vô úy, chiếu rõ căn cơ.

“Thấy con liền biết”: Biết là chúng sinh đã kết duyên ngày xưa

“Tâm rất hoan hỷ”: Đức Phật thường xem xét căn cơ chúng sinh.

Nay căn cơ đến xứng hợp lòng từ, cho nên “hoan hỷ”, tức là lãnh hội

nghĩa pháp thuyết mà khởi đại bi. Nhà lửa thì rất sợ hãi, kia nêu ý cứu khổ cho nên nói “sợ hãi”. Đây nêu ý ban vui, cho nên nói “hoan hỷ”.

“Liên nghĩ rằng: Cửa cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó”: thấy con thích hợp sở nguyện. Xưa thấy chúng sinh thoái Đại chấp Tiểu, đến xóm nghèo cầu lương thực để nuôi sống rất khó khăn gian nan, thường muốn ban cho tài vật, nhưng không có căn cơ nên không được. Ngày nay căn cơ đến, xứng với Đại bi tâm, cho nên nói “cửa cải kho tàng nay đã có người giao phó”. “Ta thường nhớ nghĩ”: nêu người con kia chẳng những nghèo khổ không có của nhiều, lại còn lưu chuyển trong vòng sinh tử bị các khổ bức bách, vì lòng đại bi thương xót cho nên nói “thường nhớ nghĩ”. Dù muốn cứu vớt nhưng không có cơ duyên nên không thể cứu giúp, cho nên nói: “không sao gặp được”. Nay có thể độ chúng sinh có cơ duyên cho nên nói: “nay nó bỗng tự đến”. Xứng với tâm đại bi, cho nên nói: “rất hợp điều ý muốn của ta”. “Ta dù tuổi già vẫn còn tham tiếc”: giải thích nguyên do thích hợp sở nguyện, do sự giáo hóa một đời đã xong cho nên nói “tuổi già”. Chưa thấy đại cơ, nên pháp không có người ủy thác, đời sau chúng sinh nương vào đâu mà được giải thoát? Vì những người đáng độ cho nên nói “tham tiếc”. Nay căn cơ tự đến, không còn có sự lo nghĩ này, cho nên “rất hợp ý muốn của ta”.

- Phần thứ ba: từ “Liên sai người hầu đuổi theo gấp bắt lại” trở xuống, nêu dụ “Đuổi theo khuyển về”. Gần thì lãnh hội nghĩa “bỏ ghế dùng xe” trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh hội nghĩa “thôi Đại dạy Tiểu” trong Pháp thuyết. Văn đây chia làm hai:

1. Sai người hầu đuổi theo.

2. Sai hai người dẫn dụ. Trước đuổi theo lãnh hội nghĩa trên nói “thân tay có sức mạnh mà không dùng”, chỉ vì phẩm Phương Tiện nêu chung Giới (răn bảo) và Khuyên làm một, văn giải thích có ba: Nhà lửa khai Khuyển xuất Giới, giải thích mỗi mỗi chia làm ba, mà lược phần văn nói về buông bỏ. Trường hàng hợp Khuyển, không hợp Giới mà văn Thôi hóa lại nói rộng. Trong kệ, chỉ tụng Giới, không tụng Khuyển, lại không tụng ý Thôi hóa, đều có nêu ra và không nêu ra. Nhà lửa phần trường hàng thì Giới Khuyển giải thích mỗi mỗi có ba. Nay thì đều lãnh hội, tức “sai người hầu chạy mau qua bắt lại”, lãnh hội ý dự định thích nghi ở môn Khuyển bên trên, “cùng tử kinh ngạc” là lãnh hội ý trên: không có cơ duyên ở môn Khuyển. “Cưỡng dắt đem về” là lãnh hội ý trên: dự định thích nghi ở môn Giới, “cùng tử tự nghĩ vô tội” đến “ngất ngã xuống đất” là lãnh hội ý trên: không có cơ duyên ở môn Giới.

Từ “Người cha xa thấy vậy” trở xuống, là đều lãnh hội “thôi hóa” Khuyến, Giới. Đây là ý Phật muốn dò xét để áp dụng. Đức Phật tuy Khuyến môn dự định thích nghi không có cơ duyên, mà ý vẫn chưa thôi hóa độ. Lại dùng Giới môn dự định thích nghi, sự không thấu hoạch rồi, sau đó mới thôi hóa độ. “Sai người hầu”: ban đầu Khuyến môn dự định thích nghi. Trí là năng khiến, giáo là sở khiến. Lý nghĩa, là chánh; giáo nghĩa, là phụ. Từ khi đức Phật nêu ra Đại thừa thập nhị bộ kinh, dự định thử xem coi có thích nghi với chúng sinh hay không (Nghĩ nghi) nhưng vì không có cơ duyên nên không thọ lãnh, giáo này ví như “sữa”, cho nên nói “sai người hầu”. Lại, “người hầu” là đại thần, trợ tá... bầy tôi của vua... Tức là sai pháp thân Bồ-tát vì thuyết Đại thừa. Như trong kinh Hoa Nghiêm sai bốn vị Bồ-tát thuyết bốn mươi địa, tức “sai người hầu”. “Chạy mau qua bắt”: Đại thừa nêu nghĩa hiển lộ chánh trực, dùng đây ứng cơ mau đến Bồ-đề, cho nên trong Phẩm Phương Tiện nói xe lớn kia “phóng nhanh như gió”. Nếu coi Bồ-tát là “người hầu”, thì Bồ-tát tự có thần lực, lại được Phật gia hộ thêm cũng có thể khiến kia mau nhập Bồ-đề. “Cùng tử kinh ngạc” tức Khuyến môn không có cơ duyên. Vì hiện tại không có cơ duyên, dù xưa đã từng phát nhưng bỏ lâu không nhớ, chợt nghe Đại giáo trái tâm, cho nên “kinh”, không biết cho nên “ngạc”. “Lớn tiếng kêu oan”: Tiểu thừa coi phiền não là kẻ thù (oán), sinh tử là khổ, nếu khuyên “phiền não tức Bồ-đề” thì “lớn tiếng kêu oan uống”, nếu nghe “sinh tử tức Niết-bàn” thì “lớn tiếng kêu khổ quá”, tức không có cơ duyên, không nhận lời khuyên. “Tôi không hề xúc phạm”: tôi không dự vào cầu xin, thì ý gì mà dùng Đại thừa giáo hóa tôi? Đây là lãnh hai ý Khuyến môn, chưa lãnh ý Thôi hóa. Tiếp lại kêu lớn không đến “bắt nó càng gấp” là lãnh ý Nghĩ nghi Giới môn. Trước nêu khuyến thiện cũng là chấp nhận cho, “ta sẽ vì thuyết việc sợ hãi” tức là rất cần thiết; “cưỡng dắt đem về”, là răn bảo, dùng lời nói khổ, khiến cho chúng sinh xa điều ác. Trong đã không có căn cơ, ngoài thì bức Đại hóa là “cưỡng dắt đem về”. “Tự nghĩ mình vô tội”: là lãnh hội không nhận Giới môn. “Tội” là từ bi vậy. Chúng sinh mắc tội nên vào ngục sinh tử, Bồ-tát cũng đồng tội vào ngục. Người Nhị thừa không có đại bi, gọi là “vô tội” khiến nhập sinh tử, tức là “lại bị bắt bớ”. Không có đại phương tiện mà vào sinh tử, ắt phải vĩnh viễn mất tuệ mạng Tam thừa cho nên nói: “ắt phải chết”. Suy nghĩ những việc như vậy cho nên nói: “lại càng sợ sệt” ép dùng đại giáo hàng tiểu trí không hiểu cho nên nói “mê ngất”, tức khởi phỉ báng ắt đọa ba đường, cho nên nói: “ngã xuống đất”, cũng là mê muội chìm trong vô minh địa.

Từ “Người cha xa thấy vậy” trở xuống, là phần thứ ba: buông bỏ Khuyến, Giới môn và Thôi hóa độ Đại thừa. Đây chia làm bốn phần:

1. Tư duy Thôi hóa.
2. Giải thích Thôi hóa.
3. Chánh Thôi hóa.
4. Thôi hóa được thích nghi.

Phần một: Tư duy thôi hóa, có hai ý: a. Biết chí Đại thừa yếu. b. Biết chí Tiểu thừa mạnh. Đây là ý thứ nhất: “Cha xa thấy”: tiểu cách xa đại, cho nên gọi là “xa”, là kết duyên con, cho nên gọi là “thấy”. “Bèn nói với sứ giả”: Nếu coi Giáo là sứ giả, thì trí là gốc thuyết giáo, trí biết không có cơ duyên, trí thôi cho nên giáo cũng dừng nghỉ. Nếu coi người là sứ giả thì nói: các Bồ-tát không cần hiện thân tôn quý tuyệt diệu của các ông khiến cho hàng nhị thừa thấy. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Giữ gìn hương thơm nơi thân của các ông, không để cho các chúng sinh kia khởi mê đắm”. Phổ Hiền nhập cõi Ta-bà thì hiện thân khiến nhỏ, đều là nghĩa này. “Chớ ép đem đến”: đã không có đại cơ, e rằng tổn thương thiện căn kia cho nên nói “chớ ép”. Riêng cho rằng không cần người đó, mới tư duy thôi Khuyến môn nghĩ nghĩ. “Chớ ép đem đến” là tư duy thôi Giới môn nghĩ nghĩ. Ý thứ hai: “Lấy nước lạnh rưới trên mặt”: biết có chí Tiểu thừa, thích nghi dùng nước lý thôi đoạn để trừ nhiệt Kiến hoặc Tư hoặc. “Mặt”(Diện): chán sinh tử thì gọi là lưng (bối), hướng Niết-bàn như “mặt” (diện). “Cho tỉnh ngộ”: Khai Tiểu thừa đầu cơ thì được lìa phiền muộn, “ngộ” tứ chân đế. “Đừng nói chi với nó”: quyết định phải thôi giáo hóa Đại thừa.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là phần hai: Giải thích ý thôi hóa: chính nhằm chán khổ, ưa thích Không, thân cận hạng thấp kém không có tâm từ bi, sợ Đại pháp khó lại mặc cho hạng Tiểu chí kia ức chế bản hoài của Phật, do đó thôi hóa. Xét biết nó (cùng tử) ở chỗ hai vạn ức đức Phật đã từng phát đạo tâm, chẳng phải hoàn toàn không có đại cơ. Vả lại tạm thôi dùng pháp Đại thừa hóa độ, ý Phật chưa thôi, mà còn đợi kỳ sau. “Chẳng nói với người khác”: khi xưa trong Tiểu thừa giáo, tùy ý người khác mà nói phương tiện bảo vệ che chở, gọi là Thanh văn, không nói theo ý mình gọi nó là Bồ-tát.

“Sứ giả nói với cùng tử” trở xuống, là phần ba: chính nêu thôi hóa. “Ta nay thả người”: tức là biết Đại cơ yếu. “Đi đâu tùy ý”: tức là biết Tiểu thiện mạnh. Do hai duyên này cho nên tạm thôi giáo hóa pháp Đại thừa.

Từ “Gã cùng tử vui mừng” trở xuống, là phần bốn: Thôi hóa được

thích nghi. Không bị giáo Đại thừa bức bách, cho nên “vui mừng”. Không có tội phỉ báng Đại thừa, được miễn ba đường ác, cho nên nói “từ dưới đất”. Có Tiểu thiện sinh, cho nên nói “mà đứng dậy”.

Lại, lúc trước nghĩ nghĩ Đại pháp, mà mê muội không hiểu ví như “nằm dưới đất vô minh”. Nay đặng cơ, dùng Tiểu pháp thì tỉnh ngộ được, cho nên nói “từ dưới đất mà đứng dậy”.

Đối với lý Tứ đế, thì muốn cầu đạo pháp, cho nên nói “qua đến xóm nghèo để kiếm áo cơm”. Hoặc là ở trong Tứ kiến mà cầu đạo, cho nên nói “xóm nghèo”.

“Toan muốn dụ dẫn” trở xuống, là “ngâm sai nhị nhân” dẫn dụ. Đây chia làm hai phần:

1. Tề giáo: gần thì lãnh ý “ba xe cứu con”. Xa thì lãnh ý “ở Ba-la-nại dạy Quyền”.

2. Thủ ý: từ “Lại, vào ngày khác” trở xuống, lãnh ý “Pháp thân địa cửu chiếu phương tiện, chẳng phải tại cây Bồ-đề mới bắt đầu dùng Tiểu giáo”. Từ lâu đã xem xét chúng sinh, thấy rằng không thể dùng thân Tôn-đặc để gần gũi được, mà phải dùng áo dơ xấu mới điều khiển nổi. Lãnh hội được những điều trước đây, bây giờ giải thích.

Hỏi: Bốn đệ tử lớn vì sao mà biết được Pháp thân cửu chiếu?

Đáp: Từ việc gần mà suy ra thì biết việc xa. Nếu lúc đầu tại cây Bồ-đề biết không có cơ duyên Đại thừa, thì không cần phải từ đâu suất mà giảng thân chính tuệ thác thai, cho đến thị hiện có phiền não, có vợ sinh con, có ba mươi bốn tâm hậu thân đoạn phiền não. Cái Biết mà Phật chứng nghiệm thì thoát khỏi tướng lớn nhỏ, như biển anh lạc vi diệu. Mà lại khoác áo dơ vào thân một trượng sáu thô xấu. Thế thì biết: Pháp thân cửu chiếu (chiếu đã lâu) vậy!

- Sau đây là giải thích phần Tề giáo. Phẩm Thí Dụ văn có bốn ý:

1. Dùng phương tiện, dự định thích hợp.
2. Biết tâm lúc trước.
3. Ca ngợi ba xe.
4. Hợp với sở nguyện của con.

- Phẩm Phương Tiện cũng có bốn ý. Nay lãnh hội cũng bốn ý:

1. Từ “Toan muốn dụ dẫn” trở xuống, là lãnh ý “Dự định thích hợp (Nghĩ nghĩ)” bên trên.

2. “Khi đó nhị nhân được sai, liền đi tìm gã cùng tử, đã tìm được rồi”: lãnh ý “Biết tâm lúc trước của con, có cơ duyên” bên trên.

3. “Thuật đủ việc như trên”: lãnh ý “Ca ngợi ba xe hy hữu” bên trên.

4. Từ “Gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả” trở xuống, là lãnh ý “Hợp với sở nguyện của con, tranh nhau ra khỏi nhà lửa” bên trên.

Bây giờ xét ý thứ nhất: “Toan muốn dụ dẫn” Đã thôi Đại hóa, nhưng không phải là vứt bỏ hết không dạy gì, mà muốn dùng phương tiện, cho nên nói “toan muốn”.

“Ngầm sai khiến nhị nhân”: bốn đệ tử đều đã lãnh hội tùy theo khả năng của mình, chẳng liên quan Bồ-tát, cho nên nói “nhị nhân”.

“Nhị nhân”: nếu căn cứ vào pháp, thì Nhân duyên và Tứ đế. Nếu căn cứ vào lý, thì Chân đế và Tục đế. Nếu căn cứ vào hạng người, thì Thanh văn và Duyên giác.

Ban đầu dự định dùng Đại thừa giáo hóa, nên nói “liền sai khiến người hầu”, tiêu biểu “nhất Thật đế, nhất Đại thừa giáo, nhất Bồ-tát nhân”. Nay nêu phương tiện, ẩn Thật nên gọi là “ngầm”, chỉ dạy thiên chân nên gọi là “sai khiến”.

Nếu căn cứ vào giáo, thì ẩn Đại thừa gọi là “ngầm”, chỉ dạy Tiểu thừa gọi là “sai khiến”. Nếu căn cứ vào hạng người, thì hạnh Bồ-tát ẩn bên trong, cho nên gọi là “ngầm”, bên ngoài hiện tướng Thanh văn cho nên gọi là “sai khiến”.

“Hình”: trong giáo của Nhị thừa không tu tướng hảo, chỉ nói “Khổ, Vô thường, Bất tịnh”, tức là “hình sắc tiêu tụy”. Nếu căn cứ hạng người thì các Bồ-tát ẩn Bản sắc của mình, mà biểu hiện theo Tích hình. Chẳng thuyết liễu nghĩa, không có Thập lực vô úy, cho nên nói “không có oai đức”.

“Các người nên qua xóm kia”: tức dùng Tiểu giáo, nghĩ Tiểu cơ. Đại giáo nêu lý trực Thật, cho nên nói “chạy mau qua bắt”. Tiểu giáo nêu lý ẩn quanh co, cho nên nói “từ từ nói”.

“Đây có chỗ làm”: Kiến đạo và Tu đạo là “chỗ làm” đoạn lậu hoặc.

“Trả giá gấp bội”: Ngũ giới Thập thiện chỉ thoát ba đường ác. Nay Tứ đế, Mười hai nhân duyên có thể thoát sinh tử, đây là “nhất bội”. Lại, Lục hạnh của ngoại đạo thì chỉ có thể chế phục lậu hoặc. Nay tu Tứ đế thì có thể đoạn dứt lậu hoặc được đến Niết-bàn, đây là “nhị bội”.

“Cùng tử nếu chịu”: có cơ duyên, gọi là “chịu”, tức là thiết lập giáo. Không có cơ duyên, là không chịu, không lập giáo.

“Muốn sai làm gì?” Nhị thừa chỉ muốn trừ lậu hoặc, thủ chứng, mà không bàn đến Tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, cho nên nói “thuê nhà người hốt phân”.

“Nhị nhân chúng ta cũng cùng làm với nhà người”: Nhị thừa độn

căn nhờ vào Giáo và Hạnh, thực hành rồi mới có thể tu nghiệp. Nếu căn cứ vào lý, thì là Trí để giúp nhau. Nếu căn cứ vào hạng người, thì là Quyền nhân cùng tu hành với Thật nhân.

“Khi đó nhị nhân được sai liền tìm gã cùng tử” là ý thứ hai: xét biết có cơ duyên cho nên nói: “được rồi”, lãnh ý là “biết tâm trước của con” ở Thí dụ trên.

“Thuật đầy đủ việc như trên” là ý thứ ba: thuê người cùng chung làm, lãnh ý “ca ngợi ba xe” bên trên. “Dọn” phân Khổ Tập để “lấy tiền công” Diệt Đạo.

“Cùng tử trước hỏi lấy giá tiền công, theo lời dạy mà làm công việc dọn phân” trở xuống, là ý thứ tư: lãnh “Hợp với sở nguyện của con, tranh nhau ra khỏi nhà lửa” bên trên. “Tâm” là “làm”.

Hàng Nhị thừa hâm mộ quả mà hành nhân do đó nên “trước hỏi giá tiền công”. “Người cha thấy con thì thương xót mà trách nó”: “Trách nó” không cầu Phật đạo, “thương xót” nó ham chọn A-la-hán, chỗ mất thì lớn, chỗ được chỉ có chút ít, cho nên “trách”.

Phần Tề giáo, lãnh ý trong văn Pháp thuyết và Thí thuyết xong.

“Lại, vào ngày khác” trở xuống, là phần hai: Thủ ý lãnh hội phẩm trước: Linh trí trước đã chiếu soi, từ lâu đã thiết lập Quyền, mưu tính lẫn bánh xe pháp gặp ghềnh đuối theo, chẳng phải chỉ dưới gốc cây mới thấy nhân duyên. Như đã nói trên. Đây văn có bốn ý: 1. “Lại vào ngày khác”: thủ ý lãnh hội trước dùng Quyền trí từ lâu muốn Nghĩ nghĩ. 2. “Thấy con tiêu tụy”: từ lâu biết phương tiện là thứ đồ chơi mà các con ưa thích. 3. “Cởi áo tốt mặc áo xấu”: lãnh ý từ lâu biết nên tán thán ba xe. 4. “Thân gần dạy con làm”: từ lâu đã biết hợp với nguyện của con, nó sẽ nhận làm.

Đây là ý thứ nhất: chữ “Lại” là từ có ý trịnh trọng, sắp muốn thủ ý lãnh Pháp thân địa, từ lâu đã biết căn cơ Đại tiểu (ba thừa, một thừa) mà thiết lập giáo hóa. Đây thuật lại ý Phật, cho nên gọi là “Lại”. “Ngày khác” (Tha nhật): hàng Nhị thừa tự cho rằng phương tiện là vì mình, không phải pháp Nhị thừa vì người khác, tức so sánh Pháp thân. “Ngày”(Nhật) là thời gian cũng là trí. Y thời pháp thân, dùng trí chiếu soi căn cơ, cho nên nói “ngày khác”. Nếu theo nghĩa này, thì Thật trí chiếu thật, gọi là “tự”, Quyền trí chiếu phương tiện, gọi là “tha”. Tề giáo lãnh: Lãnh hội ý hóa thân dụng sự làm “kỷ nhật”, không phải hóa thân dụng sự làm “tha nhật”. Nếu căn cứ đức Như Lai tự hành trí quyền thật, thì đều gọi là vì mình, Như Lai hóa tha chiếu soi quyền thật, đều gọi là vì người khác. Như Lai tự tha quyền thật chiếu, chiếu Thật

là vì mình, chiếu Quyền là vì người khác. Đây là dò xét lãnh ý thời pháp thân, dùng quyền trí hóa tha, chiếu quyền cơ hoặc có hoặc không, chiếu dụng Quyền sự hoặc có thể hoặc không thể, đều là Quyền trí sở chiếu, cho nên nói “tha nhật”. Nếu theo nghĩa này thì Tề giáo lãnh là lãnh Quyền sự hóa tha, cho nên hàng Nhị thừa gọi là “kỷ sự” (việc của mình). Dò xét lãnh, là lãnh Quyền của tự tha, Quyền này chẳng phải sự của nhị thừa, cho nên gọi là “tha sự”. Tuy có hai ý nhưng đều thành nghĩa “tha nhật”. Nay dựa theo chỗ lãnh hội của Nhị thừa như trên, lại theo văn nói: “tha nhật” để dò xét lãnh, lãnh ý trong pháp thân chiếu căn cơ. “Cửa sổ”: thiên kiến thì nhỏ, tiêu biểu Quyền trí chiếu căn cơ thiên lệch. “Xa”: tiểu cách đại rất xa, cho nên nói là “xa”. “Thấy con”: xưa từng gieo trồng Đại căn, gọi đó là “con”, vì định dùng Đại hóa độ cho nên nói là “thấy”. Cửa sổ hẹp, ở một bên nhà, nên chưa thích hợp Đại hóa, cho nên “thôi Đại mà dạy Tiểu”.

Từ “Gây yếu” trở xuống, là ý thứ hai: lãnh “biết tâm trước của các con thích đồ chơi nhỏ” bên trên. Vì tu nhân trí lực ít, gọi là “yếu”; tu nhân phước lực kém, gọi là “gây”. Trong thì sợ vô thường, gọi là “tiêu”, ngoài thì gặp tám khổ gọi là “tụ”. Tứ trụ là “phân đất”, vô tri là “bụi bặm”.

Từ “Ông liền cởi chuỗi anh lạc” trở xuống, là ý thứ ba: lãnh “biết tâm trước của các con nên tán thán ba xe hi hữu”. “Cởi y phục tốt đẹp”: dụ cho ẩn Báo thân vô lượng công đức. Bốn mươi hai địa, giới định tuệ, Đà-la-ni v.v.. là “chuỗi anh lạc”. Tịch diệt nhãn là “áo tốt mịn màng”. Tướng hải đại tiểu là “đồ trang sức”. Nếu dung mạo, trang phục đầy đủ thì làm con sợ hãi, hàng nhị thừa không thích hợp thấy tướng hảo này, cho nên nói “cởi”. “Lại mặc áo thô rách”: hiện hình một trượng sáu, là “thô”, Sinh nhãn Pháp nhãn là “rách”. “Đất bụi lấm thân”: hiện có phiền não hữu vi hữu lậu. “Tay phải cầm đồ đốt phân” trở xuống, chỉ trị pháp hữu lậu Kiến hoặc Tư hoặc, không luận đến trí tuệ thanh tịnh của các địa. “Tay trái” dụ Thật, “tay phải” dụ Quyền. Quyền dụng thuận tiện để tự dùng pháp này để đoạn kết thành Phật. Lại, dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. “Bộ dạng có vẻ e sợ”: thị hiện đồng sợ sinh tử. Lại, có quả báo gió lạnh, lúa ngựa.

“Bảo những người làm” trở xuống, là ý thứ tư: dụ thân cận dạy con cùng làm, tức là bảy khoa pháp môn trong đạo phẩm, để hiển bày “tướng dọn phân”, lãnh ý trên nói “tâm các con đều mạnh mẽ, xô đẩy lẫn nhau, cùng đua nhau ruổi chạy tranh ra khỏi nhà lửa”.

1. Dụ “bảo những người làm”: dụ Tứ niệm xứ là địa vị Ngoại

phàm.

2. “Các người phải siêng làm việc, chớ có lười nghỉ”: dụ Tứ chánh cần.

3. “Ôi! Gã nam tử này! Chớ bỏ đi nơi khác”: dụ Tứ như ý túc.

4. “Nên tự an tâm” trở xuống, gọi là dụ an ủi, dụ cho Ngũ căn.

5. “Vì sao?” Trở xuống, gọi là dụ không có năm lỗi, dụ cho Ngũ lực. Bốn câu trước đây là địa vị Nội phạm thứ hai.

6. “Tức thời Trưởng giả đặt tên cho cùng tử, gọi là con,” dụ Bát chánh đạo.

7. “Dù mừng việc tình cờ đó” trở xuống, gọi là dụ dạy thường làm tốt công việc dọn phân, dụ cho Thất giác. Hai câu cuối này là ngôi Thánh vị thứ ba.

- *Khoa thứ nhất*: “Bảo những người làm”, tức nói Tam tạng giáo dạy Tứ niệm xứ, là công cụ để dọn phân, đoạn trừ cảnh kết sử. Kinh Di Giáo nói: “Thường nương Niệm xứ mà hành đạo, thì có thể phá Tứ đảo”, lãnh ý “hợp sở nguyện mạnh mẽ” trong dụ Nhà lửa, tức là Văn tuệ.

- *Khoa thứ hai*: “Chớ có lười nghỉ” tức khiến siêng tu Tứ Niệm xứ. Nếu sinh lười nghỉ thì không thể diệt hai điều ác, không thể sinh hai điều thiện. Do hai việc siêng năng cho nên có thể phát sinh Noãn hỏa, xô đẩy lẫn nhau để ra khỏi nhà lửa là nhập Noãn vị Tu tuệ. “Dùng phương tiện đó nên đến được gần con”: là Niệm xứ chưa được lửa Lý làm ấm lòng, cũng như xa lạ bên ngoài, không thể thân cận phụ giúp. Do ban đầu được Noãn phương tiện, thì có thể thân cận phụ giúp.

- *Khoa thứ ba*: “Ôi! Gã nam tử này”: “Ôi” là tiếng kinh hãi, làm cho thức tỉnh, cũng là trách phạt. Trong Chánh cần trên thì động nhiều, tức là Trí pháp, như nam tử là dương tính. Như ý túc là Định pháp, như nữ nhân là âm tính. Bởi do Chánh cần tác động, nên không được cùng Chân đế tương ứng, cho nên kêu: “Ôi!” trách phạt nó, khiến xả tán nhập tính, cho nên kêu: “Ôi! gã nam tử này!”. “Người thường làm ở đây, chớ đi nơi khác”: Niệm xứ, Chánh cần mà động, không chuyên nhất, thì không gọi là “thường”. Trong Tứ như ý, định không là duyên, tư duy thì định, tư duy thì đoạn, định đoạn chuyên nhất, cho nên “thường”. Không động nhiều cho nên nói “chớ đi nơi khác”. Đây cũng trong ý “xô đẩy lẫn nhau”, tức là vị Đảnh pháp. “Ta sẽ trả thêm tiền công cho người”: là trong Noãn pháp ý quán không thể phát chân, trong Như ý quán năng phát vô lậu cho nên nói “thêm tiền công”. “Những đồ cần dùng”: là lậu, vô lậu thiện trợ đạo, chánh đạo đều từ Như ý quán mà cầu, muốn

cần tức được. Thể Tứ thiên bao hàm nơi tu hành, ví như “bồn chậu”. “Sinh không” thì thô ví như “gạo”. “Pháp không” thì tế ví như “bột”, đây tức là chánh đạo. Quán mười sáu hành tướng của Tứ đế để diệt trừ các kiến chấp. Vô thường ví như “muối”, khổ ví như “dấm”, đây tức trợ đạo. Như gạo bột khó ăn cần phải có muối dấm hòa vào, chánh đạo khó hiển bày, cần phải có trợ đạo trợ giúp. “Chớ tự nghi ngại”: là kết chánh đạo, trợ đạo bên trên. Thật rõ ràng trong quán Như ý, nên “chớ nghi”, và quyết định có thể làm tướng như vật của mình, cho nên nói: “chớ ngại”. “Cũng có kẻ tố già yếu”: Nếu muốn gánh vác mà dùng thần thông để thay thế tay chân, thì ví như “kẻ tố”. Trong quán Như ý cũng có thần thông này, nhưng thần thông còn yếu kém cho nên nói “già yếu”, tuy không là trai tráng mạnh nhưng cũng có khả năng vận động phục dịch. Lại, dùng chánh đạo cầu lý, chánh đạo yếu chưa có thể phát chân, muốn cần trợ đạo: cửu tướng (9 tướng), thập tướng, bát bối xả v.v... Trợ đạo ví như người đẩy tở, trong quán Như ý cũng có pháp này. Nếu đắc trợ trợ chánh, thì thành người cộng giải thoát.

- *Khoa thứ tư*: “Nên tự an tâm”: đắc ngũ căn an ổn kiên cố khó hoại. “Ta như cha người”: là Nhẫn giải gần giống như Chân nhưng chưa phải là Thật, cho nên nói “như cha” cũng là như con. “Chớ có sầu lo”: khiến cho ý nó yên tĩnh, phá hoại Kiến Tư hoặc.

- *Khoa thứ năm*: “Ta tuổi tác già lớn mà người thì trẻ mạnh”: Đức Phật an trú nơi đạo trọn đã đầy đủ Trí đức và Đoạn đức cho nên nói “già lớn”, người trong đạo ban đầu chưa có Trí Đoạn, cho nên gọi là “trẻ mạnh”, đây tức Nhẫn pháp vị. “Không có năm lỗi”: Đắc ngũ lực li năm pháp ác, đắc Tín lực cho nên “không dối”, Tinh tấn lực cho nên “không biếng trễ”, Niệm lực cho nên “không sân”, Định lực nên “không hận”, Tuệ lực nên “không nói lời thán oán”. “Như các người làm công khác”: Xa thì chỉ ngoại đạo các kiến cầu tìm lý gọi là “các người làm công khác”. Gần thì chỉ bốn vị: Noãn v.v... chưa tránh khỏi năm lỗi, cũng gọi là “các người làm công khác”. Văn đây không nêu “li năm pháp ác” tức đắc ngũ lực. “Từ nay về sau như con đẻ của ta”: hạ nhãn mười sáu sát na thời tiết còn dài, trung nhãn tuy lại thắng quán cũng chưa là một sát na, như thượng nhãn thế gian một sát na tâm cuối cùng bên cạnh Chân, gần giáp Thánh, cho nên gọi vị này là “như con đẻ của ta”, tức vị Thế đệ nhất pháp.

- *Khoa thứ sáu*: “Tức thời trưởng giả lại đặt tên cho cùng tử, gọi nó là con”: Được Bát chánh đạo, nhập Kiến đạo, cùng đua nhau ruổi chạy, cho nên “gọi vị này như là con trẻ”. Thế đệ nhất pháp và Chân,

cách nhau không lâu, cho nên nói “tức thời”. Kinh A-hàm nói có năm loại con Phật: Tứ quả và Bích-chi-phật gọi là con thật của Phật. Bồ-tát không đoạn kết, nên nghĩa con chưa thành tựu.

- *Khoa thứ bảy*: “Khi ấy cùng tử dù mừng việc tình cờ đó” trở xuống, là dụ “thường làm tốt công việc dọn phân”. Ví như tuy là con, mà tư duy nó chưa thấu đáo, như còn ở Học vị chưa thoát khỏi nạn cho nên “trong hai mươi năm thường làm tốt công việc dọn phân”. Cũng lại tự biết không có khả năng nối dõi Đại thừa, chính là y giáo tu hành hết khổ đó thôi! Cho nên nói: “vẫn còn tự cho mình là khách, là người làm công hèn”.

Nếu đắc sơ quả, thì nhàm chán Tiểu ưa thích Đại. Cơ duyên Đại thừa phát sinh, thì được trao cho Đại thừa. Lại, không cần tiến lên đoạn các kết sử còn sót lại. Chính do không xả Tiểu chí, nên Đại cơ không phát, vì thế tạm khiến nương giáo để tận trừ các lậu. Cho nên, nói “do đó mà trong hai mươi năm thường làm tốt công việc dọn phân”. “Hai mươi năm”: Kiến đế một giải thoát một vô ngại, Tư duy thì chín giải thoát chín vô ngại, cho nên nói “hai mươi năm”. Lại, nói trong Kiến đạo và Tư đạo đoạn kết, gọi là “hai mươi năm”. Hoặc là nói ngũ hạ phần kết và ngũ thượng phần kết, là “hai mươi năm”. Lại, nói cũng như trong pháp nhị thừa đoạn Tư hoặc gọi là “hai mươi năm”. Lại nói nương tựa nhị nhân được sai khiến, cùng đoạn các kết còn lại, gọi là “hai mươi năm”. Từ khi có cơ duyên Nhị thừa đến khi cảm Phật thì gọi là: “Từ khi thấy con đến nay đã hai mươi năm”. Nếu trú trong địa vị Nhị thừa chuyển Đại thừa giáo, gọi là trong hai mươi năm thường làm việc nhà. Nói: “hai mươi” thấy đều có nguyên do. Chỉ một câu này tức là vị tranh ra khỏi nhà lửa tam giới.

“Qua đó về sau” trở xuống, là dụ lãnh giao phó gia nghiệp. Gần thì lãnh ý “đồng ban cho xe lớn” trong dụ Nhà lửa. Xa thì lãnh ý “Vô thượng đạo” trong Pháp thuyết. Văn đây chia làm hai phần: Trước, Lãnh hội. Sau, Giao phó. Mỗi phần lại chia làm hai: cùng lãnh bốn ý trong dụ Nhà lửa đồng ban cho xe lớn, cũng là trong phẩm Phương tiện hiển thật bốn ý. Chương đầu có hai:

1. “Lòng dần thể tin (Tâm tướng thể tín)”, tức lãnh ý “thoát khỏi nạn” bên trên.

2. Ủy thác cho gia nghiệp, dần dần con đã thông thạo bình yên, thành tựu chí Đại thừa, tức lãnh ý “đòi xe” bên trên.

- Chương sau có hai:

1. Giao phó gia nghiệp, tức lãnh ý “đồng ban cho xe lớn”.

2. Được giao phó vui mừng, tức lãnh ý trên “được xe hoan hỷ”.

Do “tâm tướng thể tín” cho nên được ủy thác giữ lấy gia nghiệp, gia nghiệp đã thông thạo, đều đầy đủ tri kiến, thì thành tựu chí Đại thừa. Bởi ý chí thông thái, cho nên được giao phó gia nghiệp, được giao phó gia nghiệp cho nên hoan hỷ. Nguyên do có từ xa đến gần. Nếu trước không dạy làm thuê, trả công từng ngày, thì làm sao thể nghiệm được thực chất mà được ủy thác gia nghiệp giao phó tài sản? Nội hợp: do thời Tam tạng giáo thì đoạn kết, kham các việc đều nghe Đại giáo, đều thọ thời Tịnh danh phá chấp, chuyển giáo Bát-nhã, mà đạt được giao phó gia tài. Nên biết: “làm thuê nhận tiền công” tức là nguyên do xa, “thể nghiệm tin theo”, được giao phó gia nghiệp, tức là nguyên do gần.

Lại, trong thí dụ Dẫn dụ ở trước, có Tề giáo lãnh ý, bắt đầu là từ gốc cây Bồ-đề đến cuối cùng là ra khỏi nhà lửa. Lại, có Dò xét lãnh, bắt đầu là từ pháp thân đến cuối cùng là suy nghĩ xong. Nay lãnh ý cũng có hai: Ban đầu dò xét lãnh ý từ bi bốn vị điều hòa thuận thực, cuối cùng lãnh giao phó gia tài một vị rốt ráo. Xa gần đầu cuối hợp luận năm vị. Nghĩa là gì?

1. Nhũ vị: Tức “sai người hầu cận”(bàng nhân).”Bàng nhân sở thuyết” chính là dụ cho giáo Hoa Nghiêm viên đốn, giáo này là tối sơ. “Bàng nhân” dụ cho “trâu” sở thuyết dụ cho “sữa”. Nội hợp: từ khi đức Phật xuất ra mười hai bộ kinh, tức vị ban đầu. Lại, lấy pháp ban đầu này dự định cho người Nhị thừa, nhưng họ không có cơ duyên nên không thọ nhận, mà “mê ngất ngã xuống đất”. Pháp ấy hoàn toàn nguyên chất như hương vị sữa tươi mới vắt chưa qua chế biến (Nhũ vị).

2. Lạc vị: nêu “ngâm sai khiến nhị nhân”(mật khiến nhị nhân) nói pháp dạn phân, đây là dụ cho “sau khi thôi hóa Đại thừa, Phật đến vườn Lộc uyển nói tam thừa”. Tiểu thừa liên tin, chuyển phàm thành thánh như chuyển “sữa” thành “lạc”. Nội hợp: từ mười hai bộ xuất Tu-đa-la, tức vị thứ hai.

3. Sinh tô vị: nêu “tâm tướng thể tín nhập xuất vô nan” là dụ sau thời Tam tạng thì thuyết kinh Phương Đẳng như kinh Tịnh Danh... tán dương Đại bất bẻ Tiểu, hàng Nhị thừa nghe Đại mà không hủy báng dẹp bỏ Tiểu, không thoái. Bởi đã trải qua thời Tam tạng đã đoạn kết sử, như được giá tiền công một ngày, cho nên kham nổi sự khen chê đó. Nếu chưa đoạn kết, thì không kham nghe tán dương Đại, như ở trước không thọ Khuyến môn, cũng không kham nghe bất bẻ Tiểu, như trước không thọ Giới môn. Nay không hủy báng không thoái lui, là vì “tâm tướng thể tín” vậy. Tự thân đã chứng Tiểu, thì tin Đại không hư dối,

được giá trị của Niết-bàn, vì thế nghiệm được cho nên bị bắt bẻ mà không sâu, tuy chẳng việc mình mà không nghi ngờ phỉ báng. Tâm này thuần thực, như từ Lạc làm ra Sinh tô. Nội hợp: từ Tu-đa-la xuất kinh Phương-đăng, là vị thứ ba.

4. Thực tô vị: nêu “Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết” trở xuống, là dụ Phương-đăng, “tâm tướng thể tín ra vào không ngại” về sau là giao phó giữ gia nghiệp, khiến cho kia lãnh giáo làm Đại Bồ-tát thuyết Ma-ha Bát-nhã, đã lãnh biết các vật, thông suốt tất cả pháp môn, tâm sáng, thuyết pháp hay, chỉ ân hận trụ Tiểu thừa chẳng phải phận mình, nay bỗng mở kho ra hứa cho, lẽ nào không vui ư?! Do đó tâm dần dần thông thái, thành tựu Đại chí, giống như từ Sinh tô tạo ra Thực tô, là từ Phương-đăng xuất sinh Ma-ha Bát-nhã là vị thứ tư.

5. Đề hồ vị: nêu “Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến”: đây là dụ sau Bát-nhã, phân rõ thiên tánh, định cha con, hội tam qui nhất, giao phó gia tài, thọ ký thuyết giáo Pháp Hoa, khai tri kiến Phật, chỉ bày tướng chân thật, Bồ-tát nghi trừ, Thanh văn làm Phật đều dùng pháp Như Lai diệt độ mà mình diệt độ, như từ Thực tô làm ra Đề-hồ, là từ Ma-ha Bát-nhã xuất sinh Đại Niết-bàn, tức vị thứ năm.

Bốn đại đệ tử hiểu sâu ý Phật, lãnh sâu giáo một đời gồm năm vị, từ đầu đến cuối thứ lớp mà văn đã nêu ra đây. Lãnh gia nghiệp, văn chia làm hai:

1. Tương thể tin.
2. Ra lệnh lãnh gia nghiệp.
- Phần “Tương thể tin” lại có hai phần:
 1. Nêu thể tin.
 2. Còn ở bản vị.

Đây là phần đầu: Nêu thể tin. “Tương” là tin lẫn nhau, nghĩa là ở trong Tam tạng giáo được giá trị Niết-bàn, biết đây đã không hư dối, nay vì Bồ-tát thuyết Đại thừa, biết đây cũng lại chẳng hư dối, đây là con tin cha. Đức Phật biết các hàng đã đoạn Kiến Tư hoặc này, nghe ắt không hủy báng, hàng vô lậu lợi căn nghe, ắt sinh lòng tin, đây là cha tin con. Do đó thấy thân đặc tôn, nghe Đại thừa giáo, gọi là “vào”. Lại bị quở trách vì thấy thân trượng sáu thuyết pháp Tiểu thừa, gọi đây là “ra”. “Vào ra” Đại thừa Tiểu thừa mà “không nghi nan” là nghĩa đó vậy.

Phần hai: Còn ở bản vị. “Nhưng chỗ của cùng tử vẫn ở chỗ cũ”: Tuy ra vào không ngại, được nghe Đại thừa mà cho là việc của

Bồ-tát, chẳng phải phần trí của mình, không khẳng định hồi Tiểu hưởng Đại. Còn ở nơi La-hán, thì không nói đời vị lại sẽ được làm Phật, đây là lãnh giáo các kinh Đại tập, Tịnh Danh v.v... như vị Sinh tô.

Phần thứ hai: Ra lệnh lãnh gia nghiệp. Từ “Thế Tôn! Khi đó Trường giả có bệnh” trở xuống, là ủy thác giữ gia nghiệp, đây lãnh hội ý kinh Đại Phẩm, Phật bảo chuyển giáo Bát-nhã, giáo Thực tô. Đây chia làm hai chương: 1. Ra lệnh biết gia sự. 2. Nhận lệnh lãnh biết. Mỗi chương mỗi đều có bốn ý: Chương một có bốn ý: 1. Nêu thời tiết. 2. Chánh thức bảo cho biết gia sự. 3. Răn bảo khiến theo ý cha. 4) Ra lệnh không để sót mất.

- Ý thứ nhất: “không bao lâu sẽ chết”: có cơ duyên thì nên hiện hữu, là sống; cơ duyên hết thì nên từ tạ là chết, nay cơ duyên giáo hóa sắp xong, nên từ tạ “không bao lâu”.

Từ: “Nói với cùng tử rằng: Ta nay có nhiều” trở xuống là Ra lệnh biết gia sự. “Vàng” là lý Biệt giáo, “bạc” tức lý Thông giáo. Đại Phẩm nêu rõ chân đế không ngoài hai lý này, mà nói “có nhiều” tức xét theo lý thì chẳng phải nhiều, xét theo các loại pháp môn thì cũng được nói “nhiều”, ví như lý Không chẳng phải mười tám, căn cứ vào việc phá mười tám pháp mà gọi là mười tám Không. Trong Khuyến học nêu tất cả pháp môn đều là trân bảo. “Kho” là định môn, một trăm lẻ tám Tam-muội. “Đụn” là tuệ môn, mười tám cảnh không, Thông Biệt hai thứ “kho đụn” định tuệ gồm chứa tất cả thiên định trí tuệ không thiếu sót món nào. Trong đây ngoài dư tràn, cho nên nói “tràn đầy”. “Trong đó nhiều ít”: thuyết Bát-nhã thì có rộng lược hai môn. Bồ-tát hành Bát-nhã nên biết tướng lược rộng, lược thì “ít”, rộng thì “nhiều”. Tự hành là “giữ lấy”, hóa tha là “đem cho”. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Ông nên vì Bồ-tát mà thuyết”, cho nên nói: “Người phải biết hết”.

Từ “Lòng ta như thế” trở xuống, là Răn bảo khiến hiểu thấu tâm ta. Đức Phật dùng Bát-nhã làm tâm, ông nay nối tiếp đèn Pháp nên theo ý Phật mà thuyết. Lại, hàng Nhị thừa vốn hiểu là phân tích pháp không; bảo phải “thể theo ý đây”: là bảo khiến chuyển giáo dùng răn bảo khiến đồng thể pháp không của ta. Xưa thì được lệnh rằng: Sự nối tiếp đèn pháp giao cho người khác, nay mới biết Phật khiến ta biết cách thể nghiệm, nên nói: “nên thể theo ý ta”. “Nay ta cùng người bèn là không khác”: Giải thích đây có ba:

1. Được giao bị tốt nên nói cùng Phật không khác.
2. Theo lý, vì các pháp đều như, cho nên “không khác”, Thiện Cát như, Như Lai như, Nhất như, không có hai như, cho nên nói: “bèn

là không khác”.

3. Căn cứ thời nay, mới ngộ ra thiên tánh cha con xưa nay không khác, mà người Nhị thừa tự cho được gia bị là có khác đó thôi. “Nên gắng dụng tâm” trở xuống là lệnh “chớ để sót mất”. Ông vì Bồ-tát thuyết giáo Bát-nhã chớ để sót mất, đối với Nhị thừa thì đây tức pháp của ông sau sẽ dùng, vì vậy cho nên không để sót mất.

Từ “Liên nhận lời bảo” trở xuống, là chương thứ hai, cũng có bốn ý:

1. Nhận lệnh lãnh biết.

2. “Không mong cầu lấy”, Thiện Cát tuy nói Bát-nhã tự cho là ta không có phần đó.

3. Chưa bỏ tâm thấp kém, “vẫn còn ở chỗ cũ”: trú La-hán vị, tuy hâm mộ Đại cũng chưa định nói muốn làm Bồ-tát. “Chưa bỏ tâm thấp kém”: Tuy thẹn vì tâm Tiểu thừa cũng chưa quyết định nói bỏ chứng Tiểu thừa.

4. “Lại trải qua thời gian ngắn cha biết ý con” trở xuống, tức là lãnh ý dụ “đòi xe” bên trên. “Tự chê tâm ngày trước”: muốn cầu Đại đạo, tức là Đại cơ phát.

Hỏi: Thế nào gọi là thời gian ngắn?

Đáp: Có người nói thuyết Bát-nhã xong, ở nơi khác đạo xem, Tâm tư pháp môn Đại thừa đã lãnh thọ, sinh tâm vui thích, như thế là sót hay không sót? Tâm tư như thế tức là thời căn cơ Đại thừa phát, thời đó cách Pháp Hoa chưa lâu, cho nên nói là “thời gian ngắn”. Lại nữa, lúc đang thuyết Vô Lượng Nghĩa thì căn cơ Đại thừa phát, làm sao biết? Trong Vô Lượng Nghĩa nêu bảy thứ phương tiện, vô lượng tiệm dẫn từ một pháp sanh. Vì nghe đây thuyết, tư duy xưa Tam tạng Tam thừa đều từ một pháp sanh. Như thế Tam thừa nay cũng nên nhập vào nhất, tư duy như vậy dần dần đã thông thái tâm Đại thừa, liền phát, cho nên nói “thành tựu Đại chí”.

Từ “Đến giờ sắp chết” trở xuống, là chính giao phó gia nghiệp, lại chia làm hai phần:

1. Giao phó gia nghiệp.

2. Hoan hỷ.

- Giao phó gia nghiệp có bốn ý:

1. Thời gian giao phó gia nghiệp.

2. Bảo con mời mọi người làm chứng.

3. Kết hội cha con.

4. Chánh giao phó gia nghiệp.

Ý thứ nhất: “Khi sắp chết” nêu thời tiết, hóa duyên sắp xong, ở núi Linh Thứu tám năm thuyết kinh Pháp Hoa, thời gian xướng nhập Niết-bàn.

Ý thứ hai: Từ “Gọi người con đến” trở xuống, là tập hợp mọi người, tức là đồ chúng được thọ hóa từ hai vạn ức Phật, gọi là con, người có căn cơ Đại thừa thuần thực khắp mười phương đều đến vân tập, mà trên nói là “bốn chung vây quanh” vậy. “Hội cả thân tộc”: Xưa nói phân thân Phật như “thân tộc”, Thập địa như “quốc vương”, Cửu địa như “đại thần”, Bát địa như “Sát-lợi”, Thất địa như “Cư sĩ”. Người ở phía Bắc dùng phân thân làm “thân tộc”, Đa Bảo làm “quốc vương”, Thập địa làm “đại thần”, Bát địa làm “Sát-lợi”, Tam thập tâm làm “cư sĩ”. Nếu vậy, lúc Tích môn thuyết pháp, thì Phật phân thân và Phật Đa Bảo đều chưa hiện tiền, sao được nói như vậy? Kia giải thích rằng: chính là lúc Thân-tử hoài nghi, ở trong Pháp Hoa chưa thể sinh lòng tin, vì vậy cho nên Đa Bảo phân thân nhất thời đến làm chứng. Nếu nghi trừ, tin hiểu thọ ký đã xong, thì dùng Đa bảo để làm chứng chỗ nào? Cho nên biết vào thời Pháp thuyết thì Phật Đa Bảo đã xuất hiện. Chỉ vì lời Kinh gia nói không để trùng lặp mà muốn cho thứ tự sắp xếp Nhân môn về sau đó thôi. Nay cho rằng đây là do lòng người, không nên lấy làm căn cứ. Vì thuyết Tích môn việc gần, chưa dùng đến xưa làm chứng. Nếu thuyết Bản môn việc xa, thì cần phải trước lấy xưa làm chứng. Nay không dùng giải thích kia, y Tát Vấn kinh v.v... Nay nêu Pháp thân Bồ-tát khắp mười phương, là chúng ảnh hưởng, làm “thân tộc”. Chúng ảnh hưởng, phần nhiều là đồng nghiệp đức Thích-ca ngày xưa, đều cùng Như Lai ở nơi hai vạn ức Phật cùng được khai hóa, đối với kia đều là chú bác cùng tu hành, cho nên dùng đây làm “thân tộc”. “Quốc vương”: hết thấy các kinh tiệp đốn, kinh nào cũng gọi nơi sở thuyết là Kinh vương. Vì lợi ích cho đương cơ nên hưng phế có thời, bộ bộ không đồng, gọi đó là “quốc”, đều nói Đệ nhất tức là “vương”. Lại, kinh này hội thông các giáo, đâu chẳng phải tụ tập quốc vương? Cho nên, trong lúc thuyết Vô Lượng Nghĩa trước đã thu tập. Kia nói: Ban đầu thuyết Tứ đế, Thập nhị duyên sinh, tiếp thuyết Phương đẳng Thập nhị bộ kinh, tiếp thuyết Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm Hải Không, đây tức tập hợp khắp các kinh, dung thông tiệp đốn, hội nhập Kinh điển này cho nên gọi là “hội cả quốc vương”. Các Đại Bồ-tát như Di-lặc... đều là Đẳng giác, làm “đại thần”, Sơ địa đến Cửu địa làm “Sát-lợi”, tam thập tâm sinh trong chủng tánh Pháp vương làm “cư sĩ”. Các hạng này đều theo đức Thích-ca thọ hóa.

Từ “Các ngài nên biết” trở xuống, là kết hợp cha con: thật theo ta thọ học thật “là con ta”, từ nơi ta mà khởi hiểu là “ta sinh ra”, Ta đã từng ở Pháp hội của hai vạn ức đức Phật, thường giáo hóa pháp Đại thừa cho nó, cho nên ta thật là cha. “Ngày trước trong thành nọ”: kinh này đối vẫn ở các nước phương Tây phần nhiều ít bỏ qua chi tiết này, hoặc có thể nêu tên riêng của cõi nước thời trước như nhân duyên Đại Thông Trí Thắng v.v... Nay giản lược danh tự, chỉ nói “thành nọ”. Chính vì chúng sinh trái với Đại thừa đây, khởi vô minh tối tăm, vào đường sinh tử, cho nên nói “bỏ ta trốn đi”. Trải qua đủ sáu đường, cho nên nói “hơn năm mươi năm”. “Xưa ta ở tại thành này lòng lo lắng tìm kiếm”: từ xưa ở trong Pháp thân địa, thường dùng nhị trí quán tìm kiếm cơ duyên để hóa độ, bắt đầu ngày nay cảm ứng đạo giao, cho nên nói “bỗng ở nơi này gặp được nó”.

Từ “Nay ta có bao nhiêu” trở xuống, là chính giao phó gia nghiệp: hết thấy vạn hạnh vạn đức Đại thừa, cho nên nói “tất cả của cải”. “Các thứ xuất ra nạp vào trước kia, là thứ mà con đã biết”: Tức nhớ lại ý chỉ ngày xưa đã lãnh giáo trong Đại phẩm. Cái được ủy thác có rộng có lược, như cộng Bát-nhã, bất cộng Bát-nhã. Là thứ mà ông đã biết, tức là ông có. Cho nên Pháp Hoa chỉ nêu tri kiến Phật, không còn rộng thuyết tất cả hành tướng.

Từ “Cùng tử nghe cha nói như vậy” trở xuống, tức là được giao phó hoan hỷ, lãnh hội ý trên nói “đều cưỡi xe lớn, được điều chưa từng có”. Tự xét mình vốn không có tâm mong cầu Phật đạo, mà nay bỗng nghe được thọ ký làm Phật, cho nên nói không cầu mà tự được. Trong thời Tam tạng thì tâm vốn không cầu. Trong thời Phương Đẳng thì thẹn Tiểu thừa tuyệt dứt hy vọng, cho nên không cầu. Trong thời Bát-nhã tuy lãnh nhận mà chẳng phải phần mình, cho nên không cầu. Như thế không cầu, mà nay tự được.

Từ “Thế Tôn! Ông trưởng giả đại phú đó” trở xuống, là phần Hợp thí. Theo ngài Quang Trạch thì hợp với Thí dụ trước hoặc sau, giải thích rất sơ lược. Nay chỉ nương văn điểm ý không nói lại quan hệ của con. Hợp thí lược, quý ở đạt ý, không cần phí lời. “Trưởng giả đại phú”: là hợp với Thí dụ cha con lạc nhau. Văn thí dụ chia làm bốn. Chỉ hợp thí dụ cha con mà tổng được ý khác. “Như Lai” hợp cha, “tương tự” hợp con. “Tương tự” có hai nghĩa:

1. Chọn Đại cơ làm con, xưa chưa bỏ trốn đã chẳng phải địa vị chân thật, mà còn ở ngoại phạm, cho nên nói “tương tự”.

2. Chọn Tiểu cơ làm con, bởi vì Tiểu cơ gần giống căn tánh Đại

thừa. Con đã trốn cha, đáng trách, nên nói “tương tự”.

Hỏi: Ban đầu giải thích phẩm này nói rằng “đã được nhập chân”, sao đây nói là “tương tự”?

Đáp: Hợp lúc con bỏ cha trốn, cho nên nói “tương tự”. Đầu phẩm nói “khi con khai ngộ”, ông hỏi sai rồi vậy.

Từ “Như Lai thường nói chúng con là con” trở xuống, là hợp ý cha con gặp nhau, chỉ hợp Trưởng giả thấy con liền biết. Từ “Chúng con vì ba món khổ” trở xuống, là hợp ý truy tìm dẫn dụ đem về. Trên có hai dẫn dụ sai người hầu đuổi theo, nay hợp cũng có hai. Trên ban đầu sai người hầu đuổi theo, tiếp lại lần nữa truy tìm, tiếp lại phóng xả, nay hợp hai môn và không có căn cơ. Sao gọi là thấy bất tự nghĩ không có tội? tức hợp không có Đại cơ. “Ưu Thích-các pháp Tiểu thừa”, là hợp có Tiểu chí, không hợp ý phóng xả. “Ngày nay đức Thế Tôn khiến chúng con” trở xuống, là hợp hai dẫn dụ. Bên trên có Tề giáo và Dò xét lãnh. Nay hợp hai ý. Từ “đẹp trừ” trở xuống, là hợp Tề giáo trình bày đầy đủ việc trên. “Chúng con ở trong đó siêng năng tinh tấn”: hợp “Theo lời dạy mà làm công việc dọn phân” bên trên. Từ “Được đến Niết-bàn” trở xuống, hợp ý trên “trước hỏi lấy giá tiền công”. “Nhưng đức Thế Tôn biết trước là chúng con” trở xuống, hợp Dò xét lãnh bên trên. Thí dụ trên có bốn, nay hợp ba, không hợp Chánh thức dạy làm, tức chỉ ý trên siêng năng dọn phân, bao gồm đủ ý, không hợp nữa. Trên nói “xa thấy con”, nay nói “biết trước”, trên nói “xấu xí tiêu tụy”, nay nói “tâm chấp trước vào cái ham muốn tệ xấu”, trên nói “liền cởi chuỗi anh lạc... lại mặc áo thô xấu”, nay nói “bị Phật buông bỏ không vì phân biệt rằng: Các ông..bửu tàng tri kiến Như Lai”. Từ “dùng sức phương tiện nói bày trí tuệ của Như Lai” trở xuống, là hợp thí dụ giao phó gia nghiệp, trên thì có nguyên do, có giao phó, nay hợp cũng có hai. Nguyên do có hai phần:

1. Tin nhau.
2. Ủy thác gia nghiệp.

- Nay hợp cũng có hai: Tin nhau có hai: trước hợp “thể tín” dùng phương tiện lực nói bày trí tuệ của Như Lai, Xưa nói: nhân trí tuệ Như Lai, đem làm quả nhĩ thừa. Nay nêu: mang phương tiện tam thừa, thuyết thật tướng Đại thừa, cho nên nói “dùng sức phương tiện... Phật vì chúng con mà thuyết pháp Đại thừa”, cũng là hợp “xuất nhập không nghi ngại”. Dùng sức phương tiện để xuất biện Nhị thừa, dùng trí lực Phật để nhập, rõ thật tướng. Nếu không “thể tín” thì làm sao mà “đối trước con nêu rõ trí tuệ Phật”. Từ “Chúng con theo Phật, được Niết-bàn giá một

ngày công” trở xuống, là hợp “vẫn còn ở chỗ cũ”.

“Chúng con lại nhân trí tuệ của Như Lai” trở xuống, là hợp lãnh gia nghiệp. Trên có ra lệnh và nhận lệnh. Nay chỉ hợp nhận. Nhận có bốn ý:

1. Nhận mệnh lệnh.
2. Không mong lấy.
3. Không bỏ tâm thấp kém.
4. Dẫn thông thái.

Nay chỉ hợp hai: ban đầu hợp nhận lệnh lãnh nghiệp. “Mà tự chính mình” trở xuống, là hợp không mong giữ lấy và được các sở hữu... “Không có chí nguyện”: nêu Phật thêm oai lực khiến như tâm Phật mà thuyết, cho nên nói “con không có chí nguyện”. “Vì sao vậy?”... là giải thích ý không mong cầu. Bởi Phật dùng sức phương tiện tùy tâm Tiểu thừa mà thuyết pháp, nên nói “không có phần”. Do đó “chúng con không tự biết thật là Phật tử”, cho nên không lấy. “Đức Phật dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp”: Phật dùng sức phương tiện đem pháp Thật tướng cho Nhị thừa, chúng con không biết ý “bất cộng” cho nên chẳng phải Phật tử. Từ “Ngày nay chúng con mới biết” trở xuống, là hợp giao phó gia nghiệp. Trên có hai ý: giao phó và hoan hỷ. Nay hợp cũng có hai. Trên giao phó gia nghiệp có bốn, nay thì hợp chung ý giao phó, có hai:

1. Nêu rõ Đức Phật vốn đối với Đại thừa không xén tiếc.
2. Giải thích nghĩa không xén tiếc.

Chính do ưa pháp Tiểu thừa, cho nên không thể sớm giao phó Đại thừa đó thôi! Trong kinh này, nêu việc nay để chứng minh việc xưa. Nay lý chỉ có Nhất thừa, cho nên biết Tam thừa xưa là chẳng phải thật, chỉ vì chưa kham nổi cho nên đối trước Đại thừa hủy báng Tiểu tâm, muốn cho bỏ ngụy chọn chân, nhất định “biết Phật không xén tiếc”, nhưng đức Phật thật dùng Đại thừa mà giáo hóa. Từ “Chúng con nói vốn không có tâm mong cầu” trở xuống, là hợp “hoan hỷ”, cũng là ý không mong cầu Tam thừa.

Kệ có tám mươi sáu hàng rưỡi. Bảy mươi ba hàng rưỡi đầu, tụng các phần trên. Mười ba hàng tiếp, tán thán ân sâu của Phật.

- Bảy mươi ba hàng rưỡi lại chia làm hai:

1. Hai hàng, tụng Pháp thuyết.
2. Bảy mươi một hàng rưỡi, tụng Thí thuyết.

- Trong tụng Pháp thuyết, không tụng ý không cầu, chỉ tụng ý tự được.

- Tụng Thí thuyết, Bảy mươi một hàng rưỡi chia làm hai phần:

1. Bốn mươi một hàng, tụng Khai thí .
2. Ba mươi hàng rưỡi, tụng Hợp thí .

- Phần Khai thí trên có bốn:

- a. Cha con thất lạc.
- b. Gặp nhau.
- c. Ủy thác gia nghiệp.
- d. Giao phó tài vật. Nay đều tụng.

- Mười ba hàng tụng Cha con thất lạc, thí dụ trên có bốn ý:

- 1) Con trốn cha.
- 2) Cha tìm con.
- 3) Con lần hồi trở về.

4) Cha nhớ con. Nay tụng cũng bốn ý nhưng không theo thứ tự,

như sau:

Một hàng rưỡi, tụng ý thứ nhất: con trốn cha đi. Bảy hàng, tụng ý thứ hai: cha tìm con không được. Hai hàng, tụng vượt qua ý thứ tư: lo nhớ càng nặng. Hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba trước: con lần hồi trở về gần cha. Bốn ý này vẫn trên đều có hai:

Đây là tụng Khai thí. Từ “Thí như gã cùng tử” trở xuống, một hàng rưỡi chỉ tụng ý “con trốn cha đi”, không tụng ý “hưởng bản nước mà trở về”. Trong thí dụ Nhà lửa, nêu “trưởng giả sở hữu vương quốc áp tụ lạc” là nói rộng. Trong đây nêu cùng tử luân hồi trong ba cõi, gọi là “các nước”; sáu đường gọi là “hơn năm mươi năm”.

“Cha gã lòng buồn nhớ” trở xuống, bảy hàng, tụng “Cha tìm con không được”.

- Trên có hai ý. Nay tụng cũng có hai:

1. Nửa hàng, tụng ý tìm con không được.

2. “Kiếm tìm đó đã mệt” trở xuống, sáu hàng rưỡi, tụng ý không vì lạc một đứa con mà phớt bỏ việc gia nghiệp. “Tìm kiếm khắp bốn phương”: không giống bên trên, “bốn phương” bên trên là căn cứ Tứ đế suy tìm lý. Nay “bốn phương” là quán trong Tứ sinh, để tìm kiếm căn cơ đáng độ. “Tạo dựng nên nhà cửa”: là Hữu dư Niết-bàn trong quốc độ Hữu dư, xây nhà từ bi, ở nương nhà tánh Không. “Người lui tới rất đông”: là Bồ-tát các cõi qua lại nghe pháp.

“Mà tuổi đã già nua” trở xuống, hai hàng, tụng vượt qua ý thứ tư: lo nhớ con càng nặng. Vẫn trên có hai, đây chỉ tụng ý “trước mắt con nên nay khổ”, không có ai để giao phó cho nên buồn!

“Bấy giờ gã cùng tử, đi tìm cầu ăn mặc” trở xuống, hai hàng rưỡi,

tụng ngược lên ý thứ ba: lần hồi hướng về gần cha. Văn trên có hai, nay tụng cũng có hai:

1. Hai hàng, tụng nguyên do gần cha, do cầu y thực.

2. “Dần dần đi trái qua” trở xuống, nửa hàng tụng chính đến gần thành của cha. Trong phần đầu “nguyên do gần cha” nói: “Áp này đến áp khác”: căn trần liên quan với nhau ví như “áp”, thập bát giới như “nước”. Tu hữu lậu thiện ví như “có được của”, tu nhị thừa thiện ví như “không được gì”, không được pháp thực Đại thừa nên bị “đói khát”, không dụng Đại lực nên “yếu”, không có Đại công đức nên “gầy”. Trên cái thiện Có, Không đó mà khởi Kiến, Tư, ví như “ghẻ lác”.

“Xoay vẫn làm thuê mượn” trở xuống, bảy hàng rưỡi, tụng ý thứ hai trong phần Khai thí: “cha con gặp nhau”. Văn trên có hai, nay tụng cũng hai:

1. Sáu hàng rưỡi, tụng Con thấy cha.

2. Một hàng, tụng Cha thấy con.

- Trong phần con thấy cha, văn trên có bốn, nay tụng có ba:

1. Nửa hàng, tụng nguyên do thấy cha, do làm thuê làm mượn mà đến nhà cha.

2. “Lúc ấy ông trưởng giả” trở xuống hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba thấy tướng cha. Trên nêu chỗ thấy cha, chỗ ấy là bên cửa. Nay nói trưởng giả “đang ở trong nhà ông”, là gồm ý chỗ được nhìn thấy. “Giăng màn châu báu lớn v.v...”: chỗ mà thấy tướng cha, là “tòa sư tử”. Pháp thân là thầy là vua. Báo, Ứng thân là trưởng giả. “Biên chép ghi giấy tờ”(Chú ký khoán sớ), tức thọ ký nói rõ sự tu hành. Theo ý riêng: dùng quảng hiển lược là “chú”, trao quyết định gọi là “ký”. Tứ hoàng thệ nguyện là “khóan”, tu hành là “sớ”. “Gã cùng tử thấy cha” xuống ba hàng rưỡi, tụng ý thứ tư Sinh tâm sợ lánh. “Lúc bấy giờ trưởng giả” xuống một hàng tụng ý thứ hai: cha thấy con.

- Văn trên có bốn:

1. Chỗ thấy.

2. Thấy liền biết.

3. Thấy hoan hỷ.

4. Hợp với sở nguyện.

- Nay chỉ tụng hai:

1. Nửa hàng tụng chỗ thấy con.

2. “Xa trông thấy con mình” xuống nửa hàng, tụng thấy con liền biết.

Từ “Ông liền sai kẻ sứ, Đuổi theo bắt đem về” trở xuống, mười

hàng rưỡi, tụng phần “truy tìm dẫn dụ đem về” bên trên.

(1) Nay, ba hàng đầu, tụng sai người hầu đuổi theo. Trên “sai người hầu đuổi theo” vẫn có ba:

1. Gọi con không đến.
2. Gọi lại cũng không đến.
3. Thả ra.

Nay ba câu đầu, tụng ý lần đầu kêu, không có cơ duyên nên không đến. Tiếp “Mê ngất” một câu tụng lại kêu cũng không đến. Tiếp nữa “Người này theo bắt tôi” trở xuống, hai hàng tụng không có cơ duyên, tức trên giải thích ý buông bỏ.

(2) “Ông liền dùng phương tiện” trở xuống, bảy hàng rưỡi, tụng mật khiển nhị nhân dẫn dụ. Vẫn trên có hai nay tụng cũng hai:

1. Ba hàng đầu tụng dụ thuê làm.
 2. Bốn hàng rưỡi tụng dụ dạy cho làm.
- Văn thuê làm bên trên có bốn:
1. Thiết lập phương tiện.
 2. Cầu liền được.
 3. Trình bày công việc.
 4. Chọn giá cả hốt phân.

Nay chỉ tụng hai: Hai hàng đầu, tụng ý thứ nhất “thiết lập phương tiện”. “Gã cùng tử nghe rồi” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ tư chọn giá cả hốt phân. Đây giải thích phần đầu thiết lập phương tiện, “mắt chốt” là chấp thiên Không. “Thân lùn” là theo chiều dọc thì ngắn, không đến tận cùng nguồn thật tướng. “Xấu” là theo chiều ngang thì hẹp không có Ma-ha-diễn các Thiện để trang nghiêm. Không có Tứ vô úy gọi là “không oai”. Khác với thường lạc ngã tịnh, gọi là “không đức”. “Gã cùng tử nghe rồi” trở xuống, chọn giá cả, tức thanh tịnh phòng sáu nhà năm ấm. “Trường giả trong cửa sổ” trở xuống, bốn hàng rưỡi, tụng dụ “dạy cho làm” bên trên.

- Văn trên có bốn, nay cũng có bốn:

1. Nửa hàng, tụng “Trong cửa sổ”...
2. “Nghĩ con mình ngu dại” trở xuống, một hàng, tụng ý gây gò.
3. “Lúc đó ông trường giả” trở xuống, một hàng, tụng “cởi áo đẹp mặc áo thô rách”.
4. “Phương tiện lần gần gũi” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng chính dạy làm. Trên có bảy khoa pháp môn. “Bảo rằng” tức Tứ niệm xứ, “siêng làm tốt” tức Tứ chánh cần. “Đã thêm giá cho người” trở xuống, một hàng, tụng Tứ như y túc. “Dầu xoa chân”: có thể lợi nước sâu, ví

như thần thông. Lại, “dầu” có thể trừ bệnh phong tê, khiến định thì không loạn. “Đồ ăn uống đầy đủ”, tức gạo bột ở trên. “Thêm đệm chiếu dầy ấm” tức là quán luyện huân tu định, có thể trừ tán động. “Cận kẽ nói thế này, người nên siêng làm việc”: nửa hàng, tổng tụng pháp thứ tư “an ủi”, thứ năm “không có năm lỗi” bên trên. Cận lực đã thành mới có khả năng nhận lời cận kẽ. “Lại dùng lời dịu dàng”: nửa hàng, tổng tụng pháp thứ sáu “đặt tên” và thứ bảy “khiến thường làm” bên trên. Đều là con ta vậy.

Từ “Ông trưởng giả có trí” xuống, mười hàng, tụng ý thứ tư lãnh giao phó gia nghiệp trong phần Khai thí. Văn trên có hai nay tụng cũng hai:

1. Ba hàng rưỡi, tụng nguyên do giao phó gia nghiệp.
2. Sáu hàng rưỡi, tụng chánh thức giao phó gia nghiệp.

Phần đầu nguyên do, văn trên có hai, nay tụng cũng có hai:

“Ông trưởng giả có trí” trở xuống, nửa hàng, tổng tụng “tâm tương thể tin”, tức nhập xuất.

“Trái qua hai mươi năm” trở xuống, ba hàng, tụng ủy thác lãnh gia nghiệp. Bên trên, ủy thác gia nghiệp có ra lệnh, có nhận lệnh, nay chỉ tụng ý nhận lệnh. Trên nhận lệnh có bốn, nay chỉ tụng ba:

1. Một hàng rưỡi, tụng ý nhận lệnh.
2. “Gã vẫn ở ngoài cửa” trở xuống, một hàng tụng ý còn ở chỗ cũ chưa bỏ tâm thấp kém.

3. “Cha biết tâm con mình” trở xuống, nửa hàng, tụng thông thái Đại chí cơ duyên Đại thừa khởi động. Đây giải thích phần đầu, “hai mươi năm” không được giống như trên. Trên trừ Kiến Tư hoặc, gọi là “hai mươi”, đây nêu làm việc nhà. Hoặc là nói chuyển Đại thừa giáo, dạy các Bồ-tát, đoạn Đại thừa Biệt hoặc Kiến Tư, gọi là “hai mươi năm”. Hoặc là nói thuyết Bát-nhã là thời gian dài, gồm hai mươi năm. Hoặc là nói trụ vị Nhị thừa chuyển Đại thừa giáo, gọi là hai mươi năm. Kinh Nhân Vương Bát-Nhã nói: “Hai mươi tám năm thuyết Ma-ha Bát-nhã”.

Từ “Muốn giao tài vật cho” trở xuống, sáu hàng rưỡi tụng giao phó gia nghiệp. Văn trên có hai, nay tụng cũng hai:

1. Bốn hàng rưỡi đầu, tụng chính giao phó gia nghiệp.
2. Hai hàng tiếp, tụng được giao phó hoan hỷ.

- Trên chánh giao phó có bốn, nay chỉ tụng ba, không tụng thời tiết:

1. “Muốn giao tài vật cho” trở xuống một hàng, tụng ý thứ hai

trên: hợp thân tộc.

2. “Rồi ở trong đại chúng” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba bên trên: định thiên tánh cha con.

3. “Phàm của cải ta có” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ tư trên: chính giao phó cho.

“Người con nhớ xưa nghèo” trở xuống, hai hàng, tụng được giao phó hoan hỷ.

Từ “Đức Phật cũng như thế” trở xuống, ba mươi bài kệ rưỡi, tụng Hợp thí. “Đức Phật cũng như thế” hợp với ý thứ nhất: cha con thất lạc nhau. “Biết con ưa Tiểu thừa”: một câu, hợp với dụ cha con thấy nhau. “Nên chưa từng nói rằng” trở xuống hai câu, tụng hợp dụ thứ ba đui theo gọi lại. Trên hợp có hai:

1. Gọi lần nữa không đến.
2. Hợp ý phóng xả.

Nay tổng tụng ý kia! “Mà chỉ nói chúng con” trở xuống, một hàng, tụng hợp thí mật khiến nhị nhân dẫn dụ. Trên hợp với hai chương Tề giáo, Dò xét giáo. Nay một hàng này, chỉ tổng tụng ý kia. “Đức Phật bảo chúng con” trở xuống, hai mươi tám hàng rưỡi, tụng hợp thứ tư lãnh gia nghiệp. Trên hợp có hai: tin nhau và ủy phó gia nghiệp. Nay ban đầu mười tám hàng rưỡi, chỉ tụng hợp ủy thác gia nghiệp. Tiếp mười hàng, tụng hợp chính giao phó. Trên trong phần nhận lệnh chỉ có hai:

1. Nhận lệnh.
2. Không mong cầu lấy.

Nay một hàng đầu, tụng vâng lệnh lãnh biết, trên tụng không gì không biết, đạo tối thượng tức là Bát-nhã không. Lại không vượt qua ý trên. Tiếp đến mười bảy hàng rưỡi, chánh tụng vâng lệnh và không mong cầu. Không nơi nào không xả bỏ và thông thái. “Chúng con vâng lời Phật” trở xuống năm hàng, tụng vâng lệnh trên. “Phật tử nghe pháp được thọ ký”, là nêu chuyển giáo làm lợi tha. Lúc bấy giờ gọi là chuyển giáo giáo hóa Bồ-tát, không nói vì chúng con. “Như gã cùng tử kia” trở xuống, mười hai hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: không mong cầu, văn đây rộng hơn trên.

- Trong đó lại có hai:

1. Một hàng ghi ý hợp của thí dụ trước.

2. Từ “Chúng con đầu diễn nói” trở xuống, mười một hàng rưỡi, chính hợp ý không mong cầu.

- Phần này lại chia làm ba:

1. Hai hàng, chính tụng ý không mong cầu.

2. “Chúng con diệt bề trong” trở xuống, chín hàng rưỡi tụng đầy đủ Trí đức và Đoạn đức nên không mong cầu, lại chia làm ba: Nêu lên, Giải thích, và Tổng kết. Nêu lên lại chia làm hai:

a. Một hàng đầu, nêu Đoạn đức đầy đủ cho nên không mong cầu.

b. Từ “Chúng con dầu có nghe” trở xuống, một hàng, nêu Trí đức đầy đủ cho nên không mong cầu. Từ “Như thế là vì sao?” trở xuống, sáu hàng, giải thích hai chương Trí đức, Đoạn đức.

c. Từ “Chúng con dầu lại vì” trở xuống, một hàng rưỡi, tổng kết giải thích tự không mong cầu.

3. Từ “Đấng Đạo sư buông bỏ” trở xuống, một hàng, nêu đức Phật bỏ chúng con, hợp không mong cầu.

Từ “Như ông trưởng giả giàu” trở xuống, có mười hàng tụng chính giao phó gia nghiệp. Trên hợp có hai:

1. Chánh giao phó gia nghiệp.

2. Được giao phó hoan hỷ.

- Nay tụng cũng có hai:

1. Ba hàng, tụng chánh giao phó.

2. Bảy hàng, tụng được giao phó cho nên hoan hỷ. Trong ba hàng đầu, trên tổng hợp chính giao phó gia nghiệp, nay cũng tụng tụng, nhưng một hàng rưỡi đầu ghi chép hợp với dụ trước. Tiếp, một hàng rưỡi chính tụng hợp. Từ “Chúng con ngày hôm nay” trở xuống, bảy hàng được giao phó hoan hỷ. “Đắc đạo”: Đắc thật tướng đạo. “Đắc quả”: Phần đắc quả tập Đại thừa. Hai câu này nêu khai tri kiến Phật. “Ở nơi pháp vô lậu, đắc được nhãn thanh tịnh”: hai câu này nêu khai Phật kiến, thấy lý thật tướng. Ngày xưa thấy vô lậu, không rơi vào phàm phu. Ngày nay thấy vô lậu, không rơi vào nhị thừa. Ngày xưa tuệ nhãn thấy Không, nay tịnh nhãn thấy Trung đạo. Giữ gìn tịnh giới được quả báo. Xưa trì giới phạm hạnh cùng hiển vô lậu, khôi thân diệt trí, không có người thọ quả báo này. Ngày nay “phạm hạnh” năng đắc vô lậu, tức là nghĩa liễu nhân nhận lấy quả, “trì giới” tức nghĩa duyên nhân. Lý mà thấy được do nhãn thanh tịnh, tức nghĩa chánh nhân. “Chúng con ngày hôm nay mới thiệt là Thanh văn”: tức địa vị chân thật Đại thừa. Hàng thập tín dùng một âm biến vang khắp ba ngàn cõi, tương tự Đạo, không chân. Nhập Thập trụ, tức là chân. “Chân A-La-hán” có ba nghĩa trong đây chỉ nêu một nghĩa Ứng cúng. Nếu không sinh Biến dịch, sát Thông Biệt hoặc, thì không sinh nghĩa Sát tặc, có khả năng làm phước điền trong mười pháp giới tức nghĩa Ứng cúng. Ứng cúng Sát tặc xen nhau hiển bày.

Mười ba hàng kệ cuối tán thán ân sâu của đức Phật khó báo đáp, như văn. Theo ý riêng cho rằng: “Ân lớn của Thế Tôn” là:

1. Đức Phật ban đầu nêu từ bi, cứu khổ cho lục đạo chúng sinh, ban vui cho Tứ thánh, khắp mười pháp giới nhập trong Tứ hoàng thế nguyện, đây là ân ở nhà Như Lai.

2. Như Lai hành đạo Bồ-tát dạy bảo làm lợi ích vui vẻ, từng dạy Đại thừa cho chúng con, dù chúng con giữa chừng quên nhưng trí nguyện không mất, bởi nhà Như Lai mát mẻ ấm áp, tức ân đại từ ban vui.

3. Chúng sinh gặp khổ thân cận cha mà thôi, như con ghé con theo trâu mẹ đức Phật xem xét căn cơ để thích nghi, hành đủ lục độ làm lợi ích chúng sinh, bởi nhà Như Lai ngăn che lạnh nóng, là ân đại bi cứu khổ.

4. Đức Phật thành đạo rồi, lẽ ra thọ lạc vô vi tịch diệt, mà ẩn thần đức kia lại dùng pháp lạc nghèo nàn như ngũ giới thập thiện, như dùng nước lạnh dội vào mặt khiến chúng sinh được tỉnh ngộ. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì áo Phật ngăn nhiệt não do tham dục;

5. Thị hiện hình bóng Tỳ-kheo già, phương tiện gần gũi trả công thuê mượn từng ngày. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì trừ bỏ “thấy lạnh ưa nóng”.

6. Qua đó về sau, “tâm tướng thể tín”, quả trách chê bai khiến thẹn Tiểu hâm mộ Đại, Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì ngăn che sự xấu xí thấp kém.

7. Ra lệnh lãnh gia nghiệp, vàng bạc đầy kho đều khiến biết hết. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì trang nghiêm cho chúng con; 8. Hội tụ thân tộc quyết định cha con, giao phó dùng gia nghiệp, vô thượng tài bảo không cầu mà tự được. Đây là ân ngồi tòa Như Lai

9 & 10. Đã ngồi tòa rồi, thân ý thản nhiên, mau được an ổn, dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe, tất cả hàng thiên nhân đều ở trong đó nên thọ sự cúng dường. Đây là ân được ngồi tòa Như Lai, bởi vì khiến cho chúng con đầy đủ Tự hành và Hóa tha. Ân lớn của Thế Tôn, hai vai cùng gánh vác cũng không thể báo đáp, là nghĩa đây vậy.



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7

(Phần Thượng)

Phẩm Thứ 5: DƯỢC THẢO DỤ

Phẩm này nêu đầy đủ mây, mưa, núi, sông, mà chỉ riêng dùng Dược Thảo (cỏ thuốc) làm tên phẩm là sao? Đất đai là năng sinh, mây mưa có khả năng thấm nhuần, cỏ cây được đất đai sinh ra (sở sinh), được thấm nhuần mây mưa (sở nhuận). Sở sinh và sở nhuận, nói chung đều hữu dụng, mà vì dụng của Dược thảo mạnh. Các thiện hữu lậu đều năng trừ ác, nhưng vô lậu là trên hết. Bốn Đại đệ tử, trong chúng Vô lậu, đã đem Thí dụ diễn bày sự lãnh hội của mình đối với thí dụ của Phật, hiểu sâu Thánh ý.

Đức Phật khen: “Lành thay! Rất là hiếm có!” Phẩm này thuật lại điều chứng đắc hiểu biết của các vị đó. Để thí dụ các hạng người đó cho nên lấy tên phẩm là Dược Thảo Dụ. Luận rằng: “Dược thảo” ở trong rừng rậm lâu ngày, một khi nhờ mây mưa, bên trong thấm nhuần tươi mát, bên ngoài nảy lộc đâm chồi, Ví như bậc vô lậu trú nơi thân cuối cùng Hữu dư Niết-bàn. Lại không nguyện cầu vô thượng Phật đạo, nay được nghe kinh này, được tự cưỡi xe Phật thừa chuyên chở con người. Văn nói: “Chúng con ngày hôm nay, mới thật là Thanh văn, đem âm thanh Phật đạo, cho tất cả đều nghe”, trong ngoài tự tha đầy đủ lực dụng thù thắng, nên gọi là phẩm Dược Thảo Dụ.

Luận rằng “Dược thảo” năng trừ gió lạnh vào trong Tứ đại, bổ dưỡng ngũ tạng, khiến hình sắc được trẻ, khỏe lại. Nay nhờ mây mưa bỗng thành Dược vương, như thuốc quý, trị khắp các bệnh, biến thể thành tiên, ví như bậc vô lậu nghe kinh, phá Vô minh hoặc, khai tri kiến Phật. Văn nói: “Chúng con ngày hôm nay, chân thật là Phật tử. Vô thượng các bảo vật, không cầu mà tự được”. Cái mà Phật tử nên được thì đều đã được; đối trước Phật được thọ ký. Nay đối diện trước Phật riêng được thọ ký vui mừng hơn hẳn được xứng chỗ vi diệu, cho nên nói

phẩm Dược Thảo Dụ. Trước một phen là thầy trò lãnh thuật là ý Thế Giới Tất-đàn, tiếp một phen sinh thiện là Vị nhơn Tất-đàn, tiếp một phen nữa là ý Đối trị và Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, đó gọi là nhân duyên giải thích phẩm. Ngoài ra căn cứ giáo, bản tích, Quán tâm mà giải thích, thì theo lệ có thể biết, không phải ghi lại.

Phẩm này là đoạn thuật thành thứ ba trong phần Thí thuyết. Xưa nói: “thuật lại mười ba hàng kệ cuối trong phẩm Thí dụ tán thán ân sâu của Phật, lại thuật dụ Trưởng giả dạy người làm, như văn nói rõ ràng khéo léo”. Sư cho rằng: Không nên thiên chấp như vậy. Kinh gọi là “khéo nói công đức chân thật của Như Lai”, thuật lại đầy đủ về lãnh Quyền lãnh Thật, văn nêu rõ điều này. Mười ba hàng kệ chỉ là hàng nhị thừa tề giáo chịu ân. Thí dụ dạy người làm, là Quyền công đức của Phật. Nay nói đều thuật sự lãnh giải cùng khắp, bắt đầu là thiên tánh kết duyên, đoạn giữa là truy tìm đuổi theo dẫn dụ, cuối cùng là giao phó tài sản. Thật là vi diệu, thật là xuất sắc, vô lượng vô biên các ân đức. Văn kia chia làm hai phần.

I. Lược thuật thành.

II. Rộng thuật thành.

Lược thuật lại có hai:

- 1) Thuật lại hai lần “Thiện tai”.
- 2) Sự lãnh hội không kịp.

- Thuật lại hai lần: lần một “Thiện tai” thuật hai chỗ lãnh hội pháp Thật. Lần kế tiếp “Thiện tai” thuật hai chỗ lãnh hội pháp Quyền.

“Khéo nói được công đức chân thật của Như Lai”: “chân thật” là thuật lại pháp Thật, “công đức” là thuật lại pháp Quyền. Lại, thời Hoa Nghiêm thì dự định thích nghi lãnh hội pháp Thật, thời Tam tạng thì dụ dẫn lãnh Quyền, thời Phương Đẳng thì “thể tín”, thời Bát-nhã thì lãnh giáo, đều lãnh Quyền Thật. Thời Pháp Hoa thì giao phó tài bảo, chuyên luận về Thật. Ngôn từ rất rõ ràng khéo léo, cho nên gọi là “khéo nói”, đều là Phật pháp cho nên nói “chân thật”. “Đúng như lời các ông nói”: tức là ý chỉ ấn định. Lại, từ “Đức Như Lai lại còn có” trở xuống, là thuật ý lãnh hội không kịp. Vì sao không kịp? Nghĩa là tiến thoái ngang dọc, cũng ngang cũng dọc, chẳng ngang chẳng dọc, đều không kịp. Vì sao? Vì mây dầy bủa giăng che khắp khiến cho mát mẻ, mưa lớn đều thấm nhuần, không nơi nào là không thấm nhuần, đều khiến cho thế gian đều được thấy biết pháp chưa từng có, sao bỗng tề giáo chỉ có lãnh hội ý Nhị thừa được lợi ích, không nói đến nhân thiên, ví như cỏ nhỏ được lợi ích? Đó gọi là điều không hiểu kịp về thoái. Bồ-tát như là cỏ bậc thượng,

cũng gọi là “cây nhỏ cây lớn”, đều sum suê tươi tốt, mình và người đều được lợi ích, mà lại không lãnh hội, đó gọi là điều không hiểu kịp về tiến. Lại, mười pháp giới đồng thành Phật pháp giới, sao bỗng chỉ có lãnh hội Nhị thừa, tám pháp giới còn lại đều không nói đến, đó gọi là không hiểu kịp theo chiều ngang của Phật pháp. Lại, bảy phương tiện từ cạn đến sâu, đều nhập chân thật, năm phương tiện còn lại đều không nói đến, đó gọi là không hiểu kịp theo chiều dọc. Lại, lợi ích cả ba đời chưa từng tạm bỏ, đó gọi là không hiểu kịp cũng ngang cũng dọc. Phàm nói “núi, sông, khe, hang”... gọi chung là “một đất”. “Một đất” có thể sinh trưởng cỏ cây, chưa từng có chọn lựa từ chồi kia nhận đây. Chủng tử cây cỏ đều nường nơi đất, hoàn toàn không nường nơi khác. Một đám mây đen giăng mù mịt, không chỗ nào là không tối tăm. Một trận mưa một vị, không phân biệt khô tươi đều thấm nhuần, đã đồng thì đều được tăng trưởng. Đức Như Lai bình đẳng bất khả tư nghì, thật không có “trước đốn sau tiệm, đầu ba cuối một”. Như rồng dấy mây lành mưa thấm khắp tất cả thân tâm mà không cố ý làm mưa để trừ nóng bức được mát mẻ. Đó gọi là năm thừa bảy phương tiện. Mười phương ba đời bình đẳng, rộng lớn, sâu thẳm xa vời, không thể nghĩ bàn, không có sai biệt đó gọi là không hiểu kịp chẳng ngang chẳng dọc. Ý chỉ không kịp không phải đều thuộc về đốn, đặc biệt dùng sơ tâm hướng về hậu tâm, vì địa chưa cùng tốt cho nên gọi là “bất tận”. Lại, ban đầu ngộ chữ A đầu tiên cũng đầy đủ công đức như chữ Trà sau cuối (Tứ thập nhị Tự môn), chỉ lãnh hội tề giáo thì chưa rảnh rang tiến đến lãnh hội ngang dọc cùng khắp. Lại, về Quyền hạnh thì đại sĩ thích ứng như đây.

Rộng thuật thành tựu có hai: Trường hàng và kệ tụng.

Trường hàng lại có hai:

- 1) Thuật thành khai tam hiển nhất.
- 2) Từ “Ca-diếp! Các ông” trở xuống, là kết thán.

- Khai tam hiển nhất có Pháp, Thí hợp. Trong Pháp hợp lại có hai:

- 1) Trước nêu “Pháp vương”: không hư dối để khuyến tin.
- 2) Từ “Phật đối với tất cả pháp” trở xuống, chính thuật khai tam hiển nhất. Xét rằng Nhân vương thì bên ngoài không sợ hãi, trong không nói hai lời. Pháp vương cũng vậy, các điều ác đã tận, phát ra lời nói thành thật. Xưa nói: Thuật cho hàng trung căn không hư dối, khuyến khích hàng hạ căn tín thọ. Nay nói Phật pháp tuy nhiều nhưng không ra ngoài quyền thật. Ngoài quyền thật hoàn toàn không có pháp khác, mà nói “vô lượng” thì ý này khó tin. Cho nên, nêu “Pháp vương” để khuyến

tin. Lại, vì thí dụ “mây lớn” bên dưới làm bản. Từ “Phật đối với tất cả pháp” trở xuống, là căn cứ giáo nêu khai quyền hiển thật. Từ “Đức Như Lai xem biết” trở xuống, là căn cứ trí nêu khai quyền hiển thật. Do hai giáo hiển hai trí, do hai trí thuyết hai giáo; trí giáo thành tựu lẫn nhau. “Nhất thiết pháp”: nghĩa là bảy phương tiện theo chiều ngang, đối nhất thật theo chiều dọc. Nếu nói không phải như vậy, thì cơ sao ở nơi hai vạn ức Phật ban đầu phát đại tâm, thời gian giữa lại theo Tiểu thừa? Lại, lưu chuyển trong năm đường, lại mười pháp giới một người còn đủ, huống chi bảy phương tiện! Pháp này dù nhiều, nhưng phương tiện Ba-la-mật chiếu hết sạch không gì không tận. Dùng loại tiếng giống như của chúng mà thuyết pháp, cho nên không nơi nào là không phù hợp. Vì hàng Nhân thiên mà nói giới thiện, vì hàng Nhị thừa mà nói Tứ đế Thập nhị nhân duyên, vì hàng Tam tạng mà nói “sự độ”, vì hàng Thông giáo mà nói Vô sinh, vì hàng Biệt giáo mà nói thứ lớp khai Như Lai tạng. Đó gọi là thuật lại sự lãnh hội ý Phật khai Tam thừa.

Từ “Pháp của Phật nói” trở xuống, căn cứ giáo mà thuật lại sự hiển thật. “Địa” là thật tướng, cứu cánh chẳng phải hai cho nên nói “nhất”, tánh kia rộng lớn cho nên nói “thiết”(hết thảy). Tịch mà thường chiếu, cho nên nói “trí”. Từ bản vô trụ mà lập tất cả pháp, cho nên gọi “địa”, đây là Thật tướng theo Viên giáo. Phạm pháp Phật thuyết đều khiến chúng sinh đạt đến “trí địa” này. Văn hiển thật, rõ như ban ngày, vì sao mê tối mà hiểu sai khác? Ví như trong Đại Phẩm rộng nêu các pháp đều là Ma-ha-diễn. Diễn tức Đại thừa, Thừa tức Thật tướng, Thật tướng tức “Nhất thiết trí”. Văn trên nói: “Chỉ một sự này là thật” là chỉ “địa” này, “có cái thứ hai nào khác thì không phải chân” là chỉ cho bảy phương tiện. Đây là căn cứ hai giáo tiệm đốn mà thuật ý khai quyền hiển thật.

Từ “Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp” trở xuống, là căn cứ trí mà thuật ý Phật khai Quyền hiển Thật, xem biết chỗ trở về của tất cả pháp là năng chiếu Quyền, “rốt ráo rõ biết” là năng chiếu Thật. Hai trí chiếu hai cảnh Thiên Viên thông đạt vô ngại, cho nên năng thuyết hai giáo Quyền Thật. Đây là nêu trí để giải thích giáo. “Biết chỗ quy thú” là biết “dược” (thuốc), biết tâm sở hành là biết bệnh. Bệnh và thuốc đều là pháp quyền, pháp quyền đều có chỗ hướng về. Các thứ giới, thiện v.v... là gần hướng hàng nhân thiên. Nếu tạo tác duyên như cúi đầu chấp tay là xa hướng Phật quả, thì Niệm xứ, đạo phẩm... là gần hướng đến Niết-bàn. Nếu tạo phước đức trang nghiêm thì việc các ông làm là đạo Bồ-tát, tức xa hướng đến Bảo sở, cho đến các pháp

lục độ Thông Biệt v.v... Đường lối hướng về gần xa không đồng có thể hiểu. Lại, giới thiện là thuốc của hàng trời người. Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, là thuốc của hàng Tam thừa, cho đến Thông Biệt... cũng có thể biết.

“Thâm tâm sở hành” có hai thứ:

1. Thâm tâm chấp đắm nơi y báo chánh báo.

2. Thâm tâm đắm nơi pháp sở chấp.

Chấp đắm y báo chánh báo: là khởi mười ác sâu nặng làm chướng ngại nhân thiên thừa. Đắm pháp sở chấp: là khởi bốn điên đảo, ba đường, sáu tệ, bốn trụ, năm trụ... làm chướng ngại các Thánh thừa. Nên biết thâm tâm tương bệnh không đồng, Quyền trí chiếu soi thông đạt vô ngại. Lại, “đối với các pháp rốt ráo rõ biết (cứu tận minh liễu)”: thật trí sở chiếu. Tất cả Quyền pháp thấy đều nhập Thật cho nên nói “rốt ráo”(cứu cánh). Thật trí sở tri, cho nên nói “liễu”, Phật nhãn sở kiến, cho nên nói “minh”. Nếu trí đây chiếu thuốc này bệnh này, mà không chiếu thuốc kia bệnh kia, trí kia chiếu kia mà không thể chiếu đây, thì chủng loại sai khác không đồng là Quyền trí chiếu. Nhất trí chiếu khắp tất cả bệnh, tất cả dược, là Thật trí chiếu. Năng chỉ bày cho chúng sinh viên cảnh trí như vậy, cho nên nói “nhất thiết trí tuệ”. Lại, “nhất thiết pháp” nghĩa là mười pháp giới. Mười pháp mỗi mỗi tướng dục không đồng, mỗi mỗi thân hoạch quả báo, quy thú cũng khác. Biết cùng tận các pháp, gọi là biết bệnh; biết tất cả thâm tâm sở trước, gọi là biết thuốc và thuốc có sâu cạn. Kinh Đại Phẩm nói: “Trí như thật biết tâm tham dục tâm sân si, dùng trí như thật để biết thì gọi là “biết thâm tâm”, như lý thông đạt không có chướng ngại. Nếu giới, thiện, Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ... tất cả pháp dược đều dùng trí như thật để biết, thì gọi là “thông đạt vô ngại”. Lại, trong văn nói về Quyền trí, thì “thông đạt vô ngại” là căn cứ Quyền mà luận về Thật. Trong văn nói về Thật trí thì nói “lại đối với các pháp”, “các pháp” là căn cứ Thật mà luận về Quyền. Hai văn xen lẫn hiển bày, đây nêu Thật là thật của quyền, Quyền là quyền của thật. Nên biết cứu cánh phi quyền phi thật, chẳng sai biệt chẳng không sai biệt. Vì trí phương tiện quyền thì có sai biệt, cái biết mà đạt đến trí địa thì không còn sai biệt, như đất (địa) không sai biệt, bao nhiêu cỏ cây, bao nhiêu không bao nhiêu, không bao nhiêu bao nhiêu. Lại, như căn cứ tâm mà luận về pháp, căn cứ pháp mà luận về tâm. Tâm có các số, pháp không có các số. Tâm không lìa pháp, pháp không lìa tâm. Vô số mà số, số mà vô số. Quyền Thật cũng vậy v.v...

Phần thứ hai Thí thuyết: Từ “Ví như” trở xuống, văn chia làm hai:

1. Nói Thí dụ. 2. Lại nói tôn chỉ, Khen ngợi.

Nói thí dụ có hai: 1. Khai. 2. Hợp.

Khai chia làm hai: 1. Thí dụ sai biệt, thí dụ trên thuật lại quyền giáo, quyền trí. 2. Thí dụ không sai biệt, thí dụ trên thuật lại Thật giáo Thật trí: Đưa ra ba loại cỏ, hai loại cây nhỏ lớn không đồng, cho nên nói sai biệt. Một đất, một mưa mà tải khắp nhuận khắp, cho nên nói không sai biệt. Nếu xem ngọn nhánh kia, thì là mỗi mỗi không đồng. Nếu xét gốc kia tươi tốt, thì đều nhờ đất và mưa. Nội hợp: trí phương tiện chiếu thì có bảy, có năm khác nhau. Thật trí chiếu qua, thì cuối cùng đều trở về nhất thật. Nhất thật là bảy là năm. Bảy, năm, là nhất thật. Sai biệt mà không sai biệt, không sai biệt mà sai biệt...

- Thí dụ sai biệt có sáu:

1. Đất đai.
2. Cây cối.
3. Mây dầy.
4. Mưa xối.
5. Thọ nhuận.
6. Tăng trưởng.

Thí dụ thứ nhất: “Đất đai”. Xưa cho rằng: Nói chung thì ba ngàn thế giới là đất đai, riêng đưa ra bốn loại: Núi, sông, ngòi, khe làm tập nhân cho ngũ thừa. “Khe (cốc)”: nhận nhiều nước, dụ cho Bồ-tát. “Ngòi (khê)”: dụ cho Bích-chi-phật. “Sông”: dụ cho Thanh văn. “Núi”: cao, thọ nhuận ít, dụ cho Nhân Thiên thừa. Nay cho rằng: tập nhân nên ví như chủng tử, thọ nhuận, tăng trưởng. Đất đai, núi, sông tuy có nghĩa thọ nhuận nhưng thiếu hai nghĩa: chủng tử và tăng trưởng. Lại, văn dưới hợp thí có nói: “Khắp cả thế giới Trời, Người, Tu la”, tụng kệ nói: “Ở trong tất cả chúng Trời Người”, đều không thể dùng đất đai... dụ cho tập nhân. Nay không dùng nghĩa đó, mà dùng “đại thiên thế giới” ví như Chúng sinh thế gian, “núi, sông, ngòi, khe, đất đai” ví như Ngũ ấm thế gian. Thế giới không có pháp riêng, vì do núi, sông, ngòi, khe, đất đai tạo thành. Chúng sinh không có pháp riêng, vì do ngũ ấm tạo thành. Đất đai vì chung, cho nên ví như thức ấm. Núi, sông, ngòi, khe thì ví như bốn ấm kia. Cỏ cây năng y vào đất, tuy nương tựa vào đất đai v.v... mà đất đai v.v... không phải tức là cỏ cây, vì tính chất cỏ cây chỉ gọi là cỏ cây. Hạt giống cỏ cây hoàn toàn không có tên riêng, chỉ vì công năng sinh nên gọi hạt giống, vì tính chất sở sinh nên gọi là cỏ cây, đều là thực vật bám rễ ở đất, nên đất là căn bản.

Nội hợp: tập nhân tập quả, tuy nương ngũ ấm, mà ngũ ấm chẳng

phải tức nhân quả. Cần phải nương nơi ấm để có tập nhân, tăng trưởng thành tựu gọi là tập quả. Quả nhân nương nơi ấm mà sinh khởi, thì núi sông đất đai dụ ấm thành, cỏ cây chủng tử thọ nhuận tăng trưởng dụ ấm đều thành. Lại, Biệt thí: Núi tuy có cao chót vót cũng có năm tướng: đào, tụt xuống dần..., cho đến đất tuy bằng phẳng cũng có năm tướng: gò đất, ao... tức dụ cho ngũ ấm theo Ngũ thừa. “Núi” ở trên cao, dụ cho ngũ ấm của Bồ-tát, “sông” dụ cho Bích-chi-phật, “ngòi” dụ Thanh văn, “đất đai” dụ Trời, “khe” ở dưới thấp, dụ cho Người. Mỗi một ngũ ấm đều có tập nhân tập quả làm chỗ nương, cũng như “núi, sông, ngòi, khe, đất đai” đều làm chỗ nương của hạt giống, tính năng sinh... Lại dùng Tam thiên đại thiên thế giới dụ cho lý chánh nhân, chung làm chỗ nương cho tất cả. “Núi, sông, ngòi, khe, đất đai” dụ cho ấm, giới, nhập quả báo, sắc, tâm của chúng sinh. “Cỏ cây lùm rừng” dụ cho tập nhân của chúng sinh. Ba pháp này không lia nhau, tu tập dựa vào ấm nhập, ấm nhập không ra ngoài pháp tánh, như cỏ cây nương núi sông, núi sông nương thế giới. Sáu thứ văn rõ ràng, vì sao tác nghĩa? Lại, thứ lớp như đây, tại sao phân chia lẫn lộn kinh văn, sao chép trước sau?

Từ “Sinh ra cây cỏ” trở xuống, là Thí dụ thứ hai: Cỏ cây. “Cỏ” là tên chung các cỏ, “cây” là tên chung của các cây. Nhiều cỏ thành lùm bụi; nhiều cây thành rừng. Lực dụng trị bệnh tốt, gọi là “thuốc” (dược). Như trong thiện pháp đều năng trị ác, mà vô lậu thiện trị Hoặc nghĩa tốt hơn, gọi là “thuốc”. Cỏ dưới thấp, cây cao vừa, rừng cây cành gốc che phủ bóng râm rộng lớn, có công dụng lớn, cho nên ví như hai loại Bồ-tát. “Chủng loại rất nhiều”: nhân quả chủng tử của Ngũ thừa Thất thiện nên nói “rất nhiều”. Bao nhiêu chủng loại đều có bấy nhiêu tên gọi, tức là “danh”, đều có thể tướng, tức là “sắc”.

- Từ “Mây đầy bữa giảng” trở xuống, là thí dụ thứ ba: Mây đầy đặc. Mây có hình sắc che mát. Văn dưới có nói thêm: “Tiếng sấm xa vang động”. “Che mát” dụ cho tâm từ bi của Phật, “hình sắc” dụ cho đức Phật ứng thế, “tiếng sấm” dụ cho ngôn giáo của Phật. “Mây đầy”(mật vân), tức tam mật, từ bi tức ý mật, hình sắc tức thân mật, tiếng sấm tức khẩu mật. “Bữa giảng” là giảng khắp. Đã đầy lại khắp cho nên nói “bữa giảng”. Vì từ bi, huân Ứng thân thuyết pháp khắp mười pháp giới cho nên nói “bữa giảng”. Kinh Luật Dị Tướng nói: Mây có năm màu sắc. Xanh: gió nhiều, Đỏ: lửa nhiều, Vàng, Trắng: đất nhiều, Đen: nước nhiều. Có bốn Điện sư: Đông: Thân vị, Nam: Bách chủ, Tây: A-kiệt-la; Bắc: A-chúc-lam. Bốn vị này đánh nhau, nên có tiếng sấm.

Lại, nước lửa gió đất đấu nhau, cho nên có sấm. Có năm việc

không có mưa:

1. Gió thổi.
2. Lửa bốc cháy.
3. A-tu-la dùng tay khuấy động biển.
4. Vũ sư dâm loạn.
5. Quốc vương không có lý trị, Vũ sư giận nên không mưa...

- “Đồng thời mưa xối xuống” là thí dụ thứ tư: Mưa xối. Ví như Phật dùng khẩu mật, Bát âm, Tứ biện mà tuyên diễn, mưa pháp xối xuống thấm nhuần lợi ích chúng sinh.

Từ “Khắp nơi thấm nhuần” trở xuống, là thí dụ thứ năm: Thọ nhuận. Mưa pháp báu rưới khắp tâm địa của bảy loại chúng sinh, có tập nhân chủng tử tức sinh Văn tuệ, gọi là “thấm nhuần”. “Gốc thân nhánh lá”: Tín là “gốc”, Giới là “thân”, Định là “nhánh”, Tuệ là “lá”, thứ lớp trợ giúp nhau cho nên dụ bốn thứ này. “Gốc nhỏ, thân nhỏ, nhánh nhỏ, lá nhỏ” tức Tín giới định tuệ của hàng Nhân Thiên. “Gốc vừa, thân vừa, nhánh vừa, lá vừa” tức Tín giới định tuệ của Nhị thừa. “Gốc lớn, thân lớn, nhánh lớn, lá lớn” tức Tín giới định tuệ của hàng Bồ-tát.

- Từ “Các giống cây lớn nhỏ” trở xuống, là Thí dụ thứ sáu: Tăng trưởng. Lại lược ghi nêu cỏ cây kia tùy phần thọ nhuận. Hai nhân Tập Báo thiện pháp đã nhờ mưa pháp thấm mà hai quả Tập Báo đều được tăng trưởng. “Xứng theo chủng tánh”: nêu dùng Quyền giáo xứng hợp căn cơ. Cây nhỏ thì không quá phần hạn, cây lớn không giảm thiểu, tức là bảy thứ Tập Báo hai nhân. “Đơm hoa kết trái”: hai quả Tập Báo. Lại, nói tăng trưởng tức ba nghĩa:

1. “Xứng theo chủng tánh”: nguyên do tăng trưởng; do dùng giáo xứng hợp căn cơ.

2. “Đều được sinh trưởng”: chính nêu tăng trưởng.

3. “Đơm hoa kết trái” tươi tốt: tướng tăng trưởng.

Từ “Dầu rằng một cõi đất sinh” trở xuống, là đoạn lớn thứ hai: Thí dụ một đất, một mưa không sai biệt, để hiển bày Nhất thật. Đây có ba:

1. Một cõi đất sinh: Ở giai đoạn Đạo tiền thì tâm địa sinh, ở giai đoạn tu nhân cuối cùng, tức Đạo hậu, thì Trí địa sinh.

2. Một vầng mây mưa: một âm thanh tuyên diễn pháp môn Nhất thừa mà khai phát năm loại thiện căn ở giai đoạn Đạo trung, cuối cùng là một âm giáo bình đẳng.

3. Ba cỏ hai cây bắm thọ lợi ích mà không tự hiểu biết: năm loại thiện căn nhờ mưa Phật pháp tùy phần tăng trưởng. “Mà không tự biết”:

Nhân của năm loại đều nương một Phật tánh. Cũng không tự biết: ngũ thừa giáo đều là Đại thừa. Cũng không tự biết: đồng qui về Phật tuệ. Chỉ có đức Như Lai mới có thể biết.

Từ “Ca-diếp nên biết! Đức Như Lai” trở xuống, là hợp thí. Hợp Thí sai biệt, chia làm hai:

1. Chánh hợp.

2. Đề ra Thí dụ, nhấn mạnh nghĩa hợp.

Thí dụ sai biệt có sáu: Nay hợp không theo thứ tự đó. Khai thí nêu căn cơ, trước luận về chúng sinh, Hợp thí nêu ứng, trước hợp Như Lai vì Như Lai là vị hóa chủ. Trong đây thứ nhất chánh hợp với thí thứ ba “mây dầy” cũng hợp với thí thứ nhất “thế giới” bên trên. Trong đây thứ hai hợp trên thí thứ tư “mưa xối” bên trên; trong đây thứ ba hợp thí thứ nhất “thế giới, núi, sông, ngòi, khe” bên trên, trong đây thứ tư hợp thí thứ hai “cỏ cây” bên trên, trong đây thứ năm hợp thí thứ năm “thấm nhuần” bên trên, trong đây thứ sáu hợp thí thứ sáu “tăng trưởng” bên trên. Hợp thí thứ lớp: nêu đức Như Lai ứng ở đời thì có tám âm thanh thuyết pháp, thuyết pháp tức có chúng sinh thọ hóa, chúng sinh nghe pháp đều thấm nhuần đạo, được thấm nhuần là đồng, nhưng sự tăng trưởng có sai biệt.

Hợp với nghĩa “mây dầy”: Trước nêu thân Phật mật, hợp với “mây có hình”, sau nêu Phật khẩu mật hợp “mây có tiếng”. “Như Lai cũng lại như vậy xuất hiện ở đời”, tức là chánh hợp ứng thân xuất thế. “Như vầng mây lớn nổi lên” tức nêu thí thuận hợp, nêu Như Lai đại từ hiện thân che chở nuôi dưỡng hết thảy. “Dùng âm thanh lớn” tức là nêu Phật khẩu mật, hợp thí “mây có tiếng”. “Thiên, nhân, A-tu-la” là riêng nêu ba đường thiện, vâng lời khẩu mật thì được lợi ích, tức là ba mươi người con căn tánh Tam thừa. “Như mây lớn kia” tức là nêu thí thuận hợp “mây có tiếng”. Trùm khắp cõi tam thiên đại thiên: nêu chung tất cả đều là Phật tử, đều nhờ khẩu mật mà được lợi ích. Hoặc có khi chỉ hợp năm thí dụ. Dem “trùm khắp thế giới...” gồm hợp với “thế giới đất đai”. “Thế giới” tức là Quốc độ thế gian. “Thiên, nhân, A-tu-la” tức là giả danh Ngũ ấm thế gian. Giả danh hợp “thế giới” bên trên, ngũ ấm hợp “sông, núi, ngòi, khe” bên trên.

Từ “Ở trong đại chúng mà xưng lời này” trở xuống, tức là hợp thí thứ tư “mưa xối” ở trên. Trước nêu chương môn, tiếp khuyên nghe nhận. Chương môn có sáu:

1. Mười hiệu, tức là “Như Lai, Ứng cúng v.v..”

2. Bốn hồng nguyện, tức là “Người chưa được độ thì khiến được

độ...”

3. Tam đạt, tức là “đời nay đời sau...”

4. Nhất tâm tam trí, tức là biết đầy đủ.

5. Ngũ nhãn, tức là thấy tất cả.

6. Tam nghiệp cùng trí tuệ hành: “Tri đạo” nghĩa là ý không hộ, “Khai đạo” nghĩa là thân không hộ, “Thuyết đạo” nghĩa là khẩu không hộ. Cũng gọi là Đạo sư, nghĩa là “bực Tri đạo”. “Các người, hàng trời...” là khuyên chúng sinh nghe nhận. Tám âm thanh của Phật giảng giải sáu thứ pháp môn. Dựa vào số nhiều, mới nói rằng khuyên ba đường thiện, thích ứng đến nghe pháp.

Từ “Bấy giờ có vô số ngàn muôn ức loài chúng sinh” cho đến “chỗ đức Phật mà nghe pháp”, Trong đây thứ ba hợp thí “núi sông” bên trên, dẫn đến quả báo mà có chúng sinh, như nương “núi sông” mà có được thế giới... “Trăm ngàn vạn ức” tức là chúng sinh trong mười pháp giới. Nay chính nói thất phương tiện chúng sinh sai biệt, phối hợp như trên nói. Hoặc từ “Các người trời người”... là đều hợp thí dụ Núi sông.

“Lúc đó đức Như Lai xem xét các căn lợi độn tinh tấn hay giải đãi của chúng sinh đó” đây là thứ ba hợp thí thứ hai “cây cỏ” bên trên. Xưa nói: Văn đây nhiều ra, không hợp dụ trên. Nay nói trong Thí dụ trên có cây cỏ sai biệt lớn nhỏ không đồng, trong đây nêu căn có lợi độn, hành có siêng năng biếng nhác, chính là tập nhân sâu cạn, đồng với nghĩa cây cỏ lớn nhỏ, đâu chẳng phải hợp thí mà nói “nhiều ra”?! “Lúc đó”: Nếu luận tiệm sơ, tức là tại vườn Lộc Uyển thời đầu tiên thuyết tam thừa, nếu luận trung gian, thì mọi nơi đều được coi như “lúc đó”. “Lợi, độn”: Xét chung thì nhân ác quả khổ trong ba đường, không thể thọ đạo gọi là “độn”, bảy loại phương tiện khai giáo được lợi ích, gọi là “lợi”. Xét riêng thì nhân thiện chỉ thọ quả báo không chịu thọ đạo, gọi là “độn”, tam thừa căn tánh đoạn Hoặc xuất giới, gọi là “lợi”. Lại, hàng Thanh văn quán sinh diệt, gọi là “độn”, Bồ-tát quán bất sinh diệt, gọi là “lợi”. Thông Biệt Viên... Ba đường phóng dật, gọi là “giải đãi”. Nhân thiên trì ngũ giới thập thiện, gọi là “tinh tấn”. Nhân thiên không nhằm chán khổ, gọi là “giải đãi”, Nhị thừa sợ vô thường, gọi là “tinh tấn”. Hàng nhị thừa tham chứng không cầu làm Phật, gọi là “giải đãi”, Bồ-tát chí cầu Phật đạo gọi là “tinh tấn”.

Từ “Tùy thuận sức nó kham nổi mà vì chúng sinh nói pháp” cho đến “khiến hoan hỷ được thiện lợi”: đây là thứ năm hợp Thí thứ năm “thọ nhuận” bên trên. “Tùy sức nó kham nổi” tức là xứng hợp cơ nghi, không có lỗi tăng giảm. “Hoan hỷ được thiện lợi”: được thấm nhuần

pháp, được lợi ích.

“Các chúng sinh này nghe pháp rồi” đây là thứ sáu hợp Thí thứ sáu “tăng trưởng” bên trên. “Hiện đời an ổn, đời sau sinh về chỗ lành” tức là báo nhân cảm báo quả, hợp với “hoa nở tăng trưởng”. “Cũng được nghe pháp” cho đến “nhập đạo”: tức là tập nhân lôi kéo tập quả, hợp với “quả thật tăng trưởng” bên trên. “Đã nghe pháp rồi”: hợp “nguyên do tăng trưởng” bên trên. “Hiện đời an ổn”: chánh hợp “tăng trưởng”. “Đời sau sinh về chỗ lành”: hợp nghĩa “tướng tăng trưởng” bên trên.

Đức Phật như mây lớn che khắp tất cả, chúng sinh trong ba đường cũng được thấm nhuần tăng trưởng, như thuyết Bát-nhã Phương Đẳng nêu rõ địa ngục được lợi ích. Lại, trong các kinh cũng nói rằng, chim, quỷ thần... nghe pháp được lợi ích. Nếu lửa tắt nước nóng nguội tức là “hiện đời được an ổn”. Nếu sinh lên cõi trời trong cõi người, thì là “đời sau sinh về chỗ lành”. Ở trong hàng nhân thiên tu đạo tức là “do đạo được thọ hưởng vui”. Nếu hàng nhân thiên nghe pháp, trì giới, có phước đức giúp thân, thì quỷ rồng không xâm phạm, tức là “hiện đời an ổn”, hoặc Trời trở lại sinh vào cõi trời, cõi người trở lại sinh vào cõi người, hoặc trời người sinh lẫn nhau, tức “đời sau sinh về chỗ lành”. Chúng sinh năng ngộ giải, tức là “do đạo được thọ hưởng vui”. Hàng nhị thừa nghe pháp đắc Hữu dư Niết-bàn, là “hiện đời an ổn”. Như văn dưới nói: “Người ấy đối với công đức mà mình được lại sinh diệt độ tướng”, “ta ở cõi khác làm Phật”. “Lại không có tên khác, người ấy ở nước kia được nghe kinh này” tức chỉ cõi Phương Tiện hữu dư là “chỗ lành”, ở nước kia nghe kinh này là “do đạo được thọ hưởng vui”. Nếu sinh thân Bồ-tát nghe đức Phật Lô-xá-na thuyết pháp thì đắc Vô sinh nhẫn, tức “hiện đời an ổn”, đời sau sinh thế giới Tịnh Mãn làm quyến thuộc Pháp thân, tức là “chỗ lành”, “do đạo được thọ hưởng vui”. “Lìa các chướng ngại” tức là hiện đời an ổn. “Theo sức mình kham được, dần dần được nhập đạo” tức là đời sau do đạo được thọ hưởng vui.

Ngũ thừa: Ngũ giới thừa xuất ba đường khổ. Thập thiện thừa xuất tám khổ trong Nhân đạo, Thanh văn thừa xuất vô thường khổ trong ba cõi. Duyên giác thừa xuất khổ do nghe pháp từ người khác. Bồ-tát thừa xuất khổ do bên trong không lợi trí, bên ngoài không có tướng hảo; đó là Ngũ thừa.

Hỏi: Chỉ nên dùng Nhân Thiên làm thế gian thừa các thừa khác là thừa xuất thế gian. Lại Phật là Thật thừa, các thừa khác là Quyền thừa. Lại, Phật là Quả thừa, các thừa khác là Nhân thừa. Lại, nên làm tam thừa: Nhân thiên là hạ, Nhị thừa là trung, Phật là thượng. Lại, Nhân

thiên gọi là Bất đoạn phiến não thừa, Nhị thừa gọi là Đoạn phiến não thừa, Phật gọi là Phi đoạn phi bất đoạn thừa. Lại, Nhân thiên gọi là Bất đoạn, Phật gọi là Đoạn, hàng Nhị thừa gọi Cũng đoạn cũng bất đoạn. Lại, phàm phu hiền thánh, phi phàm phi Thánh, hữu không, phi hữu, phi không thừa... Đại luận nêu rõ năm thiện căn, kinh Thắng Man nêu bốn tạng, cùng ba cỗ hai cây là thế nào?

Đáp: Nhân thiên là hai thiện, Nhị thừa là một thiện, và Phật và Bồ-tát, là năm là khai đại hợp tiểu, Ngũ thừa thì khai tiểu hợp đại. Bốn tạng hợp phàm khai Thánh, Ngũ thừa thì phàm thánh đều khai, tùy duyên không đồng.

Từ “Như mây lớn kia” trở xuống, là đề ra thí dụ thuận hợp sáu ý: “Mây lớn” thuận hợp thứ nhất: hình sắc âm thanh hai thứ lợi ích. “Mưa rưới khắp tất cả”: thuận hợp thứ hai: sáu chương pháp môn. “Cỏ cây lùm rừng”: thuận hợp thứ tư: chúng sinh thọ hóa có lợi độn, giải đãi tinh tấn, tập nhân sâu cạn. “Như chũng tánh kia đều được thấm nhuần đầy đủ”: thuận hợp thứ năm: thọ nhuận đắc pháp lợi. “Đều được sinh trưởng”: thuận hợp thứ sáu: hiện đời an ổn tăng trưởng.

Từ “Đức Như Lai nói pháp một tướng một vị” trở xuống, là hợp Thí không sai biệt. Trên khai ba, nay hợp cũng ba, nhưng không theo thứ tự. “Một tướng một vị”: song hợp một cõi đất một trận mưa. Từ “Nghĩa là” trở xuống, là song thích một cõi đất một trận mưa. Từ “Có chúng sinh nào” trở xuống, hợp trên là “các cỏ cây đều có sai biệt”. Từ “Vì sao?” trở xuống, giải thích sai biệt. Như Lai năng biết sai biệt, không sai biệt. “Một tướng”: là tâm chúng sinh đồng một tướng chân như, là một địa. “Một vị”: là pháp nhất thừa đồng thuyên giải Nhất lý, là một trận mưa. Xưa đối với nhất thật tướng mà phương tiện khai làm bảy tướng, đối với nhất thừa pháp mà phân biệt thuyết có bảy giáo, vì Phật biết rõ ráo trọn qui về một tướng một vị. Từ “Nghĩa là” trở xuống, song thích một tướng một vị, tâm tánh chúng sinh tức là tánh đức. Ba loại tướng: “giải thoát, xa lìa, diệt”. Một âm thanh của Như Lai thuyết ba pháp này, tức là ba vị. Ba tướng đây dùng làm cảnh giới, duyên sinh hành trung đạo, cuối cùng thì được gọi là quả nhất thiết trí, cho nên nói “rất ráo đến nhất thiết chủng trí”. Hợp thí dụ cỏ cây sai biệt như sau giải thích, không ghi chép lại. Có khi làm ba ý hợp:

1. Ý không sai biệt, hợp “một cõi đất một trận mưa” bên trên.
2. Ý sai biệt, hợp “cỏ cây sai biệt” bên trên.
3. Như Lai năng biết, giải thích thành hai ý. Không sai biệt: nghĩa là một tướng một vị. Một tướng hợp “một cõi đất” bên trên. “Tướng

giải thoát” là không có tướng sinh tử. “Tướng xa lìa” là không có tướng Niết-bàn. “Tướng diệt” là không có tướng cũng vô tướng. Chỉ có thật tướng, cho nên gọi “một tướng”. Một tướng tức bản Vô trụ, lập tất cả pháp. Vô trụ vô tướng, tức không sai biệt. Lập tất cả pháp tức có sai biệt. Sai biệt thì như cây cỏ, không sai biệt thì như một cõi đất. Đất tuy không sai biệt mà năng sinh cây đào, cây lý, cỏ cây, lùm rừng sai khác, tuy có sai khác mà đồng là một tướng vững chắc. Nếu biết đất có đủ đào lý, tức biết trong thật có quyền, hiểu không sai biệt tức là sai biệt. Nếu biết tướng vững chắc của đào lý, tức biết trong quyền có thật, hiểu sai biệt tức không sai biệt. Do vì nghĩa này, cho nên dùng một tướng hợp Thí “một cõi đất” bên trên. “Một vị” tức là Thật giáo thuần nhất không xen tạp, theo lệ “một tướng” có thể hiểu. “Giải thoát”: không có hai biên Phần đoạn và Biến dịch, không bị nghiệp trói buộc cho nên gọi là “tướng giải thoát”. “Tướng xa lìa”: đặc trí tuệ trung đạo, trí tuệ này có khả năng xa lìa hai biên, không còn chấp trước, nên gọi là “tướng xa lìa”. “Tướng diệt”: là nhân hai biên diệt, đặc Hữu dư Niết-bàn, quả hai biên diệt, đặc Vô dư Niết-bàn nên gọi là “tướng diệt”. Mỗi mỗi câu theo lệ như nghĩa sai biệt, không sai biệt, căn cứ theo “một tướng” thì có thể hiểu. “Rốt ráo đến nhất thiết chủng trí”: Nếu đặc tướng diệt nhị biên, tức là hai hoặc Thông Biệt tận, nhập tri kiến Phật, vì nhất thiết chủng trí trong tâm hành Bát-nhã. Ban đầu phát và cuối cùng, hai thứ này không sai biệt, cho nên nói “cứu cánh”. Đây tức trí tuệ Phật, cho nên nói “nhất thiết chủng trí”.

Từ “Có chúng sinh nào nghe pháp Như Lai” cho đến “tự mình không hay biết” nêu sai biệt. Từ đây sắp xuống là nêu rõ nghĩa sai biệt. “Chúng sinh” là núi sông sai biệt giả thật, cũng là sai biệt chủng tử. “Như Lai” tức là mây. “Nghe pháp” tức là mưa. “Đọc tụng, tu hành” tức là thấm nhuần. “Công đức” tức là tăng trưởng. Các thứ sai biệt như đây đều không thể biết.

- Văn chia làm năm:

1. Chúng sinh không biết.
2. Như Lai năng biết.
3. Nêu dụ thuận hợp: chúng sinh không biết.
4. Nêu tổng kết giải thích Như Lai năng biết ở trên.
5. Giải thích nghi.

1. “*Có chúng sinh nào*”: là nêu người không biết. “Nghe pháp của Như Lai”: nghe pháp âm Nhất thừa. “Thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói”: chính nêu không biết. “Thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói”: thì

không đồng, cho nên “tu hành” đều sai khác. Hàng Nhân Thiên giải theo thiện giới. Tam thừa giải Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ. Giải đã không đồng, tức là sai khác. “Được công đức tự mình không hay biết” nêu năm thừa dù vâng lãnh giáo mà không biết giáo lý Phật một vị không sai biệt, cũng không biết bảy thứ phương tiện mỗi mỗi đều hiểu, mà chấp hiểu của mình là thật. Đây là không biết Quyền, cũng không biết Thật, tức là sai biệt, “không tự hiểu biết”.

2. *Như Lai năng biết*: Lược giảm số chỉ nêu mười cảnh hợp làm bốn ý: a. Căn cứ bốn pháp biết. b. Căn cứ ba pháp biết. c. Căn cứ hai pháp biết. d. Căn cứ một pháp năng biết.

Căn cứ bốn pháp: nghĩa là “chủng, tướng, thể, tánh”. “Chủng”: ba đạo là chủng của ba đức. Kinh Tịnh Danh nói : “Tất cả lũ phiền não cũng là chủng của Như Lai”, đây nêu do đạo phiền não mà có Bát-nhã. Lại nói: “Ngũ vô gián đều sinh tướng giải thoát”, đây do bất thiện mà có thiện pháp giải thoát. Tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, không thể diệt nữa. Đây tức sinh tử là pháp thân. Đây là căn cứ đối đãi nhau mà luận về chủng. Nếu căn cứ loại luận về chủng, thì tất cả cúi đầu gơ tay đều là chủng giải thoát, tất cả thế trí tam thừa giải tâm tức chủng Bát-nhã. Phạm người có tâm thấy đều sẽ làm Phật, tức chủng Pháp thân. Các chủng sai biệt Như Lai đều biết. Tất cả chủng chỉ là một chủng, tức là không sai biệt, Như Lai cũng năng biết. Sai biệt tức không sai biệt, không sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết. “Tướng, thể, tánh”: căn cứ Thập pháp giới, Thập như, mà giải thích. Nếu luận về sai biệt, tức thập pháp giới tướng. Nếu luận không sai biệt, tức một Phật giới tướng. Sai biệt, không sai biệt, Như Lai năng biết. Sai biệt tức không sai biệt, không sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết. “Thể, tánh” theo lệ như vậy, có thể biết.

Từ “Nhớ việc gì?” trở xuống, là căn cứ ba pháp nêu Như Lai năng biết. Ba pháp tức là ba tuệ, vẫn có ba lớp:

1) Cảnh ba tuệ.

2) Thể ba tuệ.

3) Nhân duyên ba tuệ. “Nhớ việc gì?": nêu công dụng của ba tuệ.

Niệm chấp sự sở niệm, tức là cảnh ba tuệ. Từ “Nhớ thế nào?": nhớ là ghi chép pháp được nghe, chính là thể của niệm tuệ. Từ “Dùng pháp gì để nhớ?” trở xuống, tức là ba tuệ chấp cảnh nghe pháp là nhân duyên. Lại, ba tuệ cảnh trí, nhân duyên hợp, cho nên được có pháp ba tuệ, lại vẫn gọi là nhân duyên. Như “Tam thừa tam tuệ” đây, xưa gọi là “cảnh thể nhân duyên” có khác, tức là sai biệt. Nếu nhập viên diệu tam tuệ,

thì không sai biệt. Có sai biệt, không sai biệt này, thì Như Lai năng biết. Lại, sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết.

“Dùng pháp gì đắc pháp gì?”: căn cứ hai pháp, nêu Như Lai năng biết. “Dùng pháp gì” tức là nhân, “đắc pháp gì” tức là quả. Nhân ngũ thừa đều đắc quả của nó, tức là sai biệt. Chúng sinh như, Phật như, nhất như, vô nhị như. Chỉ là một nhân một quả, tức không sai biệt. Sai biệt, không sai biệt, thì Như Lai năng biết. Sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết.

“Chúng sinh ở nơi các bậc”: căn cứ một pháp, nêu Như Lai năng biết. Bảy phương tiện trú nơi bảy vị, cho nên nói “các bậc”, đây tức sai biệt. Như Lai dùng Phật nhãn như thật mà thấy, như các dòng chảy vào biển, mất vị riêng của chúng, thì không sai biệt. Tùy ý người khác mà nói, là dùng trí phương tiện mà diễn thuyết, thì Như Lai năng biết sai biệt. Pháp Như Lai thuyết đều đạt đến nhất thiết trí địa, thì Như Lai năng biết không phân biệt...

3. Từ “*Như cây cối lùm rừng cỏ thuốc*” trở xuống, nêu dụ thuận hợp: chúng sinh không biết.

4. Từ “*Như Lai biết pháp*” trở xuống, nêu tổng kết năng biết ở trên. “Một tướng một vị” như trước giải thích, “một tướng một vị” là giải thoát, ly, diệt. Vì duyên mà phân biệt, tức là vô lượng trong một. “Cứu cánh Niết-bàn cuối cùng trở về không”, tức một trong vô lượng. Đây là nêu trước lập lại giải thích không sai biệt. Vì sao? Vì “một tướng một vị” là giải thoát, ly, diệt. Nếu là pháp thể nhị thừa, thì còn là ngôn thuyết diễn bày sai biệt. Nay cho rằng Đại thừa cứu cánh Niết-bàn chung qui Không, tức thông không sai biệt. “Cứu cánh Niết-bàn” là kết các câu trước, đều chẳng phải hai thứ Niết-bàn Hữu dư, Vô dư của Nhị thừa mà chính là “cứu cánh Niết-bàn”. Thường tịch diệt tướng: kết các câu chẳng phải Tiểu thừa tịch diệt, mà chính là thường trú tịch diệt. Văn trên nói: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt” tức nghĩa đây vậy. “Cuối cùng trở về Không”: chẳng phải là Không của thiêu thân diệt tâm, mà chính là trung đạo đệ nhất nghĩa Không, trịnh trọng cúi đầu chấp tay là giản lược nghĩa thật khác quyền. Xưa nói: “Cuối cùng trở về Không: tức Phật tuy có thân thông kéo dài tuổi thọ vô lượng, thị hiện lại gặp bội số trên, mà thọ mạng hết cuối cùng trở về thiêu thân đoạn tâm, cho nên nói “cuối cùng trở về Không”. Đây thực là khổ Phật khổ kinh, sao có thể nói?! Ngài Quang Trạch nói: “Cuối cùng trở về nhập Hữu dư, xả trí thân vô thường”. Có người nan vấn về giải thích này: “Nếu vậy,

thì cùng nhị thừa đâu có khác gì?!” Kinh văn nêu hai thứ cứu cánh: Thứ nhất cứu cánh đến nhất thiết chủng trí, đây là nêu trí quả đối nhị thừa trí, chẳng phải cứu cánh. Thứ hai, nêu cứu cánh Niết-bàn thường tịch diệt tướng, cuối cùng trở về Không, đây là nêu đoạn đối nhị thừa đoạn, chẳng phải cứu cánh. Văn nói nghĩa cứu cánh, biết chẳng phải Không của Tiểu thừa. Ngài Long Ẩn nói: Không của Đại Niết-bàn thì không có pháp tướng, không có phiến nào, cho nên gọi là Không. Cuối cùng trở về thường trú đệ nhất nghĩa Không”. Trung sư nói: “Cuối cùng trở về trí tuệ đệ nhất nghĩa Không”. Có người nói: “Phật quả không hệ lụy, cho nên nói Không”. Có người chú giải: “Không và Có đều được nhìn thấu và trừ bỏ, thì mới gọi là Không”. Xưa các sư đều không giải thích theo nghĩa Tiểu thừa. Riêng ngài Quang Trạch sao lại như vậy.?!

5. Từ “Đức Phật biết như thế rồi xem xét tâm chúng sinh” trở xuống là Giải thích nghi. Phật xưa đã biết đầu đuôi đều là một, sao không nói vườn Lộc Uyển vì chúng sinh thuyết Thật? Giải thích: Xem xét tâm ham muốn của chúng sinh, tùy ba Tát-đàn mà ủng hộ, sợ chúng hủy báng cho nên không thuyết ngay.

Từ “Ca-diếp các ông” trở xuống: chủ yếu lại là xứng thuật muốn giải thích nghi. “Nghi”: được nghe vô lượng công đức của đức Phật, nghĩa là bốn vị đệ tử đều tề giáo lãnh giải, đâu cần phải Thật. Cho nên, đức Phật xứng thuật: tuy chúng chưa đạt đến Phật địa mà đều tề giáo không hư dối, cũng là dẫn phát hạ căn, khiến đồng được ngộ. Văn chia làm hai: 1. Thuật. 2. Giải thích.

Trước tiên tán thán “hy hữu”: Hàng phàm phu có nghe lại có thể được lợi ích, Bồ-tát thì đã hiểu sự không lạ gì nhiều, không vì chánh vị mà có thể xả bỏ chứng nhập, thật rất là hy hữu. Thuật lại ý năng biết Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng lãnh hội ý khai tam. Tiếp nói năng tín thọ: Tức thuật các đệ tử lãnh hội ý hiển nhất. “Vì sao?” là giải thích thuật ý. Là nêu đức Phật đối với một đạo mà thuyết ba, sâu xa vi diệu “khó hiểu khó biết”, mà các ông có thể tin. Riêng cho rằng: văn trước nói “Như Lai lại có vô lượng công đức, các ông nói không thể cùng tận”. Văn sau nói: “Các ông rất là hy hữu” tức là: Ân Phật bao trùm khắp, như mây mưa không nơi nào là không phủ thấm. Ân Phật che chở khắp, như đại địa không chỗ nào mà không sinh thành. Sao lại riêng vì một căn cơ một phương mà thôi? Cho nên, nói “các ông nói không cùng tận”. Ân Phật tuy phủ khắp mà chúng sinh thường ngày không tự hiểu biết. Như ba cỏ hai cây sinh trưởng, gốc rễ trong đất thọ nhuận ân mưa mà không thể biết. Các ông có thể biết từ đầu đến cuối mười ân rất là

hy hữu: Người chưa được độ thì khiến được độ... thuật cho chúng biết bốn hồng nguyện của đức Phật, ân rất là hy hữu. Chúng sinh hiện đời an ổn, đời sau sinh chỗ thiện, do đạo mà thọ hưởng vui, thuật cho chúng biết Đại từ ban vui, ân rất là hy hữu. Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại, có đủ năng lực dần dần được nhập đạo, thuật cho chúng biết Đại bi cứu khổ, ân rất là hy hữu. Luân vương, Thích, Phạm, là cỏ thuốc nhỏ, thuật cho chúng biết khuyến thiện trừ nhiệt não, ân rất là hy hữu: Biết vô lậu pháp, năng đắc Niết-bàn và chứng Duyên giác, là cỏ thuốc vừa; thuật cho chúng biết trừ các nhiệt kiến ái, ân rất là hy hữu. Cỏ bậc thượng, cây nhỏ, như là thẹn Tiểu hãm mộ Đại, thuật cho chúng biết ngăn ngừa xấu, ân rất là hy hữu. Cây lớn, là thuật cho chúng biết trang nghiêm ân rất hy hữu. Sự thật trên hết là “một cõi đất, một trận mưa”, thuật cho chúng biết “giao phó tài vật, ngôi tòa, thân tâm tài pháp tự tại an lạc”, ân rất hy hữu. Đức Phật thuật bày sự sai biệt đó và tán thán mười ân, vẫn đã tận. Nếu thuật bày nghĩa Không sai biệt và tán thán, tức là tán thán một đại ân.

Kệ có năm mươi bốn hàng rưỡi, tụng ý khai hiển bên trên. Khai hiển có pháp, thí, nay đều tụng. 1. Bốn hàng đầu, tụng Pháp thuyết. 2. Năm mươi hàng rưỡi, tụng Thí thuyết.

- Tụng Pháp thuyết lại có hai:

1. Nêu Pháp vương.

2. Khai hiển.

a. Nửa hàng, tụng Pháp vương không hư dối.

b. Ba hàng rưỡi, tụng khai hiển.

Văn trên hai giáo hai trí nay cũng tụng đủ. Ban đầu một hàng rưỡi, tụng hai giáo, sau hai hàng, tụng hai trí. Đầu “Theo tánh của chúng sinh” xuống, nửa hàng tụng Quyền giáo. Tiếp “Đức Như Lai tôn trọng” xuống, một hàng tụng Thật giáo. Tiếp “Người trí nếu được nghe” xuống, một hàng tụng giải thích Quyền trí. Sau cùng “Ca-diếp! Vì cơ đó” xuống, một hàng tụng giải thích Thật trí.

Tùy các món nhân duyên mà thuyết các thứ giáo, đều là khiến đắc Đại thừa chánh kiến. Từ trước đến đây, đều gọi là tà kiến. Đây ý tụng là Như Lai tứ Tất-đàn: “Pháp vương phá các cõi” : Đối trị Tất-đàn. “Theo tánh của chúng sinh” :Thế giới. “Người trí nếu được nghe” cho đến “Thời bèn là mất hẳn”: Vị nhơn. “Khiến chúng được chánh kiến”: Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Ba Tất-đàn thì tụng “dùng trí phương tiện mà diễn thuyết” ở trên; “Khiến chúng được chánh kiến” là tụng “đạt đến nhất thiết trí địa” ở trên.

Từ “Ca-diếp! Ông nên biết, thí như...” xuống, năm mươi hàng rưỡi, tụng Thí thuyết ở trên.

Ban đầu mười hàng rưỡi, tụng Khai thí.

Tiếp bốn mươi hàng, tụng Hợp thí. Trên khai hai thí. Nay chín hàng rưỡi đầu, tụng thí dụ sai biệt, tiếp một hàng, tụng thí dụ Không sai biệt. Chín hàng rưỡi tụng nghĩa sai biệt, trên sai biệt có sáu, nay cũng tụng sáu, nhưng không như trường hợp khai thí, như hợp thứ tư. Ban đầu ba hàng, tụng thí dụ Mây. “Trận mưa đó cùng khắp” trở xuống một hàng tụng thí dụ Mưa xối. “Nơi núi sông hang hiểm”, một câu, tụng thí dụ Đất đai núi sông. “Chỗ rậm rạp sinh ra”: hai câu, tụng thí dụ Cỏ cây lùm rừng. Từ “Các thứ cây lớn nhỏ” trở xuống, hai hàng ba câu, tụng thí dụ Thọ nhận. Từ “Tất cả các giống cây” trở xuống, hai hàng tụng thí dụ Tăng trưởng. Mây dụ Ứng thân, Ứng thân tùy trí tuệ mà hành, cho nên nói “mây trí tuệ”, có thể đầy đủ mười hai bộ pháp gọi là “chứa nhuần”. Nếu Ứng thân không thể thuyết pháp, như Phật Tu-Phiến-Đa, Phật Đa Bảo thì mây này không thể chứa nhuần. Thân phóng hào quang lớn như điện sáng chói, miệng chấn Tứ biện tài như “tiếng sấm”. Chín mươi lăm thứ ánh sáng tà không hiện, cho nên nói “che khuất”, trừ chín mươi tám thứ não nhiệt ví như “trên mặt đất mát mẻ”. “Dường có thể nắm tới”: là ứng thân giáng thể giống như tam hữu, người có tâm đến lấy thực không thể được. Tám âm thanh, bốn biện tài, diễn thuyết pháp như mưa xối. “Bốn phương đều xối xuống”: đồng thời đều được nghe, cũng nói “tứ đẳng”. Phàm người có tâm đều nhờ lợi ích thấm nhuần, cho nên nói “cõi đất đều thấm đầy”. Đây thì thành trên. Lại, thành thí dụ núi sông ở dưới.

Một câu “Nơi núi sông hang hiểm”, tụng thí dụ đất đai, tức là bảy phương tiện chúng sinh ngũ ấm, nay nhờ mưa pháp thân khẩu mềm mại như đất đai được thấm nhuần. “Chỗ rậm rạp sinh ra”, là tụng “chúng sinh tập nhân sai biệt” bên trên, dụ cho chúng sinh từ lâu gieo trồng tập nhân ẩn trong ấm giới nhập cho nên nói “rậm rạp”, nay nhờ mưa pháp mà đều được khai phát cho nên nói “sinh ra”. “Trăm giống lúa” là nói chung ngũ cốc, dụ cho Ngũ thừa năng sinh trăm điều thiện. “Các thứ mía cùng nho” là dụ cho định tuệ. “Đất khô khắp được ướt”: dụ người chưa tin khiến cho họ tin, các thí dụ khác như vãn.

Từ “Theo thể tướng của nó, tánh loại chia lớn nhỏ” trở xuống, một hàng tụng thí dụ không sai biệt. Vãn trên có ba, trong đây lược không tụng một cõi đất, mà “sinh ra” bao gồm nghĩa đó. Hai câu đầu tụng

“được sinh ra, được thấm nhuần”. Tiếp một câu tụng năng thấm nhuần, là tụng không sai biệt, “Mà đều được sum sê”: tụng “sai biệt không thể tự biết”.

Từ “Đức Phật cũng như vậy, xuất hiện ra trong đời” trở xuống, bốn mươi hàng, tụng Hợp thí, chia làm hai:

1. Ba mươi lăm hàng đầu, tụng hợp sai biệt.

2. Năm hàng sau, từ “Như thế Ca-diếp này” trở xuống, tụng hợp không sai biệt. Trên hợp thí dụ sai biệt, thì trước chánh hợp, sau thí thuận. Nay tụng cũng trước hợp, sau tiện nêu thí thuận.

Hàng tụng đầu hợp thí dụ mây: hai câu trên dùng thân hợp với nghĩa mây. hai câu dưới nêu thí dụ thuận hợp.

Tiếp: “Đã hiện ra trong đời” trở xuống, tám hàng rưỡi, tụng hợp thí dụ mưa. Trên thì trước nêu chương môn, sau khuyên nghe nhận. “Đã hiện ra”... xuống, ba hàng lược tụng mười hiệu, tiếp một hàng rưỡi, tụng bốn hồng nguyện, trong sáu chương môn chỉ tụng hai chương.

Từ “Thấm nhuần khắp tất cả” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng bốn hồng thệ.

Từ “Các hàng trời người này” trở xuống, bốn hàng, tụng khuyên nghe nhận.

Từ “Ta xem tất cả chúng” trở xuống, bốn hàng, tụng hợp thí dụ Núi sông bên trên. Núi sông dụ bảy thứ ngũ ấm chúng sinh. Như mưa xối không chọn lựa ngòi, khe, đức Phật bình đẳng thuyết cho nên nói “không có lòng đây kia”. Có căn cơ, gọi là “đây”, không căn cơ, gọi là “kia”. Gieo trồng thiện là “yêu”, ghét nghịch là “ghét”. Phật sự là việc mình, ma sự là “việc khác”. Ứng ban đầu là “đến”, ứng sau là “đi”. Nhập thật là “ngồi”, xuất quyền là “đứng”. Phật quán chúng sinh là như thế, tức là ý mưa bình đẳng xối xuống núi sông, tụng “vô số ức loại chúng sinh đi đến chỗ Phật mà nghe pháp” bên trên.

Từ “Sang hèn cùng thượng hạ” trở xuống, hai hàng tụng “Đức Như Lai lúc bấy giờ xem xét chúng sinh ấy” bên trên hợp với “sinh ra cỏ cây lùm rừng”, tức từ “sang hèn” cho đến “lợi độn” là căn cứ bảy phương tiện truyền truyền tạo tác.

Từ “Tất cả các chúng sinh, được nghe pháp của ta” trở xuống, mười một hàng tụng “chúng chúng vô lượng đều khiến hoan hỷ” bên trên hợp thí dụ Thọ nhuận. Văn chia làm ba phần:

1. Một hàng, tổng nêu thọ nhuận.

2. Từ “Hoặc là ở trời người” trở xuống, bảy hàng, nêu chi tiết thọ nhuận.

3. Ba hàng, kết sở nhuận năng nhuận.

Có người giải thích: “Nhân thiên là cỏ nhỏ, Nhị thừa là cỏ vừa, ngoại phàm là cỏ lớn. Nội phàm là cây nhỏ, sơ địa cho đến thất địa là cây lớn”. Có người cho rằng “nội phàm là cỏ lớn, sơ địa đến thất địa là cây nhỏ, bát địa là cây lớn”. Có người “coi tam thập tâm là cỏ lớn, sơ địa đến lục địa là cây nhỏ, thất địa sắp lên là cây lớn”. Nhưng ba cỏ hai cây thì Phật tự hợp dụ, văn nêu rõ ràng, vì sao tâm các sư lại trái Phật trái kinh ư?!

Phần nêu chi tiết thọ nhuận, văn chia làm năm: 1. Một hàng đầu: nhân thiên đều chưa đoạn Hoặc, hợp làm “cỏ nhỏ”. 2. Từ “Rõ biết pháp vô lậu” trở xuống, hai hàng: nêu Nhị thừa đều có đoạn chứng, hợp làm “cỏ vừa”. 3. Từ “Hoặc cầu bậc Thế Tôn” trở xuống, một hàng nêu rõ lục độ, chí cầu làm Phật hóa độ chúng sinh, hơn hàng nhị thừa, riêng làm “cỏ lớn”. 4. Từ “Lại có hàng Phật tử” trở xuống, một hàng rưới: nêu Thông giáo, đã đoạn Thông hoặc, thệ nguyện đui dắt người khác tu tập, dẫn đến chỗ có hóa tha. So với dưới thì ưu việt, nhưng sánh với trên thì kém, cho nên gọi “cây nhỏ”. 5. Từ “Hoặc an trú thân thông” trở xuống, một hàng rưới: nêu Biệt giáo, tự hành hóa tha, cao rộng làm hơn, cho nên gọi là “cây lớn”. Căn cứ ba vị Bồ-tát đều ví như ba loại cây. Lục độ căn cứ ba Tăng kỳ. Thông giáo căn cứ thất, bát, cửu địa. Biệt giáo căn cứ tam thập tâm.

Từ “Phật chỉ bình đẳng thuyết” trở xuống, ba hàng: kết sở nhuận năng nhuận. Văn chia làm hai phần: 1. Một hàng rưới, nêu thí thuận giải thích sở thọ nhuận. Tuy nêu rõ bảy thứ, bảy thứ là ít “như một giọt trong biển”. Từ “Phật dùng thí dụ này” trở xuống, một hàng rưới, dụ đây nêu năng nhuận, Phật trí nhiều như biển cả.

Từ “Ta rưới trận mưa pháp” trở xuống, tám hàng rưới, tụng “các chúng sinh nghe pháp này rồi” hợp thí dụ “hoan hỷ tăng trưởng”. Văn chia làm hai phần: 1. Hai hàng đầu. 2. Sáu hàng rưới sau.

1) Hai hàng đầu: tụng tụng tăng trưởng. Lại chia làm hai:

a. Một hàng, tụng tụng nghĩa trưởng.

b. Một hàng, nêu dụ thuận giải thích.

2) Sáu hàng rưới, từ “Pháp của các Đức Phật” trở xuống: nêu chi tiết tăng trưởng. Văn chia làm bốn:

a. Một hàng rưới, nêu nhân thiên tăng trưởng đều được đầy đủ, là tụng “hiện đời được an ổn”. “Dần dần siêng tu hành”: tụng đời sau do đạo mà thọ hưởng vui.

b. Từ “Hàng Thanh văn Duyên giác” trở xuống, một hàng rưới,

tụng Nhị thừa tăng trưởng. “Trụ thân hình rốt sau” có hai giải thích: b.1) Nhị thừa thân này, nếu không gặp Phật thì chưa hẳn không có thân sau. Do thấy Phật cho nên thành thân rốt sau, tức là nghĩa tăng trưởng. b.2) Nhị thừa đắc Hữu dư Niết-bàn “trụ thân rốt sau”, đắc Phật ngũ vị, điều hòa thuần thực, đắc nhập Pháp Hoa. Nghe pháp Đại thừa được hiểu tức là tăng trưởng.

c. Từ “Nếu các vị Bồ-tát, trí tuệ rất vững bền” trở xuống, một hàng rưỡi: tụng tăng trưởng theo Thông giáo. “Vững bền”: thể pháp tuệ. “Rõ suốt cả ba cõi”: đoạn Hoặc tận.

d. Từ “Lại có vị trụ thiên” trở xuống, hai hàng: tụng tăng trưởng theo Biệt giáo.

Hỏi: Một đám mây một trận mưa cùng một âm đồng hay khác?

Đáp: Các vị ở bậc thấp dùng một âm, khiến người khác nghe một pháp. Phật dùng một âm tùy loại đều hiểu. Nay một đám mây một trận mưa, chính là một âm tùy loại.

Có người giải thích: Pháp thân bất nhị, gọi là “một”, từ Pháp thân xuất ra âm thanh cho nên nói “một âm”. Có người nói: “Nhất thời đều xuất ra các tiếng, cho nên nói một âm”. Có người nói: “Trong năm âm tùy dùng một âm”. Đại luận nêu rõ: “Một âm báo hiệu các tiếng, không nói đều xuất, cũng không nói là pháp thân xuất âm thanh”. Luận Tỳ-bà-sa nói: Phật dùng một âm nói Tứ đế, năm người nghe tiếng nói của loài người, tám vạn chư thiên nghe tiếng nói của (chư) thiên, địa ngục, dạ-xoa đều nghe đồng tiếng nói của chúng, đề xướng dạy bảo đến Phạm thiên đó là Phạm âm, cũng là Phật báo được âm thanh rất thanh tịnh vi diệu, gọi là “Phạm âm”. Nếu báo được Phạm âm thì loài người không nghe được, có nghe cũng không hiểu.

Từ “Như thế Ca-diếp này” trở xuống, năm hàng tụng Thí không sai biệt bên trên. Văn chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu, tụng không sai biệt mà sai biệt. Ba hàng rưỡi sau, tụng sai biệt mà không sai biệt. “Thí như vầng mây lớn, dùng nước mưa một vị” : tụng hợp một vị mưa không sai biệt bên trên. “Đượm nhuần nơi hoa người, đều được kết trái cả” : tụng sai biệt bên trên.

Từ “Ca-diếp ông nên biết” trở xuống: nêu Quyền. Quyền tức sai biệt, hợp sở sinh bên trên. “Nay ta vì các ông”: hiển Thật. Thật tức không sai biệt, hợp một cõi đất bên trên. “Đều chẳng phải diệt độ”, là chưa vượt qua Biến dịch sinh tử. Riêng nói Nhị thừa, là do nhị thừa kia sẽ chứng chắc chắn, hàng Nhân Thiên không chấp quả làm Niết-bàn, Bồ-tát không thể trung gian thủ chứng. “Là đạo của Bồ-tát”, tức Bồ-

tát hành đạo cũng cần đoạn Thông hoặc. Ông đã đoạn tận, tức là đạo của Bồ-tát. Pháp Hoa luận nói: Phát tâm thoái rồi trở lại phát, trước đã tu thiện không diệt đồng sau được quả. Nhị thừa Trí Đoạn là đạo của Bồ-tát, là Nhị thừa chấp quả của họ bài xích nói là đạo Bồ-tát, đạo tức nhân vậy.

Hỏi: Bồ-tát cũng có quả. Phẩm Tín Giải nói: đắc đạo đắc quả. Kinh Đại Phẩm nói: “Hữu pháp là đạo Bồ-tát, vô pháp là quả Bồ-tát”. Có sao không nói là quả Bồ-tát?

Đáp: Nghĩa đây cũng nên được. Nay nói: hoặc đạo hoặc quả đều là nhân Phật, nhân tức là đạo.

Phẩm Thứ 6: THỌ KÝ

Tiếng Phạn là Hòa-già-la, Trung hoa dịch Thọ Ký.

Hỏi: Các kinh phá nghĩa Thọ Ký. Kinh Tịnh Danh nói: “Từ Như sinh đắc ký, từ Như diệt đắc ký, Như không sinh diệt thì biết vô ký”. Kinh Tư ích nói: “Nguyện không nghe danh thọ ký”. Đại Phẩm nói: “Thọ ký là hý luận”. Nay kinh này như thế nào?

Đáp: Nếu Kiến chấp có thọ ký, thọ ký cho người, thì Kiến chấp này nên phá. Bồ-tát vì thế nguyện được thọ ký, thì ký này nên cho. Theo Thế đế thì có thọ ký, theo Đệ nhất nghĩa thì không. Tứ Tất-đàn thích ứng theo thời như dưới nói. Nếu thọ ký chung, thì như đầu phẩm Pháp Sư. Nếu thọ ký riêng, thì như sau khi thuyết ba vòng. Nếu chánh nhân ký, thì như Thường Bất Khinh. Nếu duyên nhân ký, thì như mười thứ cúng dường trong Phẩm Pháp Sư. Nếu liễu nhân ký, thì như thọ ký cho hàng ba căn. Nếu chánh nhân ký thì rộng; nếu liễu nhân ký thì hẹp. Hoặc thọ ký chậm, hoặc thọ ký nhanh. Hoặc Phật ký như văn đây, hoặc Bồ-tát ký như ở phẩm Thường Bất Khinh. Dù không có kiếp số quốc độ nhất định, cũng được là thọ ký. Lại, huyền ký như trong phẩm Hóa thành, làm đệ tử đời vị lai. Các kinh khác chỉ thọ ký Bồ-tát, không thọ ký Nhị thừa, chỉ thọ ký thiện, không thọ ký ác, chỉ thọ ký nam, không thọ ký nữ; chỉ thọ ký hàng nhân thiên, không thọ ký cho loài súc sinh. Kinh này đều thọ ký. Như Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm nói bốn thứ thọ ký, kinh này có đủ. Người chưa phát tâm được thọ ký như Phẩm Thường Bất Khinh, phát tâm hiện tiền đắc Vô sinh tức là ba vòng thuyết pháp thọ ký. Kinh Anh lạc quyển thứ chín nói: có tám thứ thọ ký: 1. Mình biết người không biết. 2. Mọi người đều biết mình không biết. 3. Mình và người đều biết. 4. Mình và người đều không biết. 5. Gần biết xa không biết. 6. Xa biết gần không biết. 7. Xa gần đều biết. 8. Xa gần đều không biết.

1. Mình biết, người không biết: là do phát tâm tự thế chưa rộng đến người, chưa đắc Tứ vô sở úy, chưa đắc thiện Quyền.

2. Mọi người đều biết, mình không biết: là phát tâm rộng lớn, đắc thiện Quyền vô úy.

3. Mình và người đều biết: tại địa vị thất địa, vô úy thiện Quyền, đắc Không quán.

4. Mình và người đều không biết: là chưa nhập thất địa, chưa đắc Vô trước hạnh...

5. “Xa không biết”, là Di-lạc vậy, các căn đầy đủ không xả Như

Lai Vô trước hạnh.

6. “Gần không biết”, là người này chưa năng diễn thuyết hạnh hiền Thánh, là Sư tử ứng vậy.

7. Gần xa đều biết: Các căn đầy đủ, không xả Vô trước hạnh, là Bồ-tát nhu thuận.

8. Gần xa đều không biết: Chưa đắc thiện Quyền, không thể biết hết Như Lai tạng, là Đẳng hành Bồ-tát.

Các kinh lại nói: “Gần biết”: là từ được Phật hiện tại thọ ký, như Di-lặc... “Xa biết”: là không từ Phật nay mà từ Phật đương lai được thọ ký, như lời Phật bảo Tỳ-ma: “đời sau đức Di-lặc sẽ thọ ký cho ông”. “Gần xa đều biết”: Đức Phật đời nay đời sau đều thọ ký. “Gần xa đều không biết”: Đức Phật đời nay đời sau, đều không thọ ký.

Chư Phật vốn vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện thế gian, khiến chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nay đại sự đã hiển, đức Phật đã thuyết xong, chúng sinh đã ngộ nhập, thích hợp với bản hoài của đức Phật. Chúng sinh nguyện đã mãn, pháp nên thọ ký, như cha gặp con há không giao phó tài vật?! Lại, hạnh nguyện của người tu hành trong vô lượng kiếp nguyện ở Phật hiện tại. Văn nói: Bản nguyện kia như đây cho nên được sự thọ ký này. Hai duyên này là nghĩa Thế giới Tất-đàn cho nên thọ ký. Lại hàng Nhị thừa nghe kinh đối Tiểu nhập Đại, viên nhân đã đủ. Nhân ắt chiêu cảm quả, cho nên đức Như Lai thọ ký. Thời chúng đều biết phát nguyện, nguyện làm quyến thuộc nội ngoại của sinh thân, pháp thân, hoặc nguyện chỉ sinh về cõi kia làm lợi lạc chúng sinh. Hai điều này gọi là Vị nhân Tất-đàn thọ ký. Lại thọ ký Nhị thừa phá dục thoái Đại nhập Tiểu thừa Bồ-tát. Vì sao? Nếu định có nhị thừa thì có thể thoái làm Tiểu, nay không có nhị thừa thì làm sao có thể thoái. Lại, phá dục phát tâm Nhị thừa, kia chứng tự xả ngã, làm sao gọi là chấp thủ? Lại phá người chưa biến đổi tiểu, thì liền biến đổi tiểu, người sắp chứng Tiểu thì không thủ chứng. Bốn điều này là đối trị Tất-đàn thọ ký. Lại, Vô sinh hiện tiền, ắt do thật giải khai tri kiến Phật không lầm. Lại, hiểu rõ Phật tánh, cho nên cho thọ ký. Tiểu thừa nhập thật, quyết định làm Phật. Nếu vậy thì tất cả chúng sinh cũng có Phật tánh, sao không thọ ký? Nhưng chúng sinh chỉ có chánh nhân mà không có duyên nhân. Nay nghe kinh tin hiểu, thì duyên nhân và chánh nhân đều đầy đủ. Khai tri kiến Phật, biết Phật tánh, thấy Phật pháp thấy Phật tánh. Hai điều này là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thọ ký. Bốn thứ thọ ký này thu nhiếp hết các thứ thọ ký trên... Ký (trao) Thọ cũng gọi là thọ (nhận) ký, thọ quyết thọ biệt. Thọ nghĩa là ban cho, Thọ nghĩa là được, Ký là ký

sự. Quyết là quyết định. Biệt là liễu biệt. Hàng trung căn nghe hai vòng Pháp thuyết và Thí thuyết khai tam hiển nhất, lãnh giải đầy đủ Như Lai thuật thành, tuy tự biết làm Phật mà thời sự chưa xét kỹ. Nếu được Phật thành thật nói trao cho đời sau quả báo, kiếp số, quốc độ, quyết định gần xa liễu biệt, thì rất hoan hỷ. Nay từ Phật thọ ký mà được tên, cho nên nói Phẩm Thọ Ký. Văn đây là thí thuyết đoạn thứ tư. Ba đoạn trên đều dùng thí thuyết, trong đây thọ ký cũng dùng thí dụ. Luận ký, không có đoạn thứ năm là ý gì?

Có người giải thích rằng: “Chỉ trên chỉ dưới lược không luận”. Lại nói: “Trong phẩm Dược Thảo Dụ nêu tất cả đều thọ nhuận, đều được tăng trưởng. Xét biết bốn chúng đều thâm hoạch lợi ích, cho nên kinh gia lược không nêu ra”. Văn chia làm hai:

1. Chính thọ ký hàng trung căn.
2. Hứa vì thuyết việc quá khứ cho hàng hạ căn.
 - Phần chính thọ ký lại chia làm hai:
 - a. Thọ ký cho Ca-diếp.
 - b. Thọ ký cho ba người. Đều có trường hàng và kệ tụng.
 - Trong phần trường hàng thọ ký cho Ca-diếp (a) có sáu:
 - a.1) Hành nhân.

Đắc quả.

Kiếp quốc danh tự trang nghiêm. a.4)

Thọ mạng.

- a.5) Chánh tượng lâu mau (xa gần).
- a.6) Quốc độ thanh tịnh, như văn.
 - Trong phần ba đệ tử (b), lại có hai:

Thỉnh ký.

Thọ ký.

- Trong thỉnh ký có bảy hàng kệ:
 - b.1.1) Một hàng kệ đầu, là chánh thỉnh.
 - b.1.2) Hai hàng rưỡi tiếp, là Khai thí.
 - b.1.3) Hai hàng rưỡi tiếp là Hợp thí.

b.1.4) Một hàng, tổng kết ba người thọ ký. Mỗi mỗi đều có hành nhân, đắc quả, kiếp, quốc, thọ mạng, pháp trụ số lượng, đều như văn.

Từ “Các đệ tử của ta” trở xuống, hai hàng rưỡi: hứa vì hàng hạ căn nói việc quá khứ. Những người này đã nghe Pháp thuyết và Thí thuyết, lại thấy các hàng thượng căn trung căn được thọ ký, mà còn nghi không hiểu sâu, sinh ra hổ thẹn. Phật muốn cho họ tăng tiến đạo, cho nên trước hứa sẽ thọ ký cho tất cả, lại thuyết nhân duyên đời trước.

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7

(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 7: HÓA THÀNH DỤ

“Hóa”: Là do thần lực tạo tác. Dùng thần lực, cho nên không có mà chợt có gọi là “Hóa”. Ngăn ngừa điều quấy, chế ngự địch, gọi là “Thành”. Nội hợp: Niết-bàn của Nhị thừa là quyền trí tạo tác, do sức quyền trí, không mà nói có, dùng giáo làm hóa, ngăn ngừa Tư hoặc, chế ngự Kiến hoặc, gọi là Niết-bàn. Tô tức dẫn nhập thực, chưa rốt ráo mà nói là diệt độ, quyền giả thi thiết cho nên nói “Hóa thành”, dụ như trước nói, đây là giải thích theo Nhân duyên.

Căn cứ về giáo: nếu nghĩa Tam tạng thì nơi Niết-bàn sinh an ổn tưởng, sinh diệt độ tướng, nếu Thông giáo thì nhị thừa cùng Tam tạng đồng, Bồ-tát không như vậy.. Thích Luận nói: “Như cha vượt qua đường nguy hiểm một chân đã vào thành, một chân còn lại ngoài cửa, do nhớ vợ con cho nên từ thành mà vào đường hiểm, thế nguyện giúp đỡ các tập khí còn sót lại cho nên vào đường sinh tử mà không lấy Không làm chứng. Biệt giáo thì không nói thành như biến hóa, dùng thành ngăn sự nguy hiểm. Từ cửa thành thẳng qua, dùng thành làm phương tiện đoạn trừ Kiến Tư hoặc, không nói đây là tội cùng. Viên giáo thì biết không có giặc cũng không cần thành, cho nên nói “Hóa thành”. Nay là ý của Viên giáo. Cho nên, đầu đề gọi là “Phẩm Hóa thành Dụ”. Bản tích quán tâm không chép.

Hỏi: Phẩm này nói sự nhân duyên hàng hạ căn đợc ngộ, lẽ ra nên gọi là phẩm Túc Thế (đời trước) chứ?

Đáp: Đầu phẩm nói rộng về nhân duyên, cuối phẩm thì kết, nêu thí dụ Hóa thành. Nếu theo trước thì nên gọi là Túc Thế, vì kinh theo sau, cho nên gọi là Hóa thành.

Lại hàng thượng căn thì nghi mông, chỉ lấy việc “Phật ngồi dưới gốc cây ba tuần tư duy” để nêu rõ cơ duyên. Hàng trung căn thì nghi

nặng hơn, cho nên dùng thêm thí dụ, dò lấy “đạo Vô thượng mà hai vạn ức Phật giáo hóa” để làm cơ duyên. Hàng hạ căn thì nghi lại càng sâu dày cho nên nêu “cơ duyên lâu xa từ đời trước”. Nếu bắt đầu từ đời trước thì nói nhân duyên lâu xa, ở thời trung gian thì nói Hóa Thành, nêu cứu cánh thì nói Bảo sở. Các Kinh gia ở Khoảng giữa nêu tên phẩm, để thuận tiện thu tóm từ đầu đến cuối. Cho nên, nói “phẩm Hóa thành”.

Hỏi: Hóa thành là quyền, bảo sở là thật, vì sao bỏ thật theo Quyền?

Đáp: Do biết Thành là biến hóa, thì biết Bảo sở là thật, cho nên nêu lên hóa mà không mất thật.

Đây là đoạn văn kinh gồm ba phẩm, theo trước lẽ ra có bốn, nhưng lãnh giải thuật thành đều ở đoạn thọ ký. Vì sao? Vì nếu không lãnh giải, thì sao được thọ ký thuật thành, cho nên nói thọ ký gồm được hai ý. Lại, lãnh giải thuật thành được thọ ký, hoặc trước sau không định. Lãnh giải thì hoặc là im lặng nhớ nghĩ hoặc là phát ra lời nói, không đồng. Văn kia lại ít, không đủ phân chia phẩm, chỉ nhập trong đoạn khác. Phẩm này chính thuyết nhân duyên, hai phẩm sau thọ ký.

- Ban đầu lại chia làm hai:

1. Nêu thấy biết lâu xa.

2. Nêu đời trước kết duyên. Đức Như Lai tam đạt, thấu suốt rất lâu xa rõ ràng như ngày nay, dẫn việc đã qua để quyết định không hư dối, rồi sau thuyết cuộc sống đời trước. Hai phần này đều có văn trường hàng và kệ tụng.

- Phần một: Trường hàng có ba:

1. Nêu ra những việc đã thấy, tức là nước tên Hảo Thành, kiếp tền Đại Tướng, đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng.

2. Nêu thí dụ để rõ lâu xa.

3. Tổng kết, thấy xưa như nay. Kệ có bảy hàng, tụng ba nghĩa trước, như văn.

- Phần hai: Từ “Đức Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức” trở xuống: chánh nêu kết duyên. Văn lại chia làm hai phần:

1. Nguyên do kết duyên.

2. Chánh kết duyên.

- Trong nguyên do lại có hai: Nguyên do xa, nguyên do gần. Nguyên do xa lại có hai:

1. Đại Thông Trí Thắng Phật thành đạo.

2. Phạm thiên khắp mười phương thỉnh pháp.

- Phần Đức Phật thành đạo chia làm năm:

1. Phật thọ mạng lâu xa.

2. Từ “Đức Phật đó khi trước lúc ngồi đạo tràng” trở xuống: Việc trước khi thành đạo. Chư Phật đạo đồng, vì duyên sự mà có khác. Đức Thích-ca sáu năm ngồi khổ hạnh, cỏ mọc từ đầu gối đến khuỷu tay không biết, chư thiên kêu khóc, đất chấn động mà không nghe, dời đổi chỗ ngồi rồi đắc đạo. Đức Di-lặc ngay trong ngày xuất gia thì đắc đạo. Đức Phật kia ngồi mười tiểu kiếp mà Phật pháp vẫn không hiện tiền, chẳng phải căn có lợi độn, đạo có khó dễ, mà chỉ vì duyên thích nghi quá thúc hối nên thị hiện có dài ngắn.

3. Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng quá mười tiểu kiếp” trở xuống: nêu chánh thành đạo.

4. Từ “Lúc đức Phật chưa xuất gia” trở xuống: nêu sau khi thành đạo quyến thuộc cúng dường.

5. Từ “Bấy giờ mười sáu vị vương tử nói kệ khen” trở xuống: nêu thỉnh chuyển Pháp luân.

Phần một, văn kinh dễ hiểu. Phần hai: những việc trước Phật thành đạo, có hai: 1. Phật ngồi đạo tràng trải qua thời tiết. 2. Chư thiên cúng dường.

Phần thứ hai (của Nguyên do xa) Từ “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo... đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” trở xuống: Các Phạm thiên thỉnh, chia làm hai:

1. Uy quang soi khắp, sáu diệu chấn động.

2. Các Phạm thiên trong mười phương thỉnh.

Uy quang: Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: “Lúc Thái tử Tất-đạt còn ở trong thai thì ba ngàn cõi nước hào quang lớn sáng chói, “chỗ tối tăm ánh sáng nhật nguyệt không soi tới được mà đều sáng rực, chúng sinh trong đó đều được thấy nhau”. Lúc mới thành đạo cũng như vậy. Sáng sớm vì các vị trời cõi Sắc, giữa ngày vì trời cõi Dục, chiều tối vì quỷ thần mà thuyết pháp, đêm cũng như vậy. Quán giải “bổn sinh ra chúng sinh”: tâm tánh vốn tịnh do ấm nhập giới che lấp nên tối tăm. Nếu tu quán Tuệ, thì lý bản tánh hiển bày. Lại hai núi là Nhị đế, trung gian là trung đạo. “Ánh sáng nhật nguyệt” là nhị trí, hào quang Phật là trung đạo, là ánh sáng vô phân biệt trí, chiếu soi Tam đế vốn có thấu suốt.

Từ “Bấy giờ phương Đông” trở xuống: Các Phạm thiên trong mười phương thỉnh. Văn chia làm hai: Trước chín phương, sau thượng phương. Chín phương chia làm bốn: 1. Đông. 2. Đông nam. 3. Nam. 4. Tổng nêu sáu phương.

- Ba phương trước, văn nói mỗi phương đều có bảy ý:

1. Thấy điềm lành.
2. Kinh hãi.
3. Hỏi nhau để quyết nghị.
4. Dựa vào hào quang tìm thấy Phật.
5. Tam nghiệp cúng dường.
6. Tỉnh pháp.

7. Im lặng hứa khả, đều như văn. Phương thượng, thì văn chỉ nêu có sáu ý, sau khi các Phạm thiên thỉnh thì Đức Thế Tôn liền thuyết, cho nên không có “Im lặng hứa khả”. Xưa nói: Đông, Đông nam thỉnh Tiểu thừa, bảy phương kia thỉnh Đại thừa, thượng phương thỉnh Tiểu và Đại. Thích luận nói các Phạm thiên thỉnh Đại, đức Phật tuy thuyết Tiểu chưa thỏa mãn sở thỉnh, nếu thuyết Bát-nhã cũng đáp ứng được nguyện thỉnh của Phạm thiên. Nếu y theo văn Phẩm Phương Tiện, thì Phạm Vương thỉnh Đại; nhưng Phật pháp đạo đồng không nên có thiên vị thỉnh, chỉ vì các kinh luận còn tóm lược nên các sư căn cứ thiên lệch. Lại, như nay đức Phật từ đầu đến cuối chuyển pháp luân đủ ngũ vị, nhất nhất đều đáp ứng được điều Phạm thiên thỉnh. Kia cũng nên như vậy.

Ban đầu mười sáu vị vương tử thỉnh chuyển “mãn” giáo, như nay Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm. Hai phương Đông và Đông nam, thỉnh chuyển “bán” giáo, như nay Phật thuyết Tam tạng. Bảy phương sau thỉnh chuyển đối “bán” nêu “mãn”, như nay Phật thuyết Phương Đẳng. Thượng phương Phạm thiên thỉnh mang “bán” nêu “mãn”, như nay Phật thuyết Bát-nhã. Sau mười sáu vị vương tử thỉnh phế “bán” nêu “mãn”, như nay Phật thuyết Pháp Hoa Đề-hồ giáo. Xưa nay tiết mục văn nghĩa tương ứng.

Từ “Lúc bảy giờ đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh” trở xuống: kết duyên, nguyên do gần: Do Phật nhận lời thỉnh thuyết pháp, cho nên sau được giảng giải chính làm kết duyên. Văn chia làm hai phần:

1. Chuyển “bán tự” pháp luân.

2. Các con thỉnh chuyển “phế bán nêu mãn” pháp luân. Phần Chuyển “bán tự” chia làm ba: a) Thọ thỉnh. b) Chánh chuyển. c) Nghe pháp đặc đạo. Trong đây, lẽ ra thuyết tam thừa như văn phẩm Tựa, mà nay không thuyết, chính vì hàng hạ căn, luận về kết duyên khai hiển... lược không nói lục độ. Tam chuyển: Nghĩa là thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Cũng đem tam phen chuyển đối thị giáo lợi hỷ. Thị tức Thị chuyển, giáo tức Khuyến chuyển, lợi hỷ tức Chứng chuyển.

Cũng đối Kiến đế Tư duy Vô học. Vì hàng Thanh văn mà tam chuyển, vì Duyên giác mà nhị chuyển, vì Bồ-tát mà nhất chuyển. Vì sao? Vì căn có lợi độn. Đây đã một lần nói rồi vậy. Chung ở các phương như tam chuyển. Vì sao? Vì chư Phật nói pháp pháp cho đến ba phen, vì chúng sinh có ba loại căn. Đại luận và Tì-Bà-Sa đều nói như vậy.

Hỏi: Ban đầu vì năm người, vì sao nói vì ba loại căn? Lại có tám vạn chư thiên vì sao không có ba căn?

Đáp: Vì chúng sinh có đủ ba huệ ba căn ba đường.

- Mười hai hành:

1. Căn cứ giáo Tứ đế.

2. Căn cứ mười sáu hành.

Giáo mười hai: Tức thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Hành mười hai: ba phen chuyển đều sinh nhãn trí minh, giác. Lại, giáo mười hai là Năng chuyển, Hành mười hai là Sở chuyển. Mười hai hành là luân, mười hai giáo là phi luân. Nếu làm thành nghĩa nhị luân, thì nhãn trí minh giác tức là căn cứ bốn mươi tám pháp, khai bốn tâm này thành mười sáu tâm, nghĩa là Khổ pháp nhãn làm “nhãn”, Khổ pháp trí làm “trí”, Tỷ nhãn làm “minh”, Tỷ trí làm “giác”. Ba đế còn lại cũng như vậy, cho nên thành mười sáu tâm. Người thuộc ba loại căn đều đắc mười sáu tâm, cho nên thành bốn mươi tám hành. Mười hai đế là giáo pháp luân, mười hai hành là hành pháp luân. Giáo luân thì năng chuyển, chỉ là một Quyền trí, sở chuyển thì có mười hai giáo. Nếu hành pháp luân, thì giáo năng chuyển có mười hai, hành sở chuyển cũng có mười hai. Hoặc là chung ba người, hoặc là căn cứ một người. Nay căn cứ ba hạng người ở giai vị Kiến đế đạo, đều lợi căn nghe Thị chuyển, tức sinh nhãn trí minh giác, ba người hợp nêu, cho nên nói mười hai hành. Còn người không thể chuyển, ấy là Sa-môn không nghe, còn không biết, huống chi năng chuyển. Bích-chi-phật tuy ngộ, nhưng miệng không thể thuyết pháp. Bà-la-môn tuy nghe tên pháp mà không hiểu lý. Ma, Phạm cũng như vậy. Xét rằng chuyển tức chuyển pháp này độ nhập tâm người khác, khiến cho họ được ngộ, phá sáu mươi hai kiến mới gọi là “chuyển pháp luân”. Vì không có nghĩa này, cho nên Ma, Phạm v.v... không thể chuyển. Có người giải thích: Đại thừa Tứ đế, tiếp chuyển nhị đế, tiếp chuyển nhất đế, tiếp chuyển vô đế, đều là ý thu hẹp hay mở rộng tùy cơ duyên. Tiểu thừa Tứ đế lấy sinh diệt làm thể, Đại thừa thì lấy vô sinh làm thể.

Mười hai nhân duyên: Lại là biệt tướng tế quán tứ đế. Căn cứ Khổ Tập, tức có Vô minh, Lão tử. Căn cứ Đạo Diệt, tức có Vô minh diệt cho

đến Lão tử diệt. Lại ba người chung quán mười hai duyên: Nhị thừa thì quán mười hai duyên sinh diệt. Bồ-tát thì quán mười hai nhân duyên không sinh. Mười hai duyên không sinh: xưa không sinh nay không diệt, tương sinh thì tương sinh truyền dẫn diệt.

Lại, Tam thừa cũng cùng luận về Tứ đế, Nhị thừa thì hữu lượng tứ đế, Bồ-tát thì vô lượng tứ đế. Lại, lục độ cũng chung cả tam thừa (ba hạng người).

Kinh Đại Phẩm, phẩm Phát Thú nói: “A-la-hán, Bích-chi-phật do tu sáu Ba-la-mật mà đạt đến bờ bên kia”. Nhiếp Đại Thừa nói: “Phàm phu, Nhị thừa đều có lục độ nhưng không đồng đó thôi”! Nếu vậy lẽ ra đều gọi là Ba-la-mật, nhưng Nhị thừa tu hành đạt đến bờ Niết-bàn bên kia cũng gọi là Ba-la-mật, chỉ vì không thể đạt đến bờ Phật quả bên kia, so với Bồ-tát có khác. Luận A-Tỳ-Đàm nói: “Có lục túc, tức lục độ”. Kinh Bảo Vân nêu, tam thừa Tỳ ni..

Phần ba: Nghe pháp đắc ngộ. Ban đầu ít, giữa nhiều. “Không thọ” là không thọ tứ kiến, ngộ sơ quả vậy. “Đắc giải thoát” là thoát “tử quả” hai thứ trói buộc (Tử quả: phiền não như chủng tử. Khổ báo do phiền não sinh ra như quả.), là đắc vô học “Thiền định sâu mầu” tức là câu giải thoát..

Từ “Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử đều là đồng tử xuất gia” trở xuống: thỉnh “mãn tự” pháp luân, Văn chia làm bảy:

1. Xuất gia.
2. Thỉnh pháp.
3. Những người đến thấy cũng xuất gia.
4. Phật nhận lời thỉnh.
5. Lúc đó trong chúng có người hiểu, có người không hiểu.
6. Thời tiết.
7. Phật nói kinh xong thì nhập định.

“Các căn” là sáu căn. Sáu căn thanh tịnh, cho nên nói “thông lợi”. Lại, sáu căn hỗ dụng nên nói “thông”. Nhập cảnh giới Phật, cho nên nói “lợi”. “Trí tuệ minh liễu”: là khai thị ngộ nhập. Đức Phật kia ban đầu thuyết viên đốn, công đức đại thừa của các con thấy đều đầy đủ, thương xót các phương tiện lại thỉnh Phật khai quyền hiển thật. “Hàng Thanh văn đều đã thành tự”: nêu kia chướng đã trừ, căn cơ chuyển động, vì vậy cho nên gọi “thỉnh”. “Chúng con có chí mong được tri kiến Như Lai”: kinh Pháp Hoa này chỉ nêu tri kiến Phật, chí chỉ cầu nơi đây, tức vẫn nói “thỉnh mãn tự, phước bỏ bán tự” nên hiển rõ như đây.

“Trải qua hai vạn kiếp”: trên khai tam đã lâu, không chấp nhận

trung gian vô sự, hưởng xuống ý văn dưới: trong hai vạn kiếp, ắt thuyết Phương Đăng Bát-nhã. Văn nói: Thuyết lục Ba-la-mật và các việc thần thông. Bát-nhã là hạnh, thần thông là sự. Các kinh Phương Đăng phần nhiều nêu sự hạnh bất khả tư nghì. Trong văn tụng nói: “Phân biệt pháp chân thật”, tức là “Thật tướng Bát-nhã” trong kinh Đại phẩm. Mười sáu vị Sa-di tin thọ và hàng nhị thừa thì tin được hiểu. Ngoài ra ngàn vạn người kia đều sinh nghi hoặc, đó là chúng không hiểu. Chúng không hiểu này, thì kết duyên Pháp Hoa với mười sáu người con.

Đức Phật thuyết pháp xong thì nhập định, chính là kết duyên, là nguyên do gần. Do Phật nhập định, không xuất định, cho nên các nghi hoặc chúng không thể hỏi. Mười sáu vị Bồ-tát Sa-di về sau vì những người không hiểu nên lại giảng thuyết kinh. Trong văn nêu nơi chốn nhập định tức là “Tịnh thất”, chánh nhập định tức là “trụ thiền định”, thời gian nhập định tức là “tám vạn bốn ngàn kiếp”.

“Bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa-di biết Phật nhập thất” trở xuống, là phần hai: Chánh kết duyên. Văn đây có hai:

1. Pháp thuyết kết duyên.
2. Thí thuyết kết duyên.

Pháp thuyết có ba: a) Xưa cùng kết duyên. b) Trung gian thường gặp nhau. c) Nay lại thuyết kinh Pháp Hoa.

- Phần Xưa kết duyên có bốn phần:

- a.1) Biết Phật nhập định.
- a.2) Vương tử lại giảng.
- a.3) Chúng được lợi ích.
- a.4) Đức Phật từ định ra khen ngợi Bồ-tát.

Do Phật nhập định nên được thuyết. Đức Phật biết một phen hóa độ sắp xong không thể có người để điều phục nữa ở giai đoạn này, cho nên khiến vương tử cùng họ kết duyên. Lại biết các chúng sinh này đều do vương tử mà được độ cứu kính, do đó Phật nhập định lâu mà không ra. Từ “Mười sáu vị Bồ-tát Sa-di” trở xuống là phần một: Biết Phật nhập định. Từ “Mỗi vị đều thăng pháp tòa” trở xuống là phần hai: Lại giảng kinh Pháp Hoa. Từ “Mỗi vị đều độ” trở xuống là phần ba: Chúng được lợi ích, đều phát Bồ-đề tâm cho nên nói “độ”. Nếu ban đầu phát tâm thệ nguyện làm Phật, thì đã vượt qua thế gian, tức vượt qua bảy phương tiện đến bờ bên kia. Từ “Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám vạn bốn ngàn kiếp” trở xuống là phần bốn: Phật từ định ra khen ngợi khuyến tin. Trong đây lại có hai: 1. Chánh xưng tán Bồ-tát. 2. Từ “Các ông phải luôn luôn gần” trở xuống: Khuyến nên gần. Trong phần

Khuyên nên gần lại có hai: a. Khuyên thân cận. b. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: Giải thích ý khuyên.

Từ “Phật bảo các Tỳ-kheo! Mười sáu vị Bồ-tát” trở xuống là phần hai: Trung gian thường gặp nhau. Gặp nhau có ba thứ:

1. Nếu gặp gỡ nhau thường thọ Đại thừa, thì hạng người này khoảng trung gian đều đã thành tựu, không đến ngày nay.

2. Nếu gặp gỡ nhau, gặp người kia thoái Đại thừa nên dùng Tiểu thừa dẫn dắt họ, thì hạng người này khoảng trung gian còn cố chấp chưa hết, nay được trở lại nghe giáo Đại thừa.

3. Chỉ luận gặp Tiểu không luận gặp Đại, các chúng sinh mà trung gian chưa độ thì đến nay cũng không hết, mới bắt đầu thọ Đại thừa cho đến sau khi Phật diệt độ mới đắc đạo.

Hỏi: Như trên do tu tập trải qua số kiếp nhiều như vi trần đến nay mới đắc A-la-hán, phải biết Vô sinh pháp nhẫn đâu để gì đắc ư?

Đáp: Bạc Đại Thánh luôn khéo y tứ Tất-đàn mà thuyết như vậy, hoặc nói Phật đạo lâu xa, hoặc nói Phật dễ đắc. Đối trị người nhàm chán đạo lâu dài, thì nói ngắn, để đối trị người mà đối với đạo sinh tưởng khinh dễ thì nói dài. Hoặc là để phát sinh thiện đời trước, hoặc tùy sự ưa muốn của thế gian, hoặc vì nghe thuyết dài ngắn thì đắc Đệ nhất nghĩa. Phải biết như đã nói trải qua nhiều kiếp đến nay mới đắc A-la-hán, đây là Quyền hạnh dùng tứ Tất-đàn để dẫn họ Thật hành khiến nhập đạo.

Từ “Các Tỳ-kheo! Ta nói với các ông” trở xuống là phần ba: Nay lại thuyết kinh Pháp Hoa. Văn đây lại có hai: 1. Hợp xưa nay. 2. Trở lại thuyết kinh Pháp Hoa. Hợp xưa nay lại có hai: a) Kết xưa nay của Thầy. b) Hợp xưa nay của đệ tử. Mười sáu vị Sa-di là xưa. Tám phương làm Phật là nay. Từ “Các Tỳ-kheo! Lúc mỗi mỗi chúng ta làm Sa-di” trở xuống là hợp xưa nay của đệ tử. Phần này có hai: Một là Hiện tại; Hai là Vị lai. Phần Hiện tại có bốn ý:

- Bất thoái: trụ Tam-bồ-đề.

- Các chúng sinh thoái chuyển đó: nay trụ Thanh văn.

- Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích ý thoái trụ.

- Từ “Vô lượng chúng sinh được hóa độ lúc ấy” trở xuống: chánh kết ý xưa nay.

Từ “Và sau khi ta diệt độ” trở xuống, là hợp đệ tử vị lai, lại có hai:

- Chánh hợp.

- Từ “Sau khi ta diệt độ, lại có” trở xuống, là giải thích nghi. Nghi

hiện tại được nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa được nhập nhất đạo, tức có thể là dòng kết duyên? Nghi vị lai ấy không nghe Pháp Hoa mà tưởng là nhập diệt độ, đây đâu có thể xả Tiểu đắc nhập Nhất thừa? “Giải thích rằng: Dù Phật diệt độ, cuối cùng chúng cũng hợp được nghe kinh này. “Ta ở nước khác làm Phật”, cho đến “câu Phật tuệ mà được nghe kinh này”. “Nước khác” là cõi nước Hữu dư của Tam thừa Thông giáo. “Trừ các Như Lai phương tiện nói pháp”: đoạn nghi. Nói ba, đó chỉ là phương tiện mà nói, kỳ thật không có ba.

Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai tự biết” trở xuống: chánh nêu nay trở lại thuyết Pháp Hoa. Đây lại có ba:

1. Thời chúng thanh tịnh.
2. Chánh thuyết Pháp Hoa.
3. Giải thích ý khai tam ở trên.

“Biết đến giờ Niết-bàn”: Chư Phật xuất thế thời gian dạy đạo sắp xong tức thời điểm thuyết kinh này. Như đức Phật Ca-diếp, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh v.v... thuyết kinh này xong, thì nhập Niết-bàn. Đức Phật Thích-ca thuyết kinh Pháp Hoa xong thì xưng rằng sẽ diệt độ. “Chúng lại thanh tịnh”: tức Đoạn đức. “Tín giải kiên cố”: “tín” tức bốn niềm tin bất hoại, “giải” tức vô lậu chánh giải, liễu đạt chân đế đủ các thiền định, đây là Trí Đoạn lập. Lúc ấy mới có khả năng dạy Đại đạo, người nghe chắc tín thọ. Lại nữa, “chúng lại thanh tịnh”: do Tam tạng giáo được lợi ích, thoát nạn. “Tín giải kiên cố”: đối với Phương Đăng giáo thì tâm tướng thể tín; liễu đạt pháp Không khi nghe thuyết giáo pháp Bát-nhã. Ở trong pháp Không, tâm được liễu đạt, tức là ý Chuyển giáo. Từ “Liên nhóm họp các Bồ-tát” trở xuống, là chánh thuyết Pháp Hoa. “Nhóm họp các Bồ-tát” là tụ tập thân tộc để thuyết kinh này. Trên giải thích “thân tộc” là pháp thân đại sĩ, là chúng ảnh hưởng. Dùng văn đây để kiểm nghiệm nghĩa kia, thì rõ ràng. Tập họp Bồ-tát là hội họp thân tộc, và chúng Thanh văn là con nhận mệnh lệnh.

Từ “Các Tỳ-kheo nên biết! Đức Như Lai phương tiện” trở xuống, là giải thích ý khai tam. Nếu thế gian không có Nhị thừa được diệt độ, thì vì sao đức Như Lai trước thuyết Quyền giáo? Giải thích rằng: Tỳ-kheo nên biết! Như Lai phương tiện, biết rõ tâm tánh của chúng sinh nhỏ hẹp ưa pháp nhỏ, tham đắm ngũ trần ngũ trước xấu tệ, cho nên trước nói ba, khiến phá thói hư xấu, thoát nạn, sau mới nói một.

Từ “Thí như đường hiểm dài năm trăm do tuần” trở xuống, là phần Thí thuyết. Có khai có hợp.

- Khai thí chia làm hai:

1. Thí dụ Đạo sư ví như “lại lần nữa giảng cùng kết đại duyên” bên trên, tức phần lược tụng, dự định dùng phương tiện trong Tổng thí Nhà lửa ở trên.

2. Thí dụ Muốn dẫn dắt, ví như “trung gian gặp nhau, nay lại thuyết Pháp Hoa” ở trên. Nếu trung gian gặp nhau theo ta nghe pháp đều vì Tam-bồ-đề, thì không vì người này thiết lập thí dụ. Nếu trung gian gặp nhau, nay có trú nơi địa vị Thanh văn, thì chính vì người này thiết lập thí dụ thứ hai, tức là phần tụng rộng dự định dùng phương tiện trong Biệt thí Nhà lửa ở trên.

Phần một: Thí dụ Đạo sư. Văn có năm tức sáu ý trong phần lược tụng dự định dùng phương tiện trong Tổng thí Nhà lửa bên trên.

1. “Năm trăm do tuần”: dụ cho xứ sở mà chúng sinh chưa độ, tham đắm các hữu, luân hồi trong đó, tức nhà kia rộng lớn trong dụ Nhà lửa, như ba cõi không an ổn, là ý an ổn đối bất an ổn trong phẩm Phương tiện.

2. “Đường dữ hiểm nạn” ví như bên trên “Chưa vượt qua các phiền não chướng nặng, đối với trí tuệ Như Lai khó tin khó hiểu”, tức ví lửa cháy trong Thí dụ Nhà lửa, là pháp an ổn đối bất an ổn trong phẩm Phương Tiện.

3. “Nếu có chúng đông” là chánh thí dụ bên trên: “trăm ngàn vạn ức loại đều sinh nghi hoặc không hiểu”, là dụ ba mươi người con và năm trăm người trong Nhà lửa, là ý “biết tánh ưa muốn của chúng sinh” trong phẩm Phương Tiện.

4. “Muốn đi qua con đường này đến chỗ trần bảo” là thí dụ xưa không lấy, nay lấy, ví như “lại giảng kinh Pháp Hoa” bên trên, như “mưa nhất vị” trong phẩm Dược Thảo Dụ, như “chỉ có một cửa” trong thí dụ Nhà lửa, là ý tuyên giảng Phật đạo trong Phẩm Phương Tiện.

5. “Có một vị đạo sư” là Vương tử thứ mười sáu trong thí dụ trên, tức dụ “mây đầy đặc” trong phẩm Dược Thảo, là Trưởng giả, trong dụ Nhà lửa, là ý “Ta nay cũng như vậy” trong phẩm Phương tiện.

Hỏi: Trong đây làm ví dụ, sao không nói “cha con thất lạc nhau”, “trưởng giả kinh sợ vào nhà lửa”, “không hư dối”... ?

Đáp: Phạm nêu tên ví dụ đều tùy theo nghĩa thuận tiện. Trên chọn cơ cảm có và không, cho nên nói “cha con thất lạc, cha con gặp nhau”. Hoặc chọn cảm ứng, chỉ tùy căn cơ, cho nên nói “kinh sợ vào nhà lửa”, Trong đây nêu “muốn dẫn dắt mọi người đời đời gặp nhau”, thì đâu thể nói “thất lạc”. Từ lâu kết duyên, đâu được nói “bắt đầu ứng”, vì nghĩa đây cho nên không nói “xa lìa nhau và kinh sợ” đó thôi! Mà ý kia thì

thông.

Hỏi: Vì sao không nêu thí dụ “Không hư dối”?

Đáp: Từ trước đã có hai mươi hai phen khai Quyển hiển Thật, nghĩa kia đã rõ ràng. “Không hư dối” là để khuyên tin, hàng hạ căn tin không bao lâu nên không cần.

“Năm trăm do tuần”: theo Cơ sư nói: Tam giới kết Hoặc là ba trăm, hàng Thất địa đoạn tập khí là bốn trăm, hàng Bát địa trở lên đoạn vô minh là năm trăm. Nay nói chẳng phải nghĩa chánh biệt, lại chẳng phải nghĩa thông Tam thừa.

Lại có người nói: Có bốn thứ: Lưu lai sinh tử, Biến dịch sinh tử, Trung gian sinh tử, Phần đoạn sinh tử. Chỉ chọn ba thứ kia khai làm năm trăm, không chọn Lưu lai sinh tử. “Lưu lai” là lúc bắt đầu có thức thì trái với nguồn gốc ban đầu, cho nên không nói. Có người nạn vấn điều này rằng: Kinh Thắng Man nói: Nhân năm, quả hai. Quả hai là Phần đoạn và Biến dịch. Nhân năm nghĩa là năm trụ. Nói quả thì đã biệt khai Lưu lai và Trung gian, nói nhân thì cũng nên càng rộng thêm năm trụ. Lý luận này không căn cứ, không nên dùng. Đại luận nêu: “Nhục thân Bồ-tát tức Phần đoạn, Pháp thân Bồ-tát là Biến dịch”. “Lại nói A-la-hán xả báo thân tam giới, thọ thân pháp tánh”. Cho nên, biết sinh tử có hai. Có người nói: Ba trăm dụ ba cõi, Bốn trăm dụ Thất địa, trung gian hai nước khó vượt qua; Năm trăm dụ Bát địa trở lên.

Có người nạn vấn rằng: Bốn trăm dụ Thất địa, thì lẽ ra Ba trăm dụ Lục địa. Lục địa và Nhị thừa công bằng nhau. Đáp: Hàng Nhị thừa lâu tối đa chỉ có sáu mươi kiếp hoặc một trăm kiếp. Thời gian Bồ-tát đến Lục địa là hai mươi hai đại tăng-kỳ, hàng Nhị thừa loanh quanh trở về đạo, cho nên không ngang bằng được. Nay nói đây không phải nghĩa riêng cũng không phải nghĩa chung. Có người nói: “Tam giới là Ba trăm. Thất trụ và nhị thừa là Bốn trăm, Thất trụ trở lên là Năm trăm”. Như Đại Kinh nói: “Sơ quả tám vạn kiếp đến Bồ-đề tâm xứ”. Như người hàng tam căn đạt đến nơi này, liền lãnh giải. Năm hạng người đạt đến nơi này, gọi là vượt qua năm trăm. Đây lấy mức tối đa ngu độn nên nói “tám vạn kiếp đến”. Hàng lợi căn không hẳn như vậy. Như khi đức Phật tại thế, người đắc tứ quả nghe kinh Pháp Hoa thì đều phát tâm, hà tất phải tám vạn kiếp!

Có người nạn vấn: “Kinh nêu rõ vượt quá ba trăm do tuần lập Nhị địa, đâu phải là độ ba người. Nếu năm người đều phát Bồ-đề tâm, thì gọi là vượt qua năm trăm. Đáp rằng: Chính một ý trong Đại kinh nêu năm người phát tâm là năm vị, nhưng đó chẳng phải ý trong kinh này.

Trong đây nêu “ba trăm” là Quyền độ tại Hóa thành, “năm trăm” đến Bảo sở gọi là Thật độ. Bỏ Hóa thành, tiến đến Bảo Sở. Nếu năm người đều vượt đều tiến, thì mất ý nghĩa của thí dụ Hóa thành!

Có người nói: “Tam giới là ba trăm, Thanh văn là Bốn trăm, Duyên giác địa là năm trăm. Phạm phu chướng ở tam giới, Nhị thừa chướng ở Niết-bàn cũng là hữu không nhị kiến, Cây thuốc Hoa Nghiêm không thể ở sinh ở nước sâu, hầm lửa. Hầm lửa tức tam giới, nước sâu tức Nhị thừa. Tam Giới là lao ngục của Nhị thừa; Nhị thừa là lao ngục của Bồ-tát. Lại, chính cái phước trí nhị biên, thì không thể tự hành không thể hóa tha. Kinh Đại Phẩm nêu Bốn trăm do tuần, hợp nhị thừa làm một trăm. Pháp Hoa khai làm năm trăm. Đại Phẩm nêu Bồ-tát vượt hai địa phạm Thánh, mà chưa nêu Nhị thừa là Quyền, tức thiếu ý Hóa thành. Đã chưa luận đến Hóa thành, thì cũng chưa nêu Bảo sở”. Đáp: “Đại Phẩm đã hiển Thật, cho nên đã nêu Bảo sở; chưa khai Quyền, cho nên không nêu Hóa thành”.

Văn dưới nói: “Vì để nghỉ ngơi, cho nên nói hai thứ Niết-bàn”, tại đây là đã vượt qua ba trăm do tuần. “địa vị mà các ông trụ, gần với trí tuệ Phật”, đây khiến vượt khỏi hai trăm do tuần nữa. Văn đã nêu rõ, không nên khổ công mê hoặc. Lại, nêu rõ Nhị thừa có sáu nghĩa đồng và mười nghĩa khác. Sáu nghĩa đồng là:

1. Đồng xuất tam giới.
2. Đồng tận vô sinh.
3. Đồng đoạn chính sử.
4. Đồng đắc Hữu dư Vô dư.
5. Đồng đắc nhất thiết trí.
6. Đồng danh Tiểu thừa.

Do đó hợp thành một “Hóa thành”. Mười nghĩa khác là:

1. Hành nhân xa gần sáu mươi kiếp, một trăm kiếp.
2. Căn lợi độn.
3. Theo thầy và tự ngộ.
4. Không Bi và có Bi ví như xe hươu và xe dê.
5. Có tướng hảo và không tướng hảo.
6. Quán lược rộng.
7. Có thể thuyết pháp đắc tứ quả, và không thể thuyết pháp đắc

Noãn pháp.

8. Ở đời có Phật và không có Phật.
9. Đốn chứng và tiệm chứng.
10. Duyên giác thì phần nhiều hiện thần thông, ít thuyết pháp, còn

Thanh văn thì bất định.

Ba xe ở dụ Nhà lửa nay là dụ “Hai trăm do tuần”. Ba căn đồng bị thiêu trong nhà lửa, ba căn cầu thoát ra cho nên có ba xe. Phật đạo lâu dài, Nhị thừa vẫn là con đường nguy hiểm cho nên nói còn “hai trăm” cần phải lìa. Phật thừa không phải chướng chỉ nêu hai trăm, vì sao căn cứ phạm khai ba (trăm), ước về Thánh khai hai (trăm)? đây là dẫn tiến mà nói. Người được độ còn ít, người chưa được độ còn nhiều. Nếu vậy, thì chưa thành liễu nghĩa? Phật đạo tuy dài như đi vạn dặm, nhưng chỉ có năm trăm do tuần là khó, còn ngoài ra thì dễ.

Hỏi: Vượt hai trăm do tuần là việc khó của Nhị thừa, vượt tam giới là việc khó của phạm phu. Bồ-tát có khó không?

Đáp: Bồ-tát không coi nhà lửa là nạn, không cần cầu xe để ra khỏi nhà lửa. Nhị thừa đã cầu xe để vượt ra, thì sao không bị hai trăm làm chướng ngại!

Đại luận quyển sáu mươi sáu nói: “Đường hiểm là thế gian. Một trăm do tuần là Dục giới. Hai trăm do tuần là Sắc giới. Ba trăm do tuần là Vô sắc giới. Bốn trăm do tuần là Nhị thừa. Lại nữa, một trăm do tuần là Nhị thừa đạo, hai trăm do tuần là Vô sắc giới, ba trăm do tuần là Sắc giới, bốn trăm do tuần là Dục giới”. Kinh này nêu năm trăm do tuần tức Bồ-tát đạo. Nếu vượt quá năm trăm, thì nhập Phật đạo... Nhân sư và kinh luận khác nêu ra như trước. Nay y kinh này mà phán xét, thì: nơi tam giới quả báo là ba trăm, nơi cõi Hữu dư là bốn trăm, nơi cõi Thật báo là năm trăm.

Văn dưới hợp thí nói: “Biết các sinh tử”, sinh tử là nơi chốn, rõ ràng rồi vậy! Chỉ vì tôn chỉ của Phật khó biết, nên phải rộng giải. Kiến hoặc là một trăm. Ngũ hạ phần là hai trăm. Ngũ thượng phần là ba trăm. Trần sa là bốn trăm. Vô minh là năm trăm. Văn dưới hợp thí nói: “Phiền não hiểm nạn ác đạo” nghĩa đó phù hợp. Nhập Không quán thì năng vượt qua ba trăm. Nhập Giả quán thì năng vượt qua bốn trăm. Nhập Trung quán thì năng vượt qua năm trăm. Văn dưới hợp thí nói:

1. “Khéo rõ biết được tướng thông bát của con đường hiểm”, tức là biết hai thứ nhân quả, phù hợp nghĩa năm trăm do tuần.

2. “Đường dữ hiểm nạn” là dụ cho nhân quả sinh tử. Phần đoạn và Biến dịch, đây tức là quả hiểm nạn. Tư hoặc, Kiến hoặc, Ngũ trụ phiền não, tức là nhân hiểm nạn. Do nhân quả này, cho nên nói “Đường dữ”. “Chốn không người”: đạo có hai loại: a. Trống rỗng vắng vẻ, có người để nương. b. Không có người để nương. Loại một: Trong sinh tử có Niết-bàn, trong phiền não có Bồ-đề, ví như chỗ trống rỗng vắng vẻ mà

có người để nương. Loại hai: Như sinh tử phiền não không có Niết-bàn Bồ-đề, trong thuốc không có bệnh, trong bệnh không có thuốc, đây tức chỗ trống rỗng vắng vẻ không có người để nương.

3. “Nếu có nhiều chúng sinh”, đây là dụ vương tử chúng được giáo hóa chưa độ.

4. “Muốn vượt đường hiểm này” cầu đến chủng giác, cho nên nói “đến chỗ trần bảo”.

5. “Có một vị đạo sư”, tức vương tử thứ mười sáu. Nhân nhĩ thanh tịnh, nên gọi là “thông”, ý thanh tịnh gọi là “lợi”, tóm lại tức sáu căn thanh tịnh. “Trí” tức nhất tâm tam trí, “minh” tức đầy đủ ngũ nhãn. Lại, Tam minh là “minh”, Thập lực là “đạt”.

Từ “Dẫn dắt chúng nhân muốn vượt qua” trở xuống, là phần hai của Khai thí, tức thí dụ Muốn dẫn dắt. Đây giống với ý nhà lửa phương tiện biệt thí tụng rộng. Văn đây chia làm ba:

1. “Đám đông người được dẫn dắt”: ví như những người đã kết bản duyên nhưng chưa được độ. Bản duyên không mất mà được đạo sư dẫn dắt, giống ý “trưởng giả thấy lửa sợ hãi” trong dụ Nhà lửa bên trên, là ý “thấy ngũ trước mà khởi đại bi tâm” trong phẩm Phương Tiện.

2. “Đi giữa đường lười mỗi muốn thoái lui”: ví như “giữa đường gặp nhau thoái tâm Đại thừa, thì dùng Tiểu thừa dẫn dắt” bên trên, là ý “không dùng thân, tay, mà khen ngợi ba xe hy hữu” trong dụ Nhà lửa, là ý “thôi Đại thừa hóa, nghĩ đến dùng phương tiện” trong phẩm Phương tiện.

3. Từ “Khi ấy đạo sư biết đám đông người đó” trở xuống là thí dụ “diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở”, ví như “trở lại vì thuyết kinh Pháp Hoa, liền tập chúng Bồ-tát và Thanh văn mà thuyết kinh này” bên trên, tức là ý “đồng ban cho một thứ xe lớn” trong dụ Nhà lửa, và giống như ý “chỉ thuyết vô thượng đạo” trong phẩm Phương tiện. Phân văn đã xong tiếp đến giải thích:

“Đám đông người được dẫn dắt”: Nói chung là chúng kết duyên. Nếu luận riêng, thì những ai trước được lợi ích Đại thừa tức là đã được dẫn dắt xong; những ai chưa được Đại lợi, thì nay chính là người được dẫn dắt. Nếu căn cứ năm trăm người trong Nhà lửa, thì ba mươi người con là người chưa được khai ngộ.

“Giữa đường mỗi một thoái lui”: văn chia làm hai: 1. Thoái Đại.

2. Tiếp Tiểu.

1. Thoái Đại: tức là ý “Phật dự định thối hóa nhất Thực” bên trên.

Tiếp Tiểu: dự định dùng Tam (quyền). Văn thoái Đại chia làm ba: a)

“Giữa đường mỗi một thoát lui” tức trên nói “không có đại cơ”. b) “Bạch đạo sư rằng”: trên nói “không thọ Khuyến, Giới”. “Chúng con cực kỳ mệt mỏi” tức là không thọ Khuyến môn, “lại thêm sợ sệt” tức không thọ Giới môn. c) “Chẳng có thể đi nữa” tức là bên trên nói “thôi hóa”. Phần văn đã xong.

Tiếp giải thích: “Giữa đường”: Chẳng phải nửa đường nên gọi giữa đường (trung lộ), chỉ do coi phát tâm là đầu, đến thành Phật là cuối. Ở khoảng giữa hai đầu mút này mà khởi thoát lui hay dừng nghĩ, thì gọi “giữa đường”. “Bạch đạo sư rằng”: tự có đạo sư Từ bi thông thạo đường đi, như văn nói: “Có một đạo sư dẫn dắt mọi người”. Tự có đạo sư Kết duyên như văn nói: “Đám đông người được dẫn bạch đạo sư rằng”. Tự có đạo sư Quyền trí, như văn nói: “đạo sư có nhiều phương tiện”. Tự có đạo sư Thật trí, như văn nói: “đạo sư biết đám đông người đó”. Nay nói “bạch đạo sư” chính là bạch với đạo sư kết duyên. Vì chúng thoát Đại thì Đại diệt, tiếp Tiểu thì Tiểu sinh. Một sinh một diệt, cảm pháp thân gọi đây là “bạch”. Vương tử biết chúng thoát Đại, tức nghe chúng tác bạch. Thiện căn yếu đuối, bị vô minh che lấp, cho nên nói “cực kỳ mệt nhọc”. Chấn sợ sinh tử, gọi là “sợ hãi”. “Chẳng thể tiến tới nữa, đường trước còn xa”: Kiến hoặc, Tư hoặc, Trần sa hoặc, Vô minh hoặc khó có thể đoạn ngay, thì dùng Tiểu thừa tiếp dẫn họ, không khiến lập tức trở về bản xứ, nhưng cũng có nghĩa “tiến tới”.

2. *Tiếp Tiểu*: từ “Vị đạo sư có nhiều phương tiện”: trở xuống, là thí dụ dùng Tiểu để tiếp dẫn. Trên trong dụ Nhà lửa phương tiện khai pháp Tam thừa, có bốn ý, trong đây đầy đủ. 1. “Có nhiều phương tiện” ví như dự định thích hợp. 2. Từ “Mà tự nghĩ rằng” trở xuống: bọn ấy đáng thương bỏ mất trân bảo, dự biết có Tiểu không có Đại. 3. Từ “Nghĩ thế rồi dùng phương tiện” trở xuống: hóa làm một cái thành, dụ chính thức dùng phương tiện. 4. “Bấy giờ chúng cực kỳ mỗi một ấy rất vui mừng” trở xuống: nhập thành, ví như tam thừa ngộ nhập. Hai ý trên như văn. Hóa thành dụ lại chia làm hai: 1. Tác hóa; 2. Thuyết hóa. “Dùng sức phương tiện” trở xuống, chính là Tác hóa. “Bảo chúng rằng” trở xuống, chính là Thuyết hóa. Trong dụ Cho xe bên trên nói rằng: “Ta vì các ông mà làm các xe này”. Nay thành là có cho nên phải trước tạo tác. Thuyết Hóa thành dụ, giống như “Khuyến chuyển Thị chuyển Chứng chuyển” bên trên. “Các ông chớ sợ, dừng lui về” là Khuyến chuyển, khiến tiến thẳng vào thành. Từ “Nay thành lớn này” cho đến “muốn làm gì thì làm” là Thị chuyển, bảo rằng thành này có thể dừng ở. “Nếu vào thành này sẽ được rất an ổn” là Chứng chuyển, khen ngợi thành an ổn. “Như

thế có thể thẳng đến Bảo sở, cũng có thể được đi”, trong Tam tạng giáo chưa luận nghĩa “tiến thẳng”. Có một thuyết nói: “Rõ ràng đây nói ở thời tam thừa giáo. Nếu người phát tâm Đại thừa cầu Phật thì cũng tốt. Nếu không thể như thế, thì chỉ làm Nhị thừa cũng tốt. Theo như kinh Thắng Man nói: “Sơ nghiệp của tam thừa không ngu đối với pháp, tự biết sẽ được làm Phật, chỉ vì sợ không có khả năng cho nên chấp vĩnh diệt”. Nếu vậy thành Biệt giáo! Lại, có thuyết khác nói: “Chỉ khiến nhập Hóa thành, nhưng sau lại tiến thẳng”. Trong các kinh Đại Phẩm, Tịnh Danh đều có ý đó. Đấy tức là ý Biệt tiếp Thông. Nhưng ở đây đức Phật chưa khai hiển cái “tiến lên” đó, do không được hiển lộ rõ ràng mà có câu nói này. Nếu tính theo đời trước, thì lẽ ra có nói như vậy. Vì sao? Vì biết thoái ý. Vương tử giáo hóa rằng: “Các ông nếu sợ sinh tử, thì hãy tạm dùng Niết-bàn để nghỉ ngơi, nhưng sau lại hành Đại đạo, cũng có thể tùy ý”. Cũng như nay người muốn học Đại thừa mà sợ sinh tử muốn khởi thoái tâm, có người khuyên: “Ông hãy đoạn phiền não, chứng La-hán, nhưng sau lại tiếp thu Đại đạo, cũng có thể được”. Nay hiện tại một đời hóa đạo chưa khắp thì không được bỗng có lời nói như thế. Nếu khai Quyền hiển Thật, thì được nói thế, như trong thời Niết-bàn các người thủ chứng quả La-hán đều là nghĩa kia.

“Đại hoan hỷ” tức văn tuệ. “Chưa từng có” tức Noãn vị. “Thoát khỏi đường dữ” tức Đảnh vị. “Vui thích được an ổn” tức Nhẫn vị. “Thẳng vào hóa thành” tức Kiến đế vị. “Tuồng đã diệt độ” tức vô học vị, đây giống như “thích hợp sở nguyện, các con mạnh mẽ xô đẩy để ra khỏi nhà” trong dụ Nhà lửa. “Nảy sinh cảm tưởng đã được diệt độ”: như đắc Tân trí. “Nảy sinh cảm tưởng đã được an ổn”: như đắc Vô sinh trí. Lại, đây đủ Trí đức như “đã độ”, chứng Đoạn đức như “an ổn”.

Có người nói “Bảo sở” là tam giới mà nhị thừa nếu vượt qua thì đến Phật đạo, Phật đạo là Bảo sở. Đại kinh có ba lời văn: 1. Đến Bồ-đề tâm; 2. Đến Bồ-đề; 3. Đến đại Niết-bàn môn. Nếu đến Bồ-đề tâm, thì quyết đến Bồ-đề và Niết-bàn. Dẫn ba lời văn đây: Đến Bồ-đề tâm gọi là đến nhân, Bồ-đề Niết-bàn gọi là đến quả, trong quả có Trí Đoạn. Bồ-đề là Trí, Niết-bàn là Đoạn.

Nói đủ đầu đuôi, nói đủ Trí Đoạn, cho nên nói ba lời văn. Vượt qua “năm trăm do tuần” có ba nghĩa: 1. Thoát đường dữ; 2. Được đường tốt lành; 3. Là Bảo sở. Bồ-đề tâm ví như vượt qua đường dữ, Bồ-đề hành ví như đường bằng phẳng. Đắc Phật đạo, ví như đến Bảo sở. Văn dưới nói: “Nay ta vì các ông nói thật rằng sở đắc của các ông chẳng phải chân thật”. Đây nêu vượt qua đường dữ năm trăm do tuần. Vì nhất

thiết trí của Phật, nên phát đại tinh tấn nghĩa là đi con đường tốt Bồ-đề. Ông chứng Phật pháp như Nhất thiết trí, Thập lực v.v..., nghĩa là đắc Phật đạo, cơ sao cần phải vượt qua năm trăm do tuần, hàng Nhị thừa qua ba trăm, Bồ-tát qua bốn trăm, Phật thừa qua năm trăm?

Từ “Lúc ấy đạo sư biết đấm đông người đó” trở xuống, là Phần ba: “Diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở”. Trong đây có hai: 1. Biết đã nghỉ ngơi rồi. 2. Hưởng đến Bảo sở. “Đã được dừng nghỉ ngơi rồi không còn mỗi một”, là dụ trên nói “đến thời Niết-bàn chúng lại thanh tịnh”. Thoát khỏi nạn thì Đại cơ phát sinh, tức diệt Hóa thành, dẫn hưởng đến Bảo sở, ví như “chính thuyết Pháp Hoa chỉ bày tướng chân thật” bên trên. “Bảo sở” có hai nghĩa: Nếu dụng cứu cánh, thì lấy cực quả làm Bảo sở. Văn trên nói: Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột thật tướng của các pháp. Nếu phân nhập, thì lấy sơ phát tâm trụ làm Bảo sở. Cho nên, văn trên nói: “Kho báu vô thượng không cầu mà tự được”. Lại nói “đắc phần Phật pháp, các pháp mà Phật tử cần được, đều đã được”. Đại kinh nói: “Tu-đà-hoàn thì tám vạn kiếp mới đạt đến, đến chỗ sơ phát Bồ-đề tâm”. Đây là chọn độn căn, mặc sức dụng tám vạn mười ngàn... mới đến. Nếu như tứ quả trong Tam tạng, thì không trải qua thời gian ngắn đều được nhập Đại thừa đâu cần đợi đến tám vạn mười ngàn ư!?!...

“Bảo sở ở gần đây, thành lớn, trước đó là của ta biến hóa”: nêu thí dụ Bồ quyền để thuận thí dụ Hiển thật. Trên nói: Trí tuệ Như Lai khó tin khó hiểu, các hạng người ấy nên dùng pháp ấy dần dần nhập Phật tuệ. Giống như trong phẩm Phương Tiện nói: Khiến thoát khổ khỏi sự trói buộc, đạt tới đắc Niết-bàn, đức Phật dùng sức phương tiện chỉ bày tam thừa giáo.

Xưa hỏi: Xe và thành đều dụ cho Vô sinh trí, thì xe vì sao mà không, thành vì sao mà có, và xe thì ba thứ, mà thành thì chỉ một, xe thì động, thành thì tĩnh?

Đáp: Trưởng giả nói ngoài cửa có xe, vì có ngăn cách nên các con không thấy, nên có thể được giả thiết ngoài cửa có xe, xe thật không có. Còn thành thì nổi cao lên trên mặt đất, không thể giả thiết, cho nên thành là có. Căn cứ lý giáo, chấp tam giáo chọn lý thì tam giáo đều đắc lý, đây tức có nghĩa như “thành”. Dem lý chọn giáo, lý đã duy nhất, thì giáo đây tức không có quả tam gia, tức nghĩa xe không có căn cứ. Có ba xe, một thành: Các người đồng dừng ở một chỗ, do đó thành chỉ một. Xe thì căn cứ ba hạng người, ba hạng người sở thích không đồng, cho nên có ba. Lý giáo: Tận, Vô sinh trí của Tam thừa giáo không khác, như

thành. Chánh sử phiền não của Tam thừa tuy cùng dứt hết, mà tập khí thì có hết và không hết, có người một bên đắc tri kiến, có người không đắc, cho nên dùng đây trang nghiêm Tận, Vô sinh trí, nghĩa đây không đồng, như ba xe. Tam gia Tận Vô sinh trí, nêu nhân tận quả vong, nơi đây tột cùng, như thành tĩnh. Tận Vô sinh trí vận nhập Vô dư, như xe động. Nay nêu căn cứ tâm chúng sinh, thì xe thành đều có, căn cứ Phật trí thì cũng có cũng không. Quyền trí được nêu là có, như thành. Thật trí được nêu là không, như xe... Hóa thành ý chính là vì người thoái Đại chọn Tiểu, bên cạnh đó vì thương xót người học Tiểu thừa. Hai đoạn trên ý chính là thương xót người học Tiểu thừa, đồng thời vì người thoái Đại. Ba xe thông xưa nay, Hóa thành ý chính là ý dẫn giáo, chưa được đạo là Hóa vậy.

Hỏi: Hóa làm ba xe cùng Hóa thành có gì khác nhau?

Đáp: Ba xe làm dụ cho Thuyết pháp luân, Hóa thành làm dụ cho Thân thông luân. Lại, Xe thì căn cứ âm thanh làm dụ, các con nghe mà không thấy. Thành là sắc làm dụ.

Hỏi: Thành cùng hai sử giả trong phẩm Tín Giải là thế nào?

Đáp: Sử là năng chỉ bày như giảng dạy lý, thành làm dứt sự lo lắng. Giáo động mà thành tĩnh. Giáo tức Tứ đế, Thập nhị duyên có khác. Thành là Nhị trí nhập Vô dư không khác. Giáo thông cả nhân quả, thành xe chỉ tại quả giáo thông hữu vi vô vi, thành xe chỉ tại vô vi. Quyền trí cho rằng xe là không có, gọi là giáo thiết lập ra. Thật trí cho rằng xe là có, vì không lìa văn tự nói giải thoát. Quyền trí chiếu thành là có, vì dẫn dắt chúng sinh. Thật trí chiếu thành là không, vì thiên chân chẳng thật. Cho nên, Quyền trí chiếu xe là ba, đậu ba duyên. Thật trí chiếu xe là một, đều hội Nhất thừa. Quyền trí chiếu thành là một, vì là thiên chân. Thật trí chiếu thành là ba vì Như Lai tạng. Quyền trí chiếu thành là tĩnh, vì là Khô đoạn. Thật trí chiếu thành là động, cho nên diệt Hóa thành. Quyền trí chiếu xe là vận chuyển, vì vận chuyển nhập Vô dư. Thật trí chiếu xe là tĩnh, vì không động, không xuất. Giải thích như đây lẽ nào giống với xưa? Xưa chỉ giải nghĩa theo Tiểu thừa.

Hỏi: Năm chỗ khai tam hiển nhất có gì sai khác?

Đáp: Nói chung thì không khác, nói chi tiết thì có khác. Phẩm Phương Tiện căn cứ Giáo mà khai tam hiển nhất. Văn nói: “Như Lai chỉ dùng nhất Phật thừa, vì chúng sinh thuyết pháp không hai cũng không ba”. Dụ Nhà lửa thì căn cứ Hạnh mà khai tam hiển nhất, xe là nghĩa vận chuyển, vận chuyển dụ do hạnh. Văn nói: “Đều ngồi xe lớn, dạo khắp bốn phương, đùa giỡn vui vẻ”. Trong phẩm Tín Giải, căn cứ Người mà

khai tam hiển nhất, kết linh hội người làm thuê tức là con của trưởng giả, chúng con xưa nay chân thật là Phật tử. Trong phẩm Dược Thảo Dụ, căn cứ sai biệt và không sai biệt mà nêu quyền thật, không đích xác bỏ hay lấy, chỉ nêu chúng sinh không biết Phật muốn cho họ biết. Nếu bầy thứ sai biệt thì biết Quyền. Đồng y một lý, không sai biệt, tức biết Thật. Sai biệt mà không sai biệt, không sai biệt mà sai biệt, khiến cho chúng sinh biết ý này thôi! Cuối cùng bất thuyết, nói không một, có một. Đây căn cứ tự hành quyền thật nhị trí, tùy tự ý nói. Cho nên, đức Phật có thể biết mà chúng sinh không thể biết. Cũng là thông trước thông sau, biết không biết nêu quyền thật. Nay Hóa thành chính là căn cứ lý khai tam hiển nhất. Bảo sở, Hóa thành đều là hai lý Tiểu, Đại. Pháp Nhị thừa trừ hóa lý, hiển bày Bảo sở chân thật Nhất lý. Văn phần dưới nêu năm trăm vị lãnh giải, dùng hạt châu làm thí dụ, cũng là căn cứ Lý.

Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai” trở xuống, là hợp thí. Trước là chánh hợp, sau nêu dụ thuận hợp, mà không có thứ lớp. “Đức Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống, đầu tiên hợp thí dụ đạo sư thứ năm. “Nay vì các ông” trở xuống, là hợp thí dụ thứ ba: nhiều người. “Biết các đường dữ sinh tử hiểm nạn” trở xuống, là hợp với thí dụ “đường ác nguy hiểm” thứ hai. Hai chữ “dài xa” là hợp với thí dụ “Năm trăm do tuần” thứ nhất. “Nên bỏ nên vượt qua” là hợp với thông tuệ minh đạt, cũng là hợp với thí dụ thứ tư “muốn vượt qua đường hiểm ác đến chỗ trần bảo”. “Nếu chúng sinh chỉ nghe” trở xuống, hợp thí dụ thứ hai “sẽ dẫn”. Thí dụ vốn có ba, nay cũng hợp ba. “Nếu chúng sinh” là hợp thí thứ nhất số đông người được dẫn dắt. “Chỉ nghe nhất Phật thừa” là hợp thí dụ thứ hai “thoái đại tiếp tiểu”. “Nếu chúng sinh trú nơi nhị địa” trở xuống là hợp thí thứ ba “bỏ Hóa thành dẫn đến Bảo sở”. Thí dụ thứ hai vốn có thoái Đại tiếp Tiểu nay hợp đủ. Trên thoái Đại có ba ý. “Chỉ nghe nhất Phật thừa”: Hợp thí “giữa đường biếng nhác thoái lui”, là ý không có căn cứ. “Chẳng muốn thấy Phật không muốn nghe pháp”, hợp thí “bach đạo sư, không nhận khuyến răn”. “Liên suy nghĩ rằng”: Hợp thí “không thể tiến tới” bên trên, là ý thôi hóa. “Phật biết tâm chúng đó” trở xuống, hợp thí “dùng Tiểu tiếp người thoái lui”. Thí dụ vốn có bốn, nay hợp chỉ có ba. “Phật biết tâm chúng đó” là hợp thí “đạo sư nhiều phương tiện” bên trên, ý dự định thích hợp. “Khiếp nhược hạ liệt”, hợp thí “những người này đáng thương” bên trên, biết họ có căn cứ Tiểu thừa. “Mà ở giữa đường vì để nghỉ ngơi” trở xuống, là hợp thí dụ thứ ba “hiện làm Hóa thành, để mọi người vào thành”. Mà ở giữa đường vì họ thuyết hai thứ Niết-bàn: Là tam giới hoặc thì hết, mà Trần sa và Vô

minh hoặc thì chưa phá, ở giữa hai cực ấy mà đặt ra Hữu dư Niết-bàn và Vô dư Niết-bàn, cũng là Niết-bàn của Thanh văn và Niết-bàn của Duyên giác. Lại Phần đoạn sinh tử đã tận, Biến dịch sinh tử chưa trừ, giữa hai thứ sinh tử đặt ra làm Hữu dư và Vô dư cho nên nói trung đạo (giữa đường). “Nếu chúng sinh trú hai thứ Niết-bàn này” trở xuống, hợp thí thứ ba “dẫn đến Bảo sở”. Văn trên có hai nay hợp cũng hai. “Nếu chúng sinh trú hai thứ Niết-bàn”, đây là hợp biết đã dừng nghỉ ngơi. “Đức Như Lai lúc bấy giờ liền vì nói” trở xuống, đây hợp dẫn hướng đến Bảo sở. “Như vị đạo sư kia” trở xuống, là thứ hai nêu thí dụ thuận hợp, trình bày thí dụ tiếp thoái đại đến hợp thiết lập Tam thừa. Nêu thí dụ “diệt hóa” hợp hiển Nhất, như văn...

Kệ tụng có bốn mươi chín hàng rưỡi kệ tụng phần văn trên. Trên có hai. Đây cũng có hai:

1. Hai mươi hai hàng rưỡi, tụng nguyên do kết duyên.
2. Hai mươi bảy hàng, tụng chánh kết duyên.

Trên nguyên do có gần, xa. Đây cũng vậy:

Mười hai hàng tụng nguyên do xa bên trên. Tiếp mười hàng rưỡi, từ “Thế Tôn tuệ vô lượng” là tụng nguyên do gần. Nguyên do xa có hai.

1. Sáu hàng, tụng Đức Đại Thông thành đạo. 2. Sáu hàng, tụng mười phương Phạm thiên đến thỉnh chuyển pháp luân.

Trong Thành đạo có năm: 1. Ba hàng, tụng ý thứ hai: dẫn việc trước khi thành đạo. 2. “Trải qua mười tiểu kiếp” trở xuống, một hàng tụng ý thứ ba: chính thành đạo. 3. “Mười sáu người con Phật” trở xuống, hai hàng tụng ý thứ năm: Mười sáu người con thỉnh Phật chuyển pháp luân kiêm ý thứ tư thành đạo rồi quyến thuộc thân cận cúng dường. Lược không tụng ý thứ nhất: thọ mạng đức Phật lâu dài.

- Từ “Thế Tôn rất khó gặp” trở xuống, sáu hàng, tụng mười phương Phạm thiên thỉnh. Trên có hai. Đây cũng chia hai: 1. Một hàng tụng uy quang sáng chói. 2. “Các thế giới phương Đông” trở xuống, năm hàng tụng mười phương Phạm vương theo ánh sáng tìm đến chỗ Phật. Trong đây ba hàng trước tụng phương Đông, hai hàng sau tụng chung cả chín phương.

- Từ “Thế Tôn tuệ vô lượng” trở xuống, mười hàng rưỡi, tụng nguyên do gần. Trên có hai. Đây cũng chia hai: 1. Năm hàng tụng ý thứ nhất: chuyển nhị thừa pháp luân. 2. Từ “Bấy giờ mười sáu vị” trở xuống, có năm hàng rưỡi, tụng ý thứ hai lại thỉnh chuyển Đại thừa pháp luân.

Phần tụng Chuyển nhị thừa, lại có ba: 1. “Thế Tôn tuệ vô lượng” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ nhất: thọ thỉnh. 2. “Vì nói các món pháp” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: chánh chuyển nhị thừa pháp luân. 3. “Tuyên nói pháp đó rồi” trở xuống, ba hàng tụng ý thứ ba: thời chúng nghe pháp đặc đạo.

- Từ “Bảy giờ mười sáu vị” trở xuống, năm hàng rưỡi, là phần hai: vương tử lại thỉnh. Trên có bảy ý: 1. Hai câu đầu, tụng ý thứ nhất: vương tử xuất gia. 2. “Đều đồng thỉnh Phật kia” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: chính thỉnh chuyển Đại thừa. 3. “Phật biết lòng đồng tử” trở xuống, hai hàng, tụng ý thứ tư: Hai vạn kiếp trung gian thuyết Phương Đăng Bát-nhã. 4. “Thuyết kinh Pháp Hoa này” trở xuống, nửa hàng, chánh tụng ý thứ tư: thọ thỉnh thuyết Pháp Hoa. 5. “Phật kia thuyết kinh rồi” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ bảy: thuyết kinh rồi nhập định. Lược không tụng ý thứ ba: phụ vương dẫn tám vạn người cầu xin xuất gia, ý thứ năm: chúng nghe kinh có người hiểu có người không hiểu, ý thứ sáu: thuyết kinh thời tiết lâu dài.

Từ “Các vị Sa-di đó” trở xuống, hai mươi bảy hàng, tụng chánh kết duyên. Văn trên có hai. Đây cũng có hai: 1. Tám hàng, tụng Pháp thuyết. 2. Mười chín hàng, tụng Thí thuyết.

Bên trên Pháp thuyết có ba. Đây cũng có ba: 1. Ba hàng tụng ý thứ nhất: xưa kết nhân duyên. 2. Một hàng, tụng ý thứ hai: trung gian gặp nhau. 3. Bốn hàng, tụng ý thứ ba: ngày nay lại thuyết kinh Pháp Hoa.

Bên trên xưa kết nhân duyên có bốn ý. Đây cũng có bốn: 1. Nửa hàng, tụng Phật nhập định. 2. “Vì vô lượng ức chúng” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng chánh thức giảng lại. 3. “Mỗi một vị Sa-di” trở xuống, một hàng, tụng nghe pháp được lợi ích. Lược không tụng ý thứ tư: đức Phật ra khỏi định xưng tán.

Từ “Sau khi Phật diệt độ” trở xuống, một hàng, tụng trung gian gặp nhau.

Từ “Mười sáu Sa-di đó” trở xuống, bốn hàng, tụng ngày nay thuyết kinh Pháp Hoa. Văn trên có hai ý : Kết hợp xưa nay, có hiện tại vị lai. Đây cũng có hai: 1. Ba hàng, tụng kết hợp hiện tại thầy trò. 2. “Do bản nhân duyên đó” trở xuống, một hàng, tụng lại thuyết Pháp Hoa. Văn trên lại có ba ý: Một câu đầu, tụng ý thứ nhất: thời chúng thanh tịnh, do Bản nhân duyên đó mà ngày nay chúng thoát nạn, cơ duyên phát sinh. Ba câu sau, tụng ý thứ hai: vì thuyết kinh này. Lược không tụng ý thứ ba: giải thích ý “khai tam”.

Từ “Thí như đường hiểm dữ” trở xuống, mười chín hàng tụng dụ khai hợp. Đây chia làm hai phần: 1. Mười một hàng rưỡi đầu, tụng khai thí. 2. Bảy hàng rưỡi sau, tụng hợp thí.

Phần Khai thí chia làm hai: 1. Ba hàng, tụng dụ Năm trăm do tuần. 2. Tám hàng rưỡi, tụng dụ dẫn dắt.

Phần dụ tụng Năm trăm do tuần có năm: 1. Một hàng tụng ý thứ hai: đường dữ hiểm nạn. 2. “Vô số ngàn muôn chúng” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ ba: đám đông người. 3. “Đường đó rất xa vời” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ nhất: Năm trăm do tuần. 4. “Bấy giờ một đạo sư” một câu, tụng ý thứ năm: Một đạo sư. 5. Từ “Nhớ dai có trí tuệ” trở xuống, ba câu tụng thông tuệ minh đạt. Không tụng ý thứ tư.

Từ “Mọi người đều mỗi một” trở xuống, tám hàng rưỡi, phần hai của Khai thí: tụng thí dụ dẫn dắt. Văn trên có ba ý. Đây cũng tụng ba: 1. Hai chữ đầu, tụng ý thứ nhất trên: Muốn dẫn dắt. 2. Từ “Đều mỗi một” trở xuống, năm hàng ba câu ba chữ, tụng ý thứ hai: mọi người biếng nhác thoái lui quyền lập Hóa thành. 3. Từ “Đạo Sư biết nghĩ xong” trở xuống, hai hàng rưỡi tụng ý thứ ba: diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở.

Phần hai trên có hai ý: 1. Biếng nhác thoái lui. 2. Tiếp dẫn người thoái lui. Đây cũng có hai: 1. Ba câu ba chữ, tụng biếng nhác thoái lui. 2. Năm hàng, tụng làm Hóa thành tiếp dẫn người thoái lui. Trong biếng nhác thoái lui lại có ba, nay lược không tụng ý thứ nhất: giữa đường. Văn trên tiếp dẫn người thoái tác Hóa thành, đây tụng đủ. 1. Một hàng, tụng ý thứ hai: đáng thương bỏ mất Đại thừa. 2. “Liên lại nghĩ phương tiện” hai câu, tụng thứ nhất: nghĩ thế này. 3. “Hóa làm thành quách lớn” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba: làm Hóa thành. Văn trên lại có hai: 1. Một hàng rưỡi, tụng chánh làm hóa thành. “Các nhà cửa”: là các cảnh Không quán. “Vườn rừng”: rừng pháp vô lậu tổng trì của Nhị thừa. Cửu thứ đệ định là “sông ngòi”, bát giải là “ao tắm”. “Trùng môn” là Tam không môn. Lại, là Trùng Không Tam-muội, Tận Vô sinh trí, là “lầu gác cao”. “Nam nữ” là định tuệ.

Quán tâm giải thích: Trí thể đầy khắp như “thành hào”, thiện pháp viên mãn đầy đủ như thành ngoài bao vây quách. Tất cánh không là “nhà cửa”. Chân thiện năng thành tự hành, như “nam” tử năng gánh vác gia sự. Từ bi bên ngoài giáo hóa, như “nữ” thích hợp bên ngoài. 2. “Hóa ra thành đó rồi” trở xuống, một hàng, tụng thuyết hóa bên trên. 4. “Mọi người đã vào thành” trở xuống, một hàng, tụng vào thành. 3. “Đạo sư biết nghĩ xong” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba: diệt Hóa thành đến Bảo sở. Trên văn có hai: 1. Một câu tụng ý thứ nhất: biết

ngỉ xong. 2. “Nhóm chúng mà bảo rằng” trở xuống, hai hàng một câu, tụng diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở.

Từ “Ta cũng lại như vậy” trở xuống, bảy hàng rưỡi, là phần thứ hai, tụng hợp hai thí dụ: 1. Nửa hàng, tụng hợp dụ thứ nhất: Năm trăm do tuần. 2. Bảy hàng, tụng hợp dụ thứ hai: dẫn dắt. Phần hợp dụ Năm trăm do tuần bên trên có bốn. Đây nửa hàng, tổng tụng mà thôi!

Từ “Thấy những người cầu đạo” trở xuống, hai hàng tụng hợp thí dụ biếng nhác thoái lui. Trong phần tụng Khai thí bên trên không tụng: giữa đường. Đây một hàng hợp giữa đường biếng nhác thoái lui. Tiếp một hàng, tụng tiếp dẫn người thoái lui, làm Hóa thành.

Từ “Đã biết đến Niết-bàn” trở xuống, năm hàng tụng hợp thí diệt Hóa thành đến Bảo sở. Văn trên hợp có hai ý. Đây tụng cũng có hai:

1. Nửa hàng tụng ý thứ nhất: biết ngỉ xong. 2. Từ “Giờ mới nhóm đại chúng” trở xuống, ba hàng rưỡi, tụng ý thứ hai hợp: diệt Hóa thành dẫn hướng Bảo sở. Trong phần kệ hợp diệt Hóa thành có nghĩa ba đức bí mật tạng: “Ông chứng nhất thiết trí” : Bát-nhã đức. “Đủ ba mươi hai tướng” : Pháp thân đức. “Mới là chân thật diệt” : Giải thoát đức. Ba pháp không dọc không ngang, tức là thấy Phật tánh. Từ “Chư Phật là đạo sư” trở xuống, một hàng, tụng thuận hợp.

Phẩm Thứ 8: NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Phẩm này thọ ký đủ một ngàn hai trăm vị A-la-hán mà chỉ nêu năm trăm, là vì sao? Năm trăm vị được thọ ký danh đồng vì năm trăm vị này trình bày sự lãnh giải, nên dùng nêu tên phẩm. Phẩm này là đoạn thứ hai trong thuyết Nhân duyên. Căn cứ đặc ký có hai:

I. Một ngàn hai trăm.

II. Hai ngàn.

Phần một ngàn hai trăm lại có hai: 1. Thọ ký cho ngài Mãn Nguyệt. 2. Thọ ký cho một ngàn hai trăm người.

1. Mãn nguyệt lại có hai:

a. Trình bày sự im lặng lãnh giải.

b. Như Lai thuật lại và thọ ký.

- Phần a Trình bày im lặng lãnh giải, lại có hai:

a.1) Hoan hỷ.

a.2) Im lặng lãnh giải.

Hoan hỷ lại có hai:

a.1.1) Nguyên do được lãnh giải.

a.1.2) Được lãnh giải hoan hỷ.

Nguyên do được lãnh giải có bốn:

- Nghe hai vòng Pháp thuyết và Thí thuyết, khai tam hiển nhất.

- Thọ ký cho năm đại đệ tử như Thân-tử v.v...

- Lại nghe việc kết duyên đời trước.

- Lại nghe đức Như Lai có ba đức thông đạt vô ngại, thấy biết

việc lâu xa cũng như ngày nay, tức là đại tự tại thân thông lực, khác hẳn Nhị thừa chỉ thấy đến tám vạn kiếp. “Từ nơi đức Phật nghe trí tuệ”:

lãnh giải được cái ý hiển Thật trong phẩm Phương Tiện và dụ Nhà lửa.

“Phương tiện tùy cơ nghi nói pháp như thế” lãnh giải được hai chỗ khai quyền. Nghe “Các vị đại đệ tử” thì lãnh giải khai quyền. Nghe “Thọ ký Bồ-đề” thì lãnh giải hiển thật. Nghe “Nhân duyên đời trước” thì lãnh giải hiển thật. Nghe “thần thông lực” thì lãnh giải khai quyền.

Từ “Được điều chưa từng có” trở xuống : trình bày được lãnh giải hoan hỷ. Trước nêu bên trong thì lãnh giải hoan hỷ, tiếp nêu bên ngoài thì cung kính.

Do xưa chưa nghe khai Quyền hiển Thật mà nay được nghe, cho nên nói “được điều chưa từng có”. Trừ á Niết-bàn, đoạn phá Biệt hoặc, cho nên nói “tâm tịnh”. Khai mở tri kiến Phật, nên nói “hơn hỏ” (đứng đực). Được hiểu biết là nhờ Phật, cho nên khởi cung kính.

Nếu căn cứ bản tích, thì vui mừng các việc thật hành.

Từ “Mà nghĩ thế này” trở xuống: chính nêu rõ im lặng lãnh giải. Ban đầu, nêu im lặng suy nghĩ lãnh giải, tiếp theo, nêu im lặng cầu phát tích thỉnh thọ ký. Các vị được ngộ ở hai vòng bên trên đều phát ra lời lãnh giải, đây vì sao im lặng suy nghĩ? Trên vì hạ căn chưa ngộ sự, cần phải nói rõ để khuyến động. Nay hạ căn đã ngộ, thì không có đối tượng để khuyến động, cho nên im lặng không nói. Lại, từ trước chỉ lãnh giải không cầu phát tích, cho nên nói thì không nghi ngờ. Nay thì cũng hiểu cũng phát. Cũng hiểu cho nên suy nghĩ, tránh người chế giễu cho nên im lặng, im lặng suy nghĩ chánh đáng thích hợp. Lại, im lặng suy nghĩ lãnh giải là đại lãnh giải, như ngài Tịnh Danh im lặng là chân nhập pháp môn bất nhị. Lại, Quyền Thật bất khả tư nghi, chẳng nói chẳng nghĩ mà nói mà nghĩ. Chẳng nói mà nói, cho nên bên trên thì khẩu trình bày lãnh giải. Chẳng nghĩ mà nghĩ, cho nên ở đây im lặng suy nghĩ lãnh giải. Trên vì sao không cầu phát tích? Vì hạ căn chưa ngộ cho nên không cầu phát tích, nay hạ căn đã hiểu, quyền hóa sự đầy đủ. Nếu hạ căn phát tích thì biết trung căn thượng căn cũng quyền, nếu căn cứ trung thượng thì đối với hạ không tiện.

“Đức Thế Tôn rất kỳ diệu đặc biệt, việc làm ít có”: lãnh Thật trí. “Tùy thuận thế gian bao nhiêu chủng tánh... mà vì đó nói pháp”: lãnh Quyền trí, đó là căn tánh của bảy thứ phương tiện. Đây là lãnh ý “khai Quyền hiển Thật” trong phẩm Phương Tiện. “Cứu vớt chúng sinh ra khỏi các chỗ tham trước”: lãnh ý “khai Quyền hiển Thật” trong dụ Nhà lửa. “Chúng con đối với công đức của Phật, không thể dùng ngôn ngữ tuyên bày được”, tức lãnh ý “Đức Như Lai có vô lượng công đức các ông không thể sánh kịp” trong phẩm Dược Thảo Dụ. Đã nói không thể tuyên bày cũng suy nghĩ không sánh bằng. Từ “Chỉ có đức Phật Thế Tôn mới hay biết” trở xuống: im lặng suy nghĩ cầu phát tích thỉnh thọ ký. “Chúng con”: nói chung mọi người suy nghĩ thỉnh phát tích. “Thâm tâm” là bản, hiện tại tạo tác là tích. “Bản nguyện” là đại từ thế nguyện. Đại từ hạ hóa chúng sinh cho nên ta thế, thượng cầu làm Phật cho nên ta nguyện. Thỉnh thượng cầu tức là cầu thọ ký, thỉnh thuyết hạ hóa tức là cầu phát tích. Lại, dựa theo “thâm tâm” cho nên nói “ba đời trợ giúp Phật tuyên bày giáo hóa”, dựa theo “bản nguyện” cho nên liền thọ ký cho.

Từ “Đức Phật bảo” trở xuống là đức Như Lai thuật và ký, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai phần: 1. Thuật bản tích. 2. Thọ ký.

- Thuật có ba: a) Hành nhân phát tích vào thời đức Thích-ca. b)

Hành nhân hiển bốn vào thời Phật quá khứ. c) Tu nhân hành mãn, ở nơi chư Phật ba đời.

Phần một: Hành nhân phát tích vào thời đức Thích-ca, lại có ba phần: a.1) Chỉ cho chúng biết người kia. a.2) Tổng nêu chương bản tích. a.3) Biệt giải thích bản tích.

Phần 1: Chỉ cho chúng biết người kia. Nói “Các ông thấy... chăng?” Có hai ý: a.1.1) Thấy tích kia là Tiểu chăng? a.1.2) Thấy bản công đức kia chăng? Mọi người chỉ thấy tích là Thanh văn, mà không thể biết bản là Bồ-tát cho nên nói “thấy chăng?”. Từ “Ta thường khen ông” trở xuống, là phần hai

Tổng nêu Bản Tích. Trong Tích môn là bậc nhất trong hàng người thuyết pháp. Nếu chẳng phải pháp thân diệu bản, thì không thể thù tích thù thắng đệ nhất. Xưa nay chỉ nói trong tích là thuyết pháp đệ nhất. Đây thì không như vậy, đối với pháp vô thượng thì từ lâu đã được đệ nhất, đây là nêu tích để hiển bản. Từ “Cũng thường khen các thứ công đức” trở xuống là nêu bản địa kia. Phước Tuệ vạn hạnh pháp môn, nên gọi “chủng chủng”. Bản địa đã có chủng chủng pháp môn, vì sao chỉ cần Tích là nhị thừa? Đây là nêu bản để rõ tích. Từ “Siêng năng hộ trì” trở xuống là phần 3. Biệt giải thích “Trợ giúp tuyên bày pháp của ta”: trong Tích môn trợ giúp tuyên bày pháp “bán, mãn”. Tích vì hạ căn Thanh văn, tức là hộ trì tuyên bày pháp Lạc vị. Tích tại Phương Đẳng chỉ bày thọ “quả trách” tức là hộ trì trợ giúp tuyên bày pháp Sinh tô. Tích lãnh Bát-nhã, tức là hộ trì tuyên bày pháp Thục tô. Tích tại Pháp Hoa đặc ngộ tức là hộ trì trợ giúp tuyên bày pháp Đề-hồ .

Trên trong phần tổng nêu bản địa nói: “Ta thường khen các thứ công đức của ông” tức là ý đây vậy. Đây đủ công đức quyền thật, mà tích khởi năm vị, trợ giúp đức Phật điều phục chúng sinh thuần thực thật hành, há chẳng phải ý tinh cần trợ giúp tuyên bày ? Biệt giải thích công đức Tích : “Có thể chỉ dạy lợi ích bốn chúng”: phân biệt Bán tự giáo. “Giải thích đầy đủ”: Trợ giúp tuyên bày mãn tự Bát-nhã giáo. “Mà làm nhiều lợi ích”: Là trợ giúp Phật làm lợi ích chúng sinh bán mãn. “Cùng đồng phạm hạnh”: là đệ tử được giáo hóa độ bán mãn trong Tích môn. Từ “Ngoài đức Như Lai ra” trở xuống, là biệt thuật bản địa công đức. “Ngoài ra”: sau Diệu Giác trở đi. “Không ai có thể biết”: bảy thứ phương tiện.

Từ “Các ông chớ cho rằng chỉ hay hộ trì trợ giúp tuyên bày pháp của ta thôi” trở xuống : hiển bản hạnh của Mãn Từ Tử vào thời Phật quá khứ. Chẳng phải chỉ trực tiếp ở chỗ ta trợ giúp tuyên bày pháp bán mãn, mà

ở chỗ chư Phật lâu xa cũng lại trợ tuyên pháp bán mãn. Coi việc ngày nay trợ giúp tuyên bày là phát Tích, coi quá khứ trợ tuyên là hiển Bản. Hiển Bản có hai: 1. Bản xa. 2. Bản gần. Bản xa: xa út vì khó tin tốt, nên lược không thuật, Bản gần chỉ nêu chín mươi ức Phật. Có Túc mạng trí thì có thể biết Bản gần, cho nên nêu gần để chứng minh xa. Căn cứ văn chín mươi ức, đủ nêu trợ Phật tuyên dương giáo ngũ vị điều phục chúng sinh thuần thực. “Hộ trì trợ tuyên”: nghĩ trợ giúp tuyên bày pháp bán tự ví như vị lạc. “Chánh pháp của Phật”: nghĩ trợ giúp tuyên bày pháp Phương Đẳng ví như vị Sinh tô. “Lại ở pháp Không thông suốt rõ ràng”: nghĩ trợ tuyên pháp ví như vị Thực tô. Như nay Phật chuyển giáo thuyết Bát-nhã, nêu lục Ba-la-mật xen nhau thâm nhiếp phát huy không ngăn ngại. Ở nơi chín mươi ức Phật, cũng trợ giúp đức Phật tuyên dương chánh pháp như nay không khác. “Người đời thuở đức Phật đó đều gọi ông thật là Thanh văn”, thời ấy vì chưa phát tích, chỉ nói được gia bị thêm sứ mệnh chuyển Bát-nhã, không nói là đại Bồ-tát. “Lại giáo hóa vô lượng chúng sinh khiến trụ đạo vô thượng chánh giác”: trợ giúp tuyên bày pháp ví như vị Đề-hồ, tại văn có thể hiểu...

Từ “Cũng đặng bậc nhất trong hàng nói pháp thời bảy đức Phật” trở xuống tu nhân ở chỗ chư Phật ba đời, như văn. Đây cũng như trước trợ tuyên pháp bán mãn ngũ vị, làm lợi ích Đại thừa, Tiểu thừa.



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8

(Phần Thượng)

Từ “Dần dần đầy đủ đạo Bồ-tát” trở xuống, là thọ ký. Văn chia làm bảy:

1. Nhân viên.
2. Từ “Qua vô lượng” trở xuống: Quả mãn.
3. Quốc độ rộng lớn thanh tịnh.
4. Tên của quốc độ kiếp số.
5. Thọ lượng của Phật.
6. Pháp trú nơi Đại thừa lâu xa.
7. Sau khi Phật diệt độ cúng dường xá lợi.

- Phần ba: Quốc độ rộng lớn thanh tịnh. Lại chia làm năm:

1. Quốc độ rộng lớn nghiêm tịnh. “Đất bằng phẳng như bàn tay”, kinh đặc biệt nói “như bàn tay” mà không nói cánh tay. Vì cánh tay không bằng phẳng thì không thể dẫn dắt được. Đáy biển có loại đá gọi là “bàn tay”, đá này không có một chút đất bám, đều bằng phẳng, đúng là loại như “bàn tay biển”. Lại, kinh Hiền Kiếp nêu như bàn tay Phật, chẳng dẫn bàn tay người.

2. Toàn là đường thiện.

3. Nhân thiên phước tuệ đầy đủ. Kinh Nguyệt Tạng quyển chín nói “pháp thực, hỷ thực, thiền thực”. Kinh văn đây nói chung “pháp hỷ thực và thiền duyệt thực”. Phân biệt nên có ba thứ khác nhau.

4. Chúng Bồ-tát Thanh văn số rất nhiều.

5. Tổng kết. Kinh Nguyệt Tạng quyển năm nói: Không sát sinh thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Đối với tất cả chúng sinh được vô sở úy (không sợ), cho đến Thứ mười: Khi mạng chung sinh vào đường thiện sau được làm Phật. Nước của Phật đó không có công cụ binh khí để giết hại, người trong nước sống lâu. Không trộm cắp được mười thứ công đức: Thứ nhất: Quả báo đầy đủ mà lớn (đại), làm việc quyết đoán không có khó khăn ngăn ngại, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào

đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy hoa báu trang nghiêm đầy khắp. Không dâm dật thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Các căn luật nghi, làm việc quyết đoán cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy không có người nữ. Không vọng ngữ thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Chúng sinh tin lời nói của người ấy, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi của Phật ấy không hôi hám, thường đầy hoa báu. Không lường thiệt (nói hai lưỡi) thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Thân không bị hoại, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi của Phật ấy ma không làm hại được quyến thuộc. Không ác khẩu thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Lời nói êm dịu cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy pháp âm vang khắp. Không ỷ ngữ (nói thêu dệt) thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Được trời người thương kính, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, chúng sinh cõi ấy ghi nhớ lâu không quên mất. Không tham thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Thân căn không thiếu khuyết, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi nước của Phật ấy không có ác ma ngoại đạo. Không sân thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Xa lìa tất cả sân, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, người ở cõi nước của Phật ấy đều đắc Tam-muội. Không tà kiến thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Tâm tánh nhu thiện, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, người ở cõi của Phật ấy có chánh tín.

Kệ có hai mươi một hàng rưỡi, tụng Phát tích Thọ ký bên trên. Chia làm hai phần : 1. Mười bốn hàng, tụng Phát tích. 2. Bảy hàng rưỡi, tụng Thọ ký.

Tụng Phát tích lại có hai: 1. Bảy hàng, tụng phát tích Thanh văn, tụng ý “chúng con” bên trên. 2. Bảy hàng, tụng phát tích Mãn Nguyên bên trên.

Trong Tổng Phát tích chia làm năm: 1. Một hàng, tụng nêu: Phật tử vì thực hành khó nghĩ bàn, đã chứng đắc pháp thù tịch. 2. Từ “Biết chúng ưa pháp nhỏ” trở xuống một hàng, nêu nguyên do phát tích. 3. Từ “Dùng vô số phương tiện” trở xuống hai hàng, nêu lợi ích của thù tịch. 4. Từ “Trong ẩn hạnh Bồ-tát” trở xuống, hai hàng, nêu bên trong ẩn chứa Đại đạo, ngoài hiện lầm lỗi của Tiểu thừa. 5. Từ “Ta nghe nói đủ cả”. trở xuống, một hàng, chỉ lược ước chế rộng. “Tiểu dụng”: cầu Tiểu thừa, “giãi đãi” : thoái Đại thừa. Không ngừng thị hiện làm Thanh văn, mà còn làm ngoại đạo và làm phàm phu với ba độ. Thân-tử hiện sân,

Nan-đà hiện tham, Điều-đạt hiện si v.v...

Từ “Nay Phú-lâu-na đây” trở xuống, bảy hàng tụng phát bản tích của Mãn Nguyệt. Văn trên có ba, nay lược tụng hai: 1. Năm hàng: tụng hiển Bản quá khứ. 2. Từ “Đời sau cũng cúng dường” trở xuống, hai hàng: tụng hành nhân ở nơi ba đời chư Phật, lược không tụng bảy đức Phật và Phật hiện tại.

Từ “Cúng dường chư Như Lai” trở xuống, bảy hàng rưỡi: tụng Thọ ký. Văn trên có bảy, nay tụng bốn: 1. Nửa hàng đầu, tụng nhân viên. 2. Nửa hàng, tụng quả mãn. 3. Từ “Nước đó tên Thiện Tịnh” trở xuống, ba câu: tụng tên nước, kiếp. 4. Từ “Chúng Bồ-tát rất đông” trở xuống, năm hàng ba câu: tụng quốc độ rộng lớn thanh tịnh. Lược không tụng thọ mạng, pháp trụ, sau khi diệt xây tháp.

Phần thứ hai: Thọ ký một ngàn hai trăm vị. Văn chia làm ba phần: 1. Niệm thỉnh. 2. Thọ ký. 3. Lãnh giải. Phần Niệm thỉnh: như văn. Phần Thọ ký có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba phần: 1. Tổng chấp nhận thọ ký cho một ngàn hai trăm vị. 2. Biệt thọ ký cho Kiều-trần-như, Trần-như là người đầu tiên ngộ đạo, Thượng tọa đứng đầu, cho nên biệt thọ ký. 3. Biệt thọ ký cho năm trăm vị. Năm trăm vị tên đồng, nên phải biệt thọ ký.

Hỏi: Chỉ thấy năm trăm vị được thọ ký, sao không thấy một ngàn hai trăm?

Đáp: Năm trăm đây tức là số một ngàn hai trăm. Trong phần kệ tụng, một hàng rưỡi cuối là tổng thọ ký cho bảy trăm, cho nên nói một ngàn hai trăm.

Lại, Phẩm Trì nói: “Ta trước nói chung tất cả hàng Thanh văn đều đã thọ ký” tức là chỉ một hàng rưỡi đó, chẳng phải chỉ thọ ký cho bảy trăm Thanh văn thôi.

Kệ tụng có mười một hàng chia làm hai: 1. Chín hàng rưỡi, tụng thọ ký Kiều-trần-như và năm trăm vị. 2. Một hàng rưỡi, tổng thọ ký hết thấy Thanh văn.

Văn nói về năm trăm vị lãnh giải có Trường hàng và Kệ tụng. Phần Trường hàng chia hai phần: 1. Kinh gia trình bày hoan hỷ. 2. Tự trình bày lãnh giải.

Phần Kinh gia trình bày, chia làm hai phần: 1. Vui mừng: nay được hiểu cho nên hoan hỷ. 2. Hồ thẹn vì xưa không hiểu, cho nên tự trách. Trong phần Vui mừng lại có hai: Một: trong tâm vui mừng; Hai: bên ngoài thì cung kính. “Ăn năn lỗi mình mà tự trách”: tức là hồ thẹn vì xưa không hiểu.

Từ “Thế Tôn! Chúng con” trở xuống, là phần hai: Tự trình bày lãnh giải. Có hai phần: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

Trong Pháp thuyết lại có hai: 1. Hồi hận vì được Tiểu trí cho là đủ. 2. Trách mình căn độn khó ngộ. Từ “Thế Tôn” cho đến “diệt độ” là: Hồi hận tự trách lúc trước mình mê, được Tiểu mà cho là đủ mà không biết cầu Đại. Từ “Nay mới biết” là Trách căn độn bắt đầu ngộ không biết sớm hơn. Nay biết Tiểu thừa chẳng phải cứu cánh, Đại thừa là chân thật.

Trong Thí thuyết có hai: 1. Lược; 2. Chánh nêu thí dụ. Từ “Như người vô trí” trở xuống, là Lược nêu Thí dụ để so sánh. Từ “Vì sao?” trở xuống: giải thích ý vô trí.

Thí thuyết có hai:

1. Thí dụ Say rượu: Ví như “tự hồi hận, được Tiểu mà cho là đủ, không biết cầu Đại” trong phần Pháp thuyết bên trên; lãnh hội được ý “trong đời trước thiết lập quyên” ở phần Pháp thuyết trước.

2. Thí dụ Bạn thân giác ngộ cho: Ví như “tự trách căn độn khó ngộ, nay mới biết” trong phần Pháp thuyết bên trên; lãnh hội được ý “trong đời trước hiển thật” ở phần Pháp thuyết trước.

Thí dụ đầu lại có ba ý: 1. Cột châu trong áo, lãnh hội ý trên: “vương tử kết duyên”. 2. Say nằm không biết gì, lãnh hội ý trên: “gặp kia thoái Đại thừa”. 3. Say xong dậy đi đến nước khác, lãnh hội ý trên: “dùng Tiểu để dẫn dắt”.

Ý thứ nhất: Cột châu trong áo. “Ví như có người”: người hàng nhị thừa. “Bạn thân”: vị vương tử thứ mười sáu ngày trước. “Nhà”: Đại thừa giáo là nhà. “Say rượu mà nằm”: Lúc bấy giờ đại cơ bỗng phát sinh, vô minh tạm thời bị hàng phục. Được nghe kinh thì trong tâm hiểu chút ít, do vô minh nặng cho nên mê lầm trở lại. “Say” có hai nghĩa: 1. Say nặng, hoàn toàn không biết gì. 2. Say nhẹ, hiểu biết chút ít, có tư duy thô đối với sự lý rồi thì quên mất, cũng gọi là không biết. Tuy có hai nghĩa cuối cùng vẫn thành tựu nghĩa buộc châu vào áo như dụ “Tiếng trống độc”(độc cổ). “Người bạn thân có việc quan phải đi”: vương tử vì ở chỗ khác có cơ duyên thích hợp đến ứng, cho nên nói “phải đi”. Hoàng pháp giáo hóa chúng sinh, đây chẳng phải việc riêng, cho nên nói “việc quan”. “Châu báu vô giá”: Nhất thừa thật tướng, chân như trí quý báu. “Cột trong áo”: là tầm quý nhãn nhục có thể ngăn ngừa sân nhuế và phòng ác bên ngoài tức là “áo ngoài”; trong tâm tín ưa là thiện căn bên trong, tức là “áo trong” (lót). Lúc ấy nghe pháp, có chút tin hiểu ưa muốn, tức liễu nhân trí nguyện chủng tử.

Ý thứ hai : “Say nằm không biết gì”. Vô minh tâm khó suy lường, có tư duy thô đối với sự lý rồi lại không nhớ, đây là lãnh hội ý “giữa đường biếng nhác thoái lui, không thọ Đại pháp”.

Ý thứ ba “Say xong dậy đi dạo đến nước khác”: lãnh hội ý: “giữa đường dùng Tiểu dẫn dắt, thọ giáo hóa Tam thừa bên trên”. Thiện căn muốn phát, chán khổ cầu vui, cho nên nói “sau khi dậy đi dạo”. Do vô minh che lấp, không hiểu biết hưởng bản xứ cầu cơm áo Đại thừa, cho nên nói: “hưởng đến nước khác cầu cơm áo Tiểu thừa”. Nếu ma Phật đối nhau, thì cõi ma sinh tử là “nước khác”, Phật pháp Đại Tiểu đều là “nước mình”. Nếu căn cứ Tiểu Đại đối nhau, thì Tiểu thừa chưa thoát khỏi sinh tử, cũng là “nước khác”, Đại thừa vĩnh viễn thoát sinh tử, chính là “nước mình”, cuối cùng cũng trở lại cội nguồn. Rõ ràng trái với nước Đại thừa hưởng đến nước Tiểu thừa, là không biết lấy hạt châu để tự nuôi, mà đi làm thuê làm mướn tự nuôi thân, nhận lấy tiền công từng ngày được chút ít cho là đủ.

Từ “Về sau người bạn thân gặp lại” trở xuống, là thí dụ Bạn thân giác ngộ cho, lãnh hội ý “vì bản nhân duyên đó, nay thuyết Pháp Hoa, đồng ban cho xe lớn” bên trên. Đây chia làm ba phần: 1. Quở trách. 2. Chỉ bày hạt châu. 3. Khuyên đem đổi sử dụng. Quở trách: dụ cho “động chấp sinh nghi” bên trên. Chỉ bày hạt châu: dụ cho nhân duyên đời trước. Khuyên đổi sử dụng : dụ cho được thọ ký làm Phật. Ba vòng đều có ba ý này. Trong Pháp thuyết ta khiến thoát khổ phược, tức là Quở trách. Chương năm đức Phật tức là Chỉ bày hạt châu, Thân-tử được thọ ký tức là Khuyên đem đổi sử dụng. Trong Thí thuyết : “Ta trước không nói đều là Bồ-đề ư?”, là Quở trách. Ba xe một xe, tức là Chỉ hạt châu. Hàng trung căn được thọ ký, tức là Khuyên đem đổi sử dụng. Lại nữa, nói về Nhân duyên đời trước của hàng hạ căn: “Các ông khéo lắng nghe”, tức là Quở trách. Lại giảng kết duyên trở lại vì họ mà thuyết Đại thừa, tức là Chỉ bày hạt châu. Hạ căn được thọ ký, tức là Khuyên đem đổi sử dụng.

Đối chiếu ba ý trong dụ “Buộc châu trong áo” với ba vòng thuyết pháp, như sau: Ban đầu đức Phật ngồi dưới gốc cây dự định dùng Đại thừa để hóa độ tức là “Buộc hạt châu”. Không có cơ duyên, thôi hóa, tức là “say nằm”. Suy lường thiết lập phương tiện, tức là “đứng dậy đi”. Trong các thí dụ trước: Ở nơi hai vạn ức Phật, tức là “Buộc hạt châu”. Sai người đuổi theo, mê ngã xuống đất, không nhận, tức là “say nằm”. Ba xe dẫn dắt, tức là “đứng dậy đi”. Trong phần nói về Nhân duyên: Ở chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, tức là “buộc hạt châu”. Giữa đường

biếng nhác thoái lui, tức là “say nằm”. Dùng Tiểu tiếp dẫn, tức là “đứng dậy đi”. Những thứ này, đều gọi là lãnh hội Quyền. “Ngày tháng năm đó”: là chỉ ở nơi đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

Từ “Đức Phật cũng như vậy” trở xuống, là Hợp thí. Thí vốn có hai, nay đều có ba ý. Hợp thí dụ trước : Từ “Giáo hóa chúng con” trở xuống, hợp ý thứ nhất “buộc hạt châu”. Từ “Mà chúng con liền bỏ quên” trở xuống, hợp ý thứ hai “Say không biết gì”. Từ “Đã đắc La-hán” trở xuống, hợp ý thứ ba “đứng dậy đi du hành”. Từ “Tất cả trí nguyện” trở xuống, hợp thí dụ sau: Bạn thân giác ngộ cho. Trên có ba ý, đây cũng có ba. Từ “trí nguyện chẳng mất” trở xuống, là hợp ý thứ nhất : Quở trách. Từ “Ta từ lâu đã khiến các ông” trở xuống, hợp ý thứ hai “Chỉ hạt châu”. Từ “Chúng con nay mới biết” trở xuống, hợp ý thứ ba “Khuyên đem đổi sử dụng”.

Phần Kệ tụng tiếp mười hai hàng rưỡi, chia làm hai phần: Phần một : Một hàng rưỡi, tụng trong tâm được hiểu ; lại gồm có hai ý: 1. Một hàng, tụng ý vui mừng. 2. Nửa hàng, tụng ý hối hận tự trách.

Phần hai: Từ “Trong Phật báu vô lượng” trở xuống, mười một hàng, tụng tự trình bày lãnh giải. Trên vẫn có hai ý. Đây thì : Nửa hàng đầu, tụng hối hận tự trách được chút ít cho là đủ. Lược không tụng “khó ngộ, nay mới biết”. “Như người ngu vô trí” trở xuống nửa hàng tụng lược nêu thí dụ, “Bèn tự cho là đủ” tụng giải thích ý vô trí. Tiếp mười hàng, tụng thí thuyết khai hợp. Sáu hàng đầu tụng khai, bốn hàng sau tụng hợp. Phần Khai bên trên có hai ý. Đây cũng có hai: 1. Bốn hàng đầu, tụng Bỏ báu mà không biết. 2. Hai hàng sau, tụng Bạn thân giác ngộ cho. Phần còn lại vẫn dễ hiểu.

Phẩm Thứ 9: THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Nghiên cứu Chân đoạn Hoặc, gọi là “Học”. Chân đến tột cùng, Hoặc đoạn trừ hết, gọi là “Vô học”. Nghiên cứu tu chân lý, hâm mộ cầu tri kiến thù thắng gọi là “Học”. Học vị tại ba quả, bốn hướng chân vô lậu tuệ. Quả A-la-hán thì nghiên cứu lý đã cùng, Thắng kiến đã rốt ráo, không còn học nữa nên gọi là “Vô học”. Căn cứ giáo giải thích tên phẩm: Phân tích pháp, nghiên cứu Chân, gọi là Hoặc tận, Chân cùng, thì gọi là “Vô học”. Đây là ý của Tam tạng giáo. Lĩnh hội pháp, nghiên cứu Chân, gọi là “Học”. Không có Chân không có Hoặc, gọi là “Vô học”. Đây là ý của Thông giáo. Nghiên cứu từ cạn đến sâu, gọi là “Học”, thông biệt Hoặc tận, Quyền Thật lý cùng, gọi là “Vô học”. Đây là ý Biệt giáo. Nghiên cứu cùng tận Như Lai tạng hữu học vô học, pháp tánh thật tướng phi học phi vô học, mà học mà vô học v.v... Chính hai ngàn người này, hoặc là người học, hoặc là người vô học, đồng là một hạng, một thời thọ ký đồng một danh hiệu, cho nên riêng làm một phẩm. Phẩm này là đoạn thứ hai trong văn Thọ ký.

Văn phẩm này chia làm hai: 1. Thỉnh ký. 2. Thọ ký. Trong thỉnh ký lại có hai: 1. Hai người thỉnh. 2. Hai ngàn người thỉnh. Hai người thỉnh ký lại có hai: 1. Im lặng suy nghĩ. 2. Phát lời thỉnh ký. Phát lời thỉnh ký lại có hai: 1. Dẫn theo lệ cũng nên có phân chia. 2. Dẫn vọng. Hai người rất thân là đối tượng mà chúng trong pháp hội bấy giờ hướng về. La-vân là con của đức Phật khi còn ở đời rất thân trọng, A-nan hộ trì pháp tạng trong đạo rất thân nhiều, hai người rất thân, trọng mà không được biệt ký, thì chúng không đủ để trông mong.

Hỏi: Hoặc trọng hoặc thân hơn lẽ ra đồng bậc thượng, vì sao lại ở đây? Nếu như nêu số chúng hai người ở trong số đứng đầu được thọ ký sao lại ở dưới?

Đáp: Tổng cùng một ngàn hai trăm người được thọ ký, hai người đã đồng hạng ở trên, nay lại thọ ký riêng thôi.

Hai ngàn người thỉnh ký chỉ có mặc niệm dẫn theo lệ, hai ý đồng cho nên nói như sở nguyện của A-nan. Không phát ngôn: Là các việc không trọng không thắng... Thọ ký lại có hai: Trước thọ ký hai người, sau thọ ký hai ngàn người. Trong phần A-nan được thọ ký lại có năm: 1. Trường hàng. 2. Kê tụng. 3. Tám ngàn Bồ-tát sinh nghi. 4. Như Lai phát tích giải thích nghi. 5. A-nan hiển bản thuật tán thán.

Nghi: Chung nghi Thanh văn ngày nay phát tâm liền nhờ Phật thọ ký ở nước thanh tịnh như đây. Trước trong Phương Đẳng thọ ký các

Bồ-tát, trải qua vô lượng kiếp tu hành mới được Phật thọ ký, đức Phật liền phát tích giải thích nghi. Ngày xưa cùng ta đồng phát đại tâm, tức là đồng học, do ta tinh tấn nên siêu vượt trước làm Phật, còn kia thì đa văn nên hộ trì kinh, Tích môn thì làm thị giả (A-nan), Bản địa thì như đây. Nay thọ diệu ký, sao đủ để nghi? Thọ ký các vị khác, thấy đều như vậy.

Phẩm Thứ 10: **PHÁP SƯ**

Phẩm này có năm hạng Pháp sư: 1. Thọ trì. 2. Đọc. 3. tụng. 4. Giải thuyết. 5. Thư tả (sao chép). Trong Đại luận nêu sáu hạng pháp sư,

Tín lực cho nên “Thọ”, Niệm lực cho nên “Trì”, xem văn là “Đọc”, không quên là “Tụng”, tuyên truyền là “Thuyết”, kinh sách thánh nhân khó hiểu cần phải “Giải thích”. Sáu hạng Pháp sư, kinh này hợp Thọ trì làm một, hợp Giải thuyết làm một, chia Đọc tụng làm hai, và Sao chép, tổng cộng là năm. Nói theo Biệt giáo thì: bốn người tự hành, một người hóa tha. Đại kinh phân ra chín hạng: bốn người trước không giải thích, là địa vị đệ tử, năm người sau có giải thích là địa vị Thầy. Nói theo Thông giáo thì: Nếu tự tuân theo hành năm pháp, thì pháp thì là Pháp sư tự hành. Nếu dạy người khác năm pháp, thì là Pháp sư hóa tha. Tự mình tuân theo hành, thì Thông giáo gọi là đệ tử. Hóa tha, thì Thông giáo gọi là Pháp sư. Nay theo nghĩa của Thông giáo, cho nên gọi là Phẩm Pháp Sư. Nếu giảm số mà nói, thì tóm lược năm làm bốn, tức Bốn An lạc hạnh như sau nói. Nếu tóm lược bốn làm ba, thì “thọ” thì là ý nghiệp, “đọc, tụng, thuyết” là khẩu nghiệp, “Sao chép” là thân nghiệp. Nếu theo Biệt giáo thì khẩu nghiệp là hóa tha, thân ý nghiệp là tự hành. Theo Thông giáo thì: ba nghiệp tự tuân theo, tức là Pháp sư tự hành; ba nghiệp dạy bảo, tức là Pháp sư hóa tha; cho nên nói “Phẩm Pháp Sư”.

Lại, chính tam môn hành năm pháp này: Chỉ có tự huân tu, tức là Phước đức môn. Hoằng tuyên năm pháp, rộng làm lợi ích, tức là Hóa tha môn. Tự tu làm lợi ích chúng sinh, đều thuận với Phật giáo, tức là Báo ân môn. Nói theo Biệt giáo thì: Tự tu báo ân gọi là tự hành, lợi ích chúng sinh tức hóa tha. Nói theo Thông giáo thì: Tự tuân theo, khiến người khác tuân theo đều gọi là Pháp sư, cho nên nói Phẩm Pháp Sư. Lại, đọc tụng sao chép là hành ở ngoài, tức áo Như Lai. Thọ trì là hành ở trong, tức tòa Như Lai. Giải thuyết làm lợi ích cho người khác là nhà Như Lai. Nói theo Biệt giáo, thì Nhà Như Lai là làm thầy của người khác. Áo, tòa Như Lai là làm thầy của chính mình. Nếu nói theo Thông giáo thì không như vậy. Từ bi che chở chúng sinh, trí tuệ sắc bén trở về mình gọi là nhà Như Lai. Ngăn ngừa ác kia, che chắn khiến mình không xấu hổ, gọi là áo Như Lai. Tự mình đã an tâm nơi Không thì mới có thể an tâm người khác; an người an mình gọi là tòa Như Lai. Đây là tự tuân theo ba pháp, cũng gọi là Pháp sư. Muốn làm lợi ích chúng sinh thì phải dùng tâm từ bi để vào nhà Như Lai làm đầu tiên, trải qua sự nhẫn nhục làm nền tảng, cứu giúp người, dùng quên bản ngã làm gốc, năng hành

ba pháp tuyên thông giáo pháp Đại thừa, tức là thế gian y chỉ, cho nên gọi là Pháp sư. Lại, tóm lược làm hai, nghĩa là : Tự hành và hóa tha, đây thì dễ hiểu không kể ra. Lại, tóm lược làm một, nghĩa là Như Lai hành đầy đủ tất cả hạnh. Bi tâm cứu hết thủy khổ, nghĩa là các thứ khổ của bốn đường, ba cõi, Nhị thừa, Bồ-tát v.v... Từ tâm ban tất cả vui, nghĩa là các thứ vui của nhân, thiên, Niết-bàn, thường trú v.v... Áo nhu hòa ngăn tất cả xấu ác, là ngăn tứ trụ vô tri vô minh... xấu ác. Tòa “Không”: quên tất cả tướng, nghĩa là hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, đây là ý của Thông giáo. Ý của Biệt giáo: “Từ bi” sinh tất cả thiện, “nhu hòa” ngăn tất cả ác, Tòa Không làm hết sạch tất cả tướng. Lại, Từ và Nhẫn lập tất cả phước đức. Tòa “Không” thành tựu tất cả trí tuệ. Trí tuệ là mắt, gọi là ngũ nhãn, phước đức thì đủ cái gọi là Lục độ. Lại, từ bi thắng tất cả Thanh văn Duyên giác, nhu hòa thắng hết thủy phàm phu ngoại đạo. Tòa “Không” thắng Bồ-tát Tích, Thế, thiên v.v... cho nên Kinh Tịnh Danh nói : “Ví như thắng oán thì mới có thể gọi là dừng cảm”. Lại, Từ bi phá thiên ma, nhu hòa phá ám ma, tòa “Không” phá phiền não, tử ma. Kinh Đại Phẩm nói: “Hóa tất cả chúng sinh, quán hết thủy là Không, thì ma không thể hại...” Lại, Từ bi và Nhẫn nhục cho nên năng vấn, “Không” tòa cho nên năng đáp, đủ hai thứ trang nghiêm. Lại, quán Không cho nên năng vấn. Từ và Nhẫn cho nên năng đáp. Từ và Nhẫn cho nên năng gieo trồng, năng lập, năng nuôi dưỡng. Không tuệ cho nên năng nhỏ, năng phá, năng dẫn dắt. Lại, Từ bi cho nên đâu có ngăn cách, nhu hòa cho nên đâu có chướng ngại, tòa “Không” cho nên đâu có tranh luận. Vượt xuất tam đế, cho nên gọi là Thắng Tràng. Bao hàm phổ nhiếp, gọi là Ma-ha-diễn. Vì chính Như Lai hành, cho nên nói là Tam-muội vương. Kinh dạy: “Tất cả thiện pháp thì Từ làm căn bản, Nhẫn nhục là đệ nhất đạo vô tướng tối thượng”. Nếu luận về hành theo Viên giáo, thì nói không thể hết..

Hỏi: Vì sao dựa theo ba pháp, để nêu Pháp sư ?

Đáp: Theo sự mà luận thì ắt phải lên nhà, chỉnh y phục, ngồi tòa mới có thể rộng diễn bày, cho nên dựa vào ba pháp.

Lại, sự lý hợp luận: Mê hoặc thì không ngoài ba thứ: 1. Dựa vào khổ quả khởi Hoặc. 2. Dựa vào kết nghiệp khởi Hoặc. 3. Dựa vào đế lý khởi Hoặc. Cho nên dùng ba môn mà khai thị dẫn dắt. Lại, theo lý: Do mê chân mà đoạ vào khổ, cho nên dùng Từ bi môn. Do mê thế tục mà chìm đắm trong Không, thọ lạc, cho nên dùng Hòa nhẫn môn. Do ở trong mê mà thành chướng trí, cho nên dùng Không môn..

Pháp là phép tắc, Sư là bậc thầy giáo huấn. Pháp tuy có thể làm

phép tắc qui chế, mà không thể tự nó mở rộng; lưu thông là do người. Năm cách để lưu thông kinh điển, mở rộng Phật pháp đều được gọi là “Sư”. Nêu pháp thành tựu tự hành, đều lấy diệu pháp làm thầy (Sư). Sư đối với diệu pháp, tự hành thành tựu, cho nên gọi “Pháp Sư”. Lại, năm hạng người có thể dùng diệu pháp làm bậc thầy huấn dạy người khác, cho nên nêu pháp coi là Sư, nên gọi là Phẩm Pháp Sư. Hoặc là tự mình tuân theo pháp, hoặc là pháp là bậc thầy dạy người khác, đều gọi là Pháp sư; thì đây là giải thích tên phẩm theo nghĩa Nhân duyên. Phẩm có nhiều cách giải thích, đều căn cứ pháp môn Viên giáo mà giải thích tên phẩm.

Ba vòng trước là Chánh thuyết, Lãnh giải, Thọ ký của Tích môn đã xong. Từ đây trở xuống năm phẩm là phần Lưu thông của Tích môn. Chẳng những làm lợi ích cho đương thời mà còn muốn phổ biến thấm nhuần cho đời sau, cho nên nói năm phẩm Lưu thông. Hai phẩm Pháp Sư và Bảo Tháp, hoằng kinh công sâu phước nặng, lưu thông thì chưa truyền ra Đại thừa lợi ích to lớn. Một phẩm Đề-bà-đạt-đa dẫn việc trước: hoằng kinh ta người đều lợi ích, để chứng minh công đức sâu nặng. Phẩm Trì nêu tám vạn đại sĩ do sức nhẫn mà thành tựu, ở cõi này hoằng kinh, mới được thọ ký ở cõi khác hoằng kinh. Một phẩm An Lạc Hạnh, người xưa nói: “Lưu thông tiếp dẫn người thoái lui”. Có lẽ nên như vậy, chưa hẳn hoàn toàn như thế. Bồ-tát Thập tín (ngoại phạm) sơ tâm ưa thích phước thù thắng này, thấy Thanh văn sợ hãi, nghe Bồ-tát nhẫn nhục ruộng bỏ tất cả, ngoài nhìn lại mình sức yếu đuối không làm lợi ích gì được cho mình và người khác, liền sinh thoái lui, đức Phật vì hạng người này thuyết hạnh an lạc, y pháp hoằng truyền không lo nguy khổ. Lại, phẩm Pháp Sư đức Thích Tôn tự thuyết công phước hoằng kinh, bảo xem phần lưu thông. Phẩm Bảo Tháp thì Đa Bảo phân thân vừa chứng minh vừa trợ khuyến xem phần lưu thông. Phẩm Pháp Sư phần văn trường hàng kệ tụng đầu: khen ngợi năm loại Pháp sư và người năng trì pháp, phần trường hàng kệ tụng sau: tán thán pháp sở trì.

Lại chỉ bày phép tắc lưu thông kinh, lại có hai: 1. Theo đạo là đệ tử môn, công sâu phước nặng. 2. Truyền đạo là Sư môn, công sâu phước nặng.

Phần Đệ tử môn lại có hai: 1. Đệ tử lúc Phật còn tại thế. 2. Đệ tử sau khi Phật diệt độ.

Đây là phần một của Đệ tử môn. “Nhân Bồ-tát Dục Vương để bảo tám vạn Đại sĩ”. “Nhân” là căn cứ vào để truyền đạt, muốn đem

diệu pháp căn cứ vào Dược Vương mà truyền đạt khiến cho đại chúng được lãnh thọ. “Bảo với các Đại sĩ”: đều thuộc lưu thông. Chỉ vào mọi người và hỏi : “Có thấy trong đại chúng đây chăng?”: chỉ bày người trì kinh được phước.

Đức Phật còn tại thế lại có hai: 1. Từ “Phật bảo Dược Vương” trở xuống, là chọn lựa ra loại người. 2. Từ “đều ở trước Phật” trở xuống, là chọn lựa đưa ra người có duyên được thọ ký. “Nhiều loại như thế ở trước Phật” là chúng đương cơ diệu ngộ, là chúng đa văn hiểu sâu gồm 2500 vị, đều đã hiện tiền được Phật thọ ký chung riêng xong. Đây loại được lựa chọn, hoặc là loại Bát bộ, hoặc là loại tứ chúng Tam thừa, đều ngồi trong hội Pháp Hoa. “Đều ở trước Phật” là nêu thời tiết gặp Phật tại pháp hội. “Một câu một kệ” là nghe pháp rất ít. “Cho đến một niệm” là thời gian rất ngắn. “Ta đều thọ ký sẽ đắc đạo Bồ-đề”: chúng kia nghe pháp rất ít, có công tùy hỷ trong thời gian rất ngắn, thì cuối cùng đều đắc Phật quả, hưởng chi được nghe đầy đủ suốt đời thọ trì, năm thứ lưu thông, ba nghiệp cúng dường... “Nghe một câu một bài kệ” là loại nghe ít hiểu cạn, nay đều thọ ký, ít mà còn thọ ký hưởng là nghe nhiều hiểu sâu. Do ít hưởng chi nhiều rộng khắp như đây. Vòng sau đã như vậy, thì vòng giữa và vòng trước cũng vậy, có thể dùng ý mà hiểu không cần phải nói lại. Kinh Kiến Thực Tam-muội: “Riêng thọ ký cho Tứ thiên vương đồng tên Hoả Trì, Tam thập tam thiên đồng tên Nhân-đà-la Tràng Vương, Câu-dục đồng tên là Vô Trước. Diêm thiên đồng tên Tịnh Trí, Đâu-suất đồng tên Thích Pháp Vương. Hai cõi trời trên cũng thọ ký chung, không hiển rõ tên riêng, Phạm Thiên tên là Đại Trí Lực”. Đó là hạng nghe nhiều hiểu sâu . Đây thọ ký cho hạng nghe ít hiểu cạn. Xưa nói: “Bích-chi-phật, Bồ-tát không được thọ ký” Văn này nói tam thừa đều được thọ ký, không cần nghi ngờ.

“Một bài kệ một câu”: Tăng Nhất Tập nói: Tùy chọn kệ cốt yếu trong kinh như loại tứ đế. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Ác tiện gọi là “chán”, không cầu mong gọi là “không muốn”, tâm vô cấu gọi là “giải thoát”, bỏ gánh nặng xuống gọi là “Niết-bàn”, ác tiện đối với Tập, không cầu đối với Khổ, vô cấu là Đạo, bỏ gánh xuống là Diệt. Lại nói: Phật dạy Mãn Túc, Ta có bốn câu là nói Tứ đế Tứ niệm xứ... Theo Quán tâm: Dùng mỗi một câu dùng mỗi một kệ, không câu không kệ mà không phải một... Nếu chọn câu chủ yếu về khai thị ngộ nhập trong tích môn, thì như là : “Ngồi xe báu này dạo chơi khắp bốn phương”, “Bốn an lạc hạnh khuyến phát bốn ý” v.v...

“Nhất niệm tùy hỷ”: Tự chưa có hành, chỉ tùy hỷ pháp và người,

mà công báo đáp còn nhiều, hướng chi hành đạt đến! Tâm tùy hỷ có hai: Nếu nghe khai quyền hiển thật, thì trong tâm nhất niệm, hiểu sâu lý phi quyền phi thật, tin tri kiến Phật. Lại, có thể hiểu cả hai Quyền Thật sự lý viên dung. Tuy đầy đủ phiền não tánh mà năng biết tạng bí mật của Như Lai. Đây là luận về tùy hỷ theo chiều dọc. Lại, nếu nghe ý khai quyền hiển thật, thì đối với nhất tâm, rộng hiểu là hết thấy tâm và tất cả pháp đều là Phật pháp, không có chướng ngại, Nếu muốn phân biệt, thì biện thuyết không cùng, có thể một tháng, bốn tháng, một năm xoay quanh cũng chưa hết. Tuy chưa đắc chân thật mà tâm tùy hỷ có thể hiểu như đây. Pháp đã như thế, người cũng như thế. Đây là căn cứ theo chiều ngang luận về tùy hỷ, tức ngang mà dọc, tức dọc mà ngang. Cho nên Đại kinh nói : “Thà nguyện nghe ít, hiểu nhiều”, nghĩa vị tức là ý đây vậy, sau sẽ lại nói.

Từ “Phật bảo Dược Vương! Lại sau khi đức Như Lai diệt độ” trở xuống, là nêu đệ tử sau khi Phật diệt độ, cũng chia làm hai: Thứ nhất, nêu loại đệ tử, lược nêu đối với người, theo như trên có thể biết. Thứ hai, từ “ta cũng thọ ký” trở xuống, công báo như trước đã giải thích.

Từ “Nếu lại có người” trở xuống, là phần thứ hai: Sư môn, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: Trước biệt, sau tổng. Biệt: người, bàn về hạng thượng hạ, thời hiện tại và vị lai. Tổng: không bàn về thượng hạ và hiện tại vị lai, mà nêu chung nghịch đắc tội, thuận được phước. Phần Biệt lại có hai: 1. Hiện đời. 2. Đời sau. Phần Hiện đời lại có hai: Một: Hạ phẩm Sư. Hai: Thượng phẩm Sư. Phần Hạ phẩm Sư lại có hai: Một: Tướng của Sư. Hai: Công báo của Sư.

Tướng của Sư: năm hạng pháp Sư, mười thứ cúng dường.

Từ “Dược Vương nên biết! Các người như trên đã từng cúng dường” trở xuống, nêu Công báo của hạ phẩm Sư. “Từng cúng dường” là nhân đời trước sâu, “vì thương chúng sinh mà sinh vào nhân gian” là đời nay công lớn. Từ “Nếu có người hỏi” trở xuống, nêu báo trọng ở đời vị lai.

Từ “Hướng lại là người hết sức thọ trì” trở xuống, nêu Thượng phẩm Sư, cũng có hai: Thứ nhất, so sánh, nêu Tướng của thượng phẩm Sư. Từ “Dược Vương nên biết! Người đó tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh” trở xuống, nêu Công báo của thượng phẩm Sư. Từ “Nếu người thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sau khi ta diệt độ có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa” trở xuống, nêu Sư sau khi Phật diệt độ, cũng có hạ phẩm, thượng phẩm. Hạ phẩm cũng có hai: 1. Trước nêu ra người hạ phẩm, tức là chỉ được ý kia theo chiều dọc, có trí tuệ mà vô văn, chỉ

kham nói riêng, chưa thể nói trước chúng, cho nên gọi là Hạ phẩm Sư. “Riêng vì một người nói một câu”: tuy được hiểu một câu, nhưng đã không nghe rộng học nhiều các nghĩa khác, cho nên không thể ở trong chúng mà nói. Hết thấy nạn vấn có chỗ không thông, thì khiến chánh lý không được tuyên bày rộng. Như Thích luận nói: Rõ ràng người có trí tuệ mà vô văn, ví như mưa nhỏ không có sấm, nếu muốn trình bày một câu kinh này chánh ngôn, thì phải riêng nói mà thôi! “Phải biết người ấy là sứ giả của Như Lai”: là nêu rõ Công báo của hạ phẩm Sư. Kinh thì từ Như trí thuyết, thuyết về Như lý. Ngày nay hành nhân nương giáo Như này mà tuyên thuyết Như lý, tức là “sứ giả của Như Lai”. “Làm việc của Như Lai”: Như trí chiếu như lý là “sự” (việc). Ngày nay hành nhân nương giáo Như mà hành lý Như, tức là làm việc của Như Lai. Nhất Như trí nhất Như lý hóa độ chúng sinh tức là “sư”. Ngày nay hành nhân có tâm Đại bi, đem lý chân như trong kinh này, vì chúng sinh mà thuyết, khiến họ được lợi ích, cũng gọi là “làm việc của Như Lai”.

Giải thích theo Quán tâm : “Sứ giả của Như Lai”: Trí tâm quán cảnh, cảnh tức chân như, cảnh đến phát sinh trí, trí là sứ giả của Như Lai. “Như Lai sở khiển”: Quán trí từ trong “Như” đến. “Làm việc Như Lai”: Có kinh nghiệm với tất cả pháp đều là chân như, chân như tức Phật sự.

Từ “Huống là ở trong Đại chúng” trở xuống: là thượng phẩm Sư, lược không nêu Công báo, ý đây có thể biết.

Từ “Nếu có người ác” trở xuống, là tổng nêu năm hạng Pháp sư: Nghịch thì đắc tội, thuận thì được phước. Trong đây tội phước không luận về phước điền có tốt, xấu; mà chỉ căn cứ tâm từ đầu đến sau để rõ sự khinh, trọng. Người sơ tâm học đạo bởi vì còn đủ thứ phiền não, nếu thêm chướng ngại thì họ sẽ phế bỏ việc làm và học, cho nên đắc “tội nặng”. Phật thì bình đẳng, việc ác không hề hấn gì, há có thể làm chướng ngại, cho nên nói “tội nhẹ”. Cúng dường cũng như vậy. Người đó còn trong phân biệt đối đãi, nếu được cúng dường, thì sự tu thành tựu cho nên người bố thí được phước thù thắng. Đức Phật thì đã dứt đối đãi, các sự đầy đủ, mặc dù hiến cúng mà Phật không thêm lợi ích, cho nên nói báo kém. Ví như Vương tử trong thời có nạn đói khát mà cúng dường những thứ cần dùng cho đức Phật, thì công đức kia rất lớn. Nếu hủy báng Vương tử kia thì tội chẳng nhẹ, cho nên tội phước đều nặng. Nếu có người hiến cúng y thực cho đại vương làm việc trọng yếu hoặc vi tế, thì ông muốn xâm tổn người đó cũng không thể đến làm tổn hại được, cho nên tội phước đều nhẹ.

Từ “Được Vương” trở xuống, nêu “đọc tụng” như “trang nghiêm của Phật” tức là thuận thì được phước, Phật dùng định tuệ để trang nghiêm, “người đó” có thể tu định tuệ. “Gánh được cái gánh trên vai Như Lai” tại lưng là “mang”, tại vai là “gánh”. Tu cái thể của pháp thân chẳng Quyền chẳng Thật là “mang được cái mà Như Lai mang trên lưng”. Dùng được hai trí năng Quyền năng Thật, tức là “gánh được cái mà Như Lai gánh trên vai”. “Người đó đến đâu mọi người nên hướng theo làm lễ”, trên nêu coi pháp là thầy (Sư), nay nêu kham làm thầy của chúng sinh. Người ấy có thú hướng đều cùng thật tướng tương ứng, đều đáng kính thuận. Thuận tức là hướng theo, kính tức là làm lễ. Kính và thuận cho đến khởi việc cúng dường...

Kệ có mười sáu hàng chia làm ba: 1. Hai hàng đầu, không tụng văn trường hàng, riêng nêu khuyên tự hành và lợi tha. 2. Mười ba hàng, tụng Sư môn, ý riêng và chung bên trên. 3. Một hàng, tán thán kinh. Trong phần tụng Sư môn biệt tổng lại có hai: 1. Bảy hàng tụng Biệt. 2. Sáu hàng tụng Tổng.

Biệt môn bên trên có hiện tại và vị lai. Đây bốn hàng đầu, tụng hiện tại ; ba hàng sau, tụng vị lai. Hiện tại vị lai, mỗi Sư bên trên đều có thượng hạ.

Đây nói về Biệt môn, từ “Nếu người hay thọ trì” trở xuống, một hàng tụng hạ phẩm, trong đó nửa hàng trên nêu pháp sư. “Nên biết là sứ Phật”... nửa hàng, nêu công báo. Từ “Những người hay thọ trì” trở xuống, ba hàng: tụng hiện tại thượng phẩm Sư, trong đó nửa hàng đầu nêu thượng phẩm Sư. “Xả bỏ cõi thanh tịnh” trở xuống, hai hàng rưỡi: tụng công báo. Từ “Đời ác, sau ta diệt” trở xuống, ba hàng: tụng vị lai, trong đó hai hàng đầu tụng vượt qua phần so sánh nêu ra thượng phẩm, chia làm hai: Một: nửa hàng đầu: tụng pháp Sư. Hai : từ “Phải chấp tay kính lễ” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu công báo. Trong trường hàng vốn thiếu công báo, nay kệ thì có. Từ “Nếu người ở đời sau” xuống một hàng, tụng hạ phẩm Sư. Trong đó, nửa hàng đầu nêu người, nửa hàng sau tụng công báo.

Từ “Nếu ở trong một kiếp” trở xuống, sáu hàng tổng tụng Tổng môn bên trên, chia làm hai: 1. Hai hàng, tụng người nghịch đắc tội. 2. Từ “Có người cầu Phật đạo” trở xuống, bốn hàng, tụng người thuận được phước.

Từ “Được Vương! Nay bảo ông” trở xuống, một hàng, tán thán kinh tôn quý vi diệu.

Từ “Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo ngài Được Vương” tán thán

pháp sở trì và phương pháp hoằng kinh. Pháp sở trì là tự tuân theo phép tắc, phương pháp hoằng kinh là phép tắc cho người. Có Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Tán thán kinh pháp. 2. Phương pháp hoằng Kinh.

Tán thán chia làm năm: 1. Tán thán pháp cũng cách lượng tán thán. 2. Tán thán người. 3. Tán thán xứ. 4. Nhân tán thán. 5. Tán thán quả. Pháp vi diệu cho nên người quý, người quý cho nên xứ tôn kính, xứ tôn kính cho nên nhân tròn đầy, nhân tròn đầy nên quả cùng cực.

Tán thán pháp: “Trong vô lượng kinh điển mà ta đã nói, hiện nói, và sẽ nói, thì kinh này rất là khó tin khó hiểu”. Có Sư giải thích rằng: “Đã nói” là Bát-nhã, “sẽ nói” là Niết-bàn, trước Pháp Hoa thì Tiểu Đại cách nhau, Pháp Hoa về sau thì đã được hội giống nhau. Kinh này chính là bắt đầu hội tam, bắt đầu qui nhất, cho nên nói đệ nhất. Kinh tán thán rằng Pháp Hoa ở ngoài “đã, hiện, sẽ”. Sư ấy thiếu một chi tiết. Nay ban đầu nói “đã”: các thuyết tiệm đến từ kinh Đại phẩm về trước. “Hiện”: Đồng trong một pháp hội, nghĩa là Kinh Vô lượng Nghĩa. “Sẽ”: các kinh Niết-bàn. Đại Phẩm... tiệm đến, đều mang phương tiện, dễ tin. Nay đây Vô lượng nghĩa, một sinh vô lượng, vô lượng chưa trở lại một, thì cũng dễ tin. Ở đây Pháp Hoa, luận về pháp thì hết thấy pháp sai biệt dung thông quy về một pháp, luận về người thì thấy trò bản tích đều lâu xa. Hai môn đều ngược lại với xưa, cho nên “khó tin, khó hiểu”. Ngay sự khó hàng đầu đó, nói Kinh Pháp Hoa rồi sau mới thuyết Niết-bàn, thì dễ có thể tin. “Tạng bí yếu”: Ẩn mật mà không thuyết gọi là “bí”, tổng quát tất cả gọi là “yếu”, chân như thật tướng bao hàm ẩn chứa gọi là “tạng”. “Không thể phân bố”: Pháp vi diệu khó tin, chỉ nên trao truyền cho người có trí tuệ. Nếu trao cho hạng vô trí, thì càng thêm tội, cho nên không thể vọng thuyết. “Từ xưa đến nay chưa từng hiển thuyết”: Trong thời Tam tạng không nói Nhị thừa thành Phật cũng không nêu thầy trò bản tích. Thời Phương Đẳng Bát-nhã tuy nói ẩn chứa thật tướng cũng không nói Ngũ thừa làm Phật, cũng chưa phát Tích hiển Bản. Các kinh đến tiệm đều chưa dung hợp, cho nên gọi là bí. Kinh này thuyết đủ bí pháp xưa, tức là khai bí mật tạng, cũng chính là bí mật tạng, bí mật như đây chưa từng thuyết bày. “Khi Như Lai đang ở đời, vẫn có nhiều kẻ oán ghét”: Hơn bốn mươi năm không thể thuyết, nay tuy muốn thuyết mà năm ngàn người bèn thoái lui. Đức Phật đang hiện đời mà còn như vậy huống chi đời vị lai, theo lý rất khó giáo hóa.

Từ “Sau khi Như Lai diệt độ, người nào có thể biên chép thọ trì” trở xuống: Tán thán người. Pháp này tại người, thì người tôn quý. “Như

Lai lấy y trùm cho”: tu học đại nhân là y, như văn bên trên nói : “Như Lai trang nghiêm”. “Được chư Phật hộ niệm” : thật tướng làm Phật, thật trí làm con, tôn sùng thật tướng, phát sinh thật trí, tức “được chư Phật hộ niệm”. Tứ tín làm “tín lực”, Tứ hồng làm “nguyện lực”, đại trí làm “thiện căn lực”. Tín thì tin lý, lý tức Pháp thân. Chí nguyện là lập hạnh, hạnh tức giải thoát. “Thiện căn”: căn kiên cố, khó chuyển động, đây tức Bát-nhã, phải biết Tam lực tức là Tam đức là bí mật tạng. Hàng sơ tâm nhờ vào đây mà cùng Phật không khác, cho nên nói: “cùng Như Lai ở chung”. Lại, tín lực tu Tất cánh Không Như Lai trí. Như Lai nương Tất cánh Không làm nhà, người này tín lực cũng học Tất cánh Không, cho nên “cùng Như Lai ở chung”. “Được Như Lai lấy tay xoa đầu”: Người này dùng nguyện lực thiện lực tự hành quyền thật, coi đó là cơ cảm, cơ cảm gọi là “đầu”, Như Lai dùng hóa tha quyền thật nhị trí gọi là “tay”. Khai phát người trước tự hành quyền thật tức là “đầu”, cảm ứng đạo giao cho nên nói “xoa đầu”. Xoa đầu tức thọ ký vậy.

Từ “Nơi nơi chốn chốn” trở xuống: Tán thán xứ: Pháp này ở nơi nào, tức nơi ấy tôn quý. Những nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn và cả nơi Pháp vương du hóa đều nên xây tháp. “Kinh này” là nơi Pháp thân sinh trưởng, nơi đạo tràng đắc đạo, là thể chính của pháp luân, là chứa đựng đại Niết-bàn, cho nên nói “chỗ có quyền kinh này đều nên xây tháp cúng dường”. “Chẳng cần để xá lợi”: Thích luận nói: “Xương vụn là sinh thân xá-lợi, kinh quyển là pháp thân xá-lợi”. Không cần để lại sinh thân xá-lợi. Sinh thân và Pháp thân đều có xá-lợi toàn vẹn (toàn thân) và vụn nhỏ (toái thân), có thể hiểu.

Từ “Nếu có người xuất gia” trở xuống: Tán thán nhân. “Chưa khéo hành đạo Bồ-tát”: Hành theo ba giáo trước, tức là Pháp thân xá-lợi toái thân, chưa có thể khéo độ. Nếu nhập Viên giáo tức là xá-lợi toàn thân thì khéo độ. Khéo độ là “khéo hành”.

Từ “Có chúng sinh nào” trở xuống: Tán thán quả. Văn chia làm năm phần: 1. Nêu quả gần. 2. Khai thí. 3. Hợp thí. 4. Giải thích gần. 5. Nêu cái sai.

Nêu quả gần: “Nên biết người đó được gần đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Trong phẩm An Lạc Hạnh gọi là “Cận xứ”, đây là quả Bồ-đề. Phật trí Phật nhân tri kiến xứ làm thể thì có hai thứ: 1. Sơ tâm Bồ-đề. 2. Hậu tâm Bồ-đề. Đây nói “gần”, chính là gần Sơ trụ Bồ-đề. Lại, hưởng về Viên quả mà tu Viên nhân, đắc tướng tự giải thoát, gọi đó là “gần”. Trong phần Tán thán nhân bên trên, là tu Thông Biệt nhân, tức là “chưa khéo”, thì cách xa Viên quả. Nếu tu Viên nhân, tức

là “Khéo hành”, thì cách gôn Viên quả. Đây dùng Viên như thật trí làm nhân, rồi lại dùng làm quả. Chân như Đạo tiền, tức là chánh nhân. Chân như Đạo trung, tức là duyên nhân, cũng gọi là liễu nhân. Chân như Đạo hậu, tức là viên quả. Cho nên, kinh Phổ Hiền Quán nói: “Nhân Đại thừa tức là thực tướng, quả Đại thừa cũng là thực tướng”. Thích luận nói: “Bắt đầu quán thực tướng gọi là nhân, quán xong gọi là quả”. Luận theo lý, thì chân như thực tướng không có nhân quả hiện tại, cũng không có trước sau. Nếu căn cứ chúng sinh tu hành, thì có trước sau và nhân quả.

Từ “Thí như có người” trở xuống: là phần hai: Khai thí. Có hai cách giải thích: 1. Theo Quán môn. 2. Theo Giáo môn.

1. *Giải thích theo Quán môn*: Tâm chúng sinh đầy đủ các phiền não, gọi là “cao nguyên” (gò cao), tu tập quán trí gọi là “khoét đào”; mới chứng vị lý, ví như được nước trong. Theo Thông quán: Can tuệ địa như “đất khô”, tánh địa như “đất bùn ướt”, Kiến đế là được nước trong. Theo Biệt quán: từ Giả nhập Không, chỉ thấy Không mà chẳng thấy bất Không, đoạn Tứ trụ như “đào đất khô cách nước còn xa”. Từ Không xuất Giả, trước biết chẳng phải Giả, nay biết chẳng phải Không. Do hai phép quán này mà được nhập Trung đạo. Năng hàng phục vô minh thì ví như “Chuyển sang thấy đất ướt”, cách nước gần. Theo Viên quán: trung đạo phi Không phi Giả mà chiếu Không, Giả ví như như “đến đến bùn”, tức Tứ trụ đã tận, vô minh đã hàng phục, đã đắc Trung đạo, tương tự viên giải, cho nên nói “như bùn”. Nếu nhập Sơ trụ, phát khởi chân tánh sẵn có của chính mình, hiểu biết Trung đạo, thì phá vô minh ví như bùn được lắng lóng cho trong, được thấy Trung đạo thì ví như “thấy nước trong”. Pháp Hoa luận nói: “Nước Phật tánh phải biết thứ lớp”.

2. *Giải thích theo Giáo môn*: “Đất” dụ cho Kinh giáo, “nước” dụ Trung đạo, giáo giải thích Trung đạo, ví như “đất bùn chứa nước”. Tam tạng giáo môn chưa giải thích Trung đạo, ví như “đất khô”. Phương Đẳng Bát-nhã nương nơi phương tiện thuyết nghĩa Trung đạo, ví như “thấy đất ướt”. Pháp Hoa giáo chánh trực hiển lộ thuyết Vô thượng đạo, ví như “thấy bùn”. Do giáo Pháp Hoa mà sinh Văn Tư Tu, tức ngộ Trung đạo, thật sự thấy Phật tánh. Trí tuệ chân thật phát sinh không còn dựa vào văn, ví như thấu hoạch nước trong, không còn tương đất. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm nói: “Hàng Thập trụ Bồ-tát có tuệ thân, không do người khác mà ngộ”. Có người nói: “Sơ giáo như gò cao đất khô, Đại Phẩm như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Có người nói: “Các kinh Duy-Ma Tư-Ích như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất

ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Có người nói: “Đại Phẩm như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Cả ba kinh gia này đều có nói ngữ thời. Sinh sư nói: “Thọ trì Pháp Hoa cầu Phật đạo, muốn được thì phải như người khát nước tìm nước. Tam thừa thì đối với Nhất thừa khó tin, nơi Pháp Hoa cầu tìm hiểu thì ví như “gò cao”, thọ trì đọc tụng ví như “đào”, chưa thể như nghe mà hiểu, vì chưa nghe nên như “đất khô”, năng hiểu ví như “đến đất bùn”; đồng với các nhà chú thích kinh. Có người nói: “Đây một giải thích cách xa Phật, một giải thích cách gần Phật”.

Vị sư đầu tiên trong ba kinh gia trên, thì nêu các giáo cách Phật xa, Pháp Hoa cách Phật gần; hai giải thích sau thì chỉ trong Pháp Hoa luận xa gần. Dựa vào kinh ứng với hai nghĩa: 1. Nêu kinh khác Pháp Hoa để nói xa gần. 2. Căn cứ Pháp Hoa mà luận xa gần. Các sư lầm ý chỉ kinh.

Hỏi: Kinh khác vì sao cách Phật xa?

Đáp: Vì chưa khai quyền, người cầu Phật chưa quyết định. Pháp Hoa chỉ có một, không có ba, vĩnh viễn vượt ngoài thoái tâm, cho nên cách Phật gần. Văn nói: “Quyết định rõ ràng pháp Thanh văn”.

Hỏi: Kinh Bát-nhã vì sao cách Phật xa?

Đáp: Chưa trừ bỏ giới hạn của pháp Quyền, thì xa; mới hành Bồ-tát, không biết Bát-nhã bí mật giáo hóa giao phó tài vật, thì đối với kia là xa.

Xét rằng Phương tiện Bát-nhã và Thật tuệ Bát-nhã là phụ mẫu pháp thân của Phật ba đời. Người cầu Phật ví như người già bệnh, nếu được cả hai phò trợ mạnh thì có thể đi xa khắp, nên biết Bát-nhã rất thù thắng. Pháp Hoa khai Quyền không khác Bát-nhã hiển Thật. Chẳng phải ngoài Bát-nhã mà riêng có Pháp Hoa. Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã đó thôi! Do vì các sư giải thích khác, cho nên ghi chép ra.

Từ “Bồ-tát cũng lại như thế” trở xuống, là phần ba: Hợp thí. Ở trong Pháp Hoa, thấu hoạch Văn Tư’ Tu tức là Viên quán Tam tuệ, thì mới có thể gần quả; chẳng phải Văn Tư Tu khô ướt... trong các giáo.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là phần bốn: Giải thích ý được gần. “Hết thấy Bồ-tát”: các nhân Quyền. “Tam Bồ-đề”: hết thấy quả Quyền. Nhân Quyền quả Quyền đều nhiếp thuộc kinh này, ví như đất khô đất ướt đều y nơi nước, cho nên nói thuộc về. “Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng”: Ngài Quang Trạch nói: “Xưa vào thời Lộc Uyển, vì căn cơ lẫn lộn cho nên thuyết đủ Tam tạng mà chưa nêu Nhất lý, bấy giờ dùng Quyền mà ẩn Thật. Nhất lý bị Quyền giáo làm bế tắc. Nay tại

thành Vương xá thuyết pháp cho Đại căn cơ, tức hiển bày pháp chân thật. Chân thật đã hiển bày thì trừ bỏ giáo xưa. Giáo xưa bị bỏ, cho nên phương tiện môn khai. Nhất lý đã lộ rõ, thì tướng chân thật hiển bày”. Theo ý riêng thì giải thích như vậy chính là phá phương tiện, không phải khai mở phương tiện! Ngài Đạo Lãng đất Hà Tây nói: “Nói thẳng ba là phương tiện, tức là mở cửa phương tiện. Xưa không nói ba là phương tiện, cho nên cửa phương tiện đóng. Nay gọi ba là phương tiện, tức chỉ bày một là chân thật”. Theo ý riêng thì kiểu giải thích này phù hợp với kinh văn. Có người giải thích: “Khai hai phương tiện Giáo Thân thị hai chân thật Giáo Thân; ba đời chư Phật chỉ có hình tiếng Quyền Thật”. Theo như khai thị này thì mười hai bộ kinh, tám vạn đại sĩ rõ ràng đều là phương tiện! Theo ý riêng thì hai sư trước dựa vào Giáo mà khai thị, người sau thêm Thân vào, đây là trộm nghĩa của ngài Long Ẩn mà làm giải thích của mình, tức trở lại là ý phá phương tiện, chẳng phải nghĩa khai!

Hỏi: Đương thể của phương tiện là môn, hay vì thông suốt thật tướng, cho nên gọi là môn?

Đáp: Theo ý riêng đều là đầy đủ cả hai nghĩa. Gọi thật tướng môn, thì có thể hiểu. Đương thể là môn, như Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm tìm học với thiện tri thức, đắc các thứ pháp môn như: tính hạt cát, quán v.v... Hai môn này đều có đóng mở: Xưa không nói ba là phương tiện, cho nên cửa kia đóng kín; nay nói ba là phương tiện, cho nên cửa kia khai mở. Xưa không nói một là chân thật, cho nên cửa chân thật đóng kín; nay nói một là chân thật, cho nên cửa chân thật khai mở. Cả hai phương tiện đều thông thật tướng, cho nên tam thừa phương tiện là nhất thừa môn. Thật tướng cũng có hai nghĩa: 1. Đương thể hư thông, cho nên gọi là “môn”, như Bất nhị môn trong kinh Tịnh Danh, Pháp giới môn trong kinh Hoa Nghiêm v.v... 2. Năng thông phương tiện làm môn. Ngài Lưu Cầu nói: “Công thông suốt chính là do “một” đều nhau, cho nên “một” là phương tiện môn. Công hiệu của sự dẫn dắt phần nhiều nương tựa vào ba, cho nên ba là chân thật tướng. Nói chẳng phải ba, thì phương tiện môn được khai mở ; nói duy nhất, thì tướng chân thật được chỉ bày”.

Có người nói: Luận đủ thì có ba nghĩa: 1. Dùng ba làm phương tiện, một làm chân thật. 2. Ba và một, đều là phương tiện; không phải ba và không phải một, là chân thật. 3. Ba và một, là nhị, không phải ba không phải một, là bất nhị. Nhị và bất nhị đều là Quyền. Không phải nhị không phải bất nhị, là Thật. Ba chương này được hõ tương làm môn.

Như lấy tam làm nhất môn, thì đây là dùng Quyền để thông Thật. Nếu dùng nhất làm tam môn, thì đây là dùng Thật khởi Quyền. Cho đến nhị và bất nhị, cũng xen lẫn như vậy được, gọi là môn, cũng xen lẫn được gọi là tướng. Chỉ không được xen lẫn làm quyền thật đó thôi! Riêng cho rằng: Dùng tam làm nhất môn, thì hàng tam thừa có thông thật tướng không? Nếu không thông, thì không phải môn. Cần phải khai tam, mới được gọi là môn. Nếu khai tam, thì chẳng phải lại là tam; vì sao dùng tam làm thật tướng môn? Lại, tam chẳng phải Phật nhân, sao được gọi là thật tướng môn? Phá một nghĩa này, thì hai nghĩa còn lại theo lệ cũng bỏ đi.

Hỏi: Phương tiện và chân thật xen lẫn được làm môn; vậy thì phương tiện làm phương tiện môn, thật tướng làm thật tướng môn được chăng?

Đây có bốn câu: Hai câu đầu, như trên. Câu ba: Thật tướng làm thật tướng môn. Câu bốn: Phương tiện làm phương tiện môn. Như danh làm nghĩa môn, nghĩa làm danh môn. Do phương tiện danh mà hiển bày phương tiện nghĩa, cho nên danh làm nghĩa môn. Do phương tiện nghĩa ứng với phương tiện danh, cho nên nghĩa làm danh môn. Thật tướng cũng vậy. Tựa Trung luận nói: Thật mà không có danh thì không thể ngộ. Cho nên, ký thác trong đó để tuyên diễn việc kia.

Hỏi: Có được dùng tam hiển tam, dùng nhất hiển nhất không?

Đáp : Đây cũng có bốn câu: Hai câu như trên. Dùng tam hiển tam, tức là nói xưa tam khác với nay nhất, tam này ở ngoài nhất, nay nhất khác với tam xưa, nhất này ở ngoài tam. Cho nên, nhất không phải nhất của tam, tam không phải tam của nhất, đều là chấp kiến. Phá bệnh này, cho nên đối với nhất Phật thừa phân biệt nói thành tam. Cho nên, tam là tam của nhất. Các ông hành đạo Bồ-tát, cho nên nhất là nhất của tam. Tam nhất không khác nhau, là nghĩa nhân duyên. Dùng nhân duyên tam nhất để hiển bày tự tánh tam nhất, cũng dùng tự tánh tam nhất để hiển bày nhân duyên tam nhất. Cho nên, nói dùng tam hiển nhất, dùng nhất hiển tam. Có người dẫn mười lăm chỗ để nêu môn: Phẩm Phương Tiện có hai, phẩm Thí dụ có sáu, Phẩm Tín Giải có ba, Phẩm Hóa thành Dụ có hai, Phẩm Pháp Sư có một, Phẩm Quan Âm có một.

Phẩm Phương Tiện có hai: Trí tuệ môn, Quyền trí làm Thật trí môn. Sinh Sư nói: “Ngôn giáo làm môn, ngôn giáo thuyết Thật trí cho nên ngôn giáo là Thật trí môn”, Pháp Hoa luận đồng ý kiến này. Tiếp nói: Dùng các thứ pháp môn tuyên bày Phật đạo, đây là dùng Đại thừa giáo làm môn. Phẩm Thí Dụ có sáu: 1. Nhà kia rộng lớn chỉ có một cửa,

vẫn dùng Đại thừa giáo làm môn. 2. Nói cửa bị thiêu cháy, đây là căn cứ bờ cõi ranh giới của tam giới làm môn, như gọi nhà là môn. 3. Chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ, vẫn là Đại thừa giáo làm môn. 4. Ba xe ở ngoài cửa, vẫn dùng tam giới làm môn. 5. Dùng Phật giáo môn để vượt khổ ba cõi, đây là dùng Tiểu giáo làm môn. 6. Đứng ở ngoài cửa, y Đại thừa dùng giới hạn của hai thứ sinh tử làm môn. Tiểu thừa cũng xuất ngoài tất cả phiền não, chánh sử và tập khí đã tận gọi là đứng ở ngoài cửa. Phẩm Tín Giải có ba: 1. Đứng ở bên cửa Đại thừa lý giáo làm môn. 2. Nói còn ở ngoài cửa, cũng như trên. 3. Nói Trưởng giả ở trong cửa, như trên.

Phẩm Hóa thành có hai : 1. Thỉnh khai mở cửa cam lộ, cũng là giáo môn Đại, Tiểu. Nhiều lớp cửa, lầu gác cao, cũng dùng Tiểu thừa tam không môn. 2. Phương tiện môn, giải thích như trên. Phẩm Quán Âm, cũng dùng Đại thừa làm môn. Nay giải thích “khai phương tiện môn”: Những điều xưa đã không nói, thì nay đều nói. Xưa nói sự sinh hoạt hàng ngày và nghề nghiệp sinh nhai của tất cả thế gian, có bao giờ là phương tiện đâu? Nay đều khai đó chính là thật tướng, không chống trái nhau. Xưa nói Tiểu thừa phương tiện như Tiểu thừa quả. Tiểu thừa quả mà còn chẳng phải Thật tướng môn, hướng chi Tiểu phương tiện mà sẽ là môn! Nay đều khai đó chính là thật tướng. Việc các ông làm là đạo Bồ-tát, quyết định bỏ pháp Thanh văn, là vua của các kinh.

Xưa nói Nhị thừa là phương tiện môn. Nay đều khai đó chính là thật tướng, đâu là môn nữa, đều khiến cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nhất sắc nhất hương thấy đều là Phật pháp. Hoặc môn hoặc phi môn, thấy đều khai nó để thị tướng chân thật, hiển bày nước Phật tánh. Nếu không khai nó, thì “sâu xa kiên cố thâm diệu không người nào đạt đến được”, mà nay khai nó thì được thấy nước, không phải đất khô.

Lại giải thích theo Tam tuệ thì “tất cả đều thuộc kinh này”, tức Viên Văn tuệ. “Kinh này khai phương tiện” tức Viên Tư tuệ. “Thị chân thật tướng” tức Viên Tu tuệ. Ba thứ này sâu xa mâu nhiệm, đức Phật nay khai thị liền được thấy chân thật.

Từ “Được Vương! Nếu Bồ-tát nào nghe kinh Pháp Hoa” trở xuống là phần năm: Nêu cái sai: “Nếu Bồ-tát nghe thuyết kinh này mà kinh nghi sợ sệt,... Thanh văn tăng thượng mạn”, đều là “đất khô”, còn chẳng phải đất ướt, hướng chi là thấy được nước ư !?

Từ “Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn nào, sau khi đức Như Lai diệt độ” trở xuống, là lược nêu phương pháp hoằng kinh, lại chia làm

hai: 1. Phương pháp. 2. Lợi ích.

Phương pháp lại chia làm ba: 1. Nêu chương môn. 2. Giải thích. 3. Khuyên tu. Tu “nhà Như Lai là đại từ bi”: Nếu căn cứ đồng thể tức Pháp thân. Nếu căn cứ chúng sinh được gia bị tức Giải thoát, năng khiến cho chúng sinh hợp với đồng thể tức là Bát-nhã. Tu “y áo Như Lai”: Nếu căn cứ cái được che trùm, tức Pháp thân. Nếu căn cứ năng che trùm trang nghiêm thân, tức Tịch diệt nhãn. Nếu căn cứ hòa quang lợi vật, tức Giải thoát. Tu “tòa Như Lai” Nếu căn cứ năng tọa, tức Bát-nhã. Nếu căn cứ sở tọa, tức Pháp thân. Thân tòa minh xứng (xứng hợp mà mất thịt con người không thể thấy biết được) tức Giải thoát. Lại, “Đại từ” an lạc tức giúp đỡ thành tựu, “nhu hòa” là hàng phục sân, đoạn Hoặc tức quán chiếu, “ngồi tòa” tức Pháp thân. Phẩm An Lạc Hạnh lại rộng nêu ba pháp này. Văn trên nói: “trang nghiêm của Phật” tức là “áo Như Lai” Trên nói “Cống và gánh được cái gánh nặng trên lưng và vai Như Lai”, tức là “ngồi tòa Như Lai”. “Đảm” (gánh vác) tức gánh vác, vận chuyển, chính là “vào nhà Như Lai”.

Từ “Bấy giờ ta ở nước khác” trở xuống: nêu năm việc lợi ích, khuyến khích lưu thông. 1. Sai khiến hóa nhân. 2. Sai khiến hóa bốn chúng. 3. Sai khiến Bát bộ. 4. Thấy thân Phật. 5. Cùng tổng trì. Nếu hàng sơ tâm chưa thuần, thì chỉ có thể sai khiến hóa nhân, chưa thể sai hóa tứ chúng Bát bộ. Nếu thấy thiên long, thì họ bèn dựa vào đây mà tự cao ngạo, làm ngăn ngại tổn hại đạo kia, cho nên không thể để cho họ thấy, hướng chi thấy Phật. Nếu tâm không ý dựa chấp trước, thì có khả năng thấy Phật, hướng chi thấy thiên long, hướng chi đắc tổng trì tự chứng lợi ích!

Kệ có mười tám hàng rưỡi, chia làm ba: 1. Một hàng đầu, tổng khuyên, không tụng trường hàng. 2. Mười sáu hàng rưỡi, tụng trường hàng trên. 3. Một hàng kết khuyên.

Trên trong phần Tán thán quả văn chia làm năm: 1. Một hàng rưỡi đầu, tụng khai thí. 2. Từ “Được Vương! Ông nên biết” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng hợp thí. Lược không tụng ba thứ còn lại, cận quả, giải thích lựa, nêu cái sai. Trong phương pháp lưu thông kinh bên trên có hai: Phương pháp và Lợi ích. Nay mười hai hàng rưỡi tụng cũng chia làm hai: Thứ nhất: ba hàng rưỡi, tụng Phương pháp. Trên trong đó có ba, đây cũng tụng ba ý. Thứ hai : từ “Ta trong muôn ức cõi” trở xuống, chín hàng tụng Lợi ích: một hàng đầu tổng nêu rõ ý Như Lai dùng năm việc lợi ích, chính do ứng thân biến khắp mười phương, có thể làm năm việc giữ gìn bảo hộ người hành trì. Từ “Sau khi ta diệt độ” trở xuống,

một hàng rưỡi tụng sai khiến tứ chúng. Từ “Dẫn dắt” trở xuống, một hàng rưỡi tụng: sai người hóa. Từ “Nếu người thuyết Pháp Hoa” trở xuống, hai hàng tụng khiến đắc tổng trì. Từ “Nếu người đủ đức này” trở xuống, một hàng, tụng khiến được thấy Phật. Từ “Nếu người ở chỗ vắng” trở xuống, hai hàng tụng sai khiến Bát bộ...



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8

(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 11: KIẾN BẢO THÁP

Tiếng Phạn gọi Tháp-bà hoặc nói Du-bà, Trung hoa dịch Phương phần cũng gọi là Linh miếu, lại nói là Chi-đề, thì không có cốt thân. Tháp này vì có thân toàn vẹn không tan rã, cho nên không gọi là Chi-đề. Kinh A-hàm nêu rõ “tứ chi trưng” (chứng tích) nghĩa là bốn chỗ xây tháp: những nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Bốn chỗ xây tháp, nay bảo tháp là chứng tích Phật trước nhập diệt. Kinh dạy: Ba loại thân Phật đều từ kinh này mà sinh trưởng. Chư Phật ở đây mà tọa đạo tràng, chư Phật ở đây mà chuyển pháp luân, chư Phật ở đây mà bát Niết-bàn. Chỉ kinh Pháp Hoa này, chính là tứ chi trưng của chư Phật ba đời. Chư Phật quá khứ đã ở, chư Phật hiện tại đều ngồi, chư Phật vị lai cũng vậy. Tháp này xuất hiện nêu rõ việc này, bốn chúng đều thấy, cho nên gọi là phẩm Kiến Bảo Tháp.

Trong kinh Anh Lạc, ngài Thiện Cát hỏi: “Sinh thân, toàn thân, toái thân công đức bằng nhau ư?” Đức Phật dạy: “Không đồng. Bởi vì sắc thân thì ngôn giáo hóa, huấn, ba nghiệp đầy đủ thanh tịnh khiến chúng sinh được đến đạo tràng. Xá-lợi toàn thân hoặc toái thân, chính là khả năng uy thần sáng suốt, cúng dường thì được phước. Cho nên, không đồng”. Lại hỏi: “Đảnh Vương Như Lai trải qua mười hai na-do-tha kiếp thuyết pháp giáo hóa, xá-lợi cũng vậy, thế thì phải đồng?” Phật dạy: “Đều do thần lực của Đảnh Vương Như Lai tạo ra”. Kinh đó cho rằng xá-lợi toàn thân và toái thân đều do sinh thân Phật lực. Kinh này cho rằng Xá-lợi của sinh thân dù toàn thân hay toái thân, xá-lợi của pháp thân dù thiên hay viên, đều từ kinh này mà ra, hiển bày công đức của kinh này lực hồng trì sâu rộng. Từ đất vọt lên để chứng minh việc này, bốn chúng đều thấy, cho nên nói Phẩm Kiến Bảo tháp.

Bắc Địa sư nói: “Khi đức Phật vì Thân-tử mà thuyết kinh, thì bảo

tháp đã hiện để chứng minh. Nếu thuyết kinh xong mới đến, thì làm chứng những gì? Vì kinh gia theo thứ lớp xếp đặt sau ba vòng”. Đây chính là tình người thì không thể tin! Nay y theo Kinh Tát-Vân Phân-Đà-Lợi nói: “Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa vô số kệ, có tháp bảy báu từ đất vọt lên, trong tháp có giường vàng, trên giường có Phật. Chữ Bào-hư-lan-la, Hán dịch là Đại bảo, tán thán đức Thích Tôn, nói vì ta mà đến cúng dường, nguyện ngồi giường vàng của ta, lại vì ta mà thuyết Tát-Vân Phân-Đà-Lợi.” Y kinh này chứng minh, tức là sau khi thuyết ba vòng, lại thỉnh Thọ lượng. Văn nêu rõ thánh thuyết mà không chịu dụng, người xuyên tạc đâu có thể theo ư?! Tháp này chính làm chứng, trước đã được thỉnh, sau mới từ đất vọt lên. Bốn chúng đều thấy cho nên nói phẩm Kiến Bảo Tháp. Địa Sư nói: “Đa bảo là pháp thân Phật”. Thích Luận nói: Đa Bảo thế nguyện hóa thân đến chứng minh kinh. Văn đây cũng vậy. Sư (Thiên Thai Trí Giả) nói: Pháp thân không đến không ra, báo thân nguy nga đường đường, Ứng thân ứng khắp tất cả, hoặc tức đây gọi là tam Phật, chưa nói hết thể của ba Phật, chỉ là biểu thị mà thôi. Đa Bảo tiêu biểu pháp thân, Thích Tôn tiêu biểu Báo thân, phân thân tiêu biểu Ứng thân Phật. Tam Phật tuy ba mà không khác một. Nên nói như thế, tin hiểu như thế. Đây là bốn phen giải thích thấy Đa bảo theo Tứ Tát-đàn.

Tháp hiện ra có hai việc: 1. Phát âm thanh để chứng minh trước, 2. Mở tháp để khởi dẫn việc sau. Việc thứ nhất: Chứng trước, chứng ba vòng thuyết pháp đều là chân thật. Nếu lược nói chân thật, thì đều cùng thật tương tương ứng. Nếu rộng nói chân thật, thì ly tứ cú, tuyệt bách phi. Nếu nói theo lý Trung đạo, thì “bát bất” gọi là chân thật. Tháp từ đất vọt lên, chỉ bày Bất diệt. Phân chia tòa, cùng ngôi, tiêu biểu Bất sinh. Nhập tháp, tiêu biểu Bất thường. Hiện tháp, chỉ bày Bất đoạn. Phân thân, chỉ bày Bất nhất. Toàn thân, chỉ bày Bất dị. Đa bảo nhường tòa, chỉ bày Bất lai. Đức Thích-ca ngôi nửa tòa, chỉ bày Bất xuất. Bất bất hiển nhiên cho nên gọi chân thật. Lại, chứng minh phần lưu thông tích môn, trì kinh công sâu, hồng tuyên lực lớn, đều chân thật. “Đại tuệ bình đẳng” cùng Bát-nhã như thế nào? Thích Luận quyển bảy mươi chín nói: “Bát-nhã là Diệu pháp của ba đời chư Phật, như một cửa thành thì bốn phương đều vào được, nên biết Bát-nhã cũng gọi là Diệu pháp, kinh này gọi là “bình đẳng đại tuệ”. Hai danh đồng chỉ ý kia có thể biết. Việc thứ hai: Phát khởi việc sau: “Nếu muốn mở tháp, thì cần phải tập hợp phân thân” là nêu sự phó chúc mầu nhiệm. Âm thanh thông suốt hạ phương mời đệ tử “Bản môn” về để luận nghĩa thọ lượng. Tháp lâu

xa từ đất vọt lên, khai thần thông lực tự tại, hiển bày lợi ích chúng sinh đời quá khứ. “Phát âm thanh lớn” : phát ra lực Sư tử phấn tấn, hiển hiện tại mười phương khai quyền hiển thật. Có thế nguyện lớn: “Chư Phật đời vị lai nếu thuyết kinh này, thì bảo tháp của ta đều đến nơi ấy để chứng minh”, tức khai đại thế lực oai mãnh, hiển hiện thường trú bất diệt đời vị lai. Lại, tháp giữa hư không cũng là chứng trước khởi sau. Hạng người Thất phương tiện thì ẩn tàng chưa khai mở vì bị vô minh che, ví như tháp ở dưới đất. Nghe ba vòng khai tam hiển thật, thì khai tri kiến Phật, hiển xuất pháp thân, ví như tháp vọt lên hư không, đây tức chứng trước. Tu đặc pháp thân đã rõ ràng từ lâu như tháp giữa hư không không thể mở, là tiêu biểu bản địa đã thành tựu lâu rồi mà chúng không biết. Nếu phát tích hiển bản, liễu đạt không nghi ngờ, thì đây là khởi việc sau. Nếu “tháp từ đất vọt lên” là tiêu biểu pháp thân hiển bày, thì các kinh cũng đồng cũng khác. Bồ-tát hiển bày pháp thân thì đồng, Nhị thừa hiển bày pháp thân thì khác. Nếu “tháp tại hư không, mở cửa thấy Phật” là tiêu biểu phát tích hiển bản, thì cùng các kinh vĩnh viễn khác. Nếu tháp đến chứng minh việc trước, thì quá rõ ràng không nghi nữa. Nếu tháp đến phát khởi việc sau, thì mật có ý chúng chưa biết. Nay chọn nghĩa sau dự liệu giải thích đây cũng lại không có lỗi.

Giải thích theo Quán tâm: Nương kinh tu quán, cùng Pháp thân tương ứng thì cảnh trí ắt hợp, như tháp đến chứng minh kinh. Cảnh trí đã hợp thì đại báo viên mãn, ví như Thích-ca và Đa Bảo đồng ngồi một tòa. Do đại báo viên mãn, cho nên tùy căn cơ ứng hiện, ví như phân thân đều tập hợp. Do Đa Bảo xuất hiện nên tam Phật được hiển bày, do trì Kinh tức đủ tam thân. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Ba loại thân Phật từ Phương Đẳng sinh”, tức nghĩa đây vậy. Có người cho rằng từ phẩm này xuống mười một phẩm, là thần thông thân luân khai bản tích; từ “Di-lặc hỏi” trở xuống, là thuyết pháp khẩu luân khai bản tích. Ý bản tích chưa rõ ràng, từ đây phân văn thì quá sớm.

Phẩm này có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba phần: 1. Tháp Đa bảo vọt hiện. 2. Phân thân từ xa tập hợp. 3. Đức Thích-ca kêu gọi khuyến mộ.

Đây là phần một, văn có sáu: 1. Tướng tháp hiện. 2. Chư thiên cúng dường. 3. Đa Bảo tán thán. 4. Thời chúng kinh nghi. 5. Đại Nhạo Thuyết hỏi. 6. Như Lai đáp.

- “Tháp bằng bảy báu”: Pháp thân địa do tánh mà đặc “bảy báu” thất giác thất thánh tài; “tháp” là cảnh thật tướng, chỗ pháp thân nương ở. “Cao năm trăm do tuần”, là hai vạn dặm, theo chiều dọc nêu vạn

hạnh trong nhân, vạn đức trong quả. “Rộng hai trăm năm mươi do tuần” tức là một vạn dặm, theo chiều ngang dùng vạn điều thiện trang nghiêm. “Địa”: Là vô minh tâm địa, dùng vô sở phá để phá vô minh, dùng vô sở trụ để trụ đệ nhất nghĩa Không. “Các món vật báu” là rất nhiều định tuệ dùng trang sức. “Bao lớn” là tổng trì. “Ngàn vạn phòng nhà”, là nhà vô lượng từ bi, cũng là nhà vô lượng Không. “Tràng phan” là tướng thần thông thù thắng. “Chuỗi ngọc báu rủ xuống”: là công đức của bốn mươi địa, trên trang nghiêm pháp thân, dưới cứu độ chúng sinh. “Vạn ức linh báu”: Là bát âm bốn biện tài. “Bốn mặt thoảng hương thơm”: là gió đạo tứ đế thổi hương thơm bốn đức. “Cao đến cung trời Tứ thiên vương” là cùng tột lý tứ đế.

Từ “Tam thập tam thiên trời Đao lợi” trở xuống, là phần hai: Chư thiên cúng dường: Giải thích sự có thể biết. Nếu căn cứ lý, thì ba mươi tâm là ba mươi, Thập địa là một, Đẳng giác là một, Diệu giác là một, hợp thành ba mươi ba, đồng nương cảnh thật tướng. “Rười thiên hoa Mạn-đà-la”: Hàng sơ tâm cũng đủ công đức của bốn mươi hai địa, hàng hậu tâm cũng như vậy đều dùng công đức của bốn mươi địa làm hoa nhân, hưởng về pháp thân. Từ “Các trời khác và rồng” trở xuống: tức là nội phạm ngoài phạm... cũng y thật tướng hưởng quả hành nhân.

Từ “Bấy giờ trong tháp báu” trở xuống, là phần ba :Đa Bảo tán thán. Chánh chứng minh trước khai quyền hiển thật không hư dối. “Bình đẳng đại tuệ “ tức là trí tuệ chư Phật, như nghĩa trước bước đi bình chính. Bình đẳng có hai: 1. Pháp bình đẳng, tức lý trung đạo. 2. Chúng sinh bình đẳng, hết thấy chúng sinh đồng đắc Phật tuệ. “Đại” như nghĩa cao rộng ở trước. Căn cứ vào Quán tâm: Không quán: bình đẳng theo chiều dọc. Giả quán: bình đẳng theo chiều ngang. Trung quán: bình đẳng theo chiều dọc và ngang. Bình đẳng song chiếu tức là “bình đẳng đại tuệ”. “Đúng thế! Đúng thế!” (Như thị ! Như thị !) 1. Như pháp tướng thị; 2. Như căn tánh thị. “Đều là chân thật” vì như pháp tướng thuyết, cho nên “chân thật”.

Từ “Bấy giờ bốn chúng thấy” trở xuống, là phần bốn: Thời chúng kinh nghi: Văn có hai: 1. Đắc pháp hỷ. 2. Nghi điều kỳ lạ.

Từ “Bấy giờ có vị Bồ-tát” trở xuống, là phần năm: Đại Nhạo Thuyết nhân nghi nên thỉnh hỏi. Nếu hưởng về ý đáp bên dưới thì có ba câu hỏi: 1. Hỏi do nhân gì mà có tháp này? 2. Hỏi vì sao tháp từ đất nổi lên? 3. Vì sao phát ra âm thanh ấy?

Từ “Lúc đó Phật bảo” trở xuống là phần sáu: Như Lai đáp. Đây có ba phần: 1. Đáp câu hỏi thứ hai: Đức Phật đây có nguyện là chứng

Pháp Hoa, cho nên từ đất vọt lên. Từ “Khi đức Phật thành đạo” trở xuống, là đáp câu hỏi thứ nhất: Do theo mệnh lệnh của đức Phật ấy mà tạo tháp này. Từ: “Đức Phật đó dùng nguyện lực thần thông” trở xuống, là đáp câu hỏi thứ ba: Để làm chứng minh, cho nên phát ra âm thanh như vậy.

Thích luận nói : “Đức Phật Đa Bảo không cần phải thuyết pháp, mà chọn diệt độ”. Sư giải thích không như vậy. Vì Đức Phật ấy bảo các Tỳ-kheo; Tỳ-kheo tức là người thọ nhận sự giáo hóa, thì sao nói không thuyết? Nên biết Đa Bảo cũng cần phải khai tam mà không cần phải hiển thật, cho nên Thích luận nói “không cần phải thuyết pháp” đó thôi. Do vì nghĩa đây cho nên mặc dù diệt độ mà nơi nào chỗ nào có thuyết kinh Pháp Hoa thì đều tùy hỷ làm chứng.

Từ “Đại Nhạo Thuyết do sức thần của Như Lai” trở xuống, là phần thứ hai : Phân thân từ xa tập hợp. Đây chia làm bảy đoạn: 1) Nhạo Thuyết thỉnh cầu thấy Đa Bảo. 2) Ứng tập phân thân. 3) Nhạo Thuyết thỉnh vân tập. 4) Phóng quang xa gọi. 5) Chư Phật đồng đến. 6) Trang nghiêm thanh tịnh cõi nước. 7) Dữ dục mở tháp.

Giải thích đoạn một, thỉnh nói “Nương thần lực Phật”: muốn mở tháp phải tập hợp chư Phật. Chư Phật vân tập thì phó chúc, phó chúc tức gọi các phương dưới, phương dưới xuất hiện thì nên khai cận hiển viễn. Đây là do đại sự, đâu chẳng phải thần lực chư Phật khiến hỏi? Các đoạn khác như vẫn.

Từ “Lúc bấy giờ đức Phật phóng hào quang” trở xuống, là đoạn bốn: Phóng quang xa gọi đến. Ba lần biến cõi thanh tịnh. Đây chính do Tam-muội. Tam-muội có ba: 1) Biến cõi Ta-bà: là “Bối xả” có thể biến uế thành tịnh. 2) Biến hai trăm Na-do-tha : là “Thắng xứ” chuyển biến tự tại. 3) Biến hai trăm Na-do-tha: là “Nhất thiết xứ” đối cảnh không ngăn ngại. Lại, lần biến tịnh đầu tiên: biểu thị tịnh trừ Tứ trụ. Lần biến tịnh thứ hai : tiêu biểu tịnh trừ Trần sa. Lần biến tịnh thứ ba, tiêu biểu tịnh trừ Vô minh.

Từ “Khi ấy chư Phật đều ngồi tòa Sư tử” trở xuống, là đoạn bảy: Dữ dục mở tháp. Lại chia làm năm phần: 1) Sứ của chư Phật hỏi thăm và thuyết dục khai tháp. 2) Thích-ca mở tháp. 3) Bốn chúng đều đồng thấy nghe. 4) Hai đức Phật phân tòa mà ngồi. 5) Bốn chúng thỉnh thêm. Đây là phần một : “Chư Phật dữ dục khai tháp”, giống như ý trong đại chúng tăng “tác pháp dữ dục”. Kinh Đại Tập nói: “Bao nhiêu Phật dữ dục”. Kinh Hoa Nghiêm nói : “Mười phương bao nhiêu Phật đồng thuyết Hoa Nghiêm”. Kinh Đại Phẩm nói : “Ngàn Phật đồng thuyết Bát-nhã”. Điều

không nói là Thích-ca phân thân. Chuẩn theo kinh này, thì phải là phân thân. Vì các kinh kia mang phương tiện, cho nên trong thời ấy không nói rõ. Kinh này chẳng những nói “số nhiều” mà còn nói thẳng là “phân thân đều đến và đều dữ dục”. Từ “Lúc bấy giờ đức Thích-ca thấy” trở xuống, là phần hai: đức Thích-ca mở tháp. “Khai tháp” tức là khai quyền, “thấy Phật” tức là hiển thật, cũng là chứng trước, lại sẽ khai sau. “Như tháo khóa chốt”: tháo bỏ chướng, căn cơ chuyển động.

Từ “Dùng đại âm thanh” trở xuống, là đức Thích-ca đề xướng chiêu mộ tìm người lưu thông kinh, lại chia làm ba: 1. Dùng đại âm thanh diễn xướng chiêu mộ. 2. Từ “Như Lai không bao lâu” trở xuống, nêu đến thời phó chúc. 3. Từ “Đức Phật muốn đem Kinh Pháp Hoa”: nêu “phó chúc hữu tại”. “Hữu tại”: nếu đức Phật tại thế, thì tùy cơ lợi vật, tự thuyết chánh pháp không đợi người khác. Nay cơ duyên hóa độ của Phật đã hết, muốn khiến pháp này lợi ích vô cùng, cho nên phải phó chúc lưu thông. “Phó chúc hữu tại” (Những người được phó chúc), có hai ý: 1. Gần thì phó chúc cho tám vạn hai ngàn bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn người, xa thì phó chúc cho các đệ tử của mình ở hạ phương ngàn cõi nhiều như vi trần, khiến lưu thông khắp xứ, và cũng phát khởi nghĩa thọ lượng.

Về kệ có bốn mươi tám hàng, chia làm ba phần tụng ba ý trên:

1. Ba hàng rưỡi, tụng đức Đa Bảo diệt độ. 2. Tám hàng rưỡi, tụng phân thân vân tập. 3. Ba mươi sáu hàng, tụng đức Thích-ca phó chúc. Hai phần trước như văn. Phần ba: từ “Bảo cùng hàng Đại chúng” trở xuống, lại chia làm hai: 1. Tám hàng rưỡi, nêu ba đức Phật để khuyến lưu thông. 2. Hai mươi bảy hàng rưỡi, nêu pháp khó trì để khuyến lưu thông.

Tám hàng rưỡi, có ba ý: 1. Một hàng rưỡi, là khuyến mộ tìm người lưu thông. 2. Từ “Đức Phật Đa bảo kia” trở xuống, ba hàng, chánh nêu ba đức Phật vì khuyên trì kinh. 3. Từ “Có ai hay hộ trì” trở xuống, bốn hàng, nói năng trì Kinh này tức là cúng dường ba đức Phật cho đến thấy được ba đức Phật. Vì giải thích ý khuyên.

Từ “Các thiện nam tử này” trở xuống, hai mươi bảy hàng rưỡi, nêu pháp khó trì để khuyên lưu thông, lại chia làm hai: 1. Hai mươi hàng, chính nêu khuyên. 2. Bảy hàng rưỡi, giải thích ý khuyên.

Hai mươi hàng lại có ba: 1. Một hàng, răn khuyên. 2. “Bao nhiêu kinh điển khác” trở xuống, mười bảy hàng, chính nêu pháp khó trì để khuyên lưu thông. 3. “Ta vì hộ Phật đạo” trở xuống, hai hàng, giải thích ý khó trì. Nếu có người năng trì tức trì thân Phật, ý đây đâu để?!

Từ “Các thiện nam tử này, sau khi ta diệt độ” trở xuống, bảy

hàng rưỡi, nêu năng trì khó trì năng thành đức thù thắng để giải thích ý khuyển. Đây lại chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, lại khuyến mộ người trì kinh. 2. “Kinh pháp đây khó trì” trở xuống, một hàng rưỡi, nêu trì được pháp khó trì thì chư Phật hoan hỷ tán thán. 3. “Đó là rất dũng mãnh” trở xuống, bốn hàng rưỡi, nêu năng trì khó trì liền thành thắng hạnh. Thắng hạnh có tự có tha. “Ở trong đời kinh sợ”: Thiên Trúc gọi Sa-bội, Trung hoa dịch “kinh sợ”. Thiên trúc gọi Bạt-đà Trung hoa dịch Hiền Hộ, là tên khác vậy thôi.

Phẩm Thứ 12: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Đề-bà-đạt-đa là âm tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là Thiên Nhiệt. Lúc ông sinh ra đời thì chư thiên cảm thấy tâm nóng nảy bứt rứt, nhân đây mà đặt tên, tức theo Nhân duyên mà giải thích tên. Nhân hạnh nghịch mà lý thuận, tức là ý của Viên giáo, chẳng phải ý của các giáo khác. Bản địa vốn thanh lương, Tích thì thị hiện Thiên Nhiệt, đồng bệnh với chúng sinh.

Kinh Bảo Xương nói: Kinh Pháp Hoa gồm có bốn bản dịch, nay chỉ còn lại hai bản, hai bản đã thất lạc. Ngài Đàm-ma-la-sát, Trung hoa gọi ngài Pháp Hộ, vào đời Tây Tấn ở Trường An, dịch gọi là kinh Chánh Pháp Hoa. Ngài Pháp Hộ nhiều lần diễn giảng rộng, rất ổn định nhiều người nương theo. Cưu-ma-la-thập, Trung hoa dịch Đồng Thọ, ngài là người nước Qui Tư, ngày 23 tháng 4 niên hiệu Hoàng Thủy thứ năm đời Ngụy Tấn, ở vườn Tiêu Diêu Trường An ngài dịch xong kinh Đại Phẩm. Đến mùa hạ năm thứ tám, ngài ở chùa Thảo Đường dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, sai học trò là Tăng Duệ giảng giải. Tăng Duệ chia làm chín vắn, đương thời là hai mươi tám phẩm, người trong cung Trường An thỉnh phẩm này lưu giữ lâu ở nội cung, nên lưu truyền ở Giang Đông chỉ được hai mươi bảy phẩm. Đời Lương có Pháp sư Mãn giảng kinh một trăm lẻ tám biến, ở quận Trường Sa thiêu thân, vắn dùng phẩm này để trước phẩm Trì, bản kinh ấy chỉ lưu hành nội bộ, chưa truyền ra thiên hạ. Đời Trần có ngài Nam Nhạc Thiền sư sắp xếp phẩm này sau phẩm Đa Bảo, sau dùng bản Chánh Pháp Hóa đối chiếu thì rất tương ứng. Đến nay đã bốn lần sắp xếp thay đổi, hiện đang giống bản cũ ở Trường An, cho nên biết hai sư hiểu sâu được ý kinh.

Đề-bà-đạt-đa cũng gọi là Đạt Đâu, Trung hoa dịch Thiên Nhiệt. Ông là người phá tăng, đem năm trăm Tỳ-kheo đi, ngài Thân-tử phục cho ngũ say, ngài Mục-liên vận thần thông dùng bàn tay đem họ trở về. Đề-bà ngủ dậy phát nguyện báo thù này, nên bưng ba mươi tảng đá to lớn để ném Phật, có thần núi dùng tay ngăn cản, đá nhỏ rơi rớt làm tổn thương chân Phật chảy máu, rồi xui khiến vua A-xà-thế thả voi say dẫm lên Phật, đánh Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc chết. Để độc trong mười móng tay rồi đến lễ chân Phật, làm tổn thương Phật, đó là tội ngũ nghịch. Nếu tội tam nghịch thì xúi vua, để độc trong móng tay đều là làm hại Phật, do đó nên gọi là hành nghịch. Lúc ông ra đời thì tâm chư thiên tâm nóng nảy, từ đó mà đặt tên gọi là Thiên Nhiệt, đây là giải thích theo Tích môn vậy.

Nêu giải thích theo Bản môn, thì chúng sinh phiền não cho nên

Bồ-tát cũng thị hiện nhiệt, đồng với hạnh bệnh của chúng sinh để độ thoát họ. Dụng ý của phẩm này là dẫn việc xưa, hoàng truyền kinh điển, làm lợi ích chúng sinh chẳng lầm lẫn. Chứng minh sự truyền bá giáo hóa này có hiệu nghiệm không hư dối. Nêu xưa khuyên nay, khiến lưu thông. Văn chia làm hai: 1. Từ đầu đến “Nếu sinh ở trước Phật, thì từ hoa sen hóa sinh”: ngày xưa Đạt-đa thông kinh để đức Thích-ca thành đạo. 2. Từ “Bấy giờ, ở hạ phương vị Bồ-tát theo hầu đức Đa bảo Như Lai” trở xuống: ngày nay Văn-thù thông kinh thì Long nữ thành Phật. Vâng thọ giáo pháp mà còn như vậy, hướng chỉ truyền bá lưu thông kinh, mà công ích sao không lớn ư?! Cho nên Đề-bà-đạt-đa được thọ ký, Văn-thù có thể dùng ý mà hiểu...

Phần thứ nhất, gồm có ba phần nhỏ: 1. Nêu tướng thầy trò trì kinh thuở trước. 2. Kết hợp xưa nay. 3. Khuyên tín.

Phần một: nêu rõ tướng thầy trò, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có bốn đoạn: 1. Nêu thời tiết cầu pháp. 2. Từ “Ở trong nhiều kiếp” trở xuống: chính nêu cầu pháp. 3. Từ “Khi ấy có vị tiên nhân” trở xuống: nêu cầu được pháp sư. 4. Từ “Vua nghe lời vị tiên nhân” trở xuống: nêu thọ pháp phụng hành.

Đoạn một: như văn. Đoạn hai: Chính nêu cầu pháp, lại có hai: 1. Nêu phát nguyện. 2. Từ “Vì muốn đầy đủ” trở xuống: nêu Tu hành. Trong Tu hành lại có hai: 1. Nêu muốn đầy đủ sáu pháp Ba la mật cần phải siêng năng hành bố thí, như văn. 2. Từ “Thuở đó nhân dân trong đời” trở xuống: nêu vì đầy đủ Bát-nhã tìm cầu diệu pháp.

Kệ có bảy hàng rưỡi, tụng phần trường hàng bên trên. 1. Hai câu đầu tụng Thời tiết cầu pháp. 2. Từ “Dầu làm vị quốc vương” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng Chính cầu pháp. 3. Từ “Giờ có tiên Trường Thọ” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng Cầu được pháp sư. 4. Từ “Khi vua nghe tiên nói” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng Thọ pháp phụng hành. 5. Từ “Cũng không vì thân mình” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng Kết chứng khuyên tín.

Từ câu: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thuở ấy vua đó” trở xuống là phần thứ hai: kết hợp xưa nay, lại có hai phần nhỏ: 1. Chánh kết hợp xưa nay như văn. 2. Từ “Do Đề-bà-đạt-đa” trở xuống: công báo của thầy trò đều mãn, trong đó chia làm hai đoạn.

1. Nêu đệ tử nhân báo đã mãn. 2. Từ “Đức Phật bảo tứ chúng” trở xuống: nêu diệu quả của Pháp sư sẽ thành.

Trong đoạn Đệ tử nhân báo, lại có ba phần: 1. Nêu nhân mãn. 2. Từ “Ba mươi hai tướng” trở xuống: nêu quả mãn. 3. “Đều là nhân Đề-

bà-đạt-đa cả” là kết chứng do thông kinh mà được lợi ích.

Đây là phần một: “Đây đủ sáu pháp Ba-la-mật”: Độ có nghĩa rất nhiều. Như Đại luận nói: xả bỏ y và chính, gọi là “thí”, phòng chỉ thất chi, gọi là “giới”, bị đánh đập mắng chửi mà không báo thù, gọi là “nhẫn”, làm việc từ trước đến sau là “tinh tấn”, Tứ thiên Bát định, gọi là “thiền”, phân địa dứt tránh gọi là “Bát-nhã”. Lại, nếu lược mười điều thiện làm sáu, thì từ không sát đến không vọng ngữ, gọi là thí, không lường thiệt gọi là giới, không ác khẩu là nhẫn, không ý ngữ là tiến, không tham sân là thiền, không tà kiến là Bát-nhã. Kinh Bồ-tát Thiện Giới nói: Sáu Ba-la-mật có ba thứ: 1. Đối trị, nghĩa là xan, ác, sân, đái, loạn, si... 2. Tương sinh nghĩa là bỏ nhà trì giới gặp nhục phải nhẫn, nhẫn rồi tinh tấn, tấn rồi điều hòa ngũ căn, căn điều hòa tức tri pháp giới. 3. Quả báo, nghĩa là giàu có đầy đủ sắc lực, thọ lâu, an ổn, biện tài. Lại các kinh khác nói: Bồ thí quả báo giàu có, trì giới quả báo vào đường thiện, nhẫn nhục quả báo đoan chánh, tinh tấn quả báo thân thông, thiền định báo sinh lên cõi trời, trí tuệ quả báo phá phiền não. Như vậy là nêu tướng lục độ theo Tam tạng giáo. Nếu người thí, người nhận và tài vật, ba thứ đều không, thì gọi là đàn. Không thấy có trì có phạm, gọi là giới. Năng nhẫn và sở nhẫn đều không thể được, gọi là nhẫn. Thân tâm bất động, gọi là tinh tấn. Bất loạn bất vị, gọi là thiền. Phi trí phi ngu gọi là Bát-nhã. Đó tức là tướng lục độ trong Thông giáo. Nếu nói Thí có mười lợi ích: Hàng phục xan tham phiền não xả tâm tương tục cùng ban cho chúng sinh của cải tài sản sinh trong gia đình giàu có đời đời bố thí tâm hiện tiền, bốn chúng thương mến không sợ hãi, tiếng tốt vang khắp tay chân mềm mại, cho đến đến nơi đạo tràng thường gặp thiện tri thức. Giới có mười lợi ích: Đủ nhất thiết trí sở học như Phật, trí tuệ không hủy thệ nguyện không thoái an trú nơi hạnh, xả bỏ sinh tử ái mộ Niết-bàn tâm không trói buộc đắc Tam-muội thù thắng không thiếu tín tài. Nhẫn có mười lợi ích: Lửa đao nước độc đều không thể hại, loại phi nhân hộ trì thân tướng trang nghiêm, đóng chặn đường ác sinh vào Phạm thiên, ngày đêm thân thường an không lia hỷ lạc. Tinh tấn có mười lợi ích: Người khác không thể chiết phục, được Phật hộ nhiếp, phi nhân ủng hộ, nghe pháp không quên, những điều chưa nghe sẽ được nghe, tăng trưởng biện tài, đắc tánh Tam-muội, ít bệnh tật phiền não tùy theo ăn gì cũng tiêu, tăng trưởng như hoa Ưu bát. Thiền có mười lợi ích: An trú nơi nghi thức, hành nơi cảnh giới từ bi, không hối hận bức não, giữ gìn các căn đắc hỷ lạc vô thực (không ăn uống) lia ái dục tu thiền bất không, giải thoát ma quyến an trú nơi cảnh giới

Phật thành tựu giải thoát. Bát-nhã có mười lợi ích: Không chấp tướng thí, không dựa vào giới, không trú sức nhẫn, lìa thân tâm tinh tấn, thiên vô sở trụ ma không thể nhiễu loạn, người khác luận bàn không làm lay động, thông đạt cùng tận sinh tử, khởi lòng từ tăng thượng, không ưa địa vị Nhị thừa.

Bốn việc nên tu thí: 1. Người tu đạo phá xan tham. 2. Trang nghiêm quả Bồ-đề. 3. Tự tha đều lợi ích. Lúc muốn thí, lúc đang thí, thí cho rồi đều hoan hỷ, gọi là tự lợi. Đói khát của người khác được trừ, gọi là lợi tha. 4. Được quả đại thiện trong đời sau: đời sau được đại tôn quý, tài vật dư đầy. Bốn việc nên trì giới: Tự tu thiện pháp diệt trừ giới ác, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, ngủ thức yên ổn không hối hận, đối với chúng sinh không có tâm hại, đời sau thọ báo nhân thiên được vui Niết-bàn... Bốn việc nên tu nhẫn: Tu nhẫn trừ bất nhẫn, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, lìa hết thủy sợ hãi, đời sau không sân hận quyến thuộc không hoại không thọ khổ não, được quả báo an vui nhân thiên Niết-bàn. Bốn việc nên phải tu tinh tấn: Tấn phá giải đãi trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, tăng thiện pháp là tự lợi, không nào loạn người khác là lợi tha, đời sau được đại lực đạt đến Bồ-đề. Bốn việc nên tu thiền định: Định phá loạn tâm, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, thân tâm tịch tĩnh là tự lợi, không nào loạn chúng sinh là lợi tha, sau thọ thân thanh tịnh, an ổn đắc Niết-bán. Bốn việc nên tu Bát-nhã: Trí tuệ phá vô minh, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, trí tuệ tự an lạc là tự lợi, năng giáo hóa chúng sinh là lợi tha, năng hủy hoại phiền não và trí chướng... là đại quả, theo lệ như đây là Biệt giáo nêu rõ tướng lục độ.

Kinh Nguyệt Tạng quyển thứ nhất nói: “Nếu chúng sinh chỉ nương đọc tụng cầu đạo Bồ-đề, người ấy còn chấp đắm thế tục, còn không thể điều phục phiền não của mình thì làm sao điều phục phiền não cho người, người ấy còn chấp đắm tạt đổ danh lợi phú quý, tâm tự cao khinh mạn hủy báng người, còn không được thiện căn cõi Dục giới, hướng chi thiện căn cõi Sắc, Vô sắc, hướng chi Nhị thừa Bồ-đề, hướng chi vô thượng Bồ-đề, như lửa nóng sao Trời không thể làm khô cạn biển cả, như miệng thổi không thể chuyển động núi, tơ sen không thể sánh núi Thái Sơn. Vì sao thế tục không thể mãn nguyện Bồ-đề? Sao gọi là đệ nhất nghĩa! Nghĩa là tạo tất cả việc phước. Nếu tu thân tu tâm tu tuệ dùng đệ nhất nghĩa huân tu thì mau đủ lục Ba-la-mật, hoặc đi hoặc ngồi xả tướng “phan duyên”, gọi là Đản, xả phan duyên, không hủy phạm gọi là Thi. Đối cảnh giới không sinh ghê tởm, là Nhẫn, không xả đối với

lìa, là Tinh tấn, đối với trong sự việc không phóng dật, gọi là Thiền, đối các pháp thể tánh không sinh, là Bát-nhã. Lại nữa, xả ấm gọi là Đản, không chấp niệm ấm là Thi, đối với ấm không ngã tướng là Nhẫn, đối với ấm khởi oán tướng, gọi là Tấn, đối với ấm không đốt cháy gọi là Thiền, đối với ấm rớt ráo xả bỏ gọi là Bát-nhã. Đối với giới xả gọi là Đản, đối giới không nhiều trước gọi là Thi, đối giới xả nhân duyên là Nhẫn, đối giới thường thường xả là Tấn, đối giới không khởi tướng gọi là Thiền, đối giới như huyễn tướng gọi là Bát-nhã. Các thứ như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa đế là pháp yếu thiện xảo phương tiện thậm thâm vi diệu, năng đầy đủ lục Ba-la-mật, do pháp đây tự lợi lợi tha, ba đời Bồ-tát đều tu pháp ấy mà thành Bồ-đề, cho nên không phải thế tục. Pháp này năng dứt phiền não đạo khổ đạo cho chúng sinh, an trí đạo Bồ-đề. Hoa Nghiêm Thất địa mới nói rõ niệm niệm đầy đủ Thập Ba-la-mật tu tập hết thấy Phật pháp để cầu thiện căn Phật đạo cho tất cả chúng sinh gọi là Đản, năng diệt tất cả phiền não nhiệt gọi là Thi. Đối với tất cả chúng sinh không làm tổn hại gọi là Nhẫn, cầu thiện không nhằm chán gọi là Tấn, tu đạo tâm không tán loạn thường hướng đến nhất thiết trí là Thiền, nhẫn các pháp bất sinh môn là Bát-nhã, năng khởi vô lượng trí môn là Phương tiện, cầu chuyển thắng trí là Nguyện, tà ma không thể cản trở là Lực, đối với tất cả pháp tướng như thật thuyết là Trí, là đầy đủ Thập Ba-la-mật. Tứ nhiếp đạo phẩm, Tam giải thoát, tất cả pháp trợ Bồ-đề, ở trong mỗi một niệm đều đầy đủ, các địa niệm niệm đều đầy đủ, địa đây thù thắng hơn, theo như đây là tướng lục độ của Viên giáo.

“Ba mươi hai tướng” là nêu quả viên mãn. Ba mươi hai tướng: Dưới bàn chân bằng phẳng như đáy hộp, mu bàn chân nổi cao như lưng rùa, hai tướng do chung tu một hạnh bố thí kiên cố. Dưới bàn chân có xoay tròn như hình bánh xe chỉ vì tu một hạnh an ủi và khứng bố, Gót chân tròn tựa tay chân thon dài thân thể ngay ngắn, ba tướng cùng do tu một hạnh bất sát. Lòng bàn chân bàn tay hai vai và trên đỉnh đầu, bảy chỗ ấy đều đầy đặn cùng tu một hạnh thường làm thí chủ, tay chân mềm mại, hợp khít hai tướng do tu tứ nhiếp. Gót chân thẳng mắt cá chân không lồi ra, lông hướng về bên phải, ba tướng cùng tu một hạnh thường dùng thiện pháp làm lợi ích chúng sinh, bấp tay và ruột như tướng Lộc vương nhất tướng, dùng Kinh sách dạy người không tiếc, da mỏng và mịn không dính bụi dơ do tu một hạnh: như hỏi mà đáp, sắc tướng thân thể sáng chói như vàng do tu hạnh nhẫn nhục bố thí, y tốt tướng nam căn ẩn kín do tu hạnh hòa hợp sự tranh luận và tướng thân viên mãn phạm hạnh, tay quá đầu gối hai tướng do cùng tu, tâm Từ v.v... giáo hóa dẫn

dắt, hai vai tròn đều, đỉnh đầu phát sáng, ngực như ức Sư tử ba tướng cùng tu hạnh: thường khiến bố thí được tăng trưởng phước, tướng chữ “Vạn” do tu hạnh không nã loạn chúng sinh, mắt xanh biếc lông mi như ngư vương, hai tướng do cùng tu: không nhìn yêu, ghét chúng sinh, trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao như hình búi tóc, hai tướng do cùng tu: các công đức tại người trước. Một lỗ một sợi lông trắng, hai tướng do chung tu hạnh không vọng ngữ, có bốn mươi răng, trắng đều đặn, hai tướng do chung tu: không lưỡng thiệt, lưỡi dài rộng âm thanh vang như Phạm thiên, hai tướng do chung tu: không nói lời thô ác, hai bên má cao đầy đặn như sư tử do hạnh không ý ngữ, bốn răng cửa trắng lớn do tu là tà mạng. Hết thấy công đức chúng sinh bằng được một sợi lông của đức Phật, công đức các sợi lông của đức Phật bằng được một vẻ đẹp, các vẻ đẹp bằng được một tướng, các tướng bằng được tướng bạch hào, nhục kế, bạch hào nhục kế trăm ngàn trăm ngàn vạn ức kiếp mới thành tướng Phạm âm. Ba mươi hai tướng, nhân tuy có mỗi mỗi khác, mà nhân tu hành phải nói thực sự chính xác như: Trì giới tinh tấn, tinh tấn mà không có giới còn không được làm thân trời người, hưởng chi các tướng khác ư! Đây là bản tướng của Tam tạng giáo. Không vô sinh là bản tướng của Thông giáo. Đạo chủng trí là bản tướng của Biệt giáo. Thật tướng là bản tướng của Viên giáo.

“Tám mươi vẻ đẹp”: Hai mươi ngón tay ngón chân tiêu biểu bên trong, tám chỗ đầy đặn bằng phẳng, mắt cá xương đùi, rắn chắc sáu chỗ tròn đẹp; vai, cổ tay, khuỷu tay đẹp sáu chỗ đầy đặn, hai bên xương sườn và xương sống: ba chỗ tròn đẹp, hai bên xương hông và nam căn kín đáo nhất, hai đùi và eo lưng rún đầy tròn đẹp. Sườn, nách, vú: sáu vẻ đẹp. Ngực, lưng, bụng, cổ: bốn vẻ đẹp. Răng trên, dưới, môi trên, dưới, hàm trên, dưới xinh xắn. Hai gò má, hai nơi râu tóc, hai mắt, hai mi, hai lỗ mũi, hai bên trán, hai tai, và đầu đều viên mãn... tròn đẹp. Nếu phân biệt nghĩa bốn đẹp căn cứ ở tướng có thể biết.

Từ “Phật bảo hàng tứ chúng” trở xuống: nêu Pháp sư diệu quả sẽ thành. Trong đó lại có ba:

1. Nêu chánh quả thành: Kinh Phân-Đà-Lợi nói: “Điều-đạt làm Phật hiệu là ĐỀ-hòa-la-da, Hán dịch là Thiên Vương, nước tên là ĐỀ-hòa-việt, Hán dịch là Thiên địa.

2. Từ “Lúc đó đức Phật Thiên Vương trú ở đời hai mươi trung kiếp” trở xuống: nêu hóa độ.

3. Từ “Sau khi đức Phật Thiên Vương nhập Niết-bàn” trở xuống: nêu lợi ích sau khi Phật diệt độ.

Từ “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo” trở xuống: khuyên tu, như văn.

“Hoa sen hóa sinh”: Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: “Hoa sen sinh: Chẳng phải là hóa sinh của thai, noãn, thấp, hóa. Không phải hóa mà nói hóa đó thôi. Thực ra không như loài hóa sinh trong Tứ sinh”. Kinh Thỉnh Quan Âm nói: “Hoa sen hóa sinh là cha mẹ”. Kinh Vô Lượng Thọ Quán nói: “Ở lâu trong đài sen là thai sinh, thật ra không phải thai”. Theo lệ, “Hoa sen sinh” cũng gọi là thấp sinh noãn sinh, mà chẳng phải là thấp noãn...

Từ “Bấy giờ, ở hạ phương vị Bồ-tát theo hầu đức Đa Bảo Như Lai” trở xuống: nêu ngày nay Văn-thù thông kinh lợi ích, lại có hai phần: 1. Nêu Văn-thù thông kinh. 2. Từ “Văn-thù-sư-lợi nói: Ta ở trong biển” trở xuống: nêu lợi ích.

- Phần một lại chia năm phần:

1. Nêu Trí Tích thỉnh thoái: Kinh Phân-Đà-Lợi nói: “Hạ phương có vị Bồ-tát theo Phật Đa Bảo tên là Bát-nhã-câu-la”, Trung Hoa dịch là Trí Tích.

2. Từ “Đức Thích-ca” trở xuống: nêu đức Thích-ca giữ lại để chờ chứng minh lợi ích của việc thông kinh. Trí Tích thỉnh Phật Đa Bảo làm chứng kinh, cho nên xuất hiện. Khuyên chúng sinh lưu thông đã xong, cho nên xin trở về. Đức Thích-ca giữ Trí Tích bảo đợi khoan về, là tuy việc Tích môn đã xong mà Bản môn chưa nêu rõ, cho nên nhờ ngài Văn-thù lưu giữ đức Đa Bảo. Đây là mật ý của Phật, mà Bồ-tát không thể biết được.

3. Từ “Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi” trở xuống: nêu Văn-thù tìm đến.

4. Từ “Trí Tích Bồ-tát” trở xuống: Trí Tích hỏi “Số chúng sinh được hóa độ bao nhiêu”, như văn.

5. Từ “Văn-thù Sư Lợi nói” trở xuống, là Văn-thù đáp: “Chẳng thể nói hết”.

- Phần này chia làm bảy:

1. Đáp lợi ích rất nhiều.

2. Từ “Ngài Văn Thù nói chưa dứt lời” trở xuống: các vị được lợi ích vân tập để chứng minh.

3. Từ “Các vị Bồ-tát đây” trở xuống: đều do Văn-thù hóa độ.

4. Từ “Vốn là người hàng Thanh văn” trở xuống: vốn hàng Thanh văn, trước vâng lãnh Quyền giáo, trụ nơi đạo Nhị thừa. Kinh Phân-Đà-Lợi nói: “Hoa sen mọc lên từ ao, nếu xưa phát tâm Bồ-tát, thì hoa kia giữa hư không thuyết Ma-ha-diễn sự. Nếu xưa phát tâm Thanh văn, thì hoa giữa hư không chỉ thuyết việc đoạn sinh tử”.

5. Từ “Nay đều tu hành” trở xuống: nay nghe Thật giáo, đều an

trú nơi pháp Đại thừa.

6. Từ “Văn-thù nói với Trí Tích rằng” trở xuống: Văn-thù tổng kết sự lợi ích.

7. Từ “Lúc bấy giờ Trí Tích” trở xuống: Trí Tích nói kệ tán thán. Từ “Văn-thù nói : Ta ở trong biển” trở xuống, phần hai : nêu lợi ích. Văn chia làm chín phần: 1. Văn-thù tự trình bày. 2. Trí Tích hỏi. 3. Đáp. 4. Trí Tích chấp Biệt giáo, là nghi ngờ. 5. Long nữ nêu Viên, giải thích nghi. 6. Thân-tử dựa Tam tạng Quyển giáo mà nạn vấn. 7. Long nữ dùng Nhất thật trừ nghi. 8. Chúng bấy giờ nghe thấy được lợi ích. 9. Trí Tích Thân-tử im lặng tin phục.

Phần năm: Long nữ nêu Viên, giải thích nghi : ban đầu là văn trường hàng, trình bày sự cung kính. Tiếp đến là kệ, có ba hàng rưỡi, chia làm ba: 1. Nửa hàng, nêu trì kinh được giải. 2. Hai hàng, nêu thành tựu hai thân. 3. Một hàng, dẫn Phật làm chứng.

“Tội phước”: Căn cứ Thất phương tiện truyền tác, kệ này “thâm đạt” (thấu rõ) vô tội vô phước, nhập nhất thật tướng, gọi là “thâm đạt”. “Mười phương” tức mười pháp giới, đồng dùng thật tuệ chiếu sáng cho nên nói “biến chiếu”. “Đủ ba mươi hai tướng” thâm đắc lý Pháp thân, tức đầy đủ tướng hảo. Như kinh Đại Phẩm nêu: “Muốn đắc tất cả pháp thì phải học Bát-nhã, như được ngọc như ý”. Nhị thừa chỉ đắc Không, Không thì chẳng có tướng hảo...

Phần sáu: Thân-tử nạn vấn: Trước tổng nêu việc khó tin, sau giải thích nêu ra năm chương ngại.

Phần bảy: Long nữ hiện thành chứng minh, lại có hai: 1. Hiển châu là tiêu biểu đắc Viên giải, viên châu là tiêu biểu tu đắc Viên nhân, “dâng lên Phật” là đem nhân được quả, “Thế Tôn nạp thọ mau” là thấu hoạch quả nhanh, đây tức nhất niệm tọa đạo tràng, thành Phật không hư dối. 2. Chánh nêu bày nhân viên quả mãn. Bồ-tát Xử Thai kinh nói: “Ma, phạm, Thích, nữ đều không xả thân không thọ thân, đều hiện thân được thành Phật”. Kệ nói: “Pháp tánh như đại hải, không nói có thị phi (phải trái)”. Hàng phàm phu Hiền Thánh bình đẳng không cao thấp, chỉ ở tâm cấu, diệt, thủ chứng như lật bàn tay.

Phần tám: Từ “Khi ấy trong cõi Ta bà” trở xuống, nêu Chúng thấy nghe được lợi ích, lại có hai: 1. Nêu thấy nghe. 2. Nêu Nhân, Thiên hoan hỷ, kia đây được lợi ích. Phương nam, duyên thuận thực nên dùng tám tướng thành đạo để truyền bá. Cõi này duyên chưa thuận thực, cho nên chỉ dùng Long nữ giáo hóa. Đây là sức phương tiện khéo léo, được một thân tức tất cả thân, được Tam-muội phổ hiện sắc thân.

Phẩm Thứ 13: TRÌ

Hai vạn Bồ-tát phụng mệnh hoàng kinh này, nên gọi là phẩm Trì, lại khuyên tám mươi vạn ức na-do-tha người hoàng kinh, cho nên gọi là phẩm Khuyên Trì.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Hai vạn là số ban đầu được lệnh riêng trong phẩm Pháp Sư nên phụng chỉ thọ trì; tám mươi vạn ức na-do-tha đồng với trước nhưng không được lệnh riêng, chỉ là chung tìm kiếm. Nay Phật nhãn thấy, khiến họ phát thệ nguyện lưu thông kinh ở cõi này. Sự lưu thông kinh chứng minh ý Phật rất sâu xa có hiệu nghiệm, cho nên ân cần khuyên trì. Thế nên nhờ khuyên mà hoàng kinh, vốn có hai ý. Văn chia làm hai phần: 1. Thọ trì. 2. Khuyên trì.

Phần Thọ trì chia làm ba: 1. Hai vạn Bồ-tát phụng mệnh ở cõi này trì kinh. 2. Năm trăm La-hán, tám ngàn Thanh văn phát nguyện ở cõi khác lưu thông. 3. Chư ni thỉnh Phật thọ ký.

Hỏi: Các Thanh văn này đã thành Đại sĩ, vì sao không thể ở cõi này hoàng kinh?

Đáp: Do vì dẫn hàng sơ tâm mới hành đạo Bồ-tát, chưa thể ở trong đời ác khổ hạnh lưu thông kinh, lại muốn khai mở phẩm An Lạc Hạnh. Phần Khuyên trì có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có năm ý: 1. Phật nhãn nhìn thấy. 2. Bồ-tát muốn được phép lưu thông kinh. 3. Đức Phật im lặng. 4. Bồ-tát biết ý. 5. Phát thệ nguyện lưu thông kinh. “Đức Phật chỉ nhìn im lặng khuyên mà không nói”, nghĩa là “hãy làm” từ trước đến nay tuy không ra lệnh cụ thể, mà nêu công đức trì kinh sâu dày, dẫn chứng rõ ràng. Đức Đa Bảo và phân thân từ xa đến khuyến phát. Đây là sự ân cần, nghĩa đã đủ. Có muốn tức ứng với ra lệnh truyền bá, liền phát nguyện không phiến nói lại. Lại, nguyện sẽ hộ trì hàng Thanh văn ở phương khác, cho nên không nêu lên.

Kệ có hai mươi hàng: thỉnh hộ trì kinh, chia làm bốn phần, không cần phân chia nhỏ hơn, theo văn có thể hiểu. 1. Mười bảy hàng, tụng: Mặc áo Nhẫn hoàng truyền kinh. 2. Một hàng, vào nhà hoàng kinh. 3. Một hàng, ngồi tòa hoàng kinh. 4. Một hàng, tổng kết thỉnh Phật biết.

Kinh Trung A-hàm quyển sáu nói: “A-lan-nhã” Trung hoa dịch Vô sự. “Đâu-đà”, Trung hoa dịch Đẩu Tẩu. Kinh Bảo Vân quyển sáu nói: “Tỳ-kheo ở chỗ A-luyện-nhi thấy vua, con vua, Bà-la-môn và tất cả mọi người đến, Tỳ-kheo nói: “Lành thay! Có thể ngồi đây”. Các vị kia đến liền cùng ngồi, nếu họ không ngồi thì Tỳ-kheo cũng không

ngồi, vì họ thuyết pháp khiến họ hoan hỷ. Sau khi Phật diệt độ, ở đời ác, Tỳ-kheo không giữ đúng pháp. Tuy thuyết giới pháp mà là để được vật thực. Đối với giới pháp thì không ưa hành trì, thứ đến năm phần pháp thân và hết thấy đạo pháp khác cũng như thế. Như người ngạt mũi, nói gỗ chiên-đàn thơm, tự mình không ngửi được hương thơm mà cũng không tự biết gỗ chiên-đàn. Thiên, nhân long, thần, Cửu-bàn-trà mãi mãi không cúng dường người không trì giới. Bốn phần còn lại cũng nói như vậy. Không có ai đem diệu pháp đến, vì không có tịnh giới sinh khởi. Bốn phần còn lại cũng như vậy. Giả sử có người sắp chết, bệnh rất nặng, đau đớn khổ não bức bách không thoát khỏi được. Niệm Phật Tam-muội bình thường cũng không xả bỏ được tất cả khổ. Tâm mình quyết định tất cả. Người kia nếu tự hiểu pháp ấy, thì biết tất cả pháp Không.

Mặc áo giáp nhần nhục: Kinh Trung A-hàm quyển năm nói: “Có vị Tỳ-kheo tên Hắc Sĩ mách với đức Phật: Xá-lợi-phất mắng con, chửi con.” Đức Phật liền gọi ngài Xá-lợi-phất đến, hỏi “thật có mắng chửi vị kia không?”. Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Người tâm không định thì đôi khi có mắng chửi, tâm con đã định thì sao có thể mắng chửi, như con trâu đã bị bẻ gãy sừng thì không thể húc quấy rầy con người, như trẻ con tàn tật hổ thẹn thì không làm phiền não người. Tâm con ví như đất, dù cho nước, gió, lửa, tịnh hay bất tịnh, đại tiểu tiện lợi, nước miếng, khạc nhổ thì đất đều thọ nhận mà không mắng chửi. Tâm như chổi quét, tịnh bất tịnh đều quét. Lại nữa, như cái bát nứt đựng súp để giữa trời nắng, thì từng giọt từng giọt luôn rơi xuống, con tự quán sát chín lỗ thường chảy bất tịnh, thì tại sao con lại mắng chửi người khác? Lại, như xác rắn, chó chết... buộc vào cổ sạch của trẻ con, xấu hổ thẹn thì chẳng mắng chửi người khác”.

Đức Phật hỏi: Đối với người ác như thế, ông quán thế nào?

Đáp: Người có năm hạng: 1. Đối với người mà thân thiện, khẩu ý bất thiện, thì ta chỉ nghĩ đến thân thiện của người ấy, mà không nghĩ đến khẩu ý bất thiện của người ấy. Như Tỳ-kheo may y, thấy tấm lụa rách nơi đồng phân dơ, tay phải cầm lên, tay trái căng ra, cắt bỏ chỗ dơ lấy chỗ sạch mà dùng. Nghĩ đến dùng thân thiện của người đó, để trau dồi thân mình. Xả bỏ khẩu ý bất thiện kia để răn bảo khẩu ý mình. 2. Đối với người khẩu thanh tịnh, thân ý bất tịnh, thì con chỉ nhớ đến khẩu của họ và bỏ thân ý kia, như người khát nóng mà gặp ao nước đầy cỏ, dùng tay mang cỏ nhúng nước rưới lên thân cho mát đỡ khát. 3. Ý tịnh, thân khẩu bất tịnh, thì cũng niệm ý kia không niệm thân khẩu, như

người đi bộ nóng khát, chỉ có ít nước ở dấu chân trâu nếu ta dùng tay vốc lên thì nước đục, nghĩ vậy nên hai chân quỳ xuống hai tay chống đưa miệng hợp uống để trừ nóng khát. 4. Có người nếu ba nghiệp đều bất tịnh, nếu không thể dùng nên nghĩ đến nỗi thống khổ của họ, như giữa đường thấy người bệnh bèn để nằm yên ổn, lại nghĩ bất tịnh đây khiến được gặp thiện tri thức trị lành ba nghiệp kia chớ khiếp, đọa lạc vào ba đường. 5. Cả ba nghiệp đều tịnh: Thường niệm người này để huấn thị bản thân mình hướng chi người ấy hoàn thiện, lại càng mong cứu giúp, như ao nước trong mát có hoa cỏ, người nóng khát vào trong đó nghĩ ngơi thoả thích. Thường niệm cảnh giới để xả bỏ ác của tự thân, đây là ý trong Tam tạng dùng khổ, vô thường, bất tịnh, vô ngã, Không, làm áo giáp vậy.

Luận Tỳ-Bà-Sa quyển tám nói: “Nghĩ đến mắng là một lời nói, còn ngoài ra là tiếng kêu gọi, suốt ngày tiếng kêu gọi ấy đối với ta có nghĩa gì? Lại lời nói phượng đây là thấp kém xấu xa, phượng khác là lời xưng tán. Nếu ta nghĩ đây là lời thấp kém, thì không có chỗ nào vui. Lại nên quán chữ “mắng” đây như đảo ngược, thì chữ này liền thành lời tán thán. Lại mắng là một chút ít phần của “giới”, một chút phần của “nhập”, một chút phần của “ấm”. Mắng là phần ít, không mắng thì nhiều. Lại ai thành tựu mắng? Người mắng đã thành tựu. Thành tựu tự nơi người ấy thì đối với ta là gì? Lại “mắng” là một chữ, một chữ không thành mắng, hai chữ thành mắng, không thể một lúc mà nói hai chữ, khi nói chữ sau, thì chữ trước đã mất. Lại năng mắng (chủ thể) và sở mắng (khách thể) nhất thời đồng một sát na đều diệt, ở ta là gì? Các thứ như vậy đều dùng “Không” làm áo giáp. Quyển mười bảy nói: “Phàm, Thánh đều có ba loại thọ, khác biệt thế nào? Phàm phu thì đối với khổ thọ có hai: 1. Thân thọ khổ. 2. Tâm thọ ưu bi, như mũi tên tam độc, mất vui thì giận, được vui thì mừng không khổ không vui thì si. Hàng Thánh nhân thì chỉ có thân thọ mà không có tâm thọ, đối với khổ thì không sân, đối với vui thì không tham ái, đối với cảnh không khổ không vui thì không si, ba sử không thể sai khiến, đối với sử được giải thoát. Cho nên giữa phàm và Thánh có sai khác”. Các thứ như đây bình đẳng có không sai khác với nhau, đây là dùng Biệt giáo làm áo giáp. Kinh này nêu áo giáp, là dùng niệm Phật làm áo giáp, là niệm pháp Phật Đệ nhất nghĩa, vì Phật tức là pháp. Văn nói: “Niệm (nghĩ) lời Phật dạy bảo, tức là Pháp vậy. Phật tức là Tăng, Tăng tức sự lý đều hòa, tức Tỳ-lư-giá-na Phật biến khắp tất cả chỗ. Như thế mặc một áo giáp này, tức mặc tất cả áo giáp, là áo giáp Viên giáo vậy”.

Phẩm Thứ 14: AN LẠC HẠNH

Giải thích tên phẩm này theo ba cách: Y sự, phụ văn, pháp môn.

1. Y sự: là thân không nguy hiểm nên “an”, tâm không ưu não nên “lạc”, thân an tâm lạc cho nên năng tiến “hạnh”.

2. Phụ văn: mặc y Như Lai thì Pháp thân “an”, vào nhà Như Lai cho nên giải thoát tâm “lạc”, ngồi tòa Như Lai cho nên Bát-nhã dẫn “hạnh” tiến. Đây là phụ văn phẩm trên giải thích. Trụ nhẫn nhục địa cho nên thân “an”, mà không bộc phát cho nên tâm “lạc”, quán thật tướng các pháp cho nên “hạnh” tiến.

3. Pháp môn: “An” gọi là bất động, “lạc” gọi là vô thọ, “hạnh” gọi là vô hành. Bất động: đối với lục đạo sinh tử, nhị thánh Niết-bàn đều không thể động, vì không duyên nhị biên thì thân không lay động. Văn trên nói: Thân thể và tay chân yên lặng an ổn bất động, tâm kia thường chẳng động, chưa từng có tán loạn, thì an trú bất động như đảnh Tu-di, thường trú pháp môn bất động. “Lạc”: diệu dụng rộng lớn của Tam-muội không thọ. Không thọ năm thọ của phàm phu, cho đến trong Viên giáo năm thọ sinh kiến cũng đều không thọ. Vì có thọ thì có khổ, không thọ thì không khổ, không khổ không lạc thì mới gọi là đại lạc. Vô hành: nếu có sở thọ thì có sở hành, không thọ thì không sở hành. Không hành hạnh phàm phu, không hành hạnh Thánh hiền, cho nên nói vô hành, mà hành Trung đạo, cho nên gọi là hành, tức pháp môn vậy.

Đây lại giải thích rộng theo sự: “An lạc”, tức Đại Niết-bàn, từ quả đặt tên. “Hạnh” tức đạo Niết-bàn, từ nhân mà đặt tên. Các nhân quả khác đều khổ. Như hạng ngoại đạo chấp thường kiến, hành khổ hạnh, lại đắc quả khổ. Hoặc nhân lạc quả khổ, như hạng ngoại đạo chấp đoạn kiến, buông lung tình ý, hưởng lạc, sau đắc báo khổ. Hoặc nhân khổ quả lạc, như nhị thừa chiết phục pháp, vô thường vụng độ gia công khổ đến tột bậc rồi mới nhập Niết-bàn. Nay nói “An lạc hạnh” là nhân quả đều lạc, tức là như thật khéo độ trong kinh Đại Phẩm. Đại Kinh nói: “Quyết định khổ mà tu hành, gọi là phàm phu; khổ vui tu hành là Thanh văn Duyên giác, quyết định vui mà tu hành, là các Bồ-tát”. Nếu thất phương tiện thô nhân thô quả, đều không phải An lạc hạnh. Riêng chỉ diệu nhân, diệu quả, gọi là “An lạc hạnh”.

Lại rộng Phụ văn giải thích: “An lạc hạnh” là đạo Niết-bàn, Niết-bàn có ba nghĩa, gọi là ba đức bí tạng. “Hạnh” có ba nghĩa, gọi là Chỉ hạnh, Quán hạnh, Từ bi hạnh. Chỉ hạnh: ba nghiệp nhu hòa, trái ngược với cái từ trước đến nay, đều vắng lặng tức là thể Pháp thân hạnh, tức

văn trên nói “mặc áo Như Lai”. Quán hạnh: Trí tuệ nhất thật tướng vô phân biệt quang, tức thể Bát-nhã hạnh, tức là văn trên nói “ngôi tòa Như Lai”. Từ bi hạnh: bốn hồng thệ nguyện rộng độ hết thấy, là thể Giải thoát hạnh, tức văn trên nói “vào nhà Như Lai”. Tổng quát ba hạnh này là đạo Niết-bàn, tổng ba đức là cảnh của hạnh. Cảnh gọi là “An lạc”, đạo gọi là “hạnh”.

Đại luận nói: “Bồ-tát từ khi sơ phát tâm thường quán Niết-bàn, khi hành đạo nhân thì dụng ba hành pháp này dẫn dắt ba nghiệp làm hạnh. Ba nghiệp tịnh tức là tịnh sáu căn. Sáu căn nếu tịnh thì phát sinh tướng tự giải và được nhập chân. Quả khi ấy gọi là Phật nhân nhĩ... Nhân gọi là Chỉ hành, quả gọi là Đoạn đức. Nhân gọi là Quán hạnh, quả gọi là Trí đức. Nhân gọi là Từ bi hạnh, quả gọi là Ân đức. Lại nữa, nhân gọi là tam nghiệp, quả gọi là tam mật. Nhân đó là từ bi dẫn dắt ba nghiệp lợi tha, quả đó gọi là tam luân hóa độ bất tư nghi. Khi quán như vậy, thì không còn phân biệt, trong tất cả pháp đều có tánh an lạc. Hết thấy chúng sinh tức đại Niết-bàn, không thể lại diệt, hành ở phi đạo mà thông đạt Phật đạo, đây tức tuyệt đãi mà nêu An lạc hạnh. Hạnh này hợp nghĩa Niết-bàn. Kia nói: “Lại có một hạnh là Như Lai hạnh, Như Lai là người, an lạc là pháp. Như Lai là người an lạc, an lạc là pháp của Như Lai. Tóm lại mà nói thì nghĩa kia không khác, nghĩa riêng cũng không khác. Đây nêu pháp Tịch diệt nhĩ, tòa Không, nhà Như Lai. Kia nêu cây báu vàng bạc, cây báu tức rừng báu vô lậu. Vô lậu hợp với Không, Tịch diệt nhĩ. Cát bằng vàng ở sông lớn chảy thẳng vào biển Tây, tức nhất thật tuệ hợp với các pháp Không. Nữ nhân đắc đạo thì không còn siểm khúc, đây là vô duyên đại từ hợp với nhà Như Lai. Kia gọi là nghĩa vô dư, đây gọi là vô thượng đạo. Lại, năm nghĩa của hạnh cũng cùng hợp với ý “áo, tòa, nhà của Như Lai”.

Hỏi: Đại kinh nêu như người thân cận phụ giúp quốc vương cầm cung mang tên để hàng phục người ác, Kinh này thì nói: Bồ-tát xa lìa nhà hào thế, khiêm hạ từ thiện. Sự cương nhu trái ngược, vì sao không khác?

Đáp: Đại kinh thiên luận về sự chiết phục trụ ở giai vị “Nhất tử địa” (thương chúng sinh như đứa con duy nhất của mình), có bao giờ không nhiếp thọ đâu? Kinh này thiên nói nhiếp thọ, ban đầu phá bảy phần không phải không có chiết phục, đều nêu lên một đầu mỗi thích hợp thời mà thôi. Về lý ắt đầy đủ Tứ Tất-đàn: làm sao thích ứng thời xứng hợp, tức là ý Thế giới Tất-đàn, nhiếp thọ tức ý Vị nhân, chiết phục tức ý Đối trị, ngộ đạo tức ý Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Rộng giải thích theo pháp môn: Đáng lẽ nêu Bất động môn, Bất thọ môn, Bất hành môn, mà lược không ghi chép. Phẩm đây là ý thứ tư trong phần Tích môn lưu thông. Nếu hai vạn, tám mươi ức na-do-tha Bồ-tát nhận sứ mệnh hoàng kinh, hiểu sâu quyền thật, rộng biết tiếm đốn. Lại, thấu đạt cơ duyên, thần lực tự tại, đời ô trược nào loạn cũng không ngăn chướng việc lưu thông kinh, Không cần đợi lại thêm chỉ bày phương pháp. Nếu ban đầu nương vào sơ tâm, muốn tu viên hạnh, vào đời ô trược hoàng truyền kinh điển, bị ô trược làm não loạn, tự hành không vững cũng không có công hóa độ, thì vì hạng người này mà chỉ bày phương pháp nói rõ hạnh an lạc, cho nên có phẩm này. “An lạc hạnh” này có thứ lớp gì? Tuy nhiên, Pháp Hoa là viên hạnh, một hạnh là vô lượng hạnh, bất khả tư nghì, làm gì có định trước sau? Nay tạm nêu một mối, phẩm Pháp Sư lược nêu hoàng kinh, thì lấy sự lợi ích cho người khác làm căn bản. Như ánh sáng vào nhà, trong đây phân rõ đời ác hoàng kinh an ổn, không bức não. Trước mặc áo Như Lai, tức trước sau xen nhau hiện đó thôi! Nếu căn cứ thứ lớp của các hạnh, thì “các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt”. Nếu khởi tướng trái ngược tịch diệt, thì nên trước dùng Bát-nhã mà dẹp sạch mọi liên lụy, tức là ban đầu ngồi tòa các pháp không sinh, mà Bát-nhã sinh đồng thể từ bi, vì thương xót chúng sinh mà hành đạo, tức tiếp theo là “vào nhà Như Lai”. Vì dùng từ bi hóa độ chúng sinh ắt phải tiếp xúc nghịch cảnh đi theo, quyết phải an nhẫn, tức tiếp “mặc áo Như Lai”. Tuy nói “tiếp theo” như thế nhưng đây chẳng phải thời gian của hành vi, vì khi vào nhà Như Lai tức đầy đủ tất cả pháp, hướng chi là từ bi nhẫn nhục ư?

Bốn hạnh an lạc:

- Xưa nói:

1. Giả thật nhị không làm thể.
2. Thuyết pháp làm thể.
3. Lìa lỗi làm thể.
4. Từ bi làm thể.

- Sư Cơ nói:

1. Không.
2. Lìa kiêu mạn.
3. Trừ tật đố.
4. Đại từ bi.

- Sư Long nói:

1. Thân xa lìa các việc ác, dần dần gần lý Không.
2. Trừ lỗi của miệng.

3. Trừ ý tạt đổ.

4. Khởi từ bi.

- Sư Nam Nhạc nói:

1. Không chấp đắm chánh tuệ.

2. Miệng không nói lỗi.

3. Kính trên nhường dưới.

4. Đại từ bi.

- Sư Thiên Thai nói: Chỉ, Quán, Từ bi dẫn dắt ba nghiệp và thệ nguyện. Thân nghiệp có Chỉ, cho nên lìa thân nghiệp thô, có Quán cho nên không đắm thân, không đắm thân nghiệp, không đắm năng lý. Vì không sở đắc, cho nên không rơi vào phàm phu, có Từ bi nên siêng tu thân nghiệp, rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh không rơi vào nhị thừa. Có Chỉ hạnh cho nên “mặc áo nhẫn nhục”, có Quán hạnh cho nên “ngồi tòa Như Lai”, có Từ bi cho nên “vào nhà Như Lai”. Chỉ hạnh lìa lỗi, tức thành Đoạn đức. Quán hạnh không chấp, thì thành Trí đức. Từ bi lợi tha, tức thành Ân đức. Ân đức giúp thành Trí đức, Trí đức năng thông đạt Đoạn đức, đó gọi là thân nghiệp an lạc hạnh. Khẩu nghiệp, ý nghiệp, thệ nguyện cũng lại như vậy”.

Văn của phẩm này có hỏi có đáp. Trong câu hỏi thì trước tán thán các vị Bồ-tát trong phẩm trước hành sâu hạnh Bồ-tát có thể hoằng truyền kinh như thế, sau mới hỏi các Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát còn nông cạn vào đời ác tuyên thuyết kinh này như thế nào?

Từ “Phật bảo” trở xuống, là phần đáp, lại chia làm ba phần:

1. Nêu chương hành bốn hạnh.

2. Giải thích phương pháp tu hành.

3. Tổng nêu tướng hành thành tựu.

Phần một: Nêu chương, như văn. Từ “Một, an trụ” trở xuống, là phần hai: Giải thích phương pháp, tức là bốn loại riêng.

- Văn lại chia làm hai:

1. Giải thích phương pháp tu hành.

2. Kết hạnh thành.

Phần phương pháp tu hành có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng lại có hai:

1. Nêu Hành xứ, Cận xứ.

2. Từ “Văn-thù” trở xuống: giải thích Hành xứ, Cận xứ.

Phần Nêu: như văn.

Phần Giải thích, lại chia làm hai: Hành xứ, Cận xứ. Hoặc nói nội phạm ban đầu hành, gọi là “Hành xứ”. Nếu từ lâu đã tu tập thuần thực,

dần dần có thể gần lý, thì gọi là “Cận xứ”, dẫn “hành cận quả” trong phẩm trước làm ví dụ. Hoặc nói Hành xứ căn cứ nhân, Cận xứ căn cứ quả; Hành xứ nêu trí, Cận xứ nêu cảnh. Sư Dao nói: “Thất trụ trở lên, tâm thể ở nơi lý”, gọi là “Hành xứ”. Đã vượt qua Phần đoạn, từ đây đã trở lại vô sinh, nhưng chưa có thể hiện tiên, dần dần gần với lý, gọi là “Cận xứ”. Đồng là phân đoạn, hai thứ này là hạnh ban đầu chung làm một an lạc hạnh. Theo ý riêng, thì nhà sư đầu tiên giải thích coi Hành xứ là cận, như Đại kinh nói: “Hàng Thập địa Bồ-tát dùng Hành xứ, cho nên thấy không rõ ràng”. Nên biết Hành xứ thì không cận. Nhà sư sau giải thích coi Cận xứ là cận. Như kinh Tịnh Danh nói: “Cận trí tuệ Phật tự tại vô đẳng đẳng”. Đây thì Cận xứ lại thành sâu. Nếu hai hạnh đều sâu, thì thành hạnh hồng kinh của Bồ-tát ở phẩm trước mà không liên quan đến phương pháp của hàng sơ tâm. Nếu hai hạnh đều cận, thì sở hành của người thất phương tiện đâu có liên quan gì đến phương pháp Viên hành, cho nên không thể căn cứ thiên lệch vào sâu cận. Nhưng “hành” gọi là tiến thú, “cận” gọi là gần gũi làm quen. Gần gũi làm quen cho nên tiến thú, tiến thú cho nên gần gũi làm quen, thì có gì là cận với sâu?!

Lại nữa Hành xứ và Cận xứ là phương pháp bậc thượng. Hành xứ là áo Như Lai. Cận xứ là tòa Như Lai. Tòa áo đã không sâu cận, thì Hành xứ cận xứ đâu được hơn kém. Lại, nhẫn nhục ắt bên trong thì ôm ấp chí lý, trải duyên thì nhẫn nại mọi sự; gọi đó là “Hành xứ”. Tòa Không, ắt thể nghiệm thấu đạt ngoại duyên, dừng lại nghỉ ngơi ở chân cảnh; gọi đó là “Cận xứ”. Bởi sự lý hỗ tương hiển hiện, thì có gì sâu cận? Nếu vậy, vì sao phân biệt Hành xứ và Cận xứ? Vì đến lý lược thuyết, gọi là Hành xứ, phụ thêm sự rộng thuyết, gọi là Cận xứ. Thuyết thì có rộng lược, lý thì không có sâu cận.

Dưới đây là ba cách giải thích Hành xứ:

- Thứ nhất: Trực duyên nhất đế, nhất đế làm chỗ quay về của tất cả, làm nguồn gốc cho tất cả mà cùng khắp không phân biệt. Chỗ quay về của tất cả: tức “Nhẫn nhục địa”. Địa tức trung đạo, các pháp đều trở về đó, cho nên gọi là “địa”. Các hành dừng nghỉ, cho nên gọi là “nhẫn nhục”, đây tức là hạnh “hành mà bất hành”. Làm nguồn gốc cho tất cả: như vạn vật từ đất mà sinh trưởng, các hạnh đặc lý mà thành. Nếu đặc lý bản, thì ở cương mà năng nhu, ở nghịch mà năng thuận, ở bạo mà năng trị, ở kinh sợ mà năng an ổn. Vô lượng công đức từ địa Trung đạo mà sinh. Địa vô sở sinh mà sinh công đức, tức hạnh “bất hành mà hành”. Cùng khắp không phân biệt: tức không phân biệt tướng sai biệt

giữa bất hành và hành, cho nên nói: “Lại nữa, không hành là không phân biệt...” tức là phi hành phi bất hành, không có ba hành mà ba hành, cho nên gọi là “hành”. Đồng nhất thật đế, cho nên gọi là “xứ”. Hành xứ như thế thì hợp với văn kinh bên trên. Dừng nghĩ các hành, thì hợp với áo Như Lai. Tùy sinh công đức, thì hợp với nhà Như Lai. Cùng khắp không phân biệt, thì hợp với tòa Như Lai. Đây là căn cứ một pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hồng kinh.

- Thứ hai: Căn cứ hai pháp, tức Sinh nhẫn và Pháp nhẫn, hai nhẫn tức Sinh không và Pháp không. Hai Không này khác với Nhị thừa. Vì sao? Vì Nhân không và Pháp không của Nhị thừa thì căn cứ chân tục giả thật. Ở đây hai Không, hai Nhẫn đều kiến Trung đạo, cho nên không đồng Nhị thừa. Nếu lại khai, thì là bốn nhẫn. Nếu làm năm nhẫn, thì chỉ chữ “thiện” làm Tín nhẫn. Nếu làm sáu nhẫn, thì chỉ chữ “hòa” làm Hòa tòng nhẫn. Nếu đối địa, thì chia làm bốn mươi hai nhẫn. Một địa vẫn có công đức của bốn mươi một địa kia, thì một nhẫn sao lại không có pháp của bốn mươi một nhẫn kia? Nay tạm căn cứ bốn nhẫn để giải thích văn, đó là Phục nhẫn, Thuận nhẫn, Vô sinh nhẫn, Tịch diệt nhẫn. Bốn nhẫn đây khác với Biệt giáo; hai nhẫn trước ở giai vị Sinh nhẫn, là cạn; hai nhẫn sau ở giai vị Pháp nhẫn, là sâu. Nay theo Viên giáo, thì Sinh, Pháp đều thông, bốn nhẫn cũng thông. Vì sao? Vì lý nhị Không tức là Trung đạo. Hàng Sơ trụ tu bốn nhẫn vào Trung đạo kiến lý nhị Không cho đến hàng Hậu tâm cũng cùng tột lý nhị Không. Đại kinh nói: “Phát tâm và Tất cánh, cả hai không có sai biệt”. Nếu căn cứ cạn sâu mà xét bốn nhẫn, thì: Từ sơ phát tâm, viên phục ngũ trụ phiền não cho đến Kim cang đỉnh, đều gọi là Phục nhẫn. Từ đầu đến cuối đều không trái với thật tướng, gọi là Thuận nhẫn. Từ đầu đến cuối đều không khởi tâm nhị biên, gọi là Vô sinh nhẫn. Từ đầu đến cuối đều thôi dứt các hành, gọi là Tịch diệt nhẫn. Nghe sinh tử mà không vội bộp chộp sợ khổ, nghe Niết-bàn mà không vội bộp chộp chứng lạc, nghe đức Phật nói thường và vô thường, nhị thừa thành Phật, không thành Phật, nghe sinh tử Niết-bàn khác và không khác, nghe Phật đạo lâu mau, dài ngắn, khó dễ, không dài không ngắn, chẳng khó chẳng dễ... mà đều không kinh sợ. Hành hạnh này, từ đầu đến cuối dùng lý nhị Không, nhẫn các pháp, tức là mặc áo Như Lai. An trú lý nhị Không, tức là ngồi tòa Như Lai. Thương xót chúng sinh, tức là vào nhà Như Lai. Nhị không và bốn nhẫn, gọi là “Hành”, lý tức là “xứ”. Đây là căn cứ hai pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hồng kinh.

- Thứ ba: Căn cứ ba pháp. Ba pháp tức Tam đế bất tư nghì, trụ

Nhẫn nhục địa mà tổng luận tam đế, như có địa có thể căn cứ thì mới năng nhẫn nhục. “Nhu hòa khéo thuận”: Khéo thuận chân đế, năng nhẫn hư vọng kiến ái lạnh nóng..., cho nên nói “khéo thuận”. “Mà không bộp chộp, không ngang ngược, tâm không kinh sợ”: An nơi tục đế, nhẫn các căn duyên, xứng thích cơ nghi, cho nên nói “không bộp chộp, không ngang ngược”. Vì thể nghiệm được sự nhẫn khi gặp cảnh trái ngược, cho nên “tâm không sợ”. “Đối với các pháp không còn sở hành”, tức an ở Trung đế, năng nhẫn nhị biên, cho nên nói “không còn sở hành”. Chánh trụ Trung đạo, cho nên nói “quán thật tướng”. Cũng không đặc trưng thật, cho nên nói “không phân biệt”. Đây là căn cứ vào địa của tam đế, gọi là “xứ”, nhẫn nhục ngũ trụ gọi là “hành”.

Hành cũng có ba:

1. Chỉ hành: tức hành mà bất hành.

2. Quán hành: tức phi hành phi bất hành.

3. Từ bi hành: tức bất hành mà hành, hợp với nghĩa áo, tòa, nhà Như Lai bên trên. Đây gọi là căn cứ ba pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

Sư Long nói: “Trú Nhẫn nhục địa, tổng nêu Sinh Pháp hai nhẫn”. Tức dưới phân rõ nhị nhẫn. “Nhu hòa khéo thuận” là nêu thân nghiệp. “Mà không vội vàng” là nêu khẩu nghiệp, “Tâm cũng không sợ” là nêu ý nghiệp. Đây căn cứ ba nghiệp mà nêu tu Sinh nhẫn. “Đối các pháp không còn sở hành” là không có hành hữu tướng. “Mà quán như thật tướng” là hành “Không” bình đẳng. “Cũng không hành không phân biệt”, là không có hành vô tướng. Có và không, cả hai đều mất thì hợp với Trung đạo. Ba câu này nêu tu Pháp nhẫn, đặc hai nhẫn ấy, kết là “Hành xứ”. Sư Long nêu hai nhẫn, chưa biết căn cứ vào đâu? Nếu hai nhẫn theo Tam giáo, thì hoàn toàn chẳng phải nghĩa Pháp Hoa. Nếu căn cứ Viên giáo, thì không nên cách biệt không dung nạp.

Từ “Thế nào gọi là Thân cận xứ” trở xuống, là giải thích Cận xứ. Văn chia làm ba phần. Phần một: Viễn y mười thứ làm não loạn, tức là nêu viễn để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Giới môn, trợ quán. Phần hai: Tu nhiếp tâm kia, tức là nêu cận để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Định môn, trợ quán. Phần ba: Quán tất cả pháp “không”, tức là nêu chẳng viễn chẳng cận để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Tuệ môn, trợ quán. Bên trên là trực duyên lý, trụ Nhẫn nhục địa. Đây là Giới môn, rộng nêu các duyên xấu nên tu viễn ly, chẳng cầm đao trượng cũng không xả bỏ, chỉ dùng chánh tuệ mà viễn ly nó. Nên biết nêu viễn cận là để rộng nêu nghĩa “hành sở bất hành” bên trên. Bên

trên nêu thẳng không bộn chộn, không ngang ngược, không kinh sợ. Ở đây Định môn rộng nêu tu định tâm, tu định xứ, tu định yếu môn, do vì định lực nên ở chỗ ngang ngược mà trị, ở chỗ kinh sợ mà an. Nên biết tức cận luận cận, rộng nêu nghĩa bất hành mà hành. Trên nêu thẳng “vô sở hành”, nay rộng quán tất cả không, đầy đủ trải qua các cảnh, vô lượng vô biên vô ngại vô chướng. Nên biết là chẳng viễn chẳng cận, rộng nêu nghĩa phi hành phi bất hành bên trên.

Thứ nhất: Có mười thứ nên xa lìa:

1. Hào thế.
2. Người tà, Pháp tà.
3. Hung dữ nguy hiểm hý loạn.
4. Hạng Chiên-đà-la.
5. Chúng nhĩ thừa.
6. Dục tưởng.
7. Hạng không phải nam.
8. Sự nguy hại.
9. Hạng người cơ hiềm.
10. Hạng người nuôi súc sinh...

“Lộ-già-gia”, Trung hoa dịch Ác luận, cũng gọi là Phá luận. “Ng- hích lộ”: Là luận về nghịch với vua cha. Lại, “Lộ” gọi là thiện luận, cũng gọi là Sư phá đệ tử. “Nghịch lộ” gọi là Ác luận cũng gọi Đệ tử phá sư. “Na-la”: người múa hát diễn kịch, cũng gọi là “Thải họa” (người hóa trang với nhiều màu sắc lòe loẹt, người xăm mình), thân biến hóa sai khác. Lại nói: Gồm cả hạng người làm trò xiếc, ảo thuật. Phân mười thứ làm hai bên: chín thứ thuộc sinh tử, một thứ thuộc Niết-bàn. Cả hai đều viễn ly, tức là tên khác của Tịch diệt.

Quán tâm giải thích mười thứ... Phần hai: Cận cận xứ, có ba ý...(Không chép ra đây. Độc giả tự tìm hiểu vậy.)



VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9

(Phần Thượng)

Phần ba: Cận xứ phi viễn phi cận. Văn lại chia làm ba phần:

1. Tổng nêu cảnh trí.
2. Giải thích.
3. Kết thành.

“Quán” là Trung đạo quán trí. “Hết thấy pháp” là cảnh mười pháp giới. Nếu riêng luận về trí, thì trí vô sở quán, cho nên nêu “hết thấy” để hiển bày “đều không”. “Như thật” là giải thích chi tiết. Nhị biên tam đế không một không khác, gọi là “như”; chẳng phải thất phương tiện, cho nên gọi là “thật”. Dùng thật làm tướng, cho nên gọi là “Như thật tướng”. “Không điên đảo”: không có tám thứ đảo. “Bất động”: không bị hai thứ sinh tử làm động. “Bất thoái”: Tâm tâm tịch diệt nhập biển Tát-bà-nhã. “Bất chuyển”: không như phàm phu chuyển sinh tử, không như Nhị thừa chuyển phàm thành Thánh. “Như hư không”: chỉ có danh tự, mà danh tự thì bất khả đắc. Trung đạo quán trí cũng chỉ có danh tự, cầu bất khả đắc. “Vô sở hữu tánh”: không có tánh tự, tha, cộng, vô nhân v.v... “Hết thấy ngôn ngữ đạo đoạn”: bất khả tư nghì. “Bất sinh”: Hoặc (phiền não), trí, lý đều không sinh. “Bất xuất”: Như Lai sở trị rốt ráo không còn phát lại. “Bất khởi”: các phương tiện đều tịch diệt. “Vô danh”: danh bất năng danh. “Vô tướng”: tướng bất năng tướng. “Vô sở hữu”: không có hữu nhị biên. “Vô lượng”: không phải số pháp. “Vô biên”: không có phương sở. “Vô ngại vô chướng”: cùng khắp tất cả. “Chỉ do nhân duyên mà có”: kết.

Trên nêu thẳng Trung đạo quán tuệ, nay nêu song chiếu nhị biên, lý tánh rốt ráo thanh tịnh như trên nói, chẳng giải thoát chẳng mê hoặc mà từ nhân duyên mê hoặc mà sinh ra sinh tử, từ nhân duyên giải thoát mà sinh Niết-bàn. Lại, nhân duyên hữu có đối với Niết-bàn. “Từ điên đảo sinh”: sinh ở sinh tử. Đây là hiển bày ý song chiếu. “Thường ưa quán sát pháp tướng như thế”: tức các pháp Tam đế. Lại,

“Chỉ do nhân duyên mà có, từ điền đảo sinh”: kết cảnh Tam đế bất tư nghì. Cho nên, nói là giáo bất tư nghì. Lại, “quán tất cả pháp “không”, như thật tướng”: tiêu biểu thể quán. “Bất điền đảo...” chín câu: giải thích tướng quán, không bị nhị biên bất đảo làm động, gọi là “bất đảo bất động”. Không rơi vào nhị thừa phạm phu nhị địa, cho nên gọi “bất thoái bất chuyển”. Hai câu này nêu trí dụng. Lý chẳng phải vị lai, cho nên “bất sinh”, chẳng phải quá khứ, cho nên “bất xuất”, chẳng phải hiện tại, cho nên “bất khởi”. Thích luận quyển năm mươi một nói: “Như hư không, không nhập, không xuất, không trụ tướng”. Nhiếp Đại Thừa luận cũng nói: “Không có vị lai nhập xứ, không có quá khứ xuất xứ, không có hiện tại trụ xứ”. Quyển bốn mươi ba nói: “Nhân biên không khởi, gọi là bất xuất, duyên biên không khởi, gọi là bất sinh”.

Đây có mười chín câu: một câu đầu tổng, mười tám câu sau phù hợp với “mười tám Không” trong kinh Đại Phẩm. “Như thật tướng” tức đệ Nhất nghĩa Không. “Bất điền đảo” tức nội không, bên trong không có lục nhập, ngã, ngã sở, bất điền đảo. “Bất động” tức ngoại không, bên ngoài không bị lục trần lưu động. “Bất thoái” tức nội ngoại không, vì thập nhị nhập không cho nên nói bất thoái. “Bất chuyển” tức Không không. “Không” phá các pháp, các pháp là sở phá, “Không” là năng phá, không còn các pháp, chỉ có “Không” tồn tại. “Không” này cũng không, cho nên nói “Không không”. “Không” đã không, cho nên không còn năng chuyển, cho nên nói “bất chuyển”. “Như hư không” tức là đại không, vì để phá chấp phương kế cho nên nói như hư không. “Vô sở hữu tánh” tức Tất cánh không, các pháp không dư sót cho nên gọi Tất cánh không, vì tất cánh không cho nên Vô sở hữu tánh. “Hết thủy ngôn ngữ đạo đoạn” tức Nhất thiết không, hết thủy không bất khả thuyết cho nên “ngôn ngữ đạo đoạn”. “Bất sinh” tức Hữu vi không, hữu vi là nhân duyên hòa hợp, đã không hợp tức bất sinh. “Bất xuất” tức Vô vi không, không có tên gọi “xuất ly”, vì pháp xuất ly là không, cho nên gọi bất xuất. “Bất khởi” tức Vô thủy không, câu nguyên sơ bất khả đắc cho nên không khởi. “Vô danh” tức Tánh không, có thể hiểu. “Vô tướng” tức Tướng không. “Thật vô sở hữu” tức Bất khả đắc không, “Vô lượng” tức Hữu pháp không, hữu pháp tức hữu lượng; hữu lượng đã không, cho nên nói “vô lượng”. “Vô biên” tức Vô pháp không, vô pháp tức là tiêu biểu biên, nay Không, cho nên “vô biên”. “Vô ngại” tức Hữu pháp vô pháp không, hai thứ bất khả đắc cho nên nói “vô ngại”. “Vô chướng” tức Tán không, phòng ngăn chướng bất khả đắc, cho nên nói “vô chướng”.

Mười tám không đều là Trung đạo chánh tuệ, đều gọi là Không.

Tùy mười tám thứ cảnh cho nên nói mười tám đố thôi! Đại kinh nói: “đức Như Lai thường tu mười tám nghĩa Không”, cho nên dựng mười tám Không để giải thích mười tám câu.

Kệ có hai mươi tám hàng và ba câu, chia làm ba:

1. Một hàng, tụng nêu chương.
2. Hai mươi hai hàng, tụng tu hành.
3. Năm hàng và ba câu, tụng Hạnh thành tựu.

Trong phần trường hàng thì Hành xứ, Cận xứ, giải thích riêng, trong kệ thì hợp tụng chung, là để nói ý đồng khai hợp xen lẫn hiện bày, giải thích rộng lược lại trọn có thể nương. Bên trên mỗi phần Hành xứ, Cận xứ vẫn đều chia làm ba, nay kệ hợp tụng không có thứ lớp.

Phần thứ hai: tụng Tu hành, chia làm hai phần:

Phần một: từ “Nên trụ vào Hành xứ” trở xuống, mười bốn hàng, tụng sự viễn cận. Trên có mười thứ viễn ly, trong tụng lược không thứ lớp, tại văn có thể thấy. Cũng là tụng “nhân Không hành xứ”, lấy ý tức bao gồm tụng ba ý Cận xứ, cho nên kệ nói: “Đây thời gọi tên là Hành xứ, Thân cận xứ”. “Thường xa rời quốc vương”: Tỳ-kheo thân cận quốc vương có mười điều phi pháp:

1. Âm mưu (sai) xúi giục vua.
2. Vua giết đại thân.
3. Giữ kho mất báu vật.
4. Cung nơn ôm lòng dâm.
5. Độc trong thân vua.
6. Đại thân cạnh tranh.
7. Hai nước giao chiến.
8. Vua tiếc, không bố thí cho dân.
9. Thu góp vật của dân.
10. Nhiều tật dịch.

Nghĩa là Tỳ-kheo hành chú, khi có mười việc này thì tất cả thân dân cho là Tỳ-kheo làm, cho nên hủy báng Tỳ-kheo, tức là hủy báng pháp, cũng là hủy báng Phật. Cho nên, đức Phật không cho Tỳ-kheo thân cận quốc vương.

“Hàng ngoại đạo, Phạm chí”: Kinh Ma-Đăng-Già nói: “Ban đầu, có người tên là Phạm Thiên tạo một bộ sách Vi-đà, sau có một vị tiên tên gọi là Bạch Tịnh biến một thành bốn Vi-đà:

1. Tán tụng Vi-đà.
2. Tế tự.
3. Ca vịnh.

4. Cầu đảo.

Mỗi mỗi đều có ba mươi hai vạn bài kệ hợp thành một trăm hai mươi tám vạn bài kệ, gồm một ngàn bảy trăm quyển. Tiếp sau có vị Bà-la-môn tên là Phất-sa có hai mươi lăm người đệ tử, đều đối với một bộ Vi-đà có thể rộng phân biệt, liền có hai mươi lăm Vi-đà. Tiếp, lại có người tên là Anh Vũ, biến một Vi-đà thành mười tám. Tiếp có người tên Thiện Đạo, có hai mươi một người đệ tử, biến thành hai mươi một Vi-đà. Cứ như vậy, dần dần biến thành một ngàn hai trăm sáu mươi sáu Vi-đà. Tỳ-Đà luận, Trung hoa dịch Trí luận, do Bà-da-sa làm, gồm có bốn thứ:

1. Tín lực Tỳ-đà, nêu thờ hoả diệt tội (lửa dập tắt tội).
2. Da-thọ Tỳ-Đà, nêu cúng dường Bà-la-môn thì được phước.
3. Sa-na Tỳ-đà, nêu hòa hợp hai nước.
4. A-đà-bà Tỳ-Đà nêu đấu chiến.

Đọc bốn thứ luận này tự xưng là người nhất thiết trí. Tỳ-già-la, Trung hoa gọi là Ký luận, do Bà-ni-ni tạo, nêu các thứ kinh sách và các tạp ngữ. Vệ Thế Sư luận do Ưu-lưu-khư tạo, Trung hoa dịch là Tối Thắng luận, xuất thế tám trăm năm, nêu lục đế. Ca-tỳ-la, Trung hoa dịch Hoàng đầu cũng gọi là Qui Chung, tạo luận tên Tăng-khư. “Tăng khư”, Trung Hoa dịch là Vô Đảnh. Do tên người mà lập tên luận, cho nên gọi luận là Ca-tỳ-la, nói về hai mươi lăm đế.

“Học Tiểu thừa Tam tạng”: Lúc Phật ở thành Ba-la-nại, ban đầu vì năm người mà thuyết khế kinh Tu-đa-la tạng. Đức Phật ở thành La-duyệt, ban đầu vì Tu-na-đề thuyết Tỳ-ni tạng. Đức Phật ở nước Tỳ-xà-ly bên ao Di hầu, ban đầu vì Bạt-kỳ Tử thuyết A-tỳ-đàm tạng. Năm trăm vị La-hán đầu đem tập A-tỳ-đàm tạng nối tiếp Giải Thoát kinh đây là Tam tạng.

“Đam mê năm món dục”: Nói về Tướng dục thì người ở Tứ Thiên hạ, Rồng, A Tu la, Chuyển Luân, Tứ Thiên vương đều do tướng căn đến thành sự dục. Đạo-lợi thiên dùng gió là sự dục. Diệm thiên gần gũi nhau là sự dục. Đâu-suất lôi kéo nhau làm sự dục. Hóa-lạc thiên nhìn nhau là sự dục, Tha-hóa Tự-tại nghĩ đến nhau là sự dục. Các cõi Trời trên đều ly dục.

“Những gái goá, gái trinh”: Ngài A-nan hỏi: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu chúng con thấy người nữ thì phải làm thế nào? Phật dạy: Chớ cùng họ gặp gỡ, nếu gặp thì chớ cùng nói chuyện, nếu phải nói chuyện, thì cũng nên chuyên tâm niệm Phật”.

“Và các kẻ bất nam”: Tiếng Phạn gọi là Ban-tra, Trung hoa dịch

là Huỳnh môn. Huỳnh môn: Có hình dáng nam nữ mà không phải khả năng nam nữ.

“Khi vào xóm khát thực”: Kinh Tạp A-hàm nói: Có một con dê riêng đến đồng phân ăn no, khi về với đàn dê thì tự cao, bảo là “ta được thức ăn ngon”. Tỳ-kheo cũng như vậy, được tứ sự cúng dường rồi khởi nhiệm trước tướng, không biết xuất yếu (nguyên lực cốt yếu thoát ly sinh tử). Nếu như không được, thì thường sinh tướng. Nếu được thì hưởng đến các Tỳ-kheo mà cống cao hủy miệt người khác, nói là “ta năng được, kia không năng được”. Đây gọi là Tỳ-kheo dê khát thực. Sư tử vương gặp thú lớn liền ăn nuốt, không mùi vị nào không bắt ăn, gặp được thú nhỏ cũng liền ăn không khinh chê thấp hèn. Tỳ-kheo cũng vậy được tứ sự cúng dường mà không khởi tâm đắm nhiễm, không có dục tướng, tự biết xuất yếu. Nếu không được lợi dưỡng thì cũng không khởi loạn tướng, tâm không tăng giảm. Đó gọi là Sư tử vương Tỳ-kheo khát thực. Khất thực tu hành bốn việc trừ bệnh tật, mà trước sau tám thời nêu tám sự tinh tấn tám việc giải đãi. Khất thực trước nên nghĩ như vậy: “vì tu đạo mà cứu bệnh đói khát”, xin tuy chưa được nhưng không phớt bỏ niệm tu hành. Khất thực được rồi thì phải vì báo ân mà niệm đạo không nghỉ, trước sau hai thời gấp bội càng thêm tinh tấn, ba việc còn lại trước sau cũng như vậy. Trái ngược với đây, thì gọi là tám việc giải đãi.

Kinh Bảo Vân nói: “Các thứ xin được trong khi khất thực đều chia làm bốn phần: một phần phụng cúng bậc phạm hạnh, một phần cho người ăn mày, một phần thí cho quỷ thần, một phần tự ăn”.

Phần hai: từ “Lại cũng chẳng vin theo” trở xuống tám hàng, tụng lý phi cận phi viễn và viễn cận xứ.

Phần thứ ba: từ “Nếu có vị Tỳ-kheo” trở xuống năm hàng và ba câu, tụng Hạnh thành, lại chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, tụng Hạnh thành, sự thành uy nghi bên ngoài không lầm lỗi, lý thành trong tâm không vướng động cho nên nói “Không có chút khiếp nhược”. 2. Từ “Vị Bồ-tát có lúc”. trở xuống, ba hàng, tụng: Hạnh thành mà được an lạc. “Bồ-tát vào tịnh thất...” là giải thích nhân của sự an lạc. Do tu thiện định mà dừng các ác lỗi, được Nhân (người) vô ngã, ngoài thì không tổn hại. Do tu trí tuệ mà lìa các chấp trước, được Pháp vô ngã, trong không điên đảo, thì tâm không khiếp nhược, không khiếp nhược gọi là an lạc. 3. Từ “Văn-thù” trở xuống một hàng và một câu, tụng tổng kết trường hàng.

Thứ hai: Khẩu an lạc hạnh, cũng có trường hàng và kệ tụng.

Trường hàng làm hai: 1. Nêu chương. 2. Giải thích hành pháp. Nêu

chương như văn. Từ “Hoặc miệng tuyên nói” trở xuống, là Giải thích hành pháp. Lại có hai môn: Chỉ hạnh, Quán hạnh.

Chỉ hạnh môn, chia làm bốn: 1. Không nói lỗi lầm. 2. Không khinh mạn. 3. Không khen chê. 4. Không oán hiềm.

1. Không ưa nói lỗi của người và Kinh điển: Người nghe có lỗi, pháp có lỗi gì! Pháp Thất phương tiện là Phật tùy ý người khác mà nói, gọi là bất liễu nghĩa. Nếu nói lỗi của pháp kia, thì xúc não người kia, chẳng phải tướng của an lạc hạnh. 2. Không khinh mạn: Không ý Viên mà khinh khi Thiên, trọng Thật mà khinh Quyển. 3. Không nói người khác hay, dở: Ban đầu không nói với hết thầy mọi người, tiếp đến riêng nêu hàng Thanh văn. Phạm là người thì ai cũng ghét nghe lỗi của mình, bởi vậy không nên đàm luận điều dở của người. Trước mặt người này khen, nhưng đối người kia thì đó là chê bai, cho nên không xưng tụng điều hay, cũng không dựa vào phô trương nói trả lại điều hay. Trả lại tức cho rằng vì người khác hay chê mình dở, dựa vào người kia để nói dở người này. Cũng không được hoàn toàn phô trương nói trả lại điều dở, sau lưng chê người kia, tức ngược lại là chê ta. Vì nghĩa này, cho nên thiện ác đều dừng. Lại, “Không nói nói hay, dở”: Kinh Nhật Tạng quyển thứ nhất nói: “Đầu hôm, giữa hôm, cuối hôm, ít ngủ tỉnh táo, tinh tiến ngồi thiền tụng kinh tu đạo, quay lưng bỏ lại sinh tử, hưởng đường Niết-bàn. Không nói người dở, không nói mình hay, khiêm hạ thấp mình, không nên tự cao kiêu ngạo. Biết đủ trong việc ăn mặc, Đâu-đà tinh tiến hành không phóng dật, buộc niệm tư duy, tâm không dong ruổi tán loạn. “Đối với tất cả chúng sinh thì khởi tâm từ bi”. Lại, như Tu-đà-la thuyết “Không hạnh”, tự đọc tụng và dạy người đọc tụng, không chê người, không nói lỗi của người, không khen mình. Đối với hạng Thanh văn căn tánh bất định, nếu tán thán Nhị thừa thì có thể khiến cho họ thoái tâm Đại thừa mà chọn Tiểu thừa; nếu chê trách Nhị thừa thì hoặc khiến họ mất cả hai Đại, Tiểu thừa, không chọn được. 4. Không sinh tâm oán hiềm: Nếu cho rằng Nhân, Pháp của họ hại đến đạo ta thì là tâm oán, cho rằng họ thấp kém xấu xa, tức là tâm hiềm. Tâm cơ một khi chuyển động, thì tiếng nói liền phát ra. Chấm dứt nói lỗi, là nguồn gốc không sinh oán hiềm.

Từ “Khéo tu như vậy” trở xuống, là Quán hạnh môn. Quán các pháp “Không”, chẳng có gì để chấp trước, tâm không chấp cầu thủ, không trái với ý người, không trái pháp tướng, thì “không dùng pháp Tiểu thừa để đáp, mà chỉ dùng pháp Đại thừa đáp”. Nếu gặp người không có căn cơ Đại thừa thì thuyết Tiểu thừa, thì họ được lợi ích

phương tiện. Nếu hiện đang không có người không có căn cơ Đại thừa, mà thuyết Tiểu thừa, thì làm ngăn ngại cơ duyên Đại thừa của người nghe kia. Trong trường hợp này nếu chỉ nói Đại thừa thì không có lỗi. Văn kệ có mười sáu hàng rưỡi, chia làm ba phần: 1. Hai hàng, tụng nêu chương. 2. Chín hàng rưỡi, tụng Hành pháp. 3. Năm hàng sau, tụng Hạnh thành.

Hai hàng đầu tụng Trụ an lạc hạnh. Bên trên tụng nêu nên trụ, trong tụng thì nêu chi tiết hành tướng. Hành tướng có ba: “An ổn thuyết kinh pháp”: nửa hàng, là muốn khiến cho người trước đắc đạo an ổn và quả, tức nghĩa vào nhà Như Lai. “Ở nơi chỗ thanh tịnh”... nửa hàng, tức nghĩa ngôi tòa Như Lai. “Dùng hương dầu xoa thân”... một hàng tức nghĩa mặc áo Như Lai. Ba pháp dẫn dắt khẩu nghiệp, gọi là “An lạc hạnh”.

Từ “Ngồi an nơi pháp tòa”... chín hàng rưỡi, tụng Hành pháp, chia làm hai: 1. Năm hàng rưỡi, tụng Chỉ hạnh. 2. Bốn hàng, tụng Quán hạnh.

Bên trên Chỉ hạnh có bốn: Nay tụng đủ: 1. “Theo chỗ hỏi mà nói” nửa hàng, tụng không khinh mạn, mạn thì không tùy theo. 2. Từ “Nếu có vị Tỳ-kheo” đến “Theo đúng nghĩa mà đáp”: hai hàng rưỡi, tụng không nói tốt xấu, chỉ y nghĩa không luận bàn việc tốt xấu của người. Nếu có người nạn vấn thì theo nghĩa mà đáp, có hai trường hợp: 1. Có thể đáp. 2. Không thể đáp. Hỏi đáp chất vấn nhau trên đến dưới, nếu hơn thua thì tự biết, đó là lời của bậc trí. Nếu buông ý, dám có trái ngược trách phạt, đó là lời của vua. Nếu tốt xấu phải trái đều không biết, chỉ muốn cho hơn mà thôi, đó là lời của người ngu. 3. Từ “Nhân duyên hoặc thí dụ” đến “Vào ở trong Phật đạo”: một hàng rưỡi, tụng tụng không ưa nói lỗi của người và của pháp. Nếu nói lỗi của người, thì sinh niệm độc ác với người. Nay không nói lỗi, khiến phát tâm nhập Phật đạo. Phật đạo từ hỷ lạc mà sinh. 4. Từ “Trừ tâm biếng nhác trễ” xuống một hàng, tụng tụng không oán hiềm. Tâm oán hiềm khởi, thì biếng nhác ưu não. Nay dùng tâm từ nói pháp, không oán hiềm, tinh tấn không ưu não. Trên văn trường hàng đều căn cứ khéo “Chỉ” mà nói, trong tụng đều căn cứ khéo “Hành” mà nói.

Từ “Ngày đêm thường tuyên nói giáo pháp Vô thượng đạo” trở xuống, bốn hàng tụng Quán hạnh. Trên nói: “Chỉ dùng Đại thừa đáp”, tụng nói: “thuyết vô thượng đạo”. Trên nói: “Khiến đắc nhất thiết chủng trí”, tụng nói “nguyện thành Phật đạo”.

Từ “Sau khi ta diệt độ” trở xuống năm hàng, tụng khẩu an lạc

hạnh thành tựu. 1. Một hàng, nêu hành thành. 2. Từ “Lòng không chút ganh hờn” trở xuống hai hàng, nêu trong không lỗi thì nạn ngoài không sinh, ví như không có vật hôi thối thì ruồi không đến. 3. Từ “Người trí khéo tu tập” trở xuống một hàng, nêu trong có thiện pháp cho nên hạnh thành tựu. “Như ta nói ở trên”, tức trong trường hàng nói. “Nếu bên trong không lỗi”, như trong kệ nói: Hoặc bên trong có thiện. 4. Từ “Công đức của người đó” trở xuống một hàng, tụng suy lường công đức, như văn kinh.

Phần thứ ba: Ý an lạc hạnh. Cũng có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng cũng có ba: 1. Nêu chương. 2. Giải thích hạnh. 3. Kết thành. Trong phần giải thích, cũng trước Chỉ hạnh sau Quán hạnh.

Trong Chỉ hạnh có bốn: 1. Không hiềm siểm. 2. Không khinh mạn. 3. Không náo loạn. 4. Không cạnh tranh. Xét rằng Nhị thừa muốn nhanh vượt thoát sinh tử, thì trước hết trừ tham dục. Bồ-tát thì trước trừ sân kiến. Tật là sân cấu, siểm là kiến cấu. Tật nộ trái với tâm từ bi, không phải pháp hóa tha. Siểm cưỡng trái với đạo trí tuệ, chẳng phải pháp tự hành. Trí tuệ bị chướng ngại thì làm sao mà thượng cầu? Từ bi bị cấu uế ngăn ngại thì làm sao mà hạ hóa? Để được an lạc hạnh thì Bồ-tát rất cần phải vứt bỏ các thứ gây chướng ngại này. “Cũng chớ khinh mạn...” là không nên dùng Viên hạnh mà trách Biệt hạnh. Biết căn cơ thì có thể trách, không biết thì chớ mạn, chấp nhận có nghĩa thoái thất thiện căn. Từ “Nếu hàng Tỳ-kheo” trở xuống: là không nên dùng Viên mà trách Thông, vì họ vốn không có căn cơ Đại thừa. Nếu gượng dùng Viên mà quở trách, thì trái với tâm, thành phiền não. Thông đã bị quở trách, Viên lại chưa hiểu, trước nghi ngờ sau hối hận, Đại Tiểu đều mất. “Cách đạo” xa quanh co, gọi là “rất xa”, đây là náo Biệt hành nhân. “Trầm Không, thủ chứng” gọi là “bất đắc”, đây là náo người Thông giáo. Nhàm chán sinh tử, gọi là “giải đãi”. Kinh Bi Hoa nói “Tiểu thừa, gọi là giải đãi”.

Từ “Khởi tâm đại bi” trở xuống, nêu Quán hạnh, cũng có bốn, căn cứ bốn điều ác trước mà khởi hành thiện: 1. “Đối với nhất thiết chúng sinh thì khởi tâm đại bi”, trái với tật siểm. 2. “Đối với các đức Như Lai thì khởi tưởng như Cha lành”, trái với khinh mạn. Phàm cầu Phật đạo tức là người học Phật, kính người học như Phật, không được khinh mạn, các vị ấy thông ba đời, đây tức là Như Lai đời vị lai. 3. “Đối với Bồ-tát thì khởi tưởng là bậc đại sư”, trái với náo loạn. Theo Lý mà luận thì Tam thừa đều là Bồ-tát, có công đức dạy bảo hóa độ, đều là thầy của chúng sinh, cho nên khởi tưởng là thầy, chớ cho rằng họ xấu. 4. “Bình

đẳng thuyết pháp”, trái với tranh luận. Bình đẳng phá sự tranh luận do thiên chấp. “Chẳng nói nhiều chẳng nói ít” với người lợi căn, độn căn.

Từ “Văn-thù-sư-lợi” trở xuống, là kết Hạnh thành, chia làm hai: 1. Do đĩnh chỉ ác, ác không tăng thêm, cho nên nói “không thể nào loạn”. 2. Do quán hạnh cho nên người giỏi đến tụ tập, gọi là “được bạn đồng học tốt”.

Kệ có sáu hàng: 1. Năm hàng, tụng hai hạnh Chỉ Quán bên trên, mỗi hạnh đều có bốn ý. 2. Một hàng, tụng Hạnh thành.

Phần thứ tư: Thệ nguyện an lạc hạnh có hai: Trường hàng. Kệ tụng. Trường hàng lại có hai: trước nêu Hành pháp, sau nêu Tấn kinh.

1. Hành pháp lại có ba: 1. Nêu chương. 2. Hành pháp. 3. Kết thành. Nêu chương như văn. Hành pháp lại có ba: 1. Từ “Tại gia xuất gia” trở xuống, nêu cảnh thệ nguyện. 2. Từ “Suy nghĩ thế này” trở xuống: là nêu nguyên do khởi thệ nguyện. 3. Từ “Lúc ta đắc” trở xuống: chánh lập thệ nguyện. Ban đầu nêu cảnh Từ nguyện. Gọi chung mọi người từng phát tâm phương tiện mà chưa ra khỏi ba cõi, là “tại gia”, đoạn hết Thông hoặc thì gọi là “xuất gia”. Đây là thâm nhiếp được hai thứ Nhị thừa, ba thứ Bồ-tát. Những hạng người này cũng đầy đủ vô minh, cũng nên là cảnh đại bi, chỉ vì họ đều từng phát tâm, tương ứng với Từ nguyện, cần phải cho họ sự an lạc của Viên đạo Viên quả, cho nên nói “sinh đại từ tâm”. Cảnh bi ấy, chẳng những người hàng Bồ-tát mà còn chung cả người chưa từng phát tâm phương tiện, tức gọi là “chẳng phải Bồ-tát”. Họ hoàn toàn không hưởng về phương tiện, hướng lại chân thật. Đây là cảnh Bi thâm nhiếp hết thấy chúng sinh trong tam giới, những người này cũng nên được ban vui, chỉ vì họ lưu chuyển sinh tử không giới hạn, chính là cùng thệ nguyện Bi tương ứng, cần phải bạt trừ tội nhân tội quả kia cho nên nói “sinh đại bi tâm”. Từ “Nên nghĩ thế này” cho đến “tùy nghi thuyết pháp”: nguyên do khởi Từ tâm. Do các người chuộng Tiểu thừa chấp vào phương tiện của Phật coi đó là chân thật, không hiểu Viên đạo cho nên nói “mất lợi lớn”. “Mất lợi lớn” là nguyên do khởi Từ tâm thệ nguyện. Từ “không nghe không biết” trở xuống: nguyên do khởi Bi tâm thệ nguyện. Do chưa phát tâm Thiên, Viên chưa nghe hai đạo Thiên, Viên. Vì “không nghe” Thiên đạo, nên không có Văn tuệ. “Không biết” là không có Tư tuệ. “Chẳng giác” là không có Tu tuệ. Lại, không có tam tuệ Viên giáo. Vì sao? Vì “không hỏi” nên “không nghe”, “không tin” cho nên “không biết”, “không hiểu” nên “không tu”, Thiên Viên tam tuệ Quyền Thật đều không có, rất đáng thương xót, do đó mà khởi bi tâm. Từ “Người ấy dù chẳng hỏi chẳng tin kinh

này” trở xuống chính là phát thệ nguyện. Kia dù không hỏi không tin hai đạo Thiên Viên, mà hàng Bồ-tát không căn cứ Thiên để phát thệ, chỉ muốn cho họ Viên đạo tam tuệ cho nên nói “Người đó dù không hỏi không tin kinh này, lúc ta đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... dẫn dắt khiến người ấy trụ trong pháp này”. Thệ nguyện Bồ-đề, Trí tuệ, Thần thông, đều căn cứ An lạc hạnh mà đắc. Vì sao? Vì quán sâu tòa Như Lai, cho nên đắc Trí tuệ lực, tứ biện tài trang nghiêm có thể dùng trí cứu giúp. Quán sâu nhà Như Lai, áo Như Lai, thì đắc đại thiện tịch lực, không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi. Thần thông phước đức trang nghiêm, thì đều trước dùng định để động.

Từ “Văn-thù” trở xuống: là kết Hạnh thành, chia làm ba phần:

1. Tổng kết không lỗi lầm, tức là Hạnh thành. Hạnh làm sao thành? Do kia lập đại thệ nguyện, vào nhà Như Lai hạnh thành, do kia biết tứ chúng mất Viên đạo, tức tòa Như Lai hạnh thành, do kia thệ chế tâm mình, không giải đãi, tức áo Như Lai hạnh thành. Ba hạnh lập đủ, nên nói Hạnh thành. “Không có lỗi lầm”: Từ bi thành cho nên không có lỗi sân cấu, áo Như Lai thành cho nên không giải đãi, tòa Như Lai thành cho nên không dối nịnh.

2. Từ “Thường được hàng Tỳ-kheo” trở xuống: biệt kết Từ bi hạnh thành. Do Từ thành, cho nên nhiếp được tứ chúng thiên nhân, cúng dường nghe pháp. Thệ nguyện thành cho nên cảm Phật thần thông, chư thiên ủng hộ. Tòa Như Lai thành, cho nên người nghe hoan hỷ.

3. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích Thệ hạnh thành. Ba đời chư Phật còn thủ hộ hưởng chi chư thiên ư!

Từ “Văn-thù Sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này” trở xuống: tán thán kinh khó được nghe, chia làm hai: Pháp thuyết và Thí thuyết. Pháp thuyết có hai: 1. Xưa chưa từng nói rõ, cho nên xưa không đắc. 2. Ngày nay mới đắc. Thí thuyết cũng có hai: 1. Thí dụ không ban cho viên châu, ví như xưa chưa từng nói rõ. 2. Thí dụ ban cho viên châu, ví như ngày nay được nghe. Cả hai thí dụ này đều có khai hợp.

Thí dụ không ban cho hạt châu, lại có sáu phần: 1. Uy phục các nước. 2. Tiểu vương không phụng mệnh lệnh. 3. Khởi binh đến đánh dẹp. 4. Có công hoan hỷ. 5. Tùy công mà ban thưởng. 6. Mà không ban hạt châu. “Luân vương” là dụ cho đức Như Lai hiện hóa ở đời. “Hàng phục các nước” là dụ các cảnh ám giới nhập. “Tiểu vương” là dụ các phiền não; chưa đắc vô lậu điều phục, gọi là “không thuận mệnh lệnh kia”. “Khởi các đạo binh”: dụ phương pháp trong Thất hiền là đạo quân

trước; phương pháp trong Tu-đà-hoàn Tư-đà-hàm là đạo quân tiếp theo; phương pháp trong A-na-hàm A-la-hán là đạo quân sau. Sở phá, là ba độc, đồng phần với tám vạn bốn ngàn giặc cướp. Năng phá, là tám vạn bốn ngàn pháp môn làm chiến sĩ. Từ “Vua thấy binh chúng” trở xuống: người có công hoan hỷ. Từ “Tùy công ban thưởng”... là tùy công ban thưởng. “Ruộng” tức Tam-muội, “nhà” tức trí tuệ, “tụ lạc” là sơ quả nhị quả, “ấp” tức quả thứ ba, “thành” tức Niết-bàn, “y phục” tức Tâm, Nhẫn thiện pháp, “trang nghiêm nơi thân” tức thiện pháp trợ đạo. “Các thứ bảy báu” tức thất giác chi. “Voi ngựa xe cộ” tức Nhị thừa Tận trí Vô sinh trí. “Nô tỳ” tức thần thông, đặc hữu lậu thiện pháp như “nhân dân”. Từ “Chỉ viên minh châu trong búi tóc” trở xuống, là phần sáu không ban hạt châu. Có xuất căn cơ Phần đoạn, là lập công trạng Tiểu thừa. Có xuất căn cơ Biến dịch, là lập công trạng Đại thừa. “Rất kinh lạ”: Là chưa có công lớn mà bỗng ban cho viên minh châu trong búi tóc, thì các quyền thuộc của vua đều cho là lạ, ví như cơ duyên Đại thừa của chúng sinh chưa lay động mà bỗng nói kinh này, thì làm cho hàng nhị thừa nghi hoặc, hàng Bồ-tát kinh lạ. Hợp sáu thí dụ mỗi mỗi như văn.

Từ “Văn-thù-sư-lợi! Như luân vương” trở xuống: là Thí dụ ban cho viên châu, lại có hai: 1) Có công trạng lớn. 2) Ban cho viên minh châu. “Viên minh châu”: “Minh” là dụ cho trí Trung đạo, “viên” là dụ cho thường. “Ổ trên đỉnh đầu” là cực quả. “Trong búi tóc” là Thực được giấu ở Quyền. “Mở búi tóc” tức mở Quyền, “ban cho viên minh châu” tức hiển Thật.

Hợp thí cũng có hai phần, như văn. “Có thể khiến chúng sinh đạt đến nhất thiết trí”. Trí tức là quả, gọi là “Hạnh nhất”. Lời nói đệ nhất của Như Lai là “Giáo nhất”, tặng bí mật là “Lý nhất”, bao gồm được “Nhân nhất”.

Kệ có mười bốn hàng rưỡi, chia làm hai: 1. Bốn hàng đầu, tụng hành pháp bên trên. 2. Mười hàng rưỡi tiếp, tụng tán thán kinh. Đầu tiên tụng hành pháp lại chia làm hai: 1. Một hàng đầu tụng Hạnh thành tựu. Bên trên tụng nêu Hạnh thành, nay tụng hiển riêng. “Thường tu hạnh nhẫn nhục” tụng mặc áo Như Lai hạnh thành. “Thương xót tất cả chúng”: tụng vào nhà Như Lai hạnh thành. “Mới có thể diễn nói”: tụng ngôi tòa Như Lai hạnh thành. 2. Từ “Đời mạt thế về sau” trở xuống, ba hàng: tụng tu hành pháp. Trên có ba cảnh do thệ nguyện..., kệ tụng đủ.

Từ “Như vua Chuyển luân Thánh vương có sức mạnh” trở xuống, mười hàng rưỡi: tụng tán thán pháp khó nghe bên trên. Trên có Pháp,

Thí, Hợp. Đây chỉ tụng Thí và Hợp. Tụng Thí có hai: 1. Ba hàng đầu, tụng không cho viên minh châu. 2. Từ “Nếu có người mạnh mẽ” trở xuống, một hàng, tụng cho viên châu. Từ “Đức Như Lai cũng vậy” trở xuống là phần Hợp thí: 1. Ba hàng rưỡi, tụng hợp không cho viên châu. 2. Từ “Đã biết loài chúng sinh” trở xuống, ba hàng tụng hợp cho châu. Trong đó lược khai v.v...

Từ “Sau khi ta diệt độ” trở xuống, hai mươi ba hàng là đoạn thứ ba của phẩm này, tổng kết Hạnh thành tựu tướng cảm hóa răn bảo. Khuyên tu hành chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, kết khuyên bốn hạnh. 2. Hai mươi hàng rưỡi, nêu ba báo để khuyên cũng gọi là ba chương thanh tịnh. 3. Một hàng, tổng kết.

Phần Ba chương thanh tịnh: chuyển dứt hết ác nghiệp đời hiện tại và đời sau, tức đắc quả báo thù thắng đời hiện tại và đời sau. Phần này lại chia làm ba phần: 1. Một hàng: “Không ưu não” là báo chương chuyển, chuyển hiện báo. 2. Nửa hàng: “Không sinh nhà bần cùng”, là nghiệp chương chuyển, chuyển sinh báo. 3. Từ “Chúng sinh thường ưa thấy” trở xuống, mười chín hàng, là phiền não chương chuyển, chuyển hậu báo. Đây là phần đầu “Người đọc tụng kinh này” trở xuống, một hàng, là diệt ưu não hiện tại, tức trừ quả báo khổ thọ, đây là chuyển hiện báo tâm, không có bệnh đau tức là chuyển báo sắc. 2. “Không sinh nhà bần cùng” xuống nửa hàng, là chuyển ác nghiệp, nhân ác nghiệp ứng cảm ác quả, do nhờ lực của kinh chuyển nhân ác xấu đắc quả tốt tức chuyển sinh báo. “Không sinh”, tức không sinh ác nghiệp. Hiện tại trì kinh, không tạo nghiệp bần cùng thì đời sau không sinh nơi thấp kém nghèo cùng. 3. Từ “Chúng sinh thường ưa thấy” trở xuống, mười chín hàng, nêu hậu báo chuyển, chuyển ba phiền não chương, chia làm hai phần: 1. Ba hàng đầu, riêng nêu ba phiền não chương chuyển. 2. Mười sáu hàng tổng nêu tất cả chương chuyển.

Ba hàng đầu lại chia làm ba: 1. Từ “Chúng sinh thường ưa thấy” trở xuống, một hàng, riêng nêu tham chương chuyển. Người nhiều ham muốn thì bỗng nhiên kiêu mạn, lại chương sinh cõi Phạm thiên. Vì dục chương chuyển, cho nên được người ưa thấy và sai khiến được các đồng tử cõi trời. 2. Từ “Dao gậy chẳng đến được” trở xuống, một hàng rưỡi, riêng nêu sân chương chuyển, xả sân thì trừ được đao tên bên trong, vào trận thì đao bên ngoài không làm tổn thương. 3. Từ “Trí tuệ rất sáng suốt” trở xuống, nửa hàng, riêng nêu ngu si chương chuyển.

Từ “Nếu ở trong chiêm bao chỉ thấy các việc tốt” trở xuống, mười sáu hàng, tổng nêu tất cả phiền não chương chuyển, cũng là hậu báo

chuyển. Do trì kinh mà hiện tại cảm được tướng này, nên biết do quá khứ lâu xa tu tập đã thành tựu, nay nhờ duyên mà phát sinh. Lại có các tướng nhân quả thành Phật, đều là hậu báo. Ở trong mộng thấy tướng hậu báo đời vị lai. Việc trăm ngàn vạn ức kiếp chỉ nhất niệm trong mộng, dùng để tiêu biểu pháp vi diệu bất khả tư nghì, một trong vô lượng, vô lượng trong một. Tướng ấy trước hiện sau được quả, lại chia làm sáu: 1. Từ sơ tín tâm cho đến Diệu giác tám tướng thành Phật, đều là Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm, tức Nhẫn nhục báo. Căn cứ ba hàng đầu, mộng nhập Thập tín, lại có hai: Hai hàng rưỡi đầu: Từ bi báo, nửa hàng sau: Chánh kiến là Vô si báo. 2. Từ “Lại thấy các đức Phật” trở xuống, sáu hàng rưỡi, mộng nhập Thập trụ. 3. Từ “Lại thấy tự thân mình” trở xuống ba câu: mộng tu Thập hạnh. 4. “Chứng thật tướng các pháp” một câu: mộng ngộ Thập hồi hương. 5. Từ “Sâu vào trong thiền định” trở xuống nửa hàng: mộng nhập Thập địa. 6. Từ “Chư Phật thân sắc vàng” trở xuống năm hàng: mộng nhập Diệu giác.

Đã nói chứng Bất thoái trí tức là thọ ký, nên biết được nhập địa vị Sơ trụ Vô sinh được thọ ký. “Lại thấy tự thân mình ở trong núi rừng vắng”, biết là Thập hạnh tu tập thiện pháp. “Chứng thật tướng các pháp”, biết là Thập hồi hương, ở địa vị chánh quán Trung đạo. “Sâu vào trong thiền định” tức Vô cấu Tam-muội, trong địa thứ mười, nhập kim cang định, chư Phật đều hiện xoa đầu cho thọ chức vị. Mộng thấy tám tướng thành Phật, thì biết là nhập Diệu giác. Trong đây hoặc là Sơ trụ có thể có tám tướng thành Phật, vẫn là các địa vị theo thứ tự trước dựa vào để luận về giác tột cùng.

Từ “Nếu ở đời ác sau” trở xuống, một hàng: tổng kết Hạnh thành. Tín căn: đối với Tam bảo được lòng tin kiên cố, tất cả không thể cản trở hủy hoại. Tinh tấn căn: đắc Tứ chánh căn. Niệm căn: đắc Tứ niệm xứ quán, Cần phương tiện điều phục tham ưu. Định căn: đắc Tứ thiền. Tuệ căn: đắc giải Tứ đế, như thật biết. Lại, tín căn: đối với Như Lai phát Bồ đề tâm sở, đắc tâm tịnh tín. Tinh tấn căn: đối với Như Lai, phát tâm sở khởi tinh tấn. Niệm căn: đối với Như Lai, phát tâm sở khởi niệm. Định căn: đối với Như Lai sở, khởi Tam-muội. Tuệ căn: đối với Như Lai sở, khởi trí tuệ. Bát chánh là đạo Sa-môn, cũng là pháp của Sa-môn. Thành tựu của công việc tham sân và tất cả phiền não đều tận diệt, là nghĩa Sa-môn. Tứ quả là quả Sa-môn. “Mộng”: từ Tu-đà-hoàn đến Bích-chi-phật thấy đều có mộng, chỉ có đức Phật là không có mộng. Do không nghi ngờ, không có tập khí, cho nên không có mộng. Từ năm việc mà có mộng, như kệ nói: Do nghi ngờ, tâm phân biệt; học, ôn lại nhân đố

mà hiện các việc, Phi nhân đến nói với nhau. Nhân năm việc này mà có mộng. Lại, các điều được nghe thấy trở lại, và các lo lắng, cộng thành bảy việc cho nên có mộng.

Hỏi: Hiện tại ý thức còn không thấy sắc, tại sao trong mộng ý địa thấy sắc?

Đáp: Đều là từng thấy từng nghe, cho nên tưởng đó thôi! Lại mộng thấy tướng lành, tướng không lành đó thôi!

Hỏi: Trong mộng không có thần thông, không có Túc mạng trí, làm sao có thể thấy việc đời vị lai?

Đáp: Đây chẳng phải cảnh giới nguyện trí, chính là so sánh mà biết. Có những người đã từng có mộng như vậy thì quả như vậy, nay dùng đó để so sánh đó thôi!

Hỏi: Ai ngủ?

Đáp: Chúng sinh trong năm đường và trung ấm, đều có ngủ. Ở trong thai các căn đầy đủ, cũng gọi là ngủ, cho đến Phật cũng ngủ.

Hỏi: Ngủ là ngu, một trong “ngũ cái”, đây làm sao thông?

Đáp: Đức Phật thì tâm luôn tỉnh thức hiện tiền, vì muốn điều thân cho nên ngủ, chứ chẳng phải “cái”, chẳng phải ngu mà ngủ.

Phẩm Thứ 15: TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Sư nghiêm, Đạo đáng tôn trọng. Đệ tử tận tụy vâng theo. Một khi đức Như Lai ra lệnh bốn phương đều vội vàng xuất hiện, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Ba đời giáo hóa dẫn dắt, ban cho lợi ích không bờ bến, như một vầng trăng muôn bóng hiện, ai có thể suy lường? Mời qua để thị hiện, hoàng kinh để lợi lạc đương lai, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Lại, như hư không vắng lặng không sớm không chiều. Hoặc là do chấp Tích mà lỡ mờ nơi Bản, nên mời xưa thị hiện nay để phá Cận mà hiển Viễn, cho nên nói Tùng Địa Dũng Xuất. Lại, nêu ra ý Cha trẻ ở đạo tràng tịch diệt, con già ở cõi Tịch quang, chỉ bày công lực thuốc kia, khiến đều được biết, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Văn nói: “Các Bồ-tát từ đâu đến? Nhân duyên gì mà tập hợp nơi đây?”. Nay dùng các nghĩa giải thích phẩm, hiển bày giải thích theo nghĩa Nhân duyên, Tứ Tất-đàn. Cho nên, nói: Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Từ đây sắp xuống là đoạn lớn mở ra phần Cận tích của Sư môn, hiển bày Viễn bản của Phật địa. Văn chia làm ba:

I. “Từ đây xuống đến “các ông tự phải nhân đó mà được nghe” là đoạn Tựa.

II. Từ “Bấy giờ đức Thích-ca bảo ngài Di-lặc”... đến hết phần Di-lặc thuyết mười chín hàng kệ trong phẩm Phân Biệt Công Đức, là đoạn Chánh thuyết.

III. Từ sau kệ trở xuống, mười một phẩm rưỡi, là đoạn Lưu thông.

Đoạn văn Tựa chia làm hai: 1. Dũng xuất. 2. Nghi vấn.

Dũng xuất chia làm ba: 1. Bồ-tát phương khác thỉnh hoàng kinh. 2. Đức Như Lai không chấp nhận. 3. Hạ phương dũng xuất. Bồ-tát phương khác nghe lưu thông kinh được phước lớn, đều muốn phát nguyện ở cõi này hoàng tuyên, cho nên xin được làm việc đó. Như Lai không chịu, bởi vì ba lý do: 1. Các ông mỗi vị đều tự có trách nhiệm riêng, nếu trụ cõi này thì bỏ lợi ích ở cõi kia. 2. Lại, cõi khác và cõi này việc kết duyên nông cạn, dù muốn tuyên bày truyền trao cũng không có lợi ích lớn cho cả hai. 3. Lại nếu hứa thuận cho, thì không được gọi phương dưới. Nếu các vị Bồ-tát ở phương dưới không đến, thì Tích không được phá, Viễn không được hiển. Đó là ba lý do mà Như Lai không chấp thuận. Gọi hạ phương đến cũng có ba nghĩa: Là đệ tử ta thì nên hoàng pháp của ta, do

duyên sâu rộng có thể làm lợi ích khắp cõi này, khắp cõi của phân thân được lợi ích, khắp các cõi khác được lợi ích. Lại, được khai Cận hiển Viễn, vì vậy cho nên không chấp thuận cõi kia mà gọi cõi dưới.

Từ “Khi đức Phật nói lời đó” trở xuống, là Hạ phương dũng xuất, chia làm hai đoạn: 1. Kinh gia trình bày tướng. 2. Hỏi thăm. Mỗi đoạn đều có năm môn:

Năm môn của đoạn đầu: 1. Dũng xuất. 2. Thân tướng. 3. Trụ xứ. 4. Nghe mệnh lệnh. 5. Quyển thuộc.

Trụ xứ: cõi Thường Tịch Quang. Thường tức Thường đức, Tịch tức Lạc đức, Quang tức Tịnh và Ngã. Đó là bốn đức bí mật tạng. Chính trụ xứ kia dùng pháp Bất trụ mà trụ trong Bí tạng. “Hạ phương”: Như đáy sâu của pháp tánh, như địa vị cùng cực của huyền tông, cho nên nói “hạ phương”. Ở hạ phương thì không thuộc đây, ở không trung thì không thuộc kia, chẳng đây chẳng kia tức Trung đạo. Ra khỏi đây, không ở trên, không ở dưới đây, không trên không dưới trụ tại không trung, cũng là Trung đạo.

Nguyên do đến: Là nghe lệnh cho nên đến, vì hoằng pháp cho nên đến, vì phá chấp cho nên đến, vì hiển Bản cho nên đến, đều như trên nói. “Đều đem theo quyển thuộc”: Nếu vì nhân tình đến xem, thì nói lãnh sáu vạn năm vạn hằng sa người, gọi là nhiều; lãnh ba, hai, một người thì gọi là ít; riêng một mình đến, gọi là đơn độc. Nếu y văn đến tìm, thì sáu vạn năm vạn là ít, riêng một mình là nhiều. Văn nói: “Có những vị riêng một mình”, số này chuyển vượt cả số trên. Nếu dựa vào pháp môn, thì mỗi mỗi đều là đức của Đạo sư, có khả năng dẫn dắt mọi người đến Bảo sở. Nên biết “một mình” không phải chỉ là một, “sáu vạn” không phải là nhiều. “Một” tức một đạo thanh tịnh. “Hai” tức định, tuệ. “Ba” tức giới định tuệ. “Bốn” tức Tứ đế. “Năm” tức Ngũ nhân. “Sáu” tức Lục độ. Mỗi một độ đủ mười pháp giới, mỗi một giới đều có mười, mười tức có trăm, trăm tức có ngàn, ngàn tức có vạn. Một độ đủ một vạn, sáu độ đủ sáu vạn pháp môn. Nhiều không gọi là nhiều, một không gọi là ít. Chẳng nhiều chẳng ít, mà là nhiều mà là ít.

Từ “Các vị Bồ-tát đó từ dưới đất lên” trở xuống, là phần thăm hỏi, chia làm năm phần: 1. Ba nghiệp cúng dường. 2. Lời trình bày thăm hỏi.

3. Phật đáp an lạc. 4. Kệ tụng tùy hỷ. 5. Như Lai thuật tán.

- Phần một: Ba nghiệp cúng dường: “Trải qua năm mươi tiểu kiếp mà cho là như nửa ngày”, “bốn chúng thấy khắp”, đây chính là ẩn dài mà hiện ngắn, nhờ vào thần lực kia khiến hẹp mà thấy rộng, đều là bất khả tư nghì. Lễ bái nhiều quanh là thân nghiệp. Tán thán pháp là

khẩu nghiệp, chiêm ngưỡng là ý nghiệp. Năm mươi tiểu kiếp đồng nửa ngày, đây là thời tiết bất khả tư nghì. Đức Như Lai thấy không dùng hai tướng, Bồ-tát hạ phương thường khen ngợi, Như Lai im lặng thọ nhận lời khen. Người hiểu, tức ngắn mà dài, nghĩa là năm mươi tiểu kiếp. Người mê, tức dài mà ngắn, nghĩa là như nửa ngày. Đây là vì Bản Tích mà làm lộng dẫn. Khi Như Lai chưa thuyết thì lờ mờ Bản mà chấp Tích, đức Phật nếu khai hiển thì ngộ Cận mà đạt Viễn, cũng biết bất tư nghì nhất. Bốn chúng thấy khắp các Bồ-tát, cũng là bất khả tư nghì. Xét rằng nhục nhãn, thiên nhãn thấy không xa, mà nay thấy đầy khắp cả hư không, thấy mưa mạnh biết rộng lớn, thấy hoa đầy biết ao sâu, thấy ứng khắp hư không thì biết chân thật đầy khắp pháp giới.

- Phần hai: Lời trình bày thăm hỏi: trước là Nêu bốn đạo sư, sau là Trình bày lời hỏi thăm, lại chia làm hai: Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng lại có hai: 1. Hỏi Như Lai an lạc. 2. Hỏi chúng sinh dễ độ... Chỉ nêu bốn người: là muốn so sánh khai thị ngộ nhập bốn mươi vị. Như Hoa Nghiêm chỉ nêu Pháp tuệ, Công đức lâm, Kim tràng, Kim tạng bốn mươi vị.

- Phần ba: Như Lai đáp đủ. “An lạc dễ độ”, hai việc nương nhau mà thành, dễ độ thì an lạc, an lạc thì dễ độ. Dễ độ chia làm hai hạng: 1. Căn lợi đức dày, đời đời đến nay thường nhận được sự hóa độ Đại thừa. Ban đầu thấy thân ta, liền bảm thọ Hoa Nghiêm nhập Như Lai tuệ, như quả chín dễ rụng, là chúng sinh dễ độ. 2. Căn độn đức mỏng: Đời đời đến nay không thọ Đại hóa, nên vì hạng người này mà khai độn nói tiêm giáo như: Tam tạng, Phương Đẳng Bát-nhã mà điều phục, cũng khiến cho hạng người này nay nghe Pháp Hoa vào Phật tuệ. So với hạng trước thì tuy là khó, nhưng đối với Phật thì rất dễ vì Phật hiểu kia thích ứng phương tiện nên được. Nếu đức mỏng thì cần phải tô đắp trí tuệ, còn ngộ thì đồng.

Nay lược nêu mười ý giải thích: 1. Ban đầu thấy nay thấy. 2. Khai hợp, không khai hợp. 3. Theo chiều dọc rộng, theo chiều ngang lược. 4. Bản một, Tích nhiều, Tích chung, Bản chỉ một. 5. Nói thêm, không nói thêm. 6. Biến cõi, không biến cõi. 7. Nhiều chỗ, không nhiều chỗ. 8. Loại bỏ, không loại bỏ. 9. Trực hiển thật, khai quyền hiển thật. 10. Lợi căn thuần thực trước, độn căn sau mới thuần thực.

Ý thứ nhất: Ban đầu thấy, nay thấy: Lúc ban đầu mới thành đạo, gọi là ban đầu thấy, ngôi tòa Pháp Hoa lâu sau chân thật gọi là nay thấy.

Ý thứ hai: Mặt trời chiếu lên núi cao tức là thuyết Đốn giáo,

không khai không hợp. Vì người không thể nhập được, cho nên khai Đốn thuyết Tiệm, ngũ vị điều phục khiến Tiệm qui về Đốn.

Ý thứ ba: Đốn thẳng theo chiều dọc (thời gian) nhập pháp giới, cho nên nói “dọc rộng”; không trải qua phương tiện cho nên nói “ngang lược”. Nay trải qua ngũ vị, tức là “ngang rộng”. Được nhập Phật tuệ cũng là “dọc rộng”.

Ý thứ tư: Chỉ một đài, cho nên Bản một, ngàn cánh hoa cho nên Tích nhiều. Tích cùng các kinh đồng, cho nên nói Tích cùng chung. Bản cùng các kinh khác nhau, cho nên nói Bản chỉ một mình.

Ý thứ năm: Thêm bốn Bồ-tát nói bốn mươi vị, tự nói khai thị ngộ nhập không thêm người khác.

Ý thứ sáu: Hoa Vương thế giới cho nên nói cõi không biến, hai lần biến đổi cõi đất cho nên nói cõi biến.

Ý thứ bảy: Thất xứ, Bát hội cho nên gọi là “nhiều chỗ”, núi Kỳ-xà-quật viễn xứ hư không cho nên “không nhiều chỗ”.

Ý thứ tám: Diệt Hóa thành, đổi khách làm con, cho nên nói “loại bỏ”, không có việc như thế, thì nói “không loại bỏ”.

Ý thứ chín: Đi con đường thẳng lớn, gọi là “trực hiển thật”, quyết liễu pháp Thanh văn gọi là “khai quyền hiển thật”.

Ý thứ mười: Căn lợi, duyên thuận thực thì lúc ban đầu nhập Phật tuệ, căn độn thì về sau mới thuận thực, nay mới nhập Phật tuệ.

Vì duyên thích nghi không đồng, nên lược làm mười ý sai khác, nhưng chủng trí pháp giới bình đẳng vô sai biệt. Cho nên, văn nói: “Vừa thấy thân ta nghe ta thuyết pháp tức đều tin thọ nhập Như Lai tuệ, trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa, nay nghe kinh này mới nhập Phật tuệ”. Văn đây nêu rõ, không còn nghi ngại. Các sư thấy duyên kia sai khác, bèn duyên theo cái sai khác mà giải thích mê mờ không biết, trái lại cách đạo càng xa. Nếu hiểu lý đồng, thì như ngàn xe cùng chung dấu vết. Phật tuệ thì không sai khác.

Xưa nói: “Hoa Nghiêm thì liễu nghĩa, mãn tự, thường trú. Pháp Hoa thì không liễu nghĩa, chẳng mãn, chẳng thường”. Nay dùng văn đây bao gồm. Nếu đầu tiên nhập là liễu nghĩa, nay nhập không liễu nghĩa, thì đầu tiên nhập là Phật tuệ, nay nhập không là Phật tuệ ư? Nếu Phật tuệ đã đồng, thì liễu nghĩa cũng đồng và mãn tự, thường trú cũng đều như thế... Địa nhân gọi Hoa Nghiêm là viên tông, Pháp Hoa là bất chân tông. Nay cũng dùng văn đây bao gồm nghĩa đó.

- Phần bốn: Bồ-tát lãnh giải tùy hỷ. Năng vấn tức là bốn vị đại sĩ trong Hoa Nghiêm; trong Pháp Hoa thì Thân-tử ba phen thỉnh đều là

năng vấn. Sở vấn: tức là hỏi trí tuệ Phật.

- Phần năm: Như Lai thuật tán, cùng với hỏi sai khác nhiều. Người hỏi và người tùy hỷ theo năng vấn đều là các Bồ-tát và người được hóa độ “nghe pháp rồi tin làm, chúng con đều tùy hỷ”. Đây Như Lai thuật tán người năng hóa độ sinh tùy hỷ, nghĩa đây thế nào? Nhưng người năng vấn đều là cổ Phật, “Ông năng tùy hỷ” tức là Như Lai, nghĩa là Bồ-tát tùy hỷ theo Tích, Như Lai thuật tán Bản, đây cũng là bí mật nêu ý thọ lượng.

Từ câu: “Lúc bấy giờ đức Di-lặc và tám nghìn hằng hà sa đại sĩ” trở xuống, là Tựa nghi vấn. Từ đạo tràng Tịch diệt đã giáng xuống, đến tòa Pháp Hoa này cũng đã đến, các đại sĩ trong mười phương đến hội không dứt, tuy không thể giới hạn nhưng con (Di-lặc) dùng trí lực Bồ xứ đều thấy đều biết, mà nơi chúng đây không biết một người. Con cũng từng du hóa khắp mười phương, thân cận hầu hạ chư Phật, chư Phật đại chúng thấy con đều biết; mà đối với việc hiện nay lai lịch cũng không biết, hoặc đến hoặc đi suy tìm như vậy con đều không biết. Lại các vị đại sĩ kia đều là do nhiều đời tu tập trước đã thông đạt, Di-lặc là người học sau, học sau không có trí như trước nên không biết. Lại, các vị đại sĩ kia Bản thật tướng tốt cùng ứng hiện khắp mười phương, riêng ban đầu giáo hóa có ứng chân thật, chẳng phải cảnh giới của Di-lặc, cho nên không biết. Lại, đức Phật uy thác hoằng kinh, gọi các đại sĩ. Đại sĩ nghe lệnh thầy, cho nên đến mật nghe thọ lượng, chẳng phải là điều mà chúng lúc ấy biết được, cho nên nói không biết. Đây là căn cứ Tứ Tát-đàn mà giải thích Tựa nghi vấn.

Nghi vấn chia làm hai: 1. Bồ-tát cõi này nghi. 2. Bồ-tát các cõi khác nghi. Cõi này nghi lại có hai: Một, văn trường hàng: niệm nghi. Hai, kệ tụng.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: chánh nghi vấn, lại chia làm năm phần: 1. Một hàng và một câu, hỏi từ đâu đến. 2. Một hàng và ba câu tiếp theo, hỏi “Do nhân duyên gì nhóm”. 3. Từ “Mỗi mỗi các Bồ-tát” trở xuống, chín hàng trình bày số lượng Bồ-tát. 4. Từ “Các vị oai đức lớn” trở xuống, hai hàng, hỏi các Bồ-tát kia, ai là Thầy? 5. Từ “Các Bồ-tát như vậy thân thông trí lực lớn” trở xuống, năm hàng rưỡi kết thỉnh, lại chia làm năm: 1. Hai câu: kết tán. 2. Từ “Đất bốn phương rúng nứt” trở xuống, hai hàng: thỉnh đáp từ chỗ nào đến. 3. Từ “Con ở trong chúng đây” trở xuống, một hàng: thỉnh đáp do duyên nào đến. 4. Từ “Nay trong đại hội này” trở xuống, một hàng rưỡi: đại hội cùng thỉnh. 5. Từ “Thế Tôn đức vô lượng” trở xuống, hai câu: thỉnh Sư chủ đáp.

Bồ-tát các cõi khác nghi: Phân thân quyền thuộc theo chiều ngang khắp tại mười phương, cùng Di-lặc đồng nghi. Hai cõi đều không biết Bản địa, tức muốn hiển bày nghĩa thành đạo rất lâu. Mỗi mỗi thị giả đều nghi và trình bày với Phật của mình, Phật đều bảo nán đợi đức Di-lặc...

Từ “Bấy giờ đức Thích-ca Mâu-ni bảo ngài Di-lặc” trở xuống, là chánh thuyết. Văn chia làm hai phần:

- Phần một: trước trường hàng, sau kệ tụng răn hứa.

- Phần hai: Chánh thuyết trường hàng, trước thuật tán, sau răn bảo. Răn bảo chớ loạn chớ giải đãi chớ thoái lui, tiếp hứa nêu quả trí. Quả trí là tri kiến Như Lai, tri kiến diệu quả. Tiếp, khai giáo hóa là tuyên bày. “Tự tại thần lực” là quá khứ làm lợi ích chúng sinh. “Như sức mạnh nhanh của sư tử” là sức phân thân để giáo hóa khắp cả mười phương. Hoặc nói: “Mạnh, nhanh” là báo trước tướng trạng ở tương lai, tiêu biểu tướng lợi ích chúng sinh thường trụ mãi sau. “Lực uy thế mạnh lớn” là vị lai làm lợi ích chúng sinh. Hoặc cho rằng đây chỉ việc hiện tại: chấn động khắp mười phương, tùy ý người dùng mà giải thích. Mong y theo thứ lớp trong kinh văn thì tốt vậy. Theo ý riêng: Sự “tự tại của Như Lai” là (đức) Ngã. “Thần thông” là Lạc. “Sức sư tử mạnh nhanh”, mạnh nhanh trừ bỏ cấu uế, là Tịnh. “Lực uy thế mạnh lớn”, đời vị lai làm lợi ích chúng sinh, tức Thường. Đây là nêu bốn đức Thường Lạc Ngã Tịnh.

Bốn hàng kệ chia làm hai phần: Ba câu đầu, tụng răn bảo. Ba hàng và một câu sau, tụng hứa nói: một câu đầu nêu quả trí tuệ, tiếp ba hàng tụng ba đời.

Từ “Lúc bấy giờ đức Thế Tôn” trở xuống: đoạn Chánh thuyết. Văn chia làm ba phần: 1. Từ đây đến hết phẩm Thọ Lượng, là Chánh khai cận hiển viển. 2. Phần đầu của phẩm Phân Biệt Công Đức, là tổng thọ ký pháp thân. 3. Đức Di-lặc tổng trình bày sự (hiểu biết) lãnh giải.

Phần Chánh khai... có hai: 1. Lược khai cận hiển viển, động chấp sinh nghi. 2. Rộng khai cận hiển viển, đoạn Hoặc sinh tín.

Lược khai có hai: 1. Lược khai. 2. Nhân nghi lại thỉnh. Phần Lược khai có trường hàng và kệ tụng, trong đây chỉ đáp hai nghi vấn, không đáp do nhân gì mà tụ tập, do không đáp cho nên lại thỉnh. Văn trường hàng đều đáp cả hai, giải thích cả hai như văn.

Giải thích “hạ phương trụ ở không trung”. Thích luận nêu “Hữu Để tán Tam-muội”, ứng với bốn cách giải thích. Hữu là tam hữu (ba cõi), Để là phi tướng phi phi tướng, do có thể đạt tới chỗ sâu thẳm, cho

nên gọi là ĐỂ. Lại, Hữu là danh tướng. ĐỂ là Không, do Không tịch cho nên gọi là ĐỂ. Lại, Hữu là nhị biên tục. ĐỂ là biên tế trí đầy đủ, cho nên gọi là ĐỂ. Nay kinh dùng hư không ở hạ phương làm ĐỂ. Không phải cõi trên không phải cõi dưới, là tiêu biểu Trung đạo làm ĐỂ, đây là căn cứ giáo mà phân biệt. Từ “Ở trong các kinh điển” trở xuống, là giải thích. Sư biết đệ tử đầy đủ hai đức Trí Đoạn. Ban đầu là song tu Trí Đoạn, tiếp là song chứng Trí, Đoạn. “Đối các kinh điển phân biệt”, là tu Trí. “Chánh ức niệm” là tu Đoạn. “Chẳng ưa ở trong chúng” là chứng Đoạn. “Siêng tu tinh tấn”, là chứng Trí.

Từ “Không nương tựa nhân thiên mà ở”, là giải thích nơi chốn, nhân thiên là nhị biên, không trú không trước (đắm). “Trí tuệ sâu không chướng ngại”, là nương trí bất khả tư nghì. “Ưa ở trong pháp của Phật”, là ưa cảnh bất tư nghì, cảnh trí rất vi tế. Không phải Cận xứ và Hành xứ của Bồ-tát.

Kệ có tám hàng rưỡi chia làm hai: Năm hàng rưỡi đầu, tụng đáp hai nghi vấn. Ba hàng sau, tụng giải thích hai nghi vấn.

Từ “Lúc bấy giờ ngài Di-lặc” trở xuống: nhân nghi lại thỉnh, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Nghi. 2. Thỉnh. Nghe trên nói đức Phật dưới cây Bồ-đề mới giáo hóa, mà nay các vị Bồ-tát đều trụ Bất thoái. Lại nghe: “Ta từ lâu xa đến nay giáo hóa chúng ấy”. Nghe hai câu này mà động chấp sinh nghi. Từ “Liên bạch Phật rằng” là khởi nghi, lại thỉnh. Có hai: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

- Pháp thuyết chia làm ba: 1. Từ “Liên bạch Phật rằng” trở xuống: nghi Phật thành đạo gần đây mà sao người được hóa độ rất nhiều, chấp Cận mà nghi Viễn. 2. Từ “Thế Tôn! Chúng đại Bồ-tát này” trở xuống: Bồ-tát được hóa độ đã nhiều, hạnh vị rất vi diệu, là chấp Viễn mà nghi Cận. 3. Từ “Thế Tôn! Việc như thế đời rất khó tin”: kết thỉnh.

- Thí thuyết có khai có hợp. Khai chia làm ba: “Sắc đẹp tóc đen”, dụ cho “Thành đạo gần”. “Chỉ người trăm tuổi” trở xuống, dụ cho “người được hóa độ rất nhiều”. Các sư ở phương Bắc thì dùng thí dụ để giải thích thí dụ: Cha uống thuốc cải lão hoàn đồng, cho nên diện mạo đồng hai mươi lăm tuổi; con không uống thuốc đó, cho nên hình dáng như trăm tuổi. Nếu biết sức mạnh của thuốc thì không có nghi ngờ cha con. Không biết việc đó cho nên nghi ngờ. Đức Như Lai theo chiều ngang uống thuốc thủy Tích, thị hiện mới sinh tại thành Già-da. Các Bồ-tát luận쟁 Bản địa, từ lâu phát đạo tâm nay trụ nơi Bất thoái. Chỉ Phật và Phật mới biết được việc này; tự mình thấp kém không thông đạt thì không thể không nghi. “Việc này khó tin” là kết thí dụ.

Từ “Đức Phật cũng như thế” trở xuống: Hợp thí. Văn chia làm hai phần: Một, hợp thí dụ Cận, như văn. Hai: từ “mà các đại chúng” trở xuống là hợp thí dụ Viễn. Xem đây thì Bồ-tát từ lâu đã gieo trồng thiện căn, chẳng phải chỉ mới phát tâm tại thành Già-da. “Khéo nhập, xuất, trụ” chín loại định theo thứ lớp, là “khéo nhập”, “Sư tử phần tấn” là “khéo xuất”, “siêu việt” là “khéo trụ”. Đây là ý của Thông giáo Tạng giáo. Từ Sơ địa đến Thập địa gọi là “khéo nhập”, Thập địa nhập trùng huyền môn. Đảo ngược sự tu theo kiểu phàm phu, gọi là “khéo xuất”. Diệu giác đầy khắp, gọi là “khéo trụ”. Đây là ý của Biệt giáo. Hoàn thiện Pháp tánh Tam-muội gọi là “khéo nhập”. Hoàn thiện Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, gọi là “khéo xuất”. Hoàn thiện Tam-muội vương gọi là “khéo trụ”. Đây là ý của Viên giáo. “Khéo theo thứ lớp tu tập các thiện pháp”, căn cứ nhân thì mới khéo tập, căn cứ quả thì mới khéo nhập... “Khéo đáp nạn vấn” là đủ hai thứ trang nghiêm. Thất phương tiện tôn quý, cho nên gọi là “báu quý trong loài người”.

Từ “Ngày nay đức Thế Tôn” trở xuống: thỉnh đáp, lại chia làm ba phần: 1. Từ “Ngày nay” trở xuống: nêu lời Phật. 2. Từ “Chúng con” trở xuống: thỉnh ý, thỉnh ý chia làm hai: Một: là hiện tại con tuy chưa thông đạt nhưng tin lời Phật nói mà thôi. Hai: từ “Nhưng các Bồ-tát” trở xuống: đời vị lai, người tu hành nông cạn sẽ sinh phỉ báng. “Các Bồ-tát mới phát tâm” hủy báng thì đoạ vào đường ác. Còn hạng bất thoái tuy tin không hủy báng nhưng không thể tăng trưởng đạo, hoặc là phân biệt, thì người hủy báng sẽ sinh lòng tin, người tin thì tăng trưởng đạo. 3. Từ “Kính thưa Thế Tôn!” trở xuống: chính thỉnh đáp. Thỉnh đáp cũng có hai: Một: Trừ lòng nghi của chúng con. Hai: từ “Và chúng sinh đời vị lai” là trừ nghi cho đời vị lai.

Kệ có mười bốn hàng tụng Pháp thuyết Thí thuyết trên. Năm hàng đầu, tụng Pháp thuyết, chín hàng sau tụng Thí thuyết.

Trong Pháp thuyết có ba: 1. Một hàng, tụng chấp Cận. 2. Từ “Các hàng Phật tử này” trở xuống, hai hàng và ba câu, tụng nghi Viễn. 3. Từ “Thế nào mà tin được” trở xuống, một hàng và một câu, tụng kết thỉnh.

Trong tụng Thí thuyết có hai: 1. Hai hàng, tụng khai thí. 2. Từ “Thế Tôn cũng như vậy” trở xuống, bảy hàng, tụng hợp thí, lại có ba:

1. Hai câu, tụng hợp Cận. 2. Từ “Các chúng Bồ-tát này” trở xuống, ba hàng rưỡi, tụng hợp Viễn. 3. Từ “Chúng con từ Phật nghe” trở xuống, ba hàng, tụng hợp thỉnh đáp.

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9

(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 16: NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Trước nêu ra một số giải thích khác nhau: Bài tựa của sư Duệ nói: “Thọ vô lượng kiếp chưa đủ để chứng minh sự lâu dài kia, phân thân vô số không đủ để khác với Thể kia, vậy thì thọ lượng kia nhất định chẳng thể tính số, phân thân rõ ràng cùng với cái Thể kia không khác (bất dị). Phổ Hiền hiển bày cái Thể kia không thành, Đa Bảo chứng minh cái Thể kia bất diệt”. Sư Đạo Lãng ở Hà Tây nói: ”Rõ ràng pháp thân chân thật và biến hóa không khác, còn và mất là lý Nhất, Đa Bảo hiện chứng minh pháp thân thường tồn, thọ lượng rõ ràng cùng sánh ngang bằng với thái hư”. Đạo Tràn Quán nói: “Hội tam qui nhất thừa là ban đầu. Diệt ảnh lẳng thân thừa là cuối cùng. Diệt ảnh, nghĩa là dứt Tích. Lẳng thân thì Bản lộ ra. Cho nên Tích thì vô thường mà Bản thì thường”. Có người chú giải: “Không bị chi phối bởi qui luật tồn vong, là “Thọ”, vượt ngoài giới hạn của dài ngắn, là “lượng”. Pháp thân chẳng thuộc về hình dáng tuổi tác, nếu đại sĩ tu thì thực hành soi chiếu đến cùng tột, không thể cho rằng tại thành Già-da mới làm Phật và trăm tuổi là người già”. Trúc Đạo Sinh nói: Sắc thân đức Phật kia ứng hiện mà có, không có thật hình. Hình đã không thật, thì đâu có thọ ư? Thế thì vạn hình đồng đến chỗ xưa nay là một, xưa cũng như nay, nay cũng như xưa. Không lúc nào không có, không nơi nào không tồn tại. Nếu có lúc không có, có chỗ không tồn tại, thì đối với chúng sinh như vậy, đức Phật không như vậy. Đây là dùng chỗ tột cùng mà luận bàn trường thọ, nói “Già-da” là như thế vậy. Già-da là như thế, thì chẳng phải là Già-da nữa. Già-da đã không, thì trường thọ kia làm sao riêng có một mình được? Ngắn dài ở đây mất, ngắn dài thường còn ở nơi đó sao!

Các sư thế hệ trước nói như trước nay, phần nhiều căn cứ vô lượng để chứng minh “thường”. Các sư thời gần đây, thì phần nhiều nói thọ là

lượng, pháp trước vượt quá hằng sa, sau gấp bội số trên, cuối cùng qui về giới hạn cùng cực chứng minh “vô thường”. Lại người mê hoặc chấp phẩm nói Thọ lượng. Lượng là vô thường, sao dùng giải nghĩa thường? Nay vì trả lời: Phẩm nói thẳng Thọ lượng, không nói Thọ hữu lượng, không nói Thọ vô lượng. Ông giải thích vô thường, người khác giải thích thường. Đây sao mà tệ vậy, như “cò hến tranh nhau”. Ta căn cứ tệ hại kia mà giải thích đầy đủ bốn điều:

1. Thật hữu lượng mà nói vô lượng, là Di-đà.

2. Thật vô lượng mà nói lượng, như phẩm này và kinh Kim Quang Minh.

3. Thật vô lượng mà nói vô lượng, như kinh Niết-Bàn nói: “Chỉ có Phật cùng với Phật mới thọ vô lượng”.

4. Thật hữu lượng mà nói lượng, như tám mươi tuổi kêu là diệt. Phẩm văn có đầy đủ nghĩa đây, đâu có thể là một mà chẳng phải ba ư!

Hỏi: Nếu phẩm Thọ Lượng nêu thường, thì kinh Niết-Bàn vì sao khác? Nay lại chất vấn: “Pháp Hoa nhất thừa cùng Thắng Man nhất thừa có gì sai khác”?

Đáp: Nếu phân biệt đáp, thì Pháp Hoa lược nêu thường, Niết-Bàn rộng nêu thường. Thắng Man là nhất nêu nhất, Pháp Hoa hội tam nêu nhất..

Hỏi: Thành đạo cận là phương tiện, thành đạo viễn là chân thật, Kinh Hoa Nghiêm nêu tịch diệt đạo tràng, Đại kinh nêu vượt trước chín kiếp, đều là thành phương tiện, Nếu như vậy thì Pháp Hoa khai viễn xong, Thường Bất Khinh sao lại cận? Nên biết Pháp Hoa đã trở lại phương tiện. Nếu vậy thì hội tam qui nhất xong, cũng nên không hội tam qui nhất. Nếu vậy thì khai tam hiển nhất chư Phật đạo đồng, khai Cận hiển Viễn chư Phật đạo đồng. Nếu vậy thì chư Phật cũng vậy, đâu phải chỉ riêng đức Thích-ca. Nếu riêng đức Thích-ca, thì các nghĩa trước hoại.

Đáp rằng: Phương tiện của Phật Thích-ca và chư Phật cũng vậy.

Lại nữa, các Bồ-tát nghe Thọ lượng thì phát nguyện, nguyện ta ở đời vị lai thuyết Thọ lượng cũng như vậy. Đây tức chư Phật đạo đồng, cũng không riêng nói nhất cận nhất viễn. Cho nên, biết nhờ vô thủy vô chung, vô cận vô viễn để hiển Pháp thân thường trú, nhờ hữu thủy hữu chung, hữu cận hữu viễn để luận bàn kia ứng với Tích. Dùng nghĩa này mà nhìn các kinh, đối duyên tuy khác cuối cùng không khác. Đã hiểu rõ các kinh, các sư bất khả sư.

Hỏi: Theo nghĩa thì suy cứu “thường” có thể như thế, nhưng dẫn

chứng văn kinh thì căn cứ vào đâu?

Đáp: Người hiểu biết thì quý ở lý. Người không hiểu biết thì chấp văn, chỉ tìm giải thích hợp với tông là chánh ý của giáo. Nếu chấp những cái vụn vặt mà hỏi những điều cao xa thì có ích gì?! Lại giáo vốn là duyên, duyên khác thì nói khác, hoặc là tùy vui thích, tùy nghi, tùy trị, tùy ngộ, ngộ thì đạt đến rồi, sao lại lo lắng mông lung làm gì? Cho nên nói “Nê-hoàn chân pháp bảo, chúng sinh đủ loại môn nhập” là nghĩa đây vậy. Lại văn có nhiều ít, kinh Niết-Bàn lấy vị lai thường trú làm tông chỉ, nên văn kia nói nhiều, không dùng “từ quá khứ lâu đã thành Phật” làm tông chỉ, nên văn kia ít. Nếu theo nhiều bỏ ít, thì là ma thuyết chẳng phải Phật thuyết. Kinh này lấy “quá khứ đã thành Phật” làm tông, số cõi trải qua nhiều như vi trần, nên văn nói nhiều, vị lai thường trú văn kia nói ít. Nếu theo nhiều bỏ ít, thì như đầu phá làm bảy phần, như cành cây A-lê. Ví như lệnh của thiên tử, dù nhiều hay ít đều không thể trái, trái lệnh thì mắc tội. Phẩm Phương Tiện nói: “Thế gian tướng thường trú, nơi đạo tràng biết rồi, đức Phật phương tiện nói”. Văn đây tức nói vị lai thường trú bất diệt. Lại, nói “ta thường trú nơi đây”. Lại, nói “thường ở núi Linh-thứu” và các trú xứ khác. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Nơi Thường Ba-la-mật thu nhiếp thành tựu, nơi Ngã Ba-la-mật an lập. Như đây văn nói nghĩa Thường cũng lại không ít. Lại nữa, kinh này nơi nơi đều nêu pháp thân, pháp thân há chẳng thường ư?”

Hỏi: Đã nói pháp thân thì nên luận tam đức?

Đáp: Quyền, Thật nhị trí há chẳng phải Bát-nhã? Ba đời thị hiện há chẳng phải Giải thoát? Thật tướng Bản địa chính là Pháp thân. Ba đức được nêu trong văn là như thế.

Giải thích tên Phẩm: “Như Lai”: là danh hiệu chung của mười phương ba đời chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật. “Thọ lượng” là thuyên lượng, thuyên lượng công đức của mười phương ba đời chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật. Đây chính thuyên lượng bản địa công đức của Phật, cho nên nói phẩm Như Lai Thọ Lượng. Như Lai nghĩa rất nhiều, ở đây tạm nêu nhị, tam Như Lai, ngoài ra theo lệ có thể biết.

Nhị Như Lai: Thành luận nói: Thừa Như thật đạo, Lai thành chánh giác, cho nên gọi là “Như Lai”. Thừa là pháp như như trí, thật là pháp như như cảnh, đạo là nhân, giác là quả. Nếu riêng luận về thừa, thì như như vô sở tri, riêng luận về thật, thì như như vô năng tri. Cảnh trí hòa hợp thì có nhân quả. Chiếu cảnh chưa cùng, thì gọi là nhân, tận nguồn thì gọi là quả. Nghĩa đạo giác thành tựu tức là thừa Như thật đạo,

Lai thành chánh giác. Đây là “Chân thân Như Lai”. Dùng trí như thật, nương đạo như thật, đến sinh trong cõi, thị hiện thành Chánh giác, tức là “Ứng thân Như Lai”.

Tam Như Lai: Đại luận nói: Như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết, cho nên gọi là Như Lai. “Như”: pháp như như cảnh, chẳng nhân chẳng quả, dù có Phật hay không có Phật thì tánh tướng thường như vậy, khắp tất cả xứ mà không có khác, gọi là “Như”. Bất động mà đến, gọi là “Lai”. Chỉ đây là Pháp thân Như Lai. Pháp như như trí nương nơi đạo như như chân thật, “lai” thành Diệu giác. Trí xứng như lý, theo lý gọi là Như, theo trí gọi là Lai, tức Báo thân Như Lai. Cho nên luận nói: Như pháp tướng giải, nên gọi là Như Lai. Vì cảnh trí như như hợp, cho nên có thể ở khắp nơi thị hiện thành Chánh giác. Thủy ngân hòa với chân kim thì có thể tô bồi các sắc tượng, công đức hòa pháp thân thì có thể hiện đến khắp mọi nơi. Tám tướng thành đạo chuyển diệu pháp luân, tức Ứng thân Như Lai. Cho nên Đại Luận nói: “Như pháp tướng thuyết cho nên gọi là Như Lai”.

Pháp thân Như Lai gọi là Tỳ-lô-giá-na, Trung hoa dịch Biến Nhất thiết xứ. Báo thân Như Lai gọi là Lô-xá-na, Trung hoa dịch Tịnh Mãn. Ứng thân Như Lai gọi là Thích-ca Văn, Trung hoa dịch Độ Ốc Tiêu. Đây là tam Như Lai, nếu riêng chọn thì không được. Đại kinh nói: Pháp thân cũng phi, Bát-nhã cũng phi, Giải thoát cũng phi. Ba pháp đầy đủ xứng bí mật tạng, gọi là Đại Niết-Bàn, không thể là một hay khác, là dọc hay là ngang. Quan sát theo Viên giáo, thì ba pháp gọi là giả danh Như Lai. Kinh Phạm Võng kết thành Hoa Nghiêm giáo, đài hoa làm gốc, cánh hoa làm ngọn. Biệt làm một duyên thuyết như đây mà gốc ngọn không được lia nhau. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi kết thành Niết-bàn. Văn nói: “Hoặc thấy đức Thích-ca là Tỳ-lô-giá-na hoặc là Lô-xá-na. Bởi do duyên trước mà thấy khác chẳng phải Phật có ba. Kinh Phổ Hiền Quán kết thành Pháp Hoa. Văn nói: “Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na chính là khác tên chẳng phải khác thể”. Tổng quát ý của các kinh, nên biết ba Phật chẳng phải một hay khác, rõ ràng vậy!

Hỏi: Phẩm này không có tên của ba Phật sao giải thích?

Đáp: Tuy không nêu tên mà nghĩa kia đầy đủ.

Văn nói: “Chẳng như chẳng khác, chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi”. Đây chẳng Thiên như mà hiển bày Viên như, tức nghĩa Pháp thân “Như Lai”. Lại nói: “Như Lai như thật tri kiến (thấy biết) tướng tam giới, tức là như như trí xứng như như cảnh. Cái thấy biết của Nhất thiết chủng trí, tức Phật nhãn, đây là nghĩa Báo thân Như Lai”. Lại nói: “Hoặc chỉ

bày thân mình việc mình, hoặc chỉ bày thân người việc người”, đây tức nghĩa Ứng thân Như Lai. Nếu chỉ tánh đức của ba Như Lai là ngang, chỉ tu đức của ba Như Lai là dọc, thì “trước Pháp thân, tiếp Báo thân, sau Ứng thân” là dọc. Kinh này là Viên giáo, thuyết không dọc không ngang ba Như Lai. Nêu Như Lai ngang dọc còn chẳng phải nghĩa này, huống chi nghĩa Như Lai theo Tam tạng và Thông giáo! Lại, trước Pháp Hoa cũng nêu Viên Như Lai, đồng là thuyết trong Tích môn. Phát Tích hiển Bản ba Như Lai, vĩnh viễn khác với các Kinh. Luận nói rằng: “Thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng cho nên thị hiện ba thứ Bồ-đề: 1. Ứng hóa Bồ-đề tùy chỗ ứng hiện, tức là thị hiện, như kinh nêu xuất thân từ cùng dòng họ Thích. 2. Báo Phật Bồ-đề: Thập địa mãn túc đắc Thường Niết-bàn, như kinh nói: “Ta thật từ lúc thành Phật đến nay, trải qua vô lượng vô biên kiếp”. 3. Pháp Phật Bồ-đề: Nghĩa là Như Lai tạng tánh tịnh Niết-Bàn bất biến, như kinh nói: “Như Lai thật thấy biết tướng của tam giới”. Kinh nói đủ nghĩa, luận nêu đủ tên, không giải thích như trên thì đâu hợp với kinh luận!

Tiếp đến giải thích hai chữ “Thọ lượng”: “Thọ” là nghĩa thọ nhận. Chân như không ngăn cách các pháp, cho nên gọi là thọ nhận. Lại, cảnh trí tương ứng nên gọi thọ nhận. Lại, một kỳ báo được trăm năm không đoạn, nên gọi là thọ nhận. “Lượng” là thuyên lượng. Chữ “lượng” thì chung không có mục đích riêng biệt để căn cứ. Thuyên lượng Pháp Như Lai thì dùng như lý làm mạng, Báo Như Lai thì dùng trí tuệ làm mạng, Ứng Như Lai thì đồng duyên lý làm mạng. Thuyên lượng các mạng, hoặc hữu lượng hoặc vô lượng, hoặc phi lượng phi vô lượng.

Pháp thân Như Lai như lý mạng: Có Phật không Phật, tánh tướng thường như vậy. Không luận tương ứng và bất tương tục, cũng không hữu lượng và vô lượng. Văn nói: “Phi như, phi dị, phi hư, phi thật”, đó là thuyên lượng Pháp thân như lý mạng.

Thuyên lượng Báo thân Như Lai: Vì như như trí khế hợp như như cảnh, cảnh phát trí làm Báo, trí biết cảnh bao la làm thọ. Cảnh đã vô lượng vô biên thường trú bất diệt, trí cũng như vậy, như hộp lớn thì nắp lớn. Văn nói: “Trí lực của ta như vậy, nghiệp tu tập lâu mà được. Tuệ quang soi chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp”. Đây là thuyên lượng Báo thân Như Lai trí tuệ mạng.

Thuyên lượng Ứng thân: Ứng thân đồng duyên, duyên dài cùng dài, duyên ngắn cùng ngắn... tự kia đối với ta làm gì! Văn nói: “Thường thường hiện sinh, thường thường hiện diệt. Hoặc lại tự thuyết danh tự không đồng, số tuổi lớn nhỏ”. Đây là thuyên lượng Ứng Phật đồng

duyên mạng.

Lại nữa, Pháp thân phi lượng phi vô lượng. Báo thân trước Kim cang hữu lượng, sau Kim cang vô lượng. Ứng thân tùy duyên thì hữu lượng, ứng dụng không đoan thì vô lượng. Con đường chung về thuyên lượng thì ba câu tại Thánh, một câu thuộc phàm. Hữu lượng vô thường đều chẳng phải nghĩa Phật. Xưa đến nay, các cách giải thích chính là tăng giảm, cả hai đều hủy báng vu khống Phật thêm, chẳng phải ma là gì ! Bốn câu thuyên lượng nghĩa kia đã rõ. Vì người chưa hiểu, lại chọn lựa phân ra làm bốn câu thường v.v... trước nêu riêng, sau nêu chung. Riêng: là phi thường phi vô thường, cả hai phi lý tột cùng tức Pháp thân. Thường tức Báo thân. Báo trí cảnh hợp cũng phi thường phi vô thường. Chỉ lấy chánh trí viên mãn bất sinh bất diệt, vượt qua trước Kim cang tâm, cho nên lấy “thường” làm Báo thân, lấy “cũng thường cũng vô thường” làm Ứng thân. Ứng dụng vô tận là “cũng thường”, Phật nhiều lần nói: “Ta sẽ Niết-Bàn”, gọi là “cũng vô thường”. Vô thường thì Kim cang tâm trở về trước, trí dụng tăng tiến cho đến phàm phu sinh diệt ẩn hiện đều là vô thường. Ba thân Phật thì mỗi thân một câu, phàm phu chung một câu, Đây là căn cứ Biệt giáo mà phân biệt riêng.

Còn nói chung theo Viên giáo thì mỗi một Như Lai đều đầy đủ bốn câu. Pháp thân có bốn câu: Phi thường phi vô thường, cả hai cùng phá bát đảo của phàm Thánh. Thường, là như hư không thường. Vô thường, là không có phàm phu sinh diệt đảo loạn. Cũng thường cũng vô thường: là tịch mà song chiếu. Báo thân có bốn: Phi thường phi vô thường: Trí biết cảnh bao la, cho nên Thường là vượt quá Nhị thừa. Vô thường: Không có sinh diệt đảo loạn. Cũng thường cũng vô thường: năng song chiếu. Ứng thân có bốn: Phi thường phi vô thường: là phi báo phi sinh tử. Thường: là thường ứng thân đồng. Vô thường: là đồng vô thường. Cũng thường cũng vô thường: là cả hai đều tồn tại. Phàm phu đã được một câu vô thường, theo cách chung cũng làm bốn câu. Chỉ có lý tánh đức còn không có danh tự bốn câu, hướng chi là hành dụng ư! Có thể hiểu, khỏi phải nói ra.

Một thân tức ba thân, không một không khác. Phải biết một thân Phật tức đầy đủ công đức thọ mạng của các thân, tùy duyên cảm mà thấy ngắn dài không đồng. Đại kinh nói: “Hàng phàm phu, Nhị thừa thấy thọ mạng của Phật giống như ngày mùa đông, Bồ-tát thấy giống như ngày xuân, chỉ có Phật thấy thọ mạng của Phật vô lượng giống như ngày hạ”. Sở dĩ có như vậy, là do hàng phàm phu thì bác địa mê mờ chướng ngại mông lung, Tạng Thông Nhị thừa thì tuy đoạn Tứ trụ mà

vẫn không thấy Trung đạo. Hoặc xả Phân đoạn, thọ Pháp tánh thân, mà chưa phá vô minh, ở cõi kia phụng trì cũng là Ứng thân thù thắng, nên biết Nhị thừa chỉ thấy như ngày đông. Nếu các Bồ-tát chưa đến (địa vị thập trú) thì thấy đồng như trước, nếu phá vô minh cho đến thọ phần Pháp thân, thì đều gọi là được thấy Báo thân thọ mạng, quyết định mà nói thì cũng là thắng Ứng thân, chưa cùng tận cội nguồn báo thân, chưa cùng tận cực pháp tánh, nên thấy thọ mạng Phật cũng giống như ngày xuân. Chỉ có Phật cùng Phật mới cùng tận nguồn, thấy pháp thân thọ mạng như ngày hạ. Đại kinh nêu ba ví dụ để dụ: 1. Trong các cái Thường thì hư không là đệ nhất, trong tất cả thọ mạng thì Như Lai là đệ nhất, đây là thí dụ Pháp thân thọ mạng vô thủy vô chung tánh tướng vắng lặng, không đồng Ứng, Báo thân. 2. Thí dụ như bốn con sông đều chảy về biển lớn, đây là dụ Báo thân tu vạn điều thiện đều cảm Phật báo thân trong biển thọ mạng. 3. Trong ao A-nậu-đạt chảy ra bốn con sông lớn, đây là dụ Ứng thân thọ mạng từ Pháp Báo xuất ra đồng tha dài ngắn. Phẩm này thuyên lượng nêu thông suốt cả ba thân, nếu theo ý Biệt giáo thì chánh tại Báo thân. Vì sao? Vì nghĩa tiện văn hợp. Nghĩa tiện: là Báo thân trí tuệ trên thì sâu dưới thì hợp, ba thân rõ ràng đầy đủ, cho nên nói nghĩa tiện. Văn hợp: “Từ khi ta thành Phật đến nay rất là lâu xa”, cho nên năng làm lợi ích cho chúng sinh ba đời. Sở thành tức Pháp thân, năng thành tức Báo thân. Pháp thân và Báo thân hợp, nên năng lợi ích chúng sinh, cho nên nói văn hợp. Lấy đây mà suy, thì ý chính là luận công đức Báo thân Phật.

Lại nữa đủ mọi công đức của ba thân như vậy, đều là lúc xưa (bản) ở dưới cây Bồ-đề trước lâu đã thành tựu gọi là Bản. Trung gian ngày nay ở Tịch diệt đạo tràng thành tựu, gọi là Tích. Các kinh nói Bản Tích ấy: Tức Tịch diệt đạo tràng thành tựu Pháp Báo thân, là Bản. Từ Bản mà sinh khởi hai Ứng thân thắng liệt, là Tích. Kinh này nêu chọn Tịch tràng và trung gian thành tựu ba thân, đều gọi là Tích, chọn Bản xưa ngồi đạo tràng chứng đắc tam thân, gọi là Bản, cho nên khác với các kinh. Nếu không có Bản thì không thể thù Tịch. Nếu không có Tích thì không thể hiển Bản. Bản Tích tuy khác mà là bất tư nghi nhất. Triệu sư nói: Ý tại Tịch diệt đạo tràng đó là Bản. Lại nữa, Bản Tích tại Tịch diệt đạo tràng lại có nhiều thứ: Hoặc là dùng Niết-bàn làm Bản, từ chân khởi ứng làm Tích. Tích Bản đều không, nói năng suy nghĩ đều dứt, cho nên bất tư nghi nhất. Hoặc là dùng tục làm Bản, từ tục khởi ứng làm Tích, Tích Bản sâu rộng, địa vị thấp kém thì không thể tư duy luận bàn bờ mé, cho nên nói bất khả tư nghi nhất. Hoặc là dùng Trung làm

Bản, từ Trung khởi ứng làm Tích, Tích Bản đều ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, cho nên nói bất tư nghi nhất. Lại nữa ba thứ đây, không phải ba cũng không phải một. Không phải ba không phải một, làm Bản, mà là ba mà là một, làm Tích, đều là ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, bất tư nghi nhất. Chưa biết các sư chỉ nơi nào làm Bản Tích bất tư nghi nhất?! Nay nhiếp luôn bốn phen đều là bất tư nghi nhất trong Tích. Xa chỉ bản địa mà ba phen bốn phen bất khả tư nghi, dùng làm Bản kia, từ Bản ấy mà thùy Tích, đem Tích mà hiển Bản. Bản tích tuy khác mà bất tư nghi nhất. Bản Tích như, thế thì sao được không khác các kinh, sao được không khác các sư?

Hỏi: Các kinh đều nói thứ bậc địa vị, hoặc nhiều hoặc ít, kinh Hoa Nghiêm bốn mươi mốt vị, kinh Anh Lạc năm mươi hai vị, danh nghĩa đều rộng. Kinh này từ đầu đến cuối, đều không có việc này. Vì sao nói khác?

Đáp: Ví như người ở đời làm đủ mọi nghề, tích tụ đủ mọi bảo vật, cầu đủ mọi địa vị, nếu không có thọ mạng thì dùng tài vật địa vị làm gì? Đại kinh nói: “Ví như Trưởng giả sinh nuôi một đứa con duy nhất, thấy tướng xem tướng đứa con, nói mạng nó ngắn ngủi không thể nối dõi, cha mẹ biết rồi bỗng xem như cỏ”. Pháp môn cũng như vậy, hành đủ mọi nhân, thâm hoạch đủ mọi quả, hiện đủ mọi thần thông, hóa độ đủ mọi chúng sinh, thuyết đủ mọi pháp, độ đủ mọi người, mà tất cả đều ở trong biển thọ mạng của Như Lai. Ở trong biển thọ mạng, thì chủ yếu là pháp tánh và trí tuệ tương ứng. Chủ yếu nước cùng đổ về một nơi, còn danh xưng là cỏ, thì chẳng khác là gì!

Phần rộng khai cận hiển viên, văn chia làm hai: 1. Răn tin. 2. Chánh đáp. Đức Phật chỉ luận bàn răn bảo, chúng thọ nhận, là tin. Văn đây có ba lần răn bảo, ba lần thỉnh, một lần thỉnh lại, một lần răn lại Tích môn: ba lần thỉnh, một lần răn bảo. Trong đây bốn lần thỉnh, bốn lần răn bảo. Trước sau hợp lại có năm lần răn bảo bảy phen thỉnh. Đây là việc lớn đặc biệt, có sự ân cần trịnh trọng như vậy.

“Thành” là trung thành, “đế” là thắm thực, lời nói không dối chúng sinh, tức là chân thật. Xưa thất phương tiện tùy ý người khác mà nói, chẳng bảo thành thật. Nay tùy ý mình mà chỉ bày là chủ yếu, nên nói “thành đế”. Bồ-tát đã phụng mạng, thành thật khuyên răn không dám nghi ngờ, nghe ắt phải tin, tin nhận lời nói thành thật.

Phần Chánh đáp có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai:

1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

Pháp thuyết có hai: 1. Ba đời lợi vật. 2. Tổng kết ý không đối gạt.

Cận tình chỉ thấy hiện tại tám mươi năm, mà không biết quá khứ vô số, vị lai bất diệt, cho nên căn cứ ba đời khai cận hiển viển. Như thế lợi ích chẳng riêng gì ta, mà chư Phật cũng vậy. Cho nên, tổng kết ý không đối gạt. Trong Pháp thuyết vị lai nói ít. Trong kệ Thí thuyết vẫn nói nhiều...

Phần Quá khứ lợi vật, vẫn chia làm hai: 1. Từ “Sức bí mật thần thông của Như lai” trở xuống: tình chấp (gần) cận. 2. Từ “Nhưng, Thiện nam tử” trở xuống: phá cận hiển viển. Phần một lại chia làm ba: 1. Pháp sở mê. 2. Chúng năng mê. 3. Mê viển.

“Bí mật”: một thân tức ba thân, gọi là “bí”, ba thân tức một thân, gọi là “mật”. Lại, điều mà xưa không thuyết, gọi là “bí”, chỉ có đức Phật tự biết, gọi là “mật”. “Thần thông lực”: là dụng của ba thân. “Thần” là lý thiên nhiên, bất động, tức Pháp tánh thân. “Thông” là trí tuệ bất tư nghì không bị ngăn che, tức Báo thân. “Lực” là tài năng ứng dụng tự tại, tức Ứng thân. Đức Phật ba đời đồng có ba thân, ở trong các giáo đã bí mật không truyền, cho nên tất cả thế gian thiên nhân Tu-la cho rằng “nay đức Phật mới ở nơi cây Bồ-đề đắc ba thân này, cho nên chấp gần vì nghi xa”. Trong đây thuyết vốn không đề cập đến Nhị thừa mà chỉ đối với Bồ-tát. Bồ-tát nhiếp gồm Nhân, Thiên, Tu-la trong ba đường thiện, còn ba đường ác tội nặng căn độn ít trí không biết nghĩa nói như đây. Cho nên kinh Đại Phẩm chỉ nói Ma-ha-diễn thắng xuất Thiên, Nhân, A-tu-la, cũng không nói ba đường.

Bồ-tát có ba hạng: Hạ phương, Tha phương, Cự trú. Hạ phương tức các Bồ-tát được hóa độ ngày xưa, cho nên gọi là không chấp. Tha phương, Cự trú đều có hai thứ: 1. Từ Pháp thân ứng sinh, đời trước đã đắc Vô sinh, hoặc trước đã nghe phát Tích hiển Bản, nếu chưa được nghe thì báo tận, thọ pháp tánh thân. Ở nơi pháp thân địa, tự ứng được nghe thuyết lâu dài, cho nên ứng sinh Bồ-tát, phần nhiều gọi là không chấp gần. 2. Đời nay mới đắc Vô sinh nhẫn và người chưa đắc, đều có nói ở đây.

Từ “Nhưng, thiện nam tử! Ta thật thành Phật đến nay” trở xuống: nêu phá chấp bỏ mê để hiển Bản lâu xa, văn trên nói “lời răn bảo chắc thật” là đây vậy. Phần này chia làm hai: 1. Hiển viển. 2. Từ: “Từ đó nhẫn nại” trở xuống: nêu quá khứ lợi vật thích nghi. Phần Hiển viển chia làm hai: 1. Pháp thuyết hiển viển. 2. Nêu thí dụ cách lượng pháp thuyết. Thành Phật đến nay rất là lâu xa. Nghĩa Thành-già-da cận tức phá. Phá cận hiển viển, lược có mười ý, như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói v.v... Văn đây chính dùng phá cận hiển viển. Phá cận, nghĩa

là tình thế cận. Hiển viễn, tức thế bỏ cận giáo vậy.

Trong Thí lại có ba: 1. Nêu thí dụ và hỏi. 2. Đáp. 3. Hợp hiển bày nghĩa: lâu dài. Các kinh khác hoặc nêu số bất khả thuyết, trần sa... làm dụ. Phương pháp như đây, đây chính là nhiều. Các thế giới bị điểm bằng một bụi trần, đã là bất khả thuyết. Huống là các thế giới không bị điểm bằng một bụi trần, mà có thể tính được sao? Các thế giới bị điểm và không bị điểm bằng một bụi trần đó, đều nghiên thành vi trần, thì số vi trần ấy há có thể tính được ư? Huống là vượt quá số vi trần ấy, thì làm sao nói? 2. Từ ” Di-lặc Bồ-tát” trở xuống: đáp. Nêu ba hạng người không biết. 3. Hợp thí, như văn.

Từ “Từ đó nhãn lại” trở xuống: nêu rõ lợi vật thích nghi, lại có ba:

1. Nơi lợi vật. 2. Quét sạch mối nghi chấp Tịch bên trên. 3. Từ “Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta” trở xuống: chính nêu lợi vật thích hợp.

Cần phải hiển bày nơi chốn: Trên dẫn dụ “rất lâu xa”, thì lâu ở nơi nào? Cho nên nói: “thường ở cõi này và cõi khác” mà làm Phật sự, như văn. Từ “Ở chặng giữa đó” trở xuống: quét sạch nghi chấp tịch, nghi nhân nghi quả. Giáo xưa thuyết xứ xứ đều hành nhân, lại xứ xứ được thọ ký tức là nghi quả. Nay quét trừ nghi này. “Ta nói Phật Nhiên Đăng” tức quét trừ nghi nhân. Lại nữa, nói “có các đức Phật nhập Niết-bàn” tức quét quả nghi. Nhân quả như thế không phải một điều nữa, đều là do ta phương tiện chẳng phải thật thuyết, cho nên nói quét nghi.

Hoặc có người nói: “Phương tiện nói đức Phật Nhiên Đăng là thầy ta, nhưng thật là đức Thích-ca hiện làm. Chẳng phải sinh mà hiện sinh, chẳng phải diệt mà hiện diệt, cho nên “lại nói có các đức Phật kia nhập Niết-bàn”. Nay nói không như vậy chỉ chọn giải thích trước. Vì sao? Vì vào thời đức Phật Nhiên Đăng thế các chúng sinh duyên thuận thực, dùng Phật tượng hóa độ, duyên ta chưa thuận thực nên chỉ làm Bồ-tát theo hầu Phật và được thọ ký, được thọ ký tức là nghĩa quả. Hành hạnh tức là nhân, hiểu được văn thì tự đầy đủ. “Nói các vị kia” tức là “ở chặng giữa đó” người thiết lập giáo hóa chẳng gọi là đức Phật Nhiên Đăng. Lại nữa, ở chặng giữa lợi vật tức là có hình sắc có âm thanh cả hai đều lợi ích. Nếu nói: “Gặp Phật Nhiên Đăng”, đây tức có ích về hình. “Lại nói có các đức Phật kia nhập Niết-bàn”, nghĩa là đức Phật kia sau khi diệt độ, trợ giúp Phật hoằng hóa tức có lợi ích về âm thanh. Nếu vậy hình sắc và âm thanh đều lợi ích, đều thuộc nhân trung gian. Đã có hình sắc và âm thanh là sinh, có sinh ắt có tử, tử tức nhập Niết-bàn, gọi đây là quả. Không được nói “ở chặng giữa đó” đã thành Phật quả. Vì sao? Vì trước Pháp Hoa chưa nói thành Phật, sao lại nghi

có Phật quả! Xưa cho là “đức Phật Nhiên Đăng là do ta hiện làm”, đây cũng không phải là hiểu. Vì các kinh trước kinh Pháp Hoa chưa luận “xưa đã thành Phật”. Vì sao giáo nói đức Nhiên Đăng là ta hiện làm, mà quét trừ cái nghi này ư?

Từ “Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta” trở xuống: chính nêu lợi ích thích nghi, lại chia làm hai: 1. Cảm ứng. 2. Thiết lập giáo hóa. “Đến chỗ ta” tức là chúng sinh trong quá khứ có hai căn cơ tiêm đốn ngầm bám lấy Pháp thân. “Dùng Phật nhãn quán sát” tức là từ lâu đã thành Phật, dùng Phật nhãn soi chiếu không có sai sót, sắp muốn khởi hai Ứng thân thẳng liệt mà làm lợi ích. Căn cơ thiện gồm có hai lực: 1. Cảm Nhân Thiên hoa báo. 2. Cảm Phật đạo quả báo. Nếu dùng Pháp nhãn quán sát, thì biết vạn thiện duyên với chúng sinh dù nhiều hay ít, đều được hoa báo, mà không thể rốt ráo biết, chúng sinh ấy cuối cùng đắc quả báo là Chứng trí. Nếu dùng Phật nhãn Viên chiếu vạn thiện, thì biết chúng sinh từ đầu đến cuối. Kinh này hoàn toàn nêu Phật nhãn quán sát biết chúng sinh vạn thiện cứu cánh đắc Phật, ý chính là vì một đại sự xuất thế. “Các căn Tín v.v...” tức năm căn: Tín v.v... Tuệ căn tức liễu nhân, các căn còn lại tức duyên nhân. Hai thiện căn này đều có lợi độn, thông nhiếp cơ duyên đốn tiêm. Đốn cơ lợi độn, tức là căn cơ Viên giáo, Biệt giáo. Tiêm cơ lợi độn, tức là cơ duyên theo Tạng giáo, Thông giáo. Lại, căn Tiểu thừa gọi là độn, căn Đại thừa gọi là lợi. Lại, căn Tiểu thừa gọi là lợi, nhân thiên thừa gọi là độn. Chúng sinh trong mười pháp giới có thiện căn lợi độn, làm cơ. Không dùng ác pháp, vì ác pháp chẳng phải là duyên nhân và liễu nhân. Đức Như Lai đều chiếu soi căn cơ thiện khắp mười pháp giới, “tùy theo chỗ đáng độ” mà hiện hình sắc và âm thanh làm lợi ích.

Từ “Nơi nơi tự nói” trở xuống: chính nêu ứng hóa thích nghi, lại có hai: 1. Hình sắc và âm thanh làm lợi ích. 2. Được lợi ích hoan hỷ.

1. Hình lợi ích lại có hai: 1. Nêu rõ phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt. “Tự nói danh tự không đồng”: hình kia đã hiện thì có danh tự, do danh tự mà dẫn đến hình thể. Cơ có tốt xấu, hình có hơn thua. Hình sai khác nên danh không đồng. “Niên kỷ lớn nhỏ”, tức hình hơn thua. Hình hơn tức Thắng ứng thân, hình kém tức Liệt ứng thân. Danh không đồng tức là hai đức Phật hiện thọ hữu lượng vô lượng. “Nơi nơi”: luận theo chiều dọc thì các cõi nước hành nhân ở khắp nơi trong quá khứ; luận theo chiều ngang tức cõi nước mười phương. “Danh tự không đồng” căn cứ nơi chốn theo chiều dọc, cũng có “Sinh pháp” danh tự không đồng, như ứng thân nay hướng về đức Phật Nhiên Đăng quá khứ... Căn cứ cõi

nước theo chiều ngang thì cũng có “Sinh pháp” danh tự, như nay hưởng về phân thân. Cũng như thập hiệu trong kinh Hoa Nghiêm liệt nêu đức Thích-ca bao nhiêu tên khác không đồng. Lại, các kinh nêu Phật có ba thân danh tự không đồng, dẫn đến pháp thể cũng đều khác. Hoặc nói Tỳ-na, hoặc Xa-na hoặc Thích-ca, pháp thân Phật hoặc gọi Như như thật tướng, Đệ nhất nghĩa, Bát-nhã, Lăng-nghiêm v.v... cùng bày ra. Đây là căn cứ thân Phật thị hiện khắp pháp giới mà danh tự không đồng. Nếu hiện thân trong chín pháp giới danh tự không đồng, thì “vô lượng vô biên” có thể dùng để đạt ý. “Niên kỷ lớn nhỏ”: đây là nêu thọ mạng dài ngắn, theo ứng thân hiện như trên. Hoặc nói thọ hai vạn năm, như thời Phật Ca-diếp; hoặc nói thọ tám vạn như thời Phật Di-lặc, truyền nêu xen lẫn lớn nhỏ dọc ngang, có thể biết. Căn cứ Pháp, Báo, Ứng thân Phật, thọ mạng lớn nhỏ như Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói v.v... Hoặc là ba thân hưởng vào nhau mà phân rõ lớn nhỏ. Hoặc là ba thân, mà mỗi thân phân biệt đều là nhỏ, hợp thuyết gọi là lớn. Ví như ba phen im lặng... Đây đều tùy đối tượng đáng độ mà vì họ hiện thân và thọ mạng dài ngắn đó thôi! “Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn”: Nên dùng diệt độ mà độ người đáng độ, thì hiện diệt độ, khiến họ quyến luyến, ngưỡng mộ mà được giải thoát. Nghĩa này được nêu trong Thí thuyết bên dưới.

“Lại, dùng các thứ phương tiện mà thuyết pháp vi diệu”: là hiện âm thanh làm lợi ích. Thân nhỏ, thọ mạng ngắn, tức là thuyết Tiệm giáo, cho nên nói “các thứ phương tiện”. Thân lớn, thọ mạng dài, tức là thuyết Đốn giáo, cho nên nói “thuyết pháp vi diệu”. Tuy ban đầu dùng Tiệm giáo mà cuối cùng khiến nhập Đại thừa, cho nên nói “đều khiến được hoan hỷ”. Nhưng hoan hỷ ở đây là thiết lập giáo hóa được lợi ích. Đức Phật y tứ Tất-đàn thiết lập hai điều lợi ích về hình sắc và âm thanh, làm cho chúng sinh thấu hoạch bốn điều lợi, xứng căn cơ thì vui, trái căn cơ thì buồn. Văn dưới nói “đều thật chẳng dối”, tức là nghĩa đây.

Từ “Các thiện nam tử ! Như Lai thấy những chúng sinh” trở xuống: là hiện tại Sư tử phần tấn lợi vật, Tam-muội này có mười công đức: 1. Phân biệt người khác các căn thuần thực hay không thuần thực, thanh tịnh hay không thanh tịnh. 2. Dùng pháp luân Như Lai giáo hóa cho người chưa được độ đều nhập pháp luật. 3. Hoằng thệ cùng khắp mười phương, âm thanh cũng như vậy. Hoặc một âm thanh vang khắp hoặc trăm ngàn vạn âm thanh cũng vang khắp, dạy bảo khắp các loài. 4. Chuyển Vô thượng luân giáo hóa chúng sinh đều được diệt độ. Những người khác không thể chuyển, chỉ có đức Phật mới có thể chuyển. 5.

Năng chỉ bày người cắt tóc xuất gia giữ gìn tịnh giới, cũng có thể khiến người an vui. 6. Tánh hạnh hợp Không. 7. Phóng hào quang thị hiện diệt, hoặc còn hoặc mất, hoặc bày tướng tốt hoặc ẩn tướng tốt. 8. Hàng phục bốn ma. 9. Khiến người khác đặc nhập trọng yếu, tăng trưởng Chí, Quán. 10. Tôn trọng đầy mười điều thiện là căn bản, thân ba khẩu bốn v.v...

Văn đây chia làm hai: 1. Cơ cảm. 2. Ứng hóa.

“Như Lai thấy” tức Phật nhãn soi chiếu. “Các chúng sinh ưa pháp Tiểu thừa”: đối tượng bị thấy là căn cơ chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đại chúng tuy thanh tịnh, nhưng những người ưa pháp Tiểu thừa ấy hoặc sinh nghi hối hận, đêm dài lo buồn. Đức Phật vì thương xót họ, nên im lặng”. Kệ nói: “Bọn ấy hành chưa lâu, trí tuệ chưa sáng suốt, y thức bất y trí, nghe rồi sinh lo hối, họ sẽ đọa đường ác, thương họ nên không nói”. Xét rằng: Kinh kia không có Thanh văn nhị thừa, nhưng chỉ “người tu hành không lâu” là “người ưa pháp Tiểu thừa” đó vậy. Sư nói: “Ưa tiểu thừa, chẳng phải là người Tiểu thừa, mà người ưa Cận thuyết là người Tiểu thừa”. Nay sẽ nói chung, cái gọi là “Tham ái hai mươi lăm cõi” tức căn cơ nhân thiên, “đến chỗ ta” gọi là “ưa Tiểu pháp”. Tham ưa Niết-bàn cầu tự giải thoát, tức căn cơ nhị thừa “đến chỗ ta”, cũng gọi là “ưa tiểu pháp”. Ưa tiệm thứ cách xa Phật đạo, tức căn cơ thứ ba Bồ-tát “đến chỗ ta”, cũng gọi là “ưa Tiểu pháp”. “Đức mỏng”: là cả hai duyên nhân và liễu nhân công dụng thiện thấp kém. Văn dưới nói: “Các con thơ dại” là nghĩa này. “Tội nặng”: Kiến hoặc và Tư hoặc chưa trừ.

Hỏi: Phi sinh hiện sinh, thiết lập đầy đủ hai cách giáo hóa đốn tiệm. Thất phương tiện... có thể “ưa Tiểu pháp”, viên đốn hợp căn cơ thì phải “ưa Đại pháp”. Vì sao gọi chung là “ưa Tiểu pháp” ?

Đáp: Hưởng lược ý kia nay rộng giải thích, phạm làm bốn nghĩa:

1. Căn cứ ngày trước tuy phát tâm Đại thừa mà không chuyên tinh, phần nhiều mê đắm dục xấu không được xuất thế. Gọi dục xấu là pháp Tiểu thừa. 2. Căn cứ hiện tại, như Phật chưa xuất thế các hàng Thiên, Nhân tuy có căn cơ Đại thừa mà tâm ham đắm thế gian tà kiến, cho nên gọi là “ưa Tiểu pháp”. Hai nghĩa đây đồng với ý trong thí dụ bên dưới: “lăn lộn trên đất”. 3. Căn cứ sự tu hành, tuy không ưa dục xấu Tiểu pháp trong tam giới, mà ưa “Khôi đoạn” của Tam thừa, cũng gọi là Tiểu pháp. Tuy không ưa cận quả tam thừa, mà ưa trải qua Biệt tu nhất thừa, nhưng không thể nhất tâm Viên đốn phổ tu, cho nên gọi “ưa Tiểu”. Ba ý này là căn cứ nhân môn mà nêu ưa pháp Tiểu thừa. 4. Căn cứ quả môn,

ưa nghe Tiểu thừa Cận thành, tức là ra khỏi cung họ Thích mới đắc Bồ-đề, mà không muốn ưa nghe đạo Đại thừa lâu xa, cho nên nói “ưa Tiểu pháp”. Những người tâm Tiểu thừa này chẳng phải mới ngày nay. Nếu trước ưa Đại thừa, thì đức Phật không nói “mới thành”. Nói “mới thành” ấy, đều là vì những người ưa pháp Tiểu thừa.

Từ “Đức Phật vì người đó nói” trở xuống, là hiện tại ứng hóa, chia làm hai: 1. Phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt.

Phi sinh hiện sinh lại có hai: 1. Hiện sinh. 2. Lợi ích.

Hiện sinh lại có hai: 1. Hiện sinh. 2. Phi sinh.

Hiện sinh: Tích hiện tại sinh, phi sinh là chẳng phải mới sinh. Vì người ấy mà nói “ta mới đắc Bồ-đề” nên trước nêu hai hạng căn cơ lợi độn cảm đến Pháp thân, nay thì hiện Thắng và Liệt ứng thân. Liệt ứng thân ứng với độn căn, Thắng ứng thân ứng với lợi căn. Ứng với hai hạng này đều có Sinh thân Pháp thân sinh. Liệt ứng hai thân sinh, dùng chánh tuệ thác thai, (xuất) sinh ra đi bảy bước như Ca-chiên-diên tử thuật lại, cho đến sáu năm khổ hạnh trở lại đó gọi là Sinh thân sinh. Pháp thân sinh tức ba mươi bốn tâm đoạn kết, tập khí tận, đắc ngũ phần Pháp thân. Thắng Ứng sinh thân sinh: như các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm nói: “Cùng các Bồ-tát ở trong thai Ma-da, thường thuyết Đại thừa, sinh ra đi khắp mười phương mỗi mỗi đều bảy bước, đó gọi là Sinh thân sinh. Pháp thân sinh: Là ở nơi Tịch diệt đạo tràng, tâm sau Kim cang, đoạn tận vô minh, đắc Diệu giác tương ứng tuệ, chiếu cùng tận pháp tánh, vạn đức chủng trí tròn đầy sáng suốt cùng khắp, đó gọi là Pháp thân sinh.

“Xuất gia”: Liệt ứng thân thì ra khỏi nhà Phân đoạn sinh tử, Thắng ứng thân thì ra khỏi hai nhà sinh tử. “Đắc Bồ-đề: Liệt ứng thân đắc “Hữu tác Tứ đế” phát khởi Vô lậu trí, Tận trí, Vô sinh trí, gọi là Bồ-đề; Thắng ứng thân tức chiếu đạo Nhất thật của Tam đế, Nhất thiết chủng trí làm Bồ-đề. Từ “Nhưng thật sự ta thành Phật” trở xuống: là nêu Bản thật bất sinh, chỉ thiên nhân tu-la, thấy hai thứ Sinh Pháp hai thân, gọi là mới sinh. Đây thì không như vậy, ta từ lâu đã đắc hai thân Sinh, Pháp này. Ngày nay sinh chẳng phải thật sinh cho nên nói: “lâu xa đường ấy”. “Đường ấy” là “lâu dài” như thí dụ trên. “Chỉ dùng phương tiện” trở xuống: nêu đã chẳng phải thật sinh vì sao hiện sinh? Vì lợi ích cho người ưa Tiểu pháp đức mỏng tội nặng, khiến họ thành Phật đạo, cho nên nói: “Chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh. “Nên nói như thế”: phi sinh mà hiện sinh cho nên nói “nên nói như thế”.

Các kinh khác phá Liệt ứng Sinh thân sinh phi sinh, chứ không thể

phá Liệt ứng Pháp thân sinh phi sinh. Kinh này chính phá Thắng ứng Pháp thân sinh phi sinh. Vì sao? Vì “từ ta thật thành Phật đến nay, lâu xa dường ấy”, cho nên biết ngày nay cả hai Liệt và Thắng pháp thân sinh đều bị phá, nên sinh phi sinh vĩnh viễn khác với các kinh khác.

Từ “Kinh điển của Như Lai nói ra” trở xuống: nêu dùng hình sắc và âm thanh làm lợi ích cho chúng sinh đời hiện tại, chia làm hai phần: Trước nêu hình sắc và âm thanh, tiếp nêu Không đối. “Thuyết” tức dùng âm thanh thuyết giáo. “Thị” tức dạy bằng hình thức qui cũ. Hình sắc và âm thanh không ngoài mình và người khác. Nếu nói Pháp thân, thì “nói thân mình”. Nếu nói Ứng thân, thì là “nói thân người”. Lợi ích nói “gặp đức Phật Nhiên Đăng”, tức là “nói thân mình”, “Phật Nhiên Đăng là thầy ta”, là “nói thân người”. Thị hiện chánh báo là “chỉ việc mình”, thị hiện y báo là “chỉ việc người”. Tùy ý người mà nói là “nói thân người”, tùy ý mình mà nói là “nói thân mình”. “Chỉ việc người” và “chỉ việc mình” cũng giống như đây. Từ “Các lời nói ấy đều thật chẳng dối” trở xuống, là phần hai: không đối, lại có hai: Trước, nêu Không đối, tiếp Giải thích không đối. Ban đầu riêng căn cứ âm thanh lợi ích không đối mà giải thích, tức cả hai giải thích không đối. Ban đầu không đối: hai loại căn cơ tiệm đốn vâng theo hai thứ hình sắc âm thanh này, đều lợi ích chẳng đối. Chương nói quá khứ bên trên nêu đều hoan hỷ, tựa như lợi ích thế giới, nay nêu đều không đối. Hình tiếng của Thắng và Liệt ứng thân hợp với hai hạng căn cơ, thấu hoạch tứ Tất-đàn đều chẳng đối. Đại luận nêu tứ Tất-đàn đều thật, Thế giới tất nhiên thật, Đối trị, Vị nhân tất nhiên thật. Thuần nhất mà luận làm ba, là thế gian thật thì thật này tức giả dối, trong duyên cũng có thế gian ba thật và Đệ nhất nghĩa tức giả dối, Nếu dùng cái thật giả này dựa vào hai môn Bản Tích, thì tiệm đốn lợi ích là giả thật. Xưa tu hành theo phương tiện, chưa được lợi ích của đạo thật, tức là nhân kia hư dối. Chấp vào cận Tích chưa được lợi ích Bản địa chân thật, tức là quả hư dối. Nay nghe thuyết Tích môn đồng nhập thật tướng, tức được lợi ích thật trong Nhân. Nghe thuyết Bản môn tức trừ tình chấp cận, được lợi ích thật của quả địa lâu dài. Nay đặc hai thật đối với hai đối xưa là căn cứ vào chúng sinh viên đốn. Đối với Tích môn Bản môn, một thật một đối, mà đặc hành Trung đạo, đó là đặc lợi ích thật trong Nhân mà chấp quả cận, là giả dối về quả. Nay nghe thuyết nhân lại không riêng được lợi ích chân thật, nghe thuyết quả viên (xa) thì được lợi ích quả thật. Xưa có một giả dối, nay đặc một thật, cho nên nói “đều thật chẳng dối”.

Hỏi: Xưa nay Đại thừa hiển thật tướng, mà người ngộ thì có trước

sau, vậy phải có sai khác?

Đáp: Ban đầu nhập, kế tiếp nhập, cho đến phá bỏ thảo am, cùng nhập Trung đạo. Chỉ vì nhập có tiệm đốn cho nên phân hai giáo, ví như nhập Chân đế, người độn căn thì dựa vào quán phân tích pháp vô thường... Người lợi căn thì quán thể pháp không, cho nên phân ra làm Tạng, Thông vậy.

Từ “Vì sao? Vì Như Lai đúng như thật thấy biết” trở xuống, là tổng giải thích lợi ích vật chẳng hư dối. Trước hết là giải thích hình sắc lợi ích, tiếp theo là giải thích lời nói lợi ích không dối. Trong đây có sáu câu hiển bày Ứng thân không lia Pháp thân, Pháp thân không hình tướng cũng không khởi diệt, căn cơ chúng sinh có khởi diệt cảm Pháp thân, vì nguyện lực Như Lai nên tương ứng đồng khởi diệt. Cái thấy khởi ra từ chúng sinh, cho nên căn cứ ba cõi mà nêu các câu. Lại chia làm hai: 1. Chiếu lý không dối. 2. Từ “Bởi vì các chúng sinh” trở xuống: nêu Xứng cơ không dối. Đạt lý xứng cơ thiết lập giáo hóa chúng sinh chắc chắn chẳng dối gạt.

“Đúng như thật thấy biết” tức là thật trí. Như lý mà chiếu sự thật của ba cõi, thật thì không có nhân tướng của ba cõi. “Không có sinh tử”: là không có khổ của hai thứ sinh tử. Khởi Tập gọi là “thoái”, vô thường quả hiện gọi là “xuất”. Cũng “không ở đời” sinh tử “và nhập diệt” Niết bàn. Hai thứ này đều diệt, cho nên nói “cũng không ở đời và diệt độ”. Chẳng phải diệt độ là thật, chẳng phải sinh tử là hư, cho nên nói “chẳng phải thật chẳng phải hư”. Chẳng phải thế gian là riêng biệt khác thường, chẳng phải xuất thế là chân như, cho nên “chẳng phải như chẳng phải khác”. Bốn câu này nêu rõ Trung đạo. Nếu cả hai chẳng phải nhị biên, thì kết câu nhất định là nhất biên, ví như phi sinh phi tử thì kết câu là sinh, là sinh là tử thì kết câu là tử, là thoái là xuất thì kết câu là thoái, phi thoái phi xuất thì kết câu là xuất; phi hư phi thật thì kết câu là thật, là hư là thật thì kết câu là hư. Lưu truyền như thế, nay đều chẳng phải thế, cho đến đơn phức và đầy đủ cũng đều chẳng phải như thế, mới hiển ý Trung đạo. “Chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi”, không như hai loại chúng sinh trong ba cõi mà thấy tướng ba cõi. Chỉ có đức Phật là người duy nhất biết rõ đến cùng đúng như thật về thật tướng của ba cõi. Trong đầy đủ dụng của Thật trí cũng là “tùy ý mình nói”, cũng là “hoặc nói việc thân mình”. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: “Trong Đệ nhất nghĩa không còn phân biệt”. Như Lai Quyền trí như lượng thấy biết tướng tam giới, tức như thấy chúng sinh tam giới, thấy biết như thật không có hai thứ tử mà tùy ý người chỉ bày hai thứ tử thân, nói có hai

thứ tử, không thoái không xuất mà tùy ý người cho nên nói có thoái có xuất, cũng không ở đời và diệt độ mà tùy ý người cho nên thị hiện sinh tử thế gian thị hiện nhập Niết-bàn. Thuyết “có ở đời có đắc diệt”, là không thật mà nói Niết-bàn là thật, không hư dối mà nói tam giới là hư dối, tam thế không khác mà nói có khác, không có như của chân đế mà nói có như, “giống như tam giới mà thấy tam giới” đều là tùy ý người nói, gọi là “hoặc nói thân việc người, hiện thân việc người”. Nhị trí của Như Lai biết rõ nhị đế, do đó hình tướng lời nói cả hai đều lợi ích, đều là chân thật không hư dối.

Từ “Bởi vì các chúng sinh” trở xuống: giải thích xứng hợp căn cơ, không hư dối. Trước, nêu cơ cảm. Tiếp, luận về thiết lập giáo hóa. Bởi vì các chúng sinh căn cơ lợi钝, tiệm đốn không đồng, các thứ tánh dục hạnh trí đủ loại sai biệt, muốn khiến cho họ được tăng trưởng các thiện căn cho nên nói về mình và người để cho thấy là không đối gạt, dùng nhân duyên thí dụ. Căn tánh tiệm đốn có đủ mọi thứ, đây nên dùng Vị nhân Tất-đàn. Vị nhân Tất-đàn chính làm sinh trưởng các thiện căn. Thiện căn cũng là “tánh”, tập dục thành tánh, nay vì sao trước tánh sau dục? Giải thích rằng: “Nhân có căn tánh ngày xưa mà năng khởi ưa muốn ngày nay. Như nhân phiền não cho nên có ngũ ấm, lại nhân ngũ ấm lại có phiền não, không trước không sau. Tánh dục cũng như vậy, chủ yếu là do huân tập dục mà thành tánh. “Dục”: Là hai căn cơ tiệm đốn, hoặc là các thứ ưa muốn không đồng, đây cần phải dùng Thế giới Tất-đàn. “Hạnh”: là khởi làm hạnh nghiệp, tùy ưa muốn mà tu các hạnh, đây nên dùng Vị nhân Tất-đàn. Trong hạnh mà ham nhiều ái trước đến nỗi có sự ngăn chướng, thì đây cần dụng Đối trị Tất-đàn. “Nhớ tưởng”: là trí tuệ tức tương tư giải, do tu hành cho nên năng được giải sinh, đây là phương tiện cũng chưa xứng lý vô ngôn thuyết đạo, cũng là quán niệm tưởng. Chúng sinh tiệm đốn ở địa vị nội phàm, ngoại phàm có các thiện căn ưa muốn, vì ưa muốn cho nên tu hành, vì tu hành cho nên đắc tương tự giải, đây cần phải dùng Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Tuy kia được hiểu nhớ tưởng lại mà vì họ thuyết pháp, liền được sáng tỏ ngộ Đệ nhất nghĩa cho đến khi ở Sơ địa mà ưa muốn tu hành Nhị địa, cũng nhớ tưởng cảnh nhị địa tức là “niệm tưởng”. Nếu phát sinh thấu hiểu một cách chân chánh về nhị địa, tức là niệm tưởng quán trừ ngôn ngữ pháp diệt, thì cho đến Phật mới chứng đắc cứu cánh lìa nhớ tưởng, thâm hoạch thường tịch chiếu.

Từ “Muốn làm cho sinh các thiện căn” trở xuống: chánh đối căn cơ thiết lập lợi ích do hình tướng và lời nói của mình của mình và của

người. Đối với các thứ căn cơ tiêm đốn, khiến sinh các thứ thiện căn, cho nên hiện bao nhiêu việc thân mình việc thân người, bao nhiêu âm thanh của mình của người để giáo hóa, bao nhiêu nhân duyên thí dụ. Nếu đối căn cơ tiêm, thì dùng bốn môn trong Tam tạng, biết bao nhân duyên thí dụ, ở trong mỗi mỗi môn lại có dường ấy. Như vì người giải đãi nói Khổ nhẫn, vì người ngã mạn mà nói Vô thường nhẫn... Bốn môn Thông giáo cũng như vậy. Nếu đối với hạng căn cơ đốn như Biệt, Viên... thì cũng có bốn môn biết bao nhiêu thứ, như ba mươi hai vị Bồ-tát đều thuyết nhập pháp môn Bất nhị trong Hoa Nghiêm, các thứ hạnh loại tướng mạo, đều vì các thứ căn cơ mà thiết lập “bao nhiêu thí dụ ngôn từ, các cách thuyết pháp”. “Làm các Phật sự chưa từng tạm phế bỏ”: Tổng kết ý không đối: Như trên bao nhiêu hình tướng và âm thanh của mình của người đều khiến cho chúng sinh nhập tri kiến Phật không vì việc nhỏ của Nhân, Thiên, Nhị thừa cho nên nói: “làm các Phật sự” Nếu chỉ riêng một người được diệt độ, những người khác không được, thì chỗ làm Phật sự có phế bỏ tức khiến cho chúng sinh không được thật lợi ích, thì sao hợp với “đều thật chẳng đối” được? Thế nào là “đều thật”? Xưa nói: Ta ngồi đạo tràng không đặc một pháp thật, Thất phương tiện đều chẳng phải cứu cánh diệt. Hai thứ Niết-bàn là phương tiện, là nắm tay không (không quyền). Cho nên chỉ biết có hư dối chưa thấy “đều thật”. Nếu xưa thiết lập bảy quyền bèn không được nhập một thật thì có thể nói đó là hư dối. Dối gạt dẫn ra, không có dối gạt ra mà không nhập thật, cho nên biết xưa dối gạt làm thật. Đều là thật chẳng hư dối làm Phật sự không bỏ phế là nghĩa đây vậy.

Từ “Như thế từ ta thành Phật đến nay rất lâu xa” trở xuống: nêu phi diệt hiện diệt, lại có hai: 1. Phi diệt hiện diệt. 2. Từ “Đức Như Lai dùng phương tiện” trở xuống: lợi ích của hiện diệt.

Phi diệt hiện diệt lại có hai: 1. Nêu Bản thật bất diệt. 2. Từ “Nhưng nay” trở xuống: trong Tích xương diệt.

Từ “Từ ta thành Phật đến nay” trở xuống: nêu quả vị thường. “Thường trụ bất diệt”, dựa vào bốn chữ này nêu rõ đời vị lai thế lực oai mạng “thường trụ” lợi ích chúng sinh. “Ta xưa tu hành...” là nêu nhân so sánh quả để nêu rõ “thường trụ”. Người xưa căn cứ đây để chứng minh vô thường nói: “Trước trải qua hằng sa số kiếp, sau gặp bội hơn số trên, thần thông kéo dài tuổi thọ cũng là vô thường”. Đây là chấp thủ ý văn một cách kỳ quặc, phạm lỗi lầm lớn! Kinh nêu nhân so sánh quả, quả chẳng tính được. Kinh dạy: “Từ lâu tu hành nghiệp đặc thọ mạng vô số kiếp, chẳng phải thần thông kéo dài thọ mạng. Vì sao? Vì đức Phật tu

Viên nhân, khi đấng Sơ trụ thì đã đắc thường thọ. Thường thọ thì rất hơn thọ, đã gấp bội số trên, hưởng chi lại là quả! Tại sao lại bỏ so sánh quả! Nếu chấp nhân có thể so sánh, ví dù làm tốt nhân này thì đã là thường, tức không phải vô thường. Như Thái tử lúc bấy giờ lộc hưởng không thể hết, so với lên đến địa vị tôn quý tốt cùng thì lộc dùng sao có thể hết!. Văn đây nêu rõ, đâu cần quay lại nghi lằm đời sau!

“Nhưng nay chẳng thật”... là nêu trong Tích xương diệt. Ba thân đều có nghĩa phi diệt xương diệt. Như kinh Tịnh Danh nói: “Pháp vốn bất sinh, nay thì vô diệt” tức là Pháp thân phi diệt. Lại nói: là nghĩa tịch diệt tức là xương diệt. Vì sao? Vì nếu đã hiểu rõ nghĩa, thì không xương tịch diệt; vì người chưa hiểu nên xương đó thôi! Nếu nói chiếu tịch tức là xương diệt, nếu nói tịch chiếu tức là xương sinh. Phàm là Pháp thân tuy phi sinh phi diệt mà cũng có sinh diệt. Nếu mê tâm chấp trước, thì phiền não sinh mà trí tuệ diệt. Nếu giải tâm không nhiễm, thì trí tuệ sinh phiền não diệt. Diệt hoặc sinh giải, đây tức là Vô thường diệt. Nếu giải sinh, hoặc diệt thì tức là Tịch diệt. Sinh diệt đây đều căn cứ pháp tánh mà nói. Nếu không có hai duyên mê và giải, thì không xương có sinh diệt này. Báo thân phi diệt xương diệt: Ai có trí tuệ, ai có phiền não mà nói trí tuệ năng phá? Đây tức sáng tối không loại trừ nhau, tức nghĩa Báo thân bất diệt. Chúng sinh chưa hiểu, nghe đây liền cho đó tức là Phật mà sinh tâm kiêu mạn phóng túng, không còn tu đạo, cho nên Phật lại xương nói: “Đạo năng diệt hoặc”. Khi có phiền não thì không có trí tuệ, khi có trí tuệ thì không có phiền não. Lẽ nào chẳng phải trí tuệ mà diệt được phiền não ư? Ứng thân phi diệt xương diệt: Ứng thân là dụng của Pháp, Báo thân. Thể đã không diệt thì dụng lẽ nào cùng tận? Tức Ứng thân bất diệt. Nhưng vì chúng sinh nếu thường thấy Phật thì sinh kiêu mạn phóng túng, cho nên Phật xương rằng: “Ta trong đêm nay sẽ diệt độ”. Lại, Pháp thân đương thể rõ ràng là bất diệt. Báo thân nói bất diệt, ắt căn cứ Pháp thân. Dùng lý mà luận trí tuệ năng phá. Vì “đến” cho nên phá “không đến”, phá vì chung hay vì riêng? Như đây mà suy, thì lý không có công năng phá, tức nghĩa trí tuệ không diệt hoặc. Có trí tuệ thì không có phiền não, tức là trí tuệ năng diệt hoặc. Ứng thân nói bất diệt, cần phải dựa vào Pháp Báo thân. Pháp, Báo thân thường nhiên, Ứng thân dụng không dừng; chúng sinh không hết, thì không diệt độ. Nếu Pháp thân đương thể luận bất sinh diệt, Báo thân liễu đạt không năng sinh diệt, thì Ứng thân tương tục không sinh diệt...

Từ “Đức Như Lai dùng phương tiện đó giáo hóa” trở xuống, nêu thị hiện diệt làm lợi ích chúng sinh. Lại có hai phần: 1. Không diệt độ

thì chúng sinh có tổn hại. 2. Từ “Đức Như Lai dùng phương tiện nói: Tỳ-kheo phải biết” trở xuống nêu: Nếu xướng diệt độ thì lợi ích cho chúng sinh.

Phần đầu lại chia làm hai: 1. Không diệt thì có tổn hại. 2. Rộng giải thích không diệt độ.

- Có tổn hại: Như trước nói “người ưa Tiểu pháp”, thấy Phật thường còn, cho nên “không gieo trồng thiện căn, bần cùng hèn hạ”. Không sinh hai thứ thiện, cho nên không có lợi ích. Kiến, Tư hoặc không đoạn; không đoạn hai thứ ác, thì có tổn hại. “Tham trước ngũ dục, sa vào trong lưới nhớ tưởng”: Nhớ tưởng tức là Kiến hoặc, ngũ dục tức Tư hoặc. Do các chúng sinh tội nặng này, cho nên cần phải xướng diệt. Không xướng diệt thì hai món ác sinh mà không diệt, hai món thiện tổn hại mà không sinh. Nếu giải thích theo nghĩa Tứ Tất-đàn: Hiện diệt thì hai ác diệt, hai thiện sinh. Vì diệt hai ác nên dùng Đối trị và Đệ Nhất nghĩa. Đệ Nhất nghĩa thì diệt cái ác chưa sinh. Đối trị thì diệt cái ác đã sinh. Thế giới Tất-đàn và Vị nhân Tất-đàn sinh hai món thiện: Thế giới sinh cái thiện chưa sinh, Vị nhân sinh cái thiện đã sinh. Lại, Thế giới diệt cái ác đã sinh, Đối trị diệt cái ác chưa sinh. Như thiền ngũ ấm thì diệt cái ác của Dục giới, tức là Thế giới Tất-đàn thì diệt cái ác đã sinh, Vị nhân thì sinh cái thiện đã sinh. Đệ nhất nghĩa thì sinh cái thiện vô vi chưa sinh.

Từ “Nếu thấy đức Như Lai” trở xuống: giải thích rộng. “Nếu thấy Phật thường còn, thì sinh tâm buông lung kiêu mạn”, cho nên có tổn hại, “không thể sinh lòng cung kính”, cho nên không lợi ích. “Buông lung, kiêu mạn” thì tăng Kiến hoặc. “Nhàm trễ” thì sinh Tư hoặc. “Không sinh tưởng khó gặp Phật”, tức không thể sinh giải kiến đế. “Không cung kính” tức không thể sinh tư duy đạo, vì nghĩa này, cho nên cần phải thị hiện diệt độ. Nếu chúng được nghe ba đức Phật bất diệt thì chúng sẽ buông lung kiêu mạn”, liền cho rằng chúng sinh như Di-lặc, như một, như không có hai, như bình đẳng, tức chân. Do đó mà sinh tâm thương mạn kiêu căng, cho rằng tất cả phiền não vốn tự không sinh, nay cũng không diệt cần gì tu đạo, tức liền mặc tình phóng túng. Vì thế lời Phật xướng lên là nghĩa tịch diệt. Lại, nghe tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, tướng Bồ-đề tức tướng phiền não, như sáng tối không loại trừ lẫn nhau, hiển xuất Phật Bồ-đề, chúng sinh nghe điều này liền khởi tâm kiêu mạn, buông thả, không còn tu thiện, biếng nhác phóng túng. Vì những hạng người này cho nên Phật xướng lên nói: Trí tuệ Báo thân năng diệt phiền não, trí Phật Bồ-đề năng diệt sức vô minh lớn. Ứng thân phi diệt hiện diệt thì dễ hiểu. Hoặc xướng nói: “Pháp vốn không

sinh nay cũng không diệt, chủ yếu cần phải diệt Hoặc, mới là tịch diệt”. Kinh dạy: “Trí tuệ không diệt phiền não nhưng khi sáng thì không có tối”. Ông nay đầy đủ phiền não thì làm sao có trí tuệ được? Phải biết trí tuệ năng diệt chướng hoặc. Chúng sinh nghe xướng diệt như vậy, liền đối với ba đức Phật khởi tưởng khó gặp, khởi tâm cung kính.

Từ “Cho nên, đức Như Lai dùng phương tiện” trở xuống: nêu xướng diệt có lợi ích, chia làm hai phần: Một, tán thán Phật khó gặp. Hai, giải thích khó gặp. Ba Phật đều khó gặp. Chúng sinh ưa đắm pháp Tiểu thừa thì Kiến Tư chướng nặng, nghe ba thân bất diệt, thì không tu đạo, khó được khế hợp. Từ “Vì sao?” Trở xuống, là giải thích khó gặp. “Những người đức mỏng trải qua trăm ngàn kiếp, hoặc có thấy Phật hoặc không thấy”: nếu thấy ba đức Phật thì là người kia nhiều thiện ít ác, không vì người đó mà xướng diệt độ. Người đó thấy Phật thường ở núi Linh-thứu. “Hoặc không thấy Phật”, là người chướng nặng thiện nhẹ, vì họ mà nói ba thân Phật khó gặp. Chúng sinh đó nghe liền nghĩ rằng: ba thân Phật tuy lại phi sinh phi diệt, ắt phải sinh thiện diệt hoặc thì mới được chứng kiến. Việc này không dễ, cho nên nói “khó gặp”. “Mang lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật”: đây nêu ý hiện diệt không tổn hại. Diệt Kiến hoặc và Tư hoặc, gọi là không tổn hại. “Trông các cội lành” gọi là có ích.

Từ “Lại, thiện nam tử !” trở xuống, là đoạn lớn thứ hai: Kết, ba đời lợi chúng sinh. Chúng sinh được lợi ích thật. Lại chia làm ba: 1. Chư Phật xuất thế đời ngũ trước, ắt trước ba sau một, trước cận sau viễn. 2. Điều là vì độ chúng sinh. 3. Điều chẳng hư vọng.

Từ “Ví như vị lương y” trở xuống là nói thí dụ. Có Khai thí và Hợp thí.

Khai thí chia làm hai phần: 1. Dụ Lương y trị bệnh cho con, ví như trên “ba đời ứng hóa thích nghi”. 2. Dụ trị bệnh con thật lợi ích, ví như trên “ba đời lợi vật không dối”. Văn trên nói vị lai ít, ở đây có đầy đủ. Phần một chia làm ba: 1. Dụ Thầy thuốc đi xa, ví như nghĩa trên “quá khứ lợi vật” 2. Trở về rồi lại đi, ví như hiện tại ứng hóa. 3. Từ xa trở về, ví như vị lai ứng hóa.

Phần thầy thuốc đi xa lại chia làm hai: 1. Phát cận hiện viễn. 2. Nêu ứng hóa quá khứ thích nghi, ở đây chỉ thí dụ ứng hóa thích nghi. Thích nghi có ba: 1. Xứ sở. 2. Quét trừ nghi Tích. 3. Chánh ứng hóa. Nay chỉ thí dụ ứng hóa. Ứng hóa lại có hai. 1. Cơ cảm. 2. Chánh ứng hóa.

Nay thí dụ đầy đủ “Như có lương y”: là thí dụ vượt hơn bên trên: Ta dùng Phật nhãn quán thấy người có trí năng ứng. Từ “Người đó nhiều con cái” trở xuống là thí dụ trở lại nghĩa “Nếu có chúng sinh nào

đến chỗ ta” bên trên, là những người mà căn cơ có thể cảm hóa. Trên ứng hóa thích nghi lại có hai: 1. Lợi vật. 2. Hoan hỷ.

Nay chỉ thí dụ lợi vật. Trên lợi vật có hai: 1. Phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt. Đây chỉ thí dụ hiện diệt. Ban đầu nói “vị lương y”, Thầy thuốc có mười loại. 1. Trị bệnh thì bệnh tăng không giảm, hoặc có khi đến chết, dụ cho ngoại đạo “Không kiến”, ý buông lung hành ác, dạy người khởi tà đoạn thiện căn, pháp thân đã mất tuệ mạng cũng chết. 2. Trị bệnh thì bệnh không tăng không giảm, dụ cho ngoại đạo “Hữu kiến” khổ hạnh, “đầu yên, phó hoả” khổ hạnh hành thiện, không đắc thiền định không thể đoạn kết, tức bệnh không giảm, cũng không năng đoạn thiện, tức bệnh không tăng. 3. Trị bệnh thì bệnh giảm mà không tăng, chỉ thầy thuốc gia truyền trị khỏi bệnh rồi bệnh sinh trở lại, tức là ngoại đạo tu định đoạn kết. 4. Trị bệnh có thể khiến khỏi bệnh rồi không còn phát trở lại, mà đối tượng được trị không cùng khắp, tức hàng Nhị thừa chỉ trị một, hai hạng người có duyên, không thể trị khắp hết tất cả mọi người. 5. Tuy có thể trị khắp nhưng không khéo dùng thuật trị bệnh đau khổ. Thích luận gọi đó là chuyết (vụng) độ, tức là Bồ-tát tu Lục độ từ bi trị rộng. 6. Có thuật trị bệnh rất mâu nhiệm, trị không còn đau đớn khổ sở mà không thể trị người phải chết. Ví như Bồ-tát Thông giáo thể nghiệm được pháp, chỉ trị bệnh. “Có trở lại phàm phu”, mà không thể trị mất hạt giống Nhị thừa. 7. Tuy trị bệnh khó chữa, mà không một lúc trị tất cả bệnh, tức là Bồ-tát Biệt giáo. 8. Có thể một lúc trị tất cả bệnh, mà không thể khiến bình thường lại như cũ, tức Bồ-tát Viên giáo Sơ tâm Thập úc. 9. Năng trị khắp tất cả bệnh, cũng có thể trở lại bình thường như cũ, mà không thể khiến vượt quá tình trạng cũ (mạnh hơn...) tức Bồ-tát Viên giáo hậu tâm. 10. Một lúc trị tất cả bệnh, không những làm cho bình thường trở lại, mà còn khiến vượt quá hơn cũ, tức là Như Lai. Ba loại thầy thuốc trước tức trong Đại kinh nói “thầy xưa dùng thuốc sữa”, bảy loại sau là “thầy mới”, không có phương thuật mà chỉ dùng thuốc cay đắng chất, dụ cho các pháp vô thường, khổ, không... Người có phương thuật từ xa về, lại cho uống sữa, là vị lương y tối hậu cứu cánh.

“Lương”: thiện. Bên trong có “Tam đạt, ngũ nhãn”, tức là tám thuật khéo hiểu được tánh thuốc; “Khéo trị các bệnh” bên ngoài thì biết nguyên nhân gây bệnh, có thể dùng thuốc. “Trí tuệ”: quyền thật nhị trí biết sâu Nhị đế. “Thông đạt”: Ngũ nhãn quán sát căn cơ đốn tiệm không sai lầm. Mười hai bộ giáo văn lý rất sâu, như “giỏi luyện phương thuốc” nương Tứ Tất-đàn trị bệnh chúng sinh, như “khéo trị các bệnh”. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Y vương đại y vương, vì đại y cho nên gọi

là “lương y”.

“Có nhiều con cái”, “hoặc mười” tức Thanh văn, “hai mươi” tức Bích-chi-phật, “hàng trăm” tức Bồ-tát. Bồ-tát là con. Có ba loại nghĩa con: 1. Căn cứ tất cả chúng sinh đều có tam chủng tánh đặc Phật tánh, tức là Phật tử, cho nên nói: “Chúng sinh trong đó đều là con ta”. Văn đây nói: “Người đó nhiều con”. Căn cứ mười tâm sở pháp tức là “trăm con”, tâm vương là chánh nhân Phật tánh, tuệ là liễu nhân Phật tánh, chín thứ còn lại nương nhau mà khởi, thuộc duyên nhân Phật tánh, khi một tâm sở khởi thì chín tâm sở còn lại phò trợ, như vậy thành một trăm. Tánh đức Phật tử chẳng thiện chẳng ác mà thông thiện ác, cho nên mười tâm sở này cùng tâm vương làm thông tâm sở. Chính do tánh mà đặc “tam nhân”, thì đều thuộc Chánh nhân Phật tử. 2. Căn cứ xưa kết duyên làm Phật tử, như mười sáu vị vương tử giảng lại kinh Pháp Hoa, người nghe pháp lúc ấy cũng sinh hiểu ít, tức thành Liễu nhân Phật tánh, xưa có tu hành ít gọi là Duyên nhân Phật tánh. Chánh tánh làm gốc. Tam nhân này đều thuộc duyên nhân giúp để phát sinh hiểu biết nhất thật ngày nay, cho nên dùng những chúng sinh đã kết duyên ngày trước làm Duyên nhân Phật tử, tức là ba mươi người con trong Nhà lửa vậy. Đây là căn cứ Thập tín. Khi một tín khởi, thì đủ chín tín còn lại khởi, tức là có một trăm tín cho nên được kết duyên làm Phật tử. 3. Liễu nhân Phật tử: tức là ngày nay nghe kinh Pháp Hoa, an trụ trong Thật trí. Ta nhất định sẽ thành Phật, quyết dứt bỏ pháp Thanh văn. Kinh này là vua của các kinh. Từ khẩu Phật sinh, đặc pháp phần của Phật, cho nên gọi là chân tử (con chân thật). Đây cũng có tam nhân Phật tánh, nay đã hiển rõ thấy Phật tánh, đều thuộc Liễu nhân Phật tử. Nghĩa “trăm con” lại đem mười tâm sở nhập trong mười thiện pháp, Thập tín nhập trong Sơ trụ, vì vậy cho nên Chánh nhân thông cả bản mặt. Văn đây nêu “trăm con” không dùng nghĩa Liễu nhân Phật tử. Thuộc Liễu nhân Phật tử thì văn dưới sẽ rõ ràng nói: tâm không thể lằm uống thuốc.

“Do có sự duyên đi xa đến nước khác”: là dụ thị hiện diệt độ trong quá khứ ứng hóa.

Từ “Sau lúc đó các người con” trở xuống: nêu trở về rồi lại đi, dụ cho hiện tại lợi vật, chia làm hai phần: 1. “Sau lúc đó các con uống thuốc độc khác”, là dụ căn cơ ứng tương quan thấy các chúng sinh đức mỏng tội dày, chúng sinh sau khi Phật diệt độ ưa đắm pháp của tà sư trong tam giới, cho nên nói: “uống thuốc độc khác”, tức là đạo đi đến nước khác luân chuyển trong các đường đọa vào ba cõi, cho nên nói “lăn lộn trên đất”. 2. Từ “Bấy giờ người cha trở về nhà” trở xuống: dụ

cho ý “ta lúc nhỏ xuất gia đắc tam Bồ-đề” bên trên, tức là Phi sinh hiện sinh.

Trên có hai: Hình tiếng và lợi ích không đối, nay nói: “Các con uống thuốc độc” là dụ cho hình lợi ích bên trên. Tin thọ pháp tà sư gọi là “uống thuốc độc”. “Mất bản tâm” là chúng sinh không có cảm ứng với cơ Đại Tiểu, “không mất Bản tâm” là chúng sinh có cảm ứng với cơ duyên Đại Tiểu. Lại, “mất bản tâm”: là tham đắm tam giới, mất thiện căn tam thừa đã gieo trồng từ trước. Vì hạng người ấy, cho nên phi diệt mà xướng diệt. “Không mất bản tâm”: tuy đắm ngũ dục mà không mất thiện căn tam thừa, vì hạng người ấy cho nên phi sinh mà hiện sinh. Thiện mạnh, ác yếu, thấy Phật thì có thể tu đạo đoạn kết, ví như “con thấy cha cầu xin cho thuốc uống để lành bệnh”. Thiện nhẹ, ác nặng, được thấy Phật, cũng cầu gia hộ mà không tu đạo, thì ví như “con thấy cha thì cầu cứu mà không chịu uống thuốc”. Cha vì những người con này mà xướng nói “ta... sắp chết”. “Xa thấy”: là khi Phật xuất thế chúng sinh cũng thấy sắc thân, nhưng vì Kiến Tư hoặc chướng ngại ngũ phần không được thân gần phụng sự pháp thân, cho nên nói “xa”. Thấy nghe việc Phật xuất thế, thì đều vui mừng cung kính, thể hiện các kinh văn Phạm vương thỉnh... ví như “lời cầu cứu”.

Từ “Cha thấy các con khổ não như thế”... là dụ cho: “lợi ích của âm thanh” bên trên, lại chia làm hai phần: 1. Thí dụ: Phật nhận lời thỉnh, chuyển Nhị đế pháp luân. 2. Từ “Mà nói rằng” trở xuống dụ khuyển răn “Y theo các kinh phương”: tức mười hai bộ giáo. “Dược thảo”: tức tám vạn bốn ngàn pháp môn mà Phật đã thuyết giải. Từ Phật nói mười hai bộ cho đến nói Niết-Bàn, đây là bào chế ra dược thảo Tiệm Đốn. Thẳng từ Phật nói mười hai bộ kinh, đây là sản xuất dược thảo Đốn. Từ Phật xuất Tu-đa-la, đây là sản xuất dược thảo Tiệm. “Sắc” là dụ cho Giới, giới ngăn phòng thân khẩu, sự tướng hiển rõ ràng. “Hương” là dụ cho Định, hương công đức xông thơm tất cả. “Vị” là dụ cho Tuệ năng đắc mùi vị lý. Giới, Định, Tuệ đây tức Bát chánh đạo, tu Bát chánh đạo có thể “kiến” Phật tánh. Lại, “sắc” là Bát-nhã chiếu soi sắc pháp tánh rõ ràng không ngăn ngại. “Hương” là giải thoát, đoạn đức lìa mùi hôi. “Vị” là Pháp thân là mùi vị của lý. Ba pháp không dọc không ngang, gọi là Bí mật tạng. Y giáo tu hành đắc nhập tạng này. Thuyết tam thừa Không Tam-muội lực như “đâm nghiên” Vô tướng như cái “sàng lọc”, Vô tác như “hòa hợp”. Mỗi một Tam-muội đều có đầy đủ Giới, Định, Tuệ. Lại, Không quán như “đâm nghiên”. Giả quán như “sàng lọc”. Trung quán như “hòa hợp”. Ba quán này đều không lìa Giới, Định, Tuệ.

Đem pháp này cho chúng sinh tiêm đốn khiến tu hành, gọi là “uống (thuốc)”. Từ “mà nói rằng” đến “nên uống” là Khuyến môn. “Mau trừ khổ não không còn lại có các bệnh hoạn” là Giới môn (răn bảo). Đem hai giáo này dạy bảo, là khiến các chúng sinh uống pháp dược.

Từ “Trong số các con có những người không mất bản tâm” trở xuống: là dụ cho “được lợi ích không đối” bên trên. Trên có hai: 1. Không đối. 2. Giải thích không đối. Ở đây nói “trong các con, những người không mất bản tâm, thì uống thuốc được lành bệnh”, tức dụ cho “đều thật chẳng đối” bên trên. Giải thích không đối thì không có thí dụ.



DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

QUYỂN 10

(Phần Thượng)

Từ “Ngoài ra, những người mất bản tâm” trở xuống là dụ cho “phi diệt hiện diệt” bên trên. Trên có hai, đây cũng có hai:

1. “Không bao lâu sẽ chết,” dụ cho “phi diệt hiện diệt” bên trên.
2. “Các con tỉnh ngộ”, dụ cho “lợi ích của xương diệt” bên trên.

Lại, xương nguyên do chết, do con không chịu uống thuốc, dụ cho “chúng sinh đức mỏng, thấy Phật thường còn thì chỉ tăng kiêu mạn phóng túng” bên trên.

Trên trong Hiện diệt có hai ý:

1. Vốn thật không diệt.

2. Phi diệt mà xương diệt, không nêu nguyên do hiện diệt, nguyên do cũng là trong lợi ích của xương diệt. Ở đây dụ thì không thí dụ ý thứ nhất, mà nêu rõ nguyên do hiện diệt. Chính do chúng sinh đức mỏng thấy Phật thường còn thì không tu hành, tức là “không chịu uống thuốc”.

Từ “Ta nay bày chước phương tiện” trở xuống: chánh xương sắp chết, dụ cho phi diệt xương diệt. Trong đây nêu già yếu, chia làm hai:

1. Dự định nên rời bỏ đi. Dụ cho “trụ có tổn hại, diệt có lợi ích” bên trên.

2. Từ “Liên nói rằng” trở xuống: xương sắp chết, tức chánh thí dụ hiện diệt, kỳ hạn hóa độ sắp xong.

“Giờ chết đã đến”: sẽ nhập Niết-Bàn. Để lại kinh giáo, cho nên nói: “thuốc tốt này nay để ở đây”. “Lại đi đến nước khác”: tức là hiện diệt ở phương này hiện sinh ở phương khác. Văn trên nói: “Nguyên ở phương khác xa thấy giữ gìn ủng hộ” tức nghĩa này vậy. “Sai sứ”: Hoặc như trong kinh Niết-Bàn dùng “âm thanh lớn bảo khắp” làm sứ giả, hoặc dùng thần thông, hoặc dùng xá-lợi, hoặc dùng kinh giáo... làm sứ giả. Nay dùng Bồ-tát Tứ y nói với chúng sinh rằng: “Phật đã diệt độ chỉ lưu lại pháp này, ta nay rộng tuyên dương, các ông nên thọ nhận thực hành”. Về sau, chúng sinh nếu không có Tứ y truyền thuật kinh pháp

thì đâu có thể tự biết Phật đã diệt độ, cho nên dùng Tứ y để làm sứ giả (Như Lai). Từ “Lúc bấy giờ các con” trở xuống: các con tỉnh ngộ, dụ cho lợi ích của hiện diệt.

Văn trên có hai ý: 1. Nêu tổn ích. 2. Giải thích tổn ích. Ở đây chỉ thí dụ được lợi ích. Trong đây nói: “Tự nghĩ mình nay coi cút” trở xuống: nêu sau khi diệt được lợi ích, như dòng phái được Ưu-ba-cúc-đa hóa độ, lại chia làm hai: 1. Hiện diệt lợi ích. 2. Đòi vị lai cơ cảm. Bởi do sau khi Phật diệt độ, chúng sinh tỉnh ngộ uống thuốc tu hành, lấy đó làm nhân duyên năng cảm ứng hóa đời vị lai. Như kinh Di Giáo nói: “Người chưa được độ thì làm cho có nhân duyên được độ”, cũng có hiện đời được cảm thấy. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Siêng năng khổ tu, cuối cùng thì được thấy đức Thích-ca phân thân, Đa Bảo, Đông Phương, Thiện Đức... và bảy đức Thế Tôn.

Từ “Người cha nghe các con đều đã lành mạnh” trở xuống: tức sức mạnh lợi ích đến đời vị lai. “Cha nghe các con khỏi bệnh” tức là cơ cảm, khiến cho con thấy, tức là khởi ứng hóa đời vị lai, mới có hai thứ lợi ích về hình và tiếng, như văn. Từ “Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Trở xuống: là lập lại thí dụ không đối bên trên, nêu ba đời lợi vật không đối. Từ Phật nói: “Ta cũng như thế” trở xuống: là nêu hợp thí. “Thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp”: hợp đời quá khứ. “Dùng sức phương tiện nói sẽ diệt độ”: hợp đời hiện tại. Văn lược không nói hợp đời vị lai. “Cũng không thể nói ta hư vọng”, là hợp lợi vật không đối.

Kệ có hai mươi lăm hàng rưỡi, tụng Pháp thuyết và Thí thuyết bên trên. Hai mươi hàng rưỡi đầu, tụng Pháp thuyết. Năm hàng tiếp theo, tụng Thí thuyết. Trên pháp thuyết có hai: nay tụng cũng chia hai: 1. Mười chín hàng rưỡi, tụng ba đời lợi vật. 2. Một hàng tiếp, tụng đều thật không đối.

Bản đầu bốn hàng tụng đời quá khứ lợi vật chia làm ba: 1. Một hàng, tụng “Thành Phật đã lâu” bên trên. 2. Từ “Thường thuyết pháp giáo hóa” trở xuống một hàng: tụng “Chặng giữa làm lợi chúng sinh” bên trên. 3. Từ “Vì độ chúng sinh vậy” trở xuống, hai hàng: tụng “Trú xứ “ bên trên.

Từ “Chúng thấy ta diệt độ” trở xuống, năm hàng, tụng hiện tại. Văn trên có hai ý, đây có hai: 1. Hai hàng rưỡi, tụng: phi sinh hiện sinh.

2. Từ “Ta nói với chúng sinh” trở xuống hai hàng rưỡi, tụng phi diệt hiện diệt.

Từ “Ta thấy các chúng sinh” trở xuống, mười hàng rưỡi, tụng trên “vị lai”, bên trên. Trên chỉ dựa vào bốn chữ: “thường trụ bất diệt”,

ở đây thì tụng rộng, văn chia làm bốn: 1. Từ “Ta thấy” trở xuống một hàng rưỡi, nêu đời vị lai cơ duyên ứng. 2. Từ “Sức thần thông như thế” trở xuống bốn hàng, tụng “thường trú bất diệt” bên trên. “Thường ở núi Linh Thứu”, đây là cõi Thật báo. “Và các trụ xứ khác”, là cõi Phương tiện Hữu dư, tức nghĩa “các nước khác” bên trên. “Người trời thường đông vậy”: tam thập tâm là “người”, Thập địa là “trời”. “Đánh trống trời”: vô vấn tự thuyết. “Mạn-đà-la hoa”: là địa vị hiền thánh. 3. Từ “Tịnh độ ta chẳng hư” trở xuống, hai hàng, nêu không thấy nhân duyên. 4. Từ “Có tu các công đức” trở xuống ba hàng, nêu được thấy nhân duyên.

Từ “Các ông người có trí” trở xuống, một hàng: tụng “lợi ích không đối” bên trên.

Năm hàng tụng Thí, có hai:

- Một hàng, tụng Khai thí, chia làm ba: 1. “Như lương y chước khéo” một câu đầu, tụng quá khứ. 2. “Vì để trị cuồng tử” trở xuống hai câu, tụng hiện tại, không tụng vị lai. 3. “Không thể nói hư dối” một câu, tụng không dối.

- Từ “Ta là cha trong đời” trở xuống bốn hàng: tụng hợp thí, trên hợp Bản không hợp vị lai. Ở đây: 1. Nửa hàng đầu, tụng hợp quá khứ. 2. Từ “Vì phạm phu điên đảo” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng hợp hiện tại. 3. Từ “Hằng tự nghĩ thế này” trở xuống, một hàng, tụng hợp nghĩa không dối, khai tam hiển nhất, khai cận hiển viễn, muốn khiến cho chúng sinh mau nhập Phật đạo, việc này chắc chắn là không dối.

Phẩm Thứ 17: PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Phật thuyết thọ lượng hai đời đệ tử được các thứ lợi ích, cho nên nói “Công đức”. Vì sâu cạn không đồng, cho nên nói “Phân biệt” thứ bậc. Văn đây là Bản môn đoạn thọ ký thứ hai. Luận phân biệt văn này có Pháp lực, Tu hành lực.

Pháp lực có năm: 1. Chứng. 2. Tín. 3. Cúng dường đều như phẩm này. 4. Nghe pháp, như phẩm Tùy Hỷ. 5. Đọc tụng, trì thuyết. Đọc tụng, như phẩm Pháp Sư Công Đức. Trì, như ba phẩm Pháp Sư, An Lạc Hạnh, Khuyến Trì. Thuyết như phẩm Thần Lực và Chúc lụy.

Tu hành lực: Khổ hạnh lực như Dục Vương, giáo hóa như Diệu Âm, cứu nạn như Quán Âm và Đà-la-ni, chỉ bày công đức như Diệu Trang Nghiêm Vương, hộ pháp như phẩm Phổ Hiền.

Ngài Quang Trạch nói: 1. Căn cứ Công đức môn, thọ ký cho kia tu hành tinh tấn hiện tại tu nhân. 2. Căn cứ Trí tuệ môn, thọ ký kia giảm số lần sinh, đời vị lai đắc quả. 3. Nêu ngoại phạm phát tâm. Xét rằng thọ ký thông nhân quả, ba điều này thông suốt tức là thọ ký. Tám thế giới vi trần số chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được nêu ra ở đầu. Bởi vì, ngoại phạm nghe kinh phát tâm trụ Tam thập tâm. Tam thập tâm nghe kinh thì bắt đầu vượt ra Nội phạm, đấng Sơ địa, đắc Vô nhãn. Hàng Sơ địa nghe kinh thì tiến nhập Nhị địa, đắc Văn trì. Hàng Nhị địa nghe kinh, thì đắc nhập Tam địa gọi là Nhạo thuyết biện. Tam địa nghe kinh thì nhập Tứ địa, đắc Vô lượng Triền Đà-la-ni. Hàng Tứ địa nghe kinh, thì đắc Ngũ địa, gọi là Bất thoái. Ngũ địa nhập lục địa, gọi là Thanh tịnh luân. Tiểu thiên đã qua căn cứ Tồn sinh môn được thọ ký. Thất địa đã đoạn Vô minh hoặc. Hoặc có chín phẩm. Có thể dùng chín lần sinh làm nhân. Từ Thất địa trở lên, quả báo không có kỳ hạn khó có thể phân biệt được. Chỉ đoạn chín phẩm phiền não để nói, phiền não phẩm số có trăm ngàn vạn thứ, nay căn cứ một thứ chín phẩm làm nghĩa. Thất địa sở đoạn là hai phẩm thượng hạ, cho đến Thập địa sở đoạn cũng là hai phẩm thượng hạ. Kim Cang tâm sở đoạn là một phẩm. Hàng Lục địa nghe kinh đấng Thất địa hạ Nhãn đoạn một phẩm, tám phẩm còn lại làm nhân cho tám lần sinh cho nên nói: Bát sinh (tám đời) sẽ đắc Bồ-đề. Thất địa thượng Nhãn lại đoạn một phẩm tức giảm hai lần sinh, bảy phẩm còn lại làm nhân cho bảy lần sinh, bảy đời sẽ đắc Bồ-đề. Các phẩm theo lệ có thượng hạ. Đoạn được một phẩm phiền não, thì giảm được một lần sinh. Văn lược nói. Cho nên từ Bát địa cho đến Tứ sinh, còn lại có Nhất sinh tức pháp Kim Cang tâm đoạn.

Pháp Hoa Luận nói: “Đắc Vô sinh nhẫn nghĩa là nhập sơ địa chứng trí; nên biết từ tám đời cho đến một đời sẽ đắc Bồ-đề, nghĩa là các phàm phu quyết định có thể chứng Sơ địa tùy phần sinh đến một đời sẽ chứng Bồ-đề. Bồ-đề: tức là Phần đoạn sinh tử của ba cõi, tùy phần năng kiến chân như Phật tánh gọi là đắc Bồ-đề, không gọi là Bồ-đề cứu cánh đầy đủ”. Nay cho rằng Luận trước sâu sau cạn, ngài Quang Trạch nói trước cạn sau sâu, hai ý kia chống lại nhau, người đời làm sao phân biệt! Xét rằng Vô sinh Pháp nhẫn kinh luận không đồng, Ngài Ca-chiên-diên Tử nêu năm pháp thành tựu thâm hoạch Bất thoái chuyển, địa vị lục độ Bồ-tát, Tu-đà-hoàn, hoặc Trí hoặc Đoạn là Bồ-tát, Vô sinh Pháp nhẫn là địa vị chung Tam thừa. Đẳng Sơ địa đắc Vô sinh nhẫn là địa vị Biệt giáo Bồ-tát. Đẳng Sơ trụ đắc Vô sinh Pháp nhẫn là địa vị Viên giáo Bồ-tát đều là Thánh giáo, văn nêu rõ, không thể lầm lẫn. Lại kinh Tịnh Danh nói: “Cận “vô đẳng đẳng” đắc Vô sinh nhẫn”. Kinh Nhân Vương nói: “Đến Kim cang đẳng đều gọi là Phục nhẫn, cũng gọi là Tịch diệt nhẫn, bởi là các địa của Biệt, Viên. Theo ý thì không thể quyết định dùng chung, tức Quang Trạch dùng phát tâm làm địa vị Tam thập tâm của Nội phàm, làm Vô sinh nhẫn. Sơ địa ấy đều là danh giáo của Biệt gia, chẳng phải cửa ra vào của Thông gia. Từ Sơ địa đến Lục địa gọi là Phước đức môn, Đại kinh gọi hữu vi hữu lậu là Thanh văn tăng, tức là ý của Thông giáo. Thất địa trở lên đoạn chín phẩm sinh nhân, Tiểu thừa Đại thừa là người ở vị trí Nhập, ai chưa đoạn hoặc thì chưa đủ để định phán. Nếu nói Thất địa đoạn vô minh, thì chẳng phải Thông lại chẳng phải Biệt, chính là ý của Biệt tiếp Thông. Ý của Ngài Quang Trạch không định không hợp với kinh này. Ngài Thiên Thân dùng phát tâm làm Vô sinh nhẫn. Từ Bát sinh đến Nhất sinh phàm phu quyết định đoạn quả báo sinh, tận đắc nhập Sơ địa. Thâm hoạch Vô sinh nhẫn, thì chuyên căn cứ nghĩa Biệt cũng không hợp kinh.

Nay chia văn làm ba phần: 1. Tổng tựa của kinh gia. 2. Như Lai phân biệt. 3. Thời chúng cúng dường. Phần Tổng tựa, như văn. Phần Phân biệt: Lời Phật viên diệu không thể dùng Quyền vị giải thích kinh, cho nên khai thị ngộ nhập tri kiến Phật như văn trên. Nay Bản môn tăng đạo tổ sinh đều căn cứ Viên vị mà giải thích. Văn nói: “tám thế giới vi trần số chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, là hạng người sáu căn thanh tịnh, ban đầu nhập vị Thập tín. Cho nên, kinh Nhân vương nói: “Thập thiện Bồ-tát phát đại tâm thì vĩnh biệt biển khổ luân hồi của ba cõi”, tức nghĩa đây vậy. Đắc Vô sinh nhẫn thì nhập vị Thập trụ. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Sơ phát tâm trụ một phát thì

hết thủy phát, đắc Như Lai một thân là vô lượng thân”. Pháp thân vắng lặng thanh tịnh vi diệu ứng khắp tất cả, tức nghĩa đây vậy. Đắc Văn trì Đà-la-ni thì nhập vị Thập hạnh; đắc Nhạo thuyết biện tài thì nhập vị Thập hồi hương. Đắc Vô lượng Triền Đà-la-ni thì nhập Sơ địa, đắc Bất thoái nhập Nhị địa, đắc Thanh tịnh nhập Tam địa. Bát sinh nhập Tứ địa, Thất sinh nhập Ngũ địa, Lục sinh nhập Lục địa, Ngũ sinh nhập Thất địa, Tứ sinh nhập Bát địa, Tam sinh nhập Cửu địa, Nhị sinh nhập Thập địa, Nhất sinh nhập Đẳng giác Kim Cang tâm. Nếu luận về tăng đạo tổn sinh, thì không như Quang Trạch đoạn sinh của nhân sinh, không như Thiên Thân đoạn sinh của quả báo, chỉ căn cứ Trí đức mà luận Tăng, căn cứ Đoạn đức mà luận Tổn, căn cứ Pháp thân mà luận Sinh, căn cứ Vô minh mà luận Diệt. Giống như thí dụ Trăng trong Đại kinh: “Từ đêm mồng một đến đêm rằm thì ánh sáng trăng tăng dần, từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi thì ánh sáng trăng giảm dần”. Căn cứ một tháng mà luận tăng giảm, dụ cho căn cứ Pháp thân mà luận Trí, Đoạn. Hoặc một người có thể đồng thời có tám phen tăng giảm, hoặc có thể một đời hoặc có thể tám đời, hoặc vô lượng đời, hoặc có thể một niệm, hoặc tám niệm, hoặc vô lượng niệm, hoặc có thể vô số người nhiều như vi trần cũng như vậy. Cho nên, không thể dùng nhân sinh, quả sinh mà hạn cuộc, không thể lia ngoài Trí Đoạn mà giải thích. Song, Bản môn đắc đạo số gấp bội chúng nói ở kinh, chẳng những số nhiều mà lại còn huân tu lâu ngày, nguyên Bản theo tích nơi nơi khai dẫn, trung gian gặp nhau luôn luôn thành thực. Đời nay ngũ vị liên tiếp điều phục, thấu tóm kết hợp qui về Pháp Hoa. Ví như nhà nông mùa Xuân gieo trồng, mùa Hạ sinh trưởng cày cấy làm cỏ... mùa Thu thu hoạch, mùa Đông cất chứa. Một lúc gặt lúa, cắt cỏ như từ thời Pháp Hoa về sau có người đắc đạo như thu hoạch nhanh đó thôi.

Phần Thời chúng cúng dường: Nghe pháp sâu xa được lợi ích lớn, muốn báo ân Phật mà thiết lập cúng dường, cũng là nhờ vào sự để biểu thị sự lãnh giải. Trong Tích môn bên trên, thì Bồ-tát cũng ngộ mà việc lớn chưa xong do đó không trình bày. Trong phần Bản môn thì đã xong, Di-lặc tổng trình bày lãnh giải. Nêu “các Bồ-tát cầm phước lọng, thứ tự mà lên đến trời Phạm thiên”. “Phước” là nghĩa chuyển. “Lọng” là nghĩa che. Đất (địa) là nghĩa khởi thủy. “Phạm thiên” là nghĩa tịnh. Trí, Đoạn lần lượt chuyển, Từ bi lần lượt che chở, cao thấp sâu cạn không mất thứ lớp đến Phạm thiên, tiêu biểu các Bồ-tát tăng đạo tổn sinh, lân cận Diệu giác, tốt cùng sự thanh tịnh. Nếu giải thích theo Ngài Thiên Thân tức chỉ đắc Sơ địa một phen, sao hợp với văn này được?

Kệ có mười chín hàng chia làm ba: 1. Hai hàng, tụng Thời chúng được hiểu. 2. Chín hàng, tụng Như Lai phân biệt. 3. Tám hàng, tụng Thời chúng cúng dường.

“Đặng quả báo vô lượng, vô lậu rất thanh tịnh”: chọn khác với Nhị thừa hữu lượng, nên nói “vô lượng”, do Nhân vi diệu mà cảm được, cho nên nói “thanh tịnh”, cõi không chướng ngại nên nói “quả báo”, khác với quả báo Nhị thừa. Nghe thọ mạng vô lượng của đức Phật, văn đây quyết định phán xét là vô lượng, sao được dùng kiểu xưa giải thích hữu lượng?

Các sư phương Nam chia từ văn trường hàng sau phần kệ trở xuống, thuộc đoạn lưu thông, dẫn Tích môn bên trên, Văn Thù hiện tại cũng là lưu thông. Các sư phương Bắc coi phần Tứ tín đệ tử hiện tại nghe kinh, là thuộc về Chánh thuyết, từ “Lại, sau khi Như lai diệt độ” trở xuống, là phần lưu thông. Quan điểm của hai nhà đều có thể dùng hết.

Ở đây dựa theo sư phương Nam: Từ sau phần kệ nêu trên gồm có mười một phẩm rưỡi phân làm hai: 1. Từ đây xuống đến hết phẩm Thường Bất Khinh, nêu công đức hồng kinh sâu xa là khuyến lưu thông. 2. Từ phẩm Thần Lực xuống tám phẩm, là phó chúc lưu thông. Mỗi phần lại có ba: 1. Nửa phẩm này và phẩm Tùy Hỷ nêu rõ nhân công đức của hạng đầu, là khuyến lưu thông. 2. Từ phẩm Pháp Sư Công Đức nêu rõ quả công đức hạng đầu, là khuyến lưu thông, phẩm Bất Khinh dẫn tội phước của tin chê, là chứng khuyến lưu thông. 3. Phẩm Thần Lực và Chúc Lụy, chúc lụy là lưu thông. Từ phẩm Được Vương trở xuống năm phẩm, là căn cứ hóa tha khuyến lưu thông. Phẩm Phổ Hiền, là căn cứ tự hành khuyến lưu thông.

Sanh khởi: là hiện tại nghe kinh được hai lợi ích Chân giải thoát và Tợ giải thoát như trên nói. Nếu trực tiếp nghe một câu mà sanh tùy hỷ, như hiện tại Tứ tín là tiêu chuẩn công đức kia, thì đời vị lai không có Phật, sợ người nghi phước ít, cho nên thuyết sau khi Phật diệt độ năm hạng công đức. Nhân công đức nhỏ nhiệm, chưa bằng quả công đức ảnh hiện rõ ràng, cho nên nói Phẩm Pháp Sư Công Đức nhân quả nêu cả hai chưa bằng dẫn chứng rõ ràng, cho nên nói phẩm Thường Bất Khinh. Tuy nêu người xưa nhưng chưa bằng hiện tại biến hóa cho nên nói phẩm Thần Lực. Tuy thị hiện thần lực nhưng chưa bằng xoa đầu phó chúc, cho nên nói phẩm Chúc Lụy. Tuy chúc lụy chung chưa bằng chỉ cho họ phương pháp trọng yếu để “bỏ thân còn đạo”, cho nên thuyết phẩm Được Vương.

Tuy rắn bảo năng hóa nhưng chưa bằng rắn bảo sở hóa kia. Tùy

chỗ nghe pháp ứng sanh tâm tưởng nhớ Phật, cho nên nói hai phẩm Diệu Âm Quán Âm. Nếu sơ tâm hồng kinh, thì vì không có thần lực phải dựa vào nội cấm, cho nên thuyết phẩm Đà-la-ni. Lại phải ngoại hộ, cho nên thuyết hai phẩm Trang Nghiêm Vương và Phổ Hiền. Từng lớp nối tiếp nhau khiến đại pháp được hồng thông.

Phần trường hàng sau kệ, chia làm hai: 1. Hiện tại Tứ tín. 2. Sau khi diệt độ năm phẩm (hạng). Thế nào là Tứ tín? Lược giải ba người, rộng thuyết hai người, quán thành một người. Tín chung cả bốn người, cho nên nói “Tứ tín”. Tứ tín: 1. Nhất niệm tín giải, chưa có thể diễn thuyết. 2. Lược giải ngôn thú. 3. Rộng vì người khác mà thuyết. 4. Thâm tín quán thành.

1. Nhất niệm tín giải: có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba: 1. Nêu chỉ bày người ấy. 2. So sánh công đức. 3. Vị hành bất thoái. Nay giải thích “nhất niệm tín giải”: nghĩa là tùy chỗ nghe mà sáng tỏ khai ngộ, tùy lời mà tự thâm nhập không có gì ngăn ngại, tin tất cả pháp đều là Phật pháp. Lại, tin Phật pháp không ngăn cách tất cả pháp, không đặc Phật pháp, không đặc tất cả pháp mà thấy tất cả pháp, cũng thấy Phật pháp tức một mà ba, tức ba mà một; cũng là hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo, hành nơi Phật đạo mà thông đạt hết thấy đạo, không đặc Phật đạo tất cả đạo, mà thông đạt Phật đạo tất cả đạo, không có mà có, có mà không có, chẳng có chẳng phải không có. Như đường trước cửa thông suốt đến tất cả đông tây nam bắc, không gì ngăn ngại. Nhân nhĩ tỹ thiệt thân ý, phàm có sở đối đều cũng như thị. Không có nghi, gọi là “tin”, hiểu rõ gọi là “giải”, đó gọi là “tâm nhất niệm tín giải”. Nếu ngời tư duy, thì tùy chỗ tư duy mà sáng tỏ khai ngộ. Thông đạt Tam đế cũng lại như vậy. Tín giải như đây gọi là Thiết luân vị. Lại, nhất giải thì chưa phải đầy đủ Thiết luân, mới là sơ tâm Thập tín, người ấy chưa được lục căn thanh tịnh cho nên không phải chánh thức vị Thiết Luân.

Tiếp là phân lượng: 1. Tổng luận vô lượng. 2. Phân lượng nhiều ít chia làm hai: 1. Nêu năm độ làm cơ sở phân lượng, Bát-nhã tức là chánh tuệ hiện nay, cho nên nói “trừ Bát-nhã”.

Hỏi: Đã lìa Bát-nhã thì năm thứ còn lại không gọi là Độ?

Đáp: Điều vì cầu trí tuệ Phật nên dốc lòng thực hành Bồ thí, Trì giới,... không ngăn mé, cũng được gọi là Độ, bởi ý thứ lớp.

Từ “Đem công đức này” trở xuống là phần hai: Chánh so sánh nhiều ít.

Từ “Nếu thiện nam tử” trở xuống, là phần ba: Vị hành bất thoái.

Theo Biệt giáo thì sáu tâm còn thoái, bảy tâm mới bất thoái. Sơ tâm Viên giáo tức bất thoái, nghe công đức thọ lượng từ ngoài mà trợ giúp, Viên thuận với tín giải từ bên trong mà huân tập, do đó bất thoái. Kinh Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát thoái, có bất thoái, có ma, không ma” đều là nghĩa đây.

Kệ có mười chín hàng rưỡi : 1. Mười hai hàng, trước tụng phân lượng nhiều ít. 2. Hai hàng, truy tụng tướng người. 3. Năm hàng rưỡi, tụng hành vị bất thoái. “Vô lượng kiếp hành đạo”: tức từ lâu tu các Ba-la-mật. “Nguyện ta thọ vị lai”: khởi nguyện từ bi. Nhờ từ lâu tu hành nguyện, nghe kinh tin hiểu. Đây là hạng người thứ nhất, mới nghe kinh này, nhất niệm tin hiểu, thì công ngang bằng người tu hành lâu, cũng là quá vậy. Từ “Lại A-dật-đa nghe thọ mạng của Phật lâu dài” trở xuống, là hạng người thứ hai, trước chỉ tín giải chưa có khả năng diễn thuyết, thuyết hợp được danh số cần phải giỏi cách nói năng, hạng này có đủ khả năng, cho nên nói “vì người khác giải nói”, từ sự vượt trội mà đặt tên gọi là hạng người thứ hai. Do vì sức nói, có thể sinh khởi trí tuệ vô thượng cho mình và người. Văn đây, trước là nêu tướng người, tiếp là cách lượng. Từ “Huống là người rộng nghe kinh này” trở xuống, là hạng người thứ ba: rộng nghe rộng hiểu, rộng vì người nói, rộng tu cúng dường. Cúng dường là trợ giúp bên ngoài, khiến cho trí bên trong mau nhập, năng sinh Nhất thiết chủng trí. Trước là nêu tướng người, tiếp là cách lượng.

Từ : “A-dật-đa! Nếu thiện nam” trở xuống, là hạng người thứ tư, có đủ khả năng của ba hạng trên, thêm tu quán hạnh, nhập thiền dùng trí tuệ quán tướng thành tướng khởi, có thể thấy tướng mạo của hai cõi Hữu dư và Thật báo. “Thấy Phật cùng Tỳ-kheo tăng thường tại núi Kỳ-xà-quật”: là tướng cõi Phương Tiện Hữu dư. “Lại thấy cõi Ta-bà... các Bồ-tát đều ở trong đó” là tướng cõi Thật báo. Hai hạng đầu là vị Văn tuệ. Rộng nghe rộng nói, là vị Tư tuệ. Quán hạnh tướng thành là vị Tu tuệ. Từ cạn đến sâu thành tựu sáu căn thanh tịnh, địa vị Thập tín. Từ “Lại, sau đức Như Lai diệt độ” trở xuống, là nêu hạng thứ năm, văn chia làm hai: Thứ nhất, nêu năm hạng phân lượng bốn phẩm công đức. Thứ hai, phẩm Tùy Hỷ phân lượng công đức của hạng thứ nhất.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bốn phẩm là phân lượng thô, phẩm đầu là phân lượng nghĩa rộng. Rộng phân lượng rồi so sánh người vượt hơn, thì có thể hiểu được. Phật không phiền văn, khéo nói như đây.

Năm hạng người: 1. Khởi ngay tâm tùy hỷ. 2. Thêm tự thọ trì đọc

tụng. 3. Thêm khuyển người khác thọ trì đọc tụng. 4. Thêm kiêm hành lục độ. 5. Thêm chánh hành lục độ. Năm hạng người này luận chung thì đều tự hành hóa tha. Văn dưới nói: “Năm mươi người dạy bảo cho nhau” tức đã đều có tự hành, gọi chung là đệ tử, đều có hóa tha gọi chung là Pháp sư. Nếu luận riêng thì hạng người thứ hai chỉ có tự hành, hạng người thứ ba đủ hạnh hóa tha làm Pháp sư. Xưa gọi Pháp sư, là nhằm vào hạng người thứ ba, không nhằm vào hạng thứ năm. Tự hành đã chung do đó đều gọi là đệ tử. Phẩm đầu nêu người mà thôi, cách lượng nói ở sau. Từ “Huống chi” trở xuống, là hạng người thứ hai Huống chi ngoài ra, người năng thọ trì đọc tụng, là nêu người có thể hiểu. “Người này đầu đội đức Như Lai”, không phải cách lượng. Hàng sơ tâm, sợ duyên làm tán động tâm mình, làm cản trở sự tu chánh nghiệp, chỉ chuyên trì kinh này, tức cúng dường bậc thượng. Phế bỏ Sự, giữ gìn Lý làm lợi ích hoằng dương rộng. Hàng hậu tâm, lý quán nếu thuần thực thì bên ngoài hợp, bên trong không ngăn ngại. Về Sự, phụ giúp đạo như dầu nhiều lửa mạnh, như thuận dòng mà giương buồm, lại thêm công lực cho nên thuyền càng chạy nhanh. Chỉ rõ kinh văn là Pháp thân xá-lợi, không cần thờ Sinh thân xá-lợi. Kinh văn là phương tiện để “thuyên” (diễn bày giải thích) cái “sở thuyên” (nghĩa lý). “Năng thuyên” (tức chủ thể có khả năng sử dụng phương tiện kinh văn để thuyên cái sở thuyên), ở đây được coi là Tháp, cho nên không cần đến Tháp thờ (có hình tượng), văn kinh có thể bao hàm Đệ nhất nghĩa Tăng, không đợi Tăng có hình tượng.

Hỏi: Nếu vậy thì người trì kinh tức là trì giới Đệ Nhất nghĩa, vì sao lại nói năng trì giới?

Đáp: Đây là nói về hạng người đầu tiên, không nên dùng hạng người sau mà nạn vấn. Nếu muốn giải thích, thì người trì kinh tức là thuận lý giới, cũng là tự nhiên trì được thiên đầu và thiên thứ hai của Luật nghi; nay nói năng trì giới, là thiên thứ ba trong rời bỏ sự, không có thiếu sót.

Hạng người thứ ba lại có khả năng giáo hóa người, trước nêu người. Từ “Dựng tháp tạo lập tăng phường” trở xuống, là cách lượng. Từ “Huống lại có người” trở xuống, là hạng người thứ tư, lại năng kiêm hành Lục độ. Trước là nêu người, từ “công đức của người này rất thù thắng”... là cách lượng. “Nếu có người đọc tụng” trở xuống là hạng người thứ năm, lại năng chánh hành lục độ. Trước là nêu người, từ “nếu sau khi ta diệt độ” trở xuống là cách lượng. Kết năm hạng người này, ba hạng người trước là vị Văn tuệ, Kiêm hành Lục độ là vị Tư tuệ, chánh

hành Lục độ là vị Tu tuệ, đều là trước Thập tín. Hoặc nói đầu phẩm Tỳ Hỷ là nhập “tín tâm vị”, phân một hạng làm hai tâm, năm hạng tức là mười tín tâm tức là vị Thiết luân sáu căn thanh tịnh.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: năm hàng rưỡi đầu, tụng hạng người thứ hai. Từ “Nếu năng trì kinh này” trở xuống, ba hàng, tụng hạng người thứ ba. Từ “Nếu có người tin hiểu” trở xuống bốn hàng, tụng hạng người thứ tư. Từ “Cung kính nơi tháp miếu” trở xuống bảy hàng, tụng hạng người thứ năm. “Sinh lòng tưởng như Phật”: là ban đầu nương người hiệu là Như Lai. “Chẳng lâu đến đạo thọ”: là ở địa vị Thiết Luân, không bao lâu sẽ đắc nhập Đồng luân. Khả năng có tám tướng thành Phật. “Đã đến đạo tràng” là Hành xứ. Tam Bồ-đề là Cận xứ. Hạng người thứ năm này cùng với Tín thứ tư, ngang đồng là địa vị Tu tuệ. Nếu luận về nhập vị, thì đồng là vị lục căn thanh tịnh, mà có quả hiện tại vị lai và sau khi Phật diệt độ.

Phẩm Thứ 18: TÙY HỖ CÔNG ĐỨC

“Tùy”: là tùy thuận sự lý không hai không khác. “Hỷ” là vui mình vui người. Nghe giáo pháp sâu mầu, thuận Lý thì có công đức thật. Thuận Sự thì có công đức quyền. Vui mình là có trí tuệ, vui người là có từ bi, Quyền Thật, Trí Đoạn hợp lại mà thuyết, nên nói, ”phẩm Tùy Hỷ Công Đức”. Lại, thuận Lý, thì nghe Bản địa của Phật sâu xa, tin thuận sâu xa không trái ngược, không một mảy may nghi ngờ. Thuận Sự, thì nghe chư Phật ba đời làm lợi ích ngang dọc bao trùm biển khắp tất cả mọi nơi, cũng không một mảy may nghi ngờ, tức Sự rộng mà đạt Lý sâu, tức Lý sâu mà đạt Sự rộng, không hai mà hai, không khác mà khác, tuy hai tuy khác mà không hai không khác. Tin hiểu như đây, gọi là “Tùy”. Như Lai xuất thế hơn bốn mươi năm mà không hiển bày chân thật, người thất phương tiện không nói Chân lý thật. Vui mình và người, vì các tâm phàm phu thì Phật đều biết, dùng mắt sở sinh mà đồng cái thấy của Như Lai. Tri kiến như thế cứu cánh pháp giới, rộng không bờ đáy. Vô đẳng vô đẳng đẳng thì hoàn toàn không vượt qua điều trên. Nay Phật thuyết như thế, ta được nghe như thế, cho nên gọi là “phẩm Tùy Hỷ Công Đức”.

“Người thứ năm mươi”: người đầu tiên của hạng thứ nhất, mới chỉ có nhất niệm lý giải, chỉ có một niệm vui mình vui người, chưa có hạnh sự, ân không thể sánh với người đã thấu hoạch công đức. Như Lai khéo dụ công bởi vì hàng vô học hướng chi lại là người đầu tiên nhất ở hội nghe pháp, hướng lại là hạng người thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, hướng lại nhập địa vị Thập trụ, Thập hạnh cho đến hậu tâm, ai nghe công đức sâu xa vi diệu như vậy mà không hâm mộ? Đức Như Lai thuyết điều này khiến chúng sinh quý trọng đó, cho nên nói phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Từ trước đến nay, xưng tụng công đức trì kinh tốt đẹp, thì chúng lúc đó đều cho rằng phải nhập địa vị Nhân chân thực thì mới được đến công đức này. Đối với hàng sơ tâm, ban đầu khởi tưởng yếu đuối bỗng nghe như mầm nơi đất cứng tốt đã nảy sinh trăm vườn, như chim Ca-lăng-tần-già tuy còn trong trứng mà âm thanh đã đặc biệt kỳ lạ hơn các loài chim khác, mọi khinh khi, nghi hoặc đều tiêu tan, cho nên gọi là “phẩm Tùy Hỷ Công Đức”. Ngoại đạo đắc ngũ thông, có thể dời núi làm khô biển mà không thể hàng phục kiến ái, thì không bằng người đắc Noãn pháp. Hàng Nhị thừa Vô học, quả hạt đều thoát nhưng còn bị Niết-bàn trói buộc, không biết nhân quả kia đều là Quyền. Người Thông giáo tu nhân tuy khéo phát tâm, nhưng không biết “Năm trăm

do tuần”, được quả dừng trừ Tứ trụ. Người Biệt giáo tuy hơn hàng Nhi thừa, tu nhân thì lại “đứng bên cửa”, vụng về chẳng được Phật khen, đều không sánh bằng người bắt đầu Tùy hỷ. Nay đức Phật nêu chữ “A” đầu để để so sánh với chữ “Trà” sau, đều thù thắng hơn các giáo, cho nên gọi là “phẩm Tùy Hỷ Công Đức”.

Hỏi: Tùy hỷ này cùng với tùy hỷ trong kinh Đại Phẩm thế nào?

Đáp: Đây là pháp, kia là người, người và pháp nêu xen nhau. Văn có vấn đáp, đều có trường hàng kệ tụng. Phẩm trước đã nêu bốn hạng người mà không nói hạng người ban đầu. Di-lặc được dịp hỏi nêu nghĩa này, như văn. Đức Phật đáp chia làm hai: 1. Đáp: người trong tâm tùy hỷ. 2. Thắng nêu người ngoài nghe pháp.

Phần một chia làm năm: 1. Lần lượt dạy bảo nhau. 2. Cách lượng Bản. 3. Hỏi. 4. Đáp. 5. Chánh cách lượng.

Các sư phương Nam giải thích: Năm mươi người chia làm ba: 1. Lần lượt thù thắng. 2. Lần lượt bình đẳng. 3. Lần lượt kém yếu. Thù thắng khó được, ngang bằng cũng hiếm có, kém yếu thì so sánh. Tức là phân ra yếu để so sánh mà nêu ra bằng, hay hơn. Người phương Bắc giải thích: Ban đầu thì bậc Diệu giác vì người hàng Thập địa nói, người Thập địa vì người Cửu địa nói, lần lượt như vậy cho đến Thập tín, nêu người sau để so sánh với người đầu tiên. Nay nói không như vậy. Đức Phật dạy rõ người hạng thứ nhất ở trong pháp hội nghe rồi truyền lại dạy bảo nhau, lần lượt đến người thứ năm mươi, tức nêu người sau để so sánh với người ban đầu. Sau chẳng phải là bắt đầu của Thập tín, ban đầu chẳng phải là sau của Diệu giác. Sao lại dùng giải thích như thế? Giải thích như thế thì cực kỳ sâu sắc, nhưng không hiểu ý chỉ của kinh.

Nay chia làm hai: 1. Theo chiều ngang, căn cứ các giáo tứ chúng.

1. Căn cứ trực Viên giáo. Tam tạng có bốn môn, mỗi một môn có bốn chúng, lại khai thêm Sa-di, Sa-di-ni hợp thành sáu hạng người, bốn môn thì có hai mươi bốn hạng người. Căn cứ Tín hành và Pháp hành thì có bốn mươi tám hạng người, cộng thêm ban đầu và cuối cùng hợp thành năm mươi hạng người. Thông, Biệt bốn môn cũng như vậy.

Căn cứ trực tiếp quy luật của Viên môn: pháp số có tiểu bảy, đại bảy. Đại bảy có bảy lần bảy thành bốn mươi chín, đều là thầy trò đầy đủ đức tự hành hóa tha. Một hạng người cuối chỉ là tự giải thoát mà không có đức giáo hóa người khác, cho nên nêu dưới để hiển trên. Trong cách lượng, trước là ban vui cho đời và dứt quả khổ, sau mới ban vui Niết-bàn và dứt khổ sinh tử, đây là lược nêu phước Phạm, nay lại nói rộng nghĩa này. Phước của người khắp cõi Diêm-phù không bằng phước của một

người ở Tây Ngưu-hóa châu. Phước của người khắp cõi Tây Ngưu-hóa châu, không bằng phước một người Đông Thắng-thần châu. Phước của người đầy khắp ba thiên hạ, không bằng phước của một người Bắc Câu-lô châu. Phước của người khắp bốn thiên hạ không bằng phước của một Tứ thiên vương. Phước của Tứ thiên vương không bằng phước của một Đế-thích. Cho đến phước của Trời thứ sáu không bằng phước của một Phạm thiên. Phước của Phạm thiên có định tán. “Tán” là nơi không có tháp thì làm tháp, tháp hư hoại thì sửa chữa, hòa hợp tăng chúng, thỉnh chuyển pháp luân. Chúng tán, trở lại hợp đó gọi là bốn phước, bằng phước của cõi Phạm thiên, cho nên gọi là phước Phạm. Phước Thánh, nghĩa là A-la-hán trụ thân sau cùng, đắc Hữu dư Niết-bàn. Lại, có người hàng Tam thừa thể nghiệm pháp, đồng học Vô sinh, đoạn tận phiền não như đốt cây cháy thành tro. Lại, Tát-đỏa Thánh phước tự hành hóa tha, đều dùng vô ngôn thuyết đạo, đoạn phiền não, nhập Vô dư. Lại, Tát-đỏa phước, nghĩa là từ sơ phát tâm thứ tự giáo hóa người nhập đại Niết-bàn. Cách lượng như thế thì phước Phạm không bằng phước Thánh. Phước Thánh không bằng phước của thể Thánh. Phước của thể Thánh không bằng phước tiểu Tát-đỏa. Phước tiểu Tát-đỏa không bằng phước đại Tát-đỏa. Phước của đại Tát-đỏa không bằng “người tối sơ ở trong hội nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ”. Vì sao vậy? Vì kia chẳng phải Phật pháp cho nên chẳng phải thật, chẳng viên mãn. Tuy trú quả sau cùng mà không bằng sơ tâm của ta, nghĩa kia như vậy. Riêng cho rằng: Đây là khuyên người nghe pháp vậy.

Từ “cùng với Đà-la-ni Bồ-tát sinh chung một chỗ” cho đến “tướng người đầy đủ”, hợp có năm mươi công đức. Dùng công đức khen người cũng thành năm mươi. Chỉ trên năm mươi luận bên trong giải tùy hỷ, nay chỉ luận việc bên ngoài là khác. Lại, văn đây cũng có công đức của sáu căn. “Lợi căn trí tuệ”, là công đức của ý căn. “Chẳng cảm ngọng” là công đức của thiệt căn. “Mũi lớn cao thẳng” là công đức của tỷ căn. “Thấy Phật” là công đức của nhãn căn. “Nghe pháp” là công đức của nhĩ căn. Các thứ còn lại là công đức của thân căn. Trên là công đức Tương tự vị, đây là công đức trước Tương tự vị. Nghe kinh, văn chia làm bốn: 1. Tự đến; 2. Phân tòa; 3. Khuyên người; 4. Đủ nghe và tu hành. Kệ có mười tám hàng chia làm hai: Một: chín hàng, tụng tùy hỷ. Hai: từ “Nếu có khuyên một người” trở xuống, chín hàng, tụng nghe kinh tùy hỷ. Phần một chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, tụng năm mươi người. 2. Từ “Người rốt sau đặng phước” trở xuống, năm hàng rưỡi, tụng cách lượng Bản. 3. Từ “Người năm mươi rốt sau” trở xuống, hai

hàng tụng cách lượng, lược không tụng phước rất nhiều. Chín hàng sau tụng nghe kinh Tiểu, không thứ lớp chia làm bốn: 1. Năm hàng đầu tụng, vượt lên ý khuyên nghe kinh. 2. Từ “Nếu cố đến Tăng phường” trở xuống, hai hàng tụng lại ý: tự đến. 3. Từ “Nếu trong chỗ giảng pháp” trở xuống, một hàng, tụng phân tòa. 4. Từ “Hướng là một lòng nghe” trở xuống, một hàng, tụng tu hành.

Phẩm Thứ 19: PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

“Pháp sư” nghĩa như trên đã nói. “Công đức”: Trước nói là công đức đầu tiên của hạng người thứ nhất, ở đây nói hạng người thứ năm là cao cấp, tức là sáu căn thanh tịnh, trong ngoài trang nghiêm. Năm căn thanh tịnh, gọi là ngoài trang nghiêm, ý căn thanh tịnh gọi là trong trang nghiêm. Lại, từ địa ngục trở lên cho đến cõi Phật trở lại, tất cả sắc tướng đều trong thân hiện ra, gọi là trong trang nghiêm. Từ địa ngục trở lên cõi Phật trở lại, tất cả sắc tướng do “Tam-muội Phổ hiện sắc thân” mà biến hóa ra bên ngoài, gọi là ngoài trang nghiêm. Thân căn đã vậy, năm căn còn lại cũng vậy. Đục tụng đã vậy, bốn loại kia cũng vậy. Hạng người thứ nhất đã vậy, bốn hạng người kia thêm rõ ràng. Tướng tợ đã vậy, phần chân gấp bội rõ ràng. Hành giả nghe nói công đức này lợi hỷ, không tự thắng, siêng cầu không nhàm chán, tin tưởng, tinh tấn gấp bội, nhận thức rõ rằng Đại thừa có thế lực lớn quyết không còn lối nghi. Tợ như hiểu sơ sơ, vượt quá Nhị thừa cùng tột gấp bội trăm ngàn vạn lần, chỉ ban đầu hiển bày, cuối cùng hiểu sâu rốt ráo Đệ nhất nghĩa đế bất khả tư nghì. Phẩm này nêu rõ đầy đủ bốn ý này, cho nên gọi phẩm Pháp Sư Công Đức.

“Lục căn công đức”: Ngài Quang Trạch nói: “Ba nghiệp hợp mười điều thiện, một điều thiện có đủ mười hạnh, thành một trăm. Tự hành, hóa tha, tùy hỷ, tán thán hợp thành bốn trăm. Căn cứ năm loại Pháp sư, thành hai ngàn. Lại có ba bậc tu (thượng, trung, hạ) nhân lên thành sáu ngàn công đức. Cõi này, ba căn có công dụng yếu hơn thì công đức bị bớt đi, mỗi căn chỉ có tám trăm công đức. Ba căn có công dụng mạnh hơn thì công đức được tăng thêm, mỗi căn có một ngàn hai trăm công đức. Dù có bớt đi và tăng thêm, nhưng hợp lại thì công đức của sáu căn vẫn là sáu ngàn. Có người nêu số cùng ngài Quang Trạch đồng: hạ phẩm tám trăm, trung phẩm một ngàn, thượng phẩm một ngàn hai trăm. Các sư giải thích thiên lệch, không hợp với kinh này cũng không hợp với các giáo. Kinh Đại Phẩm nói: “Sắc tịnh nên Bát-nhã tịnh, Bát-nhã tịnh nên sắc tịnh. Sắc tịnh thì ngũ căn tịnh, Bát-nhã tịnh thì ý căn tịnh”. Nếu lục căn đồng đẳng tại sao phân biệt ba bậc thượng trung hạ, dụng có mạnh yếu? Nếu một mạnh một không mạnh, một tịnh một không tịnh, một thượng phẩm, còn lại chẳng phải thượng phẩm... thì Chánh Pháp Hoa đã chỉnh sửa lại đủ sáu ngàn công đức, không luận thượng trung hạ...

Pháp Hoa luận nói: “Phàm người dùng kinh lực cho nên được cái

dụng của căn thù thắng, tuy chưa nhập Sơ địa, chỉ dùng nhục nhãn do cha mẹ sinh ra mà có thể thấy trong ngoài đại thiên”. Đại kinh nói: “Một căn của Như Lai có khả năng thấy sắc, nghe tiếng, phân biệt vị, ngửi mùi hương, cảm giác xúc và tri pháp”. Kinh này nói sáu căn thanh tịnh, cùng kinh Đại phẩm đồng, dùng công đức này trang nghiêm sáu căn, cùng Chánh Pháp Hoa đồng. Mũi thấy sắc nghe tiếng giác tri, cùng kinh Niết-Bàn đồng. Nhục nhãn có công dụng bằng Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, cùng luận đồng. Văn nghĩa như thế, không thể lấy thiên kiến mà kiểm chế chánh kinh. Nay phải nói việc này, ngài Quang Trạch đã tính toán sửa lại cho đủ các căn mà không dựa văn kinh. Xét ba nghiệp an lạc hạnh tức có mười điều thiện, một điều thiện có đủ mười tức thành một trăm điều thiện. Trong một điều thiện có mười Như, tức thành một ngàn điều thiện. Căn cứ hóa tha thì thành hai ngàn. Căn cứ nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai tức thành sáu ngàn. Năm hạng pháp sư đều đủ sáu căn thanh tịnh, mỗi một căn đều có một ngàn công đức. Lại nữa, trong nhất tâm có đầy đủ mười pháp giới, mỗi một giới đều có mười Như tức thành một trăm. Một căn dùng chung sáu trần, tức thành sáu trăm. Căn cứ Định Tuệ hai thứ trang nghiêm thì có một ngàn hai trăm. Mỗi một căn đều dùng định tuệ trang nghiêm, đồng là một ngàn hai trăm. Nếu luận về thanh tịnh của sáu căn, thanh tịnh thì không nói công đức hoặc ít hoặc nhiều. Nếu nói trang nghiêm thì có thể đầy, có thể thiếu, có thể bằng nhau. Trang nghiêm bằng nhau thì các căn có sáu ngàn. Nếu nói một ngàn hai trăm thì hiển bày khả năng kia thừa. Nếu nói tám trăm thì hiển bày khả năng kia thiếu. Nếu nói thanh tịnh thì không đầy, không thiếu, không bằng, Sáu căn là hỗ dụng căn thì tự tại, bất khả tư nghì. Nếu xét thiên lệch thì mất ý chỉ. Tương tự vị, nếu y Tứ luân, tức Thiết luân vị. Nếu y năm mươi hai vị, tức Thập tín tâm. Nếu y kinh Nhân Vương, tức thập thiện đại tâm. Nay đối Bồ-tát Thường Tinh Tấn, tức tâm thứ ba trong Thập tín. Các kinh tên gọi tuy khác, nhưng đồng là Viên giáo tương tự vị.

Văn chia làm hai: 1. Liệt kê tổng quát số công đức thừa thiếu của sáu căn. 2. Giải thích chi tiết gồm sáu chương, mỗi chương có trường hàng và kệ tụng.

Chương Nhãn căn: mắt do cha mẹ sinh gọi là “Nhục nhãn” mà thấy vượt quá Thiên nhãn. Quả báo cõi Phạm vương được Thiên nhãn, ở cõi mình mà thấy khắp đại thiên, ngoài đại thiên vì có phong luân làm chướng ngại nhãn nên không thể thấy ngoài, nếu ở cõi khác thì không thấy khắp đại thiên vì không phải cõi mình thống lĩnh. Tiểu La-hán

thấy tiểu thiên, đại La-hán thấy đại thiên, Bích-chi-phật thấy một trăm thế giới Phật không bị phong luân làm ngăn ngại cũng không bị ngăn cách bởi cõi mình cõi người. Nay kinh nói về nhãn có thể thấy trong ngoài đại thiên lẽ ra phải là thiên nhãn, sao gọi là nhục nhãn? Đây là Tợ vị theo Viên giáo, do lực của kinh mà có dụng thù thắng của căn. Vì chưa phát chân, cho nên không được gọi là “thiên nhãn” mà vẫn gọi là “nhục nhãn”. Ví như Tiểu thừa phương tiện, chưa đắc thần thông thì không gọi là “thiên nhãn”, còn là thân Phần đoạn cho nên gọi là “mất do cha mẹ sinh”. Tuy gọi là nhục nhãn mà đầy đủ công dụng của ngũ nhãn. Thấy trong ngoài đại thiên, là dụng của Thiên nhãn. Thấy tất cả chúng sinh và nghiệp nhân duyên, là dụng của Pháp nhãn. Cái nhìn kia rất thanh tịnh là công dụng của tuệ nhãn. Đồng thời thấy tất cả trong ngoài đại thiên, thấy nghiệp thấy tịnh, lại chiết hoàn toàn thượng phục Hoặc của pháp giới, là dụng của Phật nhãn. Đại kinh nói: “Tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn, vì Phật nhãn gọi là thanh tịnh”. Đây đủ ngũ nhãn thường nói là trang nghiêm. Khả năng thừa hoặc thiếu, gọi là dụng của căn thù thắng, gọi là độ tự tại của căn. Sao có thể chỉ giải thích là tám trăm hay là một ngàn hai trăm?

Chương Nhĩ căn: nghe tất cả âm thanh của mười pháp giới khắp trong ngoài đại thiên. Nghe âm thanh trong sáu đường, tức Nhục nhĩ, Thiên nhĩ. Nghe hàng nhị thừa tức tuệ nhĩ. Nghe Bồ-tát tức pháp nhĩ. Nghe Phật tức Phật nhĩ. Lại, do cha mẹ sinh là Nhục nhĩ, có thể nghe trong ngoài tức Thiên nhĩ, nghe mà không đắm chấp tức Tuệ nhĩ, không lầm lẫn tức Pháp nhĩ, nhất thời hõ vãn tức Phật nhĩ. Vì nhĩ cũng như nhãn, nhãn cũng như thế. Thấy hàng thiên nhân là nhị nhãn, thấy nhị thừa là Tuệ nhãn, thấy Bồ-tát là Pháp nhãn, thấy Phật tức Phật nhãn.

Chương Tỷ căn: cũng như vậy. Do cha mẹ sinh ra Nhục tỷ, ngửi khắp trong ngoài đại thiên tức Thiên tỷ, không nhiễm không đắm tức Tuệ tỷ, phân biệt không lầm lẫn tức Pháp tỷ, nhất thời hõ dụng chung tức Phật tỷ. Chương này nêu hõ dụng. Tỷ biết tốt xấu, phân biệt giàu sang nghèo hèn, biết rõ các thứ trang nghiêm ở cung trời thì tỷ có công dụng của nhãn. Đọc kinh thuyết pháp nghe mùi đều biết, tỷ có công dụng của nhĩ. Biết các loại trái cây hoa và mùi hương thơm của tô dầu, tỷ có công dụng của thiệt. Nhập thiền xuất thiền, thiền có bát xúc, đùa vui ngũ dục cũng là xúc pháp, tỷ có dụng của của thân. Nhiễm dục si nhuế tâm cũng biết tu thiện là tỷ có công dụng của ý. Tỷ căn tự tại thắng dụng như thế. Năm căn còn lại cũng giống như vậy.

Chương Thiệt căn: cũng như vậy. Do cha mẹ sinh là Nhục thiệt,

có thể nói mười ngôn ngữ của pháp giới. Căn cứ đây tức là nêu nghĩa ngũ thiệt. Năng nói ngôn ngữ của mười pháp giới tức Thiên thiệt, không hoại tức Tuệ thiệt, không lầm lẫn tức Pháp thiệt, nhất thời hổ dụng tức Phật thiệt...

Hỏi: Các món đẳng chất dở đến lười đều biến thành thượng vị, thì các sắc đến mắt sao đều không biến thành diệu sắc?

Đáp: Xưa cho rằng nhân không có lệ đó, Vị có tổn ích, tổn thì biến, không tổn thì không biến. Các sắc không hoại nhân nên không theo lệ, nay giải thích không như vậy. Tất cả sắc đồng sắc Phật, tất cả âm thanh đồng âm thanh Phật, các thứ đều thanh tịnh, theo lệ thì không ngăn ngại, biết khắp tất cả sắc pháp, thanh pháp, không loạn, không lầm, phân biệt cũng không ngăn ngại. Các căn tự tại, sao lại ngang bướng giải thích như thế?

Chương thân căn: cũng như vậy: Sở hữu của thế gian đều từ trong thân hiện, là cái dụng của nhục thân. “Trên đến trời Hữu-đảnh”, là từ trong thân hiện cái dụng của Thiên thân. Trong thân nhị thừa hiện cái dụng của Tuệ thân. Bồ-tát từ trong thân hiện cái dụng của Pháp thân. Phật từ trong thân hiện cái dụng của Phật thân, nhất thời viên hiện nhất thời hổ dụng, nhất thời không lầm lẫn, nhất thời không chấp đắm...

Chương ý căn: cũng như vậy. Trí tuệ, đời sống, tài sản, nghề nghiệp thế gian đều thuận với chánh pháp, là Nhân (người) ý thanh tịnh. Thiên tâm sở hành, thiên sở động tác đều biết, là Thiên ý thanh tịnh. Tứ nguyệt tức Tứ đế. Một năm tức mười hai tháng, là Thập nhị nhân duyên cùng Thật tướng không trái nghịch nhau, tức Tuệ ý thanh tịnh. Nhất nguyệt (một tháng), tức Nhất thừa Bồ-tát ý tịnh. Có suy nghĩ điều gì thì đều là những điều mà Phật trước đã nói trong kinh điển, tức Phật ý thanh tịnh. Nhất thời viên minh, nhất thời viên hồ, nhất thời không nhiễm, nhất thời không lầm lẫn, căn dụng tự tại có thể thừa, có thể thiếu, có thể bình đẳng, đều thanh tịnh.

Phẩm Thứ 20: THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT

Hiếu trong lòng không khinh, cảnh bên ngoài cung kính không khinh, thân đi đứng không khinh, miệng dạy bảo không khinh, gọi là không khinh người. Giải không khinh: Pháp Hoa luận nói: “Vị Bồ-tát này biết chúng sinh có Phật tánh, cho nên không dám khinh khi họ”. Phật tánh có năm: Chánh nhân Phật tánh thông suốt từ xưa nay. Duyên liễu Phật tánh, chủng tử vốn có từ xưa chẳng phải mới đây. Quả tánh, quả quả tánh, quyết định sẽ đắc, quyết không hư dối, đó gọi là Hiếu không khinh. Sẽ giải thích rõ ràng người kia cũng như, vậy đó gọi là cung kính cảnh không khinh. Cung kính cảnh này, cho nên gọi là Hạnh không khinh. Tuyên bày lời này, nên gọi là Giáo không khinh. Xưa do bị người gọi như thế để hủy báng, nên lấy đây để đặt tên người, nay kinh gia dùng nghĩa này để đặt tên phẩm. Kiến thật Tam-muội nói: “Đức Phật vì vua cha mà nói: tất cả đều là Phật. Vua hỏi: tất cả chúng sinh tức Phật ư!? Phật đáp: Nếu như thật mà thấy chúng sinh, thì chúng sinh đó tức là Phật”. Theo ý riêng giống như câu nói này: “Nếu không như thật mà thấy Phật, thì người đó chẳng phải Thánh”. Ví như người mới học bắn cung. Nhắm đích bắn trật nhiều trúng ít, dùng đất làm đích thì không lần nào bắn không bám đất. Nếu phân biệt Hiền Thánh thì ai phải ai không phải, như thật quán sát tức là Phật. Ban đầu là giải thích theo Nhân duyên, sau là giải thích theo Viên giáo. Phẩm này dẫn người làm chứng, chứng ngữ phẩm công đức sâu xa, lục căn báo trọng. Ta xưa tùy hỷ thâu hoạch quả báo hiện đời và đời sau để chiêu mộ lưu thông. Văn có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm ba: 1. Song chỉ tội phước phẩm trước; 2. Song khai tin chê phẩm này; 3. Song khuyên thuận nghịch phẩm sau.

1. Song chỉ: trước chỉ tội như phẩm Pháp Sư nói; tiếp, chỉ phước như phẩm Công Đức nói, như văn. 2. Song khai tin chê: có Sự bản và Bản sự. 1. Sự bản: có thời tiết, danh hiệu, kiếp, quốc độ, thuyết pháp... đều như văn. 2. Từ “Đức Oai Âm Vương Như lai đầu tiên” trở xuống: nêu Bản sự, lại chia làm ba: 1. Thời tiết. 2. Từ “Trong đời tượng pháp” trở xuống: là nêu tên hai hạng người. Hủy báng, do đó gọi là “Tăng thượng mạn”, Tin, do đó gọi là “Thường Bất Khinh”. 3. Từ “Đắc Đại Thế” trở xuống: nêu được mất.

Phần Được mất lại có hai:

1. Căn cứ Tin mà luận về được, được tông chỉ rộng của chính thuyết, được lợi ích vi diệu của lưu thông. “Tên Thường Bất Khinh” là

Nhân nhất. “Phàm khi ngó thấy” là Lý nhất. “Thấy đều lẽ lạ” là Hành nhất, “mà nói như vậy” là Giáo nhất. Đây là tứ Nhất của “khai Quyền hiển Thật”. Từ “nhấn đến xa thấy...” là bản Lý nhất, “cố qua lẽ lạ là bản Hành nhất, “mà nói rằng”... là bản Giáo nhất. Thiếu Nhân nhất, nghĩa kia có thể hiểu. Đây là tứ Nhất của khai Cận hiển Viễn.

Văn nói: “Không chuyên đọc tụng kinh điển mà chỉ đi lẽ lạ”, đây là địa vị người sơ tùy hỷ. Tùy hỷ tất cả pháp đều có tánh an lạc, đều là nhất thật tướng. Tùy hỷ tất cả mọi người đều có tam Phật tánh. “Đọc tụng kinh điển” tức Liễu nhân Phật tánh. “Đều hành Bồ-tát đạo” tức Duyên nhân Phật tánh. “Không dám khinh mạn mà lại cung kính sâu” là Chánh nhân Phật tánh. Kính người, kính pháp, không khởi tâm cạnh tranh, tức ý tùy hỷ. Không khinh mà lại cung kính sâu sắc, là ngôi tòa Như Lai. Nhấn nhục đối với sự đánh mắng là mặc áo Như Lai. Dùng tâm từ bi thường hành không quên, tức ở nhà Như Lai. Lại, cung kính sâu xa là ý nghiệp; nói “không khinh”, là khẩu nghiệp; cố qua lẽ lạ là thân nghiệp. Ba nghiệp này cùng có với từ bi, tức thệ nguyện an lạc hạnh. Như thế với ba, bốn nghĩa này mà chẳng phải lợi ích vi diệu của lưu thông, thì gọi là gì ?

2. Từ “Ở trong tứ chúng” trở xuống, là phần hai: Mất Hủy báng thì mất. “Sinh tâm sân nhuế bất tịnh”, là không nhận tứ Nhất. “Mắng nhiếc nói vô trí”, trí biết Lý, đã nói “vô trí” tức không nhận Lý nhất. “Mắng nhiếc nói Tỳ-kheo” tức không nhận nhân nhất. “Nói từ đâu mà đến” là không nhận Hạnh nhất, “Thọ ký hư dối” là không nhận Giáo nhất. “Trải qua nhiều năm thường bị mắng nhiếc” là tổng kết không nhận tứ Nhất của khai Quyền hiển Thật: “Chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xưng rằng” cũng lại là không nhận. Đây là không nhận tứ Nhất của Bản địa khai Cận hiển Viễn. “Bởi ông thường nói lời đo” là kết tít, tin sâu không ngừng; “Bốn chúng thường gọi ông là Thường Bất Khinh” đây là kết phần hủy báng, mắng nhiếc không ngừng.

Hỏi: Đức Thích-ca khi xuất thế thì do dự không nói, Thường Bất Khinh một khi thấy thì lại hấp tấp nói, là vì sao?

Đáp: Vốn đã “có thiện”, cho nên đức Thích-ca dùng Tiểu mà dẫn dắt gia hộ. Vốn chưa “có thiện” cho nên Thường Bất Khinh dùng Đại mà ép trị chúng sinh. (Có thiện” là có biết chư Phật luôn dùng phương tiện để giáo hóa.)

Từ “Vị Tỳ kheo ấy lúc sắp chết” trở xuống: song nêu quả báo của tin chê. Quả báo của tin, văn chia làm hai: 1. Nói rõ quả báo. 2. Kết hợp xưa nay. “Tin”: luận về ba thứ báo. Hiện báo được sáu căn thanh tịnh.

Sinh báo gặp đức Phật Đấng Minh. Hậu báo gặp hai ngàn ức vị Phật. Thân thông lực là thân nghiệp thanh tịnh. Nhạo thuyết biện lực là khẩu nghiệp thanh tịnh. Thiện tịch lực là ý nghiệp thanh tịnh. Phần Kết hợp lại có hai: 1. Kết hợp: như văn. 2. Từ “Nếu ta ở đời trước” trở xuống: nêu tin và khuyên thuận, như văn.

Từ “Thủ đó bốn chúng” trở xuống: quả báo của chê, lại có hai: 1. Đắc quả. 2. Kết xưa nay. Chê bai được hai quả thiện ác, vì phỉ báng nên rơi vào đường ác, nghe danh Phật tánh như sức trống độc thâm hoạch được quả báo thiện. Kết xưa nay, lại có hai. 1. Kết xưa nay. 2. Từ “Phải biết” trở xuống: nêu nghịch để hiển thuận, khuyên trì để ngăn chê bai. Kinh có đại lực, cuối cùng sẽ cảm được đại quả, phải siêng năng tu tập thực hành năm thứ.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: mười lăm hàng rưỡi đầu, chỉ tụng nhân quả của tin chê. Bốn hàng sau, tụng khuyên trì. Tại văn có thể thấy không chia nhỏ. “Mê chấp pháp” là pháp ấy không thể chỉ bày, nếu nhất định cho là có, thì là đắm chấp pháp; cho đến nhất định cho là “chẳng có chẳng không” thì cũng gọi là đắm chấp pháp. Phật Tạng nói: “Đao luân hại người ở cõi Diêm-phù, thì tội đó còn ít, người có tâm sở đắc mà nói Đại thừa thì tội hơn tội kia”. Đại luận nói: “Chấp có và chấp không, tranh luận nhau, cho đến “chấp chẳng có chẳng không” cùng với chấp có chấp không, tranh luận nhau, như “da trâu, dây long tu” đều không tránh khỏi lỗi “Da trâu” và “Dây long tu” là dụ ngôn Phật học, được giải thích trong từ điển Huệ Quang, xem mục từ “Ngưu bì” và “Long tu thằng”. Trung luận nói: “Chư Phật thuyết pháp “Không”, vốn là vì hóa độ người chấp Có, nếu có người chấp Không, thì chư Phật không dạy như thế. Nếu nhất định nói các pháp chẳng có chẳng không, thì đó gọi là ngu si luận. Nếu mất ý tứ Tất-đàn, thì tự hành hóa tha đều gọi là chấp pháp. Nếu đắc ý tứ Tất-đàn, thì tự hành hóa tha đều không chấp trước.



DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

QUYỂN 10

(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 21: NHƯ LAI THẦN LỰC

“Như Lai”: trên đã giải thích. “Thần” là không thể đo lường, “Lực” là tài năng lực công dụng. Không thể đo lường tức bản thể sâu xa tự nhiên, tài năng công dụng tức sức mạnh chuyển biến. Trong đây vì phó chúc Pháp sâu xa, hiện mười thứ đại lực cho nên gọi là “phẩm Thần lực”. Từ phẩm này trở xuống gồm có tám phẩm là Phó chúc lưu thông. Phẩm này nêu Bồ-tát nhận sứ mệnh hoàng kinh, phẩm tiếp là Như Lai xoa đầu Chúc Lụy. Văn có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm ba: 1. Bồ-tát nhận sứ mệnh. 2. Phật hiện thần lực. 3. Kết luận cần khuyến trì. Phần đầu: Trước, là kinh gia trình bày nghi thức cung kính. Tiếp, là phát thệ nguyện hoàng kinh.

Hoàng kinh chia làm ba: 1. Thời tiết: sau Phật diệt độ. 2. Nơi chốn phân thân: các nước. 3. Thệ nguyện: chẳng những phụng mạng lợi tha, mà còn tự lợi, nguyện đây là chân thật thanh tịnh đại pháp gồm cứu giúp đều tốt đẹp.

Từ “Lúc đó Đức Thế Tôn” trở xuống, là phần hai: Hiện mười thần lực, chia làm hai: 1. Nêu đại chúng. 2. Chánh hiện thần lực. “Văn- thù- sư- lợi v.v...” là Tích hóa chúng. “Cựu trú”: là hạ phương Bản hóa chúng. “Nhất thiết”: là chúng phương khác đến và theo Phật phân thân đến.

Hỏi: “Chỉ thấy hạ phương phát nguyện mà không thấy Văn-thù v.v... phát nguyện, là sao?”

Đáp: Văn trên nói: “Cõi ta tự có Bồ-tát năng trì kinh này”, tức đã gồm Văn Thù v.v...

- Mười thần lực:

1. “Bà y tướng lữ” Kinh này diễn “khai tam hiển nhất”, trong bí ngoài hiện, “phế cận hiển viễn”, nêu ba đời lợi vật đều chắc thật chẳng

hư đối, người có phước đức thì lè lưỡi chạm đến mũi, theo Tam tạng thì Phật lè lưỡi chạm đến mé tóc. Kinh này thì nói lưỡi Phật dài lên đến cõi Phạm thiên, xuất vượt ngoài Phạm Thánh, cùng cực đến cảnh Tịnh thiên, tướng đã khác thường, thuyết càng đáng tin.

2. “Khấp các lỗ chân lông trong thân thể phóng ánh sáng chiếu khắp mười phương” không nơi nào là không sáng, là tiêu biểu trí cảnh tận cùng. Bên trên nói đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chặn mày phóng ánh sáng vi diệu bắt đầu phương Đông, là tiêu biểu Thất phương tiện ban đầu thấy nhất lý. Nay Bản môn đã xong, phóng tất cả hào quang chiếu khắp tất cả cõi, có thể khiến nhân ban đầu cuối cùng đến Đẳng giác cứu cánh Phật tuệ, phân thân chư Phật cũng lại như vậy.

3. “Tăng hắng”: là trạng thái sắp nói, cũng là tướng thông suốt. Cái chân thật bí mật ẩn dấu hơn bốn mươi năm, nay được giải bày không còn sót đọng. Ta xuất thế chính vì thông suốt đại sự. Vì vậy cho nên, Tăng hắng là muốn đem pháp này giao phó cho các Bồ-tát khiến dẫn dắt lợi ích chúng sinh đời sau, chuẩn bị nói việc này cho nên tăng hắng. Tăng hắng có đủ hai nghĩa: a. Tăng hắng hiểu rõ sự việc. b. Tăng hắng phó chúc cho người.

4. “Khấp móng tay (đàn chỉ)”: là tùy hỷ. Tùy hỷ Thất phương tiện đồng nhập viên đạo, tùy hỷ viên đạo tăng trí tổn sinh, tùy hỷ các Bồ-tát trì đại pháp chân thật thanh tịnh, tùy hỷ đời sau thâm hoạch báu vô thượng. Một đàn chỉ này, theo chiều dọc thì suốt ba đời, theo chiều ngang thì khắp mười phương.

5. “Đất chấn động sáu cách”, tiêu biểu sơ tâm đến hậu tâm sáu phen chấn động vô minh. Ở đây lại tiêu biểu chấn động sáu căn của tất cả mọi người, khiến được thanh tịnh.

6. “Thấy khắp đại hội”: tiêu biểu chư Phật đạo đồng, mà nay cho đến về sau cũng lại như vậy. Bên trên kinh văn đã nói: “Năm ngàn người đứng dậy rời bỏ pháp hội” (phẩm Phương Tiện) và “Ba phen đời trời người để ở cõi khác, hai lần biến mỗi phương (của tám phương) thành hai trăm muôn ức na-do-tha cõi nước” (phẩm Hiện Bảo Tháp), bởi vì đã mất bản tâm thì hiện tại không được lợi ích. Để thích nghi cho nên dùng phi diệt hiện diệt, theo các Bồ-tát hoàng kinh đặc đạo, nhập Phật tuệ, như ở pháp hội đây không khác. Cũng tiêu biểu đời vị lai có Cơ nhất.

7. “Ở giữa hư không lớn tiếng xưng”: tiêu biểu đời vị lai có Giáo nhất.

8. “Nam mô”, qui mạng làm đệ tử Phật là tiêu biểu đời vị lai có Nhân nhất.

9. “Các vật rải đó như mây tụ mà đến”: là tiêu biểu vị lai có Hạnh nhất.

10. “Mười phương cõi nước thông đạt không ngại như một cõi Phật”: là tiêu biểu Lý nhất.

Hỏi: Vì sao biết mười tướng tiêu biểu ý hiện tại, lại tiêu biểu ý vị lai?

Đáp: Văn nói: “Ta dùng thần lực Như Lai”, vì phó chúc kinh này vẫn còn không thể tận, là tiêu biểu nghĩa hiện tại tương lai.

Từ “Bấy giờ Phật bảo đại chúng bậc thượng hạnh” trở xuống, là Kết luận, cần phó chúc. Văn chia làm bốn: 1. Tán thán phó chúc. 2. Kết luận cần phó chúc. 3. Khuyến tương phó chúc. 4. Giải thích phó chúc. Tán thán như văn. Phần kết luận có bốn câu. “Tất cả pháp”: tất cả đều là Phật pháp, đây là kết tất cả đều là diệu Danh. “Tất cả thần lực”: thông đạt, vô ngại đủ tám Tự tại, đây là kết diệu Dụng. “Tất cả bí tạng”: biến khắp mọi nơi đều là thật tướng, đây là kết diệu Thể. “Tất cả việc rất sâu” nhân quả là việc rất sâu, đây là kết diệu Tông. “Đều tuyên bày nói rõ trong kinh này”. Tổng kết một kinh chỉ có bốn mà thôi! Tóm tắt điểm trọng yếu mà trao cho. Từ “Cho nên các ông” là tương khuyến phó chúc, như văn. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích phó chúc. Trên nói “nơi nào có kinh quyển thì nên xây tháp”, trong kinh chủ yếu nói bốn việc. “Đạo tràng”: giải thích “việc rất sâu” bên trên. “Đắc Bồ-đề”: giải thích “tạng bí mật” bên trên. “Chuyển pháp luân”: giải thích “tất cả pháp” bên trên. “Nhập Niết-bàn”: giải thích “thần lực” bên trên. Bốn điểm trọng yếu này thấu nhiếp hết văn kinh, cho nên đều cần phải xây tháp. Tóm lại mà nói: “Đắc Bồ-đề” là Pháp thân. “Chuyển pháp luân” là Bát-nhã. “Nhập Niết-bàn” là Giải thoát. Ba pháp thành bí mật tạng, đức Phật trú trong đó tức là nghĩa “tháp”. Kinh A-hàm nói: “Đức Phật xuất thế chỉ có bốn nơi cần xây tháp: nơi đản sinh, nơi đắc đạo, nơi chuyển pháp luân, nơi nhập Niết-bàn”. Ngồi đạo tràng là nơi Pháp thân sinh, các nơi khác đều như văn.

Kệ có mười sáu hàng: 1. Bốn hàng đầu, tụng mười thần lực. 2. Mười hai hàng, tụng kết yếu. “Vì chúc lụy kinh này” trở xuống, hai hàng: công đức của người, tổng tụng bốn pháp. Từ “Người trì được kinh này, thời là đã thấy ta” trở xuống, tám hàng rưỡi, biệt tụng bốn pháp. Một hàng rưỡi đầu, tụng “tất cả pháp”, trì pháp tức trì thân Phật... Từ “Khiến ta và phân thân” trở xuống, hai hàng: tụng “thần lực”, thần lực khuyến Phật khiến vui mừng. Từ “Chư Phật ngồi đạo tràng” trở xuống, một hàng tụng “bí yếu”. Từ “Có thể hiểu đối các pháp” trở xuống bốn bài kệ, tụng việc rất sâu, thuyết pháp phá sự tối tăm nhập nhất thừa đó là việc Phật rất sâu. Một hàng rưỡi cuối cùng, tổng tụng kết.

Phẩm Thứ 22: CHỨC LỤY

“Chúc” là Phật phó chúc, “Lụy” là phiền tuyên truền như thế. Đây là từ ý chỉ của Thánh mà đặt tên, nên gọi là “Chức Lụy”. “Chức” là cúi đầu thọ nhận lời dạy dỗ, “Lụy” là bằng lòng mà chẳng lao nhọc, đây là từ Bồ-tát kính thuận mà đặt tên, cho nên nói “Chức Lụy”. “Chức” là từ kim khẩu của Như Lai dạy dỗ, “Lụy” là Bồ-tát thành tâm gánh vác, đội trên đầu. Đây từ trao cho và thọ nhận hợp luận cho nên nói “phẩm Chức Lụy”. Vì vậy cho nên đức Như Lai tự thân từ tòa đứng dậy, dùng tay xoa đầu trao pháp khó đặng này. Đại chúng cúi mình chấp tay như lời Thế Tôn dạy mà phụng hành, sự trao và nhận đều ân cần đầy đủ, nên gọi là “phẩm Chức Lụy”. Văn chia làm hai: 1. Phó chúc; 2. Thời chúng hoan hỷ.

Phó chúc chia làm ba: 1. Như Lai phó chúc. 2. Bồ-tát lãnh thọ. 3. Xong việc xướng giải tán.

Như Lai phó chúc lại có ba: 1. Chánh phó. 2. Giải thích phó. 3. Răn phó. - Chánh phó: đức Phật dùng một bàn tay quyền trí thiện xảo xoa trên đầu các Bồ-tát thật trí trong ba ngàn ba trăm na-do-tha cõi nước khắp hư không. Như Lai trao cho họ đạo hóa tha, cho nên gọi là tay Quyền trí. Bồ-tát tự hành thọ đạo, cho nên gọi là đảnh Thật trí. Dùng tay xoa đầu như thế tức “thân phó chúc”. Quyền trí đến gần Thật trí, tức “ý phó chúc”. “Mà nói rằng” tức “khẩu phó chúc”. Văn có ý tứ Tất-đàn. “Ta ở trong vô lượng kiếp tu pháp khó đặng này”: đây là thọ học từ Phật trước “nay đem trao các ông, các ông phải trao truyền pháp này cho tất cả chúng sinh”. Ba lần liên tiếp bảo như thế, tức Thế giới Tất-đàn. “Nhất tâm lưu bố rộng rãi pháp này” tức Vị nhơn Tất-đàn. “Rộng khiến cho đạo tăng trưởng” tức Đối trị Tất-đàn, làm lợi ích chúng sinh tức Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là giải thích lý do vì sao mà phó chúc. “Có lòng đại từ bi”: là ở nhà Như Lai; “không bồn xển”: tiếc là mặc áo Như Lai, “cũng không sợ sệt”: là tòa Như Lai. “Trí tuệ Phật” là nhất thiết trí, “Trí tuệ Như Lai” là đạo chủng trí, “Trí tuệ tự nhiên” là nhất thiết chủng trí. Ở trong nhà Như Lai, thì năng thí cho chúng sinh ba thứ trí tuệ, cho đến ngồi tòa Như Lai cũng lại như vậy. Là thí chủ như thế cho nên không có tánh bồn xển, cũng không sợ sệt. “Các ông cũng nên thọ học pháp này của Như Lai”, đó gọi là giải thích nêu ý Phật mà phó chúc.

Từ “Ở đời vị lai” trở xuống, là răn phó: Nếu căn sâu trí lợi thì trực

thuyết Phật tuệ. Nếu người nào không kham nổi, thì dùng các pháp sâu xa khác của Như Lai mà chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng. Phật tuệ rất sâu xa, chẳng như các pháp khác. Sáu phương tiện là các pháp khác mà chẳng phải sâu xa. Biệt giáo thứ lớp là các pháp khác, cũng là sâu. Ông có thể dùng các pháp sâu xa khác để trợ giúp giải bày Phật tuệ, tức thiện xảo báo ân Phật, đó gọi là răn phó chúc.

Từ “Lúc đó các vị đại Bồ-tát” trở xuống, là lãnh thọ.

“Hoan hỷ” là ý lãnh thọ, “ngiênng mình cúi đầu” là thân lãnh thọ, “đều lên tiếng bạch rằng” là khẩu lãnh thọ bao gồm đặc ý lãnh thọ. “Như lời Thế tôn dạy”: là lãnh thọ ý đại thí chủ, tức ở nhà Như Lai. “Sẽ vâng làm đầy đủ” là lãnh thọ ý không bỏn xẻn, tức mặc áo Như Lai. “Xin Thế Tôn chớ lo” là lãnh thọ ý không sợ sệt, tức ngồi tòa Như Lai. Phật đã ba phen phó chúc Bồ-tát ba phen thọ lãnh, đều như vậy.

Từ “Lúc bấy giờ đức Phật Thích-ca” trở xuống, là xướng giải tán. Phật Đa Bảo vì làm chứng kinh cho nên đến, nay Tích Bản hai môn đã xong, cho nên phải xin mời trở về như cũ. Phân thân vì mở tháp cho nên tụ tập, việc mở tháp đã xong cho nên khiến phân thân trở về nước cũ. Tháp không thể mở lại, cho nên phân thân đi mà không hiện, tháp còn nghe pháp cho nên đóng mà vẫn còn.

Hỏi: Tháp nếu nghe pháp thì lẽ ra cũng không đóng?

Đáp: Chứng Chánh thuyết kinh rồi cho nên đóng, nghe Lưu thông cho nên còn.

Từ “Phật nói lời đó rồi” trở xuống, là đại chúng hoan hỷ. Chư Phật vì việc hóa tha tội nghiệp cho nên vui vẻ. Bồ-tát vì tự hành đặc pháp cho nên vui vẻ. Lại, nói người thanh tịnh cho nên vui vẻ, là Phật vậy. Nghe pháp thanh tịnh cho nên vui vẻ, tức Diệu kinh. Nghe pháp thâm hoạch chứng cho nên vui vẻ, tức hiện tại vị lai được lợi ích. Ba việc đầy đủ cho nên “rất vui mừng”.

Phẩm Thứ 23: DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BẢN SỰ

Quán kinh dạy: Ngài xưa tên là Tinh Quang, theo tôn giả Nhật Tạng nghe thuyết Phật tuệ, dùng thuốc trên núi Tuyết Sơn cúng dường chúng tăng và nguyện tôi ở đời vị lai có thể trị hai thứ bệnh thân và tâm cho chúng sinh, tất cả chúng sinh thấy đều hoan hỷ gọi là Dược Vương.

Văn đây nêu rõ ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ-tát hoàn toàn xả bỏ thân mạng, lại vào đời sau thì đốt hai tay coi nhẹ sinh mạng, trọng pháp bỏ mạng giữ đạo, là nêu xưa hiển nay cho nên gọi “phẩm Bản Sự”. Nếu suy tìm nghĩa đây, thì ngài Tinh Quang lẽ ra là thân sau của ngài Hỷ Kiến Bồ-tát, từ khi xả bỏ thân mạng phát thệ cứu bệnh cho chúng sinh về sau, gọi là Dược Vương.

Năm phẩm dưới đây đều là phần lưu thông hóa tha. Phẩm này nêu Sự hóa tha, xin nguyện đặc pháp Đại thừa hoằng truyền rộng rãi, đại nguyện chúng sinh thân hoạch lợi ích lớn, nên Khát Khao thân lực đó, trọn cả thân mạng, cuộc đời ân cần chí thành cũng còn chưa đủ, hầu mong khiến cho đệ tử tông pháp như (thầy) sư. Ta truyền trao sáng tỏ, các người lại truyền trao sáng tỏ, sự sáng tỏ đó của thầy không thôi cho nên biết phẩm này khuyến khích thầy hoằng pháp. Hai phẩm Diệu Âm và Quan Âm bên dưới, nêu ở phương khác các bậc Đại sĩ vâng lời Phật dạy hoằng kinh, hiện khắp sắc thân hình tướng không nhất định. Không thể dùng mắt trâu dê mà thấy, không thể dùng cái nhận thức xoàng xĩnh của phàm phu mà đo lường. Đối với những điều nghe biết đó chớ sinh tâm coi thường. Coi thường thì pháp không nhiếp tâm, cho nên biết phẩm dưới khuyến khích đệ tử thọ pháp.

Có người nói: “Các phẩm trên chư Phật làm Phật sự, phẩm này trở xuống là Bồ-tát làm Phật sự, đây là nhất vãng. Phẩm trên cũng có Bồ-tát, các phẩm dưới này cũng có chư Phật v.v... Nay nêu phẩm Phương Tiện khai tam hiển nhất, viên nhân đã xong. Phẩm An Lạc Hạnh nêu pháp các Thừa theo. Phẩm Thọ Lượng nêu thừa quả đã xong. Phẩm này trở xuống nêu người theo các Thừa. Cho nên Thập Nhị Môn luận nói: Đại thừa là pháp mà các đại nhân như Phổ Hiền, Văn-thù nương theo. Dược Vương dùng cỗ xe Khổ hạnh để đi, Diệu Âm Quan Âm dùng cỗ xe Tam-muội để đi. Đà-la-ni dùng Tổng trì làm cỗ xe đi. Diệu Trang Nghiêm dùng Thệ nguyện làm cỗ xe để đi. Phổ Hiền dùng Thần thông làm cỗ xe đi. Giải như đây thì đối với sự lưu thông hóa tha nghĩa rất tiện. Văn chia làm bốn: 1. Vấn. 2. Đáp. 3. Lợi ích. 4. Phật Đa Bảo

khen: Hay thay!

1. Vấn chia làm ba: a. Hỏi chung việc du hóa. b. Hỏi riêng sự khổ hạnh. c. Thỉnh đáp như văn.

Đáp lại có hai: 1. Chỉ đáp khổ hạnh, du hóa thì chỉ sắc thân Tam-muội, hoặc chỉ hai phẩm dưới. 2. Tán kinh. Trong phần đáp Khổ hạnh, trước nêu Sự bản, tiếp nêu Bản sự. Sự bản chia làm ba: Nghĩa là thời tiết có Phật, Thanh văn, quốc độ... đều như văn. Bản sự chia làm ba: 1. Phật thuyết pháp. 2. Tu cúng dường. 3. Kết hợp. Nhưng đức Phật khất vì tất cả, đâu riêng gì ngài Hỷ Kiến Bồ-tát, vị kia là trực tiếp tuyên dương nên phải phó chúc lưu thông, như nay Thân-tử nương một mà nói nhiều.

Khổ hạnh lại có hai: 1. Hiện tại. 2. Vị lai.

Hiện tại lại có hai: 1. Tu hành đặc pháp. 2. Tác niệm báo ân. Báo ân

lại có hai: 1. Tam-muội lực. 2. Chánh báo thân lực. Thân lực lại có ba: 1. Thiêu thân. 2. Phật xưng tán. 3. Thời tiết.

Chân pháp cúng dường: phải là bên trong vận trí quán để quán phiền não nhân quả, đều dùng Không tuệ để dẹp sạch phiền não, cho nên nói chân pháp. Lại quán hoặc thân hoặc lửa, năng cúng sở cúng đều là thật tướng, cái gì đốt cái gì bị cháy năng cúng sở cúng đều không thể được, cho nên nói chân pháp.

Từ “Ngài Nhất Thiết Chúng Sinh” trở xuống là vị lai khổ hạnh, lại có năm: 1. Sinh vương gia. 2. Thuyết bản sự. 3. Vãng sinh đến cõi Phật. 4. Như Lai phó chúc. 5. Phụng mạng gánh vác giữ gìn. Đều như văn. Gánh vác giữ gìn lại có bốn: 1. Xây tháp. 2. Đốt tay. 3. Lợi ích. 4. Hiện báo. Đều như văn.

Từ “Đức Phật bảo” trở xuống là kết hợp xưa nay, lại có hai: 1. Kết hợp. 2. Khuyên tu. Khuyên tu: “Có thể đốt một ngón tay hơn xả bỏ ngoài thân, ngoài khinh trọng cho nên công phúc có khác. Văn nói: vợ con là ngoại thân, quốc thành là ngoại tài.

Từ “Nếu lại có người dùng bảy báu” trở xuống, là tán thán kinh. Trước tán thán người năng trì, tiếp tán thán pháp sở trì, sau nêu trì được phước sâu. Dùng bảy báu dâng cúng tứ Thánh không bằng trì một bài kệ. Pháp là thầy của Thánh năng sinh, năng dưỡng năng thành, năng tốt tươi, chẳng có gì qua pháp. Cho nên, người khinh, pháp trọng. Từ “Tứ Vương Hoa” trở xuống, là tán thán pháp sở trì lại có hai: 1. Tán thán thể của pháp. 2. Tán thán dụng của pháp. Trong các sông ngòi dòng nước chảy thì biển là đệ nhất. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Bốn dòng nước dụ cho Giáo, trong Dược Thảo Dụ một vầng mây có thể mưa là dụ cho

Thuyết. Ở đây lại nói các dòng nước, tức tổng tất cả giáo. Riêng nêu bốn là thí cho bốn vị giáo Nhũ, Lạc, Sinh tô, Thục tô. Pháp Hoa giáo này dụ cho biển Đề-hồ, thuyết tốt cùng bản địa là nghĩa sâu, khắp tất cả xứ là nghĩa lớn, chỉ thuần nêu Phật pháp mà không nói các pháp khác là nghĩa vị mặn. Nghĩa sâu nhất lớn nhất, là nghĩa Như thị. Mười núi báu gọi là kinh Hoa Nghiêm và các kinh v.v... Thổ sơn, Hắc sơn, núi Thiết vi đều chẳng phải là báu, mười ngọn núi tuy báu mà một hoặc hai núi thần, long ở lẫn lộn, Núi báu Tu-di với bốn báu (bốn gò cao) ở bốn phía tạo thành, là chỗ ở chỉ của chư thiên. Ví như các giáo khác thuyết năng y: Thập địa, Tứ thập tâm, hoặc Phạm hoặc Hiền hoặc Thánh; thuyết sở y: hoặc Tục hoặc Chân hoặc Trung đế, đó gọi là pháp thuyết cho hạng thấp. Kinh Pháp Hoa này thuyết đế lý Thường, Lạc, Ngã, Tịnh như bốn báu tạo thành, là sở y cho người khai thị ngộ nhập. Vì vậy cho nên nghĩa này là cao thượng nhất. Tinh, Nguyệt (các ngôi sao, trăng) đồng là tính chất âm đều xuất hiện ban đêm. Các ngôi sao thì không có tướng tròn khuyết, không sánh bằng mặt trăng. Các kinh nói quyền trí không được tự tại, kinh này nêu quyền tức thật, thật tức quyền. Tướng tròn khuyết của mặt trăng là ý chỉ không hai mà hai. Như đây nói quyền, trí thù thắng hơn các giáo khác. Mặt trời là tính dương, một mình có thể phá tan bóng tối. Các kinh nêu “Thật trí phá mê hoặc”, vẫn chưa bằng “tức thật mà quyền”, đâu được cả đến “tức quyền mà thật”. Cho nên biết kinh này nêu thật trí, là đệ nhất hơn cả. Luân vương hiệu lệnh chỉ tại bốn châu thuộc Núi Tu-di, giải thích ngang bằng tầng trời thứ ba mươi ba. Phạm hiệu lệnh thì tổng từ trên đến dưới, ví như các kinh khác nói Tam đế Tam-muội đều không thu nhiếp nhau, không được tự tại. Kinh này nói dùng thật tướng nhập chân, quyết bỏ pháp Thanh văn, là vua các kinh. Thật tướng nhập Tục đế, thì tất cả việc quản trị đời sống nghề nghiệp đều không chống trái nhau. Thật tướng nhập Trung đế, thì các pháp đều là Phật pháp.

Văn nói: “là cha của tất cả hàng Hữu học, Vô học và hàng phát tâm Bồ-tát”, đó nghĩa là như thị. “Trong tất cả phạm phu thì Tứ quả và Bích-chi-phật là bậc Nhất”, đây nêu nhậm vận vô công dụng. Các kinh khác thì nói chủ yếu do dụng công mới được nhập lưu, như người tứ quả nhờ Văn, Tư, Tu mà được ngộ. Kinh này nêu Vô tác Tứ đế không lẫn lộn phương tiện, tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã như “trâu trắng lớn mạnh khỏe nhiều sức có thể phóng nhanh như gió”. “Trong tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, thì Bồ-tát là bậc nhất”: đây nêu Nhân đệ nhất, các kinh khác nêu nhân là Thất phương tiện, kinh này nêu rõ nhân

vượt ngoài phương tiện, cho nên Nhân đệ nhất. Như Lai đệ nhất: Đây là nêu quả. Các kinh khác nói quả Cận tại đạo tràng tịch diệt, kinh này nói quả Viễn, chỉ Bản địa nên là tối đệ Nhất. Từ “Kinh này có thể cứu tất cả chúng sinh” trở xuống, là tán thán dụng của pháp: Ban đầu, tán thán công dụng cứu khổ; tiếp, Mười hai việc tán thán công dụng ban vui; sau, kết đều như văn. Từ “Nếu người được nghe kinh Pháp Hoa này” trở xuống, là nêu trì kinh được phước sâu: Trước nêu phước của nghe trọn quyển, tiếp nêu phước của nghe một phẩm, có cách lượng có chúc lụy, như văn. “Miệng thường thoảng ra mùi thơm” là hiện báo, các thứ khác là hậu báo. “Được nghe kinh này thì không già, không chết” là sao? Đây phải quán để hiểu. “Không già” là Lạc, “không chết” là Thường. Nghe kinh này mà thấu hiểu được Thường Lạc, thì thản nhiên tự tại, không ôm lòng kiêng sợ. Từ “Lúc đức Phật nói” trở xuống, nghe phẩm này được lợi ích như văn. Đức Đa Bảo khen “ Hay thay!”, như văn.

Phẩm Thứ 24: DIỆU ÂM BỒ TÁT

Trong văn tự giải thích. “Xưa đã từng cúng dường đức Phật Vân Lô âm Vương mười vạn thứ kỹ nhạc, nay khi du hóa đến các cõi khác thì âm nhạc tự đi theo. Xưa cúng dường tám vạn bốn ngàn bát báu, nay làm bậc Đạo khí có tám vạn bốn ngàn Bồ-tát quyến thuộc vây quanh. Xưa đắc Giải Nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn Đà-la-ni, nay dùng các thứ sắc thân hiện khắp, dùng “Âm” thanh vi “Diệu” rống khắp mười phương rộng tuyên bày kinh giáo này, cho nên gọi là “Phẩm Diệu Âm”. Phẩm này nêu Bồ-tát dùng lực khó nghĩ bàn, tùy loại mà lưu thông kinh. Chúng sinh thấy Tích kia mà chẳng thể đo lường được Bản, chỉ có vị ngọt kia không lựa chọn hình tướng, như đất kia thấp tự ngăn hộ các dòng tức là ý thứ hai trong môn Hóa tha.

Văn chia làm sáu:

1. Phóng quang chiếu phương Đông.
2. Phụng mạng đến phương Tây.
3. Mười phương hoằng kinh.
4. Hai cõi được lợi ích.
5. Trở về Bản quốc.
6. Nghe phẩm này tiến đạo.

“Tướng đại nhân”: là biển tướng lớn. Công đức biển thể không bằng một công đức tốt. Các công đức tốt không bằng Nhất tướng công đức. Các tướng từ dưới lên trên, tướng triển chuyển thù thắng không bằng công đức tướng bạch hào. Công đức tướng bạch hào không bằng công đức tướng nhục kế, cho nên gọi “tướng đại nhân”. Nghiệp tướng này do hiếu thuận sư trưởng mà phát sinh, nay phóng hào quang là gọi đệ tử xưa khiến hoằng dương kinh Trung đạo, làm lợi ích cho chúng sinh có căn cơ đại thừa. Bạch hào từ Nhất đạo thanh tịnh sinh khởi, nay phóng hào quang này khiến cho truyền rộng pháp này.

Hỏi: Mỗi mỗi tướng của Phật đều là pháp giới hải, vì sao có hơn thua?

Đáp: Kinh khác đã nêu rõ tại sao nói như thế.

Hỏi: Đức Phật có duyên nên đệ tử đầy khắp mười phương, vì sao gọi Đông nói Tây mà không luận tám phương?

Đáp: Đây có chỗ tiêu biểu. Kinh Tịnh Danh nói: “Nhật nguyệt vì sao đi khắp cõi Diêm-phù-đề? Vì muốn dùng ánh sáng chiếu trừ các sự tối tăm”. Đông thì ánh sáng bắt đầu, Tây thì kết thúc. Có bắt đầu có kết thúc đó thì chỉ có Thánh nhân! Khiến cho người chưa phát tâm thì

phát tâm, người chưa cứu cánh khiến họ cứu cánh. Một vị Bồ-tát đã vậy các chúng cũng vậy, một phương đã vậy các phương cũng vậy. Thánh không rườm rà, vẫn nêu một mà bao hàm nhiều, cho nên chỉ nói Đông Tây thôi.

Phần hai: Phụng mạng đến phương Tây, chia làm hai: 1. Duyên đến. 2. Chánh đến. Duyên đến có sáu phần: 1. Kinh gia trình bày phước đức trí tuệ kia. 2. Được chiếu soi. 3. Lời bạch. 4. Phật răn. 5. Thọ ý chỉ.

6. Hiện tướng đến. Trình bày nguyên do phước, nguyên do gặp nhiều Phật đời trước. “Trí tuệ rất sâu” tức trí tuệ trang nghiêm. Mười sáu Tam-muội tức phước đức trang nghiêm, hào quang chiếu thân, lời bạch Phật, đều như văn. Phần bốn: Phật răn bảo. Pháp thân Đại sĩ không do nghiêm túc mà thành. E rằng quyến thuộc tùy tùng có kẻ chưa thông đạt, cho nên nhờ kia mà khuyên răn đây. Xét rằng thân Phật cùng lý tương xứng, không được thấy thấp bé mà quên sự tôn nghiêm kia, đây căn cứ tòa Như Lai mà răn bảo. Xét rằng thầy và đệ tử Trí, Đoạn đều đầy đủ, thầy đã dùng Quyền thì đệ tử cũng ẩn Thật, đây là căn cứ áo Như Lai mà răn bảo. Xét rằng y báo quốc độ đều do chánh báo cảm thành, Như Lai dùng tâm Từ đến tận đại thiên tùy nghi mà hiện cao hay thấp, chớ có thấy y báo mà quên chánh báo, đây là căn cứ nhà Như Lai mà răn. Đức Phật đây hoằng kinh cũng dạy ba ý: Lời đức Thế Tôn kia răn dạy chứng tỏ chư Phật đạo đồng. Phần năm: Thọ ý chỉ: lực Như Lai là lực tòa, lực thần thông là lực của nhà Như Lai, lực trang nghiêm là lực của áo Như Lai. Đây là thọ tôn chỉ đại thừa của việc hoằng truyền kinh, là tông yếu của việc làm lợi lạc chúng sinh, cho nên có thể không rời khỏi pháp hội này mà du hóa khắp mười phương.

Phần sáu: Hiện tướng đến, văn có sáu: 1. Hoa sen xuất hiện. 2. Hỏi. 3. Đáp. 4. Thỉnh. 5. Tìm công. 6. Mệnh lệnh bảo đến, đều như văn.

Hỏi: Nếu Văn Thù là Bồ-tát ở địa vị thấp thì trong lời bạch Phật đáng lẽ không có mong được thấy Bồ-tát Diệu Âm? Nếu Văn-thù ở địa vị cao thì tại sao khi hoa sen xuất hiện mà ngài quên không biết?

Đáp: Tuy đồng một địa vị mà có đầu giữa cuối. Chỉ một việc này không biết, thì chẳng phải không xứng đáng ở địa vị cao. Lại, lúc ấy trong chúng thấy điềm lành mà không biết, Văn Thù muốn cho chúng biết cho nên hỏi Phật đó thôi!

Từ “Lúc bấy giờ” trở xuống là đến có sáu. 1. Cùng quyến thuộc đời qua. 2. Trình bày tướng lên đài. 3. Hỏi han truyền ý chỉ. 4. Thỉnh được thấy Phật Đa Bảo. 5. Thế Tôn truyền thông. 6. Trong tháp khen

“Hay thay!”, đều như vậy.

Từ “Lúc bấy giờ ngài Hoa Đức” trở xuống, là phần ba: Hoàng kinh, chia làm hai; hỏi và đáp. 1. Hỏi: Trồng thiện căn gì? 2. Hỏi: Sao có thần lực như thế? “Thiện căn” là hỏi việc xưa, “thần lực” là hỏi việc nay. Đức Phật liền đáp hai ý: Do xưa hiến âm nhạc, dâng bát báu, và kết nhân xưa quả nay, đều như vậy. Đây là trả lời câu hỏi: gieo trồng thiện căn kia. Từ “Hoa Đức” trở xuống, là trả lời câu hỏi “thần lực” kia, cũng là hiện ba mươi bốn thân phàm, bốn thân Thánh nhân, kết thành thập pháp giới, lục đạo. Từ “Lúc bấy giờ ngài Hoa Đức bạch Phật” trở xuống là hỏi: Nay trụ Tam-muội gì mà có thể tự tại lợi ích như thế? Phật đáp, như vậy.

Từ “Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát này” trở xuống, là hai cõi được lợi ích. “Tam-muội” và “Đà-la-ni” thể một mà dụng khác. Tịch dụng gọi là “Tam-muội”. Trì dụng gọi là “Đà-la-ni”. Lại, sắc thân biến hiện gọi là “Tam-muội”, âm thanh biến thuyết gọi là “Đà-la-ni”. Phẩm trên nói: “Ban đầu đắc Nhất thiết sắc thân Tam-muội, chuyển thân thì đắc Nhất thiết ngữ ngôn Đà-la-ni”. Phải biết âm thanh cũng là sắc pháp, cho nên nói thể một mà dụng khác. Lại, Thiệt căn thanh tịnh gọi là “Đà-la-ni”, các căn khác thanh tịnh gọi là “Tam-muội”, đều là pháp môn Lục căn thanh tịnh.

Từ “Khi ngài Diệu Âm” trở xuống, là trở về bản quốc. “Đất chấn động sáu cách, mưa hoa”: Bồ-tát đi qua các nước mà còn có thể làm lợi ích, hướng chi bên trên “Phật phóng hào quang chiếu trăm vạn ức na-do-tha các cõi Phật ở phương Đông” cũng là luận về sự lợi ích.

Phần thứ sáu: Nghe phẩm tiến đạo, như vậy.

Phẩm Thứ 25: QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN

Phẩm này là Đương Đồ Vương kinh (là bài kinh tôn quý nhất) thời nay, người giảng rất nhiều, nay giải thích không đồng với các người khác. Riêng có ghi chép hai quyển, nay lược tóm ý đó để giải thích tựa đề. Có chung có riêng, chung có mười cặp, riêng có năm cặp. Mười cặp: Thứ nhất là Nhân Pháp cho đến cặp thứ mười là Trí Đoạn.

1. “Quán Thế Âm” là Nhân (người), “Phổ môn” là pháp. Nhân có nhiều thứ. Pháp cũng có nhiều thứ. Căn cứ vào hỏi đáp trước để luận về người Quán Thế Âm. Căn cứ vào hỏi đáp sau để luận pháp Phổ Môn. Nhân và Pháp hợp đề, cho nên nói “phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn”.

2. “Quán Thế Âm” là đại bi cứu khổ, là căn cứ vào hỏi đáp trước “trăm ngàn khổ não đều được giải thoát”. “Phổ Môn”: là đại từ ban vui, là căn cứ vào hỏi đáp sau “người đáng dùng thân gì đặng độ thoát liên hiện thân ấy mà vì đó nói pháp”.

3. “Quán Thế Âm” là trí tuệ trang nghiêm, trí năng đoạn hoặc, như khi sáng thì không có tối. “Phổ Môn”: Phước đức trang nghiêm, phước năng chuyển thọ mạng, như mưa tuôn châu báu.

4. “Quán Thế Âm”: Quán cảnh sâu xa tức Pháp thân. “Phổ Môn”: là tùy nơi ứng hiện tức Ứng thân.

5. “Quán Thế Âm”: ví như Dược Thọ vương trị khắp bệnh được khỏi. “Phổ Môn”: ví như ngọc Như ý tùy ý mong cầu mà ban cho.

6. “Quán Thế Âm”: Ngâm làm lợi lạc không còn chỗ thấy nghe, ba độc bảy nạn thấy đều xa lìa, hai cầu hai nguyện đều viên mãn. “Phổ Môn”: Hiển bày lợi ích, mắt thấy hình dáng ba mươi ba vị Thánh, tai nghe mười chín tôn giáo.

7. “Quán Thế Âm”: Tùy tự ý chiếu thật trí. “Phổ Môn”: Tùy tha ý chiếu quyền trí.

8. “Quán Thế Âm”: Bản tế bất động. “Phổ môn”: Tích tùy ý vuông tròn.

9. “Quán Thế Âm” Căn bản là Liễu nhân chủng tử. “Phổ Môn”: Căn bản là Duyên nhân chủng tử.

10. “Quán Thế Âm”: Cứu cánh là Trí đức, như ánh sáng trăng đêm mười bốn. “Phổ Môn”: Cứu cánh là Đoạn đức, như trăng đêm hai mươi chín ánh sáng sắp hết. Phần vấn đáp trong kinh văn hàm chứa vô lượng nghĩa mà lược dùng mười cặp, bắt đầu từ Nhân Pháp đến cuối cùng là Trí Đoạn giải thích chung tên phẩm, nghĩa đó như vậy.

Luận riêng có năm cặp: Quán, quán có nhiều thứ: Chiết quán,

Thế quán, Thứ đệ quán, Viên quán. Chiết quán: Diệt sắc nhập Không. Thế quán: tức sắc là Không. Thứ đệ quán: từ Chiết quán cho đến Viên quán. Viên quán: tức Chiết quán là Thật tướng, cho đến Thứ đệ quán cũng Thật tướng. Nay lược qua tam quán, chỉ luận về Viên quán. Văn nói: “Phổ môn”, quán nếu không viên môn thì không gọi là “Phổ”, tức nghĩa đây. “Thế”: Nếu căn cứ thực hành thì trước Thế sau Quán, nếu căn cứ ngôn thuyết thì trước Quán sau Thế. Nay theo thuyết thì tiện, cho nên luận Thế ở sau. “Thế”: cũng có nhiều thứ: Hữu vi thế, Vô vi thế, Nhị biên thế, Bất tư nghị thế. Hữu vi thế: là Tam giới thế, Vô vi thế: là hai loại Niết-bàn. Nhị biên thế là Sinh tử và Niết-bàn. Bất tư nghị thế: là cảnh thật tướng. Lược bỏ các Thế kia chỉ lấy chọn Bất tư nghị thế. “Âm”: là cơ vậy. Cơ cũng có nhiều thứ: Nhân thiên cơ, Nhị thừa cơ, Bồ-tát cơ, Phật cơ. Nhân thiên cơ: Các ác chớ tạo, các thiện vâng làm. Nhị thừa cơ: Chấn sợ sinh tử, vui chuộng Vô vi. Bồ-tát cơ: Trước người, sau mình từ bi nhân nhượng. Phật cơ: đối với tất cả các pháp đều dùng bình đẳng quán, hết thấy không ngăn ngại người, nhất đạo vượt sinh tử, loại bỏ căn cơ các âm khác, chỉ chọn cơ Phật âm mà thiết ứng, dùng cơ này ứng nhân duyên cho nên gọi “Quán Thế Âm”. “Phổ”: cùng khắp, các pháp vô lượng. Nếu không được cùng khắp thì là pháp thiên lệch. Nếu được khắp thì là pháp viên mãn. Cho nên kinh Tư Ích nói: “Hết thấy pháp tà, hết thấy pháp chánh”. Lược căn cứ mười pháp để nêu “Phổ”. Đạt ý này rồi thì đại khái tất cả các pháp không pháp nào không “Phổ”: Từ bi phổ, Hoàng thệ phổ, Tu hành phổ, Ly hoặc phổ, Nhập pháp môn phổ, Thần thông phổ, Thuyết pháp phổ, Phương tiện phổ, Thành tựu chúng sinh phổ, Cúng dường chư Phật phổ. Bắt đầu từ nhân thiên cho đến cuối cùng là Bồ-tát, đều có từ bi, nhưng có cơ phổ có cơ không phổ. Sinh pháp hai duyên Từ thể đã thiên, duyên gia bị không rộng, cho nên không được gọi là “Phổ”. Vô duyên cùng thật tướng thể đồng, lý kia đã viên mãn, tâm Từ không đâu không khắp?! Như đá nam châm hút sắt tự nhiên tương ứng, từ bi như thế, thấm nhuần khắp tất cả gọi là Từ bi phổ. Hoàng thệ phổ: Hoàng là rộng, thệ là mong cầu, tâm mong cầu làm ra những điều rộng rãi, gọi là hoàng thệ. Hoàng thệ dựa vào Tứ đế mà sinh khởi. Nếu căn cứ Hữu tác, Vô sinh, vô lượng Tứ đế thì pháp thu nhiếp không hết, cho nên không thể gọi là phổ. Nếu căn cứ Vô tác Tứ đế thì gọi là hoàng thệ phổ. Tu hành phổ: Ví như Phật chưa gặp Phật Định Quang Nhiên Đăng, trước đó phàm có sở tu đều không khế hợp với lý. Từ khi được thọ ký rồi thì xúc sự tức lý. Đạt lý trí thì lịch pháp mà tu hành, không hạnh nào không phổ. Đoạn

hoặc phổ. Nếu dùng Nhất thiết trí, Đạo chủng trí để đoạn Tứ trụ Trần sa hoặc v.v... như bỏ cành lá thì không gọi là Đoạn hoặc phổ. Nếu dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn vô minh, thì ngũ trụ đều tận như bỏ gốc rễ, gọi là Đoạn hoặc phổ. Nhập pháp môn phổ: Ở địa vị Đạo tiền gọi là tu phương tiện, Đạo hậu sở nhập gọi là nhập pháp môn. Nếu Nhị thừa dùng nhất tâm nhập nhất định, nhất tâm làm một không được nhiều, lại bị định trói buộc, không gọi là phổ. Nếu trải qua từng địa cạn sâu thứ lớp sai khác, cũng không gọi là phổ. Nếu nhập Vương Tam-muội thì hết thấy Tam-muội đều nhập trong đó, không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi, cho nên gọi Pháp môn phổ. Thần thông phổ: Thiên nhãn của đại La-hán chiếu khắp đại thiên, của Bích-chi-Phật chiếu hàng trăm thế giới Phật, của Bồ-tát chiếu hằng sa thế giới Phật. Tất cả đều do duyên cảnh hẹp hòi nên phát thần thông cũng thiên lệch. Nếu duyên thật tướng tu, một phát tất cả phát, thì thần thông tương tự như trên nói, hướng chỉ thần thông chân chánh mà chẳng phổ ư! Phương tiện phổ : có hai thứ: Đạo tiền phương tiện tu hành thâm nhiếp trong đó, Đạo hậu lại có hai: 1. Pháp thể, như nhập trong pháp môn nói. 2. Hóa dụng, như nay nói, phù hợp căn cơ lợi vật xứng hợp duyên nhất thời viên mãn khắp, mặc dù vận động tạo tác đủ thứ mà đối với pháp tánh thật tế không bị tổn giảm, đó gọi là Phương tiện phổ. Thuyết pháp phổ: Năng dùng một diệu âm mà xứng hợp căn cơ của chúng sinh trong mười pháp giới, tùy loại thích hợp đều khiến được giải thoát, như Tu-la đánh đàn, gọi là Thuyết pháp phổ. Thành tựu chúng sinh phổ: Tất cả sở hữu sự nghiệp thế gian và xuất thế gian đều do Bồ-tát tạo tác như đào giếng, làm thuyền, ném thuốc, mây che mát, mặt trời chiếu sáng lợi ích chúng sinh cho đến lợi ích tất cả Hiền thánh, chỉ bày dạy bảo làm lợi ích vui mừng khiến nhập Tam Bồ-đề, đó gọi là Thành tựu chúng sinh phổ. Cúng dường chư Phật phổ: Nếu tạo ngoại sự cúng dường, dùng một thời một món thức ăn một bó hoa một cây hương khắp cúng dường hết thấy chư Phật, không trước không sau nhất thời đều cúng, trong một vi trần xuất ra các thứ vi trần cũng lại như vậy. Nếu tác nội quán thì viên trí dẫn dắt các hạnh. Viên trí gọi là Phật, các hạnh giúp cho Viên trí tức cúng dường Phật. Nếu các hạnh trợ giúp trí khác, thì không gọi cúng dường phổ, các hạnh trợ giúp viên trí thì gọi là cúng dường phổ.

“Môn”: từ Giả nhập Không, Không thông mà Giả bị tắc nghẽn, từ Không nhập Giả, Giả thông mà Không bị tắc nghẽn. Thông thiên lệch thì chẳng phổ, vì bị tắc nghẽn nên không phải môn. Trung đạo thì phi Không phi Giả, chánh thông Thật tướng song chiếu Nhị đế, cho nên

gọi là “phổ”. Chánh thông, cho nên gọi là “môn”. Phổ môn viên thông nghĩa thì vô lượng. Lực nêu mười loại kia thì có thể biết. Phẩm này cũng là Phổ hiện Tam-muội hóa tha lưu thông.

Văn chia làm ba: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Nghe phẩm được lợi ích.

Hai lần hỏi đáp: Hỏi lần đầu có hai: 1. Kinh gia trình bày thời: là nói Bồ-tát Đông phương đã xong. 2. Nói thời của Bồ-tát Tây phương. Nói Đông phương sinh thiện xong. Tiếp nói thời Tây phương sinh thiện. Nói Đông phương đoạn nghi xong, tiếp nói thời Tây phương đoạn nghi. Nói Đông phương đắc đạo, tiếp nói thời (lúc) Tây phương đắc đạo.

“Vô Tận Ý”: kinh Đại phẩm nêu: “Không thì vô tận”. Kinh Đại Tập nêu “Tám mươi môn Vô tận”. Kinh Tịnh Danh nói: “Vô tận, là phi tận phi vô tận, cho nên nói vô tận”. Tổng quát thì ba kinh, dùng ba quán ba trí để giải thích “Vô tận”. “Ý” là trí, “Vô” tận là cảnh. Trí kế hợp với cảnh. Riêng theo cảnh, nên nói “Vô tận”. Riêng theo trí, nên gọi là “Ý”. Cảnh trí hợp xứng cho nên nói “Vô Tận Ý”.

Cũng có thể giải thích: 1. Ý là gốc của thế gian và xuất thế gian. 2. Ý tức pháp giới Trung đạo, cho nên nói năng quán tâm tánh gọi là thượng định. 3. Đây căn cứ tam trí tam quán mà giải thích tên.

Nêu câu hỏi, Đại kinh nói: “Đây đủ hai thứ trang nghiêm năng vấn năng đáp.” Vô Tận Ý trước dùng tuệ trang nghiêm mà hỏi: “Bồ-tát Quán Thế Âm tuệ trang nghiêm?”. Phật dùng tuệ trang nghiêm trả lời: Bồ-tát Quán Thế Âm có tuệ trang nghiêm.

Phần Phật trả lời chia làm ba: 1. Tổng đáp. 2. Biệt đáp. 3. Khuyên trì danh đáp.

Tổng đáp có bốn: 1. Số người. 2. Gặp khổ. 3. Nghe danh xưng hiệu. 4. Được giải thoát. Tự có nhiều khổ, khổ một người, nhiều người thọ một khổ, một người thọ nhiều khổ, một người thọ ít khổ. Văn đây “có trăm ngàn vạn ức chúng sinh” là nhiều người, “thọ các khổ não” là nhiều khổ. Nếu nhiều để hiển ít, nhiều mà còn có thể cứu hướng chỉ ít khổ. “Gặp khổ” là ác, “xưng danh hiệu” là thiện. Thiện ác hợp, là nghĩa “cơ”, mà được giải thoát là ứng. Đây là cơ cảm nhân duyên, gọi là “Quán Thế Âm”. Cũng là Nhân Pháp nhân duyên, cho đến Trí Đoạn nhân duyên, gọi là “Quán Thế Âm”. Phần sau giống như đây, tổng kết danh hiệu không phiền văn giải thích.

Biệt đáp chia làm ba: 1. Khẩu cơ ứng. 2. Ý cơ ứng. 3. Thân cơ ứng.

Khẩu lại có hai: 1. Nêu bày nạn. 2. Kết. Hỏa nạn có bốn: 1. Trì danh là thiện. 2. Gặp lửa là ác. 3. Ứng. 4. Kết.

Ở trong một nạn theo lệ chia làm ba phen: 1. Quả báo lửa: Địa

ngục trở lên Sơ thiên trở lại, đều luận về căn cơ ứng. 2. Lửa ác nghiệp: Địa ngục trở lên Phi tướng trở lại đều luận về cơ ứng. 3. Lửa phiền não: Địa ngục trở lên Đẳng giác trở lại, đều luận về cơ ứng. Bảy nạn ba độ hai câu theo lệ đều như đây. Nghĩa đây đã rộng có thể dùng ý biết, không thể ghi vắn.

Thân cơ chia làm hai: 1. Hai cầu. 2. Kết. Cầu con trai, có lập nguyện tu hành đức nghiệp. Cầu con gái, văn lược tu hành. Chánh nói lễ bái là đồng cho nên lược, nguyện nghiệp mỗi mỗi sai khác cho nên lại nêu ra. Kết như vắn.

Từ “Cho nên chúng sinh đều phải thọ trì” trở xuống, là Khuyên trì. Chia làm ba phần: Khuyên trì, Cách lượng, Kết tán. Trên thuật danh thù thắng, đức tốt đẹp, mà không nêu rõ hình chất. Nếu muốn qui thuận tôn kính thì phải trì danh tự, thế nên khuyên trì. Nhập Đại thừa luận nói: “Pháp thân chỉ có một, ứng sắc thân thì nhiều, phân ra sáu mươi hai ức Ứng thân đồng một Pháp thân.” Ngài Trí Giả nói: “Người Viên giáo chỉ có một, người Thiên giáo thì nhiều, phân sáu mươi hai ức Bồ-tát Thiên giáo bằng một Bồ-tát Viên giáo”.

Lần thứ hai hỏi, có ba: “Bồ-tát Quán Thế Âm dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào?” là hỏi về Thân. “Thuyết pháp cho chúng sinh như thế nào?” là hỏi về miệng. “Sức phương tiện thế nào?” là hỏi về ý! Thánh nhân đây tam mật, không có dự tính Quyền, tùy căn cơ thích ứng. Đức Phật đáp cũng có ba:

1. Biệt đáp.
2. Tổng đáp.
3. Khuyên cúng dường.

“Người đáng dùng...” là đáp: câu hỏi về Sức phương tiện, “hiện thân...” là đáp câu hỏi “dạo đi trong cõi Ta-bà”, “vì họ thuyết pháp” là đáp câu hỏi về miệng. Gồm có ba mươi ba thân, mười chín câu “vì họ thuyết pháp”.

Từ “thành tựu công đức” trở xuống, kết biệt, khai tổng. Biệt thì văn rộng ý hẹp. Tổng đáp thì văn hẹp ý rộng. Từ “Cho nên các ông phải” trở xuống, là khuyên cúng dường. Trong đây, thấy hình nghe pháp cho nên khuyên cúng dường. Ban đầu khuyên, tiếp là thọ ý chỉ. Thọ ý chỉ có sáu: Phụng mạng, không thọ, dâng lại, Phật khuyên, liền thọ, kết, đều như vắn. Từ “Trì Địa Bồ-tát” trở xuống, là công đức nghe phẩm này. “Vô đẳng đẳng”: tâm ở chín pháp giới thì không thể đồng lý, tâm ở Phật pháp giới thì năng đồng với lý đây, cho nên vô đẳng mà đẳng. Lại, lý cứu cánh là vô đẳng, ban đầu duyên lý cứu cánh mà phát

tâm, năng đồng với lý cho nên gọi là “vô đẳng đẳng”. Lại, tâm và lý đều bất khả đắc, đem vật gì đồng vật gì mà nói vô đẳng đẳng? Tâm và lý đều bất khả thuyết, bất khả thuyết mà thuyết, thuyết tâm này đồng lý này, cho nên nói “vô đẳng đẳng”. Giải thích ban đầu là theo chiều ngang, tiếp theo là một giải thích theo chiều dọc, tiếp theo nữa là một giải thích không phải ngang dọc...

Phẩm Thứ 26: ĐÀ LA NI

Đà-la-ni, Trung Hoa dịch Tổng trì. Tổng trì là ác không khởi, thiện không mất. Lại dịch Năng chặn Năng trì. Năng trì thiện năng chặn ác, Đây là năng chặn ác ra rìa năng trì thiện ở trong. Các kinh khai, giá không đồng. Hoặc là chuyên dùng trị bệnh như Na-đạt cư sĩ. Hoặc là chuyên hộ pháp như kinh này. Hoặc là chuyên dùng diệt tội như kinh Phương-Đẳng. Hoặc là dùng chung trị bệnh, diệt tội, hộ kinh, như kinh Thỉnh Quan Âm. Hoặc là Đại minh chú, Vô thượng minh chú, Vô đẳng đẳng minh chú, thì chẳng trị bệnh, chẳng diệt tội, chẳng hộ kinh. Nếu theo phương pháp chung thì cũng nên kiêm dùng. Nếu luận riêng, thì để được hạnh phúc cần nương kinh chớ trái lời dạy. Các sư có khi nói rằng “Chú” là tên các vua quý thần, xưng gọi tên vua kia, thì các dân quý thần vì kính chủ không dám làm trái, cho nên có thể hàng phục tất cả quỷ mị. Có khi nói “Chú” như mật hiệu trong quân trận, tướng hiệu tương ứng thì không bị trị tội, nếu không tương ứng thì bị trị tội. Nếu không thuận chú thì “đầu vỡ làm bảy phần”, nếu thuận chú thì không có lỗi lầm. Có khi nói rằng Chú là im lặng bí mật trị ác, ác tự dứt. Ví như có người hèn mọn thấp kém từ nước này trốn qua nước khác nói dối là vương tử, vua nước ấy đem công chúa gả cho. Người ấy thường giận dữ, xử sự khó khăn. Có một người sáng suốt từ nước đó đến, công chúa hỏi chuyện, người kia bảo công chúa: Nếu khi chồng giận, nên nói kệ này: “Không thân thích qua đó, lừa dối hết mọi người, thô ăn là việc thường, sao nhọc lại phải sân?”. Khi công chúa nói kệ ấy xong thì người chồng im lặng hết sân. Về sau, người chồng không còn sân nữa. Công chúa và mọi người chỉ nghe bài kệ ấy mà đều không hiểu ý. “Chú” cũng như vậy, im lặng bí mật ngăn ác, còn các việc khác không biết. Có khi nói “Chú” là mật ngữ của chư Phật như vua đòi “Tiên-đà-bà”, tất cả quần thần bên dưới không thể hiểu biết, chỉ có vị thần nào có trí tuệ mới có thể biết được. “Chú” cũng như vậy, chỉ là một pháp mà khắp có các lực, bệnh lành, tội trừ, thiện sinh, đạo hợp. Vì nghĩa này cho nên vẫn giữ nguyên bản âm, người dịch không dịch ý nơi đây. Vào đời ác hoằng truyền kinh gặp nhiều nạn phiến não khó khăn cho nên dùng chú hộ khiến cho đạo lưu thông.

Văn chia làm bốn:

1. Hỏi công đức trì kinh.
2. Đáp rất nhiều.
3. Xin dùng chú ủng hộ.

4. Nghe phẩm này được lợi ích.

Phần hỏi: như văn. Phần Đáp có cách lượng Bản. Hỏi: nhiều không? Đáp: rất nhiều, nêu ra công đức như văn. Xin được thuyết chú có năm phen. 1. Dược Vương. 2. Đông Thí. 3. Tỳ-sa-môn. 4. Trì quốc thiên vương. 5. Mười vị La-sát nữ.

Phần Dược Vương chia làm bốn: 1. Thỉnh. 2. Thuyết. 3. Tán. 4. Ấn. Dưới theo lệ có ba, như văn.

Phần mười La-sát nữ chia làm năm. 1. Liệt danh. 2. Thỉnh thuyết. 3. Tán. 4. Thệ. 5. Ấn.

“Dạ-xoa” dịch là Tiếp-tật quỷ. “La-sát”, Trung hoa dịch là quỷ ăn thịt người. Hai bộ này là Bắc phương sở lãnh. “Phú-đơn-na” là Nhiệt bệnh quỷ, Kết giá là Khởi thi quỷ, hoặc nhân hoặc Dạ-xoa đều có quỷ này. “Tỳ-đà-la” là quỷ sắc đỏ, “Kiền-đà-la” là quỷ sắc vàng, “Ô-ma-lặc” là quỷ sắc đen, “A-bạt-ma-la” là quỷ sắc xanh. Như nhánh cây A-lê rơi xuống đất dầu vỡ làm bảy phần, giết cha mẹ phá Tăng là ba nghịch tội. “Hoa ép dầu”: phong tục Ấn Độ, ép dầu thì trước giã nhỏ mè, ủ kh-iến sinh trùng rồi sau mới ép, làm như thế để chất dầu tiết ra càng béo. Vì sát hại quá nhiều trùng, nên tội này càng nặng. Nếu cân lường đối người thì tội đây cũng không nhẹ.

DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BẢN SỰ

Nhân duyên này rút ra trong kinh khác. Vào thời mạt pháp của Phật xưa có bốn vị Tỳ-kheo đối với kinh Pháp Hoa rất kính trọng, tuy thường mở kinh mà bí giáo cam lộ chưa thấm nhuần, ngày đêm chí thành thời khắc không quên, bèn than rằng: “Đó chẳng phải người kia ư? Địa chẳng phải nơi đó ư?” Thế gian bối rối buồn bã, tinh và tán chống trái lẫn nhau, người trực tiếp cầu sự an nhàn mà còn phải chán bỏ, huống chi tôn sùng đạo ư!

Do đó kết hợp rừng núi, chí ưa Phật tuệ ở nơi u tịch, ban ngày đi xin y phục lương thực, có khi chẳng được gì, chờ đợi nhiều ngày phiền não, không lúc nào là không thiếu thốn. Được bữa ăn ít ỏi mà phải đi vạ dậm, mười tuần chín bữa, chí ở Trời cao, có đáng được nói ư? một người trong số đó nói: “Chúng ta bốn người cùng quần thân còn không giữ được, pháp làm sao yên giữ? Các ông ba người chỉ đem thân mạng mà giữ đạo, đừng lo hai bữa sớm trưa, để một mình tôi nguyện bỏ thân này cung cấp những thứ cần dùng”. Nói thế, ngày ngày chống gậy vào cung xin thức ăn, hết xuân rồi đông, khắp chốn đi xin, như người đầy tớ phụng sự cho đại gia, cam khổ vô cùng không quản ngại. Ba vị kia nhờ đó mà tu công đức viên mãn làm lợi một đời này và vô lượng đời sau. Một người kia bởi vì thường ở chốn nhân gian, hay gặp thanh sắc giống như kim loại, gạch ngói chưa gặp lửa. Khó có thể giữ gìn. Một hôm, bỗng gặp vua ra khỏi thành, ngựa xe, cờ xí, trống vang rầm rộ, thấy vậy nên động lòng tâm ưa đắm sự vinh hoa kia, công đức huân tu tùy theo niệm mà thọ báo. Sinh ở người trời thường được làm vua, phước tuy không lường nhưng cũng có hạn. Ba người đắc đạo kia cùng nhau bàn bạc: “Chúng ta thoát khỏi “lồng này” là nhờ vị vua đó. Do vì tham đắm quả báo hữu vi tăng trưởng vị ấy từ đây chết rồi không còn làm vua nữa, mà chìm trong hầm lửa khó có thể cứu được. May mắn, nay người ấy chưa khổ, chính là lúc có thể khai hóa”. Một người nói: “Vị vua này do đắm dục mà lại tà kiến, nếu chẳng bị ái dẫn dắt thì không do đâu có thể cứu được. Một người có thể làm người vợ đoan chánh và hai người làm hai đứa con thông minh, vợ con nói thì ắt phải nghe theo”. Đúng như vậy mà thi hành giáo hóa và đã chuyển hóa được vua. Người vợ chính là Bồ-tát Diệu Âm, còn hai người con nay là Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát. Vua lúc ấy, nay là chính Hoa Đức Bồ-tát.

Sở dĩ bạch hào chiếu ở phương Đông, lên trên đài hướng đến

phương Tây dẫn dắt thần chú ủng hộ kinh khiến cho lưu thông, là vì lợi ích chúng sinh. Nói chuyện đời trước của bốn vị Thánh, nên gọi là “Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự”. Lại nữa, “Diệu Trang Nghiêm”: Diệu pháp công đức trang nghiêm các căn. Vị vua này ngày trước đối với Diệu pháp có duyên, đạo huân đến khi thuần thục các căn thanh tịnh, sinh thời tuy chưa thấu hoạch lý kia mà quyết thông thái, điềm linh cảm thông danh tốt sớm lập, ví như Thiện Cát tuy chưa được Vô tránh Tam-muội mà hiệu đã là “Không sinh”, cho nên văn dưới nói: “được môn Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam-muội”. Vì nghĩa này nên gọi là “Diệu Trang Nghiêm Vương”. Phẩm trước nói “Chú” hộ trì, phẩm này nói Người hộ trì. Người hộ trì còn như vậy, hưởng chi “Chú” hộ trì càng tốt hơn, tức khuyến lưu thông khắp.

Văn chia làm sáu: 1. Nêu rõ sự bản. 2. Cùng nêu năng sở. 3. Năng hóa phương tiện. 4. Sở hóa được lợi ích. 5. Kết hợp xưa nay. 6. Nghe phẩm ngộ đạo. Phần Sự bản như văn. Từ “Trong pháp hội của Phật” trở xuống, là phần hai: Cùng nêu năng sở. Sở hóa là một người, năng hóa là ba người, đều nêu tên. Riêng nêu hai người con có đủ phước tuệ, lực độ, tứ hoàng nguyện. Các kinh khác thì chỉ đây là Thập Ba-la-mật, là pháp môn theo chiều ngang. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là pháp môn theo chiều dọc, các kinh khác gọi đó là chánh đạo, hành hạnh làm trợ đạo. Kinh này chỉ Thập độ làm chánh, gọi đó là trợ đạo. Trong Thiền độ có đủ Tam-muội, trong đạo phẩm mỗi mỗi có Tam-muội. Lại, nêu bảy Tam-muội, rộng hiển bày pháp môn.

Từ “Lúc đó đức Phật kia” trở xuống, là phần ba: Năng hóa phương tiện, văn chia làm ba: 1. Thời đến. 2. Luận nghị. 3. Hiện hóa. Thời đến: đức Phật kia xuất thế thường tuyên diễn chánh pháp, đối với vua vì duyên yếu thì chẳng phải thời kia, nếu thuyết Pháp Hoa thì là thời kia. Văn nói: “Đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua nên thuyết kinh Pháp Hoa này”, tức nghĩa kia vậy. Trong phần Luận nghị, con thưa với mẹ thời đến, mẹ bảo con giáo hóa cho cha, con kêu rằng đã sinh ra trong nhà tà kiến, mẹ trách khiến con lo lắng suy nghĩ, đều như văn. Phần Hiện hóa: Từ “Lúc đó hai người con” trở xuống, là phần ba: Hiện hóa ứng mười tám phép biến hóa, có thể giải thích đủ. Từ “Lúc ấy người cha thấy các con” trở xuống, là phần bốn: Sở hóa được ích.

Văn chia làm mười: 1. Tin con kính phục thầy của con: muốn cho tà kiến của vua hoặc một hoặc hai tiêu mòn, vua thấy con biến hóa như vậy tán thán việc chưa từng có, tin con và phục thầy của con, hỏi thầy con là ai? Ta cũng muốn ra mắt thầy con. 2. Vua cha đã tin, trong

cung có tám vạn bốn ngàn người đều có thể tin. Hai người con liền đến chỗ mẹ xin cho xuất gia, mẹ đồng ý. 3. Thúc giục cha mẹ: nay chính phải thời, đức Phật khó gặp. 4. Công giáo hóa đã thành tựu, Phật tán thán công đức. “Pháp hoa Tam-muội”: thâm nhiếp tất cả các pháp trở về Nhất thật tướng như trước nói. “Ly-chư-ác-thú Tam-muội”: xưa coi tam đồ là ác thú, luận đủ hai mươi lăm cõi, đều là trái chân khởi vọng đều là ác thú, nay thấy đều xa lìa, tức thành hai mươi lăm Tam-muội, phá hai mươi lăm cõi. “Chư Phật tập Tam-muội”: tức bí mật tạng mà đức Phật tu tập trong đó, là hành xứ chỉ của Phật chẳng phải của người khác. 5. Đến chỗ Phật: nghe pháp cúng dường thấy tướng tốt hoan hỷ. 6. Được Phật thọ ký. 7. Xuất gia tu hành. 8. Xưng tán hai con. 9. Đức Phật thuật lại công hạnh cao sâu. 10. Tán thán Phật, tự thệ, Phật tán thán thiện tri thức công đức lớn có ý nghĩa, Thiện tri thức năng làm Phật sự, đây là ngoại hộ thiện tri thức. Chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng, đây là giáo thọ thiện tri thức. Có chỗ nói “giáo hóa dẫn dắt khiến được thấy Phật”, đây là Đồng hành thiện tri thức. “Khiến nhập Bồ-đề”, đây là Thật tế thật tướng thiện tri thức. Kinh Tạp A-hàm nói: “Thiện tri thức như người phụ nữ trinh tiết lương thiện”, đây tức nghĩa Ngoại hộ. Lại, “Thiện tri thức như tông thân tài (tiền bạc và người thân)”, đây tức nghĩa Đồng hành. Lại, “Thiện tri thức như người chủ buôn dẫn dắt đường”, đây là nghĩa Giáo thọ. Lại, “Thiện tri thức như con nằm trong lòng cha”, đây là nghĩa Thật tế.

Từ “Phật bảo đại chúng” trở xuống, là kết hội xưa nay: trước kết hội, tiếp kết tán hai vị Bồ-tát.

Từ “Lúc đức Phật nói” trở xuống, là nghe phẩm đặc đạo, như văn.

Phẩm Thứ 28 **PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT**

Đại luận và Quán kinh đều gọi là “Biến Cát”, kinh này gọi là “Phổ Hiền”, đều là Hán ngữ Tiếng Phạm: Bật-thâu-bạt-đà, Trung Hoa dịch Phổ Hiền. Kinh Bi Noa nói: “Ta thề ở cõi uế ác hành Bồ-tát đạo khiến cho được trang nghiêm thanh tịnh, ta tu hành chủ yếu phải hơn các Bồ-tát”. Đức Phật Bảo Tạng dạy: “Do nhân duyên đó nay sửa tên ông là Phổ Hiền”, đây là ý của tam Tất-đàn, lại là giải thích theo nhân duyên. Lại, do hạnh nguyện mà đặt tên. Do đời trước tu Tứ niệm xứ cho đến Tứ thiện căn, xưng chung là “Phổ Hiền”. Riêng căn cứ Thế đệ nhất pháp, thì được gần Chân cận Thánh gọi là “Hiền”, đây là trong Tam tạng thuyết.

Nay nói rằng: tốt bậc của Phục đạo, nhân kia cùng khắp thì gọi là “Phổ”; sau Đoạn đạo, gần cực Thánh thì gọi là “Hiền”. Nếu Thập tín là bắt đầu Phục đạo, thì chẳng phải đầu chẳng phải cùng khắp, lân cận hàng sơ Thánh là sơ. Chẳng sau chẳng cùng cực, cho đến hàng Thập địa cũng chẳng cùng khắp cùng tốt, hướng chi các vị trước ư! Nay luận về địa vị Đẳng giác, tốt bậc trong các Phục đạo, Phục đạo cùng khắp cho nên gọi là “Phổ”. Đoạn đạo vừa tận, so sánh không có ai bằng, gần cùng cực rốt cuối, nên gọi là “Hiền”. Thích luận dẫn “trăng đêm mười bốn như trăng đêm mười lăm”, nghĩa đây sáng tỏ. Đây căn cứ địa vị Viên giáo giải thích hậu vị Phổ Hiền.

“Khuyến phát”: là ngôn từ để chỉ cho sự luyến mộ pháp, ở nước khác xa nghe đủ kinh này từ đầu đến cuối đủ khắp muốn làm tốt việc tự hành hóa tha vĩnh viễn không dứt, cho nên từ đông từ tây mà đến. Khuyến phát có đầy đủ ý của tứ Tất-đàn. Văn nói: “Con vì cúng dường kinh Pháp Hoa, nên tự hiện thân. Nếu người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa đặng thấy thân con liền rất vui mừng lại càng tinh tấn, liền đắc Tam-muội và Đà-la-ni. Đặng chú Đà-la-ni này thì không có loài phi nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ làm hoặc loạn. Tam thiên đại thiên thế giới vi trần số các đại Bồ-tát đầy đủ đạo Phổ Hiền”. Như văn đây nêu tức dùng tứ Tất-đàn mà khuyến phát.

Bên trên đã phân rõ lưu thông chia làm ba: từ mười chín hàng kệ về sau, ba phẩm rưỡi nêu đại lực của kinh để khuyến lưu thông. Từ phẩm Dực vương trở xuống năm phẩm, nêu đại lực hóa đạo của Bồ-tát để khuyến lưu thông. Một phẩm này nêu đại lực thệ nguyện của ngài Phổ Hiền để khuyến lưu thông. Phân văn làm bốn: 1. Phát lai. 2. Khuyến phát. 3. Thuật phát. 4. Phát ích.

Phần một: kinh gia trình bày Phát lai, chia làm ba: 1. Thượng cúng dường. 2. Hạ hóa độ. 3. Tu kính. “Tự tại” là Lý nhất, “thần thông” là Hạnh nhất, “oai đức” là Nhân nhất, “danh văn” là Giáo nhất. Lại, “tự tại” là Thường, “thần thông” là Lạc, “oai đức” là Ngã, “danh văn” là Tịnh. Ngôn thuyết như dây tức một mà bốn đức, không gì là không đầy đủ nghĩa tự tại. Tịnh lực cho nên “mưa hoa”. Lạc lực cho nên “tấu nhạc”, “thần thông” cho nên “động đất”, tự tại lực cho nên tùy ý mà mưa, tùy đi, tùy mưa, tùy động, tùy tấu, ví như con rồng lớn bay đi không ngừng, thân phun mây mưa tuôn chảy không cùng. Phổ Hiền và quyển thuộc, dùng thân Bồ-tát, dùng lực bốn đức đến khuyến phát tứ Nhất. “Các nơi đi ngang qua” trở xuống, là tự hành, là thượng cúng dường, việc đó như thế. Từ “Lại cùng vô số đại chúng trời rồng” trở xuống, là ngang qua các nơi, là hạ hóa chúng sinh lợi ích. Tùy nơi thích nghi mà hiện tướng Bát bộ, lược dùng hai lực, tùy khả năng gánh vác, việc đó như thế. Tu kính: đầu mặt lễ bái, như văn.

Khuyến phát có hai: 1. Thỉnh vấn khuyến phát. 2. Thệ nguyện khuyến phát. Có hỏi có đáp. Hỏi: xa nghe kinh xong luyến pháp không dứt, xa đến ý muốn khuyến phát vì vậy nên lại thỉnh chánh thuyết khuyến phát tự hành, lại thỉnh lưu thông khuyến phát hóa tha. Đức Như Lai nếu thuận theo hai đường, thì lại diễn thuyết phóng quang không cùng cực, cho nên song thỉnh. Phần Đức Phật đáp: Trước tổng, tiếp biệt, sau kết. Biệt nêu bốn pháp, tên gọi như văn. Vì Phổ Hiền song thỉnh, đức Như Lai khéo đáp, lược nêu bốn để bao quát nhiều, Vì sao? Vì lược bốn pháp bao quát Chánh thuyết và Lưu thông Vì sao? Vì Phật tuy đáp mà không thiên lệch! Nếu có thể xa lìa ác, theo thiện, bỏ mê trở về chánh, khai quyền tri kiến hiển Phật tri kiến thì xứng với Thánh tâm gọi là “được chư Phật hộ niệm”. Nếu tri kiến Phật được khai mở thì Bát-nhã chiếu sáng, là “trông các cội công đức”, cũng là “nhập chánh định tụ”, không loạn không vị không thủ không xả, cũng là “phát tâm cứu tất cả chúng sinh”. Phải biết bốn pháp này cùng với “khai quyền hiển thật”, danh khác mà thể đồng, không hai không khác. Lại “Phật hộ niệm”: là Khai tri kiến Phật. “Trông các cội công đức” là Thị tri kiến Phật. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là Ngộ tri kiến Phật, “Nhập chánh định tụ” là Nhập tri kiến Phật. Trọng yếu của Tích môn được thu trong bốn pháp này.

Lại nữa, Tích thì có Bản. Từ Bản mà khai thị ngộ nhập, cho nên có khai thị ngộ nhập trong Tích. Nay khai Tích tức hiển Bản, bản tích không hai không khác. Dùng bốn pháp đáp lời thỉnh Chánh thuyết, thì

nghĩa đã rõ ràng. Dùng bốn pháp đáp lời thỉnh Lưu thông, phương pháp lưu thông dù ba dù bốn. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là vào nhà Như Lai. “Nhập chánh định tụ, được Phật hộ niệm” là mặc áo Như Lai. “Trồng các cội công đức” là ngôi tòa Như Lai. Cốt yếu của hồng tuyên tức bốn mà ba. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là thệ nguyện An lạc hạnh. “Nhập chánh định tụ” là ý An lạc hạnh. “Trồng các cội công đức” là khẩu An lạc hạnh. “Được Phật hộ niệm” là thân An lạc hạnh. Phải biết bốn pháp sau tức là bốn pháp trước. Một lời đáp hai lời thỉnh kia nêu bốn cái Nhất của một kinh, diễn lại Pháp Hoa, lại một lần nữa diễn kinh này. Xa đến khuyến phát, nghĩa đó như thế. Sau kết: “Sau khi Như Lai diệt độ quyết đặng kinh này”. Xưa nói: “Năng hành bốn pháp thì trong đời vị lai, tay thường cầm kinh này” Nay nói không như vậy. Văn trên nói: “Nghĩa thật tướng của các pháp, đã vì các ông nói”, Lại nói: “Điều khiến cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”, bởi chánh thể Pháp Hoa năng hành bốn pháp ắt được hiểu biết như thế, gọi là kinh.

Đây là kết lời hỏi thỉnh Chánh thuyết kia. Nếu có thể vận dụng giải hạnh này truyền cho người khác. Người khác được tín giải này thành người nương tựa đầu tiên. Người có thể được hiểu chân thật, thành người nương tựa thứ ba, thứ tư. Đây là kết lời hỏi thỉnh Lưu thông. Ý này không thấy nói ở các kinh khác.

Thệ nguyện khuyến phát: từ “Bạch Phật” trở xuống. Văn chia làm hai: 1. Hộ người. 2. Hộ pháp.

Hộ người có sáu:

1. Dẹp trừ được nạn ngoài. Ban đầu tổng trừ nạn kia, cho nên nói “khiến không ai được tiện lợi rình tìm làm hại”. Tiếp là biệt trừ nạn kia: nêu mười hai loại phi pháp.

2. Dạy nội pháp cho họ, gồm ba phen dạy bảo: Một, người kia đi đứng đọc tụng, con cỡi voi trắng sáu ngà đến an ổn tâm kia. Hai, người kia ngồi tư duy, con lại cỡi voi trắng sáu ngà chỉ bày kinh kia cùng Tam-muội kia. “Triền Đà-la-ni” là Giả nhập Không, “Trăm ngàn vạn ức triền Đà-la-ni”, triền Không xuất Giả. “Phương tiện” nhị là đạo phương tiện để đắc nhập Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Sau ba tuần nhất tâm tinh tấn, lại cỡi voi trắng sáu ngà chỉ dạy làm an vui lợi ích; nói chú, như văn.

3. Lại dùng thần lực: hoặc nghe hoặc giữ gìn đều là thần lực, như văn.

4. Chỉ bày nhân thù thắng: Hoặc có khả năng như năm hạng pháp

sư, tức ở ba đời Phật gieo trồng căn lành thuần thực được giải thoát, người này đồng được giải thoát vào thời Phật đời vị lai, nên nói “đồng hạnh Phổ Hiền”. Người này đã gieo trồng căn lành ở thời Phật trước, cho nên nói “sâu trồng căn lành”. Người này hiện đời được thuần thực cho nên nói “được Phật lấy tay xoa đầu”.

5. Chỉ bày cận quả: chỉ có thể biên chép thì sẽ sinh ở cõi trời Đao-lợi. Đủ khả năng của năm loại pháp sư, thì sẽ sinh ở cung trời Đâu-suất, như văn.

6. Tổng kết: “Cho nên người trí phải một lòng tự chép”...

Từ “Thế Tôn! Con nay dùng sức thần lực” trở xuống, là thệ nguyện hộ pháp, như văn.

Thuật phát: Tức là Như Lai nêu lên nghĩa hơn, thuật thành ý kém. Tăng tiến hạnh: là mạnh mẽ hoằng kinh. Trước thuật hộ pháp, nói “Ông có thể như thế làm nhiều lợi ích” bên ngoài, bên trong thì “úch chứa từ bi”. Lại, từ nhiều kiếp đến nay hộ trì như đây, ta cũng dùng thần lực của Phật hộ trì pháp này, hưởng chi là ông! Như văn. Từ “Nếu có người khinh chê” trở xuống, là thuật Hộ người, tuy không thuật theo thứ lớp mà ý thành đầy đủ. “Phải biết người đó thời là thấy Đức Thích-ca Mâu-ni”, là thuật chỉ bày thân giáo pháp kia. Người đó còn thấy thân quả vạn đức của ta hưởng chi ông vì cõi voi trắng sáu ngà, lại còn từ miệng Phật nghe kinh đầy đủ, hưởng chi ông nhắc nhở khi họ quên mất chương câu. Người kia còn được Phật tán thán, lấy tay xoa đầu, được Phật hộ niệm, hưởng chi ông vì do nhân Đà-la-ni che chở.

Từ “Người ấy không còn tham đắm sự vui của thế gian” trở xuống, là thuật nêu nhân kia. Rộng nêu trong nhân không còn có các lỗi ác, ít ham muốn biết đủ, tu hạnh Phổ Hiền thuật thắng nhân. Từ “Sau khi Như Lai diệt độ” trở xuống, thuật nêu cận quả. Người kia sẽ đến đạo tràng cũng thành viên quả, hưởng chi cận quả! Cũng trong đời hiện tại đắc cận quả kia được sinh cõi trời. Từ “Nếu có người khinh chê” trở xuống, là thuật năng trừ ngoại nạn. Đức Phật rộng chỉ tội hủy báng, khiến cho biết lỗi ắt sửa đổi không làm não loạn nhau, chẳng những người trì kinh diệt được nạn mà còn muốn tội hủy phước sinh. Không hủy không nạn, kia đây an lạc cứu giúp rộng rãi, là từ bi không thiên lệch. Từ “Nên đứng dậy xa rước phải như kính Phật” là thuật kết công đức của người tin.

Từ “Lúc Phật thuyết” trở xuống là Phát ích, có hai:

1. Nghe phẩm được lợi ích: “Triền Đà-la-ni” là vị sơ địa, “đầy đủ đạo Phổ Hiền” là vị Thập địa.

2. Nghe kinh được lợi ích: là đại chúng hoan hỷ như trước nói. Trong đây vì sao còn gọi là Thanh văn? Chính kinh gia còn giữ bản vị kia. Lại nữa, kinh gia gọi kia là Đại thừa Thanh văn. “Dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe”, nghĩa này càng rõ.

